



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

7
(1970 - 1972)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

7
(1970 - 1972)

Mã số: $\frac{3K1(V115)}{CTQG-2015}$

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

7
(1970 - 1972)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng
DOÃN VĂN HƯỜNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng
PHẠM VĂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
CAO ĐỨC HẢI	
TẠ ĐÌNH BẢNG	
NGUYỄN VĂN HÒA	
NGUYỄN THANH DƯƠNG	
ĐẶNG PHI VÂN	
MAI ĐÌNH ĐỊNH	
LÝ SEO DÌN	
ĐINH TIẾN QUÂN	
NGUYỄN HỮU THỂ	
HẦU A LÊNH	
HÀ THỊ NGÀ	

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy
SÙNG CHÚNG	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
DOÃN VĂN HƯỜNG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

CAO ĐỨC HẢI	Trưởng ban
ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó Trưởng ban (hiệu đính)
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỎ	Thành viên
VŨ HÙNG DŨNG	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
NGUYỄN VĂN NHÂN	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên (hiệu đính)

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai gắn với quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng quê hương. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cuốn sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 7 (1970 - 1972)*** tập hợp các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1970 đến năm 1972 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Do cuốn sách bao gồm các văn bản được in rônêô, đánh máy hoặc viết tay nên trong trường hợp chữ mờ, chữ không có dấu, chúng tôi giữ nguyên như bản gốc. Ngoài ra, trong sách còn có một số danh từ, tên gọi, địa danh, tên riêng... chúng tôi chưa có điều kiện thẩm định. Vì vậy, mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập, nhưng chắc rằng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

Tháng 7 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 7 (1970-1972) phản ánh hoạt động của Đảng bộ tỉnh Lào Cai từ tháng 3-1970 đến tháng 11-1972 gắn với nhiều sự kiện chính trị trọng đại diễn ra trên đất nước và địa phương.

Từ năm 1969 đến năm 1972, đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm “đưa miền Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá”. Ở miền Nam, Mỹ từng bước rút quân Mỹ và quân chư hầu, tăng cường lực lượng ngụy quân, ngụy quyền để cho đội quân này “tự gánh vác chiến tranh” ở Việt Nam.

Trong điều kiện vừa tiến hành chiến đấu bảo vệ hậu phương, vừa tăng gia sản xuất, tích cực chi viện cho miền Nam, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã kịp thời đề ra chủ trương lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 7 (1970-1972) giữ vị trí quan trọng phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong những năm 1970-1972. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai biến đau thương thành hành động cách mạng. Thực hiện *Di chúc* của Người, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Lào Cai ra sức thi đua trên các lĩnh vực, đẩy mạnh sản xuất và hăng hái chiến đấu, phấn đấu hoàn thành mục tiêu cách mạng của cả

nước là bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 7 (1970-1972) gồm 50 tài liệu, tập hợp các nghị quyết, chỉ thị, thông tri, báo cáo... do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ tháng 3-1970 đến tháng 11-1972.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo văn kiện và Hội đồng xuất bản đã hết sức cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2015
HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

THÔNG TRI CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 266-TT/TU, ngày 2-3-1970

Về triệu tập Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V

Thi hành Điều lệ Đảng và được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, sau một thời gian khẩn trương tiến hành chuẩn bị Đại hội, đến nay mọi mặt căn bản đã hoàn thành. Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ quyết định triệu tập Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V. Đại hội sẽ làm việc khoảng 12 ngày, tại Hội trường Ủy ban hành chính tỉnh (khu vực cơ quan Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh cũ tại thị xã Lào Cai).

Các đại biểu của các đảng bộ có mặt tại Đại hội vào chiều ngày 14-3-1970 và đi tập trung theo đoàn. Đại biểu về dự Đại hội đều ăn và ngủ tại khu vực Đại hội, vì vậy cần mang theo đầy đủ chăn, màn và các đồ dùng sinh hoạt khác (các đại biểu, nhất là đại biểu ở cơ sở xã, nếu không có đủ chăn, màn, huyện, thị ủy cần có biện pháp giải quyết cho đầy đủ). Các đại biểu có lương cần mang theo phiếu gạo và tiền ăn mỗi ngày 0đ60.

Trước khi về dự Đại hội, các đại biểu bàn giao và giải quyết tốt mọi công việc ở đơn vị và địa phương mình để tập trung tư tưởng và trí tuệ vào Đại hội, đồng thời các cấp, các ngành cần có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành

tích chào mừng Đại hội một cách rầm rộ, sôi nổi và mạnh mẽ hơn nữa.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

ĐẠI HỘI TRÙ BỊ

Số 1-ĐH

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Qua một thời gian đảng bộ các cấp tiến hành mở đại hội để thảo luận Báo cáo chính trị, cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V, phát hiện để Đại hội xem xét, bầu vào Ban Tỉnh ủy mới, và chuẩn bị các mặt công tác khác của Đại hội, đến nay mọi việc căn bản đã hoàn thành.

Phong trào và khí thế của quần chúng hướng về Đại hội đang diễn ra khá sôi nổi. Trên các mặt sản xuất, công tác đã có nhiều tiến bộ mới.

Được sự đồng ý của Trung ương Đảng và thi hành Điều lệ Đảng, Đảng bộ chúng ta tiến hành mở Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V.

Để đảm bảo nguyên tắc các quy định của Trung ương cũng như để bước vào thực hiện một cách thắng lợi Đại hội đại biểu kỳ này, Đại hội trụ bị của chúng ta sẽ tiến hành một số công tác sau đây:

1. Ổn định về mặt tổ chức,
2. Bầu cử Chủ tịch đoàn,
3. Thông qua danh sách thư ký đoàn và Ban thẩm tra tư cách đại biểu,
4. Thông qua chương trình làm việc và nội quy Đại hội,
5. Ban tổ chức của Đại hội báo cáo một số vấn đề về công tác tổ chức và đời sống Đại hội.

Về phân tổ chức:

Đến giờ phút này, đã có 27 Đoàn đại biểu của các đảng bộ về dự Đại hội với 181 đại biểu chính thức và 15 đại biểu dự khuyết. Như vậy, số lượng Đoàn đại biểu được cử đại biểu về dự Đại hội thì đầy đủ, nhưng số lượng đại biểu được triệu tập về dự Đại hội thì đang thiếu 11 đồng chí đại biểu chính thức và 3 đại biểu dự khuyết.

Để tiện việc thảo luận và sinh hoạt. Căn cứ vào tính chất và số lượng đại biểu của các Đoàn, chúng tôi dự kiến Đại hội đại biểu sẽ chia thành 11 tổ:

Tổ 1: Đoàn đại biểu huyện Bảo Thắng và Đoàn đại biểu Đảng bộ Nông trường Giao Ngay, do đồng chí Sầu làm Tổ trưởng.

Tổ 2: Đoàn đại biểu huyện Sa Pa và đại biểu Đảng bộ Nông trường bò sữa, do đồng chí Hoan làm Tổ trưởng.

Tổ 3: Đoàn đại biểu huyện Bắc Hà và Đoàn đại biểu huyện Si Ma Cai, do đồng chí Đài làm Tổ trưởng.

Tổ 4: Đoàn đại biểu huyện Bát Xát, do đồng chí Thủy làm Tổ trưởng.

Tổ 5: Đoàn đại biểu huyện Mường Khương, do đồng chí Cầu làm Tổ trưởng.

Tổ 6: Đoàn đại biểu thị xã Lào Cai, Đoàn đại biểu thị xã Cam Đường và Đoàn đại biểu Đảng bộ Thương nghiệp, do đồng chí Mạnh Hùng làm Tổ trưởng.

Tổ 7: Các Đoàn đại biểu thuộc khối công nghiệp địa phương (gồm có: Giao thông, Kiến trúc, Lâm nghiệp, Bưu điện, Cơ khí Phú Lợi, Sành sứ, Đội thanh niên xung phong) do đồng chí Văn Sơn làm Tổ trưởng.

Tổ 8: Các đoàn đại biểu thuộc khối công nghiệp trung ương (Mỏ apatít, Nhà máy Điện, Đoàn Địa chất 5, Đoàn Địa chất 24), do đồng chí Luật làm Tổ trưởng.

Tổ 9: Các đoàn đại biểu thuộc khối nội chính (Công an vũ trang, Tỉnh đội, Công an nhân dân) do đồng chí Tất làm Tổ trưởng.

Tổ 10 và 11: Đoàn đại biểu Dân Chính Đảng và Đoàn đại biểu Đảng bộ Giáo dục, do đồng chí Xuân Nam và đồng chí Hòa thuộc Đảng bộ Dân Chính Đảng làm Tổ trưởng.

Mỗi tổ sẽ cử thêm 2 tổ phó, một đồng chí phụ trách công tác sinh hoạt và thay đồng chí tổ trưởng khi vắng mặt, một đồng chí phụ trách công tác đời sống của tổ. Ngoài ra, mỗi tổ cử thêm một đồng chí thư ký của tổ để ghi chép các ý kiến trao đổi thảo luận của tổ.

Đại hội kỳ này, ngoài các đại biểu chính thức và dự khuyết được triệu tập về dự Đại hội, Ban Tỉnh ủy chúng tôi có mời Ban Bí thư Trung ương Đảng; đại biểu các ban, các Đảng đoàn các bộ và tổng cục; các đảng bộ tỉnh bạn, các cơ quan báo Đảng và Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam đến tham dự Đại hội. Đồng thời theo Thông tri số 121-TT/TW của Trung ương: “Ngoài các đại biểu chính thức ra, cấp ủy đứng ra triệu tập Đại hội có quyền triệu tập một số cán bộ, đảng viên làm đại biểu dự thính Đại hội và có thể mời một số đại biểu gia đình có công với cách mạng, một số anh hùng, chiến sĩ thi đua... tới tham dự Đại hội trong những buổi cần thiết...”.

Căn cứ vào tình hình chung và đội ngũ cán bộ, đảng viên ta cũng như yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ ta trong thời gian tới, Ban Tỉnh ủy chúng tôi có triệu tập..... đảng viên là cán bộ lãnh đạo và nghiên cứu thuộc các ban, các ngành ở tỉnh đến dự Đại hội để tiếp thu, quán triệt chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ của Đại hội. Các đại biểu dự thính chỉ tham dự nghe các phần thuộc về tình hình, phương hướng, nhiệm vụ và phiên bế mạc Đại hội. Đồng thời, Ban Tỉnh ủy có mời một số đại biểu các gia đình có công với cách mạng đến dự khai mạc và bế mạc Đại hội. Chúng tôi xin thông báo để Đại hội biết.

Trên đây là một số vấn đề về công tác tổ chức.

Bây giờ chúng tôi báo cáo về vấn đề bầu cử Chủ tịch đoàn.

**BẦU CỬ CHỦ TỊCH ĐOÀN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TỈNH ĐẢNG BỘ LẦN THỨ V**
Đại hội trừ bị số 2-ĐH

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Trong Đại hội trừ bị của Đại hội hôm nay, chúng ta sẽ tiến hành việc dân chủ bầu Chủ tịch đoàn. Đây là một số vấn đề quan trọng trong nội dung của Đại hội trừ bị. Đó cũng chính là để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng ta.

Căn cứ vào Điều 10 và Điều 13 của Điều lệ Đảng quy định: “Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của địa phương là Đại hội đại biểu của địa phương. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của tổ chức cơ sở là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở”.

Từ vị trí Đại hội Đảng của các cấp như trên, Chủ tịch đoàn Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V do Đại hội bầu ra có một vai trò và trách nhiệm rất lớn trước Đại hội. Vì vậy, Chủ tịch đoàn phải là những đại biểu chính thức, thực sự có năng lực hoạt động, được Đại hội tín nhiệm bầu ra và có nhiệm vụ căn cứ vào mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của Đại hội đã đề ra và theo đúng những nguyên tắc, thủ tục, chương trình làm việc và các quyết định khác của Đại hội, để hướng dẫn Đại hội tiến hành đạt kết quả tốt.

Trách nhiệm của Chủ tịch đoàn là:

1. Chuẩn bị và báo cáo để Đại hội thông qua chương trình, thời gian làm việc của Đại hội và điều khiển chương trình làm việc ấy.

2. Báo cáo danh sách Ban thẩm tra tư cách đại biểu, danh sách thư ký đoàn để Đại hội thông qua.

3. Nêu vấn đề để Đại hội thảo luận và quyết định theo nội dung, yêu cầu mà Đại hội đã đề ra.

4. Lãnh đạo việc bầu cử cấp ủy và đại biểu đi dự Đại hội cấp trên (nếu có) theo đúng nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong Đảng. Chủ tịch đoàn làm việc tập thể kết hợp với phân công phụ trách.

Việc tuyển cử Chủ tịch đoàn chúng ta sẽ tiến hành trực tiếp và bằng phiếu kín.

Để việc bầu cử Chủ tịch đoàn được tốt, Ban Tỉnh ủy cũ đã gửi dự kiến danh sách các đồng chí tham gia Chủ tịch đoàn tới các Đoàn đại biểu của các đảng bộ để nghiên cứu trước.

Căn cứ vào tính chất quan trọng và trách nhiệm của Chủ tịch Đoàn Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V, Ban Tỉnh ủy chúng tôi đề nghị về số lượng Chủ tịch đoàn là 11 đồng chí. Đại hội cho ý kiến và biểu quyết (bằng giơ tay).

Sau đây là danh sách dự kiến của Ban Tỉnh ủy về Đoàn chủ tịch Đại hội để Đại hội xem xét.

1. Đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy: 180

2. Đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Đảng đoàn chính quyền, phụ trách khối công nghiệp và công tác kế hoạch: 177

3. Đồng chí Vi Khánh Vinh, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách công tác xây dựng Đảng: 174

4. Đồng chí Dương Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ, phụ trách khối nông, lâm nghiệp: 180

5. Đồng chí Lê Bá Hội, Ủy viên Thường vụ, phụ trách khối tài chính - thương nghiệp: 175

6. Đồng chí Nông Công Thương, Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Kiểm tra và phụ trách khối các đoàn thể quần chúng: 179

7. Đồng chí Cư Hòa Vân, Tỉnh ủy viên, phụ trách khối văn giáo chính quyền: 172

8. Đồng chí Lương Quyết Định, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, Phó Chính ủy Tỉnh Đội, phụ trách khối nội chính chính quyền: 178

9. Đồng chí Hoàng Thị Triệu, Tỉnh ủy viên, phụ trách Tỉnh Hội phụ nữ: 174

10. Đồng chí Cháng Seo Tả, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch huyện Bát Xát: 172

11. Đồng chí Hoàng Chá Quang, Bí thư Huyện ủy Mường Khương (huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh): 172

Qua danh sách Đoàn chủ tịch của Ban Tỉnh ủy, chúng tôi để cử để Đại hội xem xét, quyết định. Chúng tôi thấy rằng, nó đã thể hiện được yêu cầu về tiêu chuẩn và cơ cấu đối với Chủ tịch đoàn của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ kỳ này. Các đồng chí trong Chủ tịch đoàn là những đồng chí đang giữ những cương vị lãnh đạo chủ chốt ở tỉnh, huyện; đã từng am hiểu tình hình và phong trào các mặt của địa phương; đồng thời hầu hết đều là những đồng chí trong thời gian qua đã có trách nhiệm đối với việc chuẩn bị các phần về nội dung và tổ chức của Đại hội.

Nhìn về cơ cấu của Chủ tịch đoàn thì nó cũng đã thể hiện tương đối đầy đủ thành phần: trong cấp ủy tỉnh cũ, ngoài cấp ủy; cấp ủy viên trực tiếp phụ trách huyện; các mặt công, nông, lâm nghiệp, văn hóa - xã hội, xây dựng Đảng, trị an quốc phòng; nam, nữ; các đồng chí đảng viên có nhiều tuổi Đảng, cán bộ trẻ, cán bộ người Kinh và dân tộc nơi khác đến đã công tác lâu năm ở Lào Cai; cán bộ dân tộc địa phương đại diện cho các dân tộc vùng cao, vùng thấp và huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, v.v..

Đề nghị Đại hội ứng cử và đề cử Chủ tịch đoàn (nếu Đại hội nhất trí hoặc cử thêm thì tiếp tục sang bầu Ban kiểm phiếu).

Thưa Đại hội,

Việc ứng cử và đề cử đã xong, đề nghị Đại hội bầu Ban kiểm phiếu bầu Chủ tịch đoàn. Chúng tôi đề nghị số lượng Ban kiểm phiếu là 12 đồng chí. Đại hội cho ý kiến và biểu quyết (bằng giờ tay).

Sau đây là dự kiến danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử Chủ tịch đoàn:

1. Đồng chí Nguyễn Trí Nghị
2. Đồng chí Nguyễn Duyên
3. Đồng chí Nguyễn Quang Cường
4. Đồng chí Đặng Khuê
5. Đồng chí Phạm Hồng Phúc
6. Đồng chí Nguyễn Hòa
7. Đồng chí Nguyễn Tuấn
8. Đồng chí Dương Hoan
9. Đồng chí Dương Văn Hà
10. Đồng chí Nguyễn Trọng Luật
11. Đồng chí Ngô Trịnh
12. Đồng chí Dương Bằng

Đại hội cho ý kiến và biểu quyết (bằng giờ tay).

Đề nghị Đại hội nghỉ 20 phút để các đại biểu suy nghĩ trao đổi, xem xét, lựa chọn Chủ tịch đoàn. Sau đó chúng ta tiếp tục trở lại hội trường để Ban kiểm phiếu phát phiếu bầu cử.

Trong phiếu bầu cử đã có ghi đầy đủ danh sách các đồng chí ứng cử và đề cử tham gia Chủ tịch đoàn theo thứ tự vần A - B - C. Các đại biểu căn cứ vào số lượng Chủ tịch đoàn mà Đại hội đã quyết định để lựa chọn đủ với số lượng đó.

Đề nghị Đại hội tạm nghỉ.

(Đại hội vào tiếp tục làm việc, Ban kiểm phiếu phát phiếu và các đại biểu tiến hành bầu cử).

(Bầu Đoàn chủ tịch xong thì Đoàn chủ tịch báo cáo dự kiến danh sách Ban thẩm tra tư cách đại biểu và Thư ký đoàn).

**Ý KIẾN PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN
SAU KHI ĐƯỢC ĐẠI HỘI BẦU VÀ GIỚI THIỆU
VỚI ĐẠI HỘI DANH SÁCH THƯ KÝ ĐOÀN VÀ
BAN THẨM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU**

Đại hội trù bị số 3-ĐH

Được Đại hội tín nhiệm bầu chúng tôi vào Chủ tịch đoàn Đại hội. Đây là một vinh dự và là một trách nhiệm nặng nề mà Đại hội đã trao cho. Chúng tôi xin hứa với Đại hội sẽ cố gắng hết sức mình để làm tròn trách nhiệm và xứng đáng với lòng tin cậy của Đại hội đối với chúng tôi.

Căn cứ theo nhiệm vụ của Chủ tịch đoàn được ghi trong Thông tri số 8-TT/TC của Ban tổ chức Trung ương, Chủ tịch đoàn chúng tôi dự kiến số lượng và danh sách Ban thẩm tra tư cách đại biểu và Thư ký đoàn để Đại hội cho ý kiến và biểu quyết (bằng giờ tay).

Xuất phát từ nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách đại biểu là:

- Căn cứ vào các quy định về tiêu chuẩn đại biểu, những nguyên tắc, thủ tục và ứng cử, đề cử, bầu cử đại biểu ở trong Đảng, để xem xét tư cách đại biểu.

- Nghiên cứu, xem xét các đơn và lời khiếu tố về tư cách đại biểu với Đại hội.

- Báo cáo và trình trước Đại hội về tình hình tổ chức của đại biểu Đại hội (số lượng, thành phần, nam, nữ, tiêu chuẩn, chấp hành nguyên tắc, thủ tục bầu cử đại biểu ở Đại hội cấp dưới...) và những trường hợp xét ra không đủ tư cách để Đại hội thảo luận và quyết định.

Vì vậy, chúng tôi đề nghị:

1. Đồng chí Vi Khánh Vinh,
2. Đồng chí Nông Công Thương,
3. Đồng chí Nguyễn Hòa, Phó Bí thư Đảng ủy,
4. Đồng chí Nguyễn Hữu Đài,
5. Đồng chí Nguyễn Trọng Luật,

Đề nghị Đại hội cho ý kiến.

(Sau khi Đại hội thông qua Ban thẩm tra tư cách đại biểu sẽ làm sang phần Thư ký đoàn).

Về Thư ký đoàn Đại hội, chúng tôi xin đề nghị số lượng là 5 đồng chí. Gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Trí Nghị,
2. Đồng chí Nguyễn Duyên,
3. Đồng chí Phạm Hồng Phúc,
4. Đồng chí Trần Đức Minh,
5. Đồng chí Đặng Khuê,

Đề nghị Đại hội cho ý kiến và biểu quyết (bằng giờ tay).

(Sau khi Đại hội thông qua Thư ký đoàn sẽ chuyển sang báo cáo Chương trình làm việc của Đại hội).

(Có bản chương trình làm việc riêng và nội quy riêng “đánh dấu số 4 và 5”).

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC

của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V

Ngày 31-3-1970: Đại hội trù bị Đại hội:

- Ổn định tổ chức,
 - Bầu Đoàn Chủ tịch và Đoàn Thư ký Đại hội,
 - Bầu Ban Thẩm tra tư cách đại biểu,
 - Thông qua chương trình làm việc của Đại hội và nội quy Đại hội.
- Tối: Tỉnh ủy gặp mặt các Đoàn khách mời đến dự Đại hội.

Ngày 1-4-1970: Khai mạc Đại hội:

- Ban Thẩm tra tư cách đại biểu báo cáo,
 - Đọc Diễn văn khai mạc Đại hội (tiếp đó đoàn Thiếu nhi vào tặng hoa Đại hội),
 - Đọc Báo cáo chính trị.
- Tối: Biểu diễn văn nghệ.

Ngày 2-4-1970: Báo cáo bổ sung:

- Báo cáo về Kế hoạch nhà nước năm 1970 - 1972,
- Báo cáo về vấn đề định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa và phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông - lâm nghiệp,
- Báo cáo về công tác trị an - quốc phòng,
- Báo cáo về công tác xây dựng Đảng,

- Khai mạc triển lãm Đại hội (15 giờ),
(Mời cơm thân mật với các Đoàn khách mời - chiếu bóng).

Ngày 3-4-1970:

- Đoàn đại biểu quân, dân, chính, Đảng đến chào mừng Đại hội,
- Đồng chí đại diện cho Trung ương Đảng nói chuyện với Đại hội,
- Các tỉnh bạn phát biểu ý kiến,
Tối: Biểu diễn văn nghệ.

Ngày 4-4-1970: Thảo luận tổ báo cáo chính trị và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Ngày 5-4-1970: Thảo luận hội trường
Tối xem chiếu bóng.

Ngày 6-4-1970:

- Sáng: Thảo luận tại Hội trường.
- Chiều: Đại hội biểu quyết các vấn đề đã được thảo luận.

Ngày 7-4-1970: Phần tiến hành bầu cử Ban Chấp hành mới:

- Báo cáo kế hoạch, nguyên tắc thủ tục, tiêu chuẩn, cơ cấu, phương pháp tiến hành bầu cử.
- Thảo luận tổ.
- Tối: Văn nghệ

Ngày 8-4-1970:

- Đại hội quyết nghị số lượng của Ban Tỉnh ủy mới,
- Cá nhân nghiên cứu kết hợp trao đổi tổ tìm hiểu những người xem xét bầu vào Ban Chấp hành mới.

Ngày 9-4-1970:

- Ứng cử và đề cử người vào Ban Chấp hành mới,
- Bầu Ban kiểm phiếu,

- Cá nhân nghiên cứu kết hợp trao đổi tổ chuẩn bị bước vào bầu cử.

Ngày 10-4-1970: Tiến hành bầu cử.

Ngày 11-4-1970:

- Thông qua Nghị quyết của Đại hội,
- Thông qua Quyết tâm thư gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Thông qua Lời kêu gọi của Đại hội gửi cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh,
- Thông qua Thư gửi tỉnh Thủ Dầu Một kết nghĩa,
- Ban Chấp hành mới ra mắt Đại hội,
- Diễn văn bế mạc Đại hội.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TỈNH ĐẢNG BỘ LẦN THỨ V

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

NỘI QUY

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI

LẦN THỨ V

1. Các đại biểu khi tới Đại hội phải theo đúng quy định hướng dẫn của Ban tổ chức về địa điểm ăn, ở, nơi thảo luận và nơi ngồi họp, không tự động thay đổi hoặc di chuyển.

Trong khu vực Đại hội, các đại biểu phải thường xuyên đeo phù hiệu đại biểu phía vai bên trái, để tiện cho việc phục vụ và kiểm soát.

2. Khi ra ngoài khu vực Đại hội phải báo cho trưởng đoàn của mình biết và không được mang theo những tài liệu Đại hội và sổ ghi chép của đại biểu ở Đại hội. Ra vào khu vực Đại hội phải xuất trình giấy ra vào và phù hiệu đại biểu. Nếu mất phù hiệu, giấy ra vào, bì số đại biểu phải báo ngay cho Ban Tổ chức.

Khi ra ngoài khu vực Đại hội không trao đổi, bàn bạc những vấn đề thuộc về nội dung Đại hội.

Các đại biểu đều phải ăn, ngủ tại khu vực Đại hội và không được đi chơi ngoài khu vực Đại hội quá 10 giờ 30 đêm. Nếu vì lý do cần thiết phải ngủ lại đêm hoặc đi quá 11 giờ đêm thì phải báo cáo với Ban Tổ chức Đại hội.

3. Khi báo động có lệnh của Đoàn Chủ tịch, hoặc của Ban Tổ chức, các đại biểu bình tĩnh nhanh chóng ra ẩn nấp ở những khu vực đã quy định.

4. Phải giữ gìn và bảo đảm trật tự vệ sinh chung, thực hiện tốt nếp sống văn minh. Đề cao tinh thần bảo vệ của công. Không được

tùy tiện lấy mang đi nơi khác hoặc thay đổi vị trí các đồ trang, thiết bị ở hội trường, buồng ngủ, các nơi công cộng...

Đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kịp thời theo dõi phát hiện người lạ mặt, hoặc những hành vi bất minh cho Ban tổ chức biết.

Khi ốm đau cần báo ngay cho bộ phận y tế Đại hội để kịp thời phục vụ.

- Các đại biểu về dự Đại hội có mang theo vũ khí xin gửi lại Ban Tổ chức Đại hội (Bộ phận bảo vệ).

5. Bảo đảm và gương mẫu thực hiện đúng thời gian làm việc, sinh hoạt hằng ngày; các quy định nhà ăn, nhà ngủ, nhà vệ sinh, căng tin và các nơi sinh hoạt tập thể.

- Khi các đại biểu có người nhà, bạn bè, cán bộ đến thăm hoặc liên hệ công tác không được mang vào khu vực Đại hội mà sẽ tiếp tại phòng khách của Đại hội.

6. Ngoài đồng chí Tổ trưởng, mỗi tổ cần cử 1 đồng chí Tổ phó phụ trách đời sống để thường xuyên liên hệ với các bộ phận phục vụ của Đại hội giải quyết kịp thời những nhu cầu về đời sống cho tổ.

- Đối với các đại biểu có lương phải nộp phiếu gạo và tiền ăn mỗi ngày 0đ60 cho Ban tổ chức Đại hội.

CHƯƠNG TRÌNH BUỔI KHAI MẠC ĐẠI HỘI

(Ngày 26-3-1970)

Ban Thẩm tra tư cách đại biểu báo cáo Đại hội chính thức khai mạc

1. Chào cờ - Quốc tế ca,
2. Giới thiệu đại biểu,
3. Đồng chí Trường Minh đọc diễn văn khai mạc (trong quá trình đọc diễn văn có tổ chức mặc niệm để tưởng nhớ Hồ Chủ tịch - Cử chiêu hồn tử sĩ - Ca ngợi Hồ Chủ tịch),
4. Đoàn Thiếu nhi đến tặng hoa Đại hội và chào mừng Đại hội,
5. Đại hội nghỉ giải lao 15 phút,
6. Đồng chí Trường Minh thay mặt Ban Chấp hành Tỉnh ủy¹ đọc Báo cáo chính trị.

1. Túc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh - *BT*.

KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH BẦU CỬ TỈNH ỦY

**(Dùng để hướng dẫn các tổ thảo luận và chỉ đạo
việc tiến hành bầu cử Tỉnh ủy)**

Đại hội tiến hành bầu cử Ban Tỉnh ủy kỳ này, chúng ta phải quán triệt đầy đủ quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, cụ thể là phải phát huy và mở rộng dân chủ triệt để trong Đảng, đi đôi với lãnh đạo tập trung. Tư tưởng chỉ đạo đó phải được quán triệt trong quá trình tiến hành các khâu: thảo luận nhất trí về yêu cầu cấu tạo, nắm vững tiêu chuẩn, đức tài; việc nhận xét, đánh giá, lựa chọn cán bộ; việc ứng cử, đề cử và bầu cử. Tất cả các việc đó đều phải tiến hành một cách công phu và có chuẩn bị chu đáo. Do đó, Đại hội chúng ta phải tập trung cao độ, dốc toàn tâm, toàn ý để làm thật tốt việc tuyển cử kỳ này, đảm bảo yêu cầu đoàn kết nhất trí cao trong Đại hội và cũng là biểu thị sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng bộ tỉnh ta.

Kế hoạch bầu cử chia làm ba phần như sau:

I. QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO VỀ YÊU CẦU CẤU TẠO VÀ TIÊU CHUẨN TỈNH ỦY VIÊN (một ngày rưỡi)

1. Đại diện Chủ tịch đoàn báo cáo về mục đích, yêu cầu cấu tạo, tiêu chuẩn Tỉnh ủy viên và trách nhiệm của mỗi đại biểu trong Đại hội

2. Các tổ thảo luận những vấn đề lớn trong bài phát biểu của đại diện Chủ tịch đoàn phát biểu. Đi sâu vào các vấn đề sau đây:

- Thấy rõ ý nghĩa quan trọng và tinh thần dân chủ triệt để trong việc tuyển cử Ban Tỉnh ủy lần này.

- Nhận rõ yêu cầu, năng lực, phương hướng cấu tạo và tiêu chuẩn của tập thể Ban Tỉnh ủy, của từng tỉnh ủy viên và số lượng cần thiết, chú ý các điểm:

+ Năng lực lãnh đạo của tập thể Ban Tỉnh ủy phải thế nào?

+ Phương hướng cấu tạo của Ban Tỉnh ủy mới cần tập trung vào những ngành, những lĩnh vực nào để đảm bảo thực hiện được tốt nhiệm vụ chính trị Đại hội đã đề ra.

+ Yêu cầu tiêu chuẩn *đức tài* của một tỉnh ủy viên trong tình hình nhiệm vụ cách mạng của tỉnh ta hiện nay phải như thế nào?

Đức: Phải có điều kiện cơ bản gì?

Tài: Phải có năng lực chủ yếu gì?

Tác phong: Một cấp ủy viên hiện nay, yêu cầu cần phải có phương thức lãnh đạo, chỉ đạo cơ bản gì để đảm bảo việc tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được tập thể phân công:

- Vận dụng mối quan hệ trên ba mặt: Tiêu chuẩn là *chủ yếu*, cơ cấu là cần thiết và phải quán triệt đường lối, chính sách cán bộ của Đảng như thế nào cho đúng đắn (đường lối giai cấp, chính sách cán bộ cũ, già yếu, cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ở Lào Cai, cán bộ dân tộc ở nơi khác và cán bộ Kinh đến hoạt động ở Lào Cai).

- Trao đổi về số lượng cần thiết của Ban Tỉnh ủy kỳ này.

3. Về phạm vi quyền hạn trách nhiệm của đại biểu Đại hội làm thế nào cho đúng tư cách là một đảng viên đại diện cho đảng bộ mình trong việc tuyển cử Ban Tỉnh ủy kỳ này

- Thế nào là phải thật công tâm?

- Nói chống tư tưởng cá nhân thiên lệch thì trước hết cần phải khắc phục vấn đề gì?

- Giữa tình cảm và lý trí cách mạng sử dụng thế nào cho đúng trong việc tuyển cử?

- Sự quan hệ giữa dân chủ triệt để đi đôi với lãnh đạo chặt chẽ có gì mâu thuẫn, có hạn chế dân chủ không?

4. Sau khi các tổ thảo luận, Chủ tịch đoàn tập hợp tình hình sơ kết chung ở hội trường và lấy biểu quyết về số lượng chính thức, dự khuyết

II. NHỮNG CÔNG VIỆC TRÙ BỊ TRƯỚC KHI ĐI VÀO BẦU CỬ (thời gian hai ngày)

Trình tự làm các việc sau đây:

1. Đại diện Chủ tịch đoàn báo cáo về kế hoạch tiến hành bầu cử (tức là bản kế hoạch này)

2. Phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử để đại biểu Đại hội hình dung trước được vấn đề

3. Cá nhân đại biểu Đại hội làm công tác nhân sự, tự do tìm hiểu cán bộ mà mình lựa chọn, tự do dân chủ và trao đổi dự kiến của mình với đồng chí khác trong đoàn hay trong tổ. Khi chuẩn bị dự kiến đề cử đồng chí nào thì chuẩn bị nói rõ ý định của mình bầu đồng chí đó và nên phân công phụ trách việc gì thì tốt, (ngành, ban nào, phụ trách khối nào...). Cách làm như vậy cốt là để đảm bảo việc tìm hiểu đánh giá cán bộ được thực sự công minh, khách quan vô tư, trên cơ sở nhận thức hiểu biết của mỗi đại biểu cộng với sự hiểu biết sáng suốt của tập thể trong đoàn hay trong tổ (các tài liệu giúp cho đại biểu tìm hiểu cán bộ do Chủ tịch đoàn chuẩn bị hướng dẫn).

Cụ thể như sau:

- Các đại biểu xem bản danh sách những đồng chí được các đảng bộ dưới phát hiện gửi lên (gửi mỗi đại biểu một bản xếp theo vần A, B, C). Khi xem nên xem đi xem lại hai, ba lần (vì danh sách

có nhiều tên) rồi sẽ chọn lấy đủ số lượng mình dự kiến giới thiệu. Ngoài những đồng chí trong danh sách đó, nếu đại biểu nào cần giới thiệu thêm ai nữa thì báo cáo Chủ tịch đoàn chuẩn bị lý lịch của đồng chí đó để Đại hội nghiên cứu. Trường hợp có điểm gì chưa rõ thì gặp Chủ tịch đoàn để tìm hiểu cho rõ. Sau khi xem lý lịch rồi mình không đồng ý dự kiến giới thiệu nữa thì chuẩn bị lựa chọn đồng chí khác. (Chủ tịch đoàn giao các bản tóm tắt lý lịch cho đồng chí tổ trưởng quản lý).

- Sau khi cá nhân đại biểu chuẩn bị xong, tập trung trao đổi ý kiến qua mỗi đại biểu ở đoàn hay ở tổ tham góp thêm ý kiến cho mình, để bổ xung nhận xét đánh giá cán bộ cho được đầy đủ. Việc trao đổi mạn đàm, bổ sung ý kiến cho nhau là cần thiết, nhưng còn việc có tín nhiệm bầu hay không bầu là do quyền lựa chọn của mỗi đại biểu. Khi trao đổi mạn đàm phê bình nhận xét cán bộ ở tổ phải có biên bản ghi chép đầy đủ.

Sau khi các đoàn, các tổ đã tiến hành việc tìm hiểu nhân sự, việc trao đổi mạn đàm danh sách dự kiến giới thiệu của các đại biểu, Chủ tịch đoàn nghe phản ánh thấy các tổ, các đoàn đã tương đối nhất trí về quan điểm tư tưởng về con người cụ thể thì chuyển sang phần tiến hành tuyển cử chính thức.

III. BẦU CỬ

Làm trình tự từng việc như sau:

1. Chủ tịch đoàn phổ biến nguyên tắc, thủ tục bầu cử của Đảng (có bản riêng)

2. Các đại biểu tự do ứng cử và đề cử ở hội trường, Thư ký đoàn sẽ sắp xếp lại danh sách những đồng chí ứng cử và đề cử theo thứ tự A, B, C. Nếu có đồng chí nào xin rút đã báo cáo Chủ tịch đoàn đồng ý thì thôi không ghi vào danh sách bầu cử nữa.

3. Bầu Ban kiểm phiếu (số lượng nên 13 đồng chí, chia làm 3 tổ, mỗi tổ 4 đồng chí và 1 đồng chí trưởng ban phụ trách chung).

Sau đó tiếp tục cá nhân nghiên cứu suy xét kết hợp trao đổi tổ số đồng chí ứng cử và được Đại hội đề cử để tự mình lựa chọn cho đủ số lượng đã định.

4. Trước khi vào bầu cử chính thức Chủ tịch đoàn đọc lại danh sách lần cuối cùng. Khi Chủ tịch đoàn đọc đến tên ai thì người đó đứng lên để các đại biểu biết. Vì có thể tên và lý lịch đã biết nhưng người thì chưa biết.

5. Khi bỏ phiếu để dành thời gian các đại biểu chuẩn bị lựa chọn, xem đi xem lại nhiều lần cho đúng số lượng không thừa, không thiếu, rồi mới đem bỏ vào hòm phiếu.

Để đảm bảo trật tự trong lúc bỏ phiếu, Chủ tịch đoàn bỏ trước, rồi lần lượt thứ tự tổ 1, 2, 3, 4... bỏ tiếp theo các hòm phiếu đã quy định.

6. Tiến hành bầu cử chính thức trước, dự khuyết sau. Đề nghị Đại hội tập trung tư tưởng cao độ, để đảm bảo việc tiến hành bầu các ủy viên chính thức và ủy viên dự khuyết đều đạt được yêu cầu gọn, đúng nguyên tắc.

Sau khi Đại hội bế mạc, Ban Chấp hành Đảng bộ mới họp để tiến hành bầu Bí thư, Phó Bí thư, các ủy viên Thường vụ và Ủy ban kiểm tra, đồng thời phân công phụ trách các việc của từng đồng chí tỉnh ủy viên.

(Ban Chấp hành sẽ có thông báo về kết quả phiên họp của mình cho các đảng bộ).

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

DIỄN VĂN CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI LẦN THỨ V

*Kính gửi: Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Lao động Việt Nam*

Đảng bộ Lao động Việt Nam tỉnh Lào Cai họp Đại hội đại biểu lần thứ V vào những ngày từ 1 tháng 4 đến ngày (...) ¹ tháng 4 năm 1970 đã thành công tốt đẹp.

Thay mặt cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Đại hội kính gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng lòng biết ơn sâu sắc nhất.

Dưới ánh sáng đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Trung ương Đảng, nhất là nghị quyết mới đây của Bộ Chính trị, trên tinh thần thực hiện nghiêm chỉnh những lời căn dặn cuối cùng của HỒ CHỦ TỊCH, với ý thức trách nhiệm của một tỉnh căn cứ địa cách mạng của hậu phương lớn, Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá toàn diện những thắng lợi hơn sáu năm qua, phân tích sâu sắc và nghiêm túc những thiếu sót, tồn tại trong phong trào địa phương. Đại hội đã bàn bạc và quyết định những phương hướng, nhiệm vụ ba năm 1970 - 1972, nhằm phục vụ tốt nhất sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đẩy mạnh xây dựng kinh tế địa phương để cùng với đồng bào cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

1. Bản gốc để trống - BT.

Đại hội nhất trí kính gửi lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng lời hứa quyết tâm:

1. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, đoàn kết dân tộc, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Trung ương Đảng giao phó.

2. Nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, góp phần giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thực hiện hòa bình thống nhất đất nước, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, nâng cao cảnh giác, làm tròn nghĩa vụ của tỉnh hậu phương đối với tiền tuyến.

3. Ra sức phát huy tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần tự lực cánh sinh, học tập tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường của quân và dân miền Nam anh hùng, đẩy mạnh xây dựng kinh tế địa phương, phát triển văn hóa, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, đóng góp ngày càng nhiều cho Tổ quốc. Trước mắt, phải tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất với tinh thần mọi người đều làm việc có năng suất và hiệu suất công tác cao, làm ra nhiều của cải xã hội, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1970, tập trung phấn đấu với mức cao nhất để giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng tạo điều kiện hoàn thành thắng lợi nghị quyết của Đại hội về phương hướng, nhiệm vụ 3 năm (1970 - 1972).

4. Tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, nghiêm chỉnh thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, tổ chức bồi dưỡng kết nạp tốt Lớp đảng viên HỒ CHÍ MINH, nâng cao hơn nữa cho cán bộ, đảng viên ý thức trách nhiệm để xứng đáng “Là người lãnh đạo, là người dày tớ của nhân dân” gương mẫu đi đầu trong mọi nhiệm vụ, tăng cường hơn nữa sức chiến đấu của toàn Đảng bộ. Chấp hành nghiêm chỉnh cuộc vận

động “Tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn tiếp tục đẩy mạnh và có cố gắng thật lớn làm tốt cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa ở vùng cao và vùng giữa để chấm dứt căn bản tệ du canh, du cư tạo điều kiện cho các năm sau nhanh chóng định canh, định cư hoàn toàn, làm tốt công tác vận động quần chúng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”.

Đại hội kính chúc Trung ương Đảng dồi dào sức khỏe để lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ lịch sử, trước mắt là kiên trì đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Lào Cai, ngày ... tháng 4 năm 1970

**ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI LẦN THỨ V**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TỈNH ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ V

Thưa các vị đại biểu,

Thưa các đồng chí thân mến,

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương về mọi mặt, hôm nay Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V tỉnh Lào Cai trọng thể khai mạc. Đại hội lần này được tiến hành giữa lúc toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến mạnh vào cao trào lao động sản xuất, ra sức thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, lập thành tích mới để kỷ niệm 80 năm ngày sinh của Người và những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1970.

Đại hội lần này là Đại hội đầu tiên và cũng là lần cuối cùng chúng ta rất đau xót phải mãi mãi vĩnh biệt Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ thiên tài và vĩ đại của dân tộc Việt Nam ta. Thay mặt Chủ tịch đoàn Đại hội, tôi đề nghị Đại hội mặc niệm một phút để tỏ lòng tưởng nhớ và đời đời biết ơn công lao trời biển của Người.

Thưa các đồng chí,

Hồ Chủ tịch không còn nữa, song sự nghiệp cách mạng mà Người để lại cho Đảng và dân tộc ta thật vô cùng to lớn và quý báu. Hồ Chủ tịch sống mãi trong lòng chúng ta, trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta - hướng về chân dung của

Người. Thay mặt tỉnh Đảng bộ và 25 dân tộc anh em, chúng ta xin hứa: quyết tâm thực hiện trung thành và trọn vẹn nhất *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch và lời thề danh dự của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong giờ phút cuối cùng vĩnh biệt Người.

Trong Đại hội này, chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh:

- Đoàn đại biểu Ban Dân tộc Trung ương do đồng chí Vụ trưởng Nguyễn Phương dẫn đầu.

- Đoàn đại biểu Tòa soạn báo, Tạp chí Học tập do đồng chí Hồng Chương, Phó Tổng biên tập và đồng chí Đặng, Ủy viên Ban biên tập dẫn đầu.

- Đồng chí Lương Văn Toàn, Vụ phó Ban Nông nghiệp Trung ương.

- Đồng chí Chính, Văn phòng Trung ương Đảng.

Sự có mặt của các đồng chí là nguồn động viên, cổ vũ rất quý báu, là biểu hiện sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình của các ban, các ngành Trung ương đối với Đại hội chúng ta.

Đại hội còn rất vinh dự và nhiệt liệt chào mừng:

- Đoàn đại biểu Tỉnh ủy Nghĩa Lộ do đồng chí Nguyễn Văn Việt, Bí thư Tỉnh ủy dẫn đầu.

- Đoàn đại biểu Thành ủy Hà Nội do đồng chí Trần Sâm, Phó Bí thư Thành ủy dẫn đầu.

- Đoàn đại biểu Tỉnh ủy Lai Châu do đồng chí Lâm Sung, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy dẫn đầu.

- Đoàn đại biểu Tỉnh ủy Yên Bái do đồng chí Hoàng Kim Phấn, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy dẫn đầu.

- Đoàn đại biểu Thành ủy Hải Phòng do đồng chí Kim Thái, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy dẫn đầu.

Trong lúc có nhiều công việc, đường sá lại xa xôi, các đồng chí đã bớt thời giờ vàng ngọc, vì tình nghĩa anh em đến tham dự Đại hội với chúng ta, cho phép tôi thay mặt tỉnh Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, chân thành kính chúc các đồng chí mạnh khỏe, kính chúc Đảng bộ và nhân dân tỉnh, thành các đồng chí thu được nhiều thành tích to lớn hơn nữa, chúc tình đoàn kết, hợp tác

xã hội chủ nghĩa giữa các tỉnh, thành chúng ta, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng ngày càng phát triển tốt đẹp.

Đại hội hết sức phấn khởi được đón tiếp thân mật đoàn đại biểu Thành ủy Hải Phòng, người anh em kết nghĩa với Lào Cai đã đem đến Đại hội chúng ta mối tình kết nghĩa anh em thắm thiết. Nhân dịp này, thay mặt tỉnh Đảng bộ và đồng bào các dân tộc trong tỉnh, Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí và qua các đồng chí kính gửi đến Ban Chấp hành Thành ủy và đồng bào thành phố Cảng anh hùng lời cảm ơn chân thành nhất.

Thưa Đại hội,

Đại hội lần này có 200 đồng chí, thay mặt cho trên 7 ngàn đảng viên thuộc 27 đảng bộ. Các đồng chí đại biểu đã đem về Đại hội những tình cảm tốt đẹp, lòng tin tưởng sắt đá vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, vào sự thành công rực rỡ của Đại hội. Đại hội lần này là một hình ảnh thu gọn tiêu biểu cho truyền thống đoàn kết nhất trí, đoàn kết dân tộc, ý chí quyết chiến, quyết thắng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta trong hơn 22 năm nay. Thay mặt Chủ tịch đoàn Đại hội, tôi thân ái chào mừng các đồng chí, những người con ưu tú của Đảng bộ, chào mừng tất cả các đảng viên yêu mến trong tỉnh, chào mừng các gia đình có công với cách mạng, chào mừng 25 dân tộc anh em, hơn 6 năm qua đã son sắt một lòng, liên tục phát huy tinh thần cách mạng tiến công, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV lập những thành tích rất to lớn, cơ bản và tương đối toàn diện.

Thưa Đại hội,

Lấy thời gian mà tính so với lịch sử đấu tranh cách mạng của toàn Đảng thì lịch sử của Đảng bộ ta chỉ bằng hơn một nửa - 22 năm trong 40 năm xây dựng Đảng ta. Trong khoảng thời gian lịch sử đó, Đảng bộ ta, kể cả Đại hội lần này, đã tiến hành 5 lần Đại hội: Đại hội lần thứ nhất tháng 4 năm 1951, đã đẩy mạnh cuộc

kháng chiến chống Pháp thắng lợi, tiêu phỉ thành công, góp phần với đồng bào cả nước lập nên “Điện Biên Phủ” lẫy lừng.

Dưới ánh sáng chói lọi của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Hội nghị toàn Đảng bộ lần thứ II (được coi như Đại hội chính thức) tiến hành tháng 3 năm 1959, đã đề ra con đường duy nhất đúng dẫn đưa 25 dân tộc anh em hăng hái đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong thời gian đó, chúng ta đã hoàn thành căn bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, giành được thắng lợi rất to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong việc hoàn thành cuộc “Vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ” ở tỉnh ta.

Phát huy những thắng lợi to lớn và sâu sắc đó, dưới sự chỉ đạo của đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Đại hội lần thứ III của tỉnh đã chỉ ra con đường đưa nhân dân các dân tộc tỉnh ta tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa địa phương cùng với đồng bào cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội lần thứ IV họp tháng 4 năm 1963, đã đề ra nhiệm vụ kế hoạch nhà nước 5 năm, đánh dấu một bước trưởng thành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở tỉnh ta, một tỉnh miền núi, đại bộ phận là vùng cao. Khi đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Đảng bộ ta đã nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương sáng suốt chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến của Trung ương, vận dụng linh hoạt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ xoay quanh nhiệm vụ “Vừa sản xuất, vừa chiến đấu”. Tiếp đó, từ năm 1969 đến nay, Đảng bộ đã có nhiều cố gắng thực hiện chuyển hướng mọi mặt hoạt động cho phù hợp với tình hình mới hiện nay, lập nên những thành tích rất to lớn, cơ bản và tương đối toàn diện, có mặt còn nhanh, mạnh hơn so với thời gian hòa bình trước đây. Những thắng lợi to lớn đó là kết quả chứng minh một cách hùng hồn đường lối cách mạng vô cùng đúng đắn và sáng suốt của Đảng đứng đầu là Ban Chấp hành Trung ương và Hồ Chủ tịch. Tất cả

những thắng lợi đó là công lao chung của 25 dân tộc anh em trong tỉnh, trong đó có công lao của Đảng bộ ta, của mỗi đảng viên trong Đảng bộ. Thành công của Đảng bộ ta là ở chỗ chúng ta đã biết tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của quần chúng, tự mình nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu, lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng. Thật vậy, chúng ta rất phấn khởi nhận thấy rằng, hơn 6 năm qua, đồng bào các dân tộc tỉnh ta đã cần cù lao động, dũng cảm chiến đấu, vượt qua mọi thử thách chiến tranh, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Tinh thần đó ngày càng được nâng cao và phát huy mạnh mẽ, nhất là những tháng gần đây từ xí nghiệp, cơ quan, đến nông thôn, từ vùng cao đến vùng thấp, các hợp tác xã, đơn vị bộ đội, trường học... khắp nơi đã hăng hái thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm một cách sôi nổi, với tinh thần “biến đau thương thành hành động cách mạng, nhớ ơn Hồ Chủ tịch” và “lập thành tích chào mừng Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V”, điều đó chứng minh một cách rõ rệt sự gắn bó máu thịt giữa 25 dân tộc anh em tỉnh ta với vị lãnh tụ vô cùng vĩ đại và với Đảng tiên phong của mình. Thay mặt Ban Chấp hành Tỉnh ủy, và Chủ tịch đoàn Đại hội, tôi gửi lời nhiệt liệt khen ngợi và cảm ơn toàn thể 25 dân tộc anh em trong tỉnh.

Thưa Đại hội,

Bốn lần Đại hội trước đây là bốn bước ngoặt lịch sử của Đảng bộ ta, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh ta bốn lần tiến bước vững chắc, bốn lần thắng lợi vẻ vang. Đại hội lần này là Đại hội chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương. Để Đại hội thành công tốt đẹp, hơn bao giờ hết, chúng ta hãy nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí, phát huy trí tuệ, sử dụng đầy đủ quyền tập trung dân chủ, tiến hành kiểm điểm một cách sâu sắc, toàn diện việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV,

phân tích và tổng kết được những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, trong tổ chức thực hiện mọi mặt công tác của Đảng bộ, đồng thời rút ra những điểm mạnh để ra sức phát huy, phân tích những điểm yếu, tồn tại trong phong trào để quyết tâm khắc phục nhằm tăng cường hơn nữa năng lực lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ ta tiến lên những bước mới, mạnh mẽ hơn nữa.

Đại hội sẽ bàn bạc và nghị quyết phương hướng, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ ba năm 1970 - 1972 nhằm phát triển mạnh mẽ hơn nữa nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, đẩy mạnh sẵn sàng chiến đấu, làm tròn nghĩa vụ của tỉnh hậu phương đối với tiền tuyến. Tăng cường hơn nữa công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức và chăm lo đời sống của nhân dân. Đặc biệt Đại hội sẽ quan tâm quyết định về phương hướng tiến hành hai cuộc vận động: cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, bàn bạc những biện pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, trước hết là công tác quản lý lao động là những vấn đề cấp bách trước mắt có tính chất chiến lược, tính chất cách mạng hiện nay. Đây cũng là vấn đề đang còn có khó khăn và tồn tại trong phong trào ở tỉnh ta.

Đại hội còn bầu cử Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ mới, bao gồm các đồng chí tiêu biểu nhất của Đảng bộ, có phẩm chất, đạo đức, có năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội, tiếp tục đưa vùng cao tiến kịp vùng thấp, đưa Lào Cai tiến kịp miền xuôi và vượt miền xuôi từng mét, cùng với đồng bào cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Thưa Đại hội,

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và chặt chẽ của Trung ương Đảng, được sự giúp đỡ ý kiến của các đại biểu các ban, các ngành của Trung ương, các đảng bộ tỉnh, thành bạn, với tinh thần trách nhiệm của mình:

- Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V nhất định thành công tốt đẹp.

- Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương nhất định toàn thắng.

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại!

Thay mặt Chủ tịch đoàn Đại hội, chúc các đồng chí khỏe mạnh và xin trân trọng tuyên bố khai mạc Đại hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI LẦN THỨ V

(dự thảo) ngày 3-4-1970

Về hướng dẫn thảo luận các bản báo cáo về tình hình và phương hướng nhiệm vụ ba năm 1970 - 1972

Căn cứ vào báo cáo chung và các báo cáo bổ sung của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chủ tịch đoàn đề nghị Đại hội thảo luận tập trung vào những vấn đề chủ yếu, đặt yêu cầu và nội dung sau đây:

1. Yêu cầu thảo luận

- Đánh giá đúng đắn những thắng lợi và tồn tại chủ yếu, rút ra ưu khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm lớn trên các mặt công tác của Đảng bộ từ Đại hội tỉnh lần thứ IV đến nay. Trong đó đi sâu về mặt chủ trương, về chấp hành và vận dụng đường lối, chính sách (chú ý chính sách sản xuất, thu mua, phân phối, chính sách hậu phương, chính sách cán bộ...) về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện ba cuộc cách mạng, sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống và xây dựng Đảng, tìm ra nguyên nhân.

- Nhất trí cao về phương hướng và các nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của Đảng bộ trong ba năm 1970 - 1972, xoay quanh nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, tiếp tục đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng kinh tế - văn hóa địa phương; trong đó, tập trung vào các mặt chủ yếu như: củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, sẵn sàng chiến đấu, tổ chức đời sống, xây dựng Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Trên cơ sở đánh giá tình hình và xác định phương hướng, nhiệm vụ như trên, quán triệt hơn nữa tính chất nội dung ba cuộc cách mạng, nắm vững đường lối chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, đi sâu bàn bạc góp ý kiến về tổ chức chỉ đạo và các biện pháp lớn để thực hiện các cuộc vận động lớn: “nâng cao chất lượng đảng viên”, “tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn”, “định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa”, “thi đua lao động sản xuất”. Mặt khác, qua thảo luận, xác định rõ trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi ngành từ tỉnh đến huyện, thị, cơ sở, phân định rõ công việc giữa cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể và các ngành chuyên môn trong việc tổ chức thực hiện các công tác, phương pháp chỉ đạo hoàn thành kế hoạch.

2. Nội dung cụ thể cần chú ý đi sâu thảo luận

Để đạt được các yêu cầu trên, trong kiểm điểm đánh giá tình hình từ Đại hội tỉnh lần thứ IV đến nay cũng như thảo luận phương hướng, nhiệm vụ 3 năm 1970 - 1972, chú ý đi sâu vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm như sau:

a) Về ba cuộc cách mạng:

Đi sâu vào những biện pháp lớn về công tác xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, chú trọng về hợp tác hóa nông nghiệp, về cuộc vận động định canh định cư, chú ý các mặt ở vùng cao và giữa. Trong đó chú ý thảo luận những vấn đề về tính chất, nội dung, nguyên tắc của hợp tác xã, nhất là về quyền làm chủ tập thể của xã viên mà trong điều lệ mới của hợp tác xã quy định.

b) Về kinh tế - văn hóa

Tập trung vào vấn đề sản xuất và đời sống. Trong kinh tế, đi sâu vào vấn đề sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp địa phương, lưu thông, phân phối, quản lý kinh tế, kỹ thuật và vấn đề lao động. Trong văn hóa đi sâu vào vấn đề nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và phục vụ đời sống tinh thần, sức khỏe cho nhân dân.

Trong nông, lâm nghiệp, chú ý vấn đề sản xuất lương thực, thực phẩm, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất.

Trong công nghiệp, chú ý các vấn đề sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến màu, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản.

Trong lưu thông phân phối, chú ý vấn đề thu mua nông sản, thực phẩm và phân phối, thực hiện các chính sách (chú ý các chính sách khuyến khích sản xuất, giá cả...).

Trong đời sống quần chúng: chú ý nhất là vấn đề ăn, ở và học hành.

c) Về chính quyền và các đoàn thể quần chúng:

- Về chính quyền: Tập trung vào vấn đề thực hiện vai trò, chức năng của Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là cấp xã và các ngành chuyên môn thuộc bộ máy nhà nước của tỉnh, huyện, thị. Trong đó đi sâu vào vấn đề quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Vấn đề xây dựng lực lượng, củng cố trị an - quốc phòng: Chú ý vấn đề xây dựng các lực lượng và công tác bảo vệ trị an ở cơ sở, nhất là vùng cao và biên giới.

- Về các đoàn thể: Thảo luận vấn đề thực hiện vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể, chú ý đi sâu vào công tác vận động thanh niên, phụ nữ và việc chấp hành, vận dụng phương châm và chính sách dân tộc vào các công tác.

d) Về xây dựng Đảng và công tác cán bộ:

Tập trung vào một số vấn đề: Đánh giá trình độ và năng lực cán bộ, đảng viên, công tác xây dựng, củng cố cơ sở Đảng (Chi bộ, đảng bộ cơ sở), vấn đề nâng cao chất lượng đảng viên. Trong công tác cán bộ, chú ý vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiệp vụ, quản lý kinh tế và cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ dân tộc; đi sâu mặt chế độ, chính sách cán bộ. Trong công tác tổ chức, chú ý vấn đề sắp xếp bộ máy hợp lý, tinh gọn.

đ) Ngoài những vấn đề cần đi sâu kiểm điểm và thảo luận như trên thì trong phần kiểm điểm tình hình, cuối cùng nên đánh giá

tổng quát những thắng lợi, tồn tại và nguyên nhân cơ bản, xác định rõ ưu, khuyết điểm và nguyên nhân về lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở.

Chú ý:

Dựa vào nội dung trên, đề nghị từng tổ vận dụng vào cuộc thảo luận trong tổ cho linh hoạt, sát hợp.

Phân bổ thời gian thảo luận:

- Một buổi sáng thảo luận ở tổ phần một và hai trong bản báo cáo chung.

- Một buổi chiều thảo luận tổ phần ba (phương hướng, nhiệm vụ).

- Hai ngày thảo luận chung ở hội trường.

Trước khi hết giờ của mỗi buổi thảo luận ở tổ 40 phút, các đồng chí tổ trưởng về phản ánh với Chủ tịch Đoàn và thư ký Đoàn về tinh thần, ý kiến thảo luận (địa điểm tại phòng họp gác hai nhà ba tầng của Tỉnh ủy).

Cộng: ba ngày thảo luận.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI LẦN THỨ V
Số 01-TB, ngày 4-4-1970

Sáng ngày 1-4-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ V đã khai mạc trọng thể.

202 đại biểu thay mặt cho trên bảy nghìn đảng viên thuộc 27 đảng bộ các địa phương, các ngành đã về dự họp đông đủ. Thành phần đại biểu của Đại hội lần này có: 36% là đại biểu dân tộc ít người, 14% là phụ nữ, 29% là đại biểu trực tiếp ở các cơ sở sản xuất, 10% là cán bộ khoa học kỹ thuật và 8,2% là đại biểu trẻ tuổi.

Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm có các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Lê Bá Hội, Vi Khánh Vinh, Nông Công Thương, Lương Quyết Định, Dương Việt Tiến, Cư Hòa Văn, Hoàng Thị Triệu, Cháng Seo Tả, Hoàng Chá Quang. Đoàn thư ký Đại hội gồm các đồng chí: Nguyễn Trí Nghị, Phạm Hồng Phúc, Trần Đức Minh, Nguyễn Duyên và Đặng Khuê.

Đại hội rất vui mừng đón tiếp các vị khách thuộc các ban, ngành của Trung ương: Ban Dân tộc, Ban Nông nghiệp, Văn phòng Trung ương, Tạp chí Học tập... và đại biểu các tỉnh bạn: Hà Nội, Hải Phòng, Yên Bái, Lai Châu, Nghĩa Lộ.

Sau khi đồng chí Trường Minh thay mặt Chủ tịch đoàn đọc diễn văn khai mạc, đoàn đại biểu Thiếu niên và Nhi đồng của tỉnh đã đến tặng hoa và chào mừng Đại hội. Tiếp đó Đại hội đã nghe đồng chí Trường Minh, Bí thư Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đọc

Báo cáo chính trị về tình hình từ Đại hội lần trước đến nay và phương hướng nhiệm vụ 3 năm 1970 - 1972 của Đảng bộ Lào Cai. Sau đó Đại hội đã nghe các đoàn đại biểu của tỉnh bạn phát biểu chào mừng Đại hội.

Ngày 2-4-1970, Đại hội đã nghe các bản báo cáo bổ sung.

- Về tình hình công tác vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa, phát triển nông, lâm nghiệp của vùng cao và vùng giữa do đồng chí Việt Tiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình bày.

- Về tình hình công tác xây dựng Đảng do đồng chí Khánh Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình bày.

- Về Công tác an ninh, quốc phòng do đồng chí Nguyễn Tất, Ủy viên Ban Chấp hành trình bày.

- Về nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa trong ba năm 1970 - 1972 do đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Ban Chấp hành trình bày.

Chiều ngày 2-4-1970, Đại hội đã khai mạc triển lãm, qua các hiện vật, tranh ảnh, biểu đồ... trưng bày trong các phòng triển lãm, các đại biểu càng phấn khởi vui mừng trước những thành tựu rực rỡ mà nhân dân các dân tộc và Đảng bộ ta đã giành được trong hơn 6 năm qua.

Sáng ngày 3-4-1970, Đại hội rất vui mừng đón tiếp đoàn đại biểu quân, dân, chính, đảng trong toàn tỉnh đến chào mừng Đại hội.

Trong hai ngày 3 và 4-4-1970, Đại hội đã phân tổ thảo luận các bản báo cáo kể trên.

Trong niềm phấn khởi cách mạng với ý thức trách nhiệm sâu sắc, Đại hội đang làm việc rất khẩn trương và thu được những kết quả bước đầu tốt đẹp.

ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

LỜI KÊU GỌI
CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TỈNH ĐẢNG BỘ
LÀO CAI LẦN THỨ V

Ngày ... tháng 4 năm 1970

*- Hồi toàn thể đồng bào các dân tộc,
- Cùng toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên
chức và chiến sĩ trong tỉnh,*

Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ ta lần thứ V khai mạc từ ngày 1 đến ngày ... tháng 4 năm 1970 đã thành công tốt đẹp.

Đại hội đã kiểm điểm và đánh giá một cách sâu sắc tình hình mọi mặt, kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa - xã hội và công tác xây dựng Đảng, đồng thời đã bàn bạc và quyết định phương hướng, nhiệm vụ chính trị ba năm (1970-1972) nhằm đưa Lào Cai tiến lên những bước mới, mạnh mẽ và vững chắc hơn, thực hiện Di chúc thiêng liêng của HỒ CHỦ TỊCH góp phần với cả nước kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

Đại hội đã nhiệt liệt biểu dương và khen ngợi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ, anh chị em công nhân viên chức, nông dân tập thể, trí thức cách mạng và đồng bào 25 dân tộc anh em, hơn sáu năm qua, kể từ Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đến nay đã son sắt một lòng không ngừng phát huy tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết chiến, quyết thắng vượt qua mọi khó khăn, ra sức xây dựng nền kinh tế địa phương ngày càng phát triển,

ngoan cường chiến đấu, giữ vững trật tự trị an, tích cực tổ chức đời sống vật chất và văn hóa.

Hơn sáu năm qua, trong lao động sản xuất, trong chiến đấu và tổ chức đời sống đã nảy nở rất nhiều đơn vị và cá nhân lập nên những thành tích xuất sắc, nhiều tấm gương hy sinh vì nước quên mình, đưa sự nghiệp cách mạng của tỉnh ta giành được những thắng lợi rất to lớn, cơ bản và rất toàn diện, có mặt còn nhanh, mạnh hơn so với thời gian hòa bình trước đây. Những thắng lợi to lớn đó là kết quả chứng minh đường lối vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng, thể hiện sự đúng đắn của nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV, là biểu hiện tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nồng nàn và truyền thống đoàn kết nhất trí cao đẹp của Đảng bộ và 25 dân tộc anh em trong tỉnh ta.

Các đồng chí và đồng bào thân mến,

Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V tiến hành giữa lúc giặc Mỹ thua đã rõ ràng, nhưng chúng vẫn rất ngoan cố và hiếu chiến chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, giữa lúc tỉnh ta đã giành được những thắng lợi rất to lớn, cơ bản và toàn diện trong sự nghiệp xây dựng kinh tế địa phương nhưng tốc độ phát triển chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu của tình hình và tiền tuyến lớn.

Trước tình hình đó, Đại hội thiết tha kêu gọi các đồng chí, đồng bào các dân tộc trong tỉnh hãy thừa thắng xúc tới, phấn đấu thật mạnh, quyết tâm thật cao, lao động thật giỏi, biện pháp thật tốt để thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội. Chúng ta quyết thực hiện bằng được trong 3 năm 1970-1972 có lương thực, thực phẩm dồi dào, trước mắt năm 1970 nhất định phải nỗ lực vượt bằng được 52.000 tấn lương thực. Chúng ta quyết phấn đấu đẩy mạnh phong trào “Trồng cây đời đời nhớ ơn Bác” để có nhiều cây công nghiệp, cây ăn quả và rừng cây lấy gỗ thật xanh tốt, phấn đấu có thật nhiều hàng công nghệ tiêu dùng do địa phương tự sản xuất.

Những vấn đề mà Đại hội đã bàn bạc quyết định là những vấn đề quan trọng bậc nhất đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân

các dân tộc tỉnh ta, có tác dụng soi đường, động viên cổ vũ lớn lao toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta tiến lên hoàn thành nhiệm vụ mới, giành thắng lợi mới.

Để thực hiện những nhiệm vụ vẻ vang đó, hơn bao giờ hết, Đại hội kêu gọi các đồng chí đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ, trí thức cách mạng, anh chị em công nhân viên chức, nông dân tập thể và đồng bào các dân tộc hãy ra sức học tập tinh thần chiến đấu ngoan cường của đồng bào miền Nam, đồng bào và chiến sĩ Thủ Dầu Một ruột thịt tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa phong trào lao động sản xuất trong toàn tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những thắng lợi to lớn cơ bản và toàn diện trong hơn sáu năm qua đều do tinh thần đoàn kết, nhất trí, dũng cảm, cần cù lao động mà tạo nên. Đại hội kêu gọi mọi người hãy ra sức làm việc theo tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai”, hãy hăng say lao động hơn nữa, hãy tăng ngày, tăng giờ lao động, lao động với năng suất và hiệu suất cao. Đối với chúng ta, những người làm chủ đất nước, lao động là cao quý, là nghĩa vụ, là kỷ luật đồng thời là lẽ sống thiêng liêng của mỗi người. Lao động sẽ làm ra tất cả. Đại hội kêu gọi: Mọi xí nghiệp, công, nông, lâm trường, mọi cơ quan cũng như tất cả các hợp tác xã hãy phát huy vai trò làm chủ tập thể, làm thật tốt công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước trước hết là quản lý lao động, ra sức chống tham ô, lãng phí, quan liêu, chống chây lười sản xuất và công tác.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh hãy phát huy mạnh mẽ hơn nữa truyền thống đoàn kết nhất trí, đoàn kết dân tộc, nhiệt liệt hưởng ứng và thực hiện thật tốt những cuộc vận động lớn sau đây:

- Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên;
- Cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn nhằm bảo đảm, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của bà con xã viên trên ba mặt kinh tế, chính trị, xã hội, lấy kinh tế là trọng tâm.

- Tiếp tục đẩy mạnh và có cố gắng thật lớn, thực hiện tốt cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa để chấm dứt căn bản tệ du canh, du cư nhằm ổn định sản xuất, ổn định đời sống cho đồng bào vùng cao và vùng giữa, tạo điều kiện cho những năm sau này, nhanh chóng định canh, định cư hoàn toàn.

Đồng bào và các chiến sĩ thân mến,

Chúng ta đang sống và chiến đấu trong một thời kỳ trọng đại nhất, vẻ vang nhất.

Hàng ngàn năm nay, nhân dân các dân tộc Lào Cai ta đã cùng với đồng bào cả nước trải qua bao thời kỳ chống xâm lăng. Nhưng chưa bao giờ chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn so với lịch sử, chúng ta đã đánh Pháp thắng lợi, tiêu phỉ thành công góp phần với cả nước làm nên “Điện Biên Phủ” anh hùng và hiện nay đang góp sức với cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì tương lai và hạnh phúc của toàn dân, vì tương lai con em, chúng ta rất tự hào được hòa mình trong cuộc chiến đấu vĩ đại của cả dân tộc Việt Nam ta chống một kẻ thù hung ác nhất thế giới đang được cả loài người khâm phục và ủng hộ. Chúng ta đang thắng và nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.

Đại hội tin tưởng một cách sâu sắc rằng, dưới sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng, với lòng biết ơn sâu sắc công lao trời biển của **HỒ CHỦ TỊCH**, sẵn có truyền thống đoàn kết đấu tranh, cần cù lao động, dũng cảm chiến đấu và khả năng lao động sáng tạo vô tận, chắc chắn cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc trong tỉnh sẽ vươn lên mạnh mẽ làm theo những lời căn dặn cuối cùng của “**BÁC**”, giữ trọn lời thề danh dự với Người thực hiện thắng lợi toàn diện nghị quyết của Đại hội, tiếp tục đưa Lào Cai cùng với đồng bào cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Vì sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, các đồng chí và đồng bào các dân tộc toàn tỉnh hãy phát huy mạnh mẽ những thuận lợi mà đi lên, ra sức san bằng mọi khó

khăn để đi tới, hãy hăng hái tiến lên dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của Đảng.

- Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương nhất định toàn thắng!

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Đời đời nhớ ơn Chủ tịch HỒ CHÍ MINH vĩ đại!

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**Về tình hình từ năm 1964 đến nay và phương hướng
nhiệm vụ 3 năm (1970 - 1972) của Đảng bộ Lào Cai
do đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy trình bày
tại Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V**

Thưa các đồng chí thân mến,

Từ Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ IV đến nay đã hơn 6 năm. Trong thời gian đó, tình hình và nhiệm vụ cách mạng ở nước ta cũng như tỉnh ta có nhiều chuyển biến rất quan trọng. Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã *giành thắng lợi vô cùng vĩ đại, hết sức vẻ vang*.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta cực kỳ gian khổ và quyết liệt đã thu nhiều thắng lợi rất to lớn và đang tiến lên giành thắng lợi quyết định. Những thắng lợi đó, không những làm nức lòng nhân dân nước ta mà cả anh em bầu bạn khắp bốn biển, năm châu cũng đều rất khâm phục và ca ngợi.

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ - tên sen đầm quốc tế hung ác, giàu mạnh nhất trong phe đế quốc đã dùng trăm phương, nghìn kế để xâm lược nước ta, nhưng trước thế tiến công liên tục, trước sức mạnh thần kỳ của chiến tranh nhân dân; trước tinh thần chiến đấu vô cùng anh dũng, kiên cường đầy mưu trí sáng tạo tuyệt vời của đồng bào miền Nam anh hùng, mọi mưu mô của chúng đều lần lượt bị thất bại

thảm hại; cuộc chiến tranh đặc biệt của chúng đã bị phá sản hoàn toàn; cuộc chiến tranh cục bộ cũng đang phải xuống thang từng bước, và đang lún sâu vào thế bị động, thất bại toàn diện. Song, với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta. Mưu đồ “phi Mỹ hóa”, “Việt Nam hóa” cuộc chiến tranh của chúng cũng đang trên đà phá sản. Những thuận lợi to lớn của ta và những thất bại nặng nề của địch, đã đẩy đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng đi sâu vào đường hầm không lối thoát.

Ở miền Bắc, dưới ánh sáng của đường lối, chủ trương vô cùng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta, trong bốn năm chống chiến tranh phá hoại rất ác liệt của đế quốc Mỹ, quân dân ta đã nêu cao tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, dũng cảm chiến đấu, cần cù lao động, đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của địch. Âm mưu của đế quốc Mỹ hòng biến miền Bắc nước ta trở lại thời kỳ đồ đá đã bị thất bại. Chế độ xã hội chủ nghĩa của miền Bắc vững vàng hơn bao giờ hết. Nền kinh tế trong những năm có chiến tranh vẫn tiếp tục phát triển; sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ngày càng được củng cố và nâng cao; tiềm lực kinh tế và quốc phòng vẫn tiếp tục được tăng cường; đời sống nhân dân vẫn được bảo đảm. Nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam được đáp ứng đầy đủ và kịp thời. Những thắng lợi đã giành được đó, *rất to lớn, cơ bản, toàn diện và có ý nghĩa chiến lược.*

Hòa nhịp với những thắng lợi chung của cả nước, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và chặt chẽ của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch kính mến, hơn 6 năm qua, nhất là trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, ý chí cách mạng tiến công liên tục trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, nên đã thu được *nhiều thắng lợi to lớn, cơ bản và tương đối toàn diện, có mặt phát triển nhanh, mạnh hơn cả thời bình.*

Thư các đồng chí,

Tỉnh ta là một tỉnh miền núi, biên giới, ba phần tư là vùng cao và giữa, có nhiều dân tộc sống xen kẽ; diện tích rộng trên 4.000 km², đất đai nhiều nơi còn màu mỡ. Khí hậu thuộc miền nhiệt đới, nhưng ở vùng cao và giữa mang tính chất ôn đới và á nhiệt đới, thích hợp cho việc gieo trồng quanh năm các loại cây trồng, có nhiều lâm, đặc sản quý, nhiều đồng cỏ để phát triển chăn nuôi. Có nhiều mỏ khoáng quý với trữ lượng lớn. Tỉnh ta lại có nhiều sông, suối, nhiều nguồn nước tự chảy từ trên núi cao xuống nên thuận lợi cho việc xây dựng các loại công trình thủy lợi, thủy điện, đi đôi với cơ khí nhỏ. Đường giao thông vận chuyển của tỉnh ta ngày càng thuận tiện, có đường sắt, đường sông, đường bộ nối liền với miền xuôi, với các tỉnh bạn và sang Trung Quốc. Hầu hết các xã vùng thấp và một số xã vùng cao đã có đường ô tô đi tới.

Từ những đặc điểm và khả năng trên, tỉnh ta có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng đối với cả nước. Qua thực tiễn đấu tranh cách mạng từ khi tỉnh ta được giải phóng khỏi ách đế quốc, phong kiến, nhất là từ sau Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đến nay, chúng ta đã ngày càng thấy rõ khả năng to lớn và phương hướng phát triển của tỉnh ta về lâu dài là: *Một tỉnh công nghiệp khai khoáng và chế biến lớn*, là một tỉnh nông, lâm nghiệp phát triển nhiều mặt, nhất là về cây công nghiệp, cây đặc sản, nghề rừng và chăn nuôi, là những mặt có ưu thế nhất; đồng thời có khả năng nhanh chóng từng bước điện khí hóa và cơ khí hóa trong sản xuất, và đời sống.

Từ Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đến nay, qua hai lần thực hiện chủ trương chuyển hướng kinh tế của Trung ương: từ thời bình sang thời chiến và nay đang chuyển dần dần mọi hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã tiếp tục kiên trì đẩy mạnh ba cuộc cách mạng hoàn

thành Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa hàng năm, tăng cường một bước cơ sở vật chất, kỹ thuật, xây dựng và củng cố các cơ sở chính trị, trị an - quốc phòng, bảo đảm đời sống nhân dân, góp phần vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và làm nghĩa vụ quốc tế. Những nhiệm vụ đó đều đã hoàn thành một cách tốt đẹp. Chúng ta đã giành được thắng lợi rực rỡ, rút ra được nhiều kinh nghiệm và ngày càng làm sáng tỏ phương hướng, nhiệm vụ lâu dài của tỉnh ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích rực rỡ đã đạt được, trên bước đường đi lên, chúng ta còn có những nhược điểm, khuyết điểm cần tiếp tục khắc phục. Phong trào của tỉnh ta còn những tồn tại nhất định, chưa đáp ứng thật đầy đủ yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng đòi hỏi.

Dưới đây, tôi xin thay mặt Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ báo cáo kiểm điểm các mặt công tác từ năm 1964 đến nay và trình bày phương hướng và nhiệm vụ chung 3 năm 1970 - 1972 của Đảng bộ tỉnh ta. Nội dung báo cáo gồm ba phần chính sau:

1. Những thắng lợi và tồn tại chủ yếu trên các mặt công tác.
2. Kiểm điểm sự lãnh đạo và chỉ đạo của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa IV.
3. Phương hướng và nhiệm vụ 3 năm 1970 - 1972.

Phần thứ nhất

NHỮNG THẮNG LỢI VÀ NHỮNG TỒN TẠI CHỦ YẾU TRÊN CÁC MẶT CÔNG TÁC

I. Tiếp tục đẩy mạnh một bước ba cuộc cách mạng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, thúc đẩy sản xuất phát triển

Thưa các đồng chí,

Để tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh

công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hơn 6 năm qua, Đảng bộ ta luôn luôn bám sát và đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt trên mọi lĩnh vực hoạt động ở cả ba vùng: cao, thấp, giữa.

Về *cách mạng quan hệ sản xuất*: Nhận thức rõ vị trí quan trọng của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, chúng ta đã rất coi trọng nhiệm vụ xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa về cả hai hình thức sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân, lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp làm trọng tâm, đi đôi với từng bước tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trong các ngành kinh tế quốc dân.

Không những chúng ta đã có nhiều cố gắng liên tục trong việc xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, mà còn tích cực tiếp tục cải tạo công thương nghiệp tư doanh và xây dựng, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Nhờ tinh thần kiên trì, đấu tranh và quyết tâm phấn đấu, nên *quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở tỉnh ta ngày càng được xác lập vững vàng, từng bước được củng cố, hoàn thiện*, đang chiếm ưu thế tuyệt đối và giữ vị trí chi phối trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, làm cơ sở vững chắc cho chuyên chính vô sản, “mở đường”, “thúc đẩy” cách mạng kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa phát triển.

Trong nông nghiệp, từ nhận thức: Con đường hợp tác hóa là con đường duy nhất đúng đắn để đưa nông dân các dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội, cho nên mặc dầu phong trào hợp tác hóa của tỉnh ta có lúc gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là những năm xảy ra thiên tai mất mùa, nhiều hợp tác xã bị lung lay, thậm chí có nơi bị tan vỡ (nhất là ở vùng cao và giữa), nhưng chúng ta đã kiên trì và quyết tâm xây dựng, củng cố phong trào ở cả ba vùng (cao, thấp, giữa). Bằng nhiều kế hoạch và biện pháp cụ thể, chúng ta đã thường xuyên tiến hành các cuộc vận động quần chúng ở nông thôn, đặc biệt là mở cuộc vận động cải tiến quản lý

hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật ở vùng thấp, vận động củng cố cơ sở (trọng tâm là củng cố hợp tác xã) ở vùng cao; tích cực xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và mở rộng quy mô hợp tác xã, v.v..

Nhờ có những cố gắng trên, tình hình các hợp tác xã ở từng vùng tuy tiến triển ở mức độ khác nhau, nhưng nói chung đều được củng cố. Hiện nay toàn tỉnh có 79% số hộ vào hợp tác xã, trong đó 62,4% số hộ ở trong hợp tác xã bậc cao. So với phong trào được phát triển thời kỳ đầu thì có kém hơn về số lượng, nhưng về mặt chất lượng và nội dung quản lý đã được nâng cao một bước, nhất là ở vùng thấp. Loại hợp tác xã khá và tiên tiến ngày càng phát triển ở cả ba vùng, đã có 34,8% số hợp tác xã trong tỉnh. Nhiều hợp tác xã từ bình công chấm điểm, đã tiến lên khoán việc và ba khoán. Nhiều hợp tác xã trở thành điển hình tốt và nhiều đội sản xuất đã làm ăn tốt và quản lý khá; trong đó có 5 đội được tuyên dương là Đội Lao động xã hội chủ nghĩa, như Đội 5 Hợp tác xã Tiên Phong (Bát Xát), Đội 3 Hợp tác xã Sán Chải (Mường Khương), Đội 4 Nam Cường và Đội 2 Thác Dạ Vạch (Bảo Thắng), Đội thủy lợi Tả Ngảo (Bát Xát).

Ở vùng thấp, các hợp tác xã qua cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, nay đã xác định được phương hướng và kế hoạch sản xuất. Số hộ nông dân vào hợp tác xã trong vùng đã lên tới 92,9%, trong đó 88% số hộ ở trong hợp tác xã bậc cao. Quy mô hợp tác xã đã được mở rộng và nói chung là phù hợp. Cơ sở vật chất, kỹ thuật được tăng cường. Công tác quản lý có nhiều tiến bộ, bước đầu đã phân công lại lao động, có các đội sản xuất cơ bản và các đội chuyên môn. Chế độ khoán việc, 2 khoán, 3 khoán đang được thực hiện trong các hợp tác xã. Số hợp tác xã đạt 5 tấn thóc trở lên trên 1 ha gieo trồng, mỗi năm một tăng: Năm 1966 có 22 hợp tác xã, năm 1967 và 1968 lên 35 hợp tác xã. Năng suất lúa ruộng hai vụ vùng thấp bình quân đã đạt gần 4,8 tấn/ha (1968); huyện Bát Xát, thị xã Lào Cai đạt 5 tấn/ha. Tình hình đó thể hiện

rằng: Phong trào hợp tác hóa ở vùng thấp nói chung đã tương đối vững chắc và đồng đều, bước đầu đã có cơ sở vật chất, kỹ thuật đang hình thành thế mới thúc đẩy sản xuất phát triển, tính hơn hăng của hợp tác xã đang được phát huy mạnh, kinh tế tập thể bước đầu được tăng cường. So với vùng thấp, vùng cao và giữa tuy có những thuận lợi nhất định; song, còn có nhiều khó khăn rất lớn. Lực lượng sản xuất quá yếu, tình trạng du canh, du cư hay định canh nhưng lại du cư còn khá phổ biến, đời sống nhân dân chưa thật ổn định. Vì vậy, phong trào hợp tác hóa chưa vững chắc, những ưu thế về cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng chưa được phát huy mạnh mẽ. Do đó, để thực hiện vùng cao tiến kịp vùng thấp, miền núi tiến kịp miền xuôi, tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, Đảng bộ ta đã khẳng định rằng: con đường duy nhất để tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với vùng cao và giữa là phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng một cách mạnh mẽ và phù hợp với tình hình, đặc điểm của nó.

Xuất phát từ nhận định đúng đắn đó, hơn 6 năm qua, chúng ta đã tiến hành thí điểm nhiều nơi để nghiên cứu, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, lấy điển hình để chỉ đạo toàn diện, lấy thực tiễn để nâng cao nhận thức. Đảng bộ ta đã có những chủ trương sát hợp, đã tăng cường lãnh đạo đi đôi với việc tích cực vận động, giáo dục quần chúng hăng hái xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất theo vùng đã xác định.

Sau khi đã hoàn thành thắng lợi cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, xác định phương hướng sản xuất ở 31 xã vùng thấp, Đảng bộ ta, qua điều tra nghiên cứu, đã mạnh dạn vận dụng nội dung đó, với mức độ phù hợp vào 12 xã vùng cao và giữa.

Trải qua một thời gian tích cực lãnh đạo, cuộc vận động ở 12 xã đã thành công, rút được một số kinh nghiệm về chỉ đạo mọi mặt nhất là kinh nghiệm vận dụng ba cuộc cách mạng ở vùng cao và giữa.

Phát huy những thắng lợi đó, chúng ta đã chủ trương mở tiếp cuộc vận động sâu rộng và toàn diện hơn, trọng tâm là củng cố hợp tác xã. Đó là cuộc vận động “củng cố cơ sở, củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất vùng cao”.

Nhờ liên tục tiến hành những cuộc vận động kết hợp với đẩy mạnh củng cố thường xuyên, chúng ta luôn luôn lấy củng cố hợp tác xã làm trọng tâm, gắn liền với vận động phong trào làm ruộng nương bậc thang, phát triển thủy lợi, tăng vụ, thâm canh, đồng thời bồi dưỡng và nâng cao từng bước trình độ về mọi mặt cho nhân dân. Quá trình thực hiện những chủ trương sát hợp và những biện pháp tích cực đó đã đem lại nhiều tiến bộ rõ rệt. Mặc dầu còn rất nhiều khó khăn, nhưng phong trào hợp tác hóa vùng cao và giữa được duy trì, ngày càng nâng cao về chất lượng, có nơi tiếp tục phát triển. Một số trước đây chỉ còn là hình thức, nay đã đi vào nội dung quản lý. Hiện nay ở vùng cao và giữa, qua kiểm tra xác định đã có 68% số hộ tham gia hợp tác xã trong đó 31% ở trong hợp tác xã bậc cao. Số hợp tác xã tiến kịp các hợp tác xã khá và tiên tiến ở vùng thấp ngày càng nhiều, tiêu biểu như các xã: Tả Ngảo, Lao Chải (Bát Xát); Sán Chải (Mường Khương); Tả Chải, Bản Phố (Bắc Hà), Tả Phìn (Sa Pa)... Trong phong trào dành danh hiệu tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, chúng ta đã được Chính phủ tuyên dương 5 đội, trong đó có 2 đội: Đội 3 Hợp tác xã Sán Chải (Mường Khương), Đội thủy lợi Tả Ngảo tiêu biểu cho phong trào của đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng giữa.

Những điển hình ở cả ba vùng sản xuất trên đây là kết quả một chứng minh về sự thành công bước đầu trong việc vận dụng ba cuộc cách mạng đồng thời; đang cổ vũ phong trào hợp tác hóa tỉnh ta ngày càng tiến lên vững chắc.

Trên cơ sở hợp tác xã được tăng cường củng cố, xây dựng, chúng ta đã đẩy mạnh phát triển sản xuất theo vùng đã xác định; do đó tình hình vùng cao và vùng giữa nhìn chung có

nhiều tiến bộ về mọi mặt. Từ nền sản xuất tự cấp, tự túc, độc canh nay bước đầu đã tạo ra sản phẩm hàng hóa. Nạn đói lưu niên căn bản bị đẩy lùi, nhiều nơi hàng năm trước đây phải cứu đói thường xuyên, nay đã tự túc được, vùng mì Y Tý đang hình thành phát triển; vùng đồng ruộng ngày càng mở rộng. Những biến đổi đó đang thôi thúc cổ vũ đồng bào các dân tộc tỉnh ta ngày càng gắn bó với con đường hợp tác hóa của Đảng, thiết tha yêu chế độ tốt đẹp của mình.

Những năm gần đây, thực hiện Nghị quyết 38 của Hội đồng Chính phủ, cuộc vận động định canh, định cư được tiến hành với nội dung sâu sắc, toàn diện càng phát huy những thắng lợi đó nên đã thu được kết quả bước đầu.

Bên cạnh những thắng lợi to lớn đã đạt được, chúng ta cũng còn những khuyết điểm, nhược điểm và tồn tại như: Tư tưởng làm chủ tập thể của xã viên còn yếu, chế độ làm chủ tập thể của quần chúng nông thôn chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ, trong việc thực hiện nguyên tắc quản lý dân chủ còn nhiều vi phạm; xã viên còn làm riêng quá nhiều, có lúc lấn át cả kinh tế tập thể; kinh tế tập thể chưa thực sự chiếm ưu thế; phần thu nhập của xã viên do kinh tế tập thể đưa lại còn quá ít (mới 23,6%); trình độ quản lý còn thấp, nhiều mặt còn yếu, nhất là về quản lý tư liệu sản xuất và quản lý lao động; số hợp tác xã kém còn tới 32% trong toàn tỉnh. Phong trào vùng cao và giữa còn yếu hơn vùng thấp, và nói chung chưa thực vững chắc, số hợp tác xã kém còn chiếm trên 40%. Nhiều hợp tác xã nội dung quản lý còn đơn giản (trên 100 hợp tác xã). Tình hình du canh, du cư còn là vấn đề nghiêm trọng. Công tác vận động định canh, định cư đạt kết quả còn ít. Những tồn tại, khuyết điểm đó do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do lãnh đạo và chỉ đạo của chúng ta chưa thật *tập trung* đầy đủ và *thường xuyên* trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch đã đề ra.

Thực tiễn của phong trào hợp tác hóa trên đây, chứng minh rằng: *Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa vẫn là một quá trình*

đấu tranh tiếp tục lâu dài và phức tạp giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa tập thể và cá thể, diễn ra liên tiếp, gay gắt và dưới nhiều hình thức. Nếu chúng ta lơ lửng đấu tranh thì tư tưởng cá thể càng có cơ hội phát triển. Vì vậy, một lần nữa, chúng ta cần khẳng định: Chỉ có bám chắc và kiên trì đấu tranh thực hiện đường lối hợp tác hóa của Đảng, trước mắt phải đẩy mạnh cuộc vận động định canh, định cư; kết hợp củng cố hợp tác xã; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật; tôn trọng và phát huy chế độ làm chủ tập thể của quần chúng ở nông thôn thì mới ngăn chặn được sản xuất nhỏ tự phát đi lên chủ nghĩa tư bản, mới xóa bỏ được những điều kiện kinh tế xã hội làm nảy sinh và phục hồi chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản; đưa vùng cao tiến kịp vùng thấp, đưa miền núi từng bước tiến kịp miền xuôi và vượt miền xuôi từng mặt, đưa nhân dân các dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Do tình hình đặc điểm của tỉnh ta còn có nhiều khó khăn, còn có những vấn đề đòi hỏi phải giải quyết lâu dài. Vì vậy, quá trình tiến hành củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh ta còn phải đi từng bước một cách tích cực, chắc chắn từ điểm ra diện, từ đơn giản đến toàn diện, quy mô nhỏ đến quy mô lớn; phải thường xuyên giáo dục, phát động tư tưởng quần chúng, tích cực xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, nâng cao nội dung quản lý, xây dựng cơ sở Đảng để đảm bảo lực lượng lãnh đạo và quản lý cho hợp tác xã. Riêng ở vùng cao và giữa, do trình độ quản lý và lực lượng sản xuất còn thấp nên hình thức hợp tác xã đơn giản còn tồn tại trong một thời gian nhất định; song phải tích cực đưa hợp tác xã tiến lên có đầy đủ tính chất và nội dung.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh ta trong những năm qua còn thể hiện: ở đâu phong trào hợp tác hóa được củng cố và phát triển thì đoàn kết dân tộc ở đó càng tăng cường, các mặt sản xuất, cải tiến kỹ thuật, chống thiên tai hạn hán, làm các công trình thủy lợi, giao thông lớn, cũng như về mặt chiến đấu, trị an,

văn hóa, xã hội, v.v. được đảm bảo tốt. Ngược lại, ở những nơi hợp tác xã chưa được xây dựng và củng cố thì ở nơi đó có nhiều khó khăn, các công tác đều bị hạn chế kết quả, có lúc còn phát sinh những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và đời sống. Do đó, nếu chúng ta làm tốt hơn nữa việc củng cố và hoàn thiện phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, nhất là đối với vùng cao và giữa, thì vai trò, vị trí “mở đường” và “thúc đẩy” của cách mạng quan hệ sản xuất còn phát huy mạnh mẽ hơn nữa.

Thưa các đồng chí,

Đi đôi với xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc *xây dựng và củng cố hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng*. Đến nay toàn tỉnh đã có 67,7% số xã viên hợp tác xã nông nghiệp tham gia hợp tác xã mua bán, với 110 cơ sở và cửa hàng trong nông thôn (kể cả một số xã xa xôi, hẻo lánh); đã có tác dụng trợ thủ và thay thế một phần cho thương nghiệp quốc doanh ở nông thôn. Các hợp tác xã tín dụng cũng được phát triển nhanh chóng, đã có cơ sở khắp tỉnh (hiện có 124 cơ sở), nên đã góp phần vào việc quản lý tiền tệ, huy động tiền tiết kiệm, huy động vốn và cho vay phục vụ sản xuất, đời sống ở nông thôn.

Hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã nông nghiệp đang ngày càng được xây dựng, củng cố và tạo nên thế kiềng ba chân ngày càng thêm vững chắc, có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau; cùng thúc đẩy sản xuất phát triển. Tuy nhiên, so với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chúng ta chưa chú trọng thật đầy đủ đến việc củng cố hợp tác xã mua bán và tín dụng, ý thức làm chủ hợp tác xã của xã viên còn yếu, các ngành còn thiếu tích cực giúp đỡ, nên việc phát huy tác dụng của hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng còn bị hạn chế.

Đối với anh chị em thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong 6 năm qua chúng ta đã tiếp tục xây dựng củng cố hợp tác xã thủ công nghiệp, tiếp tục giáo dục

và hướng dẫn những người buôn bán nhỏ và tiếp tục cải tạo tư sản. Hiện nay đã có trên 1.610 thợ thủ công tham gia hợp tác xã, chiếm 82% so với tổng số, với 41 cơ sở sản xuất và hơn 70 ngành nghề khác nhau; đã từng bước phát huy mặt tích cực, đi vào sản xuất theo phương thức xã hội chủ nghĩa. Những bà con buôn bán nhỏ đã trở về lao động sản xuất từ những năm trước đây, nay ngày càng ổn định, dần dần xóa bỏ mặt tiêu cực và những tư tưởng buôn bán không chính đáng. Về phía những người tư sản sau khi được tiến hành hòa bình cải tạo, họ đã nhận rõ được chính sách của ta mà từ bỏ bóc lột, và ngày càng đi vào con đường lao động tốt hơn.

Tuy nhiên, chúng ta cũng còn có lúc, có nơi chưa chú ý củng cố và lãnh đạo, hướng dẫn đối với các hợp tác xã thủ công nghiệp. Việc tiếp tục giáo dục, hướng dẫn những người buôn bán nhỏ đi vào lao động sản xuất tập thể, có thời gian không được quan tâm đầy đủ. Công tác quản lý thị trường tự do có lúc còn buông lỏng.

Thưa các đồng chí,

Song song với việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng của *thành phần kinh tế quốc doanh*. Vì vậy, các công trường, xí nghiệp, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và cửa hàng, v.v. trong các ngành công nghiệp, thương nghiệp, ngân hàng, văn hóa của tỉnh ta ngày càng không ngừng được xây dựng và phát triển lớn mạnh.

Qua cuộc vận động ba xây, ba chống và cuộc vận động chống đầu cơ, móc ngoặc, ăn cắp tài sản, hàng hóa, vật tư của Nhà nước, nhiều xí nghiệp, doanh nghiệp có nhiều tiến bộ trong việc thực hiện nguyên tắc, chế độ quản lý xí nghiệp, trong việc cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và nâng cao lập trường, tư tưởng giai cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Do ngày càng phát triển và tăng cường, đến nay hệ thống kinh tế quốc doanh đã trở thành một mạng lưới rộng khắp. Công nghiệp

quốc doanh, mấy năm qua xây dựng thêm hơn 10 xí nghiệp mới và từ chỗ chiếm 52,8% năm 1963 lên 73% năm 1969 so với tổng giá trị sản lượng của sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Thương nghiệp quốc doanh, từ chỗ chiếm 65,5% năm 1963 lên trên 78% năm 1969 so với tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trên thị trường xã hội. Lực lượng giai cấp công nhân ở tỉnh ta tuy mới hình thành và non trẻ, nhưng đã và đang phát triển lớn mạnh, hiện nay đã có hơn 10.300 người (kể cả các cơ sở của Trung ương ở địa phương).

Về mặt xây dựng các nông, lâm trường: Xuất phát từ nhận thức lợi dụng các ưu thế để khai thác tài nguyên ở địa phương, chúng ta đã quyết tâm xây dựng các nông trường chăn nuôi đại gia súc và trồng cây công nghiệp, cây đặc sản. Do đó, đến nay tỉnh ta đã có năm nông trường chăn nuôi bò, lợn, dê (kể cả một nông trường bò sữa giống của Bộ); một nông trường trồng sả, cam, lai, sỏ; một lâm trường và một số trạm lâm nghiệp trồng cây, tu bổ và khai thác rừng. Các cơ sở trạm, trại kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, ươm cây, trồng dược liệu, v.v., phát triển ngày càng nhiều, đến cả các huyện và một vài khu vực (hiện có 8 cơ sở).

Việc xây dựng và phát triển các nông, lâm trường đã đem lại nhiều kết quả lớn, không những khai thác được hợp lý tài nguyên có ưu thế, tăng nhanh sản phẩm để phục vụ nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, mà còn làm gương cho các hợp tác xã nông nghiệp về mặt quản lý kinh tế và cải tiến kỹ thuật, sử dụng cơ giới... Đặc biệt việc đưa Đội 4 Hợp tác xã Tả Phìn gồm 11 hộ dân tộc Mèo vào nông trường bò sữa của Bộ ở Sa Pa là một thành công mới, là sáng tạo trong việc vận dụng đường lối, chính sách chung vào vùng dân tộc ít người ở tỉnh ta. Đây là một cách đi cụ thể của đồng bào vùng cao và giữa tiến lên định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống, mà Nông trường Sa Pa đã thực nghiệm.

Thưa các đồng chí,

Trong ba cuộc cách mạng thì *cách mạng kỹ thuật chiếm vị trí then chốt*. Trong những năm qua, Đảng bộ ta ngày càng xác định

được rõ ý nghĩa đó trên mặt nhận thức cũng như về hành động cụ thể. Chúng ta đã thấy rõ rằng muốn cho quan hệ sản xuất mới sau khi được xác lập, thì cách mạng kỹ thuật càng phải tiến hành mạnh mẽ, nhằm bảo đảm cho quan hệ sản xuất mới có cơ sở vật chất và kỹ thuật để củng cố và hoàn thiện. Do đó, đồng thời với việc tiến hành cách mạng về quan hệ sản xuất, chúng ta đã từng bước tăng cường xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật, ra sức cải tiến kỹ thuật, đưa mạnh khoa học kỹ thuật vào các ngành kinh tế quốc dân.

Để đẩy mạnh sản xuất và phục vụ cho việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp, chúng ta đã tập trung tiến hành điều tra, đo đạc đất đai, xây dựng quy hoạch phân vùng sản xuất, và đi vào xây dựng phương hướng, kế hoạch sản xuất một cách có cơ sở khoa học, đã đi từ tổng thể đến cụ thể. Đến nay, đã xác định rõ ba vùng sản xuất lớn, trong đó chia ra 15 vùng nhỏ và trong từng vùng đã xác định rõ cây con chủ yếu. Chúng ta đã đầu tư mạnh sức người, sức của vào xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nông nghiệp, trong đó đã chú trọng xây dựng cơ sở cho các khâu trực tiếp sản xuất, và tiếp tục đưa công tác thủy lợi lên hàng đầu. Nhờ vậy, nhiều công trình thủy nông được xây dựng thêm. Các cơ sở cho phân, giống, vườn cây, ruộng nương bậc thang, nhà kho, sân phơi, chuồng trại gia súc; các trạm trại kỹ thuật nghiên cứu, thí nghiệm các giống như đậu tương, ngô, lúa, lợn, cá...; các cơ sở thủy điện nhỏ, thủy luân, cơ khí nhỏ, đường giao thông nông thôn, trường học, cửa hàng hợp tác xã mua bán, v.v. đều đã được tăng lên gấp nhiều lần so với năm 1963. Một số hợp tác xã đã có lò gạch, lò vôi, cơ sở rèn, đúc, mộc, cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ..., từ sản xuất ra vôi, gạch, nông cụ để phục vụ sản xuất và xây dựng tại địa phương.

Đặc biệt là trong mấy năm gần đây, chúng ta càng chú ý phát huy ưu thế về nguồn nước trong tỉnh để xây dựng các cơ sở thủy điện nhỏ và cơ khí nhỏ, thủy luân ba kết hợp (hút nước, phát điện, kéo máy móc). Nhờ vậy, chỉ trong thời gian từ 1965 - 1966 đến nay, tỉnh ta đã xây dựng được 34 điểm cơ khí nhỏ, 38 trạm thủy

điện và thủy luân, trong đó có 31 trạm thủy luân ba kết hợp. Ngày nay, tiếng máy chạy không còn lạ lẫm đối với quần chúng và với 1.036 kW điện do thủy điện và thủy luân cung cấp đang tỏa ánh sáng trên nhiều bản làng, kể cả nơi xa xôi hẻo lánh, đem lại đời sống phấn khởi, văn minh cho các dân tộc. Kết quả đó đã đánh dấu một bước mới, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc ở tỉnh ta.

Để đẩy mạnh công tác thủy lợi và đi vào khoa học kỹ thuật, nhiều nơi đã xây dựng lại đồng ruộng, áp dụng tiêu tiêu khoa học hoặc chủ động hơn trước (toàn tỉnh đã có 22,5% diện tích ruộng nước đã có đường vùng, bờ thửa, hoặc đã có mương tưới, mương tiêu mới xây dựng). Ở vùng cao, việc giải quyết nước ăn cho người và gia súc cũng được chú ý từng bước. Chúng ta đã xây dựng được 19 giếng và bể, giải quyết cho trên 17.100 nhân khẩu có nước ăn, dùng.

Đi đôi với tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, chúng ta đã coi trọng áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh và cải tiến các công cụ lao động. Phong trào chống năm tẻ (cấy chay, bỏ cỏ, nước chảy tràn bờ, thả rông, chặt phá rừng bừa bãi) được phát động từ năm 1965 - 1966, đã có kết quả trên một số mặt nhất định, đã căn bản giải quyết tốt được tẻ cấy chay và bỏ cỏ. Phong trào thâm canh, tăng năng suất và tăng vụ ngày càng trở thành ý thức cần thiết của quần chúng, do đó năng suất lúa chiêm và một số loại cây trồng (khoai, đậu tương, mía...) nói chung mỗi năm một tăng; diện tích tăng vụ (lúa xuân, đậu tương, khoai lang, mì, v.v.) mỗi năm một phát triển. Nhiều loại công cụ thô sơ lạc hậu đã và đang được thay thế bằng các công cụ cải tiến, có năng suất cao hơn. Ngoài những công cụ thường, một số hợp tác xã cũng có máy xay xát, tuốt lúa, tẽ ngô, thái rau lợn, nghiền thức ăn gia súc, v.v..

Một cố gắng lớn của tỉnh ta là đã mạnh dạn từng bước đi từ thủ công lên nửa cơ giới và cơ giới hóa. Năm 1969, chúng ta xây dựng trạm máy kéo nông nghiệp, gồm hàng chục máy công tác các loại và mới từ cuối năm 1969 đến nay đã dùng máy cày được hàng

trăm hécta đất khai hoang và đất rau, màu. Đây là một thắng lợi mới, mở ra một triển vọng mới đối với việc đẩy mạnh cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp.

Trong công nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác đều có nhiều tiến bộ về mặt xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật, mạnh dạn đi từ thủ công lên nửa cơ giới và cơ giới đối với từng khâu dây chuyền công nghệ. Đáng chú ý là mấy năm gần đây, được sự quan tâm của các ngành trung ương và sự viện trợ của nước bạn, cộng với tinh thần dám nghĩ, dám làm, đi sâu vào khoa học kỹ thuật để học tập và sáng chế, phát minh nên một số xí nghiệp và cơ sở sản xuất của ta đã trang bị được một số máy móc đáng kể về mặt cơ khí. Hiện nay, phần cơ khí và nửa cơ khí đã chiếm 65% trong các ngành công nghiệp quốc doanh địa phương.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của tỉnh ta ngày càng tăng. Hiện nay số cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ các loại trong tỉnh ta đã có 2.914 người, trong đó cao cấp và trung cấp có 1.673 người. Số cán bộ kỹ thuật trung cao cấp là người dân tộc địa phương đã có 112 anh chị em. Đội ngũ cán bộ này đã và đang hăng say phục vụ cuộc cách mạng kỹ thuật trong tỉnh, họ là chủ lực trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong mọi ngành của tỉnh ta.

Tóm lại, do ngày càng tăng cường được cơ sở vật chất kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, nên đã có thúc đẩy được sản xuất phát triển nhanh, mạnh hơn, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới vững mạnh. Đặc biệt trong kinh tế tập thể, việc tăng cường một số cơ sở vật chất kỹ thuật và trang bị công cụ, v.v. vào các hợp tác xã đã và đang làm cho sản xuất có điều kiện tăng năng suất cây trồng và gia súc, tạo ra sự phân công mới trong nông thôn, đồng thời làm cho xã viên càng thêm gắn bó với nhau trong hợp tác xã.

Thưa các đồng chí,

Trong khi tập trung đẩy mạnh hai cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng kỹ thuật, hơn 6 năm qua chúng ta đã

thường xuyên chú ý thực hiện các nội dung yêu cầu của *cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa*, nhằm thúc đẩy và phục vụ cho hai cuộc cách mạng trên. Chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, xây dựng con người và xã hội tỉnh ta dần dần tiến bộ về tư tưởng và đạo đức xã hội chủ nghĩa, về trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật và về tác phong, nếp sống mới lành mạnh, văn minh.

Nhờ kết quả về mặt giác ngộ chính trị và nâng cao tư tưởng, nên khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết công nông, và sự nhất trí về tinh thần trong nhân dân tỉnh ta càng được tăng cường. Đồng thời với giáo dục tư tưởng, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, phát huy những đức tính tốt đẹp của các dân tộc, đồng thời xây dựng con người mới, nếp sống mới một cách toàn diện. Nạn mù chữ trong nhân dân đã được căn bản thanh toán từ năm 1965 và từng bước nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức khoa học kỹ thuật cho quần chúng. Các tệ tục và tập quán lạc hậu từng bước được đẩy lùi, đặc biệt nạn nghiện hút căn bản đã được giải quyết. Việc xây dựng chữ Mèo và người Mèo có chữ là một thành tựu lớn, góp phần vào thắng lợi của cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa của tỉnh ta. Các sự nghiệp văn hóa, văn nghệ, báo chí, y tế, thể dục thể thao, v.v. cũng được đẩy mạnh và đã đem lại nhiều kết quả khá. Tất cả những kết quả đó, đã tạo ra điều kiện thuận lợi cho quần chúng tiếp thu thuận lợi đối với giáo dục tư tưởng, chính trị và khoa học kỹ thuật, cũng như để củng cố kết quả của chính trị, tư tưởng, của cách mạng kỹ thuật và cách mạng về quan hệ sản xuất.

Thưa các đồng chí,

Tổng quát lại, hơn 6 năm qua, tỉnh ta đã tiếp tục thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng và giành được những thành tựu tốt đẹp. Nó đã đưa con người, xã hội và tự nhiên ngày càng đổi mới trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những thắng lợi đó

cộng với biến đổi cách mạng từ những năm trước đây, làm cho tỉnh ta ngày càng tươi da, đỏ thịt, khác hẳn so với cuộc sống của chế độ thối nát cũ. Thắng lợi của ba cuộc cách mạng mà chúng ta giành được đã và đang trở thành sức mạnh to lớn đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh ta tiến lên những bước mới. Tuy nhiên đó mới là những thắng lợi bước đầu. Chúng ta còn nhiều khuyết điểm tồn tại:

Nhận thức về tính chất và nội dung ba cuộc cách mạng chưa thực sự sâu sắc, toàn diện, đồng đều, có lúc, có nơi còn lệch lạc. Việc kết hợp chặt chẽ các nội dung ba cuộc cách mạng gắn liền với nhau, có lúc, có nơi còn yếu, chưa được cân đối.

Công tác củng cố, xây dựng phong trào vùng cao và giữa chưa được tập trung đẩy mạnh (kể cả công tác định canh, định cư). Mối quan hệ trong phong trào hợp tác hóa, thì hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã thủ công nghiệp chưa được củng cố một cách tích cực. Lực lượng kinh tế quốc doanh chưa phát huy đầy đủ vai trò tiên phong, gương mẫu, chưa tác động mạnh mẽ đối với nền kinh tế quốc dân, nhất là chưa phát huy hết vai trò chủ đạo, giúp đỡ và dẫn dắt đối với thành phần kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa.

Điểm yếu chung ở cả trong thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế hợp tác xã là trình độ quản lý kinh tế còn thấp, quản lý các mặt, nhất là mặt lao động còn lỏng lẻo, năng suất lao động quá thấp. Những thiếu sót trong quản lý kinh tế, quản lý vật tư, hàng hóa và chấp hành chế độ, nguyên tắc của Nhà nước quy định còn nhiều.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật còn ít so với yêu cầu, nhất là trong nông thôn vùng cao và giữa. Lao động, nói chung vẫn đại bộ phận là thủ công, chưa thật đẩy mạnh việc cải tiến kỹ thuật và cải tiến công cụ lao động. Trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ và nhân dân tỉnh ta vẫn còn thấp, giác ngộ

xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể của quần chúng chưa thật mạnh, đều.

Những tồn tại trên tuy là cục bộ, tạm thời, nhưng chúng ta cần nhanh chóng khắc phục để đưa ba cuộc cách mạng ở tỉnh ta đạt được thắng lợi to lớn hơn nữa.

II. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA

Thưa các đồng chí,

Hơn 6 năm nay, qua hai lần thực hiện chủ trương chuyển hướng kinh tế của Trung ương Đảng, cùng với những thắng lợi to lớn đã đạt được trong việc tiến hành ba cuộc cách mạng, tình hình kinh tế và văn hóa được không ngừng xây dựng và phát triển.

Về nông, lâm nghiệp: Để nhanh chóng đưa nền nông nghiệp độc canh, tự cấp, tự túc, mang tính chất tự nhiên, lạc hậu của chế độ cũ để lại tiến lên một nền nông nghiệp phát triển nhiều mặt và có nhiều sản phẩm hàng hóa, làm cơ sở cho công nghiệp phát triển, trong 6 năm qua, chúng ta đã tiếp tục phấn đấu gian khổ, tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, nghề rừng và chăn nuôi. Trên cơ sở phương hướng và quy hoạch ngày càng được xác định cụ thể, chúng ta đã từng bước đi vào biến phương hướng và quy hoạch đó trở thành hiện thực. Đến nay, tỉnh ta đã hình thành các vùng sản xuất rõ rệt, có những cây, con chủ yếu đang được phát triển. Một số vùng đã tăng dần khối lượng sản phẩm hàng hóa như vùng lương thực và thực phẩm, vùng cây ăn quả, cây đặc sản, vùng rau, vùng mía, vùng rừng, v.v.. Vấn đề phát triển sản xuất lương thực là khâu trọng tâm trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta, từ nhận định đó, chúng ta đã có rất nhiều cố gắng, phấn đấu không mệt mỏi, đưa khối lượng lương thực, thực phẩm của tỉnh ta ngày càng tăng. Đặc biệt đã chú

trọng khâu thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất đối với các loại cây lương thực như lúa, ngô, khoai, mì, v.v., đồng thời chúng ta vẫn từng bước phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Chúng ta đã từng bước kết luận được phương hướng đúng đắn để tăng vụ ở vùng cao với những cây con thích hợp, đặc biệt là việc phát triển đậu tương thay cây thuốc phiện. Một số loại giống cây trồng có năng suất cao (lúa chiêm xuân, ngô ngắn ngày, v.v.) và con gia súc tốt (lợn) đã được nghiên cứu, từ thí điểm đưa ra phát triển đại trà và rút ra được nhiều kết luận về mặt kỹ thuật phù hợp với tỉnh ta. Đặc biệt, việc nghiên cứu và áp dụng thành công phương pháp nhân tạo cho cá mè hoa, mè trắng, trắm cỏ để là một triển vọng tốt để có thể tự túc được cá giống tại địa phương.

Các biện pháp kỹ thuật (nước, phân, giống, thời vụ, phòng trừ sâu bệnh và dịch bệnh, v.v.) ngày càng được thực hiện có tiến bộ hơn trước rất nhiều. Đặc biệt về biện pháp thủy lợi được coi trọng thường xuyên nên đến nay đồng ruộng tỉnh ta có thể bảo đảm được nước tưới cho trên 88% diện tích gieo cấy hai vụ lúa.

Nhờ những cố gắng trên, tính sơ bộ đến năm 1969, giá trị sản lượng nông nghiệp, trong đó kể cả nghề rừng của tỉnh ta đã tăng 46% so với năm 1963, bình quân hàng năm tăng 6,5%. Giá trị nông sản hàng hóa do Nhà nước thu mua được năm 1969 tăng 25,6% so với năm 1963. Về lương thực, chúng ta đã đưa sản lượng từ 36.742 tấn năm 1963 lên hơn 41.200 tấn năm 1969, tăng 12%, bình quân hàng năm tăng 2%. Sản lượng lương thực của tỉnh ta tuy có năm do thiên tai gây mất mùa nên bị giảm (như năm 1969 so với năm 1968), nhưng nói chung là chúng ta đã không ngừng nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh trong việc giải quyết vấn đề tự túc lương thực ở tỉnh ta. Về cây công nghiệp, chúng ta đã đưa tỷ trọng lên 14% so với tổng số diện tích gieo trồng toàn tỉnh (năm 1963 mới chiếm 9,6%). Đặc biệt là cây đậu tương đã thành vùng sản xuất tương đối vững vàng và

nay đang bước đầu phát triển các cây đặc sản, cây ăn quả, cây thuốc, v.v. theo quy hoạch. Về chăn nuôi, đàn gia súc từ 1964 - 1969 nói chung bình quân hằng năm tăng đều: Trâu tăng 2,6%, bò 11,1%, ngựa 7%, lợn 1,3%, dê 7,7%. Việc nuôi cá, nuôi tằm, nuôi ong mật, v.v. trước kia hầu như không đáng kể, mấy năm nay đã có chiều hướng phát triển. Riêng về nuôi cá hồ, ao đã phát triển tương đối nhanh và tốt (toàn tỉnh nay có tới 100 ha hồ, ao, nuôi trên 1,6 triệu con cá). Về nghề rừng, từng nơi, từng mặt đã có tiến bộ nhất định, nhiều điển hình về trồng cây lấy gỗ, củi và tu bổ rừng gắn liền với trồng cây công nghiệp dài ngày xuất hiện như Thanh Kim, Pha Long, Si Ma Cai, Tà Chải, Bản Phiệt, v.v.. Phong trào làm vườn ươm đang phát triển. Trong 5 năm (1965 - 1969), nhân dân đã trồng được trên 3.870 ha cây các loại, tăng gấp hơn hai lần so với năm 1964. Hiện nay vấn đề rừng đã và đang được đặt thành nội dung chủ yếu trong cuộc vận động định canh, định cư kết hợp hợp tác hóa trong tỉnh.

Qua những kết quả đã đạt, chúng ta có thể đánh giá tình hình nông nghiệp của tỉnh ta hiện nay: Từ một nền sản xuất hết sức lạc hậu, độc canh, nhỏ bé, du canh, du cư, tự cấp, tự túc cũng không đủ, nay đã và đang phát triển theo phương hướng thâm canh, định canh và bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa. Nhờ vậy, không những tỉnh ta đã căn bản giải quyết được nạn đói lưu niên của chế độ cũ để lại, mà khối lượng nông, lâm sản hàng hóa cũng đã ngày càng tăng (như đậu tương, chè, hạt rau, mía, sắn, dược liệu, cam quýt, chuối, dứa, v.v.). Việc hình thành các vùng sản xuất để phát triển từng loại cây, con một cách tập trung là sát hợp đối với tỉnh ta, chẳng những nó đã sử dụng được khả năng do thiên nhiên ưu đãi mà còn cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất công nghiệp của tỉnh ta đòi hỏi ngày càng nhiều; đồng thời ngày càng làm cho nền nông nghiệp của tỉnh ta thay đổi cơ cấu cây trồng và đàn gia súc theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Về công nghiệp: Quán triệt chủ trương xây dựng kinh tế địa phương và giải quyết vấn đề hậu cần tại chỗ, chúng ta đã phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, vừa làm vừa học, ra sức xây dựng và phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp. Do đó đã đáp ứng được một phần đối với việc phục vụ và thúc đẩy nông nghiệp, các ngành kinh tế khác và văn hóa phát triển, đồng thời đã tự giải quyết được nhiều mặt hàng công nghiệp phục vụ đời sống ngay tại địa phương. Chúng ta đã đẩy mạnh phát triển ngành cơ khí, điện lực (nhất là thủy điện nhỏ), sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói, vôi, khai thác gỗ, nứa..., sản xuất công cụ cải tiến và một số máy móc nhỏ phục vụ cho nông nghiệp, giao thông vận tải. Có thể nói rằng, công nghiệp cơ khí và thủy điện của tỉnh ta từ chỗ trước kia chưa có gì đáng kể, nay đã có một số cơ sở và đã từng bước hình thành mạng lưới cơ khí từ tỉnh xuống huyện và cơ sở hợp tác xã. Xí nghiệp cơ khí tỉnh không những chỉ sản xuất nông cụ và sửa chữa được các mặt hàng thông thường mà còn có khả năng sản xuất ra công cụ cải tiến, ra một số loại máy móc nhỏ và phụ tùng, phụ kiện thay thế.

Đối với các hàng tiêu dùng, chúng ta đã tích cực xây dựng, củng cố và phát triển một số cơ sở sản xuất những mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống, như các xí nghiệp thực phẩm, nước chấm, đường, rượu, dược phẩm, làm nghề gốm, mộc xẻ, thủy tinh, v.v.. Đặc biệt, chúng ta đã mạnh dạn tự lực xây dựng thành công cơ sở thủy điện với công suất 800 kW; mạnh dạn xây dựng nhà máy sành sứ, nay đã sản xuất ra những mẻ sứ đầu tiên với các mặt hàng ấm, chén, bát, đĩa... tương đối tốt. Gần đây việc sản xuất xi măng, xây lắp các công trình nhà cửa bằng những cấu kiện bê tông đúc sẵn cũng là một thành công về mặt công nghệ và kiến trúc, mở ra một triển vọng rất sáng sủa để tiết kiệm một phần gỗ, nứa và tăng nhanh tốc độ thi công trong xây dựng cơ bản của tỉnh ta.

Đồng thời với phát triển công nghiệp quốc doanh, chúng ta đã có phần chú ý đẩy mạnh thủ công nghiệp. Do đó, tình hình sản

xuất thủ công nghiệp đã có những tiến bộ nhất định. Giá trị thủ công nghiệp năm 1969 chiếm 30,9% so với tổng giá trị công nghiệp.

Do tình hình công nghiệp phát triển, nên giá trị sản lượng công nghiệp tỉnh ta năm 1969 đã tăng hơn 37% so với năm 1963, bình quân hằng năm tăng 5,1%. Giá trị hàng công nghiệp do địa phương sản xuất mà Nhà nước thu mua năm 1969 tăng 248,8% so với năm 1963, bình quân hằng năm tăng 25,6%.

Bên cạnh hệ thống công nghiệp địa phương, *các cơ sở công nghiệp của Trung ương đóng tại địa phương* trong những năm chuyển hướng sản xuất đã khắc phục nhiều khó khăn, cố gắng vươn lên hoàn thành kế hoạch nhà nước. Việc thực hiện kế hoạch hằng năm của các cơ sở công nghiệp trung ương tuy có khác nhau, nhưng nói chung đã bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu. Mối quan hệ hỗ trợ giữa các xí nghiệp trung ương và các ngành, các cơ sở kinh tế của địa phương ngày càng được tăng cường và có nhiều kết quả thiết thực. Các xí nghiệp trung ương đều có kế hoạch giúp đỡ cụ thể đối với công nghiệp và nông nghiệp của địa phương, nhất là giúp đỡ về kỹ thuật (vật tư, cán bộ) và góp phần công sức nhất định vào việc xây dựng các trạm thủy điện, thủy luân, các điểm cơ khí nhỏ ở nông thôn và các xí nghiệp trong tỉnh.

Trong xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa thì công tác *xây dựng cơ bản* chiếm vị trí rất quan trọng trong việc tạo ra cơ sở vật chất và kỹ thuật đầu tiên cho sản xuất và đời sống. Nhờ sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, cộng với sự cố gắng của địa phương và sự đóng góp công sức của nhân dân và cán bộ, công nhân các ngành xây dựng cơ bản, nên trong những năm có chiến tranh tỉnh ta vẫn tiếp tục xây dựng, kiến thiết các công trình phục vụ cho sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và một phần phục vụ đời sống. Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của năm sau thường tăng nhiều so với năm trước, từ năm 1964 đến năm 1969 so với năm 1963, bình quân hằng năm tăng 31,4%. Số vốn đó đã được đầu tư tập trung vào

nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, v.v. để xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, các xí nghiệp công nghiệp, mở mang đường giao thông, v.v. và mua các máy móc, thiết bị trang bị cho các cơ sở sản xuất.

Giao thông vận tải và đảm bảo liên lạc trong thời bình cũng như thời chiến, đặc biệt là thời chiến, chiếm vị trí rất quan trọng. Vì vậy mấy năm qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng tập trung phát triển về mặt này. Bên cạnh việc phát triển các đường bộ lớn do Trung ương đầu tư và bạn giúp đỡ xây dựng, chúng ta đã mở rộng một số đoạn đường từ tỉnh xuống hầu hết các huyện, các khu vực, các xã vùng thấp và một số xã vùng cao ô tô đi lại được, như đường Bảo Nhai - Bắc Hà, Mường Khương - Pha Long, Bát Xát - Mường Hum, Bắc Hà - Lũng Phình (tuy nhiên có đoạn còn phải tiếp tục hoàn chỉnh thêm). Nếu so với những năm hòa bình thì mấy năm có chiến tranh, khối lượng và tốc độ phát triển đường sá ở tỉnh ta là một trong những mặt làm được nhiều và nhanh hơn. Do giao thông phát triển, phương tiện vận tải tăng nhanh, nên khối lượng vận chuyển mỗi năm một tăng khá (năm 1969 so với năm 1963 thì khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng gấp hơn 3 lần và gấp 4,5 lần về tấn/km; chuyên chở hành khách tăng trên 16% về tấn/hành khách). Trong công tác đảm bảo liên lạc, chúng ta đã chú ý củng cố và phát triển bưu điện, tăng cường và mở rộng mạng lưới điện thoại, thư tín, v.v. nên nói chung đảm bảo tốt việc liên lạc, công văn, báo chí, thư từ... của cơ quan và nhân dân.

Đi đôi với sản xuất, công tác *lưu thông, phân phối, tài chính thương nghiệp* của tỉnh ta cũng phát triển không ngừng. Tính đến năm 1969 thì nguồn thu ngân sách địa phương bình quân hằng năm tăng 16,3%, vốn đầu tư tập trung cho xây dựng kinh tế hằng năm tăng 23,4%. Hàng nông sản, thực phẩm thu mua được năm 1969 tăng 25,6% so với năm 1963, riêng hàng xuất khẩu năm 1969 tăng 43,5% so với năm 1963. Hàng xuất khẩu của tỉnh ta hằng

năm đứng vào loại khá trong các tỉnh miền Bắc về giá trị bằng tiền tính theo đầu người.

Công tác quản lý tiền tệ và tín dụng có nhiều tiến bộ trong việc huy động và cho vay vốn sản xuất, trong việc vận động gửi tiền tiết kiệm. Số dư bình quân đầu người toàn tỉnh đã từ 5,60đ năm 1963 lên 11,07đ năm 1969.

Công tác phân phối và giá cả thời chiến có nhiều cố gắng. Nói chung, chúng ta đã bảo đảm cung cấp được các nhu cầu thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nhân dân. Giá cả thị trường có tổ chức vẫn bình ổn. Giá cả thị trường tự do có tăng lên theo quy luật giá trị và do hoàn cảnh thời chiến, nhưng không có những biến động đột ngột và nay có chiều hướng từng bước trở lại ổn định.

Đi liền với xây dựng, phát triển kinh tế tài chính, sự nghiệp *văn hóa - giáo dục, y tế* của tỉnh ta đã có nhiều tiến bộ. Về giáo dục, đã phát triển nhanh về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng. Trình độ văn hóa của nhân dân các dân tộc được nâng lên hơn trước, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới và có tác dụng rất thiết thực cho việc nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý kinh tế, v.v. cho cán bộ và nhân dân. Các xã nay đều đã có trường cấp I, nhiều nơi đã có trường cấp II (nay có 58 trường). Hầu hết các huyện đã có trường cấp III (nay có 6 trường). Số học sinh từ vỡ lòng đến cấp III phổ thông hiện nay toàn tỉnh có trên 3 vạn 2 nghìn em. Số học sinh phổ thông là con em dân tộc thiểu số nay có tới trên 3.900 em. Đặc biệt, từ cuối năm 1968, tỉnh ta đã tổ chức hai lớp đại học tại chức (một lớp nông nghiệp, một lớp công nghiệp) với gần 100 cán bộ, trong đó chủ yếu là cán bộ lãnh đạo và nghiên cứu, nghiệp vụ theo học. Đó là một kết quả đáng phấn khởi của tỉnh ta.

Cùng với sự nghiệp giáo dục, các hoạt động *văn hóa, văn nghệ* của tỉnh ta đã cố gắng bám sát và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng, đi sâu vào quần chúng, góp phần tích cực xây dựng con người mới, cuộc sống mới. Hoạt động văn hóa chuyên nghiệp có

nhiều tiến bộ hơn trước. Đội văn công của tỉnh đi trực tiếp phục vụ tiền tuyến, lập được nhiều thành tích, được cán bộ, chiến sĩ quý mến và qua đó cũng nâng cao được một bước về tư tưởng cũng như về nội dung, hình thức nghệ thuật. Việc thành lập đội thông tin, tuyên truyền lưu động là sự vận dụng sát hợp chủ trương chung vào hoàn cảnh tỉnh ta, do đó đã có tác dụng phục vụ thiết thực cuộc sống sản xuất và chiến đấu ở nông thôn, với những hình thức hoạt động phù hợp đối với các dân tộc. Hoạt động văn nghệ quần chúng phát triển ngày càng sâu rộng. Các hoạt động điện ảnh, thư viện, xuất bản, xây dựng bảo tồn bảo tàng, v.v. cũng có nhiều cố gắng và tiến bộ mới. Nếp sống mới, người tốt việc tốt ngày càng nảy nở trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội trong tỉnh.

Báo chí, thông tin là những công cụ sắc bén của Đảng trên mặt trận tư tưởng. Trong những năm qua, chúng ta đã chú ý đối với công tác này, do đó báo chí, thông tin đã có tiến bộ rõ rệt trong nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hoạt động của báo và thông tin đã bám sát và phục vụ tương đối kịp thời nhiệm vụ chính trị ở địa phương, nội dung và hình thức ngày càng phong phú, phù hợp với đặc điểm của tỉnh ta. Mạng lưới thông tin, tuyên truyền ở cơ sở dần dần được xây dựng. Hệ thống truyền thanh vô tuyến, hữu tuyến đang được phát triển mạnh. Nhiều hợp tác xã và xã có máy và loa truyền thanh bán dẫn, góp phần làm biến đổi bộ mặt nông thôn hiện nay.

Về mặt y tế, đã có những chuyển biến tốt. Mạng lưới y tế được mở rộng xuống hầu hết các xã. Các bệnh viện, bệnh xá, trạm xá phát triển thêm nhiều. Bệnh viện tỉnh ngày càng tăng thêm các phân viện chuyên khoa và giải quyết được những trường hợp khá hiếm nghèo. Việc kết hợp giữa đông và tây y trong điều trị và phòng bệnh bước đầu đã mang lại nhiều kết quả tốt. Công tác vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh hơn trước. Công tác điều tra sừu tầm, khai thác và phát triển nguồn dược liệu phong phú của địa phương đang được xúc tiến đẩy mạnh, bước đầu đã sản xuất được

nhiều loại thuốc địa phương, phục vụ thiết thực cho chữa bệnh và bồi dưỡng sức khỏe của nhân dân. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em được quan tâm hơn, hàng ngàn lượt phụ nữ được khám phụ khoa và hàng vạn lượt cháu được kiểm tra sức khỏe. Tình hình bệnh tật, mê tín dị đoan, phong tục lạc hậu trong nhân dân được đẩy lùi một bước.

Hoạt động *thể dục, thể thao* trong những năm hòa bình phát triển tương đối rộng rãi, bước vào thời chiến có mặt sút kém hơn, nhưng vẫn được duy trì ở mức độ nhất định.

Tổ chức *lao động và đời sống* là công tác rất quan trọng và là khâu mấu chốt trong mọi hoạt động kinh tế - văn hóa. Tính đến năm 1969, dân số tỉnh ta đã lên tới trên 19 vạn, bình quân hằng năm tăng 6,7%, trong đó nhân khẩu nông nghiệp bình quân tăng 5,7%, phi nông nghiệp bình quân tăng 10,6%. Vì vậy, lao động của tỉnh ta cũng tăng lên rõ rệt (tăng 24,9%).

Do lao động xã hội tăng lên, chúng ta đã căn bản bảo đảm được nhân lực cho các ngành thuộc khu vực nhà nước (trên 90% kế hoạch) và bảo đảm yêu cầu động viên lực lượng hằng năm cho quốc phòng. Đội ngũ lao động kỹ thuật được đào tạo ngày càng nhiều, nhất là trong các ngành công nghiệp. Trình độ văn hóa, chuyên môn của người lao động được từng bước nâng cao. Những kết quả đó đã góp phần quyết định vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện kế hoạch nhà nước hằng năm của tỉnh ta.

Việc tiếp nhận gần 3 vạn đồng bào miền xuôi, đã góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa tỉnh ta. Đến nay đại bộ phận đã nêu cao tinh thần phấn đấu, khắc phục khó khăn quyết tâm xây dựng quê hương mới. Tình đoàn kết tương trợ giữa đồng bào mới lên và đồng bào các dân tộc địa phương ngày càng gắn bó. Cơ sở sản xuất và đời sống được ổn định, sản xuất đang trên đà phát triển, đã có gần 50% số hợp tác xã tự túc được lương thực, một số bán được lương thực cho Nhà nước; trên 60% số hộ có mức sống ngang hoặc hơn quê cũ. Tuy nhiên, trong

quá trình tiếp nhận và tổ chức đồng bào đi vào sản xuất, ổn định đời sống cũng còn những thiếu sót, tồn tại phải tiếp tục giải quyết, một số nơi tình hình sản xuất, đời sống chưa thật ổn định vững chắc, nên tư tưởng thiếu phấn khởi, yên tâm. Số người trở về quê cũ tới 17% nhân khẩu. Về mặt lãnh đạo, chỉ đạo thì công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa thật thường xuyên coi trọng, chưa thật đi sâu nắm chắc và có biện pháp giải quyết kịp thời một số nơi còn gặp khó khăn.

Về đời sống nhân dân: Mặc dầu trong hoàn cảnh mấy năm chiến tranh có nhiều khó khăn, nhưng do công tác tổ chức đời sống và đẩy mạnh sản xuất của ta có nhiều cố gắng cho nên vấn đề ăn, ở, mặc, học tập, sức khỏe, văn hóa và tinh thần của nhân dân nói chung vẫn căn bản được đảm bảo. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở nông thôn được cải thiện. Riêng về mặt thu nhập, qua tài liệu điều tra một số hợp tác xã trong các vùng thì bình quân thu nhập thuần túy tính theo đầu người của nông dân đã từ 13,5đ một tháng (năm 1963), lên 15,72 đ một tháng (năm 1968).

Thư các đồng chí,

Đánh giá toàn bộ tình hình kinh tế - văn hóa của tỉnh ta như trên, chúng ta có thể kết luận rằng: Mặc dù trong hoàn cảnh có chiến tranh, tỉnh ta *vẫn tiếp tục phát triển và tiến bộ về mọi mặt, đã thu được thắng lợi rất to lớn*. Thắng lợi nổi bật là tỉnh ta vốn là một tỉnh nông nghiệp rất nghèo nàn, lạc hậu, nay đang tiến lên có công nghiệp địa phương phát triển mạnh, có nông nghiệp tập thể hóa đang phát triển khá, giao thông vận tải ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật có nhiều tiến bộ. Do đó, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân riêng phần địa phương tiếp tục tăng lên: năm 1969 so với năm 1963 tổng sản phẩm tăng 52,4%, bình quân hằng năm tăng 7,3%; thu nhập quốc dân tăng 42,4%, bình quân hằng năm tăng 6,1%. Những thắng lợi đó

đã làm biến đổi nền kinh tế và đời sống của tỉnh ta, góp phần tăng cường chuyên chính vô sản, tăng cường sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và là cơ sở để đưa kinh tế địa phương tỉnh ta tiến lên những bước phát triển mới nhanh, mạnh, vững chắc hơn nữa.

Thưa các đồng chí,

Trên đây là những thắng lợi của chúng ta đã giành được, nhưng chúng ta cũng thấy rằng *nền kinh tế, văn hóa của tỉnh ta còn nhiều vấn đề chưa cân đối, toàn diện và nhiều khâu còn có khó khăn nhược điểm và khuyết điểm*. Nền kinh tế tỉnh ta hiện nay căn bản vẫn là một nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất, kỹ thuật còn ít ỏi, đại bộ phận vẫn là lao động thủ công, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều, tích lũy để tái sản xuất mở rộng chưa đáng kể. Sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân của tỉnh ta tuy có tăng nhưng còn quá ít. Nếu tính cả giá trị sản phẩm của các cơ sở trung ương tại địa phương vào thì tổng sản phẩm xã hội có phần giảm, năm 1969 chỉ bằng 82,3% so với năm 1963, bình quân hàng năm giảm 0,9%. Thu nhập quốc dân chung cả xã hội cũng giảm, chỉ bằng 82,6% so năm 1963, bình quân hàng năm giảm 3,2%. Nguyên nhân cơ bản là *do năng suất lao động xã hội* quá thấp, thậm chí có phần giảm sút (năm 1968 so với năm 1963 giảm 0,4%, riêng trong công nghiệp quốc doanh địa phương giảm 10%). Tình trạng đó đã dẫn đến các nhu cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho đời sống do tình hình nhân khẩu tăng nhanh và nguyên vật liệu để xây dựng cơ bản, v.v. đòi hỏi lớn, đều chưa đáp ứng được đủ. Đặc biệt về lương thực và hàng tiêu dùng không tăng kịp nhu cầu phát triển, kể cả nhu cầu địa phương. Nói riêng về lương thực thì năm 1965 đã có phần tạm đủ, nhưng mấy năm gần đây lại càng thiếu, năm 1969 sản lượng tính theo bình quân đầu người toàn tỉnh chỉ được 213 kg, bằng 73,4% so với năm 1963, do đó phần

phải nhờ vào sự viện trợ của Trung ương ngày càng nhiều. Ở vùng cao và giữa, có nơi còn xảy ra thiếu ăn trong lúc giáp hạt. *Đây là tồn tại chủ yếu kéo dài nhất của tỉnh ta mà chúng ta chưa được giải quyết thật thỏa đáng.* Tình hình nông nghiệp tuy phát triển khá, nhưng chưa trở thành cơ sở vững chắc cho công nghiệp phát triển; phát triển sản xuất giữa các vùng kinh tế cũng chưa đều, vùng cao còn phát triển chậm hơn vùng thấp. Công nghiệp địa phương phát triển nhanh và mạnh, nhưng chưa chắc, chưa chú trọng đối với thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, do đó chưa thúc đẩy và phục vụ thật mạnh đối với yêu cầu cải tạo kinh tế nông nghiệp và đổi mới bộ mặt nông thôn. Sản xuất vật phẩm tiêu dùng hằng năm bình quân tăng 6,7% là tốt, nhưng về sản xuất tư liệu sản xuất hằng năm bình quân giảm 8,9% và năm 1969 so với năm 1963 chỉ bằng 56,9%, là biểu hiện thiếu cân đối giữa hai mặt sản xuất đó.

Do lương thực, thực phẩm còn khó khăn, nên đã làm hạn chế tốc độ phát triển các mặt sản xuất mà tỉnh ta có ưu thế. Cây công nghiệp, nghề rừng, chăn nuôi phát triển chậm. Năng suất nhiều loại cây trồng thấp và không ổn định (trừ lúa xuân). Nạn du canh, du cư còn nặng nề. Nghề rừng, nhất là về mặt bảo vệ và trồng rừng tiến bộ chậm; nạn chặt, phá rừng làm nương, kể cả rừng đầu nguồn còn xảy ra trầm trọng. Một số nơi ở vùng cao có hiện tượng trồng thuốc phiện trở lại. Đó là hiện tượng tiêu cực, không đáng để xảy ra. Trong công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng chưa nhiều, giá thành các loại sản phẩm nói chung còn cao, chất lượng và quy cách nhiều mặt hàng còn kém, chưa thật phù hợp và sát với thị hiếu của nhân dân từng vùng.

Công tác tài chính - tiền tệ tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng về mặt thu ngân sách, quản lý tài chính và tiền tệ còn yếu và chưa chặt chẽ; lãng phí tiền vốn, vật tư còn nhiều. Khâu tài vụ trong các hợp tác xã còn nhiều mắc mớ, chưa có sự tích cực giúp đỡ giải quyết tốt của các ngành có trách nhiệm. Trong công tác lưu thông,

phân phối, giá cả thì việc cải tiến phương thức thu mua, phân phối còn chậm, nhiều khâu chưa hợp lý, gây phiền phức và lãng phí thì giờ trong việc chờ đợi, xếp hàng mua bán của quần chúng. Việc cung cấp có lúc chưa đáp ứng nhu cầu (dù chỉ là nhu cầu cơ bản). Hiện tượng của quyền, móc ngoặc, tham ô, lãng phí... trong các ngành kinh tế - tài chính - thương nghiệp còn xảy ra khá phổ biến. Giá cả thị trường tự do còn cao; từ năm 1963 đến năm 1969 chỉ số vật giá tăng 97,7%, làm ảnh hưởng không ít đến đời sống của nhân dân, nhất là đối với những người lao động sống bằng tiền lương hằng tháng.

Vấn đề yếu nhất nổi lên hiện nay là công tác quản lý kinh tế và quản lý nhà nước của tỉnh ta chưa theo kịp sự phát triển của tình hình; nhất là còn nhiều lỏng lẻo trong quản lý lao động, kế hoạch, kỹ thuật, vật tư tiền vốn. Đặc biệt là về quản lý lao động, tuy lực lượng lao động tăng nhiều, nhưng năng suất lao động giảm, định mức lao động không đảm bảo, biên chế hành chính, sự nghiệp và gián tiếp sản xuất tăng quá nhanh, không cân đối với sản xuất, gây ra quan liêu, giấy tờ, xa thực tế, không sâu sát cơ sở và quần chúng.

Những tồn tại trên đây là những khó khăn và thiếu sót lớn, nhưng chỉ là tạm thời. Chúng ta tin tưởng rằng, với những thành tích đã đạt được, với những kinh nghiệm đã qua thực tiễn tích lũy được, sẽ là những thuận lợi để chúng ta khắc phục các khuyết điểm và tồn tại, tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn và rực rỡ hơn.

III. TĂNG CƯỜNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, Củng cố khối đoàn kết trong nhân dân các dân tộc

Thưa các đồng chí,

Nhận rõ *chính quyền dân chủ nhân dân* làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, là công cụ chủ yếu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, trong việc trấn áp các giai cấp bóc lột cùng mọi lực lượng phản cách mạng, tổ chức, xây dựng ba cuộc

cách mạng. Vì vậy, trong những năm qua, chúng ta đã luôn luôn tăng cường và củng cố, làm cho công cụ đó ngày càng sắc bén, đảm bảo thắng lợi cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp chế của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bộ máy chính quyền các cấp của tỉnh ta được tiến hành dân chủ bầu cử đều kỳ từ tỉnh đến xã, đảm bảo được hết thầy số cử tri đi bầu (cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh năm 1968, đạt 99% số cử tri đi bỏ phiếu).

Qua bầu cử, Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp trong tỉnh ngày càng được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng, bảo đảm được đường lối, cơ cấu, tăng cường được cán bộ dân tộc, cán bộ nữ và tuổi trẻ vào bộ máy chính quyền. Vì vậy, chính quyền các cấp trong tỉnh, nhìn chung tiêu biểu cho quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất mới, tiêu biểu cho nhân dân các dân tộc và đáp ứng được tình hình, nhiệm vụ cách mạng ở địa phương trong từng thời gian. Vai trò, chức năng của bộ máy chính quyền các cấp ngày càng phát huy sức mạnh to lớn mạnh mẽ để thực hiện quyền dân chủ của nhân dân lao động, đảm bảo và phát huy quyền làm chủ xã hội, làm chủ kinh tế, văn hóa, làm chủ đời sống của mình. Qua cuộc vận động xây dựng chính quyền cơ sở “giỏi toàn diện”, chính quyền các cấp đã có nhiều tiến bộ trong việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, tổ chức đời sống nhân dân. Tính đến cuối năm 1968, toàn tỉnh đã có 1/3 số chính quyền cơ sở đạt tiêu chuẩn “chính quyền giỏi toàn diện”. Các cơ quan chuyên môn của Nhà nước ở cấp tỉnh cũng như ở huyện, thị dần dần đi vào làm việc có nền nếp, theo chế độ tập trung dân chủ, do đó đã nâng cao hơn hiệu lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tiêu biểu cho quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc, thay mặt cho nhân dân quản lý nền kinh tế và xã hội của địa phương.

Trong tình hình hiện nay, đang tiến hành cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp quyết liệt chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai,

trong điều kiện những phần tử trong các giai cấp bóc lột và các lực lượng phản cách mạng đang âm mưu tìm cách ngóc đầu dậy và chống lại cách mạng, trong điều kiện đấu tranh giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt, Đảng bộ chúng ta, bên cạnh việc tập trung sức để đẩy mạnh xây dựng kinh tế địa phương, đồng thời cũng đã rất coi trọng đến việc nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, xây dựng củng cố và phát triển các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, các cơ quan chuyên chính và lực lượng chuyên chính, tăng cường tiềm lực quốc phòng của địa phương.

Lực lượng công an trong tỉnh (kể cả công an vũ trang) được tăng cường một bước cả về số lượng và chất lượng, đã cùng với nhân dân bảo đảm tốt trật tự, an ninh nội địa và biên giới.

Công tác kiểm sát, tòa án có nhiều tiến bộ, đã khắc phục được nhiều hiện tượng hữu khuynh, pháp luật đơn thuần trong xét xử, do đó góp phần đáng kể vào việc trấn áp địch, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Dân quân tự vệ của tỉnh ta ngày càng phát triển và củng cố, đã chiếm 13,6% so với dân số, trong đó có nhiều phụ nữ tham gia. Nói chung dân quân tự vệ đã làm tốt vai trò nòng cốt trong công tác phòng không nhân dân, phòng chống gián điệp biệt kích, giữ gìn trật tự, an ninh địa phương, trong sản xuất và chiến đấu. Lực lượng công an xã và bảo vệ khu phố cũng đã vững mạnh hơn trước, đã cùng với dân quân tự vệ làm tốt nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an địa phương. Số đơn vị dân quân tự vệ và công an đạt danh hiệu “Quyết thắng” ngày càng nhiều.

Trong khi chú ý xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở, chúng ta đã coi trọng việc xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực, bổ sung cho chiến trường, bảo đảm được số lượng và chất lượng của đơn vị. Việc tuyển quân của tỉnh, nói chung bảo đảm được yêu cầu. Thanh niên các dân tộc đều có tinh thần hăng hái tham gia bộ đội.

Đối với công tác trấn áp địch, chúng ta đã luôn luôn chú ý tăng cường cảnh giác cho cán bộ và nhân dân, và đã thu nhiều

kết quả trong việc trừng trị bọn phản cách mạng, phá hoại ở địa phương. Trong mấy năm qua, kẻ địch đã luôn luôn có những âm mưu và hoạt động bằng nhiều hình thức hòng phá hoại trật tự, an ninh, phá hoại công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh ta, nhưng đều bị chúng ta kiên quyết trấn áp. Những tên phản cách mạng đầu sỏ có nhiều tội ác đã bị trừng trị thích đáng trước pháp luật. Những phần tử chưa chịu cải tạo, một số đã bị đưa đi cải tạo tập trung, một số để cải tạo tại chỗ. Nhìn chung số bị cải tạo đã có thái độ tiếp thu cải tạo và đi vào làm ăn lương thiện. Đặc biệt đối với một số tên phỉ còn lẩn trốn trên rừng từ lâu, nay đã bị diệt, bắt sống và gọi về đầu thú (chỉ còn lại một tên vẫn lẩn trốn).

Công tác bảo vệ trị an - xã hội cũng được thường xuyên chú ý, đã ngăn chặn và trừng trị đối với bọn lưu manh trộm cắp, buôn lậu, đầu cơ... hàng hóa của Nhà nước và bọn tội phạm hình sự. Phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian phát triển tốt. Phong trào xây dựng xã vững mạnh về chính trị và trật tự, an ninh, xây dựng xã, bản chiến đấu... đều đã đạt những kết quả bước đầu.

Việc quản lý và bảo vệ biên giới được đảm bảo. Chúng ta đã làm tốt công tác quản lý, giữ gìn được trật tự, an ninh và giữ vững được chủ quyền, tình hữu nghị của nhân dân hai nước.

Công tác phòng không sơ tán, tổ chức lực lượng bắn trả máy bay địch, trong mấy năm qua đã được coi trọng đúng mức. Mặc dù lúc đầu công tác này có lúng túng nhưng sau đã dần dần đi vào nề nếp, có sự lãnh đạo chặt chẽ và liên tục. Việc sơ tán, tu sửa hầm hào trú ẩn nói chung vẫn được duy trì.

Thưa các đồng chí,

Nhận thức rõ quân chúng nhân dân là lực lượng quyết định thắng lợi đối với mọi chủ trương, đường lối, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cho nên đối với xây dựng, củng cố chính quyền, tăng cường trị an - quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chúng ta đã

chú ý đẩy mạnh công tác vận động và tổ chức quần chúng. Do đó, phong trào quần chúng của tỉnh ta đã có nhiều tiến bộ và ngày càng tiến bộ trên khắp các lĩnh vực hoạt động.

Phong trào công nhân và hoạt động của công đoàn đã phát triển gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa địa phương, nhất là gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở tỉnh ta. Đội ngũ giai cấp công nhân của tỉnh ta đã lớn mạnh nhanh chóng, đang giữ vai trò làm chủ trong các cơ quan, xí nghiệp; đã và đang nêu cao vai trò tiên phong cách mạng, không ngừng thi đua lao động sản xuất với tinh thần chống Mỹ, cứu nước, thực hiện ba điểm cao trong sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Sự hoạt động của công đoàn và những thành tích do lao động sáng tạo của giai cấp công nhân đã góp phần quyết định vào các thắng lợi trên các mặt trận kinh tế - văn hóa, đặc biệt là trong khoa học kỹ thuật, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý cơ quan, xí nghiệp. Tổ chức công đoàn đã được củng cố và phát triển khá. Số công đoàn đạt danh hiệu Bốn tốt ngày càng tăng. Công đoàn ngày càng thực hiện được tốt các chức năng, nhiệm vụ do Đảng quy định. Nhất là từ khi Nghị quyết 167 của Ban Bí thư soi sáng, phong trào học tập và thực hiện nghị quyết đó đã tạo nên nhiều chuyển biến mới trong giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

Các tầng lớp *thanh niên trai, gái* trong các dân tộc ở tỉnh ta rất yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, giàu tinh thần cầu tiến bộ, hăng hái và nhạy cảm đối với những cái mới, trong những năm qua đã đem nhiệt tình của tuổi trẻ, đóng vai trò đầu tàu, xung kích trên mọi lĩnh vực công tác trong tỉnh. Thanh niên các dân tộc tỉnh ta đã nêu cao tinh thần “đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”. Phong trào Ba sẵn sàng trong thanh niên đã phát triển rộng khắp trên đồng ruộng, trong xí nghiệp, nhất là trên các công trường giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ

bản, v.v.. Ngoài việc xung phong sản xuất, chiến đấu tại địa phương, hàng ngàn thanh niên đã hăng hái tham gia quân đội; nhiều người đi chiến đấu trên các chiến trường đã lập được những chiến công xuất sắc. Nhiều anh chị em đã tỏ ra rất hăng say, dũng cảm trong lao động và công tác, mạnh dạn tấn công vào khoa học kỹ thuật để giành các mục tiêu cao nhất trong sản xuất và công tác. Hàng ngàn thanh niên đã vào đội thanh niên xung phong hoặc đi thanh niên “Ba sẵn sàng” để xây dựng địa phương ngày càng giàu mạnh.

Qua phong trào của thanh niên, Đoàn Thanh niên Lao động tỉnh ta đã được củng cố và phát triển một bước, ngày càng xứng đáng là cánh tay đắc lực và lực lượng hậu bị của Đảng. Số đoàn viên nay đã chiếm 41,3% thanh niên trong tỉnh. Từ năm 1964 đến năm 1969, Đoàn đã phát triển được 14.232 đoàn viên mới, trên 66% số chi đoàn và gần 53% số đoàn viên đạt tiêu chuẩn đoàn viên và chi đoàn Bốn tốt, đã giới thiệu vào Đảng trên 2 nghìn đoàn viên ưu tú trong các dân tộc.

Qua bước đầu học tập và thi hành Nghị quyết số 181 của Ban Bí thư Trung ương, phong trào thanh niên và công tác của Đoàn đang có những tiến bộ mới. Gần đây, Trung ương Đảng ra nghị quyết cho Đoàn thanh niên và đội thiếu niên, nhi đồng được mang tên Bác Hồ kính mến lại càng làm cho thanh niên và thiếu niên, nhi đồng vô cùng phấn khởi, tự hào; qua đó phong trào thanh niên bắt đầu đang có những chuyển biến sâu sắc hơn lên.

Các em *thiếu niên, nhi đồng* là mầm non, là tương lai của đất nước ở tỉnh ta rất có tinh thần cách mạng và rất tiến bộ. Các em đã chăm chỉ thi đua thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy và nêu nhiều gương sáng trong học tập, lao động và rèn luyện đạo đức mới. Hiện nay tỉnh ta đã có trên 7.600 em được công nhận là Cháu ngoan Bác Hồ, trên 1,1 vạn em đã vào Đội Thiếu niên Tiên phong và trên 4.470 em đã vào Đội Nhi đồng Tháng Tám. Số thiếu niên đi học ở các trường ngày càng tăng.

Phụ nữ tỉnh ta là lực lượng to lớn và rất quan trọng. Nhìn chung chị em đã và đang phát huy tinh thần và năng lực, phát huy đức tính cần cù, dũng cảm, trung hậu, đảm đang trong sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, văn hóa, xã hội.

Hội Liên hiệp Phụ nữ và phong trào phụ nữ ngày càng được củng cố và phát triển, nhất là từ khi có Nghị quyết 152, 153 của Ban Bí thư. Hiện nay, trên 98% số chị em trong tỉnh đã vào Hội. Phong trào “Ba đảm đang” đã triển khai sâu rộng. Nhiều chị em trên mọi lĩnh vực hoạt động đã biểu hiện rất xuất sắc, không kém gì nam giới, kể cả tham gia lực lượng vũ trang; hàng vạn chị em đã đạt danh hiệu “Phụ nữ Ba đảm đang”. Số chị em làm đội trưởng sản xuất, quản trị hợp tác xã và tham gia các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở các cấp, các ngành ngày càng tăng. Tình hình đó nói lên chỉ có chế độ ta thì quyền lợi của phụ nữ mới được đảm bảo, vai trò to lớn của phụ nữ mới được phát huy.

Phụ lão tỉnh ta rất giàu tinh thần yêu nước và tinh thần cách mạng. Phong trào “Phụ lão Ba giỏi” ngày càng được phát triển rộng khắp và đã có tác dụng quan trọng trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương. Nhiều nơi có phong trào phụ lão trồng cây, phụ lão tiết kiệm và phụ lão động viên con cháu sản xuất, tham gia lực lượng vũ trang, đi chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, v.v..

Công tác Mặt trận và công tác dân tộc của tỉnh ta trong thời gian qua đã có những kết quả nổi bật. Trên cơ sở liên minh công nông ngày càng củng cố vững chắc, chúng ta đã đẩy mạnh một bước việc giáo dục cải tạo, tranh thủ những người thuộc tầng lớp trên, đẩy mạnh công tác Hoa vận, giáo vận, tăng cường đoàn kết dân tộc. Việc cải tạo địa chủ, tư sản, giáo dục và cải biến phú nông được chú ý hơn trước, nên đã giúp họ ngày càng tiến bộ, số người tích cực cải tạo đã được thay đổi thành phần. Do công tác Mặt trận được tăng cường nên chúng ta đã củng cố một bước khối đại đoàn kết toàn dân giữa miền ngược với miền xuôi, giữa dân tộc ít người

với dân tộc nhiều người, đoàn kết quốc tế. Tinh thần tương trợ và bình đẳng giữa các dân tộc trong sản xuất, chiến đấu và đời sống được phát huy. Nhờ vậy, đã góp phần động viên mọi người vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương, đẩy mạnh phong trào đoàn kết Bắc - Nam và làm tốt công tác kết nghĩa Lào Cai - Thủ Dầu Một ruột thịt. Trong công tác dân tộc, chúng ta đã tiến hành việc điều tra, nghiên cứu đi sâu vào tâm tư, tập quán, tình hình sản xuất, đời sống của một số dân tộc như Nhắng, U Ní, Mán, v.v. để trên cơ sở đó có những kế hoạch và biện pháp sát hợp với tình hình nhiệm vụ cách mạng hiện nay cũng như sau này. Trong thực hiện các chính sách hợp tác hóa, phát triển sản xuất... chúng ta đã coi trọng việc vận dụng chính sách, phương châm ở vùng dân tộc ít người kết hợp linh hoạt với các chính sách chung.

Tóm lại, trong mấy năm qua, phong trào quần chúng và công tác vận động quần chúng ngày càng tiến bộ. Quần chúng các dân tộc tỉnh ta có tinh thần cách mạng rất cao, đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết chặt chẽ và tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, hăng hái thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra. Phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước của nhân dân tỉnh ta ngày càng sôi nổi. Số tổ, đội Lao động xã hội chủ nghĩa, đơn vị Quyết thắng, tổ đội tiên tiến và hợp tác xã tiên tiến, chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến ngày càng tăng lên gấp bội. Do tinh thần thi đua lập được nhiều thành tích trong sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quần chúng nên mới tính từ năm 1963 đến năm 1967, các phong trào tập thể và cá nhân của tỉnh ta được Chính phủ tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen và 70 Huân chương (chưa kể lực lượng vũ trang). Đó là niềm vinh dự, rất đáng tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta.

Tuy vậy, so với yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay thì công tác củng cố chính quyền, tăng cường chuyên chính vô sản và công tác vận

động quần chúng của chúng ta vẫn còn *những nhược điểm tồn tại, cần tiếp tục khắc phục*. Chúng ta còn nhiều hữu khuynh trong công tác quản lý nhà nước, chủ yếu là về mặt quản lý chế độ, nguyên tắc, pháp luật, chính sách còn nhiều hiện tượng lỏng lẻo và sai phạm. Chúng ta cũng chưa thật kiên quyết kiểm tra, giải quyết đến nơi đến chốn đối với những trường hợp thiếu trách nhiệm trong chấp hành chính sách nguyên tắc, chế độ, pháp luật. Vai trò, chức năng và quyền lực của bộ máy chính quyền chưa thật đề cao. Chúng ta cũng còn coi nhẹ công tác vận động quần chúng, nhất là công tác Mặt trận, do đó chưa phát huy được đầy đủ vai trò làm chỗ dựa vững chắc của các tổ chức quần chúng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách ở địa phương.

IV. TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG, Củng cố Đảng và Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng. Để tăng cường sức chiến đấu của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong mọi hoạt động xã hội, trong mấy năm qua, Đảng bộ ta đã phấn đấu để xây dựng Đảng, coi đó là nhiệm vụ mấu chốt, hàng đầu.

Chúng ta đã lấy việc đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời gian, đồng thời thông qua các cuộc vận động quần chúng ở địa phương để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chúng ta đã vận dụng nhiều biện pháp tích cực, gắn liền hai mặt công tác trong xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức, lấy tư tưởng, chính trị làm gốc và đi đầu, đồng thời coi trọng củng cố, phát triển Đảng về mặt tổ chức.

Việc giáo dục, huấn luyện chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, đã được thực hiện bằng nhiều hình thức như mở lớp ngắn ngày, cho đi học luân huấn, đi học các trường, lớp tập trung, học tập tại chức, với nội dung thiết thực. Bên cạnh việc đẩy mạnh bồi

dưỡng lý luận cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, chúng ta đã tiến hành sâu rộng việc giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về đường lối, quan điểm cơ bản của Đảng về khoa học kỹ thuật và chuyên môn. Qua quá trình giáo dục, bồi dưỡng đó, chúng ta đã nâng cao thêm một bước về trình độ chính trị, tính giai cấp, tính tiên phong, quan điểm, lập trường và đạo đức phẩm chất cách mạng, cũng như về trình độ hiểu biết khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, v.v. cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp huyện, thị và cơ sở, đặc biệt là qua các đợt sinh hoạt chính trị: về tình hình và nhiệm vụ mới; nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch; phong trào và khí thế cách mạng của quần chúng ngày càng sôi nổi, sự nhất trí trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên đối với đường lối chống Mỹ, cứu nước và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ngày càng cao hơn, đồng thời đã có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện mọi nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống của địa phương phát triển mạnh mẽ, đạt nhiều thắng lợi to lớn.

Đối với công tác báo chí, Đảng bộ chúng ta coi đó là một vũ khí sắc bén để tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn hành động của Đảng bộ. Tờ báo của Đảng bộ ta, tuy có lúc, có mặt chưa thật nhạy bén, kịp thời và phát hành chưa thật sâu rộng, nhưng nó đã góp phần tích cực vào việc tuyên truyền giáo dục, động viên quần chúng nói chung và cán bộ, đảng viên nói riêng thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và chủ trương, nhiệm vụ công tác của địa phương.

Để thực hiện nhiệm vụ không ngừng củng cố và xây dựng Đảng thật vững mạnh, trong toàn bộ cơ cấu tổ chức của mình, từ trên xuống dưới, từ cấp ủy đến các ban chuyên môn giúp việc, từ cơ quan đầu não của tỉnh đến các tế bào cơ sở, đảm bảo thống nhất tư tưởng, thống nhất ý chí, thống nhất hành động, Đảng bộ chúng ta coi việc nâng cao chất lượng của chi bộ và Đảng bộ cơ sở là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác củng cố, xây dựng Đảng. Vì vậy, chúng ta

cũng đã đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ Bốn tốt, gắn liền với việc đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng huyện ủy, thị ủy Bốn tốt. Do đó, chúng ta đã đưa số chi bộ đạt yêu cầu Bốn tốt từ 79 chi bộ năm 1964 lên 160 chi bộ khá và Bốn tốt năm 1968, chiếm 41,4% số chi bộ toàn tỉnh, trong đó có một số chi bộ đã giữ vững được truyền thống Bốn tốt từ năm 1964 đến nay. Các huyện ủy, thị ủy ngày càng được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng, đã phát huy tốt hơn vai trò lãnh đạo của mình.

Tính từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đến nay, chúng ta đã kết nạp thêm vào Đảng 4.607 đảng viên mới, chiếm 65% tổng số đảng viên toàn tỉnh hiện có. Các chi bộ xã đều đã thành lập ở tất cả các xã, 17 xã trước đây chưa có chi bộ, nay đã có; bình quân số đảng viên ở mỗi xã trước đây mới có trên 11 đồng chí, nay đã lên tới 20 đồng chí; ngoài ra có 6 xã đã thành lập được Đảng bộ cơ sở. Số đảng viên trong các hợp tác xã nông nghiệp ngày càng tăng, từ chỗ mới có 67,6% số chi bộ có đảng viên, nay đã lên tới 90,3% số hợp tác xã đã có đảng viên. Số đảng viên dân tộc, trẻ tuổi, phụ nữ dần dần tăng lên. Trong tổng số đảng viên mới kết nạp mấy năm qua thì đảng viên người dân tộc chiếm 37%, tuổi trẻ chiếm 73%, phụ nữ chiếm 24%. Đó là những kết quả đáng kể, nói lên công tác phát triển Đảng ngày càng được coi trọng đúng mức, đảm bảo được đúng hướng, đúng đường lối, nguyên tắc, thủ tục. Các đảng viên mới nói chung đều đảm bảo tiêu chuẩn, phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu trong lĩnh vực công tác.

Quá trình trưởng thành của Đảng bộ đều gắn liền với quá trình tiến lên về mọi mặt của tỉnh ta và gắn liền với đời sống xã hội trong tất cả các lĩnh vực, với phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân các dân tộc. Do đó, một mặt chúng ta đã đưa đảng viên đi vào hành động cách mạng và bước đầu thực hiện quần chúng phê bình đảng viên; mặt khác, qua phong trào quần chúng, phát hiện, giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp thêm những lực lượng

mới vào Đảng, nhất là những thanh niên nam nữ ưu tú trong các dân tộc, đầy nhiệt tình cách mạng, sẵn sàng hiến thân cho lý tưởng của Đảng có năng lực sáng tạo.

Trong công tác xây dựng Đảng, chúng ta rất coi trọng công tác kiểm tra và bảo vệ Đảng. Nhìn chung công tác kiểm tra đã đi sâu một bước kiểm tra dân chủ, kỷ luật, chấp hành điều lệ, đường lối, chính sách của Đảng trong cán bộ, đảng viên; qua đó đã thi hành kỷ luật đối với một số đồng chí phạm sai lầm, đồng thời giáo dục nâng cao một bước ý thức kỷ luật trong Đảng. Về mặt bảo vệ Đảng, do nhận thức được đúng đắn ý nghĩa, mục đích và yêu cầu của cuộc vận động bảo vệ Đảng, nên Đảng bộ ta đã tiến hành công tác này một cách khẩn trương, dứt điểm, đến nay đã thu được những kết quả tốt. Do đó đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao thêm tính chất giai cấp, tính chất tiên phong, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức tổ chức và kỷ luật, phẩm chất đạo đức cách mạng, tăng thêm sự đoàn kết thống nhất, đề cao kỷ luật của Đảng và giáo dục ngăn chặn những tư tưởng và hành động sai trái của cán bộ, đảng viên.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV đã đề ra, điều then chốt là phải có một đội ngũ cán bộ vững mạnh về mọi mặt, nhất là yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến đòi hỏi ngày càng rộng lớn và nặng nề, vì vậy cần phải có một đội ngũ cán bộ có chất lượng tốt, tiêu biểu được đường lối chính trị của Đảng trong giai đoạn mới, cho yêu cầu trước mắt và lâu dài, bao gồm các ngành, các mặt là một vấn đề then chốt, trong việc tổ chức thực hiện đường lối. Quán triệt tinh thần đó, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng, quản lý cán bộ, và sắp xếp các tổ chức. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ của tỉnh ta đã ngày càng tăng lên và trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Tuyệt đại bộ phận cán bộ trong tỉnh đã chịu đựng gian khổ, hy sinh, cống

hiển nhiều sức lực và trí tuệ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở địa phương và trong các ngành công tác.

Đi liền với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo, chúng ta còn có nhiều cố gắng trong việc đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và cán bộ dân tộc, đã kiên quyết cử nhiều cán bộ, công nhân viên đi học các trường trung cấp kỹ thuật và đại học... Số cán bộ dân tộc thiếu số công tác trong các cơ quan, các ngành của tỉnh ta từ chỗ năm 1964 mới có 564 cán bộ, đến nay đã có 1.595 cán bộ. Số cán bộ nữ, cán bộ trẻ cũng tăng lên từng bước rõ rệt trong các cấp, các ngành, nhất là trong các cương vị lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

Vấn đề nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm lịch sử Đảng, Đảng bộ ta đã đề cập và thực hiện tương đối đúng mức. Từ khi thành lập Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng của tỉnh (9-1963) đến nay, mặc dầu gặp nhiều khó khăn, lúng túng bước đầu, nhưng cũng đạt được những kết quả nhất định. Hiện nay, chúng ta đã sưu tầm được các văn kiện, tài liệu cơ bản, đã sơ bộ nghiên cứu, khai thác và từng bước đúc kết theo từng giai đoạn của phong trào cách mạng ở Lào Cai từ khi Đảng ta ra đời và có sự lãnh đạo của Đảng tới địa phương đến nay. Qua đó, chúng ta đã sử dụng kịp thời các tài liệu, phục vụ một số vấn đề có tác dụng tuyên truyền giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức - cán bộ của chúng ta cũng còn nhiều nhược điểm, thiếu sót và tồn tại. Tư tưởng cán bộ, đảng viên nói chung căn bản là tốt, nhưng bên cạnh đó cũng còn một số đồng chí chưa chuyển biến kịp với tình hình, nhiệm vụ mới. Mặc dù mức độ tồn tại có khác nhau biểu hiện nhiều tư tưởng hủ lậu, chủ quan, mất cảnh giác, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, ngại gian khổ, hy sinh, nghỉ ngơi. Có một số nhiệt tình cách mạng và tinh thần cách mạng tiến công giảm sút, còn biểu hiện cá

nhân chủ nghĩa. Tư tưởng cá thể, sản xuất nhỏ, bảo thủ, ỷ lại, cục bộ, thiếu tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng cũng còn tồn tại ở nhiều đồng chí. Một số nơi mất đoàn kết nội bộ kéo dài, có nơi nghiêm trọng (chủ yếu là do tư tưởng cá nhân chủ nghĩa gây ra). Do trong cán bộ đảng viên còn một số tư tưởng sai trái, lệch lạc đã hạn chế nhất định đến việc hoàn thành các nhiệm vụ của Đảng đề ra.

Về tình hình cơ sở Đảng, tuy đã được củng cố và phát triển một bước, nhưng chưa đều khắp, có những nơi còn yếu cả về mặt số lượng và chất lượng. Vai trò và hiệu lực lãnh đạo của chi bộ và Đảng bộ cơ sở, tính tiên phong, gương mẫu, tính giai cấp của đảng viên có nơi còn thấp kém. Công tác tổ chức - cán bộ chưa thật bám sát, và chưa phục vụ nhạy bén đối với nhiệm vụ chính trị ở địa phương; có lúc, có trường hợp còn biểu hiện tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, hẹp hòi trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt cán bộ. Trình độ chính trị, tư tưởng, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nhất là về trình độ quản lý kinh tế của cán bộ, đảng viên còn thấp, chưa theo kịp yêu cầu. Vấn đề trước mắt hiện nay là tình hình biên chế hành chính sự nghiệp tăng quá nhanh, nhiều bộ máy chưa phù hợp, còn công kênh, hiệu suất công tác nhiều nơi còn sút kém.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC THẮNG LỢI VÀ TỒN TẠI CƠ BẢN

Thưa các đồng chí,

Từ sau Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đến nay, đặc biệt là trong mấy năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã cùng với nhân dân miền Bắc bước vào một thời kỳ lịch sử mới: thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại chặng đường phấn đấu đầy gian khổ, khó khăn, nhưng vô cùng anh dũng và vẻ vang, chúng ta rất vui mừng nhận thấy Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đã liên tiếp giành được những thắng lợi hết sức to lớn trên các mặt: sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, tổ chức đời sống và xây dựng Đảng.

Từ những thắng lợi đã giành được, chúng ta thấy nổi lên những vấn đề cơ bản sau đây:

1. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập từ những năm trước đây nay đã và đang từng bước được củng cố, hoàn thiện. Tuy còn những khó khăn; tồn tại nhất định, nhưng nói chung là phát triển lành mạnh và tốt. Do đó, quan hệ sản xuất mới đã ngày càng thúc đẩy sản xuất phát triển và đang mở đường cho cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa tiến bước.

2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật bước đầu đã được chú ý xây dựng và tăng cường; sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp địa phương phát triển tương đối mạnh mẽ; đời sống nhân dân nói chung được đảm bảo, có mặt được cải thiện hơn trước.

3. Song song với sản xuất, sự nghiệp văn hóa - xã hội đã có nhiều tiến bộ. Cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa tiếp tục phát triển tương đối tốt đẹp và thu được thắng lợi vẻ vang.

4. Đi đôi với sản xuất và đời sống, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu cũng như đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã có những cố gắng lớn, góp phần xứng đáng vào chiến thắng chung của cả nước.

5. Tổ chức đảng ngày càng được củng cố, phát triển lớn mạnh; vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được tăng cường; chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản không ngừng được giữ vững; sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân các dân tộc được tiếp tục nâng cao.

Những thắng lợi của chúng ta đã đạt được trên, trước hết là thắng lợi của đường lối, chính sách đúng đắn và sự lãnh đạo

sáng suốt, chặt chẽ của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, đồng thời tỉnh ta đã có nhiều cố gắng, quyết tâm trong việc thực hiện và vận dụng một cách kiên trì và linh hoạt, có mặt sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Đó còn là thắng lợi của nhân dân các dân tộc và của toàn thể cán bộ, đảng viên trong tỉnh đã nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần cách mạng tiến công, tự lực, tự cường, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, cần cù, dũng cảm, dám nghĩ, dám làm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm. Thắng lợi của chúng ta cũng là thắng lợi của tinh thần quốc tế vô sản mà Đảng đã bồi dưỡng cho Đảng bộ ta.

Những thắng lợi của chúng ta đã giành được cũng nói lên bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa ngày càng vững chắc, đã và đang phát huy mạnh mẽ tính ưu việt của chế độ ta.

Tuy nhiên, đối chiếu với các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Nghị quyết tỉnh Đại hội lần thứ IV thì trong quá trình phát triển và trưởng thành, chúng ta cũng còn nhiều *nhược điểm, tồn tại*:

1. Quán triệt về nội dung ba cuộc cách mạng trong các cấp, các ngành và trên mọi hoạt động chưa thực sâu sắc và đồng đều nên lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện chưa thật toàn diện, cân đối và chưa kết hợp chặt chẽ với nhau. Phong trào cách mạng của quần chúng nói chung chưa đều, nhất là *phong trào vùng cao và giữa còn nhiều mặt yếu, chưa vững chắc*.

2. Trong sản xuất thì năng suất lao động quá thấp. Vì vậy sản phẩm xã hội của tỉnh làm ra còn quá ít. Lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi. Tình hình kinh tế - văn hóa còn nhiều mặt, nhiều khâu mất cân đối. Công, nông nghiệp phát triển khá nhanh, mạnh, nhưng có mặt chưa vững chắc. Nông nghiệp chưa làm tốt nhiệm vụ là cơ sở cho công nghiệp phát triển. Công nghiệp chưa phát huy đầy đủ vai trò chủ đạo và

chưa thúc đẩy mạnh mẽ nông nghiệp, các ngành kinh tế khác và văn hóa phát triển nhanh.

3. Về mặt tổ chức đời sống quần chúng, chưa có biện pháp thật cụ thể, do đó có những mặt chưa giải quyết được tốt, nhất là vấn đề ăn, ở... của công nhân, viên chức và vùng cao và giữa. Một vài nơi vùng cao, nhân dân còn bị thiếu ăn lúc giáp hạt.

4. Công tác quản lý nhà nước, quản lý các mặt trong kinh tế - kỹ thuật, nhất là mặt quản lý lao động còn yếu và lỏng lẻo. Bộ máy tổ chức còn cồng kềnh, nhiều khâu, nhiều chỗ chưa hợp lý. Các nguyên tắc, chế độ của Nhà nước chưa được chấp hành triệt để. Tình hình lãng phí, tham ô còn xảy ra nhiều.

5. Trong thực hiện chuyên chính vô sản, nhiều mặt còn buông lỏng. Quyền làm chủ tập thể của quần chúng chưa được tôn trọng. Lực lượng to lớn và quyết định nhất là quần chúng lao động trong sản xuất, xây dựng kinh tế và quản lý nhà nước chưa được quan tâm giáo dục đúng mức và tổ chức chặt chẽ nên chưa phát huy hết vai trò và khả năng của quần chúng. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng chưa được quan tâm củng cố đúng mức, nên chưa đề cao được chức năng và vai trò của các tổ chức đó, để làm chỗ dựa thật vững chắc của Đảng. Cơ sở Đảng nhiều nơi chưa mạnh, nhất là vùng cao biên giới; phát triển Đảng nhiều nơi còn chậm, có nơi chưa đúng hướng. Vai trò lãnh đạo của các chi bộ và Đảng bộ cơ sở, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên nhiều nơi chưa được phát huy đầy đủ.

6. Phương thức chỉ đạo thực hiện cụ thể còn nhiều lúng túng, có mặt chưa thật tích cực, tập trung dứt điểm. Tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong các cấp, các ngành có nơi, có lúc còn thấp kém, tùy tiện, cục bộ.

Nguyên nhân của các nhược điểm, tồn tại trên có nhiều, một phần do hậu quả của chế độ cũ để lại và do khó khăn của thiên nhiên gây ra, nhưng chủ yếu là do chúng ta còn có những khuyết điểm, thiếu sót. Chúng ta chưa quán triệt đầy đủ, toàn diện và cụ

thể đối với từng chủ trương, chính sách của Đảng; chưa tổ chức thực hiện thật đầy đủ, thật tốt các chủ trương, kế hoạch đề ra. Tư tưởng cách mạng tiến công, ý chí phấn đấu vươn lên, tinh thần trách nhiệm trong các cấp, các ngành còn chưa cao. Tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, ỷ lại, cục bộ, tùy tiện và những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân khác tuy ở mức độ khác nhau, nhưng cũng còn khá phổ biến trong cán bộ, đảng viên. Tác phong lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành còn tản mạn, chưa sâu sát và còn nhiều biểu hiện của tư tưởng sản xuất nhỏ. Chế độ nguyên tắc, pháp luật của Đảng và Nhà nước chưa thực hiện thật nghiêm túc. Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách, ý thức tổ chức kỷ luật chưa được đề cao. Cơ sở vật chất, kỹ thuật trong tỉnh, nhất là vùng cao và giữa còn ít. Trình độ, năng lực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước của chúng ta còn thấp.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ĐẢNG BỘ KHÓA IV

Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ do Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ IV bầu ra có 23 ủy viên, gồm 21 ủy viên chính thức, và 2 ủy viên dự khuyết. Trong thời gian qua, theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng chung, Trung ương Đảng đã điều 3 ủy viên chính thức đi công tác nơi khác, trong đó có 2 là ủy viên Thường vụ và Ban Chấp hành đã quyết nghị chuyển 2 ủy viên dự khuyết lên chính thức. Như vậy, hiện nay Ban Chấp hành tỉnh có 20 ủy viên, trong đó Ban Thường vụ còn 5 đồng chí.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức trách Đại hội Đảng bộ giao cho, Ban Chấp hành tỉnh đã có nhiều ưu điểm, khắc phục nhiều khó khăn, nhược điểm để lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra.

Trong những năm qua, nhất là trong thời gian từ thời bình chuyển sang thời chiến đến nay, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, sâu sát, chặt chẽ của Trung ương Đảng, mặc dầu địa phương ta gặp nhiều khó khăn lớn do thiên nhiên và một phần khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh phá hoại của địch đối với miền Bắc gây nên, Ban Chấp hành đã quyết tâm cùng toàn Đảng bộ phát huy tinh thần cách mạng tiến công, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt mọi khó khăn, gian khổ, giành những thắng lợi to lớn trên mọi lĩnh vực: sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống, xây dựng Đảng,...

Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Ban Chấp hành đã có nhiều cố gắng và tiến bộ về nhiều mặt.

Ban Chấp hành đã chú ý nghiên cứu nắm đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng và vận dụng một cách linh hoạt, có mặt sáng tạo vào điều kiện cụ thể của tỉnh ta. Trên mọi lĩnh vực, Ban Chấp hành đã bám sát và đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa để xoay quanh thực hiện nhiệm vụ chính trị trên các mặt công tác, trên cả vùng thấp và cao, tùy mức độ ở mỗi vùng có khác nhau. Trước tình hình cả nước có chiến tranh, Ban Chấp hành đã có những chủ trương, biện pháp chuyển hướng các hoạt động kinh tế, chuyển hướng tổ chức và các hoạt động khác từ thời bình sang thời chiến tương đối kịp thời, đặc biệt đã quan tâm chỉ đạo đúng mức cả hai nhiệm vụ chiến lược “sản xuất và chiến đấu”. Ban Chấp hành đã có nhiều cố gắng suy nghĩ, phát huy và tập trung trí tuệ của tập thể Tỉnh ủy, của Đảng bộ, đề ra phương hướng, biện pháp xây dựng kinh tế địa phương và nhất là đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nông nghiệp.

Trong công tác xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, Ban Chấp hành đã quyết tâm đẩy mạnh việc tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, liên tục đề ra chủ trương, biện pháp để củng cố và hoàn thiện thêm một bước phong trào hợp tác hóa vùng thấp

đi vào chất lượng và ngày càng vững chắc hơn; đồng thời kiên trì đấu tranh giữ vững phong trào hợp tác hóa vùng cao, do đó đã có những chủ trương và biện pháp tiến hành thường xuyên cuộc vận động củng cố vùng cao. Những năm gần đây, Ban Chấp hành đã có chủ trương, kế hoạch về việc mở cuộc vận động định canh, định cư kết hợp xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa, từng bước ổn định cơ sở sản xuất, phương hướng sản xuất của các hợp tác xã vùng cao.

Trong sản xuất, Tỉnh ủy đã sớm thực hiện khoanh vùng sản xuất (từ phân vùng tổng thể đến phân vùng cụ thể, hiện đã và đang quy hoạch cụ thể cho từng xã, hợp tác xã). Bước đầu Ban Chấp hành đã lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất theo phương hướng phân vùng, đi vào những cây, con chủ yếu, đồng thời đã quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật như các trạm, trại nghiên cứu, các công trình thủy lợi, thủy luân, cơ khí nhỏ, nhà kho, sân phơi, công cụ sản xuất cho nông nghiệp; đã xác định được một số giống có năng suất cao, phù hợp với địa phương. Đi liền với sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành đã chú ý xây dựng, phát triển giao thông vận tải, mạnh dạn xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp và bước đầu tích lũy được một số kinh nghiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển công nghiệp địa phương trong những năm tới. Đặc biệt, những năm gần đây, tỉnh ta đã mở rộng mạng lưới thủy điện nhỏ ra nhiều xã trong tỉnh và đã tập trung đẩy mạnh tốc độ xây dựng và hoàn chỉnh một số xí nghiệp, nhà máy đi vào sản xuất, tạo ra một số sản phẩm mới phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Về mặt đời sống, Ban Chấp hành đã chỉ đạo đảm bảo những nhu cầu thiết yếu của quần chúng.

Về mặt chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, Ban Chấp hành đã thường xuyên chú trọng công tác phòng không nhân dân, xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng, bảo đảm trật tự, an ninh địa phương, biên giới. Ban Chấp hành đã coi trọng công tác chính trị,

tư tưởng, công tác tổ chức, xây dựng Đảng và chú ý tăng cường củng cố chính quyền dân chủ nhân dân. Trong công tác xây dựng Đảng, đã quan tâm đẩy mạnh các cuộc vận động chi bộ, Đảng bộ, Huyện ủy Bốn tốt và việc bồi dưỡng trình độ lãnh đạo cho các huyện, thị, đảng ủy và chi bộ.

Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành đã được cải tiến thêm một bước; chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Trung ương được tương đối khắt khe, mau lẹ, lãnh đạo có nhạy cảm, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm và ngày càng đi vào toàn diện hơn. Tư tưởng chỉ đạo của Ban Chấp hành trong công tác đều có ý định rõ rệt, có chủ trương, biện pháp xây dựng địa phương một cách đúng đắn và phù hợp với đặc điểm của một tỉnh miền núi. Việc chỉ đạo xây dựng điển hình và chỉ đạo riêng, đã được chú trọng, có sơ kết, tổng kết, đúc rút và phổ biến kinh nghiệm về một số mặt công tác. Ban Chấp hành đã nắm vững công tác trung tâm, đồng thời kết hợp đẩy mạnh các công tác thường xuyên và trong từng thời gian, đã cố gắng tập trung chỉ đạo những khâu chính. Do đó, đã vượt được nhiều khó khăn và giành nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt góp phần xứng đáng vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ, xây dựng miền Bắc và chi viện cho miền Nam.

Tinh thần, tư tưởng, tác phong và lề lối làm việc của Ban Chấp hành, luôn luôn thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, chính sách và sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Trung ương Đảng; tin tưởng vào quần chúng. Lập trường, quan điểm của Ban Chấp hành nói chung vững vàng, tác phong gần gũi quần chúng, đi sát cấp dưới và cơ sở, có tinh thần cách mạng tiến công và có tinh thần trách nhiệm, hăng say, nhiệt tình công tác.

Sinh hoạt tập thể Ban Chấp hành, nhất là Ban Thường vụ ngày càng đi vào nền nếp hơn. Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách ngày càng được đề cao. Nổi bật là sự đoàn kết, nhất trí trong Ban Chấp hành được chặt chẽ và đảm bảo tốt trên cơ sở đấu tranh phê bình, tự phê bình thẳng thắn

và giữ vững nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng và nghị quyết của tập thể.

Về đạo đức, phẩm chất nói chung các đồng chí trong Ban Chấp hành đều giữ được đạo đức tốt, cần cù, giản dị, có tinh thần gương mẫu trong việc chấp hành các nguyên tắc, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có tín nhiệm đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mình, Ban Chấp hành *cũng còn những khuyết điểm thiếu sót*: Lãnh đạo, chỉ đạo, có mặt, có lúc thiếu tập trung, thiếu toàn diện, cân đối và yếu nhất là khâu chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy, chưa làm quán triệt đến từng ngành, từng cấp, do đó chưa nâng cao được ý thức và quyết tâm thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết đối với các cấp, các ngành.

Trong chỉ đạo củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất ở vùng cao, Ban Chấp hành chưa thấy hết khó khăn của vùng cao, nên chưa tìm được những biện pháp giải quyết thật sát hợp và thật tích cực. Do đó, phong trào hợp tác xã và cơ sở vùng cao nói chung vẫn còn yếu và chưa vững chắc. Vùng cao còn nhiều khó khăn về sản xuất, đời sống và trình độ văn hóa, đồng bào ở nhiều nơi còn du canh, du cư, cơ sở sản xuất chưa ổn định.

Lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế địa phương còn thiếu chặt chẽ, thiếu tập trung và cân đối giữa các mặt kế hoạch, nhất là giữa các xí nghiệp công nghiệp và chưa thật sự dân chủ hóa chỉ tiêu kế hoạch đến cơ sở. Trong nông nghiệp, sản xuất lương thực tuy liên tục có nhiều cố gắng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình. Trong lương thực, còn chưa chú ý đúng mức đến việc chế biến hoa màu.

Chỉ đạo công tác lâm nghiệp chưa tập trung, chưa mạnh. Nghề rừng phát triển còn quá chậm. Rừng ngày càng bị tàn phá nghiêm

trọng. Việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã kinh doanh, sự chỉ đạo thực hiện chưa thật tập trung và đề ra các biện pháp thật cụ thể. Công tác trồng cây gây rừng gắn liền với công tác khai thác có kế hoạch chưa mạnh, do đó chưa phát huy thật mạnh được ưu thế của rừng, cũng như về cây công nghiệp, cây đặc sản và chăn nuôi của tỉnh ta.

Trong công nghiệp, thì Ban Chấp hành còn nhiều lúng túng, chưa kịp thời trong việc chỉ ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho vấn đề sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm và còn xem nhẹ thủ công nghiệp. Nhiều xí nghiệp công nghiệp do chưa có phương hướng sản xuất, kế hoạch, quy hoạch cụ thể, do quản lý còn lỏng nên tốc độ phát triển chưa vững chắc, có mặt còn trì trệ, phần lớn xí nghiệp còn lỗ vốn nhiều.

Nói chung về chỉ đạo quản lý kinh tế, Ban Chấp hành chưa có đầy đủ những chủ trương, biện pháp, nhất là trong việc chỉ đạo giải quyết các vấn đề cụ thể trong các ngành kinh tế - tài chính, nên tình trạng quản lý lao động vật tư, tiền vốn còn phổ biến là lỏng lẻo, lãng phí. Đặc biệt về chỉ đạo quản lý lao động thì còn nhiều thiếu sót, nên trong các công trường, xí nghiệp, doanh nghiệp nói chung biên chế công kênh, tỷ lệ gián tiếp sản xuất cao, lao động sử dụng không hết khả năng, ngày công, giờ công và định mức lao động không đảm bảo; năng suất lao động, hiệu suất công tác còn quá thấp.

Trong việc chỉ đạo công tác đời sống, so với yêu cầu phục vụ sản xuất, chiến đấu thì còn nhiều khâu yếu, nhất là về khâu quản lý hàng hóa và khâu phương thức thu mua, phân phối. Do đó có thời gian đã xảy ra tình hình căng thẳng giả tạo, lãng phí, tham ô, móc ngoặc, đầu cơ, ăn cắp vật tư, hàng hóa nhiều, có lúc, có nơi đã ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ, công nhân viên và nhân dân.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách chưa thật được coi trọng. Việc vận dụng thực hiện hoặc nghiên cứu, đề xuất, bổ sung các chính sách còn yếu và chưa kịp thời. Việc đảm bảo tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng chưa được đề cao.

Trong chỉ đạo công tác trị an - quốc phòng, Ban Chấp hành chưa làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thường xuyên, liên tục đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng chiến đấu, nên có lúc, có nơi quần chúng còn biểu hiện tư tưởng chủ quan; có trường hợp đối phó hoặc giải quyết chưa kịp thời. Trong công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng chưa thường xuyên chú ý kết hợp chặt chẽ giữa tuyển quân với thực hiện chính sách hậu phương.

Lãnh đạo và chỉ đạo công tác Mặt trận, xây dựng lực lượng các đoàn thể quần chúng của Ban Chấp hành còn rất yếu, chưa coi trọng công tác giáo dục, vận động quần chúng trong mỗi công tác khi đề ra, nhất là lực lượng thanh niên và công đoàn. Do đó, chưa làm cho các tổ chức quần chúng phát huy được hết vai trò là chỗ dựa của Đảng trong việc thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương. Trong chỉ đạo công tác chính quyền, có mặt, có khâu, có lúc còn thiếu chặt chẽ, có việc chưa phân định ranh giới rõ ràng; chưa phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của chính quyền trong việc chỉ đạo quản lý kinh tế và quản lý nhà nước.

Chỉ đạo công tác tổ chức và xây dựng Đảng của Ban Chấp hành chưa toàn diện và còn nhiều khuyết điểm, tồn tại. Tồn tại chủ yếu hiện nay là Ban Chấp hành chưa phát huy đầy đủ vai trò tập thể lãnh đạo trong công tác tổ chức - cán bộ. Trong công tác cán bộ còn có lúc, có việc thể hiện tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi, hữu khuynh và chưa thể hiện đầy đủ đường lối giai cấp, đường lối cán bộ của Đảng. Về mặt tổ chức thì biên chế công kênh chưa kịp thời tinh giản. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chưa có quy hoạch, kế hoạch toàn diện và cân đối. Việc chỉ đạo công tác tư tưởng gắn liền với tổ chức thì từng lúc, từng nơi chưa gắn, chưa kết hợp chặt chẽ với nhau trong việc phục vụ nhiệm vụ chính trị; chưa làm cho cán bộ, đảng viên thực sự hồ hởi, phấn khởi, an tâm công tác. Công tác tổ chức - cán bộ và xây dựng Đảng còn những mặt chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và tình hình phát triển của các mặt công tác, nhất là yêu cầu phát triển của kinh tế địa phương.

Trong sinh hoạt tập thể, việc họp kiểm điểm định kỳ hằng năm của Ban Chấp hành chưa duy trì được đều theo đúng chế độ sinh hoạt quy định. Trong sinh hoạt thì chưa đi sâu vào kiểm điểm vai trò cá nhân phụ trách trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của từng cấp ủy viên.

Nhìn chung điểm yếu của Ban Chấp hành là mặt tổ chức chỉ đạo thực hiện còn nhiều thiếu sót. Việc lãnh đạo, chỉ đạo nhân điển hình thành phổ biến, kiểm tra, đôn đốc cụ thể đối với cấp dưới cũng chưa nhiều. Về tư tưởng, đạo đức, tác phong trong một số đồng chí cấp ủy viên còn những biểu hiện của tư tưởng tiểu sản xuất, tư tưởng chủ quan, hẹp hòi, hữu khuynh, bảo thủ, tư tưởng thành tích, thiếu lắng nghe ý kiến quần chúng. Một vài đồng chí có lúc còn biểu hiện tư tưởng địa vị, suy bì đả ngộ, thiếu tinh thần tự phê bình. Có đồng chí còn nóng nảy và nặng về mệnh lệnh. Việc nghiên cứu chỉ thị, nghị quyết, học tập chính trị, văn hóa, nghiệp vụ, nhất là đi sâu vào học tập và nắm quản lý kinh tế, kỹ thuật, của nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành còn yếu. Thiếu sót chung trong các đồng chí cấp ủy về mặt tác phong công tác là thiếu điều tra, nghiên cứu cụ thể nên do dự, chần chừ, thiếu quyết đáp trước những vấn đề thực tiễn đòi hỏi.

Về lề lối làm việc cũng còn một số khuyết điểm, nhược điểm. Việc phân công trong cấp ủy còn có thời gian, có trường hợp không hợp lý, có những việc giải quyết không sâu, không kịp thời. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền kể cả công tác của các Ban chuyên môn còn sự vụ, chưa đi sâu nghiên cứu các vấn đề lớn có ý nghĩa lâu dài.

Tóm lại, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành tuy còn có những nhược điểm, khuyết điểm, nhưng đó chỉ là mặt thứ yếu, cục bộ; ưu điểm và thành tích là mặt chủ yếu và cơ bản. Do đó, trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban Chấp hành đã hoàn thành vẻ vang mọi nhiệm vụ của Đảng bộ giao cho.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ BA NĂM 1970 -1972

Thưa các đồng chí,

Như các phần trên đã đánh giá và phân tích, chúng ta khẳng định rằng hơn sáu năm qua, Đảng bộ ta đã thu được thắng lợi to lớn, cơ bản và tương đối toàn diện, song bên cạnh đó cũng còn nhiều tồn tại. Những tồn tại đó có mặt còn phải tích cực khắc phục lâu dài, nhưng có những tồn tại và mâu thuẫn trước mắt, đòi hỏi chúng ta phải giải quyết cấp bách, nhằm đưa phong trào cách mạng ở tỉnh ta không ngừng tiến lên.

Nhiệm vụ cách mạng hiện nay, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ rõ: "... cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước còn rất gay go, quyết liệt; miền Bắc có nghĩa vụ thiêng liêng là phải ra sức chi viện cho tiền tuyến lớn để góp sức lớn nhất cùng đồng bào miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc". Như vậy trong điều kiện miền Bắc về cơ bản không có chiến tranh, phải tích cực khắc phục những hậu quả của cuộc chiến tranh phá hoại vừa qua, chuyển dần các hoạt động cho phù hợp với tình hình mới; ra sức khôi phục và phát triển một bước kinh tế, thực hành tiết kiệm, cải thiện từng bước đời sống nhân dân, tăng cường thêm tiềm lực kinh tế và quốc phòng, củng cố hậu phương lớn vững mạnh, chi viện đầy đủ, kịp thời cho cách mạng miền Nam và đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc tiếp tục tiến lên.

Xuất phát từ tình hình và nhiệm vụ cách mạng cả nước, căn cứ vào điều kiện, khả năng địa phương và những kinh nghiệm tích lũy được trong những năm qua, phương hướng và nhiệm vụ chung của Đảng bộ tỉnh ta trong ba năm 1970 - 1972 là:

"Không ngừng củng cố, tăng cường vai trò và hiệu lực lãnh đạo của Đảng, phát huy những thắng lợi đã đạt được, nêu cao tinh

thần cách mạng tiến công, tự lực, tự cường truyền thống đoàn kết dân tộc, lao động cần cù, dũng cảm, sử dụng tốt mọi khả năng phong phú, tiềm tàng của địa phương, triệt để thực hành tiết kiệm để ra sức xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa; tập trung đẩy mạnh ba ngành sản xuất chủ yếu là nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp địa phương, trọng tâm là phát triển *nông, lâm nghiệp, nhất là lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng*, đồng thời tích cực xây dựng, củng cố cơ sở về mọi mặt. Trên cơ sở đó, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, ổn định sản xuất và đời sống đồng bào vùng cao và giữa, nhanh chóng tiến tới định canh, định cư hoàn toàn, xây dựng tỉnh ta ngày càng vững mạnh, góp phần đắc lực vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để phát triển nhảy vọt vào những năm sau”.

Mục tiêu cơ bản và chủ yếu nhất của tỉnh ta trong ba năm tới là: phấn đấu bảo đảm căn bản tự túc được lương thực, thực phẩm thuộc phạm vi địa phương, từng bước tập trung phát triển các ngành có ưu thế nhất như: cây công nghiệp, cây đặc sản (dược liệu, hạt rau giống, v.v.), nghề rừng và chăn nuôi; đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển mạnh các mặt khác.

Để thực hiện phương hướng và mục tiêu cơ bản trên, chúng ta cần tiếp tục bám chắc và tích cực tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa, lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt; đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và phát triển mọi mặt một cách thật tích cực, vững chắc, có trọng điểm, tập trung vào từng vùng sản xuất, từng cây, con nhất định, mang lại hiệu quả thiết thực; tăng cường kinh tế tập thể, đồng thời đẩy mạnh kinh tế quốc doanh; thực hiện định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa, hợp tác hóa kết hợp thủy lợi hóa, giao thông hóa, rừng xanh hóa, ruộng nương bậc thang hóa, và văn hóa hóa. Muốn vậy, cần tập trung sức làm tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập

thể ở nông thôn, đẩy mạnh cao trào lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm; tăng cường đoàn kết dân tộc; tăng cường công tác trị an - quốc phòng; đẩy mạnh công tác giáo dục, y tế, văn hóa, tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là vấn đề ăn, ở, mặc, học tập, sức khỏe, trong đó đặc biệt chú trọng vùng cao, biên giới.

Dưới đây là nhiệm vụ cụ thể trên từng mặt công tác:

I. TIẾP TỤC TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI BA CUỘC CÁCH MẠNG, TIẾP TỤC HOÀN THÀNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THÚC ĐẨY SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Thưa các đồng chí,

Ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa ở tỉnh ta trong thời gian qua đã tiến một bước dài; tuy vậy, đó chỉ là những bước ban đầu, đòi hỏi chúng ta còn phải ra sức đẩy mạnh hơn nữa. Ba cuộc cách mạng này “là ba bộ phận hữu cơ của cách mạng xã hội chủ nghĩa”, nó “xoắn xuýt với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Xã hội mới hay con người mới, quan hệ sản xuất mới hay lực lượng sản xuất mới đều không phải là sản phẩm riêng của một cuộc cách mạng nào, mà là sản phẩm chung của cả ba cuộc cách mạng”. Chúng ta cần quán triệt sâu sắc ý nghĩa và các mối quan hệ đó để đẩy mạnh ba cuộc cách mạng một cách đồng thời, kết hợp chặt chẽ với nhau, trong tất cả các lĩnh vực, các khâu công tác, lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt.

1. Về cách mạng quan hệ sản xuất

Các hợp tác xã sản xuất nông, lâm nghiệp, mua bán, tín dụng, thủ công nghiệp... đều lấy việc tiếp tục giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể cho xã viên, củng cố nội dung hợp tác xã và nâng cao trình độ quản lý làm chính, lấy củng cố hợp

tác xã sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm và đặc biệt chú ý *củng cố phong trào vùng cao và giữa*.

Đối với các *hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*, trên cơ sở tiến hành tốt cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, học tập và thi hành Điều lệ mới, nhanh chóng xây dựng cho các hợp tác xã (chú ý vùng cao và giữa) có đầy đủ nội dung của “một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa”, từng bước trở thành “một đơn vị sản xuất, một đơn vị kế hoạch nông nghiệp cơ sở”, đồng thời là một đơn vị chiến đấu, một cơ sở xã hội tốt ở nông thôn. Mức phấn đấu đến năm 1972, đưa số hộ nông dân toàn tỉnh vào hợp tác xã lên khoảng 90% trở lên, trong đó trên 70% số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao. Vùng cao và giữa cũng phải đạt từ 80% trở lên số hộ nông dân vào hợp tác xã, trong đó khoảng 60% trở lên số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao. Số hợp tác xã tiên tiến và khá chiếm khoảng 65% thuộc vùng cao và 70% thuộc vùng thấp, so với tổng số hợp tác xã.

Các loại hình của hợp tác xã sản xuất nông, lâm nghiệp, nói chung có hai loại: loại hợp tác xã nông nghiệp có kinh doanh nghề rừng và cây đặc sản, cây công nghiệp dài ngày và loại hợp tác xã lâm nghiệp có kinh doanh nông nghiệp hoặc các nghề khác. Do đó, cần xác định rõ nội dung cho các hợp tác xã ở từng nơi để vạch ra phương hướng sản xuất và phân bổ lao động sát với từng loại hợp tác xã.

Việc mở rộng quy mô hợp tác xã là vấn đề quan trọng và cần thiết, nhưng phải có sự chuẩn bị tốt và tích cực tạo điều kiện đầy đủ. Qua kinh nghiệm thực tế ở tỉnh ta, muốn tiến hành hợp nhất hợp tác xã để mở rộng quy mô, cần chú ý đảm bảo: phù hợp với phương hướng phát triển sản xuất và có lợi cho sản xuất; lợi cho đoàn kết dân tộc; hợp với sự phân công lao động mới; tương đối thuận tiện về mặt địa lý cư trú của xã viên; nhất là phải có cán bộ cốt cán quản lý. Do đó, mở rộng quy mô hợp tác xã phải thích hợp từng nơi, từng vùng. Đi đôi với việc mở rộng quy mô hợp tác xã cần coi trọng việc kết nạp các hộ còn làm ăn riêng lẻ vào hợp tác xã và

đưa hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, nhưng cũng phải tạo đủ điều kiện, để đảm bảo chắc chắn. Những nơi chưa đủ điều kiện để hợp nhất hợp tác xã thì nên tổ chức hợp tác xã liên hiệp. Một số thôn, bản chưa có hợp tác xã hoặc đã có nhưng quá đơn giản và yếu, hoặc bị vỡ thì nay cần củng cố, xây dựng thành hợp tác xã tốt (kể cả những xóm bản chỉ có 5, 7 hộ).

Về mặt quản lý hợp tác xã, tập trung thực hiện nguyên tắc quản lý dân chủ và phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên, ra sức cải tiến, nâng cao trình độ và nội dung quản lý. Tất cả các hợp tác xã cần nhanh chóng xác định rõ ràng phương hướng và kế hoạch sản xuất, phát triển mạnh kinh tế tập thể là chính, đồng thời hướng dẫn kinh tế phụ gia đình xã viên phát triển đúng hướng, đúng mức. Vấn đề cơ bản và cấp thiết hiện nay là tiếp tục tập thể hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu như ruộng, đất, rừng cây cũng như đôi cây công nghiệp lớn và tập trung, trâu bò cày, công cụ lớn... và đưa vào hợp tác xã quản lý, kinh doanh những ngành nghề chính: trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng... thuộc phương hướng sản xuất của hợp tác xã. Các hợp tác xã cần thực hiện đúng chính sách để đất 5% và đất cho mượn đối với xã viên, giải quyết dứt khoát và rõ ràng phần tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của tập thể hợp tác xã và phần sở hữu riêng của gia đình xã viên. Cần cố gắng làm cho các hợp tác xã quản lý tốt và tích cực mở rộng các ngành, nghề, kể cả nghề thủ công trong hợp tác xã, chú trọng kinh doanh nghề rừng, có đội chuyên về rừng. Việc chăn nuôi tập thể trâu, bò, lợn, dê, cá cần được đẩy mạnh hơn nữa, đưa đàn gia súc tập thể hợp tác xã chiếm tỷ lệ ngày càng cao so với tổng số gia súc trong tỉnh. Riêng đối với ngựa, chưa nên đặt vấn đề tập thể hóa mà nên tổ chức quản lý tốt để sử dụng sức thồ cho hợp tác xã, bằng cách trả công điểm thích đáng cho chủ ngựa.

Việc quản lý lao động trong hợp tác xã là công tác mấu chốt, cần tổ chức, phân công lại sức lao động cho từng ngành nghề và quản lý, sử dụng hợp lý, chặt chẽ hơn, thực hiện chế độ khoán việc

và “ba khoán” thanh toán hiện tượng “khoán hộ” ở một số nơi. Qua đó đảm bảo huy động mỗi xã viên bình quân một năm làm cho hợp tác xã từ 220 ngày công trở lên đối với vùng cao, 250 ngày công trở lên đối với vùng thấp (mỗi ngày đạt 10 điểm trở lên). Các tổ, đội sản xuất: trồng trọt, nghề rừng, chăn nuôi là những đội sản xuất cơ bản thuộc những ngành chủ yếu của hợp tác xã, cần được nhanh chóng ổn định; đồng thời lập ra các tổ, đội, chuyên môn như thủy lợi, giao thông, phân, giống, cơ khí nhỏ, rèn, mộc, v.v. và tổ chức ra các nhóm, tổ giữ trẻ trong tất cả các hợp tác xã.

Vấn đề tài vụ và phân phối trong các hợp tác xã là công tác hết sức quan trọng, cần đưa dần vào nền nếp, thực hiện đúng chế độ, nguyên tắc đã quy định, tôn trọng quyền dân chủ của xã viên trong phân phối và thanh quyết toán dứt điểm từng vụ, từng năm. Trước mắt, giải quyết hợp tình, hợp lý các vấn đề còn mắc mó về tiền tài, thóc quỹ trong các hợp tác xã. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và tăng năng suất lao động, đảm bảo ngày càng tăng thu nhập và giá trị ngày công cho xã viên; từng bước tăng tỷ lệ quỹ không chia và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước của hợp tác xã.

Đối với các hợp tác xã khai hoang, cần được củng cố vững chắc hơn, tiếp tục giáo dục tư tưởng cho xã viên, làm cho xã viên an tâm và kiên định xây dựng quê hương mới. Một số hợp tác xã chưa tự túc được lương thực, cần chú ý đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo đủ ăn. Những hợp tác xã phương hướng sản xuất chưa phù hợp, cần kịp thời chuyển hướng và xác định lại cho đúng.

Song song với củng cố và phát triển các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, chúng ta phải chú trọng củng cố, phát triển các *hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng*, tạo nên thế ba chân kiềng vững chắc hơn nữa của phong trào hợp tác hóa để thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh và mạnh hơn. Cố gắng đưa 100% số xã có cơ sở, có cửa hàng hợp tác xã mua bán và có hợp tác xã tín dụng (một số thôn xóm hẻo lánh xa xôi, nên tổ chức thêm các quầy hàng), và 100% số xã viên hợp tác xã nông nghiệp tham

gia các hợp tác xã đó. Các hợp tác xã mua bán phấn đấu tiến lên làm tốt nhiệm vụ vừa mua vừa bán, tiến tới đại lý tốt cho thương nghiệp quốc doanh ở nông thôn. Đại bộ phận hợp tác xã tín dụng thực hiện được đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng như Chỉ thị 131 của Ban Bí thư Trung ương đề ra. Cần tăng cường giáo dục, bồi dưỡng trình độ quản lý, giải quyết tốt những vấn đề tiền và hàng nhảm lẫn, tham ô còn tồn tại trong các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

Cần tiếp tục xây dựng thêm nhiều cơ sở vật chất, kỹ thuật và nâng cao công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã là công tác vô cùng cấp thiết hiện nay, do đó bằng việc bồi dưỡng qua thực tế, bằng mở lớp ngắn ngày và dài ngày, chúng ta phải ra sức bồi dưỡng huấn luyện cho các cán bộ quản trị, quản lý, kế toán, thủ quỹ, nhân viên bán hàng, v.v. của các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng.

Thư các đồng chí,

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp tỉnh ta còn phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề *định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa*. Như chúng ta đã đánh giá, nạn du canh, du cư ở tỉnh ta còn tồn tại nghiêm trọng và kéo dài. Nếu tính cả diện định cư nhưng còn du canh thì 74% số nhân khẩu trong tỉnh còn tình trạng du canh; trong đó, có 38% số diện tích canh tác, với 10,5% số nhân khẩu còn du canh, du cư hoàn toàn. Nạn du canh, du cư là phương thức canh tác vô cùng lạc hậu do chế độ cũ để lại, từ đời này sang đời khác, gây ra tập quán sản xuất nặng tính chất tự nhiên. Tình trạng kéo dài đó đã phá hoại thành quả lao động, phá hoại con người, phá hoại tài nguyên một cách toàn diện, làm cho sản xuất và đời sống của nhân dân các dân tộc không thể phát triển và nâng cao lên được. Tệ nạn này chẳng những đã và đang gây tác hại ở tỉnh ta, mà còn tác

hại lớn lao đối với cả nước. Vì vậy, chúng ta cần nhận thức sâu sắc hơn nữa tình hình và yêu cầu trên đây để trong ba năm 1970 - 1972 tập trung mọi lực lượng, mọi biện pháp tích cực, tiếp tục tiến hành tốt cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa trong toàn tỉnh, nhanh chóng đưa đồng bào còn du canh, du cư đi vào thâm canh, định canh, định cư, lấy cuộc vận động này làm công tác trung tâm ở vùng cao và giữa. Bởi vì chỉ khi nào đưa các dân tộc định canh, định cư được tốt thì hợp tác xã mới được củng cố vững chắc, sản xuất mới được đẩy mạnh, đời sống mới được ổn định, đoàn kết dân tộc mới được tăng cường. Ngược lại có kết hợp chặt chẽ với hợp tác hóa thì định canh, định cư mới có điều kiện để giữ vững và phát huy thành quả.

Trên cơ sở làm tốt cuộc vận động, sau ba năm 1970 - 1972 chúng ta cần có cố gắng lớn để căn bản chấm dứt tệ du canh, du cư, đưa các dân tộc tỉnh ta đi vào định canh, định cư, thực hiện phương hướng và nội dung mà trong cuộc vận động đề ra. Trước mắt, năm 1970 chúng ta hoàn thành tốt việc điều tra, khảo sát, lập quy hoạch, kế hoạch và tiến hành mở cuộc vận động ở miền Đông, sau đó tiến sang miền Tây của tỉnh, theo từng bước, từng đợt, có sự lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ và thường xuyên của các cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh, huyện.

Thưa các đồng chí,

Trong khi ở nông thôn lấy cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể, vận động định canh, định cư, củng cố phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất làm trung tâm, thì ở các thị trấn, thị xã thì phải rất coi trọng việc tiếp tục *củng cố và xây dựng các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiếp tục giáo dục và lãnh đạo bà con buôn bán nhỏ ổn định sản xuất*. Đối với các hợp tác xã thủ công nghiệp đã có, cần củng cố và nâng cao chất lượng về mọi mặt, đồng thời sắp xếp và thu hút số thợ thủ công còn làm

riêng lẻ vào hợp tác xã, đưa 100% số hợp tác xã hiện có lên cấp cao, đồng thời mở rộng quy mô sản xuất. Để các hợp tác xã đó phát triển sản xuất ngày càng mạnh, cần trang bị ngày càng nhiều thiết bị, máy móc để từng bước đưa sản xuất thủ công lên nửa cơ giới và cơ giới từng bộ phận. Trên cơ sở đó, bồi dưỡng và nâng cao trình độ quản lý, đẩy mạnh sản xuất tăng nhanh, có nhiều mặt hàng, chất lượng cao, giá thành hạ, đảm bảo tăng thêm tích lũy của hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã viên và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đối với *bà con buôn bán nhỏ và làm các ngành nghề phục vụ khác*, cần tiếp tục đưa nốt số người còn buôn bán tự do trở về sản xuất và sắp xếp số người làm các nghề phục vụ tự do vào các hình thức hợp tác thích hợp hoặc có sự quản lý chặt chẽ theo đúng chính sách đã có. Đối với những người đã về sản xuất hoặc đã được tổ chức lại thì tiếp tục tích cực sản xuất và kinh doanh theo phương thức xã hội chủ nghĩa, xây dựng và nâng cao ý thức phục vụ nhân dân. Đối với một vài người già yếu, mất sức lao động mà ta vẫn để kinh doanh hàng quà nước lặt vặt thì cần có đăng ký, và có sự quản lý chặt chẽ về mặt hàng hóa và giá cả, giáo dục và hướng dẫn họ kinh doanh chính đáng.

Đối với *tư sản*, chúng ta vẫn phải tiếp tục giúp họ phấn đấu ngày càng trở thành người lao động thật sự trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với củng cố và phát triển thành phần kinh tế tập thể, chúng ta phải rất coi trọng *tăng cường củng cố và phát triển thành phần kinh tế quốc doanh*, làm cho nó lớn mạnh không ngừng và ngày càng phát huy vai trò nòng cốt và chi phối đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy nhanh chóng sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong tỉnh.

Chúng ta cần tăng cường củng cố và xây dựng, phát triển các cơ sở sản xuất và mở rộng một cách thích hợp mạng lưới, quy mô của các xí nghiệp, doanh nghiệp quốc doanh, nhất là tập trung xây

dựng, phát triển các nông trường, lâm trường, và các xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, dược phẩm, cửa hàng thương nghiệp, trạm trại kỹ thuật, v.v..

Cần ra sức cải tiến và nâng cao công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật, nhất là quản lý lao động, tiền vốn, vật tư trong các công trường, xí nghiệp, doanh nghiệp, đảm bảo thực hiện tốt các định mức lao động, hạ giá thành sản phẩm. Các xí nghiệp, doanh nghiệp đều phải thực hiện tốt chế độ hạch toán kinh tế và các nguyên tắc, chế độ của Nhà nước đã quy định, đưa công tác quản lý xí nghiệp, doanh nghiệp đi vào nề nếp. Tổng kết và phát huy thắng lợi cuộc vận động “Ba xây, ba chống” tiếp tục đẩy mạnh phong trào thực hiện “Ba điểm cao”, cuộc vận động quản lý thị trường tận gốc, chống đầu cơ, ăn cắp, móc ngoặc... trong các xí nghiệp, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân viên, động viên mọi người đều làm việc, làm việc với năng suất lao động và hiệu suất công tác cao, đảm bảo giờ công và số ngày công quy định, ra sức lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, móc ngoặc, ăn cắp tài sản, hàng hóa, vật tư của Nhà nước.

2. Về cách mạng kỹ thuật

Song song với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, chúng ta phải quán triệt sâu sắc hơn nữa vị trí then chốt của cách mạng kỹ thuật, để ra sức xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đưa mạnh khoa học kỹ thuật vào tất cả các lĩnh vực hoạt động, trước hết là trong nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp địa phương (kể cả thủ công nghiệp).

Trong nông, lâm nghiệp phải được trang bị đủ nông cụ thường, công cụ và phương tiện vận tải cải tiến, đảm bảo bình quân mỗi lao động có bốn công cụ thường, thích hợp từng vùng, từng cây, con; thanh toán các loại công cụ quá thô sơ lạc hậu còn lại. Cần tập trung cải tiến và sản xuất các công cụ làm đất, gieo cấy, làm cỏ,

dụng cụ tưới rau màu, gặt, đập, vận chuyển, xay xát, nghiền, thái, chế biến nông, lâm sản; đồng thời tích cực xây dựng thêm các trạm bơm, thủy điện nhỏ, thủy luân, ba kết hợp, tận dụng sức điện sẵn có để đưa mạnh cơ khí nhỏ vào các vùng sản xuất (ba năm 1970 - 1972, đưa lên khoảng 80 điểm cơ khí nhỏ trong nông nghiệp toàn tỉnh). Các cơ sở vật chất kỹ thuật và các trạm, trại kỹ thuật cho trồng trọt, nghề rừng, chăn nuôi, thú y như các cơ sở cho phân bón, giống cây trồng và con gia súc, các vườn ươm, v.v. đều phải chú ý củng cố và phát triển mạnh hơn nữa. Mặt khác, cần kiện toàn củng cố trạm máy kéo tỉnh, sử dụng tốt các máy móc, thiết bị vào việc khai phá hoang và các khâu sản xuất trong các nông, lâm trường, vào vùng thấp và một số cánh đồng có điều kiện ở vùng cao; Đối với vùng cao và giữa, chủ yếu đẩy mạnh việc xây dựng và khai hoang thêm ruộng, nương bậc thang định canh, xây dựng đồng cỏ, đồi cây của hợp tác xã... để tăng thêm cơ sở sản xuất cho hợp tác xã.

Đi liền với việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật thì việc ra sức áp dụng các biện pháp kỹ thuật và cải tiến công cụ trong trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng là rất quan trọng. Do đó, trong ba năm 1970 - 1972, chúng ta tập trung vào căn bản thanh toán dứt năm tệ: cấy chay, nước chảy tràn bờ, bỏ cỏ, thả rông gia súc và chặt phá rừng bừa bãi; tập trung đẩy mạnh việc xây dựng điển hình, thí điểm về ruộng, nương, rừng..., đồng thời tích cực thực hiện các biện pháp kỹ thuật liên hoàn khác, trước hết cần chú trọng: nước, phân, giống, thời vụ, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng và dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Về thủy lợi, vẫn là biện pháp hàng đầu, do đó, ở vùng thấp chủ yếu là sử dụng và quản lý tốt các công trình đã có, tập trung làm mương máng tưới tiêu và xây dựng đồng ruộng, đảm bảo diệt được hạn trên toàn bộ diện tích ruộng hai vụ, đảm bảo 50% diện tích đồng ruộng được kiến thiết lại và một số xã thực hiện được thủy lợi hóa. Đi đôi với việc giải quyết nước tưới cho lúa, phải coi trọng giải quyết nước tưới cho

rau, màu và phục vụ chăn nuôi. Ở vùng cao và giữa, tập trung trồng cây để giữ nước đầu nguồn, phát triển mạnh các công trình thủy lợi loại nhỏ, phục vụ nước tưới cho sản xuất, đảm bảo cho đại bộ phận diện tích ruộng chủ động được tưới, đồng thời tiếp tục giải quyết nước ăn cho người và gia súc. Ngoài ra phải có các biện pháp tích cực để chống lũ, úng và xói lở ở tất cả các vùng. Về phân bón, đẩy mạnh tận dụng phân chuồng và trồng phân xanh tại ruộng nương, đảm bảo mức phân bón cho từng loại cây đạt được năng suất theo kế hoạch hàng năm. Về giống, chú trọng khâu chọn lọc và nhân giống, thay giống có năng suất cao và ngắn ngày, đảm bảo đủ giống các loại cây trồng và con gia súc (nhất là lợn, cá, cây công nghiệp, cây lấy gỗ...). Trong chăn nuôi, chú ý khâu thức ăn, chuồng trại, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh.

Trong công nghiệp (kể cả thủ công nghiệp) và các ngành kinh tế khác, phải đẩy mạnh việc xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật theo kế hoạch ba năm 1970 - 1972, nhanh chóng đưa các công trình đi vào sản xuất và hoạt động. Cần đẩy mạnh việc trang bị thiết bị, máy móc cơ khí vào các khâu sản xuất cần thiết, đồng thời rất chú trọng cải tiến công cụ sẵn có, mạnh dạn đưa sản xuất từ thủ công lên nửa cơ giới và cơ giới, từ thủ công lên thẳng cơ giới, từng bước tiến lên cơ giới hóa trong các khâu sản xuất ở các công trường, xí nghiệp và hợp tác xã thủ công nghiệp. Yêu cầu về cách mạng kỹ thuật trong các ngành công nghiệp không những phải đáp ứng kịp thời yêu cầu trang bị kỹ thuật để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm cho bản thân trong ngành mà còn phải có nhiệm vụ trang bị và cung cấp đầy đủ nhu cầu về công cụ, giúp đỡ về kỹ thuật cho nông, lâm nghiệp cũng như cho các ngành khác.

Để đảm bảo cho cách mạng kỹ thuật tiến bước mạnh mẽ, chúng ta cần tích cực phát động phong trào quần chúng đi vào khoa học kỹ thuật và ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật; xúc tiến gấp việc điều tra, khảo sát, lập quy hoạch toàn diện. Trước mắt, đặc biệt chú trọng đào tạo các loại cán bộ và công

nhân kỹ thuật lành nghề và hoàn thành gấp việc điều tra, khảo sát, lập quy hoạch cụ thể cho từng vùng sản xuất, cho từng xã và hợp tác xã. Cần chú ý phổ biến và áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến, đồng thời tích cực khai thác, trọng dụng các kinh nghiệm đã có của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

3. Về cách mạng tư tưởng - văn hóa

Gắn liền với hai cuộc cách mạng nói trên, và để thúc đẩy trở lại, cũng như phục vụ đắc lực cho hai cuộc cách mạng đó phát triển, chúng ta phải tiến hành mạnh mẽ cuộc cách mạng về tư tưởng và văn hóa.

Nhiệm vụ về cách mạng tư tưởng - văn hóa ở tỉnh ta hiện nay là phải làm tốt việc xây dựng con người mới, đạo đức và nếp sống mới, làm cho mọi người có ý thức sống và làm việc với tinh thần “mọi người vì mỗi người, mỗi người vì mọi người”, lao động quên mình, sinh hoạt giản dị, văn minh, tươi vui, phấn khởi và lành mạnh. Vì vậy, chúng ta cần tiếp tục tăng cường giáo dục đường lối, chính sách, đẩy mạnh giáo dục văn hóa, khoa học kỹ thuật, nhằm nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế vô sản, ý thức độc lập tự chủ, đồng thời từng bước nâng cao kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật cho quần chúng. Trên cơ sở đó làm cho mọi người tin tưởng, phấn khởi, dũng cảm lao động, sản xuất, nhận thức và thấm nhuần ý nghĩa của lao động sản xuất là vinh quang, là lẽ sống, là đạo đức mới của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là nghĩa vụ thiêng liêng của mọi người, để động viên mọi lực lượng tập trung xây dựng, phát triển kinh tế địa phương và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Đi đôi với xây dựng, bồi dưỡng và nâng cao tư tưởng xã hội chủ nghĩa cần chống mọi ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa tư sản; tiếp tục chống tư tưởng và nếp sống tiểu tư sản, chống các thói hư, tật xấu, lười biếng, xa hoa, xóa bỏ tàn tích

của tư tưởng phong kiến, đế quốc và mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, địa phương, cục bộ còn tồn tại; phê phán các tư tưởng và đạo đức phi vô sản khác.

Cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối, trở thành hệ tư tưởng chủ đạo toàn xã hội, tạo ra sự nhất trí cao độ hơn về chính trị và tinh thần trong nhân dân các dân tộc.

Về mặt văn hóa và khoa học, cần đẩy mạnh toàn diện, trọng tâm trước mắt là tiếp tục hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa cho mọi người, đồng thời phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục để nâng cao trình độ văn hóa, tri thức khoa học kỹ thuật cho quần chúng. Đi đôi với nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, cần phát triển mạnh mẽ các hoạt động văn hóa, phổ biến khoa học kỹ thuật, tăng cường công tác thông tin, báo chí, y tế, thể dục thể thao, v.v. để bồi dưỡng tinh thần và sức khỏe cho nhân dân.

II. RA SỨC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA, THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC BA NĂM 1970 - 1972

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đã khẳng định tỉnh ta là một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc, đại bộ phận là vùng cao, có nhiều khó khăn, nhưng thuận lợi vẫn là căn bản. Tỉnh ta có điều kiện và khả năng rất lớn để phát triển kinh tế, văn hóa. Riêng về mặt nông, lâm nghiệp có ưu thế lớn về phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng. Theo sơ bộ quy hoạch đến năm 1980 thì tỉnh ta có thể đưa đất nông nghiệp lên khoảng 25%, đất rừng lên khoảng 65%. Trong đất nông nghiệp, nếu tận dụng thì được khoảng 32.000 ha để trồng cây lương thực, trong đó độ 8.700 ha

ruộng nước. Ngoài việc mở thêm diện tích, chúng ta còn nhiều khả năng tăng vụ, tăng năng suất và còn tới 50.000 ha đồng cỏ có thể cải tạo để chăn nuôi, v.v.. Vì vậy, trong ba năm tới, chúng ta cần đưa nền kinh tế, văn hóa của tỉnh ta phát triển một bước nhanh, mạnh, vững chắc hơn trước, trọng tâm là phát triển lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

1. Nông - lâm nghiệp

Nhiệm vụ nông, lâm nghiệp ba năm 1970 - 1972 là: hết sức đẩy mạnh sản xuất lương thực (kể cả màu) và thực phẩm (kể cả rau, đậu, hoa quả), đồng thời ra sức phát triển sản xuất nhiều mặt, cân đối và theo vùng sản xuất đã xác định, nhằm tiến công một bước vào ba ngành có ưu thế là cây công nghiệp, nghề rừng và chăn nuôi, thực hiện mục tiêu một lao động 1 ha gieo trồng 2 đầu lợn (chủ yếu ở vùng thấp).

Về *lương thực, thực phẩm*: lương thực của tỉnh ta bao gồm cả lúa, ngô và các loại cây có chất bột khác, do đó phải phát triển mạnh cả lúa, ngô, mỳ, khoai tây, khoai lang, sắn, khoai môn. Về cây thực phẩm, phát triển mạnh rau, đậu, vừng, lạc, cây có dầu thực phẩm, thịt, trứng, sữa..., dần dần thay đổi cách ăn và thành phần lương thực, thực phẩm trong bữa ăn, tiến lên bảo đảm tự túc được thực phẩm trong toàn tỉnh. Trong ba năm 1970 - 1972 *phấn đấu hết khả năng ở từng vùng*, để đảm bảo tổng sản lượng lương thực năm 1970 khoảng 52.000 tấn và đến năm 1972 khoảng 55.000 tấn. Có như vậy, mới có thể đưa mức ăn lương thực bình quân chung toàn tỉnh năm 1970 lên độ 17 kg và năm 1972 độ 19 kg một nhân khẩu nông nghiệp. Trên cơ sở phấn đấu với mức độ cố gắng cao nhất để đảm bảo căn bản về nhu cầu lương thực của địa phương tỉnh ta, riêng về thực phẩm thì căn bản đảm bảo cho cả nhu cầu trung ương ở địa phương.

Để thực hiện mục tiêu trên, vùng thấp cần phát triển tăng nhanh khối lượng lương thực, thực phẩm và có nhiệm vụ cung cấp

ngày càng nhiều lương thực, thực phẩm cho nhu cầu của tỉnh. Do đó chủ yếu phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ và tận dụng hết đất đai có khả năng để khai thêm ruộng nước và tăng vụ lúa xuân vào hết các chân ruộng còn khả năng giải quyết nước tưới, bảo đảm diện tích lúa xuân lên khoảng 3.000 ha với năng suất đạt từ 5 - 7 tấn/ha trên ruộng lúa hai vụ. Đi đôi với lúa, cần phát triển mạnh khoai lang, khoai tây, ngô hè, sắn và lạc, vừng, để đưa toàn bộ ruộng đất lên 2 vụ một năm.

Vùng cao và giữa cố gắng phấn đấu tự túc được lương thực và thanh toán tình trạng thiếu ăn giáp hạt ở một số nơi. Do đó cũng phải phát triển mạnh sản xuất, theo hướng thâm canh, tăng vụ, tăng thêm diện tích định canh ngô, lúa, khoai tây, ý dĩ, cải dầu, rau, đậu, hoa quả; chấm dứt tệ chặt phá rừng làm nương bừa bãi. Đối với thâm canh, tăng vụ, cần ra sức khai phá thêm ruộng nương bậc thang, đưa năng suất lúa 1 vụ từ 26 tạ/ha trở lên, đưa năng suất ngô lên 10 tạ/ha một vụ. Riêng vùng cao Bát Xát và Sa Pa phát triển lúa mì, đậu mè và thí điểm thêm một số loại cây trồng thích hợp để tăng vụ mạnh hơn nữa.

Về rau xanh, phát triển mạnh theo vùng tập trung, chủ yếu là khu vực thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường (kể cả một vài xã xung quanh hai thị xã đó), đảm bảo sản lượng thu mua của tỉnh hằng năm được 2.000 tấn (năm 1970) và khoảng 5.000 tấn năm 1972. Các huyện, các vùng khác thì sản xuất đảm bảo đủ nhu cầu rau ở từng nơi.

Về *cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả*: phát triển mạnh cây có dầu và cây ăn quả. Trong ba năm 1970 - 1972 tập trung phát triển vùng đậu tương hai vụ một năm lên 3.000 ha gieo trồng, với năng suất bình quân 5 tạ/ha trở lên một vụ; đưa vùng chè lên khoảng 1.000 ha; đưa sản lượng mía lên 10.000 tấn cây/năm, đồng thời dành thêm đất phục vụ cho việc luân canh mía. Về hạt rau giống, phát triển thành vùng ở Sa Pa, đảm bảo sản lượng 30 tấn/năm trở lên. Về lê, táo, đào, mận, óc chó, hạt

dễ phát triển mạnh vào vùng cao miền Đông và Sa Pa, trước mắt tập trung làm mạnh vào vùng Sa Pa và Pha Long (năm 1970 - 1972 bước đầu trồng độ 200 ha óc chó, dễ hạt). Về lai, sỏ, tập trung phát triển ở vùng thấp và vùng 16 xã trọng điểm vận động định canh, định cư, đưa lên khoảng 500 ha trong ba năm tới. Về cây thuốc, cần vận dụng tốt chính sách để vận động quần chúng đưa thảo quả vào hợp tác xã quản lý và phát triển mạnh thảo quả của tập thể hợp tác xã vào vùng đã khoanh ở Mường Hum, Sa Pa; phát triển mạnh xuyên khung cũng như các loại cây thuốc khác, đồng thời tích cực bảo vệ, khai thác một cách có kế hoạch các cây thuốc sẵn có tự nhiên; phát triển trồng tam thất ở Mường Khương, Si Ma Cai, Bắc Hà, sau khi đã thí điểm thành công.

Ngoài ra, vùng thấp tiếp tục phát triển cam, quýt, chuối, dứa một cách có kế hoạch và theo quy hoạch đã xác định.

Chăn nuôi là một ngành chủ yếu, chiếm giá trị quan trọng trong giá trị nông nghiệp tỉnh ta. Tỉnh ta lại có giống lợn và giống trâu tốt. Do đó, chúng ta cần đưa đàn gia súc tăng nhanh hơn trước, nâng dần chăn nuôi cân đối với trồng trọt, đảm bảo cung cấp ngày càng nhiều thịt, trứng, sữa cho nhu cầu thực phẩm và phân bón cho trồng trọt.

Phải đẩy mạnh chăn nuôi cả trong hợp tác xã, trong quốc doanh và gia đình xã viên, tập trung trước tiên vào phát triển bò, trâu, lợn, dê, cá. Ở vùng cao còn cần chú trọng phát triển ngựa để tăng thêm sức vận tải. Riêng về lợn, phấn đấu bình quân bốn đầu lợn một hộ, trong đó có hai con xuất chuồng, nhanh chóng đưa vùng thấp có hai đầu lợn trên 1 ha gieo trồng. Đối với cá phát triển thêm diện tích hồ ao và đẩy mạnh nuôi cá ở những nơi có điều kiện, để dần dần làm cho cá trở thành một trong những nguồn thực phẩm lớn. Việc nuôi ong mật, tầm lá sắn, v.v. ở tỉnh ta cũng có khả năng phát triển, do đó cần từng bước đẩy mạnh trong các hợp tác xã có điều kiện.

Đối với các chính sách khuyến khích chăn nuôi như lương thực, thực phẩm, để đất chăn nuôi, nghĩa vụ bán thịt lợn, v.v. của Nhà nước đã ban hành cần được vận dụng thi hành đầy đủ và kịp thời. Để đảm bảo cho chăn nuôi phát triển, chúng ta phải coi trọng việc trồng cỏ, cải tạo đồng cỏ sẵn có, và tận dụng tốt các nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm như rơm, vỏ khoai, thân đậu, v.v.. Điểm mấu chốt và cấp bách hiện nay là phải tổ chức tốt việc chăn dắt, làm chuồng trại và kiên quyết thanh toán tệ thả rông gia súc, vì tệ này đã và đang phá hoại rất ghê gớm đối với sản xuất, cũng như với nhiều mặt khác trong nhân dân.

Về *xây dựng và phát triển nông trường*: khả năng phát triển nông trường của tỉnh ta có nhiều, sơ bộ điều tra đã có 12 điểm có thể xây dựng được. Do đó, đi đôi với phát triển sản xuất của các hợp tác xã, chúng ta tiếp tục xây dựng và phát triển một cách chắc chắn các nông trường quốc doanh tiến tới các huyện đều có nông trường. Trong ba năm 1970 - 1972, tập trung xây dựng lớn nông trường nuôi bò, trâu ở Thanh Bình và Nậm Mòn, củng cố và mở rộng Nông trường Phú Xuân trồng cam, lai, sỏ; xây dựng và củng cố tốt các cơ sở chăn nuôi bò, lợn quốc doanh, phấn đấu đưa đàn gia súc quốc doanh lên khoảng 2.000 bò trở lên (trong đó độ 200 bò sữa) và từ 300 đến 500 trâu.

Về *nghe rừng*: trước hết chúng ta cần quán triệt và làm cho mọi người thấy rõ vai trò, vị trí của nghề rừng ở tỉnh ta, thấy rõ tình trạng nguy hiểm hiện nay và cho cả sau này của tệ phá rừng làm nương bừa bãi và làm rừng tỉnh ta ngày càng bị tàn phá nghiêm trọng. Trên cơ sở đó, đưa nghề rừng có một sự chuyển biến mới. Trong phạm vi toàn tỉnh, chúng ta lấy việc bảo vệ, tu bổ và trồng rừng là chủ yếu, đồng thời khai thác gỗ, củi, nứa và các lâm sản khác theo kế hoạch nhất định.

Vùng thấp, chủ yếu là tu bổ, bảo vệ, đi đôi với khai thác và trồng bổ sung, trồng cây trụ mỗ, tre, vầu, nứa, lá cọ và cây lấy củi. Vùng cao chủ yếu là trồng rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn để lấy

gỗ, lấy củi, gắn liền với trồng các cây công nghiệp, cây ăn quả dài ngày, cây thuốc (như đỗ trọng, hoàng bá...) và bảo vệ tốt các rừng còn lại. Cụ thể là vùng cao miền Đông, chủ yếu là trồng cây gây rừng, đồng thời bảo vệ và quản lý tốt các rừng còn lại hoặc đang tái sinh; vùng cao miền Tây, chủ yếu là quản lý, bảo vệ đồng thời trồng thêm cây. Cần tập trung trước vào việc trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn đã bị trọc ở trên từng cánh đồng, từng thôn, bản. Năm 1970 toàn tỉnh trồng 2.600 ha và trong ba năm 1970 - 1972 trồng khoảng 30.000 ha rừng. Hướng tập trung là trồng được 1/3 số đồi trọc và đầu nguồn ở miền Đông, trồng xong cây hai ven đường cái lớn.

Vấn đề trồng và bảo vệ rừng phải được đặt thành một vấn đề trọng yếu trong cuộc vận động định canh, định cư. Việc làm vườn ươm cây và trồng cây cần được coi trọng trong tất cả các hợp tác xã, cơ quan, trường học, lâm trường, công trường, xí nghiệp... Do đó, cần nhanh chóng đưa nghề rừng vào hợp tác xã tổ chức quản lý và kinh doanh; dựa vào lực lượng nhân dân để bảo vệ và trồng rừng là chủ yếu, đồng thời xây dựng, phát triển một số lâm trường quốc doanh trồng rừng, như lâm trường trồng gỗ trụ mỏ và lấy sợi ở Bát Xát; trồng lai, sổ ở vùng thấp.

2. Công nghiệp

Phương hướng, nhiệm vụ của công nghiệp địa phương của tỉnh ta trong ba năm tới, chủ yếu là củng cố, mở rộng quy mô một cách hợp lý các cơ sở sản xuất sẵn có, đi đôi cần tích cực chuẩn bị điều kiện xây dựng một số cơ sở mới. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh sản xuất ra nhiều sản phẩm, chủ yếu là phát triển các mặt hàng phục vụ tiêu dùng, đồng thời coi trọng sản xuất các tư liệu sản xuất, chủ yếu là công cụ thường và công cụ cải tiến, nhằm phục vụ đầy đủ, sát hợp, kịp thời cho sản xuất, đời sống, sẵn sàng chiến đấu và một phần cho xuất khẩu, trước mắt là phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống.

Đối với hàng tiêu dùng, trước mắt năm 1970 chúng ta cần tận dụng các nguyên vật liệu của địa phương, đẩy mạnh sản xuất

thêm nhiều mặt hàng như đường, nước chấm, rượu, giấy, sành sứ, chảo gang, đồ thủy tinh, nón mũ, guốc dép, đồ gỗ, đồ đan lát và các đồ dùng sinh hoạt thông thường khác để bảo đảm cung cấp tương đối đầy đủ các mặt hàng đó cho nhân dân. Ngoài ra, cần nghiên cứu kế hoạch xây dựng thêm hoặc mở rộng các xí nghiệp sẵn có để làm đường kính, nước đá, hoa quả hộp, bánh kẹo các loại, chè hương, chế biến thịt, sữa, bột dinh dưỡng, v.v..

Củng cố và hoàn thiện *xí nghiệp cơ khí tỉnh*, xây dựng các xưởng cơ khí huyện, phát triển các cơ sở rèn, đúc, mộc ở các xã, hợp tác xã, nhằm tiếp tục mở rộng mạng lưới công nghiệp địa phương, trước hết là mạng lưới cơ điện, nhất là rèn, đúc xuống tận cơ sở hợp tác xã. Hướng chủ yếu của sản xuất cơ khí là đảm bảo đủ yêu cầu về công cụ thường và công cụ cải tiến, sản xuất đủ các phụ tùng, phụ kiện, đồ nghề và đảm bảo tốt việc sửa chữa công cụ và các máy cơ khí nhỏ. Về mặt chế tạo, chỉ nên sản xuất một số mặt hàng phù hợp với đặc điểm, yêu cầu và nguồn tiêu thụ lâu dài của tỉnh ta, như máy tẽ ngô, đậu, máy ép dầu, nghiền bột ngô, chế biến nông lâm sản, máy thủy luân... Cần tích cực đào tạo lực lượng công nhân vận hành và sửa chữa các loại máy móc, nhất là sửa chữa các máy cơ khí nhỏ, thủy điện nhỏ, thủy luân, đảm bảo cho máy hoạt động được thường xuyên và nâng cao được hiệu suất của máy móc.

Củng cố vững chắc và ổn định những cơ sở thủy điện hiện có, đồng thời phát huy năng lượng điện sẵn có vào việc phục vụ sản xuất, chế biến. Xúc tiến gấp việc điều tra cơ bản và làm quy hoạch thủy luân, thủy điện, đồng thời tiến hành thiết kế đi trước một bước để tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng một số cơ sở mới về thủy điện và thủy luân ba kết hợp.

Công nghiệp *chế biến* của địa phương tỉnh ta là một ngành sản xuất chủ yếu. Do đó, chúng ta cần tăng cường trang thiết bị và mở rộng quy mô của các cơ sở chế biến hiện có để đẩy mạnh sản xuất, các mặt hàng như nước chấm, dược liệu, đường, rượu, giấy, v.v.. Cần tích

cực phát triển việc chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, trước hết là chế biến lương thực, thực phẩm (ngô, khoai, sắn, bột mỳ, thịt, rau, hoa quả...), vì mặt sản xuất này của tỉnh ta đang đòi hỏi cấp bách. Chúng ta cần xây dựng, phát triển mạnh các cơ sở chế biến các loại đồ trong khắp tỉnh, kể cả hợp tác xã, Nhà nước và nhân dân đều làm để đảm bảo có nhiều mặt hàng về lương thực và thực phẩm chế biến để phục vụ tốt các bữa ăn của cán bộ, công nhân viên và nhân dân.

Việc *sản xuất các vật liệu xây dựng* cũng là công tác cần được tăng cường phát triển mạnh hơn nữa. Vì vậy, chúng ta cần chú trọng củng cố và tăng thêm trang thiết bị, đưa các cơ sở hiện có đi vào sản xuất nhiều, nhanh, tốt và hạ giá thành sản phẩm; chú trọng sản xuất gỗ, nứa, gạch, ngói, vôi cát sỏi và cả các vật liệu không nung khác. Đi đôi với củng cố và mở rộng các cơ sở cũ, cần mở rộng quy mô và xây dựng thêm các cơ sở sản xuất gạch, ngói, vôi mới ở các huyện, thị và phát triển rộng đến xã, hợp tác xã. Có như vậy, chúng ta mới đáp ứng kịp yêu cầu cấp bách trước mắt cũng như chuẩn bị phục vụ yêu cầu xây dựng cơ bản trong những năm sau. Cần phát huy thắng lợi và rút kinh nghiệm mở rộng phát triển sản xuất các cấu kiện làm bằng xi măng đúc sẵn, để phục vụ nhanh việc xây dựng cơ bản.

Trong khi đẩy mạnh củng cố và phát triển công nghiệp quốc doanh, chúng ta cần coi trọng củng cố, phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Cần chú trọng củng cố các hợp tác xã thủ công hiện có, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng phục vụ đời sống và sản xuất. Cần tích cực phục hồi, cải tiến và giúp đỡ các nghề thủ công ở các thị xã, thị trấn và cả trong nông thôn như dệt vải khổ hẹp, dệt lanh, làm ghế mây, rèn, đúc, đan lát, làm các đồ song mây, tre, trúc, v.v.. Cần có phân công sản xuất các mặt hàng giữa công nghiệp quốc doanh với hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, giữa tỉnh với huyện, v.v.; khuyến khích các hợp tác xã thủ công sản xuất các dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em, v.v. và sửa chữa các đồ dùng của nhân dân.

Bên cạnh việc xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, các cơ sở công nghiệp trung ương tại địa phương cần phấn đấu hoàn thành vượt mức và toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, đồng thời chú ý hỗ trợ, giúp đỡ đối với công nghiệp địa phương một cách thiết thực và nhiều hơn, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách và tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân địa phương.

3 . Giao thông vận tải - bưu điện

Giao thông vận tải ở tỉnh ta đang là yêu cầu đòi hỏi phải được phát triển nhanh mạnh hơn nữa. Vì vậy, chúng ta phải rất coi trọng việc củng cố và mở mang đường xá trong tỉnh, đặc biệt chú trọng giao thông vận tải nông thôn. Đối với các cầu đường đã có, cần tu sửa bảo dưỡng tốt và hoàn thành rải nhựa các đường hữu nghị. Đi đôi với bảo dưỡng các đường đã có, cần tập trung hoàn thành dứt điểm đường Bát Xát - Mường Hum, Bắc Hà - Si Ma Cai (1970) và hoàn thành rải đá đường Lán Tây - Bắc Hà (1970), đồng thời đẩy mạnh tốc độ xây dựng các tuyến đường Mường Khương - Pha Long, Cam Đường - Phú Nhuận, v.v.. Trong xây dựng đường sá, chú ý thực hiện phương châm làm đến đâu củng cố vững chắc đến đấy. Việc mở rộng các đường nông thôn, nhất là ở các vùng đông dân cư, các vùng định canh, định cư, vùng kinh tế tập trung hiện nay là rất cần thiết, do đó cần động viên quần chúng làm tốt việc làm đường ngày càng nhiều để đảm bảo các phương tiện vận tải thô sơ đi lại thuận tiện và từng bước tiến lên sử dụng cho cả phương tiện cơ giới đi lại được. Cần mở rộng các đường liên xã, liên thôn, bảo đảm người và xe cải tiến đi lại được ở vùng thấp, người và ngựa thồ đi lại dễ dàng ở vùng cao.

Về vận tải, đi đôi với tăng cường lực lượng và phương tiện vận chuyển cơ giới, chúng ta cần củng cố và phát triển mạnh các lực lượng và phương tiện vận chuyển thô sơ, cải tiến. Cần đẩy mạnh vận chuyển đường bộ, đường sắt, coi trọng cả vận tải đường sông

và cố gắng căn bản giải phóng đôi vai ở vùng thấp và một vài xã có điều kiện ở vùng cao.

Về bưu điện, bảo đảm tốt hệ thống liên lạc điện báo và thư tín, v.v. từ tỉnh đến trung ương và từ tỉnh xuống cơ sở. Muốn vậy, chúng ta phải tăng cường thêm về mặt chất lượng và mở rộng thêm mạng lưới điện thoại, điện báo, thư tín, phát hành báo chí, v.v.. Hệ thống điện thoại cần được tăng cường đến từng khu vực những nơi trọng điểm. Trên cơ sở xây dựng, củng cố và phát triển tốt công tác bưu điện, bảo đảm liên lạc thông suốt thường xuyên, bất kỳ lúc nào và tình huống nào.

4. Xây dựng cơ bản

Nhiệm vụ xây dựng cơ bản của tỉnh ta trong ba năm tới rất to lớn, đòi hỏi chúng ta phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo tốt hơn nữa. Cần tập trung xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp theo từng vùng sản xuất, từng cây, con chủ yếu và các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời chú trọng đến các công trình phúc lợi và đời sống. Trong nông nghiệp, tập trung xây dựng các công trình thủy lợi, các trạm trại giống và nghiên cứu kỹ thuật. Trong công nghiệp, tập trung xây dựng các công trình chế biến nông lâm sản và sản xuất hàng tiêu dùng, xây dựng hệ thống cơ khí, thủy điện, kho tàng trong tỉnh. Ngoài các công trình sản xuất, chúng ta cũng chú trọng xây dựng các bệnh viện, bệnh xá, trường đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, các công trình du lịch nghỉ mát, nhà ăn, nhà ở cho cán bộ, công nhân.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, cần hoàn thành gấp quy hoạch thị xã và thị trấn, và từng bước lập quy hoạch từng xã, hợp tác xã. Trên cơ sở đó, xây dựng một vài xã điển hình, thực hiện từng bước xây dựng nông thôn mới. Ở một số xã điển hình, cố gắng xây dựng được vài ba công trình công cộng bằng ngôi như trạm xá, trường học, nhà trẻ. Để đảm bảo cho xây dựng cần tổ

chức lực lượng kiến trúc ở cả tỉnh, huyện và xã, đi đôi với chú ý đào tạo đội ngũ công nhân bằng mọi hình thức để nhanh chóng đáp ứng yêu cầu về thợ xây dựng cho trước mắt cũng như lâu dài. Cần đẩy mạnh phát triển sản xuất nguyên vật liệu; nghiên cứu thiết kế các loại nhà định hình và phát triển việc xây dựng bằng cách lắp ghép các cấu kiện đúc sẵn. Trong xây dựng cơ bản còn phải coi trọng khâu khảo sát, thiết kế, thi công, đảm bảo tiết kiệm tránh lãng phí.

5. Tài chính - thương nghiệp - giá cả

Nhiệm vụ của công tác tài chính, thương nghiệp, giá cả trong ba năm tới là phải chủ động đi sâu bám chắc vùng sản xuất nông nghiệp, vùng định canh, định cư và bám sát các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, phục vụ đời sống tốt hơn. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác thu mua, lưu thông, phân phối, thu chi tài chính, quản lý tiền tệ, quản lý thị trường và giá cả chặt chẽ hơn.

Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh các hoạt động lưu thông, phân phối, làm tốt công tác *nội thương và ngoại thương*. Muốn vậy, trước hết cần nâng cao nhận thức và ý thức phục vụ cho cán bộ, công nhân viên các ngành thương nghiệp, động viên ngành thương nghiệp thực hiện tốt chức năng “là cơ quan hậu cần của toàn dân, là bà nội trợ của xã hội”. Cần thường xuyên chủ động đi sâu nắm tình hình sản xuất, giúp các hợp tác xã giải quyết kịp thời và đầy đủ các yêu cầu giống, nông cụ, vốn, nguyên vật liệu và các vật tư khác, nhằm phục vụ thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất và thúc đẩy sản xuất phát triển đúng hướng, thúc đẩy nghề rừng, chăn nuôi tập thể phát triển.

Trong công tác thu mua và phân phối, đi đôi với việc đi sâu nắm chắc nguồn hàng, mặt hàng, cần cải tiến phương thức mua vào bán ra, và tích cực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, nhất là các chỉ tiêu thu mua lương thực, nông lâm sản, thực phẩm,

hàng công nghệ phẩm địa phương và xuất khẩu. Chú trọng đẩy mạnh việc thu mua và chế biến thịt lợn ở vùng cao. Cần thực hiện việc hợp đồng mua bán hai chiều đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh cũng như kinh tế tập thể. Trong khâu thu mua lương thực, thực hiện tốt chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực của Trung ương ban hành, đồng thời tập trung giải quyết tốt vấn đề chế biến, bảo quản, sử dụng màu (khoai, sắn) và đưa việc chế biến và sử dụng màu trở thành phong trào sâu rộng trong quần chúng.

Việc phân phối phải bảo đảm đúng chế độ, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn cho cán bộ, công nhân và nhân dân; bảo đảm cung cấp nhu cầu về ăn cho cán bộ, công nhân viên với mức hàng tháng từ 13đ5 năm 1970 lên 15đ năm 1972 (kể cả lương thực, thực phẩm) thuộc phần nhà nước cung cấp. Trong đời sống hằng ngày, còn phải chú trọng giải quyết chất đốt cho các bếp ăn tập thể và gia đình cán bộ công nhân viên, cũng như nhân dân thị xã. Cần phát triển xây dựng các nhà ăn tập thể, nhà ăn công cộng, khôi phục khách sạn, nhà nghỉ mát, nhà trọ, cho khách qua lại.

Về mặc, cố gắng bảo đảm được đại bộ phận các hàng may mặc sẵn cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân.

Đi đôi với công tác lưu thông, phân phối, chúng ta cần tăng cường quản lý chặt chẽ thị trường về giá cả, tích cực chống đầu cơ, tích trữ, buôn lậu, móc ngoặc, cửa quyền, đảm bảo bình ổn vật giá. Cần nghiên cứu vận dụng chính sách giá cả, điều chỉnh lại một số giá đối với các mặt hàng nông, lâm sản và hàng công nghiệp địa phương còn chưa hợp lý; nghiên cứu rút bớt hệ cấp giá trong tỉnh xuống ít hơn cho phù hợp với tình hình hiện nay.

Về *tài chính và tín dụng*: Cần phát huy chức năng giám đốc, quản lý kinh tế - tài chính của ngành tài chính, ngân hàng, nhằm thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Công tác tài chính, tín dụng phải đi sâu giúp đỡ các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế tập thể thực hiện tốt các định mức kinh tế và định mức lao động trong sản xuất và lưu thông, tích cực kiểm tra, giúp đỡ các hợp

tác xã quản lý tài chính và quỹ, kể cả việc hướng dẫn nghiệp vụ và việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài vụ, kế toán cho các hợp tác xã. Trên cơ sở sản xuất phát triển và tăng cường quản lý chặt chẽ, bảo đảm tăng thu, quản lý chi đúng chế độ, chính sách phục vụ kịp thời và đặc lực cho nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Cần cố gắng phấn đấu thực hiện cân đối vốn tín dụng dài hạn tại địa phương và giảm mức trợ cấp ngân sách của Trung ương, giảm mức bội chi tiền mặt. Để đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ đó, cần làm tốt công tác huy động vốn, đẩy mạnh phong trào gửi tiền tiết kiệm, nhất là tiết kiệm dài hạn chống Mỹ, cứu nước, hướng vào những nơi có nhiều nông sản hàng hóa có giá trị cao ở thị xã, thị trấn, đưa số dư bình quân đầu người từ 11đ7 năm 1969 lên 12 đ năm 1970 và 15đ năm 1972.

6. Văn hóa - xã hội

Song song với xây dựng kinh tế, chúng ta phải rất coi trọng phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội, nhằm phục vụ kịp thời, nhạy bén nhiệm vụ xây dựng con người mới, tư tưởng, đạo đức và tập quán mới xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, bảo vệ tốt sức khỏe của nhân dân, góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa địa phương, phục vụ nhiệm vụ đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Công tác *văn hóa, thông tin, báo chí* phải bám sát và phục vụ đặc lực nhiệm vụ chính trị trong từng thời gian, đi sâu hơn nữa vào công, nông, binh, chú trọng các xã vùng cao, biên giới. Phải kịp thời tuyên truyền tin chiến thắng của ta, sự thất bại của địch và thành tích của miền Bắc, của địa phương, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nâng cao kiến thức về khoa học kỹ thuật, về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Các hình thức hoạt động về văn hóa, thông tin, báo chí phải phản ánh được cuộc sống sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, nêu gương

người tốt, việc tốt, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp về đạo đức phẩm chất, phong cách của các dân tộc địa phương. Cần chú ý khai thác và phát huy vốn văn nghệ, văn hóa tốt đẹp của các dân tộc địa phương, nhất là phải thể hiện được rõ nét và phản ánh được sinh động các màu vẽ dân tộc trong tỉnh vào các hoạt động văn nghệ, văn hóa hiện nay. Đi đôi với xây dựng các mặt tốt, chúng ta cần phê phán, loại trừ những thói hư tật xấu, tích cực cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tích cực củng cố phát triển mạng lưới văn hóa, thông tin ở cơ sở, ra sức bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và đẩy mạnh các hoạt động sâu rộng xuống tận cơ sở, đặc biệt chú ý các hoạt động tuyên truyền miệng, truyền tin, triển lãm, văn nghệ, chiếu bóng, đọc và làm theo sách báo. Cần tăng cường trang bị phương tiện và xây dựng cơ sở vật chất cho công tác thông tin văn hóa để phục vụ tốt hơn, chú trọng nông thôn, các xã biên giới, vùng cao hẻo lánh và các nơi có chợ.

Trong các hoạt động của công tác thông tin, văn hóa, báo chí cần chú trọng nâng cao chất lượng, chú ý cải tiến nội dung, hình thức, phục vụ nhạy bén, kịp thời, tăng cường tính tư tưởng, tính chiến đấu và đảm bảo tính chân thật nhất là công tác báo chí.

Về mặt *giáo dục*, chúng ta cần thấy đầy đủ nạn mù chữ và tình trạng thấp kém về trình độ văn hóa còn tồn tại hiện nay ở tỉnh ta đang là mâu thuẫn lớn đối với yêu cầu của mọi công tác đòi hỏi; từ đó cần thấy công tác giáo dục nhất là việc hoàn thành thanh toán nạn mù chữ và đẩy mạnh bổ túc văn hóa là rất cấp bách, phải đi đầu và mở đường cho việc tấn công vào khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế. Vì vậy trong 3 năm 1970 - 1972, chúng ta cần có một sự chuyển biến mới mạnh mẽ hơn đối với việc củng cố và phát triển sự nghiệp giáo dục trong tỉnh.

Về giáo dục phổ thông, đi đôi với việc đẩy mạnh phát triển, chúng ta phải coi trọng nâng cao chất lượng trong giảng dạy và học

tập, mau chóng tiến tới bảo đảm chất lượng toàn diện ở các cấp học, chú trọng phát triển mẫu giáo, vỡ lòng và cấp I. Bồ túc văn hóa là công tác hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục, do đó cần củng cố và phát triển mạnh phong trào học tập ngoài giờ công tác và sản xuất, gây thành một phong trào cách mạng, sôi nổi trong quần chúng (kể cả hệ đại học). Chúng ta phải tiếp tục thanh toán nạn mù chữ cho người lớn và không để ai trở lại mù chữ. Việc tổ chức trường lớp cần phát triển một cách vững chắc các loại trường tập trung cũng như các hình thức trường lớp khác. Đối với chữ Mèo, cần được đẩy mạnh việc giảng dạy trong việc thanh toán nạn mù chữ, bồ túc văn hóa, phổ thông cấp I, đồng thời từng bước sử dụng chữ Mèo vào các công việc sản xuất và đời sống, nhất là công việc của hợp tác xã. Cần chú trọng bồi dưỡng, đào tạo giáo viên (kể cả về tư tưởng, chính trị và nghiệp vụ chuyên môn), nhất là giáo viên dân tộc, giáo viên gái. Mục tiêu trước mắt trong năm học 1970 - 1971 là phổ cập căn bản cấp I ở vùng thấp, đa số các xã vùng cao có trường cấp I hoàn chỉnh; đưa trình độ cán bộ chủ chốt xã và hợp tác xã có cấp I, cán bộ huyện trở lên có trình độ cấp II và một số học lên cấp III. Các trường, lớp ở cấp II và III cố gắng đảm bảo có số học sinh người dân tộc địa phương từ 15 đến 20%.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, một mặt chúng ta cần đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt” và kiện toàn công tác chỉ đạo và quản lý trong ngành giáo dục, một mặt khác thực hiện tốt các chế độ, chính sách đã có và tiếp tục nghiên cứu, đề nghị bổ sung một số chính sách đối với giáo viên và khuyến khích con em các dân tộc yên tâm học hết cấp và học lên cấp.

Về y tế, lấy đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh là chủ yếu, đồng thời nâng cao chất lượng chữa bệnh và chữa bệnh kịp thời. Trong phòng bệnh và chữa bệnh cần kết hợp chặt chẽ giữa đông y và tây y, đẩy mạnh sản xuất và phân phối thuốc kịp thời, có chất lượng để đáp ứng nhu cầu chữa bệnh và bồi dưỡng sức khỏe cho cán bộ, nhân dân; cần nghiên cứu xây dựng chính sách

cụ thể để tích cực khai thác các môn thuốc gia truyền sẵn có trong đồng bào các dân tộc địa phương và sử dụng tốt những người biết chữa thuốc trong địa phương. Cần đẩy mạnh rộng khắp hơn nữa phong trào vệ sinh phòng bệnh, vận động nhân dân bỏ mê tín, cúng bái nhảm nhí và ngày càng tin dùng thuốc trong chữa bệnh. Trước mắt, chúng ta cần tích cực phòng, chống và tiếp tục chữa các bệnh da liễu, phong, lao, bướu cổ, tiếp tục tiêu diệt và bao vây bệnh sốt rét. Để đưa công tác y tế tiến lên, chúng ta cần củng cố và phát triển vững chắc mạng lưới y tế từ tỉnh xuống xã, hợp tác xã, đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, nhất là y tá, nữ hộ sinh. Mặt khác, cần tăng cường công tác chính trị, tư tưởng và công tác quản lý mọi mặt của ngành y tế, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và nâng cao ý thức phục vụ người bệnh một cách vô điều kiện cho cán bộ, nhân viên ngành y - được trong tỉnh.

Đi đôi với công tác y tế, công tác thể dục thể thao cần được đẩy mạnh một cách sâu rộng trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học, quân đội và từng bước đưa phong trào vào nông thôn; kết hợp giữa thể dục vệ sinh với thể thao quốc phòng và các môn thể thao dân tộc, lấy thể dục vệ sinh làm cơ sở; xây dựng các đội thể dục thể thao khá ở từng đơn vị, tiến tới xây dựng các đội tuyển của tỉnh.

7. Lao động, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật

Lao động là một vấn đề cơ bản, mấu chốt và cấp thiết để đảm bảo thắng lợi cho nhiệm vụ kế hoạch ba năm 1970 - 1972. Trong ba năm tới, đặc biệt trước mắt là năm 1970 chúng ta phải tập trung giải quyết vấn đề đó một cách thật tích cực và đi sâu hơn nữa vào việc tổ chức, phân công lại lao động, phân bổ và quản lý, sử dụng tốt lực lượng lao động từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng sản xuất, lấy khâu tổ chức, quản lý và sử dụng hợp lý làm trọng yếu nhất.

Yêu cầu của công tác quản lý lao động hiện nay là bảo đảm

mọi người đều có việc làm, đều làm việc và lao động với năng suất, hiệu suất cao, chất lượng tốt, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Vì vậy, chúng ta cần phân bổ và điều chỉnh hợp lý sức lao động giữa các nhu cầu của khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, điều chỉnh và tăng cường lực lượng cho khâu trực tiếp sản xuất, tập trung cho sản xuất công, nông, lâm nghiệp (chú trọng những mặt trọng tâm), đồng thời bảo đảm cung cấp đủ số lượng cho quốc phòng, cho tiền tuyến. Phải tập trung vào mục tiêu chủ yếu hiện nay là hợp lý hóa tổ chức, biên chế, sử dụng tiết kiệm lao động, gọn nhẹ khâu hành chính và gián tiếp sản xuất, bảo đảm đúng định mức lao động, đúng chế độ và kỹ thuật lao động. Cần đẩy mạnh cải tiến công cụ và trang thiết bị máy móc trong các ngành kinh tế quốc dân, phấn đấu tiến tới đạt mục tiêu một lao động một héc-ta gieo trồng trong nông nghiệp. Cần chú trọng đặc biệt đến khâu giải phóng sức lao động phụ nữ, do đó phải tổ chức tốt các tổ, nhóm giữ trẻ, sản xuất những công cụ lao động phù hợp với sức lực và đặc điểm của phụ nữ.

Về mặt đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, chúng ta cần có kế hoạch cụ thể bằng mọi hình thức nhanh nhất, chắc nhất để đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Cần thực hiện chuyên môn hóa ngành nghề, bồi dưỡng toàn diện sức lao động xã hội. Trong đào tạo, bồi dưỡng, chúng ta đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật cho trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng cho từng cây con cụ thể của tỉnh ta. Qua đó, bảo đảm bình quân mỗi hợp tác xã có ba cán bộ kỹ thuật sơ cấp (trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng), nhiều hợp tác xã có cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trung cấp, mỗi hợp tác xã có 1 - 2 cán bộ kỹ thuật thủy lợi sơ cấp hoặc trung cấp, và mỗi hợp tác xã có một số thợ mộc, nề, rèn, sản xuất và sửa chữa nông cụ, điều khiển, vận hành, quản lý máy móc cơ khí nhỏ.

Để động viên được sức lao động xã hội, chúng ta cần thường xuyên thực hiện chế độ sát hạch, nâng bậc cho cán bộ công nhân

hàng năm, đồng thời chấp hành tốt các chính sách, chế độ, khuyến khích lao động, quan tâm và tổ chức tốt đời sống cho người lao động, thực hiện khẩu hiệu “người làm nhiều, làm tốt được hưởng nhiều, người làm ít, làm kém được hưởng ít, người có sức lao động mà không làm thì không được hưởng”. Đối với những người có sức lao động mà lười biếng thì có hình thức giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính buộc họ phải lao động để có hưởng. Những kẻ trốn tránh lao động và phá rối trật tự, an ninh và thị trường, thì cần nghiêm trị và đưa họ đi lao động cải tạo. Đương nhiên, đối với các cụ già yếu, trẻ em và những người mất sức lao động thì vẫn được đảm bảo nhu cầu cơ bản.

III. TĂNG CƯỜNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, CỦNG CỐ SỰ NHẤT TRÍ VỀ CHÍNH TRỊ VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG TỈNH

Chống Mỹ, cứu nước, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa là sự nghiệp cách mạng của quần chúng các dân tộc, được đảm bảo và phát huy bằng sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản. Vì vậy, chúng ta phải tăng cường hơn nữa chính quyền dân chủ nhân dân, bảo đảm tốt trật tự an ninh, củng cố quốc phòng, trấn áp mạnh mẽ bọn phản cách mạng, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, không ngừng củng cố sự đoàn kết, nhất trí cao độ trong nhân dân các dân tộc để tập trung sức người, sức của vào phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế địa phương, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu và tổ chức tốt đời sống.

Việc tăng cường chính quyền dân chủ nhân dân, thực chất là làm chức năng của chuyên chính vô sản hiện nay, một mặt phải đảm bảo và phát huy mọi quyền làm chủ của nhân dân về cả ba mặt: chính trị, kinh tế, xã hội, nhất là về kinh tế, mặt khác phải tăng cường chuyên chính, kiên quyết trấn áp mọi âm mưu, hành

động chống phá của địch, trừng trị kịp thời những kẻ phá hoại đường lối, chính sách của Đảng, phá hoại kinh tế và pháp luật của Nhà nước. Nhiệm vụ chủ yếu hiện nay của các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước là tăng cường chỉ đạo và quản lý chặt chẽ việc xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa địa phương theo tinh thần phân cấp quản lý mới của Chính phủ ban hành.

Để làm tròn các nhiệm vụ trên, chúng ta phải nêu cao vai trò, chức năng của bộ máy chính quyền các cấp, nhất là vai trò, chức năng của Ủy ban hành chính và Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị xã và xã. Các cơ quan thuộc bộ máy chính quyền các cấp phải đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy đầy đủ chức năng, ra sức sửa đổi lề lối làm việc, cải tiến tác phong đi sâu đi sát quần chúng, nêu cao tinh thần trách nhiệm và hợp tác xã xã hội chủ nghĩa, nhằm giải quyết nhanh chóng và kịp thời các công việc thuộc phạm vi chức trách của mình và do cấp dưới yêu cầu (hết sức coi trọng giải quyết các vấn đề khiếu tố của nhân dân). Cần phát huy kinh nghiệm và nâng cao chất lượng, đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng “chính quyền giỏi toàn diện” ở cơ sở, gắn liền với cuộc vận động xây dựng, chi bộ, Đảng bộ cơ sở bốn tốt, phấn đấu đưa 65% trở lên cơ sở chính quyền xã, khu phố đạt yêu cầu đó.

Đối với nhiệm vụ trị an và quốc phòng, chúng ta cần tăng cường hơn nữa lực lượng về mọi mặt, nâng cao hơn nữa tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy cao độ ý chí quyết chiến, quyết thắng, nâng cao nhận thức về âm mưu địch trong Đảng bộ và quần dân tỉnh ta, nhằm chủ động, kịp thời phát hiện và kiên quyết trấn áp bọn gián điệp, đặc vụ nằm lý cùng mọi hoạt động chống phá của đế quốc Mỹ và bọn phản động địa phương, tiếp tục cải tạo những thành phần và đối tượng cần cải tạo, ra sức bảo vệ trật tự trị an, xây dựng căn cứ hậu phương vững mạnh toàn diện. Trên cơ sở đó, làm tốt công tác bảo vệ Đảng và Nhà nước, bảo vệ tốt trật tự an ninh ở nội địa và biên giới, bảo vệ tốt công cuộc xây dựng kinh tế - văn hóa địa phương, sẵn sàng chiến đấu và ứng phó với mọi âm

mưu chiến tranh của địch, sẵn sàng chi viện lực lượng cho cách mạng miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế.

Để làm tốt nhiệm vụ trên, trước hết chúng ta cần thường xuyên giáo dục tinh thần cảnh giác cho quần chúng, kể cả đề phòng máy bay địch bắn phá trở lại, chống tư tưởng chủ quan, khinh địch. Mặt khác, chúng ta cần ra sức củng cố và phát triển lực lượng bộ đội thường trực, cũng như lực lượng dự bị và hậu bị, dân quân tự vệ, công an vũ trang và công an nhân dân, lấy nâng cao chất lượng làm chính, lấy việc củng cố lực lượng dân quân tự vệ và công an cơ sở làm trọng tâm, đồng thời phát triển thêm về mặt số lượng một cách vững chắc. Cần giáo dục và vận động quần chúng tốt hơn nữa để động viên mạnh mẽ phong trào tòng quân và thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách hậu phương của Đảng và Nhà nước đã đề ra. Cần đẩy mạnh phong trào thi đua “Quyết thắng” trong các lực lượng, phấn đấu xây dựng nhiều đơn vị bộ đội, dân quân tự vệ, công an vũ trang và công an nhân dân đạt danh hiệu “Quyết thắng”. Đi đôi với xây dựng lực lượng, chúng ta cần chú ý đẩy mạnh các phong trào bảo vệ trị an và trật tự, an ninh, xây dựng làng xã chiến đấu phòng gian bảo mật và xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Trên cơ sở đó đưa khoảng 70% số xã và khu phố đạt yêu cầu “vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh”, 2/3 số cơ quan xí nghiệp thuộc loại khá và giỏi về xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn.

Trong việc trấn áp địch và trừng trị bọn phá hoại, chúng ta kiên quyết trừng trị bọn hoạt động chống phá hiện hành, bọn chống phá sản xuất, phá hoại kinh tế, kịp thời đập tan âm mưu gián điệp biệt kích của địch và những luận điệu phản tuyên truyền, gây chiến tranh tâm lý, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đi đôi với trấn áp địch, cần tăng cường công tác trị an xã hội ở cả nội địa và biên giới, ngăn chặn và trừng trị bọn lưu manh, trộm cắp, đầu cơ, buôn lậu, làm giảm và tiến tới chấm dứt các tệ nạn, tai nạn xã hội, bảo vệ tốt tính mạng, tài sản

của nhân dân và Nhà nước. Trong việc xét xử và trừng trị, phải có sự kết hợp, phối hợp giữa các cơ quan Công an, Kiểm sát và Tòa án, nhằm giải quyết và truy tố, xét xử các vụ việc được kịp thời, bảo đảm đúng chính sách và pháp luật, phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về mặt phòng không, chúng ta vẫn phải cảnh giác, duy trì hằm hồ và sẵn sàng đánh trả máy bay địch, nếu chúng liều lĩnh quay trở lại bắn phá.

Về mặt bảo vệ trị an ở biên giới, chúng ta tiếp tục tăng cường giáo dục quần chúng có ý thức thực hiện đúng đắn các nguyên tắc về hiệp định biên giới đã quy định; tiếp tục xây dựng và củng cố cơ sở toàn diện các xã ven biên giới, nhằm bảo đảm tốt tinh thần hữu nghị và quốc tế vô sản giữa nhân dân hai bên biên giới.

Để củng cố cơ sở xã hội và phát huy hiệu lực của chính quyền, chúng ta cần thường xuyên làm tốt công tác giáo dục và vận động quần chúng, làm cho khối đoàn kết các dân tộc thêm chặt chẽ, sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân ngày càng được tăng cường. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức, quán triệt hơn nữa vai trò, vị trí của công tác dân vận để ra sức lãnh đạo, chỉ đạo và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, dựa vào các tổ chức quần chúng và đi đúng đường lối quần chúng trong việc tổ chức thực hiện mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về công tác vận động công nhân, cần lấy Nghị quyết 167 của Ban Bí thư Trung ương làm kim chỉ nam để học tập và biến thành hành động cách mạng trong quần chúng. Nhiệm vụ chủ yếu của công tác vận động công nhân và hoạt động của công đoàn hiện nay là: “Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng và lập trường giai cấp công nhân, nêu cao tính tiên phong cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức làm chủ tập thể, hăng hái lao động sản xuất, tích cực tham gia quản lý xí nghiệp, thi đua tăng năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước,

chống quan liêu, lãng phí, tham ô, chống tự do và vi phạm kỷ luật lao động, đồng thời tổ chức tốt đời sống cán bộ, công nhân viên. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, chúng ta cần ra sức đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng “Công đoàn bốn tốt” phát huy phong trào “Ba xây, ba chống”, đẩy mạnh phong trào “Ba cải tiến”, “Ba điểm cao” trong các cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp, phấn đấu đưa từ 70 đến 80% số công đoàn cơ sở và số đoàn viên thành bốn tốt.

Để nghiêm chỉnh thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”, chúng ta cần hết sức coi trọng công tác vận động thanh niên và giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Cần lấy Nghị quyết số 181 của Ban Bí thư về công tác thanh niên và nghị quyết của Trung ương Đảng về Đoàn thanh niên và đội thiếu niên, đội nhi đồng được mang tên Hồ Chủ tịch, để giáo dục, nâng cao nhận thức và đẩy mạnh phong trào thanh thiếu nhi, nhằm bồi dưỡng và giáo dục thanh thiếu nhi một cách toàn diện.

Đối với thanh niên, chủ yếu là nâng cao giác ngộ chính trị, bồi dưỡng lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, xây dựng đạo đức và nếp sống mới văn minh, lành mạnh, xác định rõ vai trò trách nhiệm về vang hiện nay là tương lai tiền đồ của thế hệ trẻ là “Sống, chiến đấu, lao động, yêu khoa học, hăng say xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc và Đảng cần. Trên cơ sở đó đào tạo họ “vừa hồng, vừa chuyên”, thành những người thừa kế, xứng đáng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cần tích cực củng cố và xây dựng Đoàn về mọi mặt, chú trọng trong nông thôn và trường học, làm cho Đoàn thực sự là cánh tay đắc lực và là đội hậu bị lớn mạnh của Đảng, thường xuyên giới thiệu vào Đảng những đoàn viên ưu tú, xứng đáng với vinh dự của Đoàn được mang tên Bác Hồ vĩ đại. Cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào “Ba sẵn sàng” trong thanh niên, chú ý đẩy mạnh phong trào tòng quân, phong trào tham gia thanh niên xung

phong tập trung của tỉnh cũng cần được củng cố và phát triển, xây dựng lớn mạnh hơn. Mặt khác, chúng ta cần chú ý đưa phong trào thanh niên đi sâu vào sản xuất, vào khoa học - kỹ thuật, làm đầu tàu, xung kích trong lao động sản xuất, công tác, trong việc thực hiện nếp sống mới văn minh, lối sống lành mạnh, vui khỏe, chống lối sống tiểu tư sản và lối sống sai lầm, lệch lạc khác (nhất là trong thanh niên, trường học, thị xã, thị trấn) trên cơ sở đẩy mạnh phong trào, kết nạp nhiều thanh niên xuất sắc vào Đoàn và đưa 70% số chi đoàn và Đoàn cơ sở, 80% số đoàn viên trở lên đạt yêu cầu Bốn tốt, nhất là con em các dân tộc trong tỉnh; về mặt tổ chức, chúng ta cần chú trọng xây dựng, phát triển các đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và đội nhi đồng Hồ Chí Minh, đưa hầu hết các em vào đội, động viên các em học tập tốt và “làm nghìn việc tốt”, giành danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ.

Về công tác vận động phụ nữ, chúng ta cần quán triệt hơn nữa đối với vai trò quan trọng và lực lượng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như trong xây dựng kinh tế - văn hóa địa phương, v.v.. Mặt khác, cần thấy sự nghiệp giải phóng phụ nữ là sự nghiệp của mọi người, trong đó bản thân phụ nữ phải chủ động nhất. Vì vậy, chúng ta cần thấm nhuần và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết số 152, 153 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 31 của Hội đồng Chính phủ về công tác phụ vận và cán bộ nữ. Nhiệm vụ chủ yếu trong công tác vận động phụ nữ là: tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị, bồi dưỡng văn hóa, nghiệp vụ kỹ thuật, đạo đức và nếp sống mới lành mạnh cho chị em, nhất là thanh nữ, động viên đông đảo chị em hăng hái lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phục vụ chiến đấu và tổ chức tốt đời sống, phát huy mọi khả năng và đức tính tốt đẹp của phụ nữ trong mọi lĩnh vực một cách mạnh mẽ, sâu rộng hơn nữa. Để thực hiện nhiệm vụ đó, chúng ta cần đẩy mạnh phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”, trong đó chú trọng vận động chị em hăng hái động viên

chồng con, anh em đi bộ đội, đi công tác. Cần phê phán và tiếp tục giải quyết tốt tư tưởng e dè, tự ti, hẹp hòi, ỷ lại... còn tồn tại trong phụ nữ. Trên cơ sở đó, củng cố và phát triển Hội phụ nữ, lấy củng cố làm chủ yếu, đưa đại đa số hội viên và đa số phụ nữ đạt danh hiệu “Ba đảm đang”, đưa 100% số hợp tác xã và các cơ quan xí nghiệp có nhóm trẻ, nhà trẻ và lớp mẫu giáo; đồng thời làm tốt công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em.

Đoàn kết là sức mạnh không có gì phá nổi. Đó là chân lý mà Hồ Chủ tịch khi còn sống thường dạy chúng ta: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”. Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh công tác Mặt trận cho phù hợp và đáp ứng với tình hình nhiệm vụ hiện nay. Nhiệm vụ công tác của tỉnh ta trong 3 năm 1970 - 1972 là: Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ chính trị của tỉnh ta mà ra sức tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết miền ngược với miền xuôi, đoàn kết công nông, đoàn kết quốc tế, đoàn kết lương giáo, đẩy mạnh công tác giáo dục và vận động trí thức, coi trọng công tác hoa vận, giáo vận, giáo dục và cải biến phú nông. Qua đó, động viên toàn dân hăng hái thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, ra sức đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, đóng góp sức người, sức của ngày càng nhiều cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương. Đối với tổ chức phụ lão, cần được củng cố, phát triển ngày càng mạnh mẽ, vì các cụ là người dày dặn kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống, giữ vị trí chi phối quyết định đối với con cháu trong gia đình. Cần đẩy mạnh phong trào phụ lão “Ba giỏi”, phụ lão trồng cây, bảo vệ rừng, phong trào phụ lão động viên, khuyến khích con cháu tham gia tòng quân, sẵn sàng chiến đấu và vận động các cụ tích cực tham gia cải tạo phong tục, tập quán lạc hậu, bỏ mê tín, dị đoan, giữ gìn thuần phong, mỹ tục và xây dựng nếp sống mới trong nhân dân các dân tộc.

Vấn đề bao trùm trong công tác vận động quần chúng ở tỉnh ta là công tác dân tộc. Vì vậy, trên mọi lĩnh vực công tác của các cấp,

các ngành đều phải quán triệt và thể hiện được đường lối và chính sách, phương châm công tác dân tộc của Đảng. Việc nghiên cứu nắm vững tình hình đặc điểm kinh tế, chính trị, đời sống và tâm lý của các dân tộc, qua đó vận dụng đường lối, chính sách sát hợp. Chúng ta cần từng bước điều tra nghiên cứu đi sâu vào từng dân tộc, làm tốt công tác vận động đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc để chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương, trên cơ sở quan hệ sản xuất mới đang được củng cố và hoàn thiện.

IV. TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ RA SỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Để hoàn thành nhiệm vụ to lớn và nặng nề trong những năm tới, công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ có ý nghĩa quyết định. Vì vậy, chúng ta phải tăng cường và coi trọng công tác xây dựng Đảng cả về tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng bộ ta đủ sức lãnh đạo hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng của Đảng.

Về mặt tư tưởng, tiếp tục giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản và lời *Di chúc* của Hồ Chủ tịch. Trong công tác chính trị, tư tưởng cần coi trọng cả về ba mặt: đường lối chính sách, trình độ năng lực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và phẩm chất đạo đức cách mạng, lấy việc học tập thường xuyên cho công tác, đảng viên. Trên cơ sở đó, nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần quốc tế vô sản, tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, nâng cao tính giai cấp và tính tiên phong chiến đấu, củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí nội bộ, nâng cao ý chí cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần hy sinh chịu đựng gian khổ, an tâm công tác ở Lào Cai, quyết tâm vươn lên thực hiện tốt nhất *Di chúc* của Hồ Chủ tịch, giành thắng lợi cho ba cuộc cách mạng của Đảng. Cần đặc biệt chú trọng nêu cao phê bình và tự phê bình để củng cố hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trên cơ sở giúp đỡ đồng chí

thương yêu lẫn nhau, như *Di chúc* của Hồ Chủ tịch đã dạy. Song song với xây dựng và củng cố tư tưởng giai cấp công nhân, chúng ta cần ra sức tiếp tục khắc phục một cách mạnh mẽ những biểu hiện của các tư tưởng: hữu khuynh, bảo thủ, ỷ lại, cục bộ, làm ăn riêng lẻ, ngại gian khổ, hy sinh, không an tâm công tác miền núi, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti và mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân khác, nhất là các biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, buông lỏng quản lý kinh tế, quản lý lao động, quản lý nhà nước, vi phạm nguyên tắc chế độ, chính sách, tham ô, lãng phí, quan liêu...

Về mặt tổ chức, lấy nâng cao chất lượng cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở bốn tốt làm trọng tâm. Trong ba năm 1970 - 1972 đưa từ 50% trở lên số chi, đảng bộ cơ sở và đại đa số tổ đảng đạt yêu cầu “Bốn tốt”. Trong công tác xây dựng Đảng và củng cố Đảng trên cơ sở thực hiện tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên do Trung ương Đảng đề ra, chúng ta cần đặc biệt coi trọng công tác xây dựng tổ đảng, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong mọi lĩnh vực công tác, nhất là trong lao động, sản xuất. Qua đó rèn luyện đảng viên, đưa từ 70% trở lên số đảng viên đạt “Bốn tốt” và tích cực giải quyết chi bộ, tổ đảng, đảng viên kém, đồng thời tích cực làm tốt công tác tuyên truyền phát triển đảng viên mới. Đi liền với xây dựng các chi bộ, đảng bộ cơ sở, chúng ta cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc vận động kiện toàn cấp Huyện, Thị, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của các Huyện ủy, Thị ủy, phấn đấu đưa các Huyện ủy, Thị ủy đạt yêu cầu “Bốn tốt”. Về phát triển đảng, lấy bảo đảm chất lượng làm chính, phát triển đi đôi với củng cố phát triển phải đúng hướng, chú ý những nơi xung yếu, những nơi cơ sở đảng còn ít đảng viên, hoặc chưa có đảng viên, chú ý vùng cao, biên giới và những bộ phận sản xuất trọng yếu trong các xí nghiệp doanh nghiệp. Chúng ta cần làm tốt công tác phát triển lớp đảng viên “Hồ Chí Minh”. Qua công tác phát triển đảng, chúng ta phấn đấu làm cho tất cả các hợp tác

xã, các phân xưởng, tổ, đội sản xuất, v.v. trong hợp tác xã, trong các xí nghiệp, doanh nghiệp có tổ đảng, hoặc ít nhất cũng có đảng viên, hầu hết các xã vùng thấp và một số xã vùng cao thành lập được Đảng ủy xã.

Đi đôi với công tác cán bộ, chúng ta cần ra sức đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ đông đảo và có chất lượng, làm cho cán bộ giỏi một việc, biết nhiều việc “Xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Hướng đào tạo, phải chú ý cả ba loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo; cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế, nghiên cứu, chuyên môn; và cán bộ khoa học - kỹ thuật. Trong đó, cần hết sức coi trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc địa phương, cán bộ nữ. Cần chú ý bảo đảm tốt quan hệ đoàn kết giữa cán bộ cũ với mới, cán bộ già với trẻ, giữa cán bộ địa phương với nơi khác đến, đồng thời nghiên cứu và vận dụng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ. Đi liền với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, đặc biệt là cơ sở xã và hợp tác xã, bồi dưỡng các chủ nhiệm hợp tác xã có trình độ quản lý kinh tế, đại bộ phận các kế toán hợp tác xã được huấn luyện nghiệp vụ.

Về mặt sắp xếp bộ máy tổ chức trong các cấp, các ngành cần theo đúng hướng: làm cho các bộ máy tinh gọn; hợp lý hóa tổ chức, nhất là biên chế hành chính, sự nghiệp và gián tiếp sản xuất. Trên cơ sở đó, kiện toàn sắp xếp lại các bộ máy chưa hợp lý; điều chỉnh, tăng cường lực lượng cho các khâu trực tiếp sản xuất và cơ sở; xác định rõ chức trách, nhiệm vụ của từng đơn vị, từng cá nhân; cải tiến lề lối làm việc, cải tiến phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo. Cần nghiên cứu và tiến hành củng cố, sắp xếp lại các trường lớp đào tạo cán bộ của các ngành, để tập trung xây dựng và đi vào nâng cao chất lượng một số trường thật cần thiết và cấp bách của tỉnh ta. Đi đôi với việc mở lớp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại tỉnh, chúng ta tiếp tục mạnh dạn đưa cán bộ đi học các trường do trên mở, bảo đảm đủ chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước

phân bổ cho địa phương. Các lớp đại học tại chức (kể cả trung học và đại học) trong tỉnh, cần được củng cố duy trì tốt, tích cực mở rộng và phát triển mạnh mẽ.

Công tác kiểm tra của Đảng là khâu rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, chúng ta phải tăng cường công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật của Đảng ở các cấp, từ tỉnh đến cơ sở, lấy kiểm tra các tổ chức cơ sở làm trọng tâm, trước hết chú trọng các địa bàn trọng yếu của khu vực nông thôn, vùng ven đường giao thông quan trọng, xã hẻo lánh, biên giới... Chú trọng kiểm tra trong khu vực nhà nước trước, chủ yếu là các ngành kinh tế, tài chính, nơi tập trung nhiều chính sách, các ngành phục vụ cho công nghiệp, nông, lâm nghiệp và phục vụ đời sống. Phải căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của từng mặt, từng nơi mà vận dụng tốt 5 nội dung của công tác kiểm tra, đưa công tác kiểm tra đi vào nền nếp thường xuyên.

Trong công tác xây dựng Đảng, chúng ta còn phải chú trọng thường xuyên đến công tác bảo vệ Đảng theo đúng nguyên tắc, chế độ của Trung ương Đảng đã đề ra.

Việc nghiên cứu và đúc kết lịch sử Đảng cần được tiếp tục đẩy mạnh hơn, nhằm hoàn thành việc viết lịch sử của Đảng bộ, đi sâu vào tiếp tục sưu tầm, nghiên cứu và chỉnh lý tài liệu, từng bước tổng kết từng giai đoạn. Trên cơ sở đó sử dụng tốt các tài liệu và các vấn đề đã được xác định vào công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cho đảng viên và quần chúng, góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng.

V. TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỐI VỚI MỌI CÔNG TÁC

Để đảm bảo cho phương hướng nhiệm vụ 3 năm 1970 - 1972 đi tới thuận lợi, chúng ta cần tăng cường hơn nữa vai trò và hiệu lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở, nhằm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của địa phương. Đó là công tác có

tính chất quyết định nhất, sau khi đã có phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương đề ra. Chúng ta cần tích cực tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động, nâng cao chất lượng đảng viên, trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trên mọi lĩnh vực hoạt động, mọi ngành công tác, nhất là tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện và tổ chức thực hiện của các chi bộ, đảng bộ cơ sở, của các Đảng ủy và chi ủy; phát huy đầy đủ vai trò, chức năng và trách nhiệm của các Đảng đoàn, các tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Trong chỉ đạo, các cấp ủy Đảng cần phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan Đảng với cơ quan chính quyền, đoàn thể. Các cấp ủy Đảng phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, các chủ trương, chính sách của Đảng, ra sức cải tiến và sửa đổi lề lối làm việc, xây dựng tác phong cụ thể, thực hiện chế độ công tác sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng. Phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng phải toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm, dứt điểm từng thời gian, chống quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế, hình thức chủ nghĩa, hội họp quá nhiều. Cần thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với đề cao trách nhiệm phụ trách của cá nhân, đề cao phê bình, tự phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên trong các cấp ủy và các ngành. Việc xây dựng điển hình, nhân điển hình và tăng cường công tác điều tra, nghiên cứu, sơ kết, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm kịp thời cũng phải được thường xuyên coi trọng trong các cấp ủy Đảng.

Trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo, chúng ta còn phải chú trọng đến công tác vận động thi đua, coi đó không những chỉ là biện pháp mà còn là nhiệm vụ quan trọng, thuộc về phương pháp cách mạng trong công tác tổ chức thực hiện. Vì vậy, chúng ta cần đẩy mạnh phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước một cách thường xuyên, liên tục và sôi nổi hơn nữa; xây dựng nhiều tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa trong các ngành và lấy thi đua tập thể làm chủ yếu, lấy thi đua lao động sản xuất, thực hiện vượt mức kế hoạch

nhà nước làm trọng tâm. Trong nông thôn cần lấy việc tiến hành tốt cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các hợp tác xã.

Trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước, cần ra sức đẩy mạnh cuộc vận động thi đua lao động sản xuất, nhằm động viên mọi người đều làm việc, đều lao động, làm việc và lao động với nhiệt tình hăng say, dũng cảm, lao động và làm việc với năng suất và hiệu suất cao. Trong năm 1970, chúng ta tập trung đẩy mạnh thi đua thực hiện mấy phong trào chủ yếu trong cao trào lao động sản xuất của tỉnh ta như: làm thủy lợi, cày cấy, gieo trồng đúng thời vụ và đủ diện tích, chống để nước chảy tràn bờ; khai phục hoang, tăng vụ, thâm canh, tăng năng suất; phát triển chăn nuôi, bón phân và chống cây chay; trồng cây và bảo vệ rừng, chống đốt phá rừng; làm đường giao thông và sử dụng phương tiện vận tải cải tiến; chế biến sản, khoai, rau, thịt, sản xuất nhiều hàng tiêu dùng.

Song song với các công tác trên, chúng ta cần thực hiện tốt các biện pháp lớn sau đây:

1. Tập trung làm tốt công tác tổ chức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, đi sâu vào khoa học - kỹ thuật, tích cực xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, tập trung vào mục tiêu tổ chức, quản lý và sử dụng tốt lao động, vật tư, tiền vốn (cả trong nông nghiệp, công nghiệp...), nhằm tăng năng suất lao động xã hội.

2. Tăng cường hơn nữa chuyên chính vô sản, chống mọi biểu hiện hữu khuynh trong chấp hành chủ trương, chính sách, nguyên tắc, chế độ và pháp luật; đồng thời rất coi trọng việc mở rộng dân chủ, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng, dựa vào quần chúng và đi đường lối quần chúng trong mọi công tác, quan tâm đầy đủ và thường xuyên đối với đời sống của cán bộ, công nhân viên và nhân dân. Các cấp, các ngành cần đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

3. Tăng cường giáo dục, nâng cao quan điểm, lập trường cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, làm cho mọi người hào hứng, hồ hởi, hăng say lao động sản xuất và công tác, tin tưởng tuyệt đối, quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng và phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ.

4. Ra sức xây dựng, củng cố cơ sở mọi mặt, đặc biệt chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng, làm cho các chi bộ Đảng trở thành pháo đài kiên cố, làm hạt nhân lãnh đạo và đảm nhiệm các công việc của Đảng ở cơ sở. Đi đôi với việc xây dựng, củng cố cơ sở, phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chú ý cán bộ cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp; phải dựa vào cơ sở và phát động quần chúng để làm tốt mọi nhiệm vụ.

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần này của Đảng bộ ta có một ý nghĩa lịch sử trọng đại, là Đại hội chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương.

Chúng ta rất tự hào và vô cùng phấn khởi trước những thắng lợi to lớn và cơ bản của Đảng bộ ta đã giành được trong những năm qua, nhưng đồng thời cũng thấy rõ nhiệm vụ mới đặt ra cho chúng ta rất nặng nề. Trong quá trình đi đến thắng lợi của các nhiệm vụ mới đó, nhất định phải trải qua nhiều khó khăn gian khổ, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt và sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, với khí thế cách mạng và truyền thống đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của toàn thể quân, dân các dân tộc và cán bộ, đảng viên, đoàn viên tỉnh ta, chúng ta hoàn toàn có khả năng hoàn thành tốt phương hướng và nhiệm vụ 3 năm 1970 - 1972 mà Đại hội lần này đề ra.

Thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ đó chúng ta sẽ đưa tỉnh ta hết năm 1970 - 1972 có một nền sản xuất công, nông nghiệp phát triển cân đối hơn; sản phẩm hàng hóa sẽ tăng lên nhiều; cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội sẽ càng lớn

mạnh; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa càng vững vàng; dân cư đông đúc hơn; đời sống nhân dân no ấm vui tươi hơn; vùng cao sẽ nhanh chóng tiến kịp vùng thấp, miền núi tỉnh ta sẽ nhanh chóng tiến kịp vùng xuôi về toàn diện và vượt miền xuôi về từng mặt. Trên cơ sở đó, tỉnh ta sẽ góp phần nhiều hơn nữa vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước và sẽ tạo cơ sở để tiến vọt vào những năm sau.

Thưa các đồng chí,

Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, vì chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa, đời sống của nhân dân các dân tộc tỉnh ta, chúng ta hãy nêu cao hơn nữa tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết chiến, quyết thắng, thừa thắng xông lên, thực hiện đầy đủ *Di chúc* của Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ thiên tài vô cùng nhớ tiếc, biết ơn của chúng ta, và lời thề của Trung ương Đảng trong giờ phút vĩnh biệt Người. Chúng ta quyết hăng hái, tiến lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình trước Đảng và nhân dân, quyết giành lấy những thắng lợi to lớn và vẻ vang hơn nữa.

- Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam và xây dựng kinh tế địa phương tỉnh ta nhất định toàn thắng!
- Chủ nghĩa Mác - Lênin bách chiến, bách thắng muôn năm!
- Đảng Lao động Việt Nam quang vinh muôn năm!
- Đòi đòi nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại!

BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**Ý kiến của đồng chí Trường Minh
thay mặt cho Đại hội phát biểu với Đoàn đại biểu
quân, dân, chính, Đảng tỉnh đến chào mừng
Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V**

Kính thưa Đại hội,

Kính thưa các đồng chí trong Đoàn đại biểu quân, dân, chính, Đảng,

Hôm nay, các đồng chí thay mặt cho toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động Hồ Chí Minh, các cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân và toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh đến chào mừng Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V. Đó là một biểu hiện hết sức đẹp đẽ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ ta. Đó là biểu hiện hết sức sinh động, sự gắn bó thân thiết giữa Đảng với quần chúng, và lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân các dân tộc tỉnh ta đối với Đảng do Hồ Chủ tịch, Người thầy vĩ đại và lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta, của Đảng ta tổ chức, xây dựng và rèn luyện.

Tôi thay mặt Chủ tịch đoàn và Đại hội, xin tiếp nhận những lời chào mừng thắm thiết và cảm ơn tất cả các đồng chí.

Đại hội kỳ này của tỉnh ta là “Đại hội chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương”. Đại hội sẽ kiểm điểm đánh giá một cách sâu sắc tình hình mọi mặt công tác trong những năm qua, kể từ Đại hội đại biểu lần trước, nhất là qua 5 năm chống chiến tranh

phá hoại của đế quốc Mỹ, đồng thời bàn định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp phấn đấu của tỉnh ta trong những năm tới, nhằm đẩy nhanh hơn nữa sự nghiệp xây dựng kinh tế và quốc phòng địa phương, phát huy mạnh mẽ những ưu thế của tỉnh ta, để thực hiện hậu cần tại chỗ, từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc, đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng chung của cả nước, xứng đáng là tỉnh căn cứ địa của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Đại hội hết sức vui mừng, nhận thấy trong thời gian qua các cấp, các ngành, các đoàn thể, với tinh thần thi đua đã luôn luôn hướng về Đại hội, ra sức hưởng ứng và thực hiện cuộc vận động lao động sản xuất lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V và trên nhiều mặt đã đạt được những tiến bộ mới.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương và khen ngợi tất cả các đảng bộ, các cơ quan, các đoàn thể, các lực lượng vũ trang đã hăng hái đóng góp hết công sức của mình vào việc chuẩn bị cho Đại hội, tạo điều kiện Đại hội tiến hành được thuận lợi và tốt đẹp. Việc hoàn thành một khối lượng lớn các công trình phục vụ cho Đại hội chỉ trong vòng hơn một tháng, vừa mang tính chất kiến trúc vừa mang tính chất nghệ thuật đã thể hiện khả năng và sức sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta rất to lớn; tình cảm, niềm tin và sự gắn bó keo sơn giữa Đảng và quần chúng rất sâu sắc, đậm đà.

Thưa các vị đại biểu,

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, thực hiện hai lần chuyển hướng kinh tế, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta với truyền thống đoàn kết, yêu nước, lao động cần cù, dũng cảm, với ý chí quyết chiến và quyết thắng, không sợ gian khổ, hy sinh, cố gắng vươn lên, vượt mọi khó khăn do thiên tai và đế quốc Mỹ gây ra, từng bước tiến lên và đã thu được nhiều thắng lợi to lớn, cơ bản và

tương đối toàn diện trên các mặt: sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống và xây dựng Đảng. Trong đó các đồng chí cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên của các đảng bộ, các cơ quan, các ty, các ngành, quân, dân, chính, Đảng đã góp phần xứng đáng của mình vào thành tích chung của tỉnh ta.

Đứng trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng ngày càng to lớn nặng nề. Trên đất nước ta còn có chiến tranh, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước chúng ta còn phải tiếp tục. Miền Bắc vẫn là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Vì vậy, đòi hỏi chúng ta trong thời gian tới phải không ngừng nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí và lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sẵn sàng xả thân vì nước, lao động quên mình, động viên mọi khả năng và lực lượng của quần chúng, không ngừng vươn lên thực hiện một cách xuất sắc và thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Trung ương và nghị quyết của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V đề ra.

Tin tưởng rằng với ý chí thừa thắng xúc tới, với khả năng to lớn và đầy sức sống vươn lên, nhất định Đại hội lần sau chúng ta sẽ được nhìn thấy con người, xã hội và tự nhiên của tỉnh ta có biết bao biến đổi to lớn hơn nhiều.

Chúc tất cả các đồng chí mạnh khỏe và nhờ các đồng chí chuyển tới tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, các cán bộ, chiến sĩ và toàn thể nhân dân các dân tộc lời chào đoàn kết, thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V.

Mời các đồng chí sang xem khu triển lãm của Đại hội.

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ CÔNG TÁC AN NINH, QUỐC PHÒNG TẠI ĐẠI HỘI TỈNH ĐẢNG BỘ LẦN THỨ V

Để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng mà Đại hội toàn quốc lần thứ III đã đề ra là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà; để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng đảm bảo an ninh xã hội, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III đã đề ra cho nhiệm vụ an ninh, quốc phòng là:

"Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên cơ sở liên minh công - nông và được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân phải thực hành chuyên chính với bọn phản cách mạng, nghiêm trị những kẻ chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà".

Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV cũng đã đề ra nhiệm vụ an ninh là phải phát huy khí thế cách mạng của nhân dân các dân tộc, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an ngoài xã hội, phong trào bảo mật phòng gian trong nội bộ, củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang, phát huy hiệu lực của công cụ chuyên chính, sử dụng tốt các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn để kiên quyết đấu tranh chống âm mưu gián điệp biệt kích của đế quốc Mỹ và tay sai, kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng phá hoại hiện hành, giáo dục, cải tạo những phần tử lạc hậu, kiên quyết ngăn

chặn những hoạt động lưu manh, trộm cắp, tham ô, đầu cơ buôn lậu, bài trừ những tệ nạn xã hội, giữ vững trật tự trị an.

Trong quá trình thực hiện nghị quyết của Đại hội toàn quốc và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV nhất là qua bốn năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, cùng với việc lãnh đạo, xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng bộ ta đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

Những kết quả và tồn tại của công tác an ninh, quốc phòng trong Báo cáo chính trị đã chỉ rõ, bản báo cáo này có tính chất bổ sung làm sáng tỏ thêm các vấn đề đã nêu ra trong Báo cáo chính trị.

I. TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH CHỐNG PHẢN CÁCH MẠNG VÀ CÁC BỌN TỘI PHẠM, BẢO VỆ AN NINH TRONG TỈNH

Lào Cai là tỉnh biên giới, miền núi, đại bộ phận là vùng cao, có nhiều dân tộc, có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng là nơi đã diễn ra nhiều sự kiện chính trị, là địa bàn mà các tổ chức gián điệp Mỹ, Pháp, Nhật, đặc vụ Tưởng hoạt động. Trải qua các thời kỳ, các biến cố chính trị kẻ địch đã để lại cơ sở xã hội rất phức tạp.

Trong những năm hoà bình cũng như thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đi đôi với chiến tranh phá hoại bằng không quân, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã tăng cường hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý bằng nhiều âm mưu, phương thức thủ đoạn rất thâm độc như: thu thập tình báo bằng trinh sát kỹ thuật, gián điệp biệt kích, gián điệp ẩn nấp, truyền đơn, bạc giả, thư và vật phẩm tâm lý chiến, phao đồn những tin tức bịa đặt, v.v..

Bọn phản động địa phương bao gồm những phần tử cốt cán ngoan cố trong số tề nguỵ phỉ cũ, chưa chịu cải tạo, trong giai cấp bóc lột cũng thường xuyên có những biểu hiện chống đối.

Tình hình trị an xã hội nhất là ở khu vực biên giới có nhiều phức tạp, việc quản lý biên giới có nhiều khó khăn, một số vấn đề tiêu cực trong đời sống xã hội xuất hiện (nhạc vàng, thanh niên có những hành động càn quấy, thiếu nhi hư).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV và các chỉ thị 125 của Bộ Chính trị, 145 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết 24 xác định rõ: "Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta phải tăng cường hơn nữa khối đoàn kết nhân dân các dân tộc trong tỉnh, phát huy cao độ khí thế cách mạng, bằng tất cả sức mạnh của mình, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, đánh bại mọi hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý của địch. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn mọi hoạt động phá hoại, không để kẻ địch gây được bạo loạn bất kỳ ở tỉnh hướng nào, ở địa phương nào trong tỉnh, giữ vững và tăng cường trật tự an ninh địa phương". Đồng thời Tỉnh ủy đã ra những chỉ thị và tăng cường chỉ đạo một số mặt công tác cụ thể như tuyển quân giải quyết tình hình trị an biên giới, xây dựng nếp sống cách mạng trong thanh niên, v.v..

Kiểm điểm lại từ sau Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IV đến nay, đối chiếu với yêu cầu, nhiệm vụ mà nghị quyết Đại hội và các chỉ thị của Trung ương đã đề ra, Đảng bộ ta đã có nhiều cố gắng và đã thu được những thắng lợi to lớn và toàn diện, có ý nghĩa chính trị sâu sắc trên mặt trận an ninh, quốc phòng.

Thành tích chủ yếu và nổi bật là Đảng bộ ta đã tích cực, kiên trì giáo dục quần chúng, nhằm nâng cao giác ngộ chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng nâng cao tinh thần trách nhiệm của quần chúng, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã, phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, đẩy mạnh phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn.

Trong phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã, phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an

toàn chúng ta đã đi sâu củng cố vùng xung yếu, giải quyết những nơi cơ sở kém, gắn nội dung phong trào với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị với các cuộc vận động, với hoạt động của các giới, các ngành nên phong trào ngày càng đi vào chiều sâu và đang trở thành phong trào quần chúng, số xã, phố, cơ quan, xí nghiệp có phong trào khá ngày càng tăng, những cơ sở kém đang dần dần được xóa bỏ (hiện nay số xã có phong trào khá chiếm 52%, số cơ quan, xí nghiệp có phong trào khá chiếm 63%). Trong phong trào đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, nhiều đơn vị và cá nhân điển hình. Tác dụng phong trào đã mang lại những kết quả thiết thực trong công tác đấu tranh chống phản cách mạng giữ gìn trật tự trị an.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng, dựa trên cơ sở phát huy khí thế chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc, phát huy hiệu lực của các công cụ chuyên chính, chúng ta đã chủ động phòng ngừa, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu hoạt động của các loại phản cách mạng, chúng ta đã làm tốt công tác chế phòng nhằm chống phương thức hoạt động thu thập tình báo của địch bằng trình sát kỹ thuật, giải quyết nhanh gọn bọn gián điệp biệt kích khi chúng mới đặt chân xuống đất (vụ biệt kích Phú Nhuận), những tin tức nghi vấn để hoạt động của bọn gián điệp, đặc vụ đều phát hiện (như vụ một tên gián điệp trốn trại từ Tây Bắc sang đã bị nhân dân, dân quân, công an xã Thanh Phú (Sa Pa), Sang Ma Sáo (Bát Xát) phát hiện và vây bắt). Đã giải quyết được 9 trong 10 tên phỉ lẫn trốn, căn bản hoàn thành việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử xét có nguy hiểm cho an ninh xã hội. Trừng trị nhiều tên phản cách mạng phá hoại hiện hành, chính quyền cơ sở đã kiểm thảo, cảnh cáo nhiều tên có hành vi chống đối, nhiều vụ truyền đơn, bạc giả địch thả hoặc mang nơi khác đến đã được phát hiện và thu hồi, những tin tức bịa đặt do địch tung ra đã được quần chúng ở nhiều nơi đấu tranh tích cực.

Trong việc trừng trị bọn phản cách mạng phá hoại hiện hành, chúng ta đã lập các phiên toà công khai xét xử một số tên ở các địa phương (Mường Khương, Bắc Hà) đồng thời đã giáo dục sâu rộng trong quần chúng về luật trừng trị bọn phản cách mạng nên đã có tác dụng nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ và nhân dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nêu cao được sức mạnh và tính ưu việt của chế độ ta.

Công tác kiểm sát xét xử cũng được đẩy mạnh và đã có chuyển biến trong việc phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, việc xét xử nói chung là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên đã có tác dụng đánh mạnh vào bọn đầu sỏ ngoan cố, thúc đẩy bọn đối tượng đi vào con đường cải tạo.

Chúng ta đã thực hiện tốt Chỉ thị số 115 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục cải tạo những đối tượng cần cải tạo, do đó đã có tác dụng lớn làm phân hoá hàng ngũ đối tượng, qua đấu tranh cải tạo số đối tượng chịu tiếp thu cải tạo đi vào con đường làm ăn lương thiện ngày càng tăng, số chống đối ngày càng giảm.

Với công tác đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, chống những tai nạn và tệ nạn xã hội cũng được tăng cường. Chúng ta đã nghiêm trị nhiều tên chuyên lưu manh trộm cắp, đầu cơ buôn lậu, nghiêm trị bọn đầu sỏ và những tên vi phạm nghiêm trọng đến trật tự an ninh, kịp thời giải quyết những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

Việc đấu tranh chống đầu cơ ăn cắp vật tư hàng hoá của Nhà nước đã được chú ý, công tác giữ gìn trị an nội địa, biên giới được tăng cường. Chúng ta đã giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ở khu vực biên giới về đường lối, chính sách của Đảng, ý thức độc lập, tự chủ, tinh thần đoàn kết hữu nghị, đồng thời chúng ta đã kịp thời giải quyết những phức tạp xảy ra ở khu vực biên giới nên mặc dù trong những năm qua kẻ địch đã ráo riết hoạt động chống phá, tình hình trị an xã hội nhất là trị an biên

giới nảy sinh nhiều phức tạp, công tác quản lý biên giới có nhiều khó khăn nhưng chúng ta đã không để kẻ địch nhen nhóm gây nên được những vụ bạo loạn, không để kẻ địch gây được những vụ phá hoại lớn, không lũng loạn được tư tưởng của nhân dân, tình hình trật tự trị an nội địa, biên giới vẫn được đảm bảo tốt đã góp phần bảo vệ tình đoàn kết nhất trí trong nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Đi đôi với các mặt công tác trên, các cấp ủy Đảng cũng đã tăng cường củng cố bộ máy chuyên chính ngoài việc tăng cường giáo dục về chính trị, tư tưởng, nghiệp vụ, đối với tổ chức của các lực lượng công an nhân dân, toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân tuy với mức độ khác nhau nhưng cũng đều được củng cố và kiện toàn.

Lực lượng công an, tư pháp xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, tổ hoà giải đã được tăng cường, nhận thức về chính trị, tư tưởng cũng như trình độ nghiệp vụ được nâng lên, nhiều đơn vị công an xã đã đạt danh hiệu quyết thắng, tiên tiến, nhiều người đã đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua đã và đang phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt trong công tác bảo vệ an ninh địa phương. Tổ hoà giải đã có 85% số thôn xã, 95% số khu phố và đã phát huy được tác dụng của quần chúng giúp đỡ lẫn nhau giải quyết kịp thời những tranh chấp nhỏ xảy ra trong nội bộ nhân dân, tư pháp xã đã thực hiện được một phần chức năng, nhiệm vụ của mình.

Tình hình thực tế nêu trên chứng tỏ rằng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chỉ có dựa vào quần chúng, phát huy khí thế cách mạng của quần chúng. Dưới sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp toàn diện của Đảng, quần chúng có đầy đủ khả năng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, ngăn ngừa và hạn chế được các mặt tiêu cực của xã hội, bảo đảm giữ gìn an ninh địa phương, đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, thực hiện tốt các chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước.

II. XÂY DỰNG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU VÀ CHI VIÊN CHO TIỀN TUYẾN

Quán triệt đường lối, nhiệm vụ quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh đã đề ra: "Các lực lượng vũ trang và bán vũ trang phải được tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng về mọi mặt, đảm bảo trở thành lực lượng vũ trang cách mạng vững chắc, sẵn sàng chiến đấu trung thành vô hạn với Đảng và nhân dân... Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang và bán vũ trang". Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ trên, trong những năm qua nhất là trong bốn năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ ta đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh vừa sản xuất vừa chiến đấu, quyết tâm thực hiện khẩu hiệu "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", chúng ta đã tăng cường giáo dục, động viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân các dân tộc ra sức xây dựng, củng cố hậu phương về mọi mặt, xây dựng các lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu bổ sung cho chiến trường, thực hiện tốt nhiệm vụ của hậu phương đối với tiền tuyến.

Để chuẩn bị và tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, chống mọi âm mưu và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã ra nghị quyết về xây dựng hậu phương căn cứ địa, xây dựng làng, xã chiến đấu, và quốc phòng. Trước mắt nhằm chống chiến tranh phá hoại, chống âm mưu hoạt động gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý, gây bạo loạn của địch và cũng để đề phòng chiến tranh mở rộng, khắc phục những nhận thức tư tưởng lệch lạc, tách rời giữa kinh tế và quốc phòng, chỉ nhìn thấy yêu cầu trước mắt, không thấy lâu dài, nên đã làm cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng cũng như nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng có những chuyển

biến tốt. Thể hiện khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc chúng ta đã kịp chuyển từ thời bình sang thời chiến, xác định tư tưởng kháng chiến lâu dài, nên trong công tác phòng không sơ tán đã có quy hoạch tổ chức, chiến đấu, đời sống và sản xuất đi vào nề nếp. Trong xây dựng, phát triển kinh tế đã biết kết hợp với yêu cầu quốc phòng (cả trong phương hướng sản xuất cũng như kiến thiết cơ bản). Tỉnh đã chỉ đạo thí điểm xây dựng làng xã chiến đấu và diễn tập chiến đấu bảo vệ thị trấn rút kinh nghiệm hướng dẫn cho các huyện, thị đạt kết quả tốt.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, Đảng bộ ta đã lãnh đạo không ngừng nâng cao chất lượng, trình độ mọi mặt và sức chiến đấu cho các lực lượng vũ trang. Đã tập trung lãnh đạo xây dựng các đơn vị bổ sung cho chiến trường (2 Đ Hoàng Liên Sơn, 1 C cao xạ pháo, 1 C công an nhân dân vũ trang đi B và C bộ binh đi C), đảm bảo quân số đi đủ, đi được và đánh thắng, nhiều đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã được khen thưởng, nhiều người đã trở thành dũng sĩ, được đồng bào Thủ Dầu Một và các đồng chí bạn rất ca ngợi. Đối với cơ quan tỉnh, huyện đội bộ đội địa phương và công an nhân dân vũ trang cũng được tăng cường lãnh đạo về các mặt chính trị tư tưởng và tổ chức xây dựng và chiến đấu nên đã phát huy được vai trò chức năng làm tham mưu đắc lực cho cấp ủy trong công tác quân sự, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang đã có khả năng hoàn thành được nhiệm vụ của mình khi chiến đấu xảy ra.

Đi đôi với xây dựng bộ đội thường trực, Đảng bộ đã ra sức xây dựng và củng cố, phát triển đội ngũ dân quân tự vệ trở thành một lực lượng và rộng khắp từ công trường, xí nghiệp đến các thôn xóm xa xôi hẻo lánh đều đã có những tổ chức dân quân tự vệ, nên năm 1964 mới có 8% nay đã có 13,6% so với dân số, phong trào dân quân gái trong các dân tộc cũng được phát triển, năm 1964 mới chỉ có một vài xã ở Bảo Thắng nay đã có 25% trong tổng số dân quân tự vệ đó là một sự chuyển biến có ý nghĩa chính trị sâu sắc có tính

chất cách mạng trong phong trào phụ nữ tỉnh ta. Trong xây dựng, củng cố chúng ta quán triệt phương châm lấy nâng cao chất lượng làm chính, lấy việc thông qua thực hiện các chính sách, thông qua các cuộc vận động chính trị địa phương để tiến hành củng cố, xây dựng làm cho dân quân tự vệ trong sạch về chính trị, chặt chẽ về tổ chức, đúng với quan điểm, đường lối giai cấp của Đảng; đồng thời chúng ta đã coi trọng việc giáo dục rèn luyện về chính trị, tư tưởng, trình độ kỹ, chiến thuật, tổ chức chỉ huy cho cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ. Tăng cường đảng viên, đoàn viên nhằm nâng cao chất lượng về mọi mặt và thực hiện sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện của Đảng trong lực lượng vũ trang, nên trong mấy năm qua dân quân tự vệ đã lập được nhiều thành tích trong chiến đấu và sản xuất, phong trào đã có những chuyển biến mạnh mẽ, số đơn vị đạt danh hiệu quyết thắng cũng ngày càng tăng, từ những đơn vị nhỏ nay đã có nhiều đơn vị khá, và đại đội đạt quyết thắng. Dân quân tự vệ đang phát huy vai trò chiến lược trong chiến tranh cách mạng và là lực lượng nòng cốt xung kích trong sản xuất và chấp hành các chính sách của Đảng, xứng đáng là lực lượng vũ trang của Đảng.

Việc động viên chuyển quân bổ sung cho chiến trường cũng là một nhiệm vụ chính trị rất lớn của Đảng, là một nghĩa vụ thiêng liêng đối với Tổ quốc, là trách nhiệm của hậu phương đối với tiền tuyến, không những thế, đối với tỉnh ta còn là một nguồn rất lớn để đào tạo cán bộ cho địa phương, để tiến lên thực hiện dân tộc bình đẳng thực sự, từ nhận thức đó, chúng ta đã kiên trì giáo dục, động viên được đông đảo nhân dân các dân tộc hăng hái tham gia xây dựng quân đội. Nên các đợt động viên tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Thanh niên các dân tộc ít người cũng tham gia ngày càng nhiều, năm 1964 mới có 7 dân tộc chiếm 30% quân số, nay đã có 19/25 dân tộc chiếm 50% quân số từ chỗ trước đây chỉ tham gia bộ đội địa phương nay đã đi chiến đấu ở khắp các chiến trường, nhiều đồng chí đã lập

được những thành tích xuất sắc, trên cơ sở đó chúng ta cũng đã đào tạo một đội ngũ cán bộ địa phương chiếm tỷ lệ 45,85% tổng số cán bộ quân sự, có nhiều đồng chí đã giữ các vai trò chủ chốt ở tỉnh cũng như trong các ban chỉ huy huyện, thị, đại đội. Đã đáp ứng được một phần yêu cầu đòi hỏi của phong trào địa phương.

Những kết quả trên đây không những góp phần cùng với quân và dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và những chiến thắng của quân và dân ta ở miền Nam và còn có tác dụng đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo trật tự an ninh trong tỉnh, xây dựng, củng cố hậu phương ngày càng vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống, thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến.

Những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được trong thời gian qua trước hết là thắng lợi của đường lối, chính sách và sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, là kết quả của trí tuệ tập thể toàn Đảng bộ, chúng ta đã vận dụng linh hoạt đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Về lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở đã quán triệt và vận dụng kết hợp giữa hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu trên các mặt công tác. Đồng thời đã coi trọng việc giáo dục, động viên quần chúng nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, đoàn kết nhất trí, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng đã đề ra. Các ngành trong khối nội chính cũng có nhiều cố gắng, đã biết lấy việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nhằm phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh phong trào chung trong tỉnh.

III. NHỮNG TỒN TẠI CỦA CÔNG TÁC AN NINH, QUỐC PHÒNG HIỆN NAY

Từ Đại hội lần thứ IV đến nay, nhất là trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ ta đã lãnh đạo

quân và dân trong tình phấn đấu thực hiện nghị quyết của Đại hội và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về các mặt công tác nói chung cũng như công tác trị an, quốc phòng tiến lên ngày càng vững chắc, thành tích rất lớn, phong trào tiến lên ngày càng vững chắc, thành tích đạt được là cơ bản, song đối chiếu với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng hiện nay thì trong công tác trị an, xây dựng lực lượng củng cố quốc phòng cũng bộc lộ nhiều nhược điểm và tồn tại chúng ta cần phải ra sức khắc phục:

1. Nhận thức của các cấp ủy (nhất là cơ sở) cán bộ, đảng viên và quần chúng, về tình hình âm mưu địch chưa thực sâu sắc, tư tưởng chủ quan mất cảnh giác, hữu khuynh còn phổ biến. Công tác đấu tranh chống địch có lúc có nơi không thường xuyên, thiếu toàn diện cụ thể và kịp thời dẫn đến buông lỏng chuyên chính. Việc giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước còn nhiều sơ hở, những luận điệu phản tuyên truyền tung tin bịa đặt không được truy xét đến tận gốc. Việc phòng chống gián điệp biệt kích nhất là đối với những tên xâm nhập bằng đường bộ nhiều xã làm chưa tốt, giải quyết những tên lẩn trốn để kéo dài. Việc giáo dục cải tạo thường xuyên các đối tượng cần cải tạo tại chỗ có nơi còn lỏng lẻo. Tình hình trị an xã hội do khó khăn của chiến tranh và việc quản lý của ta chưa chặt chẽ nên tham ô trộm cắp, trồng thuốc phiện có chiều hướng phát triển, đặc biệt nạn cháy rừng, cháy nhà trong những năm gần đây rất nghiêm trọng.

- Tư tưởng hữu khuynh buông lỏng chuyên chính trong cán bộ Công an, Tòa án, Kiểm sát, Tỉnh ủy đã quan tâm giải quyết, từ sau hội nghị giữa ba ngành năm 1965 đến nay đã có chuyển biến tốt, nhưng từng lúc từng nơi cũng vẫn còn. Quan điểm chuyên chính dân chủ nhân dân thiếu sắc bén. Sự đoàn kết hiệp đồng giữa ba ngành thiếu chặt chẽ, chưa thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu cho Đảng trong cuộc đấu tranh trấn áp phản cách mạng, ngăn ngừa và hạn chế các loại tội phạm giữ vững trật tự an ninh, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương.

2. Quán triệt hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu (xây dựng kinh tế và quốc phòng) trong các cấp, các ngành chưa đầy đủ nên trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa kết hợp được chặt chẽ và thường xuyên. Có lúc có nơi còn nặng mặt này, nhẹ mặt khác. Chưa động viên được lực lượng vũ trang việc thực hiện chính sách hậu phương còn nhiều thiếu sót. Do đó việc động viên chuyển quân gặp nhiều khó khăn, có lúc có nơi còn mang tính chất mệnh lệnh gò ép. Số thanh niên dân tộc đi bộ đội bỏ ngũ về còn nhiều. Vẫn còn 7/25 dân tộc chưa có người tham gia bộ đội. Việc xây dựng củng cố dân quân tự vệ có ngành, có địa phương chưa được quan tâm đúng mức, nhất là đối với việc phát triển dân quân gái chưa được coi trọng nên tỷ lệ dân quân gái còn thấp, tinh thần thường trực chiến đấu của dân quân tự vệ ở một số nơi còn kém, nhiều nơi dân quân tự vệ chưa có tác dụng thiết thực đến việc đẩy mạnh phong trào. Việc xây dựng căn cứ hậu phương, xây dựng làng xã chiến đấu chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các giới dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy nên tốc độ triển khai còn chậm.

3. Phong trào quần chúng tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị an toàn, xã phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, xây dựng làng xã chiến đấu, đơn vị cơ sở dân quân tự vệ vững mạnh ở một số nơi hiện nay còn yếu, tổ chức cơ sở chưa mạnh, về lãnh đạo chỉ đạo nhiều nơi chưa kết hợp được các mặt công tác, chưa quan tâm đầy đủ đến việc xây dựng nòng cốt, tuy chúng ta đã tạo ra được nhiều điển hình tốt nhưng chưa kịp thời và khâu tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành cũng đang còn là khâu yếu nên đã hạn chế đến sự phát triển của phong trào.

Nguyên nhân của những tồn tại trên có nhiều mặt: một phần, có những khó khăn thực tế của địa phương. Nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do nhận thức tư tưởng của các cấp, các ngành chưa thấy hết tình hình âm mưu địch, sản xuất và chiến đấu, nhận thức về chuyên chính dân chủ nhân dân chưa được toàn diện. Quan điểm quần chúng, quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp trong

tình hình cách mạng hiện nay chưa thật vững vàng, tư tưởng cách mạng tiến công, ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm chưa cao. Tác phong công tác thiếu sâu sát cụ thể, chưa phát huy được quyền làm chủ của quần chúng một cách rộng rãi, đó là những nguyên nhân chính chúng ta cần nghiêm khắc kiểm điểm để đưa phong trào tỉnh ta tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC QUẢN TRIỆT VÀ TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG PHƯƠNG HƯỚNG

Trong những năm tới cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân sẽ phát triển lên một bước mới. Tình hình đó sẽ có tác động tích cực đến công tác đấu tranh chống địch, giữ gìn trật tự trị an trên nhiều mặt, đồng thời cũng sẽ nảy sinh những mặt tiêu cực và những phức tạp mới trong đời sống xã hội.

Lào Cai chúng ta sẵn có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tuy đã và đang bị thất bại nặng nề nhưng với bản chất ngoan cố và hiếu chiến nên cùng với việc ra sức thực hiện âm mưu "phi Mỹ hoá" cuộc chiến tranh ở miền Nam nhất định chúng sẽ tăng cường hoạt động gián điệp với những âm mưu và phương thức rất thâm độc, tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, nằm trong âm mưu chung của chúng đối với miền Bắc. Bọn đặc vụ Tưởng tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ cũng sẽ lợi dụng sơ hở để thâm nhập hoạt động, bọn Pháp, Nhật cũng sẽ lợi dụng thời cơ để hoạt động gián điệp nhằm từng bước xâm nhập vào miền Bắc, vừa để thu thập tình báo, xây dựng cơ sở vừa để giành ảnh hưởng và chỗ đứng miền Bắc về sau.

Bọn phản động địa phương bao gồm những phần tử chống đối trong giai cấp bóc lột, trong số tề, ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo

nhất định sẽ lợi dụng những khó khăn và những sơ hở của ta để hoạt động chống phá.

Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường còn gay go phức tạp trên nhiều lĩnh vực, những phức tạp về trị an xã hội nhất là ở khu vực biên giới còn nảy sinh, những phức tạp trong nội bộ nhân dân còn đang diễn biến vì vậy phương hướng về nhiệm vụ trị an quốc phòng trong đề án Đại hội đã đề ra là:

"Chúng ta cần tăng cường hơn nữa lực lượng về mọi mặt, nâng cao hơn nữa tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy cao độ ý chí quyết chiến quyết thắng nâng cao nhận thức âm mưu địch trong Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta nhằm chủ động, kịp thời phát hiện và kiên quyết trấn áp bọn gián điệp, đặc vụ nằm lỳ cũng như mọi hoạt động chống phá của đế quốc Mỹ và bọn phản động địa phương, tiếp tục cải tạo những thành phần và đối tượng cần cải tạo, ra sức bảo vệ trật tự an ninh, xây dựng căn cứ hậu phương vững mạnh, để bảo vệ tốt trật tự an ninh nội địa, biên giới, bảo vệ tốt công cuộc xây dựng kinh tế, văn hoá địa phương trong bất kỳ tình huống nào, sẵn sàng chiến đấu và ứng phó với mọi âm mưu chiến tranh của địch, sẵn sàng chi viện lực lượng cho cách mạng miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế".

Để thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ nêu trên toàn Đảng bộ cần quán triệt và làm tốt những việc dưới đây:

1. Đấu tranh chống phản cách mạng và các loại tội phạm giữ vững trật tự an ninh địa phương

a) *Cần đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an*, xây dựng xã - phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, đẩy mạnh phong trào bảo mật phòng gian xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, bảo vệ thành quả của cách mạng cũng phải là sự nghiệp của quần chúng, vì vậy chúng ta phải thường xuyên giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, làm cho mọi người thấy rõ âm mưu và phương thức hoạt động của địch, chống

tư tưởng hữu khuynh chủ quan mất cảnh giác đề phòng địch đánh phá trở lại nhằm huy động đông đảo quần chúng tham gia phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian.

Mục tiêu của phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian là xây dựng xã - phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn.

Cuộc vận động xây dựng xã - phố vững mạnh về chính trị và trật tự an ninh, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn nhất thiết phải có sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, phải kết hợp việc đẩy mạnh phong trào với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương với các cuộc vận động nhất là cuộc vận động lao động sản xuất, lấy mục tiêu phục vụ ba cuộc cách mạng, phục vụ cuộc vận động lao động sản xuất làm nội dung chủ yếu của phong trào.

Để có kế hoạch cụ thể và rút ra được những kinh nghiệm trong quá trình đẩy mạnh phong trào cần tiến hành tổng kết phong trào qua 4 năm chống chiến tranh phá hoại từ xã đến tỉnh, cần đi sâu tổng kết ở những xã khá, nơi có phong trào điển hình đồng thời cũng phải đi sâu tổng kết những nơi phong trào hiện còn kém từ đó có kế hoạch đẩy mạnh phong trào từng bước tiến lên.

Riêng những xã, phố, cơ quan, xí nghiệp hiện phong trào còn kém nhất là những xã, phố nằm trong địa bàn xung yếu và tập trung kinh tế, chính trị cần tập trung chỉ đạo, tập trung lực lượng giải quyết bằng được trong năm 1970.

b) Trên cơ sở phát huy khí thế chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc, phát huy hiệu lực của chính quyền chuyên chính vô sản và các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn cần được thực hiện tốt những nhiệm vụ cơ bản của công tác an ninh là:

- Kiên quyết đánh bại mọi âm mưu hoạt động của các loại gián điệp nhất là gián điệp Mỹ và tay sai, đặc vụ Tưởng, gián điệp Pháp, Nhật đặc biệt phải phát hiện và đấu tranh với phương thức thủ đoạn của chúng đang tung gián điệp vào miền Bắc bằng con

đường vượt biên, hồi hương, trà trộn trong số quân nhân đảo, lạc ngũ, tìm cách leo cao đi sâu vào nội bộ ta, hoạt động chiến tranh tâm lý, thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, kiên quyết trấn áp mọi hành vi chống đối của bọn phản động địa phương không để chúng gây được các vụ phá hoại, các vụ lộn xộn ở bất kỳ địa bàn nào trong tỉnh.

- Thực hiện tốt các mặt công tác bảo vệ nhất là công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ kinh tế, bảo vệ ba cuộc cách mạng, bảo vệ lực lượng vũ trang. Trong công tác bảo vệ phải phòng ngừa không để kẻ địch và phần tử xấu gây nên hành vi phá hoại, vừa phải đấu tranh với những biểu hiện vi phạm chính sách, luật pháp, bảo vệ tốt việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch nhà nước, các cuộc vận động ở địa phương.

- Giữ gìn tốt trật tự trị an xã hội nhất là ở thị xã, thị trấn, và khu vực biên giới. Riêng ở khu vực biên giới phải tăng cường giáo dục cho đảng viên, cán bộ và nhân dân về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, ý thức độc lập tự chủ, tinh thần đoàn kết hữu nghị và các quy ước biên giới cùng với các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn để ngăn chặn có hiệu quả tình trạng vượt biên trái phép. Vận động bằng hết số người Trung Quốc vượt biên sang ta về, kịp thời giải quyết những phức tạp xảy ra ở khu vực biên giới.

Việc giữ gìn trật tự trị an ở nội địa, biên giới, phải kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức sinh hoạt đời sống của nhân dân, thực hiện tốt phương châm trường trị kết hợp với giáo dục cải tạo, quản lý, nghiêm trị bọn tội phạm hình sự nghiêm trọng và đấu tranh kiên quyết với bọn chuyên lưu manh, buôn lậu, ăn cắp của công, đầu cơ tích trữ nhằm làm giảm về căn bản các tệ nạn xã hội, đảm bảo tốt trật tự trị an.

Để làm tốt công tác đấu tranh chống địch, giữ gìn trật tự trị an phải làm tốt công tác kiểm sát, xét xử nhằm phát huy hiệu lực của chính quyền chuyên chính với kẻ địch và hỗ trợ phong trào quần

chúng, đảm bảo quyền làm chủ của quần chúng, phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

c) Tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng chuyên chính, củng cố kiện toàn bộ máy chuyên chính về chính trị, tư tưởng, tổ chức và trình độ nghiệp vụ làm cho các cơ quan trong Khối Nội chính làm tốt chức năng tham mưu cho các cấp ủy Đảng, phát huy hiệu lực của lực lượng chuyên chính nhằm trấn áp kịp thời mọi hành vi chống đối của bọn phản cách mạng và bọn tội phạm khác, phục vụ đắc lực sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, xây dựng kinh tế địa phương.

Việc củng cố bộ máy chuyên chính trước hết phải củng cố về chính trị tư tưởng, giải quyết triệt để mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, nêu cao tinh thần đoàn kết hiệp đồng giữa các ngành trong Khối Nội chính, củng cố cả xã, huyện, tỉnh.

2. Cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự địa phương

Công tác quân sự địa phương là một bộ phận trọng yếu trong toàn bộ công tác quân sự của Đảng, nhằm thực hiện triệt để và toàn diện đường lối và những nhiệm vụ quân sự của Đảng ở địa phương, biến đường lối và những nhiệm vụ, chủ trương của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng. Công tác quân sự địa phương do nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương tiến hành dưới sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng. Nên nó là công tác của toàn Đảng, toàn dân, làm tốt công tác quân sự địa phương là phát huy cao độ sức mạnh của chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp, toàn diện của hậu phương và khả năng chiến đấu của tiền tuyến.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện cụ thể trong chỉ đạo và hành động của toàn Đảng bộ. Công tác quân sự được đặt thành một nội dung để bình xét đảng viên và Đảng bộ bốn tốt. Phải phát động tư tưởng toàn Đảng, toàn dân nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng, đề cao trách nhiệm

trong việc xây dựng lực lượng củng cố quốc phòng. Chiến tranh giành được thắng lợi là do quyết tâm hy sinh chiến đấu của toàn dân vì vậy phát động tư tưởng toàn Đảng, toàn dân là cơ sở nhằm tạo nên sức mạnh là công tác hàng đầu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự địa phương của Đảng. Nội dung công tác quân sự địa phương có rất nhiều vấn đề, chúng ta cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt một số công tác chủ yếu sau đây:

a) *Phải ra sức xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang.* Xuất phát từ đường lối nhiệm vụ cách mạng, đường lối nhiệm vụ quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân của Đảng. Chiến tranh nhân dân phải do toàn dân tiến hành, nhưng phải xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Dân quân tự vệ là một trong ba thứ quân có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ địa phương và phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt xung kích trong sản xuất và bổ sung cho bộ đội. Do đó, Đảng đã xác định dân quân tự vệ là lực lượng chiến lược trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng ở nước ta, là công cụ chuyên chính chủ yếu của chính quyền nhân dân ở cơ sở. Vì vậy, cần phải ra sức xây dựng dân quân tự vệ trở thành một lực lượng mạnh và rộng khắp, đứng đường lối giai cấp, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đi đôi với giáo dục chính trị tư tưởng phải coi trọng việc huấn luyện nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật và củng cố kiện toàn tổ chức cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới, việc củng cố tổ chức trước hết phải kiện toàn các Ban chỉ huy xã đội, đại đội, tăng cường tỷ lệ Đảng, Đoàn, tăng cường phát triển dân quân gái, đưa tỷ lệ dân quân gái lên 30%, đẩy mạnh việc xây dựng đơn vị cơ sở dân quân tự vệ vững mạnh theo tinh thần nghị quyết của Quân ủy Trung ương đã đề ra.

b) *Phải thực hiện tốt công tác động viên tuyển quân* đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiền tuyến, đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của công tác quân sự địa phương, là vấn đề quan trọng có tính chất chiến lược, ảnh hưởng trực tiếp đến sức chiến đấu của bộ

đội ở chiến trường, có quan hệ đến việc thực hiện quyết tâm chiến lược quân sự của Đảng để đánh thắng lợi hoàn toàn trong chiến tranh hiện nay, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã bước vào thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định và cũng là thời kỳ gay go quyết liệt nhất. Do đó, việc bổ sung quân số cho chiến trường cũng rất lớn, yêu cầu rất khẩn trương và phải đảm bảo chất lượng tốt. Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang trong thời kỳ lịch sử này, các cấp ủy ngành cần nhận rõ trách nhiệm của mình trong công tác động viên tuyển quân đảm bảo số lượng đủ, chất lượng cao, đúng thời gian. Công tác động viên tuyển quân là một cuộc vận động chính trị sâu rộng trong quần chúng, giáo dục sâu rộng trong quần chúng tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, tinh thần bình đẳng dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc nhằm phát động quần chúng tham gia chiến đấu giết giặc cứu nước, và khi tiến hành phải có quan điểm quần chúng sâu sắc và theo đường lối quần chúng. Lấy việc giáo dục chính trị tư tưởng nâng cao giác ngộ cho quần chúng làm cho mọi người thấy rõ đi chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước là vinh dự, là trách nhiệm và nghĩa vụ vinh quang đối với Tổ quốc. Phải kiên quyết khắc phục tác phong quan liêu mệnh lệnh, tư tưởng ngại khó, không đi vào những nơi phong trào yếu và dân tộc thiểu số.

Dưới chế độ ta, tất cả mọi hoạt động xã hội đều hướng vào việc xây dựng con người, để ai cũng có trình độ chính trị tư tưởng vững, có kiến thức dồi dào, có thể lực tốt, một thanh niên đến tuổi đi làm nghĩa vụ không phải lúc nào cần ta mới tập trung giáo dục, mà phải chuẩn bị cho họ từ lúc còn thiếu niên. Đồng thời, phải giáo dục cho các lứa tuổi khác đều có nghĩa vụ ủng hộ, khuyến khích giúp đỡ, động viên người đi chiến đấu. Như thế là bất cứ thanh niên nào lên đường chiến đấu đều đã được cả xã hội chuẩn bị về nhiều mặt, từ trong gia đình đến nhà trường, các ngành, đoàn thể, có như thế mới làm cho người đi thấy vinh dự và tình cảm thiêng liêng được đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Phải đẩy mạnh phong trào

“Ba sẵn sàng” của thanh niên, đưa các hành động của thanh niên phục vụ thiết thực nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, phải thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với các gia đình quân nhân thương binh, liệt sĩ. Giáo dục sâu sắc về ba đảm đang và đạo đức mới của người phụ nữ cho các chị em có chồng đi bộ đội. Đây là vấn đề rất lớn không những có ý nghĩa về chính trị mà còn cả về mặt kinh tế và xã hội. Nên chiến tranh càng ác liệt thì càng phải đưa vị trí của công tác chính sách lên đúng với tầm quan trọng của nó. Đây cũng là vấn đề thuộc về lập trường giai cấp, thuộc về quan điểm chung là tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành. Nhân dân ta không hề tiếc sức người sức của cho tiền tuyến. Chỉ cần chúng ta làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn dân và công tác chính sách ở hậu phương nhất định chúng ta sẽ làm tốt công tác vận động tuyển quân đáp ứng với yêu cầu của tiền tuyến.

c) *Đẩy mạnh việc xây dựng củng cố hậu phương căn cứ địa, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, xây dựng làng xã chiến đấu* là trọng tâm của việc xây dựng củng cố hậu phương. Vì là làng xã chiến đấu là pháo đài của chiến tranh nhân dân ở cơ sở, là nơi động viên tổ chức nhân dân đấu tranh toàn diện với địch, là địa bàn đứng chân, là trận địa bố trí sẵn của ba thứ quân và của toàn dân đánh giặc. Xây dựng làng xã chiến đấu trước mắt nhằm chống chiến tranh phá hoại, chống gián điệp, biệt kích bạo loạn và để đối phó với chiến tranh mở rộng. Vì ngày nào còn quân xâm lược Mỹ trên đất nước ta, ngày ấy chúng ta cần phải dự kiến đầy đủ các khả năng của tình hình, xây dựng làng xã chiến đấu không những có tác dụng củng cố quốc phòng mà còn tạo điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương. Nên xây dựng làng xã chiến đấu chính là xây dựng hậu phương căn cứ địa vững chắc cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Trước hết phải xây dựng thật tốt về chính trị, phải ra sức củng cố sự lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở, làm cho mỗi Đảng bộ cơ sở làm tốt hơn nữa việc lãnh đạo quần chúng thực hiện toàn dân vũ trang, toàn dân đánh giặc. Mặt khác, phải

củng cố tốt các đoàn thể quần chúng. Đi đôi với xây dựng về chính trị tư tưởng cho toàn Đảng, toàn dân, cần phải coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh. Trước hết là dân quân tự vệ, vì nó là lực lượng nòng cốt để phát động chiến tranh nhân dân sâu rộng, là cơ sở để tiến hành tốt công tác quân sự và các mặt công tác khác ở địa phương.

Một nội dung rất lớn và thường xuyên trong xây dựng làng xã chiến đấu là phải kết hợp chặt chẽ kinh tế và quốc phòng, phải có kế hoạch xây dựng phát triển kinh tế, phải chăm lo và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa nâng cao đời sống của nhân dân. Muốn có làng xã chiến đấu mạnh cần phải biết cách cải tạo và sử dụng địa hình để đánh giặc. Nên từ việc trồng cây gây rừng, làm giao thông, làm thủy lợi, v.v. đều phải có quy hoạch kết hợp với quốc phòng. Kế hoạch xây dựng phát triển kinh tế phải kết hợp với kế hoạch quân sự. Xây dựng làng xã chiến đấu phải quan tâm đến đẩy mạnh sản xuất, phải gắn liền với các cuộc vận động củng cố vùng cao, định canh định cư, xây dựng xã vững mạnh về chính trị, trật tự an ninh, có như vậy mới tập trung được khả năng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và phát huy được mọi khả năng của các ngành, các giới, mới đưa được phong trào tiến mạnh mẽ vững chắc và toàn diện. Cần nhanh chóng tổng kết xã thí điểm Mường Hum, năm 1970 mỗi huyện thí điểm một xã sau đó từng bước mở rộng.

Hiện nay đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đang bị quân và dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc đánh cho thất bại nặng nề, chúng buộc phải xuống thang chiến tranh từng bước. Nhưng chúng vẫn còn ngoan cố chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta. Để thực hiện được hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Đảng đề ra, chúng ta cần phải làm cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ tầm quan trọng của công tác an ninh, quốc phòng trong tình hình mới. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng và nặng nề, có quan hệ đến vấn đề sống còn của dân tộc. Nó không phải chỉ là vấn đề quân sự thuần túy, hoặc nghiệp

vụ chuyên môn của ngành nội chính, mà nó còn là vấn đề củng cố tăng cường về mặt chính trị, xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương. Để thực hiện tốt công tác đấu tranh chống phản cách mạng, bảo vệ trật tự an ninh, xây dựng lực lượng, củng cố quốc phòng, phải có sự nỗ lực chung của toàn Đảng, toàn dân và của tất cả các ngành, các giới trong bộ máy nhà nước ở tỉnh. Các cấp, các ngành cần quán triệt và ra sức động viên quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra để xây dựng tỉnh ta vững mạnh về mọi mặt, góp phần vào thắng lợi chung của cả dân tộc.

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC - XÂY DỰNG ĐẢNG TẠI ĐẠI HỘI TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI LẦN THỨ V

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã trình bày bản Báo cáo chính trị và phương hướng nhiệm vụ chung. Được sự phân công của Ban Chấp hành Tỉnh ủy tôi xin báo cáo về phần xây dựng Đảng để chứng minh và làm rõ thêm thành tích thắng lợi và nhược điểm tồn tại của phong trào và một số nét cụ thể để Đại hội quyết định phương hướng nhiệm vụ và công tác xây dựng Đảng được đầy đủ toàn diện.

Những năm qua, nhất là 4 năm chống Mỹ, cứu nước phong trào tỉnh ta có nhiều chuyển biến mới, chuyển biến toàn diện: Các lĩnh vực công tác, sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống đều có những bước phát triển mới, có những mặt tiến nhanh, tiến mạnh. Trong bản Báo cáo chính trị đã khẳng định, thắng lợi các năm qua của tỉnh giành được là toàn diện, to lớn, cơ bản và có nghĩa chiến lược. Yếu tố cơ bản nhất, chủ yếu nhất, quyết định giành thắng lợi đó là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Thắng lợi ấy đã chứng minh hùng hồn sự trưởng thành của Đảng bộ và biểu thị nguyên lý bất di bất dịch của chủ nghĩa Mác - Lênin, “Lãnh đạo của Đảng là nguồn gốc của mọi thắng lợi”.

- Sự trưởng thành của Đảng bộ Lào Cai gắn chặt với lịch sử 40 năm đấu tranh anh dũng quật cường của Đảng ta, Đảng bộ Lào Cai ra đời trong cuộc kháng chiến thần thánh của cả nước và lớn mạnh từ cuộc cách mạng xây dựng xã hội chủ nghĩa và trong cuộc

đấu tranh chống Mỹ, cứu nước hơn 20 năm lịch sử ấy Đảng bộ ta đã lãnh đạo các dân tộc anh em đoàn kết chặt chẽ tin tưởng sát đả vào đường lối sáng suốt đúng đắn của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã vượt qua những chặng đường đầy gian khổ gay go khúc khuỷu giành những thắng lợi vẻ vang góp phần xây dựng trang sử chói lọi của thời đại. Thật là nhân dân các dân tộc biên giới anh hùng, nằm trong dân tộc Việt Nam anh hùng. Thật xứng đáng là Đảng bộ Lào Cai lớn mạnh để góp phần vào danh hiệu của Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam anh hùng. Nhìn lại quá khứ ta lại càng tự hào và vô cùng phấn khởi với một niềm tin tưởng phấn đấu giành thắng lợi tương lai. Cách đây không xa mới hơn 10 năm thôi đời sống nhân dân các dân tộc Lào Cai, nền kinh tế - xã hội ở biên giới của Lào Cai đã có những tiến bộ tốt, rất cách mạng, rất lớn lao, cảnh nghèo đói bở cờ bạc, nghiện hút không còn, tệ độc canh đã thay đổi tận gốc, nạn cướp đoạt trắng trợn đã vĩnh viễn xóa bỏ.

Phong trào cách mạng, khí thế cách mạng đã làm cho Lào Cai thay đổi toàn diện, và tiến những bước rất dài, có nền kinh tế phong phú, nông nghiệp phát triển toàn diện và độc đáo. Công nghiệp các mặt được mở mang, khai thác đầy tương lai. Văn hóa - xã hội có những chuyển biến cơ bản lớn lao. Đi đôi với quyền làm chủ đất nước, quyền bình đẳng của nhân dân các dân tộc được bảo đảm, được đề cao. Đảng bộ ta không ngừng lớn mạnh, mỗi lần Đại hội lại chứng minh một bước trưởng thành rõ rệt của Đảng ta. Thành tích về phát triển kinh tế các mặt ở các bản báo cáo trên không những chứng minh phong trào xây dựng kinh tế, xây dựng cuộc sống mà đã khẳng định sự trưởng thành toàn diện và cân đối của Đảng bộ ta.

Lấy số lượng đảng viên mà xem xét thì mặc dù dân số tăng nhanh nhưng các phong trào đã tạo ra những người ưu tú, tiên tiến để bổ sung hàng ngũ Đảng đưa tốc độ đảng viên tiến không ngừng, nay tỷ lệ đảng viên so với dân số đã có 4%, đó là bước

tiến rất dài. Năm 1954 tỷ lệ 3%. Lấy năm 1963 kỳ Đại hội IV mà so thì số đảng viên tăng gấp đôi. Ngày nay toàn tỉnh có đội ngũ đảng viên hơn 7.000 đảng viên và 400 cơ sở rải đều khắp các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, lưu thông phân phối, văn hóa giáo dục đều có chi bộ, nhiều Đảng ủy đã thành lập, không ngừng ở công, nông, lâm trường, xí nghiệp mà ở nông thôn cơ sở. Đảng đã phân bổ đều và lớn mạnh không ngừng, tất cả các xã đều đã có chi bộ, 11 xã đã lập Đảng ủy và một số hợp tác xã đã có chi bộ lãnh đạo, bình quân các xã vùng thấp có 32 đồng chí, vùng cao và giữa có xã 15 đồng chí. 91% hợp tác xã nông nghiệp đã có đảng viên, có tổ Đảng, có chi bộ Đảng lãnh đạo. Trên 7.000 trái tim khối óc đang một lòng một dạ hăng say phấn đấu với mục tiêu vì lý tưởng của Đảng, vì miền Nam ruột thịt, vì xã hội chủ nghĩa ngày đêm lấn lộn khắp nẻo, khắp nơi, vùng cao, vùng thấp, ở trên đỉnh núi cao mây phủ, ở trong tầng hầm sâu chui vào lòng đất, ở những lĩnh vực áp dụng khoa học - kỹ thuật vô cùng mới mẻ phức tạp mà cùng với nhân dân, lãnh đạo nhân dân các dân tộc vững vàng tiến bước xây dựng tỉnh Lào Cai càng thêm giàu đẹp. Bảo vệ biên giới an ninh, thắm tình hữu nghị. Từ đó, càng nổi bật chất lượng cán bộ, đảng viên của Đảng bộ ta, chất lượng lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ Lào Cai ngày càng thêm vững chắc.

Từ đó mà khẳng định đội ngũ cán bộ, đảng viên tỉnh ta đã được tôi luyện, thử thách qua các phong trào cách mạng ở vùng dân tộc là rất mực trung thành, có nhiệt tình cách mạng cao và đang có sức chiến đấu dồi dào, đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đó là vốn quý nhất của Đảng ta và là yếu tố quyết định giành mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng trong tình hình mới.

Đại hội đại biểu kỳ thứ V của toàn tỉnh ta vô cùng tự hào, vô cùng phấn khởi với sự trưởng thành không ngừng của đội ngũ đảng viên của toàn tỉnh.

Kính thưa Đại hội!

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ quan trọng xuyên suốt mọi khâu, mọi lĩnh vực công tác, Đảng mạnh là biểu thị sự lãnh đạo vững vàng, sự chỉ đạo chặt chẽ, vận dụng đường lối, chính sách của trên vào địa phương đúng đắn, đề ra được nhiệm vụ chính trị từng giai đoạn cách mạng phù hợp với từng vùng khí hậu khác nhau, v.v.. Và bất kỳ trong hoàn cảnh lịch sử nào dù thực hiện nhiệm vụ chính trị nào, càng khẩn cấp thì công tác xây dựng Đảng càng phải đặt lên hàng đầu. Lấy công tác xây dựng Đảng làm cơ sở quyết định giành thắng lợi.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV đề ra “Phải ra sức củng cố đi đôi với phát triển Đảng mạnh mẽ, vững chắc. Tổ chức Đảng bám rễ ăn sâu vào phong trào các tầng lớp nhân dân các dân tộc, tăng cường tính chất giai cấp, tính chất tiên phong, tính chất chiến đấu của Đảng”.

- Các năm vừa qua, Đảng ta lãnh đạo xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền núi của hậu phương miền Bắc trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, công tác xây dựng Đảng đề ra một cách cấp bách, khẩn trương, chặt chẽ không những đòi hỏi chất lượng lãnh đạo của Đảng vững vàng đáp ứng mà còn đòi hỏi tổ chức của Đảng phải chặt chẽ, kịp thời. Công tác tư tưởng phải thường xuyên liên tục, sâu rộng, nhạy bén phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống quần chúng và đẩy mạnh ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng văn hóa - tư tưởng).

1. Công tác cơ sở đảng và công tác đảng viên

Quán triệt nguyên lý và phương châm xây dựng Đảng, nhất là các năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, Đảng bộ ta đã đặt vấn đề xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, lấy giáo dục nâng cao quan điểm lập trường giai cấp đề cao cảnh giác cách mạng, thấu

suốt đường lối, chính sách cơ bản của Trung ương Đảng và Chính phủ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên làm trung tâm. Trên cơ sở ấy mà phát huy truyền thống cách mạng, xây dựng khí thế cách mạng tiến công vươn lên mạnh mẽ. Có quyết tâm cao, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, có ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ, từ đó mà khắc phục khó khăn vượt mọi gian khổ, an tâm lao vào vị trí chiến đấu, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi Đảng yêu cầu, khi nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi.

Các năm qua, lúc ở tập trung hoặc dù trong hoàn cảnh phải sơ tán, phân tán, công tác giáo dục học tập xây dựng tư tưởng, xây dựng con người, các Đảng bộ đều tiến hành được thường xuyên, liên tục, sâu sắc với nhiều hình thức phong phú, sinh động. Học từng đợt ngắn, tại chỗ, từng đợt ngắn tập trung, hoặc gắn liền với liên hệ kiểm điểm có phương hướng hành động vừa học vừa làm, nghe nghị quyết (...) * để quán triệt về liên hệ, kiểm điểm đề ra phương hướng tích cực hơn, thật là vô cùng phong phú, sinh động. Từ đó đã tạo một khí thế cách mạng mới với một tinh thần quyết tâm cao. Đã tạo những trí tuệ, sáng tạo ở khắp các vị trí, lĩnh vực. Không chịu bó tay trước khó khăn, khắc phục thiên tai, bám chắc phương hướng của Đảng mà đẩy mạnh sản xuất và giành thắng lợi trong sản xuất nông nghiệp. Vượt trở ngại về thiếu vật tư, thiếu phương tiện kỹ thuật để xây dựng các xí nghiệp mới, để phục vụ đời sống quần chúng. Tuy gay go gian khổ nhưng vẫn có niềm tin vững vàng, đoàn kết chặt chẽ phong trào vẫn vui tươi phấn khởi. Mặc dù bom đạn ác liệt nhưng vẫn hiên ngang cày thẳng hàng. Hợp tác xã nông nghiệp được giữ vững với quy mô lớn hơn. Mặt trận công nghiệp tay cày, tay súng, sản xuất tập thể tấp nập. Mặt trận tay búa, tay súng xây dựng xí nghiệp, mở mang đường sá

* Một số từ trong bản gốc không đọc được. Sau này những từ trong bản gốc bị mờ, không đọc được sẽ được lược bỏ và thay bằng ký hiệu (...) - BT.

nhiều hơn. Nhưng vẫn dành sức người ra tiền tuyến trực tiếp đánh giặc với tỷ lệ thích đáng.

- Đối chiếu với phương châm xây dựng Đảng “Công tác xây dựng Đảng phải nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị”, chúng ta đã thực hiện với tinh thần tích cực. Không những đảng viên mới, mà cả đảng viên cũ cũng đều học tập với tinh thần xây dựng tư tưởng để khắc phục những khuynh hướng, hiện tượng sai trái chúng ta đã đấu tranh một cách liên tục với những hiện tượng tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, cá nhân chủ nghĩa nảy nở, xuất hiện ở các lĩnh vực. Quá trình giáo dục là quá trình đấu tranh và xây dựng.

Các đợt sinh hoạt chính trị được tiến hành liên tục, học từ trong ra ngoài, có lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, chính đó là hình thức xây dựng Đảng với phương châm không tách rời phong trào quần chúng và thực hiện đúng với đường lối quần chúng của Đảng ta. Quần chúng đã tham gia tích cực và xây dựng Đảng một cách đúng đắn.

- Xây dựng Đảng về tư tưởng không tách rời xây dựng Đảng về tổ chức là hai mặt của một nhiệm vụ đã được thể hiện qua các đợt học nghị quyết của Trung ương Đảng lần thứ 11, 12. Học *Di chúc* của Bác và từ đó mà đã xây dựng phương thức chỉ đạo thực hiện của các cấp Đảng bộ và hiệu quả rõ các đợt tập trung dứt điểm của các công trường thủy lợi, giao thông thủy điện, v.v..

Chúng ta đã hoàn thành các đợt giáo dục một cách nhanh gọn, tốt. Về phương pháp tổ chức, tư tưởng, giáo dục cũng đã vận dụng thích hợp với đặc điểm của tỉnh ta. Trường Đảng, Trường quản lý kinh tế của tỉnh ta liên tiếp mở các lớp huấn luyện bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên, không những huấn luyện tại chỗ mà đã tích cực mở các lớp lưu động thích hợp với đặc điểm một tỉnh vùng cao, biên giới.

Tóm lại, công tác tư tưởng được tiến hành mạnh mẽ, sôi nổi và liên tục trong suốt mấy năm qua. Trình độ cán bộ, đảng viên được

nâng cao về nhiều mặt. Quan điểm lập trường giai cấp công nhân, phẩm chất đạo đức cách mạng không ngừng được nâng cao, phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, ý thức tự lực, tự cường và lòng tin tưởng tuyệt đối vào mọi đường lối, chính sách của Đảng, tin tưởng tuyệt đối vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Toàn Đảng bộ chúng ta đều đoàn kết nhất trí và cũng từ đó chúng ta đã đoàn kết được tất cả nhân dân các dân tộc trong tỉnh, toàn thể nhân dân các dân tộc anh em đều đoàn kết chặt chẽ và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng ta. Đó là sức mạnh tuyệt đối vô song về chính trị và tinh thần của Đảng bộ tỉnh ta.

2. Đi đôi với xây dựng Đảng về mặt chính trị, tư tưởng việc xây dựng Đảng về tổ chức cũng được coi trọng. Chúng ta đã lãnh đạo thực hiện ba cuộc vận động lớn trong Đảng ta là: Cuộc vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ cơ sở bốn tốt; cuộc vận động kiện toàn cấp huyện, thị theo tinh thần Nghị quyết số 136-NQ của Trung ương và cuộc vận động bảo vệ Đảng. Các cuộc vận động trong Đảng đều gắn chặt với phong trào quần chúng và cuộc vận động ngoài quần chúng như các cuộc vận động trong thanh niên, phụ nữ, công đoàn, mặt trận, củng cố chính quyền, gắn chặt với phong trào báo công, lập công, v.v.. Điều nổi bật trong các năm qua, nhất là năm 1969, chúng ta đã thực hiện tốt công tác xây dựng, củng cố Đảng đi đường lối quần chúng, vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Những việc đó đã đưa lại nhiều kết quả. Tín nhiệm của Đảng ngày càng cao. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng ngày càng gắn bó chặt chẽ. Cuộc vận động chi bộ và Đảng bộ cơ sở theo yêu cầu bốn tốt đã có tác dụng nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của các tổ chức đảng. Đã từng bước gắn công tác xây dựng Đảng vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, góp phần tích cực hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Cuộc vận động kiện toàn cấp huyện, thị có nhiều chuyển biến ban đầu, cấp huyện, thị ngày càng xác định rõ vị trí trách nhiệm của mình và đang có hướng để phấn đấu vươn lên, củng cố xây dựng Đảng không thể (...) tách rời,

mà ta đã quan tâm xây dựng Đảng với xây dựng tổ chức chính quyền và tăng cường hoạt động đoàn thể quần chúng làm cho hệ thống chuyên chính vô sản không ngừng được củng cố phát triển và lớn mạnh. Kết quả nổi bật nhất là hệ thống tổ chức chính quyền các cấp được củng cố và tăng cường. Ý thức làm chủ Nhà nước của nhân dân được củng cố và bảo vệ chính quyền của nhân dân các dân tộc ngày càng được nâng cao rõ rệt. Vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp ngày càng phát huy tác dụng mạnh mẽ đối với sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống, quần chúng. Đối với cơ sở, cuộc vận động xây dựng chính quyền giải tỏa toàn diện ngày càng đi vào nền nếp và nâng cao chất lượng. Năm 1969 có 33% số xã đạt tiêu chuẩn chính quyền giải tỏa toàn diện. Vai trò hoạt động của các đoàn thể quần chúng cũng có nhiều mặt sôi nổi. Đã tổ chức và giáo dục không ngừng nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng. Đưa quần chúng vào các phong trào thi đua lao động, sản xuất, chiến đấu. Xây dựng đời sống có nhiều kết quả. Các đoàn thể quần chúng ngày càng thể hiện là chỗ dựa của Đảng, là trường học giáo dục rèn luyện quần chúng.

Đi đôi với củng cố chi bộ, công tác phát triển đảng viên mới đã được coi trọng. Từ Đại hội trước tới nay đã kết nạp được 4.607 đảng viên mới, chiếm tỷ lệ 65% so với tổng số đảng viên hiện có. Kết quả công tác phát triển đảng đã làm cho cơ sở đảng không ngừng bắt rễ ăn sâu vào quần chúng nhân dân các dân tộc và các cơ sở sản xuất, công tác. Đã đưa được nhiều tổ, đội sản xuất vào hợp tác xã có đảng viên lãnh đạo. Trước Đại hội lần thứ IV còn 27 xã phải sinh hoạt ghép, tới nay không những các xã đều có chi bộ độc lập, mà còn có 11 xã thành lập được Đảng ủy xã. Tỷ lệ đảng viên so với dân số toàn tỉnh trước Đại hội là 2,3% nay là 3,85%. Riêng nông thôn trước đây là 1,2% nay là 1,7%. Trước Đại hội bình quân một xã có 10 đảng viên nay trên 20 đảng viên. Hầu hết các dân tộc anh em đều có người tham gia Đảng và tỷ lệ đó ngày càng được nâng cao như:

Dân tộc	Trước Đại hội IV	Hiện nay
Mèo	0,7%	1,4%
Mán	1%	2,04%
Tày	3,6%	4,3%
Nùng	1,2%	3,07%
Nhắng	1,3%	2,08%
Hán - Hoa	0,9%	1,2%
Phù Lá	1,9%	2,6%
U Lý	0,8%	1,2%
Thù Lao	0,9%	2%
Pa Dí	2,4%	3,3%

Thực hiện phương hướng và phương châm phát triển đảng nói chung là tốt. Việc phát triển đảng vào lứa tuổi trẻ có nhiều tiến bộ hơn trước. Số đảng viên mới kết nạp thuộc lứa tuổi trẻ (30 tuổi trở xuống) chiếm tỷ lệ 37% so với tổng số kết nạp qua các năm. Do đó, tỷ lệ đảng viên thuộc lứa tuổi trẻ trong tổng số đảng viên hiện nay chiếm 38,8%. Điều đó nói lên rằng đội ngũ đảng viên tỉnh ta tương đối trẻ, khỏe.

Việc phát triển đảng vào phụ nữ cũng có nhiều tiến bộ, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 152, 153 của Trung ương. Các tư tưởng phong kiến, hẹp hòi, coi thường phụ nữ được phê phán và khắc phục dần từng bước. Từ chỗ các mặt trước đây số chị em phụ nữ được kết nạp vào Đảng năm cao nhất cũng chỉ chiếm tỷ lệ từ 8% đến 9% (1962, 1963), từ năm 1967 lên 22,8%, 1968 lên 28%, trước Đại hội nay lên 14% so với tổng số đảng viên.

Tỷ lệ đảng viên thành phần giai cấp công nhân được nâng lên không ngừng nay đã có 27% so với tổng số đảng viên mới kết nạp. Đối chiếu với phương hướng phát triển đảng trước hết là công nhân trực tiếp sản xuất đã được chú ý thích đáng, có tiến bộ.

Việc phát triển đảng vào quần chúng nhân dân các dân tộc cũng được thường xuyên chú trọng. Các cấp ủy Đảng đã quan tâm thích đáng, đã tạo ra phong trào và bắt đầu có hướng chủ động bồi dưỡng nhân tố tích cực đấu tranh khắc phục hiện tượng tư tưởng lạc hậu để tạo điều kiện phát triển đảng. Số số đảng viên mới được kết nạp có 37% là người dân tộc. Từ đó, nâng tỷ lệ chung 33% so với tổng số đảng viên, là đảng viên dân tộc ít người trong Đảng.

Để đảm bảo cho việc xây dựng Đảng đi đúng đường lối giai cấp, đúng phương châm, phương hướng, thi hành đúng Điều lệ Đảng, chúng ta đã coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra. Công tác kiểm tra trong thời gian qua đã tập trung vào kiểm tra cơ sở đảng theo năm nội dung.

Qua các đợt kiểm tra đã giúp cho cấp ủy các cấp đánh giá được đầy đủ và đúng đắn hơn tình hình các cơ sở đảng và đề ra được phương hướng, kế hoạch để tăng cường công tác xây dựng Đảng. Công tác xét xử, kỷ luật cũng được tiến hành tích cực, đã đưa lại nhiều kết quả trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên, nâng cao tính chất giai cấp, tính chất tiên phong, tính chất chiến đấu, phát huy được mặt tích cực, ngăn chặn mặt tiêu cực, đề cao được kỷ luật của Đảng.

Kính thưa Đại hội!

Quá trình phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị là quá trình xây dựng Đảng, phấn đấu thắng lợi nhiệm vụ chính trị, là để biểu thị sự trung thành của Đảng, sự lớn mạnh của Đảng là thắng lợi cơ bản, là yếu tố quyết định của mọi thắng lợi cách mạng. Nhưng phấn đấu xây dựng Đảng là xây dựng con người, phân công phụ trách, có quyết tâm cao đồng thời phải có thời gian và vật chất thích đáng. Đi đôi với những thành tích cơ bản trên, công tác xây dựng Đảng cũng còn bộc lộ mặt nhược điểm và tồn tại dưới đây:

- Công tác xây dựng Đảng chuyển chưa mạnh, chưa đều, có lúc, có nơi chuyển chưa kịp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, có

những mặt, những việc chưa gắn chặt nhiệm vụ chính trị, chưa thực sự là xoắn chặt lấy ba cuộc cách mạng.

Vấn đề này thể hiện trên các mặt như:

+ Lĩnh vực tư tưởng, việc xây dựng đội ngũ đảng viên về mặt phẩm chất đạo đức và tinh thần chiến đấu, thái độ xả thân vì sự nghiệp cách mạng, thái độ triệt để cách mạng, thái độ xả thân chiến đấu, quyết tâm đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống, động viên đóng góp sức người, sức của để phục vụ cho chiến đấu thì chúng ta làm chưa được toàn diện, có nơi có mặt chưa triệt để và chưa đạt tính chất thường xuyên, liên tục, sâu sắc.

Về cải tạo quan hệ sản xuất, hiện nay ở Đảng bộ chúng ta đã tổ chức được 79% số hộ nông dân lao động vào hợp tác xã. Nhưng hợp tác xã còn nhiều khó khăn. Cán bộ và đảng viên ở cơ sở chưa thực sự một lòng một dạ chăm lo xây dựng hợp tác xã. Lo tính toán thu vén cho lợi ích của gia đình mình hơn là lo việc công tác của tập thể. Một số đảng viên còn lợi dụng tham ô nhập nhằng tiền thóc của hợp tác xã (Hiện tượng mắc mưu còn là phổ biến) về tiền thóc của tập thể. Có Ban Đảng ủy xã tới 45% đồng chí mắc nợ và tiền. Quyền làm chủ tập thể của quần chúng không được coi trọng đầy đủ, thiếu chú trọng việc bàn bạc cách làm ăn của hợp tác xã, thiếu công khai rõ ràng về kinh tế, thiếu sòng phẳng và dân chủ trong phân phối, chưa rành mạch, hiện tượng báo cáo chưa thành thật, làm nghĩa vụ chưa đầy đủ chiếm diện khá rộng. Do đó làm ảnh hưởng tới tinh thần phấn khởi của quần chúng.

Nhiều đảng viên còn nặng nề tính toán cá nhân, không gương mẫu làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm một cách nghiêm túc, sòng phẳng. Nhiều nơi đảng viên còn không tham gia lãnh đạo hợp tác xã, phó mặc cho quần chúng và chỉ đóng vai trò làm một xã viên thường. Nhiều cán bộ ở cơ sở lại thiếu tranh thủ tham gia lao động với hợp tác xã. Có đồng chí suốt cả hai vụ chỉ tham gia được

vài công, do đó là quan liêu, buông lỏng hợp tác xã, không sát sản xuất. Thái độ và trách nhiệm như vậy không thể động viên quần chúng hăng hái lao động, sản xuất được. Và không thể xây dựng thái độ lao động xã hội chủ nghĩa được.

Về thái độ công tác, thái độ lao động sản xuất của cán bộ, đảng viên chúng ta trong các cơ quan, các xí nghiệp công, nông, lâm trường chưa tốt. Một tình trạng nghiêm trọng là tinh thần lao động, công tác, sản xuất thiếu gương mẫu. Thái độ tự do, tùy tiện nẩy nở, ý thức làm chủ, dám nghĩ, dám làm yếu, thiếu trách nhiệm trong xây dựng cơ quan, xây dựng tập thể, ỷ lại dựa dẫm trong công tác, rụt rè do dự trong đấu tranh, ngại ngùng đi xuống cơ sở, đi sâu vùng cao, v.v.. Ngày công, giờ công hữu ích còn quá thấp. Có nơi quy tụ lại một ngày làm việc chỉ bảo đảm 3, 4 giờ, bình quân 13 ngày công một tháng. Tình trạng đó khiến cho năng suất lao động quá thấp, hiệu suất công tác quá yếu, công việc không chạy, sản phẩm ít, chất lượng sản phẩm kém. Nhiều nơi còn tình trạng không nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết, rất tùy tiện trong việc thực hiện các nguyên tắc chính sách về quản lý kinh tế, quản lý vật tư, tiền vốn, từ đó mà tạo ra nhiều kẽ hở để phân tử xấu lợi dụng móc ngoặc. Để tư tưởng xấu có đất phát sinh, phát triển, xảy ra hiện tượng lạm dụng lợi dụng, bao che, giấu diếm. Tình trạng tham ô, lãng phí khá nhiều, có nơi coi là trầm trọng nhưng thái độ kỷ luật với người xấu, việc xấu không nghiêm, biểu dương người tốt, việc tốt không làm.

Mục tiêu phấn đấu của nhiệm vụ chính trị thể hiện trong nội dung của chi bộ bốn tốt, đảng viên bốn tốt chưa được bổ sung và nâng cao thường xuyên và chưa được cụ thể, sát hợp với từng vùng sản xuất, từng vị trí lãnh đạo khác nhau của các cơ sở đảng. Thí dụ: mục tiêu phấn đấu đầu tiên của các chi bộ xã vùng thấp là thâm canh tăng vụ, của vùng cao là phải định canh định cư tăng vụ, trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, chống đốt phá rừng, của xí nghiệp, doanh nghiệp và quản lý kinh tế, quản lý vật

tư hàng hóa, của cơ quan là ba cải tiến, năng suất lao động, hiệu suất công tác cao, v.v.. Chính vì chưa xoắn chặt với nhiệm vụ chính trị, chưa bám nhiệm vụ chính trị làm mục tiêu phấn đấu, do đó công tác xây dựng Đảng có lúc còn chung chung, chạy quanh nhiệm vụ chính trị, chưa giải đáp đúng vào những vấn đề thiết yếu nhất mà nhiệm vụ chính trị đòi hỏi.

Một số đảng viên, cơ sở đảng còn nặng tính toán cá nhân, cục bộ, lệch lạc trong nhiệm vụ đóng góp nghĩa vụ đối với tập thể, đối với Nhà nước hoặc chế độ hợp đồng tác chiến không tôn trọng nên đã gây khó khăn cho Đảng, cho Nhà nước. Có một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu, con em mình đi nghĩa vụ để chiến đấu hoặc bản thân một số đảng viên còn bỏ ngũ về nhà nên đã làm ảnh hưởng không tốt tới tư tưởng, hành động yêu nước và khí thế chiến đấu của quần chúng nhân dân các dân tộc.

+ Trong công tác xây dựng Đảng một số nơi chưa quán triệt đầy đủ tinh thần giai cấp, tính chất tiên phong và các nguyên tắc Điều lệ Đảng. Do đó còn có tình trạng cảm tình nể nang trong công tác phát triển đảng cũng như đấu tranh đoàn kết nội bộ. Qua sơ bộ kiểm tra một số nơi có hiện tượng kết nạp ẩu. Có nơi tới 15% số người kết nạp chưa đủ tiêu chuẩn hoặc 19% sai phạm về nguyên tắc thủ tục. Tình trạng sai phạm về nguyên tắc thủ tục là khá phổ biến, nó thể hiện chưa nắm vững và còn tùy tiện trong việc chấp hành nguyên tắc Điều lệ Đảng. Nhiều đảng viên mới kết nạp động cơ vào Đảng chưa đúng, sự hiểu biết về Đảng còn rất yếu. Một số chi bộ không sinh hoạt, chi bộ 2 năm không phát triển được đảng viên mới nào, do đó đã ảnh hưởng đến phương hướng phát triển đảng, phương châm củng cố xây dựng Đảng.

+ Một vấn đề không bình thường trong Đảng bộ chúng ta hiện nay là tình trạng nội bộ một số nơi mất đoàn kết, có nơi ở mức độ nghiêm trọng và kéo dài, vấn đề này không những làm tổn thương tới tình đồng chí, mà nguy hại hơn là sinh ra tình trạng lỏng lẻo

trong công tác, mất phương hướng chỉ đạo tư tưởng, tản mạn mục tiêu phấn đấu, ảnh hưởng không nhỏ đến xây dựng cơ quan, bộ máy nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảng viên và quần chúng thiếu tin tưởng và phấn khởi. Nguyên nhân gì mà gây ra mất đoàn kết? Tất nhiên có thể do lề lối làm việc thiếu tập thể, dân chủ, nhưng nguyên nhân chính là bệnh cá nhân chủ nghĩa biểu hiện ở mặt kèn cựa địa vị, quyền anh, quyền tôi, gây ảnh hưởng cá nhân, v.v.. Việc rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống cách mạng, cần cù, giản dị, lành mạnh, tuy có được chú ý nhưng chưa được thực sự đầy đủ và kiên quyết. Một số cán bộ, đảng viên còn lợi dụng tham ô tiền của, hàng hóa, vật tư của Nhà nước, bị những phần tử xấu lợi dụng móc ngoặc, moi vét hàng hóa, vật tư của Nhà nước. Một số đồng chí sai phạm về hủ hóa... Qua việc xét xử kỷ luật thì tỷ lệ cán bộ, đảng viên sai phạm về phẩm chất đạo đức chiếm 54% so với tổng số vụ kỷ luật. Qua vấn đề trên cho chúng ta thấy vấn đề quản lý cán bộ, quản lý đảng viên còn rất lỏng lẻo và thực hiện phương châm của Đảng là dẫn trước ngừa sau, tận tình thân ái giúp đỡ nhau sửa chữa sai lầm còn yếu và thiếu. Còn tình trạng buông lỏng kỷ luật của Đảng. Nhiều trường hợp để kéo dài không xử lý kỷ luật kịp thời hoặc bỏ qua, làm cho kỷ luật của Đảng thiếu nghiêm túc.

+ Chúng ta chỉ đạo công tác xây dựng Đảng chưa gắn chặt với công tác xây dựng và thường xuyên tới các tổ chức quần chúng, chưa chăm lo đầy đủ và trước là đối với đoàn thanh niên. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng mà Đảng là người lãnh đạo, Đảng ta không thể đơn độc thoát ly quần chúng, cũng không thể làm thay đổi quần chúng được. Sức mạnh vô địch của Đảng chính là ở chỗ Đảng ta gắn chặt với quần chúng, được quần chúng tin tưởng, ủng hộ và bảo vệ. Quần chúng của chúng ta rất cách mạng, có lòng tin tưởng tuyệt đối vào Đảng. Nhưng chúng ta chưa quan tâm đầy đủ, chưa biết sử dụng năng lực và nhiệt tình

quý giá đó tham gia xây dựng Đảng. Do đó các tổ chức quần chúng chưa làm được vai trò và chức năng là trường học giáo dục rèn luyện quần chúng, cung cấp cho Đảng những người đảng viên ưu tú và làm chỗ dựa vững chắc cho Đảng. Chính vì các tổ chức quần chúng yếu nên đã ảnh hưởng tới nhiều mặt của công tác xây dựng Đảng.

Công tác xây dựng Đảng là công tác vận động, giáo dục, là công tác rèn luyện xây dựng con người cách mạng, nó mang tính chất khoa học xã hội, đòi hỏi với tinh thần tận dụng sáng tạo rất cao, không thể rập khuôn, không thể sách vở. Nhưng quá trình thực hiện đường lối, phương châm, phương thức xây dựng Đảng vào tình hình đặc điểm của tỉnh Lào Cai ta là một tỉnh vùng cao biên giới nhiều dân tộc còn yếu, còn thiếu nhiều mặt, có mặt, có việc chưa quán triệt được trong cuộc vận động, thiếu sơ kết, tổng kết từng mặt, từng việc, do đó mà chưa làm tốt bồi dưỡng nâng cao kiến thức về nguyên lý, nguyên tắc xây dựng Đảng cho toàn Đảng bộ, và ảnh hưởng đến trách nhiệm đội ngũ cán bộ, đảng viên kể cả trình độ lý luận, trình độ kiến thức nay còn tới 200 đảng viên chưa biết chữ, nhất là trình độ quản lý kinh tế và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo quá yếu.

3. Về công tác cán bộ

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đã đề ra là: Công tác cán bộ phải đặt thành một nhiệm vụ hết sức quan trọng, khẩn trương, nhưng phải toàn diện, vững chắc, đảm bảo đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài. Chú ý đào tạo cân nhắc bồi dưỡng cán bộ trẻ, song phải chú ý phát huy tác dụng của cán bộ hoạt động lâu năm, cán bộ nữ, đặc biệt coi trọng đội ngũ cán bộ địa phương. Tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế, tiến hành phân cấp quản lý cán bộ, chú ý công tác bảo vệ sức khỏe của cán bộ.

Thực hiện nghị quyết trên, trong các năm qua chúng ta đã phấn đấu đạt nhiều kết quả. Song song với sự phát triển của nền

kinh tế, các mặt đội ngũ cán bộ của tỉnh ta đã lớn mạnh không ngừng cả về số lượng và chất lượng.

+ Lấy thời điểm từ 1963 đến 1969 so sánh thì tổng số cán bộ, công nhân viên nhà nước tăng gấp 2 lần, trong đó nữ tăng hơn 3 lần, chiếm hơn 1/3 so với tổng số biên chế, cán bộ dân tộc tăng gấp 2 lần, cán bộ khoa học - kỹ thuật không ngừng tăng lên với tốc độ cao hơn gần 10 lần, chiếm tỷ lệ (%) so với đội ngũ chung.

+ Cán bộ lãnh đạo ở tỉnh, huyện không những bổ sung về số lượng và chất lượng được tăng lên từng bước, phân tích các lãnh đạo cấp trưởng ở tỉnh bình quân tuổi đời 45 tuổi, bình quân về trình độ văn hóa là 7,3 lớp (cấp II có 56%, cấp III có 47%), có 19% có trình độ khoa học - kỹ thuật, ngót 60% đã phục vụ ở Lào Cai từ 15 năm trở lên, ngót 1/3 đồng chí từ 5 đến 10 năm ở Lào Cai, về dân tộc thì có tới trên 29% là người dân tộc thiểu số, trong đó có 50% là cán bộ dân tộc địa phương.

+ Cán bộ lãnh đạo cấp huyện, thị. Không ngừng được tăng cường về số lượng so với khóa 1966-1967 đã tăng hơn 58% tỷ lệ cấp ủy nữ từ 7,2% lên 12%, tỷ lệ dân tộc tăng từ 42% lên 51%, nói chung các huyện, thị đều đã có đồng chí là người dân tộc tham gia lãnh đạo chủ chốt ở địa phương. Quá trình phấn đấu là quá trình rèn luyện, bồi dưỡng và bổ sung chất lượng, đội ngũ cán bộ ở cơ sở, trình độ và nguồn đào tạo, bổ sung cán bộ lớn nhất cho phong trào và là nơi thao trường để rèn luyện phát huy khí thế nhiệt tình cách mạng, chí sáng tạo của Đảng, hiện nay ở cơ sở không những đã có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo phong trào vững mạnh mà còn đang hình thành đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế thành thạo, cán bộ vận dụng kỹ thuật thuần thục. Riêng Ban chỉ ủy nông thôn hai huyện: Bảo Thắng, Mường Khương đã có trên 280 cán bộ cốt cán của Đảng bộ cơ sở đang từng bước có lớp trẻ trưởng thành đảm đương nhiệm vụ, bình quân tuổi đời khoảng trên 38 tuổi so với ba khóa về trước đều mỗi khóa trẻ lại từ 0,5 đến 1 tuổi, tuy chưa đạt yêu cầu nhưng đã là tiến bộ lớn đối với hoàn cảnh tỉnh ta và trình

độ văn hóa ngày càng được nâng lên, có điểm khác nhau giữa vùng cao và vùng thấp ở Bảo Thắng bình quân 3 lớp, Mường Khương thì bình quân 1,7 lớp. Các xã ở xa, ở cao hơn văn hóa thấp hơn, La Pán Tẩn bình quân 0,5 lớp, Tả Thàng 0,3 lớp, số bí thư không biết chữ còn chiếm 20% so tổng số bí thư xã, nếu tính từ lớp 1 trở lại thì còn chiếm 50% so tổng số bí thư xã... Đó là nhược điểm của xã hội cũ để lại. Trong tình hình của đội ngũ cán bộ xã và từ là một nhiệm vụ nặng nề nhưng vô cùng vẻ vang, đặt ra cho Đảng bộ ta. Nhưng điều thuận lợi cơ bản quý giá nhất là cán bộ xã ta, nhân dân các dân tộc tỉnh ta vốn có lòng tha thiết tin yêu Đảng, có nhiệt tình cách mạng cao, đã vượt khó khăn thử thách trong khói lửa, trong lúc quyết liệt về tư tưởng đã bảo đảm thì triển vọng vươn lên có nhiều khả năng để khắc phục nhược điểm chủ quan, tiến vượt lên đảm nhận nhiệm vụ mới.

+ Tỉnh ta, đội ngũ cán bộ tỉnh ta đã bắt nguồn ăn sâu vào phong trào, đã sâu sát và trưởng thành từ phong trào và yêu cầu của phong trào cách mạng của tỉnh Lào Cai mà có. Mặc dù một số lớn cán bộ hiện nay là ở nơi khác đến, nhưng cũng đã do phong trào cách mạng của Lào Cai và do trí tuệ của nhân dân các dân tộc Lào Cai rèn luyện, bồi dưỡng nay đã trưởng thành cùng với phong trào đã xây dựng hoàn thành sự nghiệp cách mạng, nhiệt tình cách mạng, một lòng một dạ vì sự nghiệp cách mạng ở miền núi biên giới, yên tâm phấn đấu. Đồng thời, trưởng thành với phong trào chung, đội ngũ cán bộ từ phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc Lào Cai đã bồi dưỡng rèn luyện cung cấp cho phong trào ngày càng đông đảo anh chị em cán bộ thiếu số ở địa phương hiện nay đang vươn lên đảm nhiệm những nhiệm vụ nặng nề của sứ mạng lịch sử và nhân dân các dân tộc tin cậy là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở miền núi, xây dựng cuộc sống của nhân dân các dân tộc.

Đội ngũ cán bộ của tỉnh ta xuất phát từ một nguồn là sản phẩm của phong trào cách mạng, là con em ưu tú của đại gia đình

dân tộc Việt Nam anh hùng, tuy có mặt ưu, mặt khuyết, có mặt mạnh, mặt yếu khác nhau, qua đấu tranh và sẽ cùng nhau khắc phục và quá trình đó sẽ đoàn kết phấn đấu để từng bước tiến vượt, tiến mạnh hơn, nhiều đồng chí đã đi sâu để học, đi liền tình hình phong trào tập quán và học tiếng dân tộc, đã làm tốt nhiệm vụ phục vụ dân tộc. Nhiều đồng chí đã thể hiện trí thông minh, tài vận dụng, tập hợp đảng viên tình cảm giai cấp để tổ chức phong trào cách mạng ở địa phương nên đã say sưa công tác, chan hòa, khiêm tốn học tập, đã có những tiến bộ không ngừng. Đó là vốn quý của Đảng ta, là thành tích cơ bản của phong trào tỉnh ta, là sức mạnh của Đảng ta là một sự đảm bảo quan trọng nhất cho sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng ở miền núi từ trước đến nay và mãi mãi về sau này.

+ Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đã được bổ sung với tốc độ cao. Đã chứng minh sự quan tâm thích đáng của Trung ương Đảng và Chính phủ, đối với miền núi và tư tưởng phấn đấu của Đảng bộ ta (tích cực cử cán bộ đi học, bản thân cán bộ nỗ lực học tập) so về số lượng từ năm 1963 đến nay đã tăng gấp 10 lần, đội ngũ cán bộ cao cấp tăng nhanh hơn so với năm 1965 thì năm 1969 tăng hơn 2 lần, trong đó tỷ lệ như, tỷ lệ dân tộc và tỷ lệ đảng viên đều được nâng lên khá cao, nữ 4,5%, dân tộc 4%, đảng viên 43% so với đội ngũ cao cấp đáng chú ý đã có gần 40% là cán bộ dân tộc thiểu số ở địa phương trong đội ngũ cao cấp dân tộc. Đây là một bước trưởng thành lịch sử của phong trào cách mạng Lào Cai. Nếu phân tích về đội ngũ cán bộ kỹ thuật trung cấp thì các tỷ lệ trên có mặt cao hơn. Đặc biệt, hiện nay mặc dù trình độ văn hóa của thanh niên dân tộc tỉnh ta chưa cao nhưng chúng ta đã chủ động kiên trì và tích cực đào tạo một đội ngũ cán bộ kỹ thuật trung cấp để đáp ứng các mặt yêu cầu khẩn thiết của đời sống, của phong trào cách mạng đòi hỏi, như đã đào tạo từ không biết chữ lên có trình độ văn hóa tương đương, để tiếp nhận kỹ thuật trung cấp ngành y, ngành giáo là một điều vô cùng khó khăn.

Mấy năm qua Đảng bộ ta đã tích cực cử cán bộ, nhân viên đi học các trường lớp chính quy do Trung ương mở, và đã cử nhiều con em đi đào tạo các loại ngành nghề, trong đó con em các dân tộc địa phương ngày càng cao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật đã được Đảng bộ quan tâm đúng mức, ngoài số trên đã nói ta còn tích cực mở lớp đại học tại chức và bố trí cán bộ tham gia học hàm thụ.

+ Đội ngũ cán bộ xã cũng đã được bồi dưỡng nhiều mặt cho phù hợp và thích ứng với yêu cầu đòi hỏi như học văn hóa, học kỹ thuật, học quản lý kinh tế, bằng nhiều hình thức khác nhau, học tập trung, học tại chức, học tại trường, học ở khu vực. Tỉnh có trường văn hóa cấp II, ở huyện có trường cấp I. Đó là những hình thức biện pháp bồi dưỡng sinh động và tích cực của tỉnh ta, nhưng quan tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc ở một tỉnh mang nặng tính chất độc canh, du canh, không biết chữ, nói tiếng phổ thông chưa thạo là một vấn đề khó khăn lâu dài, đòi hỏi rất sinh động về hình thức, rất kiên trì về tư tưởng, rất cân đối về học tập, vận dụng phương pháp vừa học vừa làm tiến dần từng bước, tiến dần từng mặt. Hình thức vừa học vừa làm của Trường Thanh niên dân tộc và Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung hiện nay là rất phù hợp với tâm tư, trình độ thanh niên các dân tộc vùng cao, vùng thấp của tỉnh ta, và cũng là hình thức đào tạo bồi dưỡng nhanh và tốt nhất của phong trào, cần được vận dụng và quan tâm lãnh đạo trong thời gian tới.

Riêng về nhiệm vụ và phương hướng đào tạo cán bộ dân tộc đã được quan tâm đúng mức. Đội ngũ cán bộ ngày càng phát triển. Lực lượng cán bộ dân tộc trong đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đã được tăng cường. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các ngành, các cấp đã trưởng thành từng bước. Tổng số cán bộ, nhân viên người dân tộc năm 1969 so với năm 1963 tăng 182%. Hiện nay, cán bộ dân tộc chiếm 22% trong tổng số trưởng, phó ty và tương đương, trong 56% số bí thư và chủ tịch huyện, thị. Trong số người cử đi đào tạo

thì ở hệ đại học có 4% là dân tộc, hệ trung học có 32%, sơ cấp 42%. Nói chung trong công tác cán bộ dân tộc ta đã thực hiện tương đối tốt phương châm: Tích cực đào tạo, kiên trì bồi dưỡng, mạnh dạn sử dụng, giao việc thì tin tưởng, quan hệ thành thật, giúp đỡ tận tình, đã chú ý tới đặc điểm của từng vùng, từng nơi, từng dân tộc.

+ Công tác sử dụng, đề bạt và quản lý cán bộ đã được quan tâm và có những bước tiến mới. Trong công tác cán bộ đã chú ý tới cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Từ khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 152, Nghị quyết số 153 trong Đảng bộ các cấp, các ngành đã có nhiều chuyển biến. Đã chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cất nhắc cán bộ nữ vào các cương vị lãnh đạo từ cơ sở đến các huyện, tỉnh. Thí dụ: hiện nay ở cấp xã có 35% chị em phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân và 25% tham gia Ủy ban hành chính. Ở huyện, thị 4,9% tham gia Hội đồng nhân dân và 26% tham gia Ủy ban hành chính. Các huyện, thị đều có phụ nữ làm phó chủ tịch, 9,6% phụ nữ tham gia vào các Ban Huyện ủy khóa 1970 này (mới có số liệu của năm huyện đã bầu khóa mới). Ở tỉnh có 33% tham gia Hội đồng nhân dân và 13% tham gia Ủy ban hành chính. Trong số đề bạt trưởng phó phòng và tương đương có 9,5% là nữ. Số người cử đi đại học là nữ 36,5% ở hệ trung học và 43% ở hệ sơ cấp...

- Công tác cán bộ không những đáp ứng yêu cầu phát triển ở địa phương mà còn đáp ứng yêu cầu phục vụ cho chiến đấu. Tỉnh chúng ta cũng đã cung cấp nhiều cán bộ và chiến sĩ cho chiến trường B, C theo yêu cầu của trên. Các đơn vị và các đồng chí đi đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, lập được nhiều thành tích vẻ vang. Đó là sự tự hào của nhân dân các dân tộc của tỉnh ta, tự hào về nghĩa vụ của địa phương đối với tiền tuyến.

Tóm lại, trong các năm qua, nhiệm vụ phục vụ cho chiến đấu và phát triển kinh tế địa phương đòi hỏi công tác tổ chức cán bộ rất lớn. Đồng thời chỉ trong vòng 4 năm mà hai lần chuyển hướng kinh tế, bản thân công tác tổ chức cán bộ lại là công tác do từ nhiệm vụ chính trị quyết định. Tức là phải đi sau

khi có nhiệm vụ chính trị. Từ đó đã nảy sinh nhiều khó khăn. Nhưng trong công tác tổ chức cán bộ, chúng ta đã có nhiều cố gắng vươn lên, công tác cán bộ và công tác tổ chức bộ máy đã phục vụ tích cực cho nhiệm vụ chính trị, đáp ứng được một phần lớn yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu của cách mạng đòi hỏi và trong quá trình trưởng thành phát triển, công tác tổ chức cán bộ cũng còn những nhược điểm và khuyết điểm chính dưới đây:

+ Công tác đào tạo bồi dưỡng:

- Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ chưa thực sự chủ động và gắn chặt với nhiệm vụ chính trị. Do đó không chủ động phục vụ kịp thời cho việc phát triển kinh tế địa phương. Trong công tác này thường bị động chạy theo yêu cầu trước mắt chưa có kế hoạch một cách chủ động.

- Vị trí của công tác cán bộ chưa quán triệt đầy đủ trong toàn Đảng và các cấp, các ngành, chưa thấy hết đầy đủ trách nhiệm của mình. Mỗi ngành, mỗi cấp phải có ý đồ, có kế hoạch đào tạo cán bộ cho ngành mình. Trong thời gian qua chúng ta chưa có kế hoạch lâu dài cũng như kế hoạch từng thời gian để có quyết tâm tập trung công sức đào tạo cho có hiệu quả. Trong đào tạo thường mới nặng về việc cho cán bộ đi học tại các trường tập trung, việc đào tạo tại chức, đào tạo từ cơ sở và kèm cặp trong công tác còn yếu. Ngay như sau khi ở trường ra việc quản lý theo dõi tiếp tục bồi dưỡng để sử dụng cũng ít chú ý còn nặng tư tưởng ăn sẵn chưa có ý thức chủ động đào tạo bồi dưỡng từ những người xuất thân từ thành phần công nông trung thành ưu tú của phong trào, do đó dễ đưa đến lệch lạc về đường lối cán bộ của Đảng.

Chính vì chưa có quy hoạch rõ ràng, cho nên việc đào tạo cán bộ của ta vừa qua cũng chưa được toàn diện và cân đối, trong thời gian qua ta đã tập trung và chú ý đào tạo cán bộ chuyên môn nghiệp vụ khoa học - kỹ thuật còn đối với việc đào tạo cán bộ quản lý kinh tế thì yếu. Do đó, đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế của

tình ta còn yếu và thiếu rất nhiều, kể cả từ cơ sở trở lên. Ngay trong việc đào tạo cán bộ kỹ thuật ta cũng mới chỉ chú ý tới kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, còn kỹ thuật về nghề rừng chưa chú ý đúng mức.

Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở cũng còn rất yếu, chưa được coi trọng đúng mức, ngân sách dành cho việc đào tạo hằng năm đều không sử dụng hết.

- Trong công tác cán bộ nói chung chưa thực hiện tốt việc bồi dưỡng đi trước một bước, đào tạo chưa gắn chặt với bồi dưỡng, bồi dưỡng chưa sát hợp, chưa thường xuyên liên tục. Do đó có những trường hợp xáo trộn cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ nữ yêu cầu phải được chú ý bồi dưỡng thích hợp, kịp thời. Vì xuất phát từ chỗ chưa làm tốt vấn đề thường xuyên bồi dưỡng nên khi nghiên cứu mạnh việc mạnh bạo đề bạt sử dụng thì dẫn tới bị động lúng túng.

Việc chấp hành đường lối, chính sách cán bộ của Đảng còn nhiều biểu hiện cũ kỹ chưa phù hợp với sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ mới, vận dụng tiêu chuẩn đức tài còn lệch lạc khắt khe, hẹp hòi, lỏng lẻo, quản lý cán bộ nhiều mặt yếu, nên trong nhận xét, đánh giá sử dụng cán bộ còn chưa sâu, chưa đúng, chưa khách quan và thực sự cầu thị do đó có ảnh hưởng đến phong trào chung nhất là cơ sở nông thôn còn quá yếu. Đối với các trường đào tạo chúng ta chưa làm tốt công tác chính trị. Giáo viên chính trị trong các trường rất thiếu và cơ sở đảng rất yếu. Đội ngũ giáo viên (kể cả các trường phổ thông bổ túc và trường nghiệp vụ) là đội quân chủ lực trên mặt trận tư tưởng và văn hóa kỹ thuật nhưng lại chưa được sự quan tâm bồi dưỡng giáo dục đầy đủ, kể cả việc phát triển đảng và đoàn vào đội ngũ giáo viên nay cũng chưa được chú ý, chất lượng cán bộ đào tạo ra còn yếu.

Về nội dung giảng dạy ở các trường cũng chưa gắn chặt giữa lý luận với thực tiễn. Đối với các trường phổ thông có thiên hướng nặng về lý luận sách vở một cách chung chung mà chưa gắn chặt giữa việc giáo dục lý thuyết sách vở ở trường với thực tế xã hội bên

ngoài ngay tại địa phương ấy. Đối với các trường chuyên nghiệp nội dung giảng dạy chưa gắn chặt với yêu cầu nhiệm vụ kỹ thuật đối với từng vùng kinh tế đối với từng loại cây, con, v.v.. Do đó phát huy kiến thức đã học với yêu cầu phục vụ kinh tế địa phương tác dụng bị hạn chế.

- Vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc tuy có tiến bộ nhưng tốc độ so với tốc độ chung rất chậm, tỷ lệ so với tỷ lệ chung còn quá thấp, nhất là đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật, người dân tộc còn rất yếu do quyết tâm chưa cao, còn tư tưởng ngại khó. Chúng ta phải mạnh dạn đề bạt nhưng cũng không nên đốt cháy giai đoạn. Phải tạo điều kiện để làm tốt việc đào tạo. Nếu chỉ chú ý đề bạt mà nhẹ bồi dưỡng thiếu nhiệt tình giúp đỡ thì không kết quả mà lại làm cho cán bộ lúng túng bị quan tiêu cực. Vận dụng phương châm mạnh dạn kiên trì đối với công tác đào tạo cán bộ, công nhân, dân tộc là rất quan trọng. Hiện nay, phương pháp và kế hoạch đào tạo cán bộ dân tộc còn nhiều lúng túng, tư tưởng ngại khó, đơn giản, hoặc máy móc rập khuôn thiếu đi sâu đi sát vào tâm tư tình cảm của cán bộ dân tộc để giải quyết cho có tình có lý.

- Về tổ chức bộ máy đã có nhiều cố gắng trong việc đào tạo cán bộ cho các ngành các cấp. Khi chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến đã kịp thời lập thêm một số bộ máy mới để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu và một số yêu cầu mới. Nhưng một tồn tại lớn hiện nay là tình hình bộ máy biên chế trong mấy năm qua tăng rất nhanh. Có những bộ máy và biên chế do yêu cầu cần thiết của thời chiến phải tăng nhưng nay trong tình hình mới có thể phải thu gọn lại. Đồng thời cũng có một nguyên nhân là do tính toán chưa kỹ, thiếu cân nhắc toàn diện giữa yêu cầu trước mắt và lâu dài, áp dụng sự hướng dẫn của trên một cách rập khuôn và cũng do tư tưởng quy mô hình thức nên làm cho bộ máy biên chế phình ra một cách quá mức, sinh công kênh. Năm 1969 so với 1964 bộ máy các ty, ngành và

tương đương tăng từ 43 đến 61 đơn vị, tỷ lệ 141,86%. Bộ máy cấp phòng ở tỉnh từ 48 lên 125 đơn vị, tỷ lệ 260,41%. Cấp phòng ở huyện từ 93 lên 175, tỷ lệ 148,57%. Biên chế năm 1969 so với 1964 cũng tăng lên 214,11%. Bộ máy và biên chế tăng để ra nhiều đầu mối trung gian, làm cho sự lãnh đạo công kênh, chậm chạp, nạn quan liêu giấy tờ hội họp quá nhiều. Biên chế hành chính sự nghiệp tăng quá cao, biên chế gián tiếp sản xuất ở các đơn vị sản xuất tăng vượt quá xa mức quy định của Trung ương. Có nơi tăng tới 40%. Năng suất lao động quá thấp, hiệu quả kinh tế cũng thấp, sản xuất phát sinh trì trệ, làm không đủ ăn.

- Lề lối làm việc và tác phong lãnh đạo còn nhiều sự vụ luộm thuộm và quan liêu. Tình hình khá phổ biến hiện nay là làm việc thiếu dân chủ, thiếu tập thể, không tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Không tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng. Cũng do thiếu dân chủ, thiếu tập thể nên tập trung cũng không cao. Ngược lại nếu như tập trung không cao thì dân chủ cũng không được thực sự đầy đủ. Vấn đề tổ chức thực hiện là vấn đề cũng còn rất yếu. Nhiều chỉ thị, nghị quyết không được tổ chức học tập quán triệt đầy đủ, còn tùy tiện trong việc nghiên cứu học tập thảo luận. Từ đó mà sự nhất trí chưa cao nên khi thực hiện thì thiếu quyết tâm, thiếu triệt để. Đồng thời, trong quá trình thực hiện lại buông lỏng việc kiểm tra đôn đốc, không bỏ khuyết kịp thời, thiếu sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm do đó nhiều việc bị buông trôi, chưa xây dựng chế độ chỉ đạo riêng, chỉ đạo điển hình, nhân điển hình thành một nguyên tắc trong lãnh đạo. Phạm vi trách nhiệm giữa Đảng và chính quyền Đảng đoàn và thủ trưởng cơ quan chưa có, nên vừa chưa sát hay chưa đầy đủ vai trò tổ chức chính quyền và tổ chức quần chúng nên chưa tăng cường đúng mức chất lượng lãnh đạo của Đảng.

Những tồn tại trên do mấy nguyên nhân chính:

- Về mặt khách quan: Trong 4 năm mà hai lần chuyển hướng kinh tế, bản thân công tác tổ chức là công tác đi sâu nhiệm vụ chính

trị, đồng thời trước yêu cầu của nhiệm vụ mới đòi hỏi rất lớn, công tác tổ chức cán bộ đáp ứng không kịp thời. Trong các năm qua, các cơ sở sản xuất công, nông, lâm nghiệp và doanh nghiệp phát triển nhanh, bộ máy tăng nhanh, con người tăng nhanh yêu cầu đòi hỏi phải cao hơn nhưng trình độ lãnh đạo quản lý kinh tế, kiến thức về kỹ thuật của cán bộ ta còn yếu yếu cầu khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế đòi hỏi tỷ mỉ, tinh tường nắm nguyên tắc vững vàng. Nhưng trình độ lãnh đạo tư tưởng của ta thường theo cách làm ăn nông nghiệp giản đơn, do đó phát sinh ra nhiều khuyết nhược điểm.

Nguyên nhân quan trọng là về chủ quan chi phối, về quan điểm nhận thức chưa thật quán triệt đường lối tổ chức cán bộ của Đảng. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách chưa được đầy đủ, một số vấn đề tổ chức về công tác cán bộ không vận dụng đường lối, phương châm trong tình hình mới chưa được nghiên cứu đề cập hoặc tổng kết chỉ đạo cho sát với sự chuyển biến của tình hình các bộ môn làm công tác xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy chưa làm đầy đủ trách nhiệm tham mưu, chưa giúp cấp ủy làm quán triệt nhiều vấn đề về công tác xây dựng Đảng, đã có đề ra chỉ đạo thực hiện được tốt do không hiểu trình độ kiến thức còn yếu.

Những khuyết nhược điểm tồn tại trên là thể hiện những khuyết nhược điểm trong quá trình phát triển đi lên, chúng ta có đủ điều kiện để khắc phục, quyết tâm, làm cho công tác tổ chức cán bộ có những bước chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa.

Phần thứ nhất

ĐỀ NGHỊ MỘT SỐ BIỆN PHÁP LỚN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC - XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về công tác xây dựng Đảng

Đứng trước yêu cầu đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới năm 1970-1972 là rất lớn. Công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức

cán bộ có nhiệm vụ nặng nề, vô cùng vẻ vang: Phải làm cho toàn Đảng quán triệt và chuyển biến về tư tưởng, hành động, đáp ứng với tình hình nhiệm vụ mới, lấy xây dựng Đảng - tổ chức bộ máy để bảo đảm thực hiện được tốt các mặt yêu cầu nhiệm vụ chính trị và để học tập và làm theo *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đẩy mạnh công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đánh bại âm mưu ngoan cố của Níchxơn tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Ta phải tiếp tục chi viện kịp thời cho tiền tuyến bảo đảm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai.

- Ra sức khắc phục hậu quả của chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế địa phương, đưa sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa tiến lên những bước mới.

- Đẩy mạnh cuộc vận động làm chủ tập thể của quần chúng nông thôn, đưa phong trào lao động sản xuất rộng lớn tập trung sức phát triển sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng chăm lo đời sống của quần chúng.

- Để làm tốt các nhiệm vụ trên 2 năm tới 1970-1971 toàn Đảng phải quán triệt Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh.

- Xây dựng, củng cố phát triển là nhiệm vụ cơ bản hàng đầu có tầm quan trọng quyết định đối với mọi thắng lợi của cách mạng.

- Ra sức nâng cao chất lượng đảng viên, làm cho toàn thể đảng viên xứng đáng với những tiêu chuẩn đã định, xứng đáng là chiến sĩ tiên phong của cách mạng nước ta.

- Qua chỉ đạo thực hiện các phong trào vận động dân chủ đẩy mạnh sản xuất xây dựng cuộc sống quần chúng mà rèn luyện đảng viên, nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đồng thời đẩy mạnh phong trào xây dựng Đảng bộ, chi bộ thật sự bốn tốt.

Trong công tác xây dựng Đảng lấy xây dựng tổ chức cơ sở đảng làm trọng tâm, trong đó công tác đảng viên là khâu rất trọng yếu

theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị yêu cầu và nội dung rèn luyện của mỗi đảng viên qua cuộc vận động này là:

- Phấn đấu với nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm cao nhất để thực hiện đúng và có hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước, ra sức hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho, luôn luôn gương mẫu trong chiến đấu, sản xuất và công tác.

- Luôn luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tăng cường quan hệ với quần chúng, làm tròn nhiệm vụ đối với Nhà nước và đối với tập thể, tôn trọng và bảo vệ của công, tuyệt đối không xâm phạm lợi ích của toàn dân và của tập thể, kiên quyết và thẳng thắn chống những hành động tham ô, ăn cắp của công.

- Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý đời sống theo đúng các chính sách và chế độ đã được quy định, làm tốt công tác vận động quần chúng, thường xuyên tổ chức cho quần chúng kiểm tra dân chủ, đấu tranh chống những thói quan liêu, mệnh lệnh hách dịch, lạm quyền hoặc vi phạm luật pháp của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

- Góp phần củng cố sự đoàn kết nội bộ trên cơ sở đường lối, chính sách và những nguyên tắc sinh hoạt của Đảng. Không được gây chia rẽ và hoạt động bè phái, làm hại đến lợi ích của Đảng. Thực hành phê bình và tự phê bình, nhằm đoàn kết đồng chí giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Mỗi đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng, có quyền phát biểu hết ý kiến của mình trong tổ chức của Đảng, có quyền bảo lưu ý kiến, nhưng khi đã biểu quyết thì phải nghiêm chỉnh chấp hành ý kiến của số đông. Phải kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái với quan điểm của Đảng, nhằm bảo đảm sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng.

- Mỗi đảng viên phải có trách nhiệm đối với việc bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chính sách, bảo vệ tổ chức và uy tín của Đảng,

giữ gìn bí mật của Đảng và của Nhà nước. Phải ngay thẳng, thật thà, trung thực, khắc phục mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, không được giấu giếm sai lầm hoặc báo cáo không đúng sự thật...

- Nêu cao ý thức độc lập, tự chủ và chấp hành đúng đường lối quốc tế của Đảng, nhằm góp phần khôi phục và tăng cường sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý có tình (...)*, thái độ gương mẫu trong lao động, sản xuất, công tác.

- Đối với đảng viên nông thôn: Xoay quanh việc tiến hành ba cuộc cách mạng thực hiện tốt cuộc vận động làm chủ ở nông thôn tập thể lấy việc đưa điều lệ và thi hành triệt để điều lệ hợp tác xã kết hợp với cuộc vận động định canh định cư làm cơ sở rèn luyện động viên cán bộ, đảng viên, quần chúng dốc sức vào công cuộc lao động sản xuất, tổ chức đời sống, ổn định cuộc sống, động viên đóng góp cho Tổ quốc, các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tham gia lao động sản xuất trong hợp tác xã. Gương mẫu chấp hành mọi chính sách, chế độ của Đảng, của Nhà nước và của tập thể.

- Đối với chi bộ, đảng viên ở cơ quan, xí nghiệp: Phải lấy việc thi hành nghiêm túc các chế độ, thể lệ về quản lý kinh tế tài chính, vật tư, lao động, tiền vốn để rèn luyện giáo dục cán bộ, đảng viên quần chúng, động viên mọi người nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, hăng hái phấn khởi lao động sản xuất, mình vì mọi người, chống bệnh lười biếng, chống lãng phí, tham ô lợi dụng, chống quan liêu. Bảo đảm 8 giờ vàng ngọc, 8 giờ có năng suất lao động và hiệu quả công tác cao, bảo đảm ngày công giờ công trong tháng nói chung các chi bộ, tổ đảng phải tiến hành tốt việc phân công đảng viên. Mọi đảng viên phải phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo của mình, phải dân chủ bàn bạc và xây dựng kế hoạch sản xuất, phân phối ăn chia sòng

* Bản gốc thiếu 1 trang - BT.

phẳng, tổ chức giáo dục đảng viên quần chúng thực hiện, đảng viên phải gương mẫu tham gia cùng quần chúng lao động.

+ Về phẩm chất đạo đức cách mạng lấy nhiệm vụ chính trị làm nội dung rèn luyện, đưa đảng viên vào thực tiễn trong lao động, sản xuất mà xây dựng và thử thách nhiệt tình cách mạng và lòng trung thành đối với Đảng. Phải lấy việc chống tham ô, lãng phí, quan liêu, mà xây dựng con người đảng viên mẫu mực. Phẩm chất đạo đức cách mạng phải thể hiện ở thái độ lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và chấp hành chính sách thể hiện trên tinh thần cách mạng tiến công dám nghĩ, dám làm, kiên quyết chống thái độ chần chừ, do dự trung bình chủ nghĩa.

+ Đối với cán bộ, đảng viên làm nhiệm vụ lãnh đạo yêu cầu về nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo càng phải cao hơn.

+ Về đấu tranh đoàn kết nội bộ, xuất phát từ tình nghĩa đồng chí, đoàn kết trên cơ sở những nguyên tắc đường lối, chính sách của Đảng mà đấu tranh giúp đỡ lẫn nhau. Phải lấy tự phê bình làm chính, phải dẹp bỏ cá nhân lại lấy đại nghĩa làm chính, lấy sự nghiệp cách mạng làm chính. Chúng ta chống và chống tận gốc bệnh chủ nghĩa cá nhân, thiên kiến hoài nghi.

b)¹ *Tích cực giáo dục giúp đỡ những đảng viên yếu, kém* vươn lên đồng thời kiên quyết xử lý kỷ luật đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa về chính trị và đạo đức, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm tổn thương nghiêm trọng đến lợi ích của nhân dân, đến uy tín của Đảng, không được quần chúng tín nhiệm.

Hiện nay số đảng viên kém của Đảng bộ ta còn chiếm khá cao. Bình quân chung là trên 5%, nhưng ở nông thôn thì cao hơn, có huyện tới 10%, có một số xã tới trên 20%. Có nhiều đảng viên kém kéo dài hàng mấy năm nay. Do đó, chúng ta một mặt tận tình giúp

1. Bản gốc thiếu mục a) - BT.

đỡ những đảng viên trình độ non kém về ý thức Đảng, hoặc nhất thời phạm một số khuyết điểm nào đó nhưng có hướng phấn đấu vươn lên. Mặt khác, kiên quyết xử lý những đảng viên quá kém đã qua kiên trì giúp đỡ nhưng không chịu tiếp thu sửa chữa có mức độ nếu không còn đủ tư cách là đảng viên thì đưa ra khỏi Đảng, cách xử lý theo thường xuyên nhưng với tinh thần kiên quyết, đảm bảo nguyên tắc chặt chẽ không còn người đủ tiêu chuẩn là đảng viên ở trong Đảng, nhưng tùy mức độ, trường hợp cụ thể mà áp dụng các biện pháp linh hoạt và hình thức thích đáng, tiến hành với phương châm kiên trì thận trọng chắc chắn trên thái độ thực sự cầu thị, không thể nóng vội, chú ý tới đặc điểm và trình độ ở vùng cao nhưng cũng không thể tồn tại kéo dài không hạn độ, khắc phục tư tưởng do dự, sợ mất đảng viên, sợ bị trách oán, gây ra tình trạng trì trệ ở cơ sở.

- Cần đặc biệt chú ý tới khâu tổ đảng. Vị trí của tổ đảng rất quan trọng vì tổ đảng trực tiếp lãnh đạo đội sản xuất và có nơi lãnh đạo một hợp tác xã. Do đó, tác dụng của tổ đảng có ý nghĩa quyết định tới việc xây dựng củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất. Xây dựng củng cố tổ đảng chú ý làm tốt cả hai mặt là bồi dưỡng nâng cao trình độ lãnh đạo và cấm những đảng viên ưu tú làm tổ trưởng đảng.

Cần tích cực hơn nữa trong việc cải tiến nội dung sinh hoạt chi bộ, tổ đảng tổ chức cho đảng viên nghiên cứu học tập các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng. Dân chủ thảo luận kiểm điểm công tác lãnh đạo của chi bộ, tổ đảng, đảng viên qua đó mà phát huy mạnh mẽ tự phê bình, phê bình. Biểu dương khuyến khích những đảng viên tích cực, giúp đỡ những đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ. Sẽ tiến tới thực hiện chế độ đảng nhật hằng tháng và các đảng viên sẽ thực hiện sổ tu dưỡng. Cuối năm 1970 và các năm tới sẽ mở hội nghị đảng viên bốn tốt từ cơ sở đến hội nghị những đảng viên bốn tốt tiêu biểu ở cấp huyện, tỉnh. Đối với những đảng viên chưa đạt bốn tốt cũng cần có những hình thức giáo dục tích cực hơn để giúp cho mọi đảng viên đều phấn đấu trở thành bốn tốt.

c) *Tích cực phát triển đảng viên mới và tiến hành phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh* để tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn Hồ Chủ tịch, Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Trung ương đã quyết định kết nạp một lớp đảng viên mới lấy tên là Lớp Hồ Chí Minh, nhằm tăng thêm sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng có thêm lực lượng để kế tục tốt sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch. Đợt kết nạp này làm thật đúng những tiêu chuẩn và những thủ tục đã quy định trong điều lệ Đảng thu hút được những người ưu tú và giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể trong lực lượng vũ trang nhân dân và trong giới trí thức xã hội chủ nghĩa để xứng đáng với tên là Lớp Hồ Chí Minh, đợt kết nạp này phải đặc biệt chú trọng bảo đảm chất lượng đảng viên, bảo đảm tính chất trong sạch và vững mạnh của Đảng, phải được tiến hành thật tốt để làm mẫu mực cho công tác kết nạp đảng viên từ nay về sau (Trích nghị quyết của Bộ Chính trị).

Những người được kết nạp phải có động cơ vào Đảng đúng đắn, phải hiểu rõ mục đích, tính chất của Đảng và nhiệm vụ đảng viên, tự nguyện chấp hành nghị quyết, chỉ thị và tuân theo kỷ luật của Đảng.

Thời gian kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh Trung ương quy định là 1 năm, kể từ 19 tháng 5 năm 1970 đến 19 tháng 5 năm 1971.

Quán triệt nghị quyết của Trung ương về phương hướng công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh cũng như thời gian tới là:

Về phương hướng giai cấp: Chú trọng hơn nữa nâng cao tỷ lệ thành phần giai cấp công nhân trong Đảng. Trong công nhân, cần chú trọng công nhân trực tiếp sản xuất, nhất là công nhân kỹ thuật và công nhân lâu năm trong nghề, trong cán bộ khoa học - kỹ thuật cần chú trọng những người đã qua nghiên cứu và công tác thực tiễn, có nhiệt tình cách mạng, lăn lộn gắn bó với sản xuất, có thành tích. Những người có biệt tài mà đã đủ tiêu chuẩn ở nông

thôn trong các hợp tác xã là những xã viên ưu tú (không kể những người trước đây thuộc thành phần bóc lột).

Về phương hướng ngành nghề và địa phương chú trọng hơn nữa các đơn vị sản xuất trọng yếu trong các xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đoàn địa chất; các giáo viên, nhất là các giáo viên đang hoạt động ở các xã. Chú ý tới vùng cao, những hợp tác xã đội sản xuất chưa có hoặc mới ít đảng viên. Tiến tới hết năm 1972 tất cả các hợp tác xã đều có đảng viên, đại bộ phận có tổ đảng hoặc có chi bộ. Hầu hết các xã vùng thấp và một số vùng cao thành lập được Đảng ủy xã.

- Các chi bộ, đảng bộ có kế hoạch tiến hành phát triển đảng trong từng thời gian. Có chuẩn bị, có giáo dục, rèn luyện bồi dưỡng, thẩm tra kỹ càng, phải thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc các thủ tục, nguyên tắc đã quy định, triệt để chống lối làm tùy tiện, đồng thời cũng chống tư tưởng ngồi chờ ăn sẵn bị động, quan liêu, ngồi nhà xét duyệt. Gian khổ tạo điều kiện phát triển đảng ở những nơi xung yếu có khó khăn.

- Phát triển đảng phải bảo đảm tiêu chuẩn, phải lấy chất lượng làm chính, tuyệt đối không được chạy theo số lượng, chạy theo thành tích, hạ thấp tiêu chuẩn. Về tiêu chuẩn kết nạp đảng viên mới phải theo đúng các tiêu chuẩn trong Chỉ thị số 121 của Ban Bí thư trung ương Đảng đã quy định và chỉ thị mới mà Trung ương bổ sung thêm vừa rồi.

2. Công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật của Đảng

Tăng cường công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật hơn nữa nhằm bảo vệ người tốt việc tốt, chống người xấu, việc xấu, không ngừng nâng cao tổ chức đảng, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên, đảm bảo cho tổ chức đảng được luôn luôn trong sạch, thuần khiết. Trong năm tới vẫn hướng tập trung vào việc kiểm tra các cơ sở đảng theo năm nội dung. Năm 1970 phải cơ bản hoàn thành việc kiểm tra cơ sở. Đồng thời phải tiến lên để tăng cường kiểm tra việc thực hiện các đường lối, chính sách của Đảng. Không những kiểm

tra các cơ sở đảng ở nông thôn mà phải rất coi trọng việc kiểm tra các cơ sở đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh. Thời gian tới công tác kiểm tra hướng vào tập trung phục vụ cho cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên. Trong công tác kiểm tra lấy giáo dục làm chính, phòng ngừa là chính nhưng đồng thời cũng đề cao kỷ luật của Đảng một cách nghiêm chỉnh. Phải xử lý kỷ luật kịp thời, phải kiên quyết và thích đáng đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng. Chống hữu khuynh buông lỏng kỷ luật Đảng.

3. Tăng cường chỉ đạo công tác cán bộ

a) Bồi dưỡng đội ngũ cốt cán lãnh đạo

Về bồi dưỡng đội ngũ cốt cán lãnh đạo là một công tác quan trọng và cấp thiết. Phương hướng bồi dưỡng sử dụng cốt cán phải tiến hành tốt cả hai mặt: cấm cốt cán nắm quyền lãnh đạo chủ chốt nhưng đồng thời bồi dưỡng đào tạo được cả một tập thể đội ngũ cốt cán của các huyện, thị, các xã, các ngành xung quanh.

Đối với xã chú trọng bồi dưỡng sử dụng và cấm cho được những vai trò chủ chốt của Đảng ủy, chi bộ, tổ đảng, hợp tác xã, đội sản xuất, Ủy ban, xã đội, công an, thanh niên, phụ nữ. Trên cơ sở một đội ngũ cán bộ của xã, tỉnh, huyện, không ai làm thay họ được, vậy năm tới cần tập trung sức xây dựng đội ngũ cốt cán ở cơ sở cho thật vững mạnh thì nhất định phong trào sản xuất, tổ chức đời sống, tăng cường đóng góp cho Nhà nước sẽ có những bước chuyển biến quan trọng.

Đối với các huyện phải bồi dưỡng, sử dụng cấm cho tốt những vai trò chủ chốt như Thường vụ huyện, Đảng đoàn chính quyền huyện, thị thông qua những vai trò chủ chốt đó mà bồi dưỡng quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ cốt cán ở các ngành của huyện, thị.

Đối với các ngành xung quanh tỉnh trước hết cần bồi dưỡng sử dụng cấm cho tốt những vai trò chủ chốt lãnh đạo như các Ban lãnh đạo ty, ngành, chánh phó giám đốc, các xí nghiệp, công, nông,

lâm trường, thông qua mà quản lý, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán của các ban, các ngành xung quanh tỉnh.

Công tác bồi dưỡng cốt nhắc, sử dụng đội ngũ cốt cán lãnh đạo phải tiến hành tích cực và đầy đủ trên các khâu bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng và quản lý. Phải làm tốt cả hai mặt là: Một mặt tích cực giáo dục đưa cán bộ vào chiến đấu và hành động để rèn luyện, thử thách, đánh giá một cách công minh năng lực và sự cống hiến của cán bộ. Mặt khác, phải thông qua đầy đủ việc mở rộng dân chủ trong Đảng, thông qua việc mở rộng cho quần chúng tham gia, phê bình nhận xét, có năng lực để cấp ủy trên xem xét, cốt nhắc, sử dụng được công minh, đảm bảo sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, gắn chặt sự tín nhiệm của đội ngũ cốt cán với quần chúng.

b) Đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế và cán bộ dân tộc và cán bộ nữ

Để phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ chính trị, chúng ta phải có một đội ngũ cán bộ ở nhiều ngành kinh tế khác nhau. Phải hướng vào đào tạo cả ba loại cán bộ lãnh đạo, cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế. Không những toàn Đảng bộ phải có quy hoạch mà từng cấp, từng ngành phải có quy hoạch một cách cụ thể, chủ động đào tạo cho cấp tỉnh, ngành mình. Chống tư tưởng trông chờ ỷ lại kinh doanh đơn thuần.

Về phương pháp đào tạo, chú trọng cả các hình thức đào tạo tại các trường chính quy, chuyên tu, hàm thụ tập huấn, ngắn ngày từng bước nâng cao trình độ có hệ thống. Về cơ cấu thì tập trung có tỷ lệ thích đáng đối với ba ngành kinh tế lớn hiện nay của tỉnh là: Nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp. Đối với nông nghiệp phải chú ý đào tạo theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, chú ý các kỹ thuật cho từng loại cây giống, con giống, các loại cây đặc sản. Đi đôi với việc đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật phải tập trung thích đáng vào việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế cho từ cơ sở đến cấp huyện, tỉnh. Các trường đào tạo phải bám vững, bám

mục tiêu, bám kỹ thuật từng loại cây, con. Đào tạo cán bộ ra phải thiết thực phục vụ ngay cho vùng cây, con. Không đào tạo một cách chung chung, không đúng với việc khoanh vùng kinh tế. Quá trình đào tạo phải chú ý phát hiện nhân tài, bồi dưỡng nhân tài. Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, không những phải kiện toàn đội ngũ giáo viên chính trị đối với đội ngũ giáo viên chuyên môn vừa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, vừa nâng cao giác ngộ giai cấp và lập trường tư tưởng. Coi trọng việc củng cố và xây dựng cơ sở đảng trong các trường, xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa công tác xây dựng Đảng trong toàn ngành giáo dục từ Ty đến cơ sở.

Tích cực hơn nữa đối với việc đào tạo cán bộ dân tộc.

Để đáp ứng với yêu cầu của cách mạng, chúng ta phải hết sức coi trọng và làm tốt hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc. Đi đôi với việc bồi dưỡng kèm cặp tại chức, quan tâm lãnh đạo Trường Thanh niên Dân tộc. Chú ý nâng cao chất lượng giảng dạy và trang bị cho trường tổ chức tốt đời sống của học sinh, mục đích của Trường Thanh niên Dân tộc là đào tạo cán bộ cho xã và hợp tác xã, phát huy tác dụng Đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước tập trung của tỉnh, thông qua để đào tạo công tác cán bộ cho phong trào chung. Nghiên cứu thành lập công trường xây dựng tập trung của tỉnh, sau khi am hiểu công việc sẽ trả về để làm nòng cốt cho các đội xây dựng, kiến thiết của địa phương.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ và cán bộ dự bị.

Quan tâm và chủ động bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dự bị, nhất là đối với đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, đó là trách nhiệm của mỗi người cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo ở một đơn vị địa phương, việc bồi dưỡng cán bộ không riêng nhằm đáp ứng cho yêu cầu trước mắt mà còn phải phục vụ cho yêu cầu tương lai ngày càng phát triển. Do đó phải có quan điểm đúng đắn và giải quyết đúng đắn giữa vấn đề cán bộ cũ và cán bộ mới, cán bộ già và cán bộ trẻ. Cho nên đi đôi với việc bồi dưỡng cán bộ cũ phải coi trọng đào

tạo bồi dưỡng cán bộ mới. Vì bất cứ một đảng (...) sản chiến đấu nào có một quá trình hoạt động nhất định, đều có hai loại cán bộ cũ và cán bộ mới trong nội bộ của mình. Đó là một tất yếu khách quan phù hợp với sự phát triển của Đảng và chỉ có như vậy mới đảm bảo giữ vững tính liên tục, tính kế thừa trong sự phát triển nội bộ của mình và bảo đảm cho Đảng duy trì và phát triển được phong trào cách mạng, hoàn thành được nhiệm vụ nặng nề của Đảng đã đề ra.

Xuất phát từ quan điểm trên đi đôi với việc bồi dưỡng cán bộ cũ, cán bộ già ta phải rất coi trọng bồi dưỡng đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ mới. Muốn mạnh dạn đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ ta phải phòng ngừa và khắc phục tư tưởng bảo thủ hẹp hòi, rụt rè, tư tưởng tôn ti trật tự, đẳng cấp, v.v.. Chúng ta cần có một khái niệm rằng: số cán bộ hiện nay thuộc loại cán bộ cũ, nhưng trước đó một thời gian cũng là những cán bộ mới, cán bộ trẻ. Ngược lại, số cán bộ hiện nay gọi là mới, là trẻ nhưng một thời gian sau lại là cán bộ cũ, cán bộ già. Vì vậy, giải quyết tốt vấn đề cán bộ cũ và mới, cán bộ già và trẻ không những có ý nghĩa lớn đối với việc phát huy khả năng của hai loại cán bộ nói trên nhằm hoàn thành sự nghiệp cách mạng của Đảng đối với việc tăng cường và củng cố sự đoàn kết trong Đảng mà còn có quan hệ lớn tới việc mở rộng đội ngũ cán bộ của Đảng.

Do đó để cho Đảng có một đội ngũ cán bộ ngày càng dồi dào, có một đội ngũ cán bộ xuất thân từ công nông, lại trẻ, khỏe có giàu sức chiến đấu thì Đảng ta không có một nguồn lớn nào khác là chăm sóc bồi dưỡng Đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh. Đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh là lực lượng hậu bị của Đảng, là trường học của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đoàn thanh niên lao động có sức mạnh vẻ vang là giáo dục rèn luyện thanh niên để cung cấp cho Đảng những người cán bộ, đảng viên ưu tú.

Xây dựng đội ngũ cán bộ phải dựa trên cơ sở phong trào quần chúng và phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng. Chỉ trên cơ

sở phong trào quần chúng sản xuất và chiến đấu mạnh mẽ thì mới có thể hình thành một đội ngũ cán bộ đông đảo và có chất lượng cao, không thể xây dựng đội ngũ cán bộ tách rời phong trào cách mạng của quần chúng. Vì vậy, phải đi sâu tổ chức và phát động phong trào quần chúng trong từng dân tộc đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh cao trào lao động, sản xuất từ đó mà tuyển lựa và rèn luyện cán bộ. Sức mạnh của Đảng là sức mạnh tổng hợp của tổ chức đảng và các tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Các tổ chức trong cơ cấu của hệ thống chuyên chính vô sản có mạnh thì Đảng mới mạnh. Do đó, công tác xây dựng Đảng phải phối hợp chặt chẽ với xây dựng tổ chức chính quyền và các tổ chức chính trị và kinh tế của quần chúng. Đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa công cuộc vận động xây dựng chính quyền giải toàn diện. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa chức năng của chính quyền trong việc quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, tăng cường hơn nữa việc xây dựng và củng cố các tổ chức quần chúng làm cho các tổ chức ngày càng là chỗ dựa vững chắc của Đảng là trường học giáo dục rèn luyện quần chúng. Đưa việc quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách có nền nếp thường xuyên và ngày càng nâng cao chất lượng. Các cấp ủy, các cán bộ, đảng viên phải có ý thức tự giác và chủ động trong vấn đề này. Đặc biệt phải coi trọng và làm tốt việc sửa chữa những khuyết điểm mà quần chúng đã góp ý phê bình.

Công tác cán bộ lại phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác chi bộ, công tác đảng viên. Vì chỉ có phát triển đảng được tốt, rèn luyện nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên cho tốt từ trên cơ sở có được đội ngũ đảng viên lớn mạnh, có chất lượng cao thì mới tạo ra được đội ngũ cán bộ tốt. Nếu tách rời các mặt trên thì sẽ không có cơ sở để xây dựng đội ngũ cán bộ.

Tăng cường công tác quản lý cán bộ. Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý

cán bộ. Có quản lý cán bộ tốt thì việc sử dụng mới tốt. Đi đôi với vấn đề phân cấp quản lý kinh tế cần tiến hành phân cấp quản lý cán bộ với mức độ thích hợp với điều kiện phát triển của đội ngũ cán bộ hiện nay trong tỉnh. Tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm về việc phân cấp quản lý cán bộ từ trước tới nay và tiếp tục quy định bổ sung cho phù hợp. Việc phân cấp quản lý cán bộ phải nhằm tăng cường hơn nữa việc Đảng thống nhất quản lý toàn diện đội ngũ cán bộ đồng thời nâng cao ý thức tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành. Đề cao ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm chỉnh chấp hành đúng đường lối cán bộ của Đảng. Tôn trọng những quy định đã phân cấp. Chống các tư tưởng cục bộ, bản vị và các thiên kiến lệch lạc khác trong công tác cán bộ. Thực hiện đầy đủ và thường xuyên, nền nếp việc nhận xét định kỳ cán bộ hằng năm. Phải chú ý thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, quan tâm hơn nữa đến tình hình sức khỏe và khó khăn của gia đình cán bộ.

Đi đôi với việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ cần phải tiến hành tổ chức, tinh giản bộ máy: Kiên quyết giảm biên chế hành chính sự nghiệp và các bộ phận gián tiếp sản xuất trong các đơn vị sản xuất theo đúng quy định của Trung ương. Tăng cường lao động dồi dào cho các cơ sở để sản xuất ra của cải vật chất. Từng bước ngành, từng cơ quan, bộ phận, cá nhân mỗi người phải xác định nhiệm vụ chức trách rõ ràng. Mỗi người cán bộ, công nhân viên hằng năm phải đi tham gia lao động sản xuất ở các cơ sở như các quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chuyển mạnh việc cải tiến phương thức lãnh đạo chỉ đạo

Việc cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tác phong công tác của Tỉnh ủy, của các cấp ủy các cấp, của đội ngũ cốt cán lãnh đạo nhằm bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và chức năng chỉ đạo của chính quyền đi vào thế vững vàng và toàn

diện hơn. Phát huy mạnh mẽ chức năng chỉ đạo thực hiện của chính quyền.

Thực hiện tốt hơn nữa dân chủ trong Đảng và dân chủ đối với quần chúng, thực hiện từ tỉnh trở xuống đến huyện ủy, chi ủy, từ chính quyền các cấp tỉnh đến chính quyền huyện, xã.

Nghiên cứu cải tiến từng bước nhưng thường xuyên và tích cực xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Đảng của chính quyền, của các ban, các ngành và trách nhiệm tập thể và cá nhân phụ trách cho cụ thể, rõ ràng đồng thời xây dựng nội quy, nguyên tắc sinh hoạt, và làm việc cho chặt chẽ, trên cơ sở đó mà thực hiện dân chủ kiểm tra, giám sát việc phấn đấu hoàn thành chức trách nhiệm vụ của tập thể, của cá nhân đã quy định. Cứ 6 tháng hoặc hết 1 năm, gắn với sơ kết, tổng kết, các huyện ủy, các ban, các ngành, các đơn vị xí nghiệp, v.v. cần tiến hành kiểm điểm phê bình nội bộ cho tốt rồi đưa ra tự kiểm điểm phê bình ngoài quần chúng, ngoài cán bộ, công nhân, viên chức và lấy ý kiến phê bình nhận xét của quần chúng. Trên cơ sở đó xét bốn tốt, và xét phân loại cơ quan.

Phải kiên quyết thực hiện tốt việc chỉ đạo điển hình, chỉ đạo riêng với lãnh đạo chung. Tất cả các cấp, các ngành phải hướng vào huyện trọng điểm của tỉnh. Coi việc chỉ đạo riêng là một nguyên tắc và tiêu chuẩn làm việc của mỗi cán bộ lãnh đạo. Phải kiên quyết bám điểm và nhân điển hình giữ vững điển hình không được để tụt. Tăng cường và làm tốt hơn nữa việc sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm để đẩy mạnh phong trào. Chú ý đi sâu vào tổng kết các chuyên đề.

Tăng cường việc đi sát cơ sở, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết tại chỗ, giảm bớt giấy tờ, giảm bớt hội họp. Các cấp ủy phải quy định các chế độ hội họp của các ngành, đối tượng triệu tập hội nghị.

5. Tăng cường lãnh đạo của các cấp ủy đối với công tác xây dựng Đảng

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng, trước hết

là các cấp ủy Đảng phải làm. Các cấp ủy Đảng nhất là cấp huyện, thị có trách nhiệm thường xuyên làm tốt công tác xây dựng Đảng.

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, các cấp ủy cần đề ra yêu cầu, nội dung, biện pháp và trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Mỗi đồng chí cấp ủy viên phải cố gắng đi sâu hơn nữa trong công tác Đảng nâng cao hơn nữa trình độ và kiến thức làm công tác và công tác vận động quần chúng của mình, nhất là cần phải đi sâu vào công tác đảng viên. Mỗi cấp ủy viên phải thành thạo về công tác đảng viên. Tránh tình trạng nặng về mở hội nghị ra nghị quyết đả thông tư tưởng, kêu gọi hô hào chung chung trong khi cấp dưới gặp khó khăn, cán bộ, đảng viên lúng túng trong công tác thì không có biện pháp giúp đỡ thiết thực.

Các Ban chuyên môn của Đảng, mà tập trung là Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra phải thực sự đi sâu nghiên cứu, nắm vững phương châm, đường lối, nguyên tắc xây dựng Đảng, tổ chức cán bộ, nắm chắc tình hình cơ sở các cấp, các ngành để nghiên cứu tham mưu cho cấp ủy đề ra chủ trương công tác xây dựng Đảng được kịp thời. Các Ban này phải nâng cao cả hai chức năng của mình là vừa tham mưu, vừa tác chiến.

Công tác xây dựng Đảng - tổ chức cán bộ là công tác bao trùm xuyên suốt mọi khâu, mọi lĩnh vực. Quá trình phấn đấu giành thắng lợi nhiệm vụ chính trị cũng là quá trình củng cố xây dựng Đảng vững mạnh, rèn luyện đội ngũ cán bộ, củng cố bộ máy hoạt động cách mạng. Trong bước trưởng thành ấy còn có nhiều mặt khuyết điểm tồn tại chưa cân đối, chưa phù hợp, chưa kịp thời. Do có nhiều nguyên nhân chi phối nhưng nguyên nhân cơ bản nhất là quan điểm, là nhận thức, là kiến thức chủ quan của ta.

Trong phạm vi khuôn khổ và hạn chế của thời gian, xin báo cáo những nét cơ bản để Đại hội tham khảo và quyết định. Phương hướng công tác tổ chức - xây dựng Đảng tỉnh ta có chất lượng cao.

Học và làm theo *Di chúc* của Hồ Chủ tịch cần đem lại: Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng,

thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch”, “Phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân và thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết số 195-NQ của Bộ Chính trị và Trung ương”.

“Mỗi đảng viên phải thực sự là những chiến sĩ trung thành, dũng cảm nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thật sự là người cách mạng ưu tú, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân”.

Mỗi đảng viên phải là một chiến sĩ tiên phong, mỗi chi bộ, mỗi cấp ủy Đảng phải là hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết quần chúng, được quần chúng yêu mến và tín nhiệm.

Mỗi người chiến sĩ từ những đồng chí mới vào Đảng đến những đồng chí lão thành đều phải hằng ngày chăm lo trau dồi phẩm chất và đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ chính trị và năng lực công tác để phục vụ cách mạng ngày càng tốt hơn để thật sự xứng đáng là những người kế tục sự nghiệp vẻ vang của Hồ Chủ tịch (...)¹.

1. Bản gốc mất trang - BT.

BÁO CÁO BỔ SUNG CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ĐẢNG BỘ

**Về tình hình du canh du cư và công tác vận động
định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa,
phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp của vùng cao
và giữa tỉnh Lào Cai
(tại Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V)**

Thưa các đồng chí đại biểu,

Đồng chí Bí thư đã báo cáo trước Đại hội về tình hình và phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ 3 năm 1970 - 1972. Được sự ủy nhiệm của Ban Chấp hành, tôi xin báo cáo thêm về tình hình du canh du cư và công tác vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp của vùng cao và giữa.

Nội dung báo cáo xoay quanh ba vấn đề: Hợp tác xã, phát triển sản xuất và ổn định đời sống, nhằm trình bày rõ thêm về tình hình và phương hướng nhiệm vụ công tác vận động định canh định cư của tỉnh ta 3 năm tới, đã nêu lên trong Báo cáo chính trị.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH DU CANH DU CƯ VÀ CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ KẾT HỢP HỢP TÁC HÓA PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP

Lào Cai là một tỉnh miền núi, biên giới 3/4 là vùng cao và giữa có trên 20 dân tộc anh em sống xen kẽ trong 123 xã và 1 thị trấn,

2 thị xã, với trên 800 thôn xóm. Đất đai rộng 4.133 km² có nhiều thung lũng núi cao, ruộng ít, nương nhiều, đất bằng ít, đất dốc nhiều, độ thấm nước và xói mòn cao, ruộng ít rừng nhiều, rừng và đất rừng chiếm 87,2%. Trong rừng có nhiều gỗ, nứa, tre, vầu và thuốc quý. Trong đất nông nghiệp có hàng vạn héc-ta đồi cỏ có thể cải tạo để phát triển chăn nuôi, hàng chục vạn héc-ta có thể trồng cây công nghiệp, đặc sản, cây ăn quả và cây thuốc quý.

Trong tỉnh có sông Hồng, sông Chảy và nhiều khe lách suối nước tự chảy. Có hai triền núi cao, hai phía đông và tây độ nghiêng về sông Hồng, sông Chảy phân chia Lào Cai thành ba vùng đất đai: vùng thấp, vùng cao miền Đông và miền Tây, mỗi vùng có đặc điểm địa lý khí hậu, chất đất, cây trồng, con gia súc, tập quán và sở trường sản xuất khác nhau, có vùng khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới, có độ ẩm lớn.

Những đặc điểm trên đã tạo cho Lào Cai có nhiều thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhiều mặt, có ưu thế lớn về mặt phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, cây ăn quả, cây làm thuốc, đồng thời với khả năng phát triển lớn về công nghiệp. Nhưng về mặt khó khăn thì cũng có rất nhiều, với điều kiện dân cư phân tán, đồng bào sống rải rác khắp nơi, ruộng nước ít, đồi núi nhiều, nói chung có độ dốc lớn, tẻ phá rừng làm nương rẫy du canh để sản xuất lương thực đã trở thành tập quán lâu đời của các dân tộc vùng cao và giữa, từ du canh đã dẫn tới du cư. Đó là một phương thức sản xuất và sinh hoạt lạc hậu của các chế độ cũ từ bao đời để lại, cùng với trình độ văn hóa mọi mặt còn quá thấp kém là những trở ngại chủ yếu lớn đối với sự nghiệp đưa đồng bào các dân tộc vùng cao, giữa, tiến kịp vùng thấp, miền núi tiến kịp miền xuôi, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng Lào Cai (1950) nhất là từ ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954) chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Đảng bộ tỉnh ta đã liên tiếp mở các cuộc vận động quần chúng. Các cuộc vận động đó đều có nội dung

nhằm không ngừng tăng cường cơ sở sản xuất ổn định và các cơ sở vật chất kỹ thuật khác, phát triển sản xuất, xây dựng củng cố hợp tác xã, tạo điều kiện định canh định cư tăng cường đoàn kết, ổn định đời sống đối với đồng bào các dân tộc vùng cao và giữa.

Nhờ vậy đến nay nhìn chung lại đời sống mọi mặt của đồng bào vùng cao và giữa của tỉnh ta so với trước đây đã có nhiều biến đổi rất cơ bản và từng bước tiến lên rõ rệt. Những biến đổi đó là:

1. Đã hoàn thành tốt cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, đánh đổ toàn bộ giai cấp bóc lột cũ đưa nông dân vào hợp tác xã, làm ăn tập thể, xóa bỏ tận gốc chế độ áp bức bóc lột - chế độ người bóc lột người. Phong trào hợp tác xã tuy có lúc lên lúc xuống nhưng đến cuối năm 1969 qua điều tra, khảo sát 105 xã, trong đó có 92 xã vùng cao và 13 xã có đồng bào còn du canh ở vùng thấp thì số hộ nông dân vào hợp tác xã là 76,2%, trong đó 39,05% hộ xã viên tham gia hợp tác xã bậc cao (riêng vùng cao và giữa hiện có trên 68% số hộ vào hợp tác xã, trong đó 31% số hộ trong hợp tác xã bậc cao). Bước đầu các hợp tác xã đã phân công lại lao động, lập các đội chuyên trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng và thủ công. Hợp tác xã đã quản lý kinh doanh được 84,01% ruộng nước; 16,76% đất màu; 57,3% nương định canh; 36,01% nương du canh; 14,23% trâu; 61% bò. Tính riêng từng vùng đến hết năm 1969 thì: 57 xã vùng cao miền Đông, số hộ nông dân vào hợp tác xã là 67,5%, trong đó 37% số hộ đã tham gia hợp tác xã bậc cao. Hợp tác xã đã quản lý kinh doanh được 80,35% ruộng nước, 14,35% đất màu, 53,74% nương định canh, 32,87% nương du canh; 36 xã vùng cao miền Tây số hộ dân vào hợp tác xã là 70,2%, trong đó 30,6% số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao, hợp tác xã đã quản lý kinh doanh được 78,04% ruộng nước, 20,60% đất màu, 86,37% nương định canh, 42,57% nương du canh; 13 xã vùng thấp số hộ nông dân vào hợp tác xã là 91,3%, trong đó 82,6% số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao, hợp tác xã đã quản lý kinh doanh được 97% ruộng nước, 67,7% đất màu, 84,50% nương định canh, 42,66% nương du canh.

Đi đôi với hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán và các cơ sở quốc doanh nông nghiệp cũng được song song phát triển; 87,73% số xã đã có cửa hàng hợp tác xã mua bán; 84,9% số xã có hợp tác xã tín dụng; đã có 3 nông trường, 2 trại kỹ thuật ở vùng cao.

Các địa phương đều có những hợp tác xã làm ăn tương đối khá điển hình cho từng vùng như Bản Phố, Tà Chải (Bắc Hà); Tà Phìn; Lao Chải (Sa Pa); Tả Ngảo (Bát Xát); Mường Khương, Bản Phiệt (Mường Khương); Kha Phàng (Si Ma Cai), v.v..

Từ cá thể chuyển sang làm ăn tập thể, từ người bị áp bức bóc lột chuyển lên làm chủ nông thôn, đó là những bước nhảy vọt lớn, làm biến đổi sâu sắc triệt để chưa từng có và to lớn trong đời sống chính trị, tinh thần, xã hội của nông dân và nông thôn vùng cao, giữa. Cảnh bán công còng lưng gánh nợ lãi, thuê ruộng nộp tô lấy sức người đổi công trâu, làm ăn vất vả quần quật quanh năm nhưng vẫn thiếu đói của bà con, nông dân các vùng trước đây, đã đi vào dĩ vãng. Lối làm ăn tập thể đoàn kết tương trợ lẫn nhau, tính ưu việt của hợp tác xã ngày càng phát huy. Nhờ có hợp tác lao động mà hợp tác xã đã có sức mạnh xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở sản xuất, khắc phục được thiên tai liên tiếp mấy năm liền, giữ vững sản xuất, đời sống, nhất là mấy năm gần đây.

2. Cơ sở sản xuất ổn định ngày càng mở rộng. Tính riêng các xã thuần túy vùng cao và giữa thì diện tích gieo trồng cây lương thực đã tăng từ 11.933 ha năm 1960 lên 19.235 ha năm 1968, trong đó lúa nước tăng từ 3.256 ha năm 1960 lên 4.292 ha năm 1968. Sản lượng lương thực từ 20.127 tấn lên 25.562 tấn. Đi đôi với sản xuất cây lương thực, đã chú trọng phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, hình thành từng tiểu vùng rõ rệt: đậu tương tăng từ 141 ha lên 643,4 ha; hạt rau từ vài ha lên 57,5 ha. Nhờ tích cực phát triển sản xuất nên vùng cao và giữa là vùng trước đây vốn thiếu thốn lương thực, hằng năm Nhà nước còn phải cung cấp cứu tế, đến nay đã căn bản giải quyết được tình trạng thiếu đói liên

miền ăn củ mài, ăn củ bầu... của chế độ cũ để lại. Từ một nền sản xuất tự cấp tự túc, tự nhiên với phương thức sản xuất lạc hậu du canh du cư, đến nay sản xuất đã phát triển theo hướng từng vùng, từng bước hình thành dần những vùng nông sản hàng hóa, khối lượng nông sản hàng hóa tăng nhiều so với trước đây (chè tăng 2,85 lần; thảo quả tăng 14,2 lần; đậu tương tăng 2 lần; hạt rau tăng 7,5 lần...). Về chăn nuôi, đàn gia súc lớn phát triển đều, năm 1964 so với năm 1969 đàn trâu tăng từ 21.938 con lên 24.730 con trong đó trâu của tập thể tăng từ 454 con lên 3.334 con. Đàn bò từ 1.838 lên 2.206 con, trong đó bò tập thể tăng từ 344 con lên 910 con. Đàn ngựa từ 10.373 con lên 14.644 con. Về nghề rừng cũng đã có một số nơi trồng và giữ rừng tốt như: Quan Thần Sán, Cán Hồ (Si Ma Cai), Pha Long (Mường Khương), Na Hối (Bắc Hà), Thanh Kim (Sa Pa).

3. Cơ sở vật chất kỹ thuật một số nơi đã bắt đầu xây dựng, đã dần dần đưa khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp, thâm nhập vào quần chúng, đã nghiên cứu kết luận được một số cây, con giống tốt phù hợp với vùng cao như: đậu tương, ngô, mỳ, cây có dầu, cây thuốc, v.v.. Về thủy lợi đã có 17 công trình loại vừa và 1.767 công trình loại nhỏ. Diện tích được tưới nước tăng 2,5 lần. Đã có 9 trạm thủy điện, 13 cụm cơ khí nhỏ, công cụ cải tiến nhà kho, sân phơi trước kia không có, nay đã có 2.543 cái công cụ cải tiến, 234 nhà kho, 126 sân phơi.

4. Đời sống mọi mặt của nhân dân được từng bước cải thiện rõ rệt. Thu nhập 1 nhân khẩu hằng tháng vùng cao từ 9,78 đồng lên 14,4 đồng (bản nông từ 8,97 đồng lên 13,66 đồng; trung nông từ 10,17 đồng lên 14,01 đồng; trung trên từ 11,25 đồng lên 14,32 đồng). Vùng giữa từ 12,5 đồng lên 16,31 đồng (bản nông từ 9,56 đồng lên 14,32 đồng; trung nông từ 11,84 đồng lên 15,58 đồng; trung trên từ 12,01 đồng lên 16,85 đồng). Lương thực, thực phẩm được đảm bảo căn bản, chăn màn, quần áo, nhà ở khá hơn trước (trước đây bình quân 1 hộ mới có 0,1 cái chăn; 1 hộ có 0,15 áo rét,

nay 1 hộ có 2,8 cái chăn và 3,1 áo rét)... Về đời sống văn hóa - xã hội cũng được phát triển. Nạn mù chữ, nạn nghiện hút và một vài bệnh tật liên miên trước đây đã được căn bản thanh toán. Phong tục tập quán lạc hậu cũ đã bị đẩy lùi dần. Trường học, cơ sở chữa bệnh, khám bệnh tăng nhiều so với trước (trước không có đến nay đã có 95 nhà trường; 48 trạm xá; 528 giếng, bể nước). Một số hợp tác xã đã có đèn điện thay đèn dầu, có máy xay xát thay cối giã gạo chày tay, máy vò đậu tương thay người đập, v.v.. Đường giao thông đi lại từ tỉnh đến huyện, đến khu vực, từ khu vực đến các xã, thôn hẻo lánh được liên tục mở mang. Ba huyện vùng cao và 18 xã đã có đường ô tô đi tới. Việc vận tải hàng hóa và sự đi lại nhờ vậy mà ngày càng thuận lợi hơn trước rất nhiều.

5. Các tổ chức cơ sở ngày càng được củng cố. Các chi bộ Đảng từ chỗ chưa có, nay đã ngày càng tăng cường và có ở 100% số xã. Các dân tộc ngày càng đoàn kết. Tình hình trật tự an ninh biên giới nội địa luôn được giữ vững.

6. Riêng về công tác vận động định canh định cư mấy năm gần đây, nhất là từ khi có Nghị quyết số 38 của Hội đồng Chính phủ về cuộc vận động, Đảng bộ ta đã tích cực chấp hành tập trung chỉ đạo cử gần 300 cán bộ về giúp đỡ cơ sở. Kết quả đến nay đã thí điểm ở hai xã Bản Phiệt và Cốc Lầu, đưa 1 đội sản xuất người Mèo của hợp tác xã Tả Phìn vào làm công nhân của Nông trường bò sữa Sa Pa, tiến hành xong thời kỳ chuẩn bị của cuộc vận động, khảo sát quy hoạch xong 105 xã thuộc vùng cao và giữa và một số xã còn nhiều đồng bào du canh du cư ở vùng thấp, đang chuẩn bị để từng đợt tiến hành vận động và tập trung.

Qua khảo sát đã giúp cho từ cơ sở đến tỉnh thấy rõ được tình hình kinh tế tự nhiên của địa phương mình, nâng cao hơn quyết tâm với cuộc vận động. Các xã thí điểm tuy hiện nay đang còn những vấn đề tồn tại, nhược điểm cần phải tiếp tục giải quyết nhưng những yêu cầu cơ bản đã được thực hiện, đã rút ra được

kinh nghiệm về phương pháp hình thức tổ chức đồng bào còn du canh du cư đi vào ổn định sản xuất, đời sống tùy điều kiện cụ thể từng nơi với ba hình thức khác nhau:

Xã Bản Phiệt đã đưa bốn hợp tác xã gồm 55 hộ 76 lao động dân tộc Dao tuyển, sống chủ yếu dựa vào phát nương du canh du cư, hợp nhất với các hợp tác xã dân tộc Nhắng và Kinh sẵn có ruộng nước, tiến hành việc xác định lại phương hướng sản xuất, tổ chức phân công lại lao động hợp lý theo từng sở trường sản xuất của từng dân tộc, người làm nghề rừng, người làm ruộng hỗ trợ lẫn nhau để định canh định cư. Các hợp tác xã đã phân công 76 lao động, dân tộc Dao tuyển từ chuyên phá rừng sang trồng rừng và tu bổ bảo vệ rừng. Kết quả từ năm 1967 trở lại đây đã tu bổ được 355 ha, chăm sóc 141 ha, trồng 17,1 ha rừng mỡ; 10,9 ha lai, sỏ. Năm 1969 đã khai thác trong rừng tu bổ cho Nhà nước 11.000 cây nứa. Hằng năm thu thêm cho hợp tác xã 3, 4 nghìn đồng. Diện tích lúa nương giảm đi mấy năm nay không có tình hình đồng bào di chuyển như các năm trước. Điển hình như đội Na Quynh, đội đầu tiên đi vào làm rừng của xã, 13 lao động bình quân hằng tháng đã góp cho hợp tác xã mỗi lao động 23 ngày công để làm rừng, một lao động trong 3 năm đã tu bổ 10,2 ha, trồng 1,3 ha; chăm sóc 8 ha; khai thác 400 cây nứa cho Nhà nước, tư tưởng ổn định, trong 3 năm liền có đội không có ai phát nương làm lúa nương riêng lẻ. Riêng hợp tác xã Bản Tà, năng suất lúa ruộng 2 vụ đã đưa từ 4.352 kg/ha năm 1968 lên 4.816 kg/ha năm 1969 đủ để đảm bảo lương thực ăn cho 88 nhân khẩu tăng lên, trong đó có 12 hộ xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi.

Hằng năm ngoài sản phẩm rừng ra, hợp tác xã còn làm nghĩa vụ đối với Nhà nước 16 tấn sắn khô, hơn 3 tấn thịt lợn, 179 tấn mía cây.

Xã Cốc Lầu: Năm 1969 sau khi củng cố các hợp tác xã đã đi vào thực hiện phương hướng tận dụng ruộng đất, cố gắng sản xuất lương thực để tự đảm bảo một phần, còn thiếu Nhà nước giúp đỡ

những năm đầu để đi vào định canh định cư bằng cách trồng cây dài ngày dần dần vào các nương rẫy, phát triển chăn nuôi trâu sinh sản tập thể là lợn gia đình, tổ chức bảo vệ khai thác rừng, để có thu nhập trước mắt, tổ chức dân làng bản mới định cư. Kết quả sau 1 năm thực hiện đã trồng được 7 ha cây lai, giảm được 61,3 ha nương không phát vào rừng, nuôi 1 đàn trâu tập thể 50 con, lợn gia đình một hộ nuôi được 6 con, xây dựng được 1 nhà kho 2 gian, 1 chuồng trâu 10 gian, 1 trường học, 1 trạm xá, 1 nhà hợp tác xã mua bán, làm 18 cây số đường trục, tổ chức lại chỗ ở cho 12 hộ quá lẻ tẻ về tập trung lập thành làng mới. Đã bán cho Nhà nước 2.081 kg thịt lợn hơi, 6 con lợn giống, 3 con trâu, 112 kg gà, 72 kg dê.

Đội 4 dân tộc Mèo, thuộc hợp tác xã Tả Phìn (Sa Pa) ở gần nông trường, có 11 hộ, 73 nhân khẩu, 22 lao động chính, đưa toàn đội vào làm 1 đội sản xuất của Nông trường bò sữa Sa Pa, chuyển từ nông dân sang công nhân nông nghiệp, dựa vào sự đầu tư của Nhà nước vừa xây dựng nông trường vừa ổn định sản xuất và đời sống. Kết quả năm 1969 đội 4 đã sản xuất ra giá trị sản phẩm cho nông trường là 30.575 đồng, vượt kế hoạch 11,9%. Giá trị sáng tạo 1 đồng tiền lương làm ra 3,09 đồng cho Nhà nước; 1 lao động 1 tháng làm 23,3 công, 1 năm 288 công, tăng 15,5% so với mức quy định; so với định mức lao động thì cấy vượt 33%, bữa vượt 64%, chuyên phân vượt 51%, thu nhập 1 tháng 1 lao động bình quân 46 đồng, 1 khẩu 16,87 đồng, cả thu phụ của gia đình là 18,5 đồng. Về phúc lợi xã hội có 1 bảo mẫu giữ 6 cháu, 1 giáo viên dạy 22 cháu từ vỡ lòng đến lớp 2. Anh em công nhân thường xuyên học bổ túc văn hóa, có 8 người có triển vọng lên lớp, có 3 thanh niên đang học máy kéo; có 1 y tá chuyên chăm sóc sức khỏe cho cả đội, khi ốm đau có chế độ nghỉ ngơi hằng năm có chế độ nghỉ phép để đồng bào đi thăm hỏi bà con. Đời sống mọi mặt của bà con so với trước được nâng lên và đảm bảo rõ rệt, do đó tư tưởng hiện nay ổn định phấn khởi. Năm 1969 đội 4 đã được bình bầu là đội sản xuất tiên tiến của nông trường.

Tóm lại, những năm qua Đảng bộ ta đã có nhiều cố gắng, nên đã giành được những thắng lợi có tính chất cơ bản:

1. Về quan hệ sản xuất trải qua hai thời kỳ khó khăn lên xuống, nhưng chiều hướng chung vẫn là đi lên và giữ vững. Qua thử thách, rõ ràng quần chúng một lòng một dạ đi theo con đường hợp tác hóa của Đảng. Nhờ hợp tác xã được giữ vững nên có sức lao động tập thể để giải quyết những vấn đề cơ bản lớn như giao thông, thủy lợi, v.v.. Sự đoàn kết nhất trí, tương trợ trong nông thôn được tăng cường, trật tự trị an được đảm bảo, chế độ bóc lột bị xóa bỏ tận gốc, không có tình trạng bóc lột trở lại.

2. Về phát triển sản xuất, những nhân tố để đi vào thâm canh, phá thế độc canh, quảng canh, du canh trước đây đã xuất hiện và đã được thực hiện khảo nghiệm kết quả, như các vùng sản xuất chuyên canh, cây con giống thích hợp với vùng cao (lợn Mường Khương, xu hào Sa Pa, mì Y Tý, đậu tương vàng Mường Khương, lanh Bắc Hà, ngô vàng Tà Chải, trắng Khơ Bắc, giẻ hạt, óc chó, cây thuốc như xuyên khung, tam thất, v.v.). Một số cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết đã được xây dựng và bắt đầu phát huy tác dụng như các trạm trại kỹ thuật nông nghiệp, thủy điện nhỏ, cơ khí nhỏ, thủy lợi, giao thông, nhất là đường giao thông lớn từ tỉnh xuống huyện. Một số đàn đại gia súc sinh sản chăn nuôi tập thể, một số nông trường đã hình thành.

3. Về đời sống, nạn đói triền miên trước đây đã không còn nữa dịch bệnh chết người hàng loạt đã chấm dứt, tệ nạn nghiện hút đã xóa bỏ, mù chữ đã căn bản thanh toán. Người Mèo từ không có chữ, mù chữ nay đã có chữ, biết chữ. Vấn đề ăn, mặc, học hành, đi lại được đảm bảo và có tiến bộ nhiều so với trước, không còn tình trạng hằng năm Nhà nước phải cứu đói, cứu rách.

Những kết quả vừa qua so với yêu cầu của sự nghiệp đưa nhân dân các dân tộc vùng cao và giữa tiến kịp vùng thấp, chỉ mới là những thắng lợi bước đầu của cả chặng đường dài mà ta đang đi tới. Song những chuyển biến đó rất căn bản, sâu sắc, nó

đã tạo nên những tiền đề và điều kiện cho những năm tới đi lên. Những thắng lợi vừa qua là thắng lợi của tinh thần nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, vận dụng linh hoạt cụ thể với điều kiện của địa phương; là thắng lợi của tinh thần kiên trì của Đảng; là tinh thần đoàn kết, cách mạng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, của quần chúng nhân dân các dân tộc; là tinh thần quyết tâm kiên trì, nhẫn nại thuyết phục vận động quần chúng của toàn thể đảng viên, cán bộ tỉnh ta.

Thực tiễn trong thời gian qua đối với việc vận động phát triển sản xuất ở vùng cao và giữa đã chỉ ra rằng:

Hợp tác hóa phải gắn chặt với vận động xây dựng cơ sở sản xuất ổn định, định canh định cư và ngược lại định canh định cư phải gắn chặt với hợp tác hóa. Vận dụng phương châm từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp của phong trào hợp tác hóa, với trình độ như vùng cao, giữa của tỉnh ta, về hình thức bước đi cụ thể phải kinh qua những bước bắc cầu, như từ làm ăn riêng lẻ qua tổ đoàn kết sản xuất lên tổ đổi công, từ đổi công qua hợp tác xã, nội dung quản lý đơn giản nên hợp tác xã kinh doanh quản lý nhiều mặt, từ hợp tác xã có quy mô nhỏ qua hợp tác xã liên hiệp, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất có quy mô lớn. Ngoài hợp tác xã nông nghiệp là hình thức chủ yếu để đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, những nơi có điều kiện Nhà nước cần và có thể đầu tư xây dựng các nông, lâm trường, dần dần thu hút đồng bào các dân tộc lân cận còn sống bấp bênh vào làm công nhân để nhanh ổn định sản xuất, đời sống, phát huy mạnh mẽ ưu thế của nông nghiệp miền núi đồng thời hỗ trợ cho các hợp tác xã chung quanh về mặt xây dựng cơ sở sản xuất ổn định và kỹ thuật. Như vậy, việc tổ chức nông dân lại để đi lên chủ nghĩa xã hội ở vùng cao và giữa có thể bằng hai cách: Tuần tự từ thấp lên cao theo con đường hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, đồng thời có nơi có điều kiện, có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước thì có thể đưa thẳng vào làm công

nhân ở các nông lâm trường, từ nông dân cá thể hay nông dân tập thể sang hẳn công nhân nông nghiệp.

Đứng về phía sản xuất mà nói thì nguồn gốc sâu xa của du canh du cư là du canh mà nguồn gốc du canh chính là tệ hại của phương thức và tập quán sản xuất quảng canh, ngại khó đơn giản, bóc lột đất, dựa vào tự nhiên của chế độ lạc hậu cũ. Cho nên giải quyết vấn đề du cư phải giải quyết vấn đề du canh, giải quyết du canh phải tìm mọi biện pháp, hình thức để xóa bỏ tệ quảng canh, đi vào thâm canh cây trồng và con gia súc.

Cơ sở sản xuất ổn định của vùng cao và giữa phải là ruộng nương bậc thang, đồng cỏ và đàn gia súc lớn ở nơi có điều kiện và những đôi cây dài ngày, bao gồm cây lấy gỗ cây có dầu, có bột, cây ăn quả, còn nương cấy chưa thể coi là cơ sở sản xuất ổn định. Với tình hình độ dốc lớn, mưa nhiều xói mòn nặng, nương cấy chẳng qua cũng chỉ là hình thức du canh với chu kỳ dài hơn so với nương phát mà thôi.

Thủy lợi ở vùng cao phải gắn chặt với trồng cây và phục hồi rừng, nhất là rừng đầu nguồn đỉnh đồi, gắn chặt với khai phá nương ruộng bậc thang. Việc trồng rừng, vỡ ruộng nương bậc thang phải được coi như biện pháp làm thủy lợi. Rừng ở vùng cao không chỉ đơn thuần là trồng cây lấy gỗ, củi mà phải bao gồm cây lấy gỗ và rừng cây công nghiệp có dầu, cây dài ngày có chất bột, nếu không thì có rừng mà nông dân vẫn phải bỏ đi, vì rừng đó không phải cơ sở sản xuất, là chỗ dựa để sinh sống thu nhập.

Lương thực ở vùng cao không chỉ tính toán sản xuất đơn thuần các loại cây có chất bột hằng năm mà phải trồng cả các loại cây lâu năm có chất bột, có giá trị dinh dưỡng cao, tiến dần lên việc sản xuất và dùng nhiều cây thực phẩm, sản phẩm chăn nuôi vào bữa ăn hằng ngày.

Vấn đề giao thông, nhất là đường lớn đang đòi hỏi phải đặt lên vị trí đi đầu trong việc xây dựng vùng sản xuất định canh định cư vùng kinh tế mới ở vùng cao. Vì giao thông hiện nay

không chỉ là yêu cầu của sản xuất mà còn là nguyện vọng tha thiết của quần chúng, có đường mới có điều kiện hỗ trợ cho vùng cao về máy móc, vật tư, phân bón, tạo nên giao lưu hàng hóa giữa các vùng, đẩy mạnh tập quán sản xuất hàng hóa của đồng bào vùng cao và giữa....

Thực tiễn vừa qua cũng chứng minh rằng: Nhân dân các dân tộc vùng cao và giữa của tỉnh ta có tinh thần, khả năng và hoàn toàn có khả năng, điều kiện định canh định cư để tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiến kịp vùng thấp, tiến nhanh và mạnh, nếu phương hướng sản xuất được xác định cụ thể phù hợp với từng nơi; có sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ, có sự đầu tư giúp đỡ tích cực toàn diện của chính quyền các cấp một cách tích cực, kiên trì, gương mẫu vận động thuyết phục quần chúng của cán bộ, đảng viên ta chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách đã có của Đảng và Chính phủ đối với cuộc vận động và phát triển sản xuất.

Những thành tích chúng ta đã đạt được nhưng kinh nghiệm sơ bộ từ thực tiễn đã cổ vũ và làm sáng tỏ cho chặng đường ta đang đi tới. Chúng ta rất phấn khởi, tự hào với những thắng lợi bước đầu đã giành được, nhưng đồng thời chúng ta cũng thấy hết những mặt khó khăn, tồn tại, nhược điểm của phong trào để ra sức khắc phục. Những tồn tại, nhược điểm của tình hình vùng cao và giữa hiện nay là:

- Các cuộc vận động quần chúng trước đây mới giải quyết được từng mặt, chưa giải quyết được toàn diện vấn đề du canh du cư.

Trong phương hướng và chỉ đạo sản xuất, phân bố lao động còn dàn đều chung chung về cây lương thực, chưa chú ý đúng mức đến cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng. Còn coi nhẹ cây dài ngày là những loài cây có ưu thế đối với điều kiện đất đai của ta. Qua khảo sát 105 xã thì dự tính sơ bộ có 13 xã có khả năng sản xuất lương thực thành hàng hóa, 51 xã có khả năng tự túc lương thực và làm thuê, nghĩa vụ đối với Nhà nước; còn 41 xã thì lại có khả năng về mặt sản xuất ra sản phẩm khác (chăn nuôi, nghề rừng, cây công

nghiệp, cây đặc sản, v.v.) để trao đổi lấy lương thực do Nhà nước hỗ trợ trở lại.

- Trong tổ chức thực hiện, chúng ta còn thiếu những biện pháp cụ thể để khuyến khích các hợp tác xã đi vào kinh doanh các ngành có ưu thế. Chính sách lương thực, đầu tư vốn và giá cả thu mua, chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật, v.v.. Chưa được vận dụng thích hợp và chấp hành nghiêm chỉnh ở vùng cao và giữa. Mặt khác, do đất đai nhiều nơi quá dốc, nạn xói mòn xảy ra mạnh, 75% diện tích canh tác lại là nương cây, nương phát, những biện pháp chống xói mòn và thâm canh tăng năng suất, nhất là thâm canh cây trồng trên nương chưa được chú trọng đúng mức, nên tăng năng suất ở một số cây trồng chủ yếu ngày càng giảm sút dần (ngô giảm 24,7%, lúa nương 17,3%, đậu tương giảm 14,8%). Cơ sở ruộng nước quá ít, bình quân nhân khẩu mới có 495 m², có nơi cả xã hoàn toàn sống vào làm nương (xã Tả Thàng), khả năng khai phá thêm ruộng ở các xã cũng rất hạn chế. Qua khảo sát hơn 100 xã thì chỉ còn khả năng khai phá được khoảng 610 ha ruộng, nhưng ở phân tán lẻ tẻ, khó khăn, hằng năm nhân dân phải đi phát thêm rừng làm nương rẫy để sản xuất lương thực. Vì vậy, do việc phát rừng làm nương du canh, một chốn đói quê vẫn còn đang phát triển. Hiện nay, toàn tỉnh có tới 8.649 ha nương du canh, bằng 38% diện tích canh tác trong 2.749 hộ với 15.611 nhân khẩu, bằng 10,56% số nhân khẩu nông nghiệp còn du canh du cư; 8.883 hộ, 53.637 nhân khẩu bằng 36,36% nhân khẩu nông nghiệp đã định cư nhưng còn du canh; 13.781 hộ, 78.521 nhân khẩu bằng 53,08% nhân khẩu nông nghiệp đã định canh định cư nhưng còn một phần nương du canh, do hằng năm gia đình xã viên làm riêng, thu riêng (kiểu du canh), trong đó có một số hộ hoàn toàn du canh, du cư sống xen kẽ. Các dân tộc Nùng, Hán trước đây vốn sống định canh định cư, nay lẻ tẻ đã có một số hộ du canh du cư, do lối quảng canh gây ra.

Mấy năm gần đây đã xuất hiện ngày càng nhiều tình hình đồng bào vùng cao, phần lớn là đồng bào Mèo chuyển cư xuống

vùng thấp, chuyển từ nơi hết rừng đến nơi còn rừng để phát nương sinh sống, tàn phá rừng nghiêm trọng. Hiện tượng này thường lâu năm xảy ra một lần, đi không quay lại. Ngoài ra còn tình hình đồng bào biên giới thâm nhập vào nội địa ta ngày càng nhiều cũng gây nên tình trạng phá rừng nặng nề.

- Tình hình hợp tác xã ở vùng cao và giữa nói chung còn yếu, chưa vững chắc trên nhiều mặt: Quy mô hợp tác xã còn nhỏ, chất lượng chưa cao, trình độ công tác quản lý còn thấp, nội dung quản lý còn quá đơn giản, phương hướng cụ thể qua từng hợp tác xã chưa được xác định xét duyệt rõ ràng. Số hợp tác xã kém và nội dung quá đơn giản còn nhiều, một số thôn xóm xã chưa có hợp tác xã hoặc có nhưng chỉ còn là hình thức chưa được củng cố xây dựng lại. Phần làm riêng lẻ gia đình xã viên còn nhiều, ruộng đất cá thể và xã viên làm riêng thì về ruộng còn tới 15,9%, nương cấy 42,7%, nương du canh 64%, một số tư liệu sản xuất chủ yếu chưa được tập thể hóa rành mạch, do đó không định rõ phần do tập thể quản lý sở hữu với phần sở hữu riêng của gia đình xã viên. Tệ đốt phá rừng, thả rông gia súc còn nặng.

- Các tổ chức chính trị ở cơ sở còn yếu. Cách ăn ở vệ sinh phòng bệnh và phong trào văn hóa, giáo dục tiến chậm. Số người mù chữ trở lại và đến tuổi chưa đi học khá nhiều, có huyện còn tới 82,36% số người trong độ tuổi quy định chưa biết chữ. Mê tín dị đoan các tệ tục cũ chưa cải tiến mấy, có nơi còn trở lại tệ tục cũ.

Từ những tồn tại trên, dẫn đến sản xuất ở vùng cao và giữa chưa được phát triển toàn diện, đời sống nhân dân các dân tộc chưa được phát triển toàn diện và cải thiện nhanh, sản xuất và đời sống chưa thật sự được ổn định, còn bấp bênh, quá phụ thuộc vào tự nhiên. Bệnh tật có nơi có lúc còn xảy ra nặng. Tài nguyên về rừng trong tỉnh bị phá hoại rất nhiều và nghiêm trọng. Diện tích nương du canh không giảm mà càng tăng lên (năm 1955 tỉnh có khoảng 10 vạn dân, nương du canh có 2.345 ha nay có trên 19 vạn dân, nhưng nương du canh lên tới 8.649 ha). Diện tích rừng có cây

che phủ trong tỉnh chỉ còn khoảng 10%, riêng vùng cao miền Đông còn khoảng 10%, có huyện chỉ còn 4% (Bắc Hà, Si Ma Cai). Tình hình đó đã và đang gây ra nhiều tác hại lớn về nhiều mặt, kể cả việc bảo vệ các nguồn nước để phục vụ sản xuất, đời sống, ảnh hưởng đến quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Còn tình trạng trên là do bản thân vùng cao và giữa có nhiều khó khăn từ lâu đời để lại về mọi mặt. Tuy vậy, phía lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng bộ ta vẫn còn nhiều thiếu sót:

1. Các ngành từ tỉnh đến huyện và cơ sở, chưa thấy hết đặc điểm và vị trí của tỉnh ta, 3/4 là vùng cao và giữa. Nhận thức được vấn đề du canh còn đơn giản, cho nương cấy cũng là cơ sở của định canh nên có phần chủ quan, chưa sớm và thường xuyên có biện pháp tích cực tập trung đầy đủ xây dựng vùng cao và giữa một cách toàn diện, chưa mạnh dạn chuyển hướng phương thức sản xuất lạc hậu cũ sang phương hướng và cách sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, để phát triển mạnh những ưu thế cây trồng, con gia súc của từng nơi.

2. Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của vùng cao và giữa chưa được chú trọng đúng mức do đó có nơi hầu như vẫn chưa có gì đáng kể so với trước kia (bình quân 1,2 hợp tác xã mới có 1 nhà kho; 2,8 hợp tác xã mới có 1 sân phơi; 3,75 hợp tác xã có 1 chuồng chăn nuôi, 1 hợp tác xã có 7 công cụ cải tiến các loại. Diện tích ruộng không có khả năng làm thủy lợi chỉ còn 1.218 ha, bằng 22,1% diện tích ruộng vùng cao và giữa). Trình độ văn hóa quản lý kinh tế, kỹ thuật còn thấp kém nhưng chúng ta chưa tập trung giải quyết một cách tích cực.

3. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nông thôn vẫn diễn ra hằng ngày, hằng giờ phức tạp và lâu dài. Từ khi tổ chức nông dân vào hợp tác xã, tuy chúng ta vẫn thường xuyên giáo dục quần chúng, nhưng việc giáo dục đó chưa sâu sắc, triệt để, chưa tập trung vào việc xây dựng nâng cao ý thức làm chủ tập thể cho quần

chúng xã viên. Công tác tư tưởng chưa gắn chặt với công tác quản lý và đấu tranh thực hiện phương hướng, kế hoạch sản xuất từng thời gian.

4. Mấy năm gần đây tỉnh ta chủ trương tiến hành cuộc vận động củng cố toàn diện ở vùng cao, nhưng việc thực hiện còn tản mạn, chưa thật tập trung, chặt chẽ. Sự chỉ đạo của tỉnh chưa thật kiên quyết, chưa sâu. Các ngành phục vụ chưa tốt, huyện xã chỉ đạo và thực hiện rời rạc, chưa tập trung hoàn thành dứt điểm các yêu cầu của cuộc vận động theo trình tự đề ra. Trong chỉ đạo thực hiện phương hướng và kế hoạch hằng năm của những nơi đã được xác định chúng ta chưa sâu sát, kịp thời giải quyết những vấn đề do yêu cầu sản xuất đòi hỏi, như việc chấp hành chính sách, kiểm tra đôn đốc giúp cơ sở nghiêm chỉnh thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, chưa kịp thời tổng kết những kết quả, kinh nghiệm ở điểm để phổ biến và để có cơ sở thực tế thuyết phục lẫn nhau, tạo nên sự nhất trí ngày càng cao.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ KẾT HỢP HỢP TÁC HÓA, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, Củng cố CƠ SỞ TOÀN DIỆN VÙNG CAO VÀ GIỮA TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Căn cứ vào tình hình trên, dựa vào Nghị quyết số 38/CP của Hội đồng Chính phủ và để thực hiện tốt phương hướng chung của Đảng bộ tỉnh ta trong 3 năm 1970-1972, chúng ta quyết tâm có những biện pháp thật tích cực, tổ chức thực hiện thật chu đáo để đưa đồng bào còn du canh du cư trong tỉnh, đặc biệt là vùng cao và giữa tiến lên một bước mới, khác hẳn so với hiện nay. Vì vậy, trong khi ở vùng thấp tiếp tục nâng cao công tác quản lý hợp tác xã và

chuẩn bị đi đến tiến hành mở cuộc “Vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa đẩy mạnh sản xuất, củng cố cơ sở toàn diện”, gắn chặt với cuộc vận động lao động sản xuất. Cuộc vận động định canh định cư lấy lao động sản xuất làm hành động cụ thể, ngược lại cuộc vận động lao động sản xuất, cũng lấy việc định canh định cư làm mục đích hành động. Cuộc vận động này là công tác trung tâm ở vùng cao và giữa, các công tác khác xoay quanh và gắn với các yêu cầu của cuộc vận động mà thực hiện. Mục đích, yêu cầu, nội dung cụ thể của cuộc vận động bao gồm:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

Cuộc vận động nhằm: Giáo dục toàn Đảng bộ, toàn dân thấy hết vị trí khả năng và sự đòi hỏi cấp bách của vùng cao và giữa hiện nay. Trên cơ sở đó tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ sâu sắc về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ, toàn dân, ra sức khắc phục khó khăn, nhược điểm, tồn tại, phát huy kết quả đã đạt được, để phát triển mạnh mẽ trồng cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây ăn quả, cây thuốc và nghề rừng. Cuộc vận động phải nhằm: vận động đồng bào hiện còn du canh du cư thay đổi hẳn cách làm ăn lạc hậu cũ, sang cách làm ăn mới, theo phương hướng sản xuất mới tiến bộ, xây dựng cơ sở định canh định cư, đi vào con đường làm ăn tập thể ổn định sản xuất và đời sống. Đối với các đồng bào đã định cư nhưng còn du canh thì vận động đồng bào xây dựng thêm cơ sở định canh ổn định, củng cố và mở rộng cơ sở định canh định cư cũ và đi vào ổn định sản xuất đời sống thật sự. Đối với đồng bào đã định canh định cư nhưng còn làm thêm một số phần du canh và có những hộ du canh du cư hoàn toàn sống xen kẽ thì vận động đồng bào mở rộng và củng cố cơ sở định canh định cư, hỗ trợ các hộ còn du canh du cư sống xen kẽ đi vào định canh định cư. Những thôn bản chưa có hợp tác xã thì xây dựng hợp tác xã và củng cố tốt các hợp tác xã đã có. Tất cả phương hướng đó là để đáp ứng yêu cầu sản xuất, chấm dứt tình trạng khai

phá nương rẫy hằng năm, hoặc đi phát nương theo lối một chốn đôi quê. Về mặt tổ chức cơ sở phải được củng cố và chấn chỉnh một bước (Đảng, chính quyền, đoàn thể) đủ sức làm hạt nhân lãnh đạo thường xuyên, trực tiếp đối với mọi phong trào ở xã và hợp tác xã.

Thực hiện được các mục tiêu trên chính là làm cho vùng cao và giữa nhanh chóng tiến kịp vùng thấp, các dân tộc anh em cùng nhau đoàn kết tiến lên chủ nghĩa xã hội, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ kế hoạch nhà nước hàng năm và 3 năm 1970-1972, sẵn sàng chiến đấu tốt, đảm bảo trật tự an ninh địa phương, đồng thời góp phần xứng đáng vào nhiệm vụ “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, hiện nay chuẩn bị cho bước phát triển mới của vùng cao và giữa sau này.

Yêu cầu chung của cuộc vận động là: Bảo đảm cho nhân dân các dân tộc sản xuất ổn định, đời sống ổn định, tư tưởng ổn định, đoàn kết tốt, các tổ chức cơ sở vững mạnh, trật tự an ninh được giữ vững, kế hoạch sản xuất hằng năm hoàn thành toàn diện và vượt mức. Phải tôn trọng nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện, hết sức tránh gò ép có thể gây ra những hậu quả không tốt, có hại đến chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Để thực hiện tốt mục đích, yêu cầu cuộc vận động như trên, cần làm tốt những nhiệm vụ công tác dưới đây.

1. Xác định phương hướng sản xuất rõ ràng, lập kế hoạch sản xuất cụ thể, ra sức thực hiện toàn diện và vượt mức kế hoạch của từng năm, cả chăn nuôi, trồng trọt, nghề rừng, cả năng suất và diện tích, sản lượng trong từng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Phương hướng sản xuất của các xã đã được quy hoạch xác định, các hợp tác xã phải căn cứ vào hướng chung đó để xác định

phương hướng sản xuất cụ thể của mình cho phù hợp với điều kiện đất đai, thời tiết khí hậu của từng vùng, từng hợp tác xã, có cân đối mọi mặt rõ ràng.

Ở những nơi có điều kiện sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cần ra sức xây dựng ruộng nương bậc thang đi vào thâm canh, luân canh tăng vụ đảm bảo sản xuất ổn định, đưa năng suất cây trồng ngày càng tăng. Đối với những nơi sản xuất lương thực bị hạn chế thì phải phát triển trồng cây công nghiệp, cây có chất bột lâu năm, cây ăn quả, cây làm thuốc, chăn nuôi và làm nghề rừng, v.v. là chính, đồng thời tận dụng đất đai để sản xuất lương thực với mức hết khả năng có thể. Đi vào cụ thể từng hợp tác xã thì phải xác định phân rõ ba loại hợp tác xã: loại có khả năng sản xuất lương thực thành hàng hóa; loại có khả năng sản xuất lương thực để tự túc còn đóng góp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thì chủ yếu bằng sản phẩm về cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng; loại trước mắt chưa thể có khả năng tự túc được lương thực, phải có sự viện trợ của Nhà nước những năm đầu, để đi vào xây dựng cơ sở sản xuất ổn định. Nói chung tất cả thì đều phải với tinh thần khai thác, tận dụng hết điều kiện để sản xuất về lương thực để tự giải quyết lương thực tại địa phương, theo phương hướng thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, bỏ lối quảng canh, du canh, tự nhiên lạc hậu (trừ khi thực sự không còn khả năng phát triển cây lương thực).

Lương thực bao gồm cả lúa, ngô, khoai, sắn, đỗ các loại, mì và cây có bột khác, cả cây ngắn ngày và dài ngày. Riêng từng vùng tập trung làm một số loại cây chính: vùng thấp lúa, ngô, khoai lang, khoai tây, sắn. Vùng cao: ngô, lúa, mì, khoai tây, hạt dẻ. Về cây công nghiệp, chú ý phát triển những loại cây thích hợp với từng vùng, từng nơi và phải chú ý giải quyết vấn đề chế biến, tiêu thụ. Vùng cao miền Tây: óc chó, lê, táo, đào, thảo quả, hạt rau, xuyên khung, v.v.. Vùng cao miền Đông: đậu tương, cải dầu, hạt dẻ, óc chó, lê, táo, mận... Vùng giữa và vùng thấp:

lai, sỏ, cam, nhản... Về chẵn nuôi, chủ yếu là phát triển chẵn nuôi trâu, bò sinh sản, trâu, bò sữa, đồng thời chú ý đẩy mạnh chẵn nuôi lợn, dê, nhất là lợn của gia đình, phát triển dê, ngựa, gia cầm, ong mật, v.v.. Về nghề rừng: kết hợp chặt chẽ lực lượng của nhân dân với lực lượng của quốc doanh, kết hợp chặt chẽ giữa bảo vệ, tu bổ, cải tạo phục hồi và trồng rừng với cây công nghiệp, với thủy lợi, cây có chất bột dài ngày. Cần có hướng khai thác và phát triển cụ thể với tinh chất từng loại rừng, làm cho rừng ngày càng giàu có về gỗ và các loại lâm sản khác, nhằm phục vụ công nghiệp, phục vụ nông nghiệp, phòng và chống hạn, lụt, gió. Đặc biệt, cần kiên quyết giữ và trồng lại rừng đầu nguồn và đỉnh đồi trọc.

Ngoài ra, cần ra sức xây dựng các cơ sở thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và phát triển các nghề phụ trong các hợp tác xã, để đảm bảo sửa chữa và cung cấp các loại công cụ canh tác, tưới nước vận chuyển, chế biến, đồng thời sản xuất một số hàng tiêu dùng thích hợp. Các nghề phụ (đan lát, dệt vải), chủ yếu do gia đình xã viên làm, nhưng hợp tác xã có chỉ đạo và hướng dẫn.

Đi đôi với việc xác định phương hướng sản xuất, cần quy định công cụ và những biện pháp kỹ thật cho từng vùng, từng loại đất, từng cây trồng, con gia súc, kể cả đối với nghề rừng. Cần coi trọng việc nghiên cứu tổng kết và phát huy những kinh nghiệm tốt sẵn có của các dân tộc, vừa tích cực phổ biến áp dụng những kỹ thuật tiên tiến, chống bảo thủ, đồng thời chống rập khuôn máy móc. Trong chỉ đạo thực hiện phương hướng chung và kế hoạch hàng năm, hàng vụ đặc biệt, chú trọng thực hiện phương châm: “Lấy ngắn nuôi dài”, “Xóa bỏ dần nương rẫy”, có kế hoạch chủ động từng bước, từng vụ chuyển nương phát sang các đồi cây công nghiệp dài ngày, trồng xen gối lúa nương với cây công nghiệp dài ngày, kết hợp chặt chẽ việc khai thác trong tu bổ rừng, v.v. cân đối giữa xây dựng cơ sở sản xuất cho lâu dài và thu nhập trước mắt để đảm bảo đời sống.

2. Xây dựng củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới

Có ba loại hợp tác xã (nông nghiệp, mua bán, tín dụng), lấy hợp tác xã sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm, đều phải được xây dựng, củng cố vững chắc. Dựa vào phương hướng sản xuất của từng vùng, thuộc từng huyện, xã đã định, khẩn trương xác định phương hướng cụ thể cây con cho từng hợp tác xã rõ ràng dứt khoát, có sự xét duyệt thống nhất từ cơ sở đến huyện, tỉnh. Dựa vào hướng cây con đã được xác định, tiến hành tổ chức phân công lại toàn bộ lao động trong từng huyện, xã và hợp tác xã theo hướng chuyên môn hóa lao động, chuyên canh hóa hợp tác xã (chuyên canh kết hợp với toàn diện, có ngành chính, phụ và bổ sung) và trên cơ sở cố gắng sản xuất lương thực (lương thực bao gồm các cây có chất bột ngắn ngày, dài ngày, những cây có dầu thực phẩm, rau, quả, thịt). Cân đối lại lao động thích đáng để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng; phân bổ lực lượng thích đáng cho việc xây dựng cơ sở sản xuất ổn định và những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết khác. Cần định rõ các loại hình hợp tác xã gồm: hợp tác xã nông nghiệp có kinh doanh nghề rừng, hay hợp tác xã lâm nghiệp có kinh doanh nông nghiệp; hợp tác xã trồng cây lương thực có kinh doanh cây đặc sản, cây công nghiệp có kinh doanh cây lương thực; hợp tác xã trồng lương thực. Căn cứ vào phương hướng sản xuất và các loại hình hợp tác xã xác định mà xét duyệt và thi hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Chính phủ đã có đối với hợp tác xã, nhất là về chính sách lương thực.

Củng cố các hợp tác xã hiện có theo nội dung, tính chất hợp tác xã như điều lệ đã quy định, thanh toán các hợp tác xã quản lý nội dung đơn giản. Xây dựng các hợp tác xã mới ở các thôn xóm chưa có hợp tác xã và kết nạp thêm các hộ lẻ tẻ vào hợp tác xã thanh toán các xã trắng, thôn trắng, đưa tỷ lệ hộ nông dân vùng cao và giữa vào hợp tác xã từ 80% trở lên (chỉ kể loại có nội dung tính

chất hợp tác xã), trong đó độ 60% trở lên. Những hợp tác xã có đủ điều kiện (cán bộ lãnh đạo, có kế toán khá, ruộng đất đồng đều, địa dư gần nhau hoặc có đủ điều kiện di chuyển lại ở gần nhau) cũng có thể tiến hành hợp nhất với quy mô trên dưới 50 hộ/hợp tác xã.

Đối với những hợp tác xã quản lý kém, ruộng đất không đồng đều địa dư phân tán, cán bộ quản lý thiếu và yếu, chưa đủ điều kiện hợp nhất thì tiếp tục củng cố nâng trình độ quản lý lên một bước đúng với tính chất, nội dung hợp tác xã như điều lệ đã quy định. Một số xã trọng điểm của vùng sản xuất, do yêu cầu sản xuất mà có liên quan về nhiều mặt phát triển kinh tế trong phạm vi một thôn, hay trong một xã, thì tổ chức hợp tác xã liên hiệp để kinh doanh chung một số chỉ tiêu chính và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, khai hoang có lợi ích lâu dài. Các hợp tác xã cố gắng quản lý kinh doanh được những ngành sản xuất chính, nhằm thực hiện đúng hướng sản xuất và kế hoạch đề ra trong mỗi vùng lớn và trong từng tiểu vùng nhỏ, hợp tác xã phải quản lý được những tư liệu sản xuất chủ yếu như ruộng, rừng, đôi cỏ lớn và chăn nuôi tập thể từ 70 đến 80% đàn gia súc sinh sản (trâu, bò, dê), có xây dựng chuồng trại, tổ chức chăn dắt chu đáo, chống thả rông.

Củng cố lại các đội sản xuất cố định theo chòm xóm gần nhau và tổ chức một số đội chuyên môn hóa sản xuất cây con, các đội thủy lợi, giao thông chuyên trách, v.v.. Mỗi xã viên hàng năm đóng góp ngày công sản xuất cho hợp tác xã từ 220 ngày trở lên. Thanh toán chế độ cho điểm hàng ngày, thực hiện chế độ bình công chấm điểm và nâng lên một bước khoán nhiều việc tiến đến ba khoán.

Hàng năm, hàng vụ, các cấp, các ngành có trách nhiệm như tài chính, ngân hàng, ban quản lý hợp tác xã... phải giúp đỡ hợp tác xã phân phối kịp thời và thực sự dân chủ, thanh toán công khai báo cáo trước xã viên. Cần củng cố lại công tác tài vụ trong các hợp tác xã, sổ sách rõ ràng chi tiêu đúng nguyên tắc.

Đối với kinh tế phụ gia đình xã viên ở các vùng đều phải có sự chỉ đạo chặt chẽ, làm cho kinh tế phụ phát triển đúng hướng và

thực hiện tốt chính sách 5% đất ở, đất cho gia đình xã viên mượn, theo đúng quy định của tỉnh.

Đối với những nơi có sai sót về việc thi hành điều lệ, mà quần chúng xã viên học tập, phát hiện ra, cần nghiêm khắc sửa chữa nhất là vấn đề tiền nong vay mượn nhập nhằng của tập thể, có thì phải trả ngay, nếu chưa trả ngay thì phải công khai ký nhận khất nợ trước xã viên. Các ngành xung quanh tỉnh, huyện nếu có sai sót đối với hợp tác xã mà quần chúng phê bình thì cũng phải nghiêm chỉnh tiếp thu và sửa chữa ngay cụ thể đối với từng hợp tác xã.

Vận động 100% hộ tham gia hợp tác xã nông nghiệp đều tham gia hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán. Trên cơ sở phát triển sản xuất làm cho thu nhập của xã viên từng bước chiếm trên một nửa từ kinh tế tập thể, đồng thời tăng tích lũy của hợp tác xã. Cán bộ quản lý và kế toán của ba loại hợp tác xã trên đều phải được đào tạo đủ và có thể đảm đương được nhiệm vụ. Trên cơ sở làm tốt các mặt phấn đấu đưa đại bộ phận các hợp tác xã của ba loại trên trở thành tiên tiến và khá. Đối với những xóm bản, nhân dân ở quá trình phân tán chưa vào hợp tác xã thì quá trình vận động phải dần dần gây ý thức và giúp đồng bào từng bước đi vào làm ăn tập thể.

Các công, nông, lâm trường hiện có và sẽ xây dựng mới trong tỉnh như: Thanh Bình, Nậm Mòn, Sa Pa... cần có kế hoạch thu nạp dần dần những đồng bào còn du canh du cư gần đó nhất trở thành công nhân viên nhà nước. Trước mắt, ngành lâm nghiệp cần mạnh dạn phân cấp quản lý cho huyện đối với các lâm trường theo phạm vi địa giới của từng huyện, đồng thời tổ chức các trạm theo từng khu vực từ 3 - 5 xã để cùng với huyện và xã trực tiếp bồi dưỡng, quản lý lực lượng xã viên chuyên trách làm rừng trong các hợp tác xã nông nghiệp kiêm lâm nghiệp hoặc hợp tác xã lâm nghiệp kiêm sản xuất nông nghiệp.

3. Ra sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cần thiết cho định canh định cư, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học - kỹ thuật và công cụ cải tiến vào sản xuất nông, lâm nghiệp

Căn cứ vào phương hướng sản xuất và những biện pháp kỹ thuật cụ thể của từng vùng, mà tiến hành xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đảm bảo yêu cầu sản xuất cụ thể của từng vùng, từng cây con. Trước mắt, cần tập trung xây dựng một cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng một số biện pháp kỹ thuật và công cụ cải tiến như:

- Xây dựng ruộng đất canh tác ổn định, khai phá thêm ruộng và nương bậc thang để trồng các loại cây trồng ngắn ngày và xây dựng các đôi cây dài ngày. Phấn đấu trong vài ba năm tới đến năm 1972 bình quân nhân khẩu được từ 1 - 2 sào nương ruộng bậc thang, mỗi người trồng được 30 cây dài ngày có bột và có dầu thực phẩm.

- Làm các công trình thủy lợi nhỏ và vừa như đắp đập, làm hồ ao, giếng dự trữ, đảm bảo đủ nước cho trồng trọt, nước sinh hoạt cho người và gia súc. Mấy năm tới, hoàn thành dứt vấn đề giếng nước ăn ở vùng cao. Ở những nơi có điều kiện kết hợp công tác thủy lợi mà xây dựng thủy điện nhỏ, phục vụ sản xuất và đời sống.

- Xây dựng các nhà trữ và chế biến phân, các cơ sở chọn lọc giống, giữ giống (cả giống cây trồng và gia súc), các cơ sở thức ăn cho gia súc (sản xuất, chế biến thức ăn, cải tạo đồng cỏ). Mỗi hợp tác xã có một vườn ươm cây và một đôi cây lấy gỗ, củi, một đồng cỏ chăn nuôi và một đàn gia súc lớn sinh sản.

- Xây dựng các cơ sở rèn, mộc, đủ sức sản xuất, đủ công cụ thường cho trồng trọt, chăn nuôi nghề rừng.

- Hoàn thành các con đường liên huyện như Bắc Hà - Si Ma Cai, Mường Khương - Pha Long, Bát Xát - Mường Hum, xây dựng các đường giao thông từ làng bản ra ruộng, lên nương, từ thôn nọ đến thôn kia, từ thôn xã ra đường lớn để người, ngựa đi lại dễ dàng hoặc có thể dùng xe cải tiến, xe trâu, bánh lốp, v.v. xây dựng các nhà kho, sân phơi, nhà hong sấy đậu tương, hạt rau ở những địa

điểm thích hợp; các cơ sở phòng và chữa bệnh cho gia súc, cơ sở phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng.

- Xây dựng các tổ nghiên cứu khoa học - kỹ thuật áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn trong hợp tác xã như trồng cây, nước, phân giống, gieo trồng cây phân xanh và cây cải tạo đất.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, lâm nghiệp, chế biến... và các công nhân lành nghề về vôi gạch, rèn, mộc, nề, cơ khí, máy bơm điện... đủ cho yêu cầu của hợp tác xã.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật là một việc rất lớn, phải có kế hoạch từng bước. Thời gian đầu cần tập trung sức vào những yêu cầu cấp bách và những cơ sở trực tiếp sản xuất chủ yếu trước, hết sức tránh tình trạng máy móc, rập khuôn, hoặc phô trương hình thức.

4. Xây dựng làng bản, đời sống mới, tích cực cải tiến một bước về tổ chức đời sống, phát triển mạnh mẽ phong trào bổ túc văn hóa, giáo dục, xã hội và vệ sinh phòng bệnh ở vùng cao và giữa

Đi đôi với sản xuất phải làm tốt và dứt điểm một số công việc thiết yếu là: Đẩy mạnh công tác bổ túc văn hóa, thanh toán số người trong độ tuổi phải thanh toán bằng cả hai thứ chữ phổ thông và chữ Mèo. Đặc biệt, chú trọng dạy văn hóa cho đảng viên, đoàn viên và cán bộ chủ chốt các ngành của xã và hợp tác xã từ đội trưởng trở lên, có đủ trình độ đảm đương nhiệm vụ, theo kịp yêu cầu công tác, không còn tình trạng cán bộ, đảng viên chưa biết chữ hoặc quá thấp như hiện nay. Cần đào tạo mỗi xã và hợp tác xã một số anh chị em có đủ trình độ văn hóa để đi học kỹ thuật trung cấp các loại và công nhân kỹ thuật công nghiệp phức tạp. Cần sử dụng chữ Mèo vào một số công việc hành chính ở các huyện như thông tin, truyền thanh, sổ sách kế toán của hợp tác xã đưa công tác thông tin văn hóa, văn nghệ quần chúng, gây không khí tươi vui, phấn khởi, lành mạnh trong quần chúng các

dân tộc. Thường xuyên vận động quần chúng sửa đổi, đẩy lùi những phong tục tập quán lạc hậu có hại cho sản xuất, sức khỏe và lãng phí, không tiết kiệm sức người, tiền của. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, kịp thời dập tắt những ổ dịch bệnh thường xảy ra. Vận động ăn tiêu có kế hoạch. Chấm dứt tình trạng thiếu ăn khi giáp hạt, giáp vụ, vận động quần chúng sửa đổi cách ăn ở hiện nay cho ngăn nắp, hợp vệ sinh, đảm bảo sức khỏe, đưa chuồng gia súc ra xa nhà, xây dựng nhà tắm, hố xí, giếng nước, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường học, trạm xá, cửa hàng. Mỗi huyện xây dựng một vài xã, mỗi xã một vài thôn bản kiểu mẫu tạo thành điển hình và dần dần mở rộng toàn xã, toàn huyện để sau 3 năm tới thì làm mạnh hơn. Đối với những hộ, bản ở quá phân tán lẻ tẻ trở ngại cho việc tổ chức sản xuất và sinh hoạt, cần mạnh dạn vận động đồng bào tự nguyện chuyển đến các nơi tương đối tập trung thuận lợi cho việc sản xuất và tổ chức đời sống, xây dựng thành những làng bản mới. Cần kết hợp nghiên cứu để điều chỉnh lại địa giới và sáp nhập một số xã quá nhỏ bé với nhau cho phù hợp với yêu cầu mới của sản xuất.

5. Củng cố và kiện toàn một bước các tổ chức cơ sở, đào tạo cán bộ, đảm bảo đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện toàn bộ cuộc vận động cũng như duy trì những kết quả đã đạt được trong cuộc vận động sau này

Cuộc vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất, củng cố cơ sở vùng cao và giữa là nhiệm vụ rất trọng yếu của tỉnh ta. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng phải lấy mục đích, yêu cầu của cuộc vận động làm mục tiêu trọng tâm để phấn đấu xây dựng tổ chức của mình, lấy nội dung của cuộc vận động là yêu cầu cơ bản, để phấn đấu trở thành chi bộ, tổ đảng, đảng viên bốn tốt, chính quyền giỏi toàn diện, chi đoàn bốn tốt, phụ nữ ba đảm đang, thanh niên ba sẵn sàng, phụ lão ba giỏi... đồng thời lấy việc hoàn thành các nhiệm vụ

của cuộc vận động làm tiêu chuẩn nhận xét, lựa chọn, phát hiện, bồi dưỡng những nhân tố mới để kết nạp vào Đảng và cất nhắc đề bạt cán bộ tăng cường số lượng và chất lượng cho các tổ chức ở cơ sở sau cuộc vận động. Các xã đều có Ban chỉ ủy, các hợp tác xã đều phải có tổ đảng và cốt cán lãnh đạo, có đủ khả năng tự động đảm đương được mọi nhiệm vụ công tác của xã và hợp tác xã. Chính quyền và các tổ chức đoàn thể phải đi vào hoạt động, có nền nếp và đa số đạt được tiêu chuẩn thi đua của từng tổ chức ngành dọc đã đề ra. Số chi bộ đạt danh hiệu chi bộ bốn tốt phải chiếm đa số, không còn thôn, hợp tác xã, đội sản xuất không có đảng viên.

Việc đào tạo cán bộ cho cơ sở là một khâu rất quan trọng, nhất là cán bộ thuộc các dân tộc địa phương. Lúc đầu những xã yếu, Nhà nước có thể cử một số cán bộ cần thiết đến giúp đỡ, nhưng phải tích cực đào tạo cán bộ dân tộc địa phương để thay thế.

Cần chú trọng bồi dưỡng cho cán bộ về công tác vận động quần chúng, về tổ chức quản lý hợp tác xã, về khoa học - kỹ thuật. Việc đào tạo phải làm bằng nhiều cách như mở những lớp tập huấn ngắn ngày, dài ngày, nhưng chủ yếu là qua công tác thực tế hằng ngày để dìu dắt, bồi dưỡng cán bộ từng bước. Các ngành cần tổng kết tốt những kinh nghiệm của hợp tác xã tiên tiến để tích cực bồi dưỡng cán bộ cho công tác quản lý, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thoát ly của các cấp, các ngành xung quanh tỉnh, huyện và lấy việc hoàn thành nhiệm vụ đối với cuộc vận động làm nội dung chủ yếu để nhận xét, đánh giá định kỳ đối với cán bộ hằng năm.

6. Gắn liền việc thực hiện các yêu cầu của cuộc vận động với việc tăng cường, giáo dục, nâng cao lập trường, tư tưởng giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, xã viên, phát huy tinh thần...*

* Bản gốc thiếu trang - BT.

BIÊN BẢN BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH TỈNH ĐẢNG BỘ LÀO CAI KHÓA V

Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V đã chính thức khai mạc từ ngày 1-4-1970. Sau 6 ngày làm việc, Đại hội đã tập trung nghiên cứu, thảo luận một cách cơ bản, sâu sắc, toàn diện mọi mặt của Đảng bộ và đã đi đến nhất trí trong việc nhận định đánh giá những thắng lợi của phong trào, những ưu điểm, khuyết điểm và tồn tại lớn, đồng thời Đại hội đã bàn bạc và quyết định về phương hướng, nhiệm vụ chung của Đảng trong 3 năm tới (1970-1972).

Để đảm bảo lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V đề ra, Đại hội đã tiến hành việc bầu cử Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ mới.

Trong quá trình tiến hành bầu cử, Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận và nhất trí chú ý nâng cấp tỉnh, về yêu cầu phương hướng và cấu tạo Ban Tỉnh ủy khóa V, về tiêu chuẩn đức, tài của một cấp ủy viên và đường lối, chính sách cán bộ của Đảng ta.

Sau 2 ngày tìm hiểu nhân sự, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị mà Đại hội đã đề ra, căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tỉnh và dựa vào sự hướng dẫn của Trung ương, Đại hội đã nhất trí biểu quyết số lượng Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa V là 29 đồng chí, trong đó 27 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết.

Sau đó Chủ tịch đoàn đã phổ biến về nguyên tắc bầu cử trong Đảng, đồng thời Đại hội tiến hành việc ứng cử, đề cử Ban Tỉnh ủy mới. Ứng cử có 19 đồng chí và Đại hội đề cử thêm 38 đồng chí. Tổng số danh sách bầu cử là 57 đồng chí.

Đại hội đã bầu Ban kiểm phiếu gồm có 17 đồng chí:

1. Nguyễn Quang Cường
2. Nguyễn Văn Chương
3. Phạm Kiểm
4. Nguyễn Bá Luyện
5. Nguyễn Cẩm
6. Nguyễn Ngọc Thân
7. Đỗ Văn Tòng
8. Nguyễn Duyên
9. Nguyễn Văn Cộng
10. Đặng Khuê
11. Bùi Thị Hán
12. Trần Văn Nhữ
13. Trần Khản
14. Trần Bộc
15. Nguyễn Văn Tường
16. Vũ Văn Thụ
17. Nguyễn Văn Tạo

Đồng chí Nguyễn Duyên làm trưởng ban kiểm phiếu.

Số đại biểu chính thức có mặt trong buổi bỏ phiếu bầu cử có 192 đồng chí, đạt 100% so với tổng số đại biểu chính thức đã được triệu tập về dự Đại hội.

Trước khi vào bỏ phiếu bầu cử, Chủ tịch đoàn đã thông báo trước Đại hội danh sách 12 đồng chí xin rút khỏi danh sách bầu cử và công bố danh sách bầu cử chính thức Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa V gồm 45 đồng chí.

Đại hội đã bầu lần đầu để chọn 27 ủy viên chính thức và bầu lần 2 lấy 2 ủy viên dự khuyết. Cả hai lần bầu đều chỉ có một vòng.

KẾT QUẢ BẦU CỬ

Tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội: 192 đồng chí đạt 100% so với tổng số đại biểu chính thức được triệu tập về dự Đại hội.

Kết quả bầu ủy viên chính thức:

- Số phiếu bầu: 192 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 190 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 02 phiếu (1 phiếu bầu thừa 2, 1 phiếu bầu thiếu 1 so với số lượng Ban Tỉnh ủy mà Đại hội đã quyết định).

1. Nguyễn Ân	187 phiếu
2. Dương Bằng	41 phiếu
3. Lê Cam	119 phiếu
4. Thảo Vân Chấn	36 phiếu
5. Sùng A Chỉnh	40 phiếu
6. Lê Cư	184 phiếu
7. Đỗ Hữu Duyệt	11 phiếu
8. Nguyễn Hữu Đài	151 phiếu
9. Lương Quyết Định	182 phiếu
10. Thảo Seo Giang	47 phiếu
11. Bàn A Hàn	170 phiếu
12. Kiều Đức Hạnh	151 phiếu
13. Nguyễn Văn Hành	36 phiếu
14. Nguyễn Hiểu	20 phiếu
15. Lê Bá Hội	176 phiếu
16. Mạnh Hùng	29 phiếu
17. Phạm Kham	175 phiếu
18. Chu Văn Kiên	23 phiếu
19. Nguyễn Trọng Luật	153 phiếu
20. Trường Minh	189 phiếu
21. Trần Đức Minh	149 phiếu
22. Nguyễn Trí Nghị	175 phiếu
23. Trần Nghĩa	51 phiếu

24. Hồ Vàng Páo	52 phiếu
25. Giàng Seo Phù	134 phiếu
26. Phạm Hồng Phúc	92 phiếu
27. Hoàng Chá Quang	184 phiếu
28. Trần Văn Sầu	128 phiếu
29. Đỗ Viết Sính	73 phiếu
30. Nguyễn Đức Sinh	29 phiếu
31. Ma Văn Sơn	168 phiếu
32. Cháng Seo Tả	171 phiếu
33. Nguyễn Tất	166 phiếu
34. Ngô Vi Tâm	35 phiếu
35. Mầu Văn Thỉnh	30 phiếu
36. Đỗ Thanh Thủy	182 phiếu
37. Nông Công Thương	188 phiếu
38. Dương Việt Tiến	185 phiếu
39. Nguyễn Xuân Tiếu	109 phiếu
40. Hoàng Thị Triệu	152 phiếu
41. Phạm Gia Tuân	185 phiếu
42. Cư Hòa Văn	167 phiếu
43. Phạm Văn Vẫu	9 phiếu
44. Vi Khánh Vinh	176 phiếu
45. Phàn Lão Tả	23 phiếu

Kết quả bầu ủy viên dự khuyết:

- Số phiếu bầu: 190 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 189 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 3 phiếu

1. Dương Bằng	16 phiếu
2. Thào Văn Chấn	7 phiếu
3. Sùng A Chỉnh	13 phiếu
4. Đỗ Hữu Duyệt	1 phiếu

5. Thào Seo Giang	4 phiếu
6. Nguyễn Văn Hành	7 phiếu
7. Nguyễn Hiểu	2 phiếu
8. Mạnh Hùng	8 phiếu
9. Chu Văn Kiên	3 phiếu
10. Trần Nghĩa	28 phiếu
11. Hồ Vàng Páo	20 phiếu
12. Phạm Hồng Phúc	123 phiếu
13. Đỗ Viết Sính	111 phiếu
14. Nguyễn Đức Sinh	9 phiếu
15. Phan Láo Tả	5 phiếu
16. Ngô Vi Tâm	13 phiếu
17. Mâu Văn Thỉnh	7 phiếu
18. Phạm Văn Vầu	1 phiếu

Sau khi Ban kiểm phiếu làm việc và công bố kết quả bầu cử với Đại hội, Chủ tịch đoàn đã căn cứ vào báo cáo kết quả bầu cử của Ban kiểm phiếu, căn cứ vào những nguyên tắc và điều kiện trúng cử đã được hướng dẫn trong Thông tri số 08-TT/TC, ngày 3-11-1969 của Ban Tổ chức Trung ương, công bố những đồng chí có tên sau đây đã được Đại hội tín nhiệm bầu cử vào Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa V:

Ủy viên chính thức gồm các đồng chí:

1. Nguyễn Ân	187 phiếu
2. Lê Cam	119 phiếu
3. Lê Cư	184 phiếu
4. Nguyễn Hữu Đài	151 phiếu
5. Lương Quyết Định	182 phiếu
6. Bàn A Hàn	170 phiếu
7. Kiều Đức Hạnh	151 phiếu
8. Lê Bá Hội	176 phiếu
9. Phạm Kham	175 phiếu

10. Nguyễn Trọng Luật	153 phiếu
11. Trường Minh	189 phiếu
12. Trần Đức Minh	149 phiếu
13. Nguyễn Trí Nghị	175 phiếu
14. Giàng Seo Phù	134 phiếu
15. Hoàng Chá Quang	184 phiếu
16. Trần Văn Sầu	128 phiếu
17. Ma Văn Sơn	168 phiếu
18. Cháng Seo Tả	171 phiếu
19. Nguyễn Tất	166 phiếu
20. Đỗ Thanh Thủy	182 phiếu
21. Nông Công Thương	188 phiếu
22. Dương Việt Tiến	185 phiếu
23. Nguyễn Xuân Tiểu	109 phiếu
24. Hoàng Thị Triệu	152 phiếu
25. Phạm Gia Tuân	185 phiếu
26. Cư Hòa Văn	167 phiếu
27. Vi Khánh Vinh	176 phiếu

Tiếp đến Đại hội bước sang lựa chọn bầu cử 2 ủy viên dự khuyết, kết quả trúng cử:

1. Phạm Hồng Phúc	123 phiếu
2. Đỗ Viết Sinh	111 phiếu

Đại hội đã hoàn toàn nhất trí về kết quả của cuộc bầu cử Ban Chấp hành Tỉnh ủy mới.

T/M CHỦ TỊCH ĐOÀN ĐẠI HỘI
TRƯỜNG MINH

T/M BAN KIỂM PHIẾU
NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**BIÊN BẢN BẦU CỬ
BÍ THƯ, PHÓ Bí THƯ VÀ ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
BAN CHẤP HÀNH TỈNH ĐẢNG BỘ
LÀO CAI KHÓA V**
ngày 14-4-1970

Ngày 13 và 14 tháng 4 năm 1970, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai đã họp để tiến hành việc bầu cử Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa V.

Hội nghị gồm có: 27 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Trường Minh được cử ra điều khiển chương trình làm việc của hội nghị.

Sau khi nghiên cứu và thảo luận: Dự thảo đề án về cải tiến phương thức lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy do Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũ dự thảo, chức trách, cơ cấu, tiêu chuẩn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa V, căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V đã đề ra cũng như tình hình và khả năng thực tế của Ban Tỉnh ủy mới, hội nghị đã tiến hành bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ.

Hội nghị nhất trí biểu quyết số lượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy là 9 đồng chí (trong đó 1 Bí thư, 2 Phó Bí thư và 6 ủy viên).

Việc bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp và bằng phiếu kín; lần thứ nhất bầu Bí thư, lần thứ hai bầu các Phó Bí thư và lần thứ ba bầu các Ủy viên Thường vụ. Hội nghị đã bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bầu cử.

Kết quả bầu cử:

a) Bầu Bí thư: Đồng chí Trường Minh ứng cử Bí thư (không có ai đề cử thêm). Kết quả đồng chí Trường Minh được 27 phiếu tín nhiệm trong tổng số phiếu bầu là 27, đạt 100%.

b) Bầu cử các Phó Bí thư: Có 2 đồng chí ứng cử là đồng chí Phạm Gia Tuân và Nông Công Thương. Hội nghị đề cử thêm đồng chí Vi Khánh Vinh. Kết quả:

- Đồng chí Phạm Gia Tuân đạt 27/27 phiếu bầu.
- Đồng chí Nông Công Thương đạt 19/27 phiếu bầu.
- Đồng chí Vi Khánh Vinh đạt 8/27 phiếu bầu.

Như vậy đồng chí Phạm Gia Tuân và đồng chí Nông Công Thương đã trúng cử Phó Bí thư.

c) Bầu các ủy viên trong Ban Thường vụ: Sau khi đã bầu cử xong Bí thư và 2 Phó Bí thư, hội nghị tiến hành bầu cử 6 đồng chí vào Ban Thường vụ.

Ứng cử vào Ban Thường vụ có đồng chí Vi Khánh Vinh. Hội nghị đề cử các đồng chí có tên sau đây vào Ban Thường vụ:

1. Dương Việt Tiến
2. Cư Hòa Vần
3. Lương Quyết Định
4. Nguyễn Ân
5. Nguyễn Trí Nghị
6. Lê Bá Hội
7. Nguyễn Trọng Luật

Kết quả:

1. Vi Khánh Vinh	đạt 27 phiếu/27 phiếu bầu
2. Dương Việt Tiến	đạt 27 phiếu/27 phiếu bầu
3. Nguyễn Ân	đạt 26 phiếu/27 phiếu bầu
4. Lương Quyết Định	đạt 25 phiếu/27 phiếu bầu
5. Nguyễn Trí Nghị	đạt 23 phiếu/27 phiếu bầu
6. Cư Hòa Vần	đạt 21 phiếu/27 phiếu bầu
7. Lê Bá Hội	đạt 9 phiếu/27 phiếu bầu
8. Nguyễn Trọng Luật	đạt 4 phiếu/27 phiếu bầu

Như vậy là 6 đồng chí: Vi Khánh Vinh; Dương Việt Tiến; Nguyễn Ân; Lương Quyết Định; Nguyễn Trí Nghị và Cư Hòa Văn trúng cử vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

ĐỒNG CHÍ
ĐIỀU KHIỂN HỘI NGHỊ
TRƯỜNG MINH

BAN KIỂM PHIẾU KÝ TÊN
PHẠM HỒNG PHÚC
ĐỖ VIẾT SÍNH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
LÀO CAI KHÓA V

Số 03-TB/TU, ngày 15-4-1970

Ngày 13 và 14 tháng 4 năm 1970, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do Đại hội đại biểu lần thứ V bầu ra đã họp phiên đầu tiên dưới sự điều khiển của đồng chí Trường Minh, để tiến hành việc bầu cử Bí thư, các Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ đã thu được kết quả tốt đẹp.

Sau khi nghiên cứu, thảo luận đề án về cải tiến sự lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc của Ban Tỉnh ủy, về chức trách, cơ cấu và tiêu chuẩn của Ban Thường vụ, hội nghị đã dân chủ tiến hành việc bầu cử Bí thư, các Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ bằng trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Hội nghị đã nhất trí bầu 9 đồng chí Ủy viên chính thức Ban Chấp hành vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy do đồng chí Trường Minh làm Bí thư, đồng chí Phạm Gia Tuân và Nông Công Thương làm Phó Bí thư, các đồng chí: Vi Khánh Vinh, Dương Việt Tiến, Nguyễn Ân, Lương Quyết Định, Cư Hòa Vần, Nguyễn Trí Nghi làm Ủy viên Thường vụ.

Ban Chấp hành đã quyết định, các cấp ủy Đảng cần tổ chức tốt việc tuyên truyền rộng rãi thắng lợi của Đại hội và phương hướng mục tiêu mà Đại hội đã đề ra, nhằm tạo ra phấn khởi mới, quyết tâm mới, động viên mọi khả năng, mọi lực lượng thi đua thực hiện

một cách thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1970, lập thành tích chào mừng lần thứ 100 ngày sinh Lênin và lần thứ 80 ngày sinh của Hồ Chủ tịch. Ban Tuyên giáo cần có kế hoạch cụ thể hướng dẫn vấn đề này.

Thông báo này được phổ biến tới chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**

Số 01-NQ/TU, ngày 30-5-1970

**Về việc phân công các đồng chí trong
Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa V**

Thi hành Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V họp từ ngày 1-4 đến ngày 12-4-1970.

Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ đã họp phiên toàn thể ngày 24-5-1970.

Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ban Chấp hành và sau khi nghiên cứu ý kiến đóng góp của đại biểu Đại hội về việc phân công các đồng chí cấp ủy viên và ý kiến tham góp của Trung ương, tập thể Ban Chấp hành đã bàn bạc, thảo luận dân chủ và nhất trí quyết nghị phân công cụ thể các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành như sau:

1. Đồng chí Trường Minh, Bí thư phụ trách chung kiêm Trưởng Ban Tổ chức Đảng.

2. Đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư trực tiếp làm Bí thư Đảng đoàn chính quyền, phụ trách chung về công tác chính quyền kiêm phụ trách Khối Tài chính thương nghiệp.

3. Đồng chí Nông Công Thương, Phó Bí thư Thường trực kiêm Trưởng Ban Kiểm tra Đảng.

4. Đồng chí Vi Khánh Vinh, Ủy viên Thường vụ trực tiếp làm Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng kiêm Giám đốc Trường Đảng và kiêm phụ trách Khối Dân vận.

5. Đồng chí Dương Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ trực tiếp làm Trưởng Ban Nông nghiệp Đảng và phụ trách Khối Nông nghiệp.

6. Đồng chí Lương Quyết Định, Ủy viên Thường vụ phụ trách Khối Nội chính.

7. Đồng chí Cư Hòa Văn, Ủy viên Thường vụ phụ trách Khối Văn xã thuộc chính quyền.

8. Đồng chí Nguyễn Ân, Ủy viên Thường vụ trực tiếp làm Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch kiêm phụ trách Chi cục Thống kê.

9. Đồng chí Nguyễn Trí Nghị, Ủy viên Thường vụ, trực tiếp làm Trưởng ban Công nghiệp Đảng, phụ trách Khối Công nghiệp và Ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh.

10. Đồng chí Kiều Đức Hạnh, Tỉnh ủy viên làm Phó Ban Tổ chức Đảng.

11. Đồng chí Trần Đức Minh, Tỉnh ủy viên làm Phó Ban Tuyên giáo Đảng.

12. Đồng chí Bàn A Hàn, Tỉnh ủy viên làm Phó Ban Nông nghiệp Đảng.

13. Đồng chí Hoàng Thị Triệu, Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

14. Đồng chí Giàng Seo Phù, Tỉnh ủy viên, Hội phó Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

15. Đồng chí Nguyễn Xuân Tiếu, Tỉnh ủy viên sang phụ trách Liên hiệp Công đoàn tỉnh.

16. Đồng chí Ma Văn Sơn, Tỉnh ủy viên làm Trưởng Ty Giao thông.

17. Đồng chí Lê Cư, Tỉnh ủy viên làm Trưởng Ty Thủy lợi.

18. Đồng chí Phạm Kham, Tỉnh ủy viên làm Trưởng Ty Công an.

19. Đồng chí Lê Bá Hội, Tỉnh ủy viên trực tiếp phụ trách Ty Thương nghiệp.

20. Đồng chí Nguyễn Tất, Tỉnh ủy viên phụ trách Tỉnh đội.

21. Đồng chí Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh ủy viên làm Bí thư Đảng ủy Nhà máy điện và Phó Ban Công nghiệp Đảng.

22. Đồng chí Đỗ Thanh Thủy, Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy Bát Xát.

23. Đồng chí Nguyễn Hữu Đài, Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy Bắc Hà.

24. Đồng chí Trần Văn Sầu, Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng.

25. Đồng chí Hoàng Chá Quang, Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy Mường Khương.

26. Đồng chí Cháng Seo Tả, Tỉnh ủy viên phụ trách vùng lúa mì (Bát Xát).

27. Đồng chí Lê Cam, Tỉnh ủy viên làm Trưởng Ty Lâm nghiệp.

28. Đồng chí Đỗ Viết Sính, Tỉnh ủy viên dự khuyết làm Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh.

29. Đồng chí Phạm Hồng Phúc, Tỉnh ủy viên dự khuyết làm Trưởng Ty Giáo dục.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V là trách nhiệm của tập thể Ban Chấp hành tỉnh nhưng đi sâu lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể từng mặt công tác được phân công là trách nhiệm của cá nhân mỗi đồng chí Tỉnh ủy viên.

Về việc bầu cử Ủy ban Kiểm tra tỉnh, Ban Chấp hành quyết định số lượng là 7 ủy viên và giao Ban Thường vụ trách nhiệm tích cực chuẩn bị và lên thỉnh thị ý kiến Trung ương để kỳ họp tới sẽ tiến hành bầu Ủy ban Kiểm tra theo đúng Điều lệ Đảng quy định.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 07-TB/TU, ngày 1-6-1970

Về cuộc họp của Ban Thường vụ tối 27-5-1970

Thi hành nghị quyết của Tỉnh ủy họp từ 22 đến 27-5-1970, tối 27-5-1970 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp để phân công và bàn một số vấn đề về việc chỉ đạo cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn”.

Sau khi thảo luận bàn bạc, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định trách nhiệm của mình là phải lãnh đạo, chỉ đạo tập trung và chặt chẽ cuộc vận động.

Để việc thực hiện được sâu sát, kịp thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy cần có một bộ phận trong Ban Thường vụ chuyên trách đi vào cuộc vận động này và quyết nghị thành lập bộ phận chuyên trách gồm có các đồng chí Ủy viên Thường vụ là: Phạm Gia Tuân, Vi Khánh Vinh, Dương Việt Tiến. Tham gia bộ phận chuyên trách còn có 2 đồng chí: Đức Minh, Tỉnh ủy viên, Phó Ban Tuyên giáo và Đặng Khuê, Phó Ban Tổ chức nắm sâu hai khu vực nông thôn và cơ quan, công trường, xí nghiệp. Đồng chí Đức Minh là Ủy viên Thường trực của bộ phận chỉ đạo có trách nhiệm hằng ngày theo dõi, nắm tình hình, điều khiển chương trình và các công việc cho phù hợp và sát với kế hoạch cuộc vận động. Bộ phận chuyên trách có trách nhiệm nắm tình hình, giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi

cuộc vận động căn cứ theo nội dung yêu cầu, phương châm, phương pháp của các bản kế hoạch đã đề ra.

Trong quá trình tỉnh chỉ đạo cuộc vận động, khi phát hiện hoặc nắm được các vấn đề thuộc ngành, giới, đơn vị nào có trách nhiệm thì quan hệ trao đổi để ngành, đơn vị đó nắm và có kế hoạch, biện pháp giải quyết kịp thời, bộ phận chuyên trách có nhiệm vụ giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị chương trình kế hoạch thực hiện nội dung, các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết, báo cáo với Trung ương về tình hình cuộc vận động; chỉ đạo cụ thể các công việc của cuộc vận động trong thời gian 10 ngày từ cuộc hội nghị Ban Thường vụ lần trước đến cuộc hội nghị lần sau; báo cáo tình hình kết quả cuộc vận động và thỉnh thị ý kiến trong các cuộc hội nghị Ban Thường vụ, và cả Ban Chấp hành tùy theo tình hình sẽ phân công đi kiểm tra công tác cuộc vận động ở các ngành, các địa phương.

Để giúp việc bộ phận chuyên trách việc chỉ đạo cuộc vận động, cần thành lập bộ phận văn phòng tổng hợp gồm một số cán bộ, do văn phòng cấp ủy, Văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh, các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra, Nông nghiệp, Tài chính thương nghiệp, Công nghiệp... cử đến tham gia và chia làm hai bộ phận theo dõi: bộ phận nông thôn và bộ phận công trường, xí nghiệp. Ngoài bộ phận văn phòng tổng hợp này, còn phải có bộ phận kiểm tra thường xuyên đi kiểm tra, phát hiện tình hình để giúp cho lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời giải quyết các vấn đề đề ra. Bộ phận kiểm tra gồm số cán bộ do các Ban của Đảng và chính quyền tỉnh cử tham gia.

Về điểm chỉ đạo: Để thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương, cần xây dựng một hệ thống điểm. Tỉnh, ngành và huyện đều có điểm của mình. Tỉnh chọn ba điểm chỉ đạo là Pha Long, Bản Lầu và Cốc Lầu thuộc ba vùng cao, giữa và thấp, với yêu cầu các điểm chỉ đạo này phải tác động đến phong trào cả ba vùng. Điểm về cơ quan, công trường, công nghiệp, tỉnh lấy chi bộ và xí nghiệp đường rượu giầy và Chi bộ Công ty Thực phẩm. Điểm chỉ đạo của tỉnh ở huyện nào thì đồng thời cũng là điểm chỉ đạo của huyện, huyện cần cử cấp ủy tham gia chỉ đạo và nắm tình hình nơi đó.

Về cán bộ: Cần tập trung một lực lượng cán bộ có chất lượng đi làm. Cán bộ được chọn đi phát động phải đảm bảo có các tiêu chuẩn là: có sức khỏe, có trình độ nhận thức; tiếp thu và nắm được vấn đề; có tinh thần dám nghĩ, dám làm; có tư tưởng, quan điểm, lập trường tương đối tốt.

Về số lượng cán bộ:

- Xã nào tự làm được thì xã đó đứng ra làm (huyện sẽ nhận xét).
- Xã nào không tự làm được thì trước hết huyện bố trí cán bộ của huyện xuống, trừ xã nào mà huyện không bố trí được thì tỉnh tăng cường cán bộ tham mưu cho huyện, để huyện đưa cán bộ xuống xã. Và tỉnh tăng cường số cán bộ xuống các điểm chỉ đạo của tỉnh.

Căn cứ vào điểm nói trên, Ban Tổ chức có trách nhiệm nghiên cứu để lựa chọn và bố trí cán bộ.

Trên cơ sở số cán bộ đó, bộ phận chuyên trách chỉ đạo cuộc vận động sắp xếp, bố trí, sử dụng, điều động trong phạm vi cuộc vận động. Những vấn đề về sắp xếp, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, v.v. thuộc nguyên tắc công tác tổ chức cán bộ thì thuộc phạm vi giải quyết của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành sau khi đã có sự nghiên cứu, đề nghị của Ban Tổ chức.

Đối với số cán bộ giao cho huyện thì do huyện quản lý, trừ cán bộ ở các điểm chỉ đạo của tỉnh, do tỉnh quản.

Về bồi dưỡng cán bộ, tỉnh sẽ triệu tập gấp một hội nghị bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt của các huyện, thị và các ngành quán triệt các nghị quyết nói trên của Trung ương và một số lớp cho cán bộ trực tiếp đi làm cuộc vận động. Ban Tuyên giáo chuẩn bị nội dung chương trình và thời gian hội nghị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 04-BC/TU, ngày 8-6-1970

Về sơ kết đợt kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” 19-5-1970

Thi hành nghị quyết của Bộ Chính trị về việc mở cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiên cứu thảo luận và bàn biện pháp tiến hành từ cuối năm 1969. Việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” là một nội dung yêu cầu cơ bản để nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, đủ sức đáp ứng mọi yêu cầu đòi hỏi của cách mạng. Đó là thực hiện *Di chúc* của Hồ Chủ tịch “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Vì vậy, việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” phải đảm bảo chất lượng là chính và làm mẫu mực cho việc kết nạp đảng viên từ nay về sau:

Quán triệt mục đích ý nghĩa và yêu cầu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra thông tri hướng dẫn và trực tiếp chỉ đạo mở lớp thí điểm và việc giáo dục bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng viên theo tinh thần mới do Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn tại bốn xã huyện Mường Khương từ đầu năm 1970. Tức là đúng lúc sau vụ gặt mùa, sau vụ sản xuất đông - xuân 1969-1970 và trong dịp tổng kết

cuối năm 1969. Đây là thời gian thuận lợi nhất thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng mới. Sau đó đã sơ kết rút kinh nghiệm kịp thời và triển khai ra toàn tỉnh. Sau đó các Đảng bộ tiến hành chuẩn bị và nói chung đạt kết quả tốt.

I. KẾT QUẢ TIẾN HÀNH

Quá trình tiến hành cho đến trước ngày 19-5-1970 đã có 12 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tiến hành mở lớp giáo dục bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng viên theo nội dung mới với tổng số 270 đối tượng. Và theo dự kiến bước đầu của các Đảng bộ thì trong đó khả năng có thể kết nạp được 64 vào đợt 19-5-1970. Đến ngày 9-5-1970 Ban Thường vụ Tỉnh ủy lại mở hội nghị để bàn thi hành chỉ thị của Trung ương về việc kỷ niệm 80 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch. Đồng thời hướng dẫn cụ thể việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” đợt đầu tiên 19-5-1970. Sau đó các Đảng bộ tiến hành kiểm tra và xét duyệt chính thức số đối tượng để kết nạp vào ngày 19-5-1970. Kết quả cụ thể đã có 10 Đảng bộ chính thức kết nạp 34 đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” đợt đầu tiên là:

Số Thứ tự	Tên Đảng bộ	Tổng số	Phân tích						
			Nữ	Trẻ	Dân tộc	Công nhân sản xuất	Nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật	Lao động trực tiếp và CSTĐ	Vào Cơ sở trắng
1	Bảo Thắng	17	5	8	8	2	3	17	3
2	Mường Khương	3	1	3		2	2	3	
3	Bát Xát	3		3	2			3	

Số Thứ tự	Tên Đảng bộ	Tổng số	Phân tích						
			Nữ	Trẻ	Dân tộc	Công nhân sản xuất	Nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật	Lao động trực tiếp và CSTĐ	Vào Cơ sở trắng
4	Lào Cai	2	2	2			2	2	
5	Bắc Hà	1		1				1	
6	Dân, chính, đảng tỉnh	2	1	2	1	1		2	
7	Mỏ apatít	1				1	1	1	
8	Đoàn 24	1		1		1	1	1	
9	Tỉnh đội	2		1	1			2	
10	Công an vũ trang	2		2				2	
	Cộng tỷ lệ	34	9 26,4%	23 67,6%	12 35%	7 20%	9 26,4%	34 100%	3

Trong tổng số trên bao gồm ở năm loại cơ sở:

Hợp tác xã nông nghiệp: 10

Hợp tác xã thủ công nghiệp: 2

Xí nghiệp: 4

Cơ quan hành chính sự nghiệp: 13

Vũ trang: 5

Qua tình hình trên và kiểm tra cụ thể một số nơi có thể khẳng định rằng: việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” đợt 19-5-1970 vừa qua đã đạt được yêu cầu cơ bản:

1. Tuyệt đại đa số đều đảm bảo đủ tiêu chuẩn điều kiện kết nạp đảng viên như Điều lệ Đảng đã quy định. Nói chung không có các trường hợp nào phạm vào các tiêu chuẩn chính trị mà Trung ương không cho phép kết nạp mà đều được quần chúng (Đoàn

thanh niên, đội sản xuất...) lựa chọn giới thiệu trong đợt tổng kết cuối năm 1969 và sau vụ sản xuất đông - xuân 1969-1970. 100% là lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua. Nói chung đều được thẩm tra kỹ lưỡng cả về dĩ vãng và hiện tại. Được tổ đảng chỉ bộ xem xét, được cấp ủy cấp trên xét duyệt thận trọng (kể cả việc thẩm vấn trực tiếp đối tượng trước khi duyệt). Nhìn chung trình độ giác ngộ về Đảng, giai cấp được thể hiện rõ ràng. Nhiều trường hợp là lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua liên tục 3, 4 năm liền, không phải chỉ biểu hiện tích cực nhất thời. Động cơ vào Đảng nói chung đúng đắn và đều tình nguyện làm đơn xin gia nhập Đảng.

2. Trong số đảng viên mới kết nạp nói chung đảm bảo đúng phương hướng giai cấp, ngành nghề và địa bàn. Trong đó gần 90% xuất thân từ thành phần cơ bản (công nhân, bần nông, trung nông dưới, dân nghèo). Bước đầu đã chú trọng phát triển vào thành phần công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất (20%) và các đối tượng có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, khoa học - kỹ thuật về công nghiệp, giao thông, giáo viên, kế toán tài vụ. Một số nơi đã chú trọng phát triển vào hàng ngũ đội trưởng, đội phó sản xuất, vào hợp tác xã thủ công nghiệp và các cơ sở trắng, chưa có đảng viên. Phát triển vào phụ nữ, nhất là nữ thanh niên, vào lứa tuổi trẻ, vào dân tộc thiểu số cũng đảm bảo một tỷ lệ thích đáng.

3. Quá trình tiến hành từ việc tuyên truyền giáo dục bồi dưỡng, lựa chọn, thẩm tra, xét duyệt đến việc tổ chức tuyên bố kết nạp, v.v. nói chung đều đảm bảo đúng thủ tục quy định của Điều lệ Đảng và có nhiều tiến bộ hơn trước đây, khi rút kinh nghiệm ở các cơ sở, nhiều đồng chí đã phát biểu liên hệ: Trong mấy năm qua việc kết nạp đảng viên thấy bình thường quá, chính là vì ta chưa chấp hành đầy đủ thủ tục của Điều lệ Đảng. Việc kết nạp đảng viên Lớp "Hồ Chí Minh" lần này đã làm tôi hồi tưởng lại ngày tôi được vào Đảng trước đây, lúc kháng chiến chống Pháp. Nhiều đồng chí cấp ủy đã khẳng định việc kết nạp đảng viên lần này đúng là mẫu mực cho từ nay về sau, v.v..

4. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy cũng được tăng cường hơn, chặt chẽ hơn. Nhiều đồng chí cấp ủy từ Bí thư trở xuống đã đích thân mình trực tiếp chỉ đạo, trực tiếp kiểm tra việc xem xét của tổ đảng, chi bộ, trực tiếp thẩm vấn đối tượng trước khi đưa ra tập thể cấp ủy duyệt. Từ đó mà bước đầu đã phát huy được vai trò của tổ chức quần chúng trong việc tham gia xây dựng Đảng. Mặt khác, kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” lần này đã nâng cao thêm một bước về trình độ công tác Đảng cho các cấp ủy và cán bộ, đảng viên, nhất là nắm hiểu các tiêu chuẩn điều kiện kết nạp đảng viên và các thủ tục quy định của Điều lệ Đảng. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối kết hợp giữa các Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra có nhiều tiến bộ và phát huy được tác dụng đối với cơ sở.

II. MỘT SỐ KHUYẾT ĐIỂM TỒN TẠI

Bên cạnh những ưu điểm nói trên quá trình tiến hành cũng còn một số biểu hiện lệch lạc cần được khắc phục kịp thời để chuẩn bị tốt cho các đợt kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” năm tới.

1. Nhìn chung các Đảng bộ, nhất là các cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy chưa quán triệt đầy đủ tinh thần nghị quyết của Trung ương, chưa tích cực chuẩn bị tốt. Một số Đảng bộ tuy có chuẩn bị, có kết nạp đảng viên, nhưng chuẩn bị chưa tốt, còn nặng tư tưởng ăn sẵn, còn làm theo kiểu cũ và có biểu hiện chạy theo số lượng, lơ là lỏng việc tiêu chuẩn điều kiện kết nạp đảng viên. Khuyết điểm này là phổ biến ở nhiều Đảng bộ.

Trong số 27 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy vừa qua chỉ có 12 Đảng bộ tiến hành mở lớp giáo dục bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng viên. Trong đó phần lớn chưa qua quần chúng tham gia, lựa chọn giới thiệu, mà vẫn do chi bộ chọn trong số lao động tiên tiến bình thường như trước và gần 1/3 lại cũng chưa được thẩm tra lý lịch đầy đủ. Việc đưa vào hành động thực tế để rèn luyện

thử thách chưa được chú trọng. Do đó khi duyệt kết nạp, đối chiếu với tiêu chuẩn điều kiện kết nạp đảng viên thì đa số không đạt. Có nơi không duyệt kết nạp được đảng viên nào. Một số nơi khác có duyệt kết nạp được, nhưng với tỷ lệ rất thấp. Cụ thể có ba Đảng bộ mở lớp giáo dục được 45 đối tượng kết nạp đảng, nhưng không duyệt được ai. Có nơi 24 đối tượng chỉ duyệt được một. Có nơi 40 đối tượng chỉ kết nạp được hai, v.v. có nơi đối tượng kết nạp chưa qua quần chúng tham gia, chưa qua giáo dục bồi dưỡng theo nội dung mới, lý lịch rất sơ sài, tài liệu thẩm tra chưa đầy đủ mà Đảng ủy cứ duyệt kết nạp. Có trường hợp lịch sử chính trị của gia đình đối tượng có vấn đề phạm vào tiêu chuẩn chính trị mà Trung ương không cho phép, Đảng ủy cũng cứ đem ra duyệt, có trường hợp đối tượng không có đơn xin vào Đảng cũng duyệt kết nạp mặc dù đối tượng đó biết chữ. Có trường hợp chỉ vì trình độ văn hóa thấp mới có lớp 2, 3 sơ kết nạp vào Đảng ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, vậy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị có phải chỉ do những người có trình độ văn hóa, khoa học cao hay không? Hoặc lẽ tẻ còn có hiện tượng cảm tình cá nhân, tư tưởng thành tích trong việc kết nạp đảng viên. Tất cả tình hình trên rõ ràng nhận thức về lập trường quan điểm, đường lối, phương châm xây dựng Đảng còn biểu hiện mơ hồ, trách nhiệm chưa cao, đây là khuyết điểm cần được nghiêm khắc phê phán.

2. Việc chấp hành phương hướng, địa bàn và ngành nghề cũng còn một số biểu hiện lệch lạc như:

- Việc phát triển vào công nhân, nhất là công nhân trực tiếp sản xuất, tuy đã có cố gắng, nhưng chưa đều, trong số 14 Đảng bộ, xí nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, kể cả Trung ương và địa phương chỉ có 2 Đảng bộ tiến hành mở lớp và kết nạp đảng viên Lớp “ Hồ Chí Minh” trong thời gian qua.

+ Bước đầu trong khi chú ý phát triển vào lứa tuổi trẻ thì lại chưa chú ý đầy đủ đến công nhân nhiều đời và công nhân lâu năm

trong nghề, cũng có chú trọng đến đội ngũ cán bộ chuyên môn, khoa học - kỹ thuật, nhưng chưa toàn diện, bước đầu chú trọng đến giáo viên, công nghiệp, giao thông, địa chất, còn các loại chuyên môn kỹ thuật về công nghiệp, thủ công nghiệp, lâm nghiệp, thương nghiệp, v.v. chưa được chú trọng đầy đủ.

- Việc phát triển đảng vào các cơ sở trắng, vùng cao, vùng biên giới... chưa được chú trọng đúng mức. Toàn bộ các xã vùng cao vừa qua chưa kết nạp được đảng viên nào. Việc phát triển đảng vào các cơ sở trắng còn quá ít.

3. Việc chấp hành các thủ tục kết nạp đảng viên nhiều nơi còn biểu hiện tùy tiện, chưa thật nghiêm chỉnh. Một số trường hợp chưa có quần chúng giới thiệu cũng đưa đi học lớp giáo dục bồi dưỡng đối tượng, cũng duyệt kết nạp đảng viên. Một số trường hợp lý lịch quá sơ sài, hồ sơ thẩm tra xác minh chưa đầy đủ. Phần lớn tài liệu thẩm tra mới chỉ có cá nhân xác nhận, chưa đảm bảo một tập thể cần thiết chứng nhận (như tinh thần Thông tri số 8 của Ban Tổ chức Trung ương quy định), hồ sơ xét duyệt có nhiều trường hợp chưa đầy đủ. Thậm chí có đối tượng còn không có đơn cũng duyệt kết nạp. Phân công đảng viên theo dõi giúp đỡ đối tượng kết nạp Đảng ngay từ đầu chưa được chú ý. Trước khi tập thể cấp ủy xét duyệt, việc thẩm tra đối tượng kiểm tra quá trình lựa chọn giới thiệu của quần chúng, xem xét của tổ đảng, chi bộ cũng chưa thực hiện đầy đủ. Một số nơi chưa đảm bảo tập thể cấp ủy duyệt, mà chỉ có một số đồng chí trong Thường vụ với một số đồng chí trong Ban Chấp hành. Có nơi khi duyệt lại họp cấp ủy mở rộng quá phạm vi không cần thiết. Một số nơi chấp hành thủ tục tuyên bố kết nạp đảng viên còn tùy tiện giản đơn, thiếu nghiêm trang.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI TRÊN VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

Nguyên nhân của một số tồn tại trên có cả khách quan và chủ quan, nhưng chủ quan là chính:

1. Về nhận thức tư tưởng của nhiều đồng chí trong cấp ủy, nhất là các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy chưa quán triệt đầy đủ tinh thần nghị quyết của Trung ương, chưa thấy rõ mục đích yêu cầu của việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” chủ yếu là phải bảo đảm chất lượng là chính và là mẫu mực cho việc kết nạp đảng viên từ nay về sau. Năm tiêu chuẩn và các thủ tục kết nạp đảng viên chưa cao. Còn nặng tư tưởng ăn sẵn, ngại khó, ỷ lại. Công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác phát triển đảng nói riêng chưa thật sự là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng. Từ đó dẫn đến thiếu tích cực chủ động, lơ là về tiêu chuẩn điều kiện kết nạp đảng viên. Và tự giác hay không tự giác đã vi phạm thủ tục quy định của Điều lệ Đảng.

2. Về lãnh đạo chỉ đạo chưa tích cực chủ động thường xuyên, chưa gắn chặt với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Phương thức chỉ đạo, lãnh đạo còn nhiều lúng túng. Ngay từ sau khi Bộ Chính trị có nghị quyết và Ban Bí thư Trung ương có chỉ thị dự thảo thì tuy việc kết nạp đảng viên chưa chính thức là Lớp “Hồ Chí Minh”, nhưng tinh thần nghị quyết của Trung ương đã được phổ biến từ cuối năm 1969. Song nhiều nơi chưa nhạy bén bám lấy tinh thần đó mà tích cực đi vào chuẩn bị. Hoặc cuối năm 1969 đầu năm 1970 là thời vụ sản xuất, là dịp tổng kết cuối năm 1969 và sơ kết quý I năm 1970. Đó là dịp thuận lợi để rèn luyện thử thách giáo dục bồi dưỡng, lựa chọn nhân tố mới rất tốt. Nhưng vì không nắm được, nên từ thuận lợi thành khó khăn, cho là bận nhiều việc nên bỏ qua. Đây là nguyên nhân phổ biến mà lâu nay vẫn thường nhắc.

3. Bản thân đội ngũ cán bộ tổ chức xây dựng Đảng trực tiếp làm tham mưu giúp cấp ủy từ cơ sở lên cũng chưa có nhận thức đầy đủ chuyển biến chưa hợp trình độ công tác tổ chức với các mặt công tác khác. Do đó chưa phát huy tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ vấn đề này.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

Qua thực tế tiến hành việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” đợt 19-5 vừa qua cần rút ra một số bài học kinh nghiệm để kịp thời phát hiện ưu điểm, sửa chữa khắc phục những khuyết điểm tồn tại nhằm làm tốt công tác kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” vào các đợt tới và xây dựng thành nền nếp từ nay về sau:

1. Việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” thật ra không phải là vấn đề quá mới mẻ nhưng quán triệt cho được mục đích yêu cầu của việc kết nạp đảng viên Lớp “Hồ Chí Minh” là cả một quá trình đấu tranh để khắc phục những nhận thức cũ và nhiều tư tưởng lệch lạc khác từ cấp ủy, đến các bộ môn làm tham mưu giúp cấp ủy về công tác xây dựng Đảng, đến tất cả cán bộ, đảng viên. Chỉ có như vậy thì công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác phát triển đảng nói riêng mới thật sự là nhiệm vụ nhận thức, phải có chuyển biến mạnh mẽ về phương thức lãnh đạo chỉ đạo. Thực tế vừa qua có nơi từng các đồng chí chủ chốt trong cấp ủy có chuyển biến về nhận thức, nhưng chưa làm quán triệt đến tập thể cấp ủy; đến các bộ môn, v.v. thì kết quả đạt được cũng rất thấp. Hoặc một số nơi tuy về nhận thức đã có chuyển biến, nhưng trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo vẫn theo nếp cũ thì chất lượng cũng chưa cao và kết quả rất hạn chế. Thậm chí có nơi chuẩn bị khá vất vả, nhưng đến khi duyệt vẫn không đạt yêu cầu.

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo phải được tiến hành một cách chủ động, thường xuyên, có kế hoạch gắn với yêu cầu từng thời vụ sản xuất và thời gian công tác của địa phương, đơn vị, có phân công cụ thể, có kiểm tra chặt chẽ. Chỉ có như vậy thì tuyên truyền mới có nội dung, giáo dục mới thiết thực, mới thực sự có trận địa để rèn luyện thử thách. Qua rèn luyện thử thách mới thấy được điểm mạnh, điểm yếu của đối tượng để rồi lại tiếp tục giáo dục bồi dưỡng nâng cao. Đó là cả một quá trình liên hoàn có quan hệ chặt chẽ với nhau. Cần coi trọng cả ba hình thức giáo dục; giáo dục qua thực tế

công tác và phong trào quần chúng; giáo dục bồi dưỡng cá biệt (tức là phân công đảng viên theo dõi giúp đỡ từng người); mở lớp giáo dục bồi dưỡng tập trung (tức là mở lớp giáo dục bồi dưỡng đối tượng theo nội dung mới mà Trung ương quy định). Chỉ có như vậy thì việc kết nạp đảng viên mới đảm bảo chất lượng, mới khắc phục được những tư tưởng ăn sẵn, ỷ lại, ngại khó, v.v..

3. Quá trình tiến hành, việc bảo đảm tiêu chuẩn điều kiện, chấp hành các thủ tục kết nạp đảng viên là cả quá trình thực hiện từ bước tuyên truyền giáo dục bồi dưỡng, lựa chọn đối tượng cho đến khi tuyên bố kết nạp, chứ không phải đến lúc sắp tuyên bố kết nạp “mới chạy cho đủ thủ tục”, hoặc mới ngồi lại để nghe và đối chiếu tiêu chuẩn, v.v.. Đây chính là đòi hỏi phải có sự chuyển biến mới trong phương thức lãnh đạo chỉ đạo công tác này. Chỉ có như vậy mới tránh được lối nhận xét quan liêu, phiến diện, chỉ nhìn thấy tích cực nhất thời.

4. Vấn đề vận dụng tiêu chuẩn điều kiện kết nạp Đảng, người xét duyệt (từng đảng viên và cấp ủy) trước hết phải nắm vững tiêu chuẩn. Tại Thông tri số 02 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước đây đã hướng dẫn nắm tiêu chuẩn điều kiện. Nhưng trong đó có thể rút gọn và nắm chắc bốn vấn đề cơ bản là:

- Thừa nhận cương lĩnh và Điều lệ của Đảng. Cụ thể là phải hiểu mục đích, tính chất của Đảng và nhiệm vụ đảng viên, có động cơ vào Đảng đúng đắn, tự nguyện xin gia nhập Đảng, bảo vệ và tuân theo đường lối của Đảng, chấp hành chính sách, nghị quyết và tuân thủ theo kỷ luật của Đảng, tình nguyện hoạt động trong một tổ chức cơ sở của đảng.

- Gương mẫu trong lao động tập thể, trong công tác, trong chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, trong việc chấp hành các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Khi xem xét cần chú trọng người vào Đảng phải thực sự có ý thức tự giác, tích cực, hăng hái, có ý chí phấn đấu bền bỉ, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ, không phải chỉ tích cực nhất thời.

- Phải có đạo đức, tác phong tốt, có liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Cụ thể là phải có tinh thần phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống quần chúng, giữ gìn đạo đức liêm khiết, chí công vô tư; có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tổ chức và kỷ luật; tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, có tác phong quần chúng tốt, được quần chúng tín nhiệm.

- Có lịch sử rõ ràng, không phạm tiêu chuẩn chính do Trung ương quy định.

Bốn tiêu chuẩn trên là cơ sở, là gốc, là nguyên tắc cần nắm vững để tránh khuynh hướng chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng, hoặc vin cơ vận dụng đặc điểm để hạ thấp tiêu chuẩn. Đồng thời khi xem xét cần chú ý đến ba mối quan hệ sau đây:

- Kết nạp người đó có tác động đến việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị như thế nào?

- Có tác động đến phong trào quần chúng ra sao?

- Có góp phần củng cố nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng không?

Chỉ có như vậy thì việc kết nạp đảng viên mới thật sự gắn với nhiệm vụ chính trị, với phong trào quần chúng. Mới nâng cao chất lượng đảng viên và tránh được cầu toàn, khắt khe hoặc máy móc cứng nhắc, nhất là ở một tỉnh miền núi, vùng cao, dân tộc, biên giới.

5. Về thủ tục kết nạp đảng viên là những quy định ràng buộc liên hoàn để bảo đảm chất lượng đảng viên mới được kết nạp, không thể bình thường hoặc tùy tiện, giản đơn, cụ thể là những thủ tục sau đây:

a) *Người xin vào Đảng phải tự mình yêu cầu với tổ chức đảng và phải báo cáo rõ lý lịch của mình cho chi bộ xét (Điểm 1, Điều 4, Chương I Điều lệ Đảng).*

b) *Phải có người giới thiệu bảo đảm, phải được 2 đảng viên chính thức có ít nhất 1 năm tuổi Đảng và đã cùng công tác một năm trở lên giới thiệu. Nếu là Đoàn viên Thanh niên lao động và*

được tập thể, ít nhất là chi đoàn lựa chọn, Ban Chấp hành Đoàn cơ sở giới thiệu thì chỉ cần có một đảng viên chính thức có đủ các điều kiện kể trên giới thiệu. Đảng viên giới thiệu người vào Đảng phải báo cáo với Đảng về lý lịch, phẩm chất người mình giới thiệu và phải chịu trách nhiệm trước Đảng về những lời giới thiệu của mình. (Điểm 2, Điều 4, Chương I Điều lệ Đảng).

c) *Phải được hội nghị chi bộ quyết định kết nạp vào Đảng* (Điểm 3, Điều 4, Chương I Điều lệ Đảng). Tức là phải được Đảng xét báo cáo, chi bộ xét và quyết định rồi báo cáo lên trên.

d) *Tuyên bố kết nạp đảng viên*. Trước đây Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã có Thông tri số 03 đến ngày 7-5-1970 hướng dẫn. Qua thực hiện ở cơ sở càng thấy rất cần thiết phải được chấp hành đầy đủ. Đồng thời cần bổ sung và làm rõ thêm một số vấn đề sau đây:

- Về nội dung, sau khi chào cờ Đảng nên để phút mặc niệm để tưởng nhớ các chiến sĩ cách mạng tiền bối, tưởng niệm Hồ Chủ tịch. Sau khi chào cờ nơi nào có điều kiện thì hát bài Quốc tế ca. Sau phần này thì tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần hội nghị.

Vừa qua có một số nơi đề nghị nội dung nên thêm phần giới thiệu cờ Đảng, Các Mác, Lênin, hoặc cần đọc lại lý lịch và đơn xin gia nhập Đảng hay nên thêm mục phát biểu cảm tưởng để một số đảng viên cũ phát biểu... Những vấn đề này thực tế đã phải làm tốt ngay từ lúc tuyên truyền giáo dục, bồi dưỡng cũng như khi xét duyệt của chi bộ, nên không quá lệ thuộc vào hình thức để mất thì giờ không cần thiết.

Về người giới thiệu phát biểu ý kiến: Nếu đối tượng kết nạp do 2 đảng viên chính thức giới thiệu thì chỉ cần một người thay mặt chung phát biểu. Nếu 1 trong 2 người giới thiệu đối tượng kết nạp Đảng là Ban Chấp hành Đoàn thanh niên thì cả hai đều phát biểu. Nội dung phát biểu của đại biểu Đoàn thanh niên chủ yếu là thay mặt tổ chức Đoàn bảo đảm lời giới thiệu và nhiệm vụ góp phần giáo dục, bồi dưỡng tiếp cho đối tượng mới được kết nạp và giáo dục bồi dưỡng tổ chức mình... Đối với đảng viên thì chủ yếu là bảo

đảm lời giới thiệu của mình và nhận nhiệm vụ tiếp tục giáo dục bồi dưỡng cho đối tượng của mình giới thiệu.

Về hình thức như Thông tri số 03 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã hướng dẫn cần thực hiện cho tốt, tránh tình trạng quá giản đơn dẫn đến làm chiếu lệ, giảm tính chất nghiêm trang của buổi lễ. Vừa qua một số đồng chí có đề nghị thêm một số khẩu hiệu như: “Suốt đời phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản”, “Sống, chiến đấu, lao động, học tập noi gương Bác Hồ vĩ đại”, v.v.. Những khẩu hiệu này thật ra về nội dung đã được thể hiện tất cả trong 10 nhiệm vụ người đảng viên và 7 yêu cầu rèn luyện của đảng viên theo Nghị quyết số 159 của Bộ Chính trị, cho nên không cần đưa vào quá nhiều, không cần thiết. Và lại thực tế nông thôn của chúng ta cũng có khó khăn nhất định về vấn đề này.

Một số đồng chí có hỏi: Khi đồng chí Bí thư chi bộ phát biểu giao nhiệm vụ thì đối tượng kết nạp Đảng có đứng lên không? Vấn đề này Thông tri số 03 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy nói chưa rõ. Nhưng đây là vấn đề cần thiết trước nay chúng ta vẫn làm, nó không phải là hình thức đơn thuần, mà là thể hiện ý thức của người được kết nạp vào Đảng trong giờ phút đầu tiên trước cờ, trước tổ chức của Đảng. Thực tế vừa qua nhiều nơi đã làm tốt.

- Về hồ sơ kết nạp đảng viên căn cứ vào hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và rút kinh nghiệm ở Đảng ủy Đoàn địa chất 24, Mỏ apatít thì hồ sơ kết nạp đảng viên cần có đủ năm tài liệu sau đây:

- Đơn xin vào Đảng.
- Lý lịch của người xin vào Đảng theo đúng Hướng dẫn 31 điều và các tài liệu thẩm tra xác minh kèm theo.
- Trích biên bản của hội nghị chi bộ quyết định kết nạp đảng viên. Nội dung cần ghi rõ: Tổng số đảng viên của chi bộ, số đảng viên chính thức. Tổng số đảng viên có mặt, trong đó có bao nhiêu đảng viên chính thức - ý kiến có bao nhiêu đảng viên giới thiệu, của Ban Chấp hành Đoàn thanh niên giới thiệu, ý kiến phát biểu của đội sản xuất hoặc đơn vị công tác, ý kiến của Ban Chấp hành

Công đoàn cơ sở (nếu có); ý kiến nhận xét của tổ đảng. Nếu có ý kiến không tán thành thì nói rõ vì sao - kết luận của chi bộ về lịch sử chính trị, phẩm chất, về ưu điểm, khuyết điểm - có bao nhiêu đảng viên chính thức tán thành, bao nhiêu không tán thành vì sao. Ý kiến của đảng viên dự bị có gì khác, vì sao. Ý kiến cân nhắc phân tích của chi bộ thế nào. Ý kiến đề nghị lên cấp trên chuẩn y.

- Trích biên bản của hội nghị Đảng ủy cơ sở hoặc Ban Thường vụ Đảng ủy đã xét và đề nghị lên cấp trên để chuẩn y. Nội dung cần ghi rõ: Số ý kiến dự hội nghị. Quyết định và đề nghị lên cấp trên. Nếu có ý kiến khác nhau phải nói rõ vì sao. Bao nhiêu tán thành và không tán thành vì sao.

- Nghị quyết chuẩn y của cấp ủy cấp trên. Nội dung quyết nghị chuẩn y kết nạp cần thống nhất như mẫu kèm theo.

Những nhận định và một số vấn đề rút kinh nghiệm trên mới chỉ là bước đầu, qua quá trình tiến hành, từng nơi, kể cả những nơi chưa kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” trong đợt 19-5 vừa qua cần gắn với tổng kết công tác phát triển đảng từ năm 1965 trở lại đây để rút kinh nghiệm nhằm đảm bảo thực hiện tốt yêu cầu cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Hồ Chí Minh” và đưa công tác kết nạp đảng viên đi vào nền nếp thường xuyên từ nay về sau.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 09-TB/TU, ngày 24-6-1970

Về cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ngày 20 tháng 6 năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp phiên thường lệ để nghe báo cáo tình hình và quyết định công tác trước mắt trong tỉnh.

Cuộc họp có mặt 7 đồng chí, vắng 2 đồng chí bận đi công tác (Phạm Gia Tuân và Dương Việt Tiến). Dự cuộc họp còn có một số đồng chí Phó Ban hoặc đại biểu một số Ban của Tỉnh ủy.

Sau khi nghe báo cáo về tình hình các công tác hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận xét và bàn định một số vấn đề chủ yếu sau đây:

I. SẢN XUẤT (THU CHIÊM, LÀM MÙA) VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CUỘC VẬN ĐỘNG THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT LỚN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Tính đến nay, việc thu hoạch vụ đông - xuân và làm mùa trong tỉnh đã đạt được kết quả đáng kể. Đậu tương, mỳ và các loại rau, màu vụ xuân, căn bản đã thu hoạch xong. Lúa xuân đã chín, nhiều nơi đã bắt đầu thu hoạch đại trà (như Bát Xát, Bảo Thắng...). Năng suất lúa xuân ước tính đợt 1 có thể đạt khoảng 26,43 tạ/ha, bình quân toàn tỉnh.

Việc cấy lúa vụ mùa ở vùng cao và các chân ruộng 1 vụ ở vùng thấp đã được khoảng từ 40-50% diện tích, có thể hết tháng 6

năm 1970 thì căn bản cấy xong trong toàn tỉnh. Các khâu làm đất, bón phân, v.v. vụ mùa năm nay có tiến bộ ở một số nơi.

Cuộc vận động quần chúng thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương Đảng, đang được triển khai bước đầu xuống huyện và các cấp, các ngành. Từ sau Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (hạ tuần tháng 5 năm 1970), ở tỉnh đã mở hội nghị cán bộ (trên 180 đồng chí dự) và đang mở lớp cho số cán bộ xuống cơ sở (trên 240 đồng chí dự), ở huyện và cơ sở đang tiến hành mở hội nghị cấp ủy, mở lớp bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị kế hoạch và lực lượng cán bộ, v.v.. Một số nơi đã mở xong lớp bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt xung quanh huyện và các xã (Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng...).

Tuy nhiên nhìn vào thời vụ sản xuất và tiến độ triển khai cuộc vận động, thì thấy rằng: Tình hình thu hoạch vụ xuân và làm vụ mùa chưa thật tập trung, khẩn trương và đều khắp trong tỉnh. Hiện nay có nơi lúa xuân đã chín đại trà như ở Bát Xát nhưng tổ chức lực lượng lao động và phương tiện phục vụ cho việc thu hoạch ở các xã và hợp tác xã chưa được cụ thể. Việc cày cấy, làm phân, bón phân, v.v. cho vụ mùa nhiều nơi còn yếu, tốc độ sản xuất còn chậm. Công tác sản xuất, thu hoạch và các mặt chưa gắn chặt với việc tổ chức quán triệt các Nghị quyết 195, 196, 197 của Trung ương ở huyện, ngành và cơ sở. Cuộc vận động triển khai xuống cơ sở còn chậm, chưa khớp với thời vụ. Các ngành phục vụ sản xuất và cuộc vận động cũng chưa thật tích cực, cụ thể, đầy đủ.

Để đảm bảo cuộc vận động thực hiện các nghị quyết của Trung ương nhanh chóng triển khai xuống cơ sở, đồng thời thúc đẩy sản xuất kịp thời vụ và đạt kế hoạch (thu chiêm, làm mùa, sản xuất công nghiệp...) Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định:

1. Tập trung mọi lực lượng và biện pháp để khẩn trương thu hoạch, phân phối vụ đông – xuân, hoàn thành diện tích gieo trồng vụ mùa, và đẩy mạnh vụ hè - thu, nhằm đạt các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1970, đặc biệt đảm bảo mức lương thực

52.000 tấn và giá trị công nghiệp 9 triệu đồng. Việc thu hoạch lúa xuân cần tranh thủ ngày nắng, đề phòng trời mưa kéo dài, do đó phải huy động lực lượng xã viên và những nơi cần thiết thì huy động cả lực lượng cán bộ, nhân viên, bộ đội đi thu hoạch gấp, để từ nay đến 20-7-1970, cố gắng căn bản hoàn thành. Việc cấy mùa đối với chân ruộng 2 vụ phải hoàn thành trước ngày 15-8-1970; chân ruộng 1 vụ xong đầu tháng 7-1970. Trong việc làm mùa, các huyện và cán bộ xuống cơ sở phải chỉ đạo tốt việc củng cố hợp tác xã, quản lý tốt lao động, giải quyết tốt vấn đề làm nương riêng lẻ, không để tình hình này phát triển.

Các huyện, thị cần tập trung số cấp ủy viên và cán bộ đã được học tập các nghị quyết xuống giúp xã, hợp tác xã, tổ chức lao động và phương tiện để thu chiêm, làm mùa. Từng hợp tác xã phải cân đối lao động, tổ chức ra các đội gặt, cày, cấy, phân, v.v. ở vùng thấp, làm tốt công tác lương thực vụ xuân theo tinh thần Nghị quyết 84 của Chính phủ. Việc thí điểm thực hiện Nghị quyết 84 của Chính phủ hiện đang làm ở khu vực Bản Lầu cần tiến hành nhanh, gọn, kịp thời rút kinh nghiệm, phổ biến cho các nơi, đồng thời phải đảm bảo thực hiện tốt nội dung cuộc vận động theo đúng yêu cầu của trọng điểm cuộc vận động.

Đảng đoàn chính quyền cần chỉ đạo chặt chẽ các địa phương và đôn đốc các ngành phục vụ tốt việc thu chiêm, làm mùa. Ty Nông nghiệp có trách nhiệm trước Ủy ban hành chính tỉnh về việc tổ chức chỉ đạo cụ thể, đôn đốc, theo dõi cơ sở làm tốt công tác sản xuất nông nghiệp, đảm bảo chỉ tiêu diện tích, năng suất, đảm bảo kỹ thuật, kịp thời vụ, v.v.. Các ngành công nghiệp, tài chính - thương nghiệp v.v. đều phải đi sâu xuống cơ sở của ngành và các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để phục vụ vật tư, vốn, thiết bị, hàng hóa cho quần chúng một cách thiết thực, cụ thể và thuận tiện. Các đường giao thông lớn trong tỉnh, Ty Giao thông phải cùng các huyện tu sửa tốt, đảm bảo tốt lưu thông, vận chuyển trong mùa mưa. Các kho tàng, nhất là kho lương thực, Đảng đoàn chính

quyền và Ty Lương thực phải giải quyết khẩn trương, tránh để lương thực ngoài trời, xảy ra hư hại.

2. Về cuộc vận động thực hiện các nghị quyết của Trung ương cần gắn chặt việc đảm bảo sản xuất kịp thời vụ đối với việc triển khai quán triệt các nghị quyết của Trung ương xuống quần chúng. Vì vậy, số cấp ủy viên và cán bộ đã được học tập đi xuống cơ sở để vận động, lao động sản xuất (như phần trên đã nói) thì đồng thời phải làm tốt việc tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa, mục đích của cuộc vận động và tinh thần các nghị quyết của Trung ương, chuẩn bị tốt việc mở lớp bồi dưỡng các nghị quyết cho đảng viên và quần chúng, v.v. đến khoảng 10-7-1970, trong khi việc gặt chiêm đã vãn thì mới tổ chức lớp bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên theo đúng kế hoạch cuộc vận động của tỉnh đã nêu, và đến khoảng 20-7-1970 thì căn bản bồi dưỡng xong đảng viên để triển khai việc học tập xuống quần chúng.

Về lực lượng cán bộ của tỉnh xuống giúp cơ sở, tỉnh sẽ tổ chức một cuộc họp với các ngành để làm rõ hơn yêu cầu và tiêu chuẩn của số cán bộ được lấy đi xuống cơ sở để các ngành làm tốt hơn nữa việc lựa chọn nhằm làm cho cán bộ đi và ở đều phấn khởi, vừa đảm bảo có đủ cán bộ xuống cơ sở, vừa có lực lượng ở cơ quan làm công tác thường xuyên, đảm bảo cân đối và phù hợp với yêu cầu số lượng, chất lượng của việc đi cơ sở hoặc ở lại công tác cơ quan.

Số cán bộ của các ngành xung quanh tỉnh xuống giúp cơ sở xã, hợp tác xã đều do huyện trực tiếp quản lý mọi mặt, trừ việc đề bạt, nâng lương và các vấn đề không thuộc quyền hạn của cấp huyện thì báo cáo và đề nghị tỉnh quyết định. Lương bổng và các chế độ của cán bộ đi cơ sở đều chuyển cho huyện trực tiếp giải quyết và vẫn hưởng nguyên theo chức vụ hiện nay, nếu ở vùng cao còn được hưởng thêm các chế độ đối với vùng cao hiện hành. Số cán bộ ở lại cơ quan công tác làm việc phải đảm bảo mọi công việc của số đi cơ sở, không tăng thêm biên chế để thay thế số đi cơ sở.

Danh sách số cán bộ của các ngành đi cơ sở sẽ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt cụ thể vào cuộc họp kỳ tới. Ban Tổ chức Tỉnh

ủy, Ủy ban cùng các Ban của Tỉnh ủy chuẩn bị tốt danh sách này để báo cáo Ban Thường vụ quyết định.

Thời gian tiến hành việc bồi dưỡng, tổ chức, ổn định cán bộ và chuẩn bị mọi mặt ở tỉnh, huyện từ nay đến khoảng đầu tháng 7-1970 thì xong, để khoảng 10-7-1970 là đưa được cán bộ xuống cơ sở triển khai cuộc vận động. Tỉnh sẽ họp một cuộc với các đồng chí bí thư huyện để giao kế hoạch và cán bộ cho huyện một cách cụ thể.

Đối với các trọng điểm của tỉnh đã định thuộc huyện nào thì huyện ấy có trách nhiệm tham gia cùng tỉnh chỉ đạo, lấy đó cũng là trọng điểm của huyện. Các điểm này cần được bố trí cán bộ xuống sớm hơn các nơi để đi sớm một bước. Các trọng điểm ở nông thôn do Ban Nông nghiệp cùng các Ban khác, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giúp đỡ, chỉ đạo. Các trọng điểm ở cơ quan, xí nghiệp (đường rượu giấy, thực phẩm) do Ban Công nghiệp và Tài chính - thương nghiệp cùng các Ban khác giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo.

Về nội dung của cuộc vận động, ngoài những việc trọng tâm như Thông báo số 8 và Kế hoạch số 1, số 2 của Tỉnh ủy đã ghi, cuộc vận động phải đảm bảo thực hiện tốt các mặt công tác thường xuyên nhằm đẩy các mặt công tác đó đạt mức kế hoạch năm 1970 đã đề ra và phục vụ tốt cuộc vận động (như các công tác văn hóa, giáo dục, y tế, trị an, quốc phòng, v.v.).

Về chỉ đạo cuộc vận động. Để sát hợp với tình hình thực tế địa phương đảm bảo việc tiến hành được chặt chẽ và tập trung, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy không cần thiết lập ra bộ phận chuyên trách riêng, mà việc chỉ đạo thường xuyên là trách nhiệm tập thể của Ban Thường vụ. Bộ phận thường trực Tỉnh ủy chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, giải quyết công việc hằng ngày đối với cuộc vận động (giúp việc là Văn phòng Tỉnh ủy). Đảng đoàn chính quyền chịu trách nhiệm giải quyết các công việc về mặt nhà nước trong cuộc vận động. Về phía các Ban của

Tỉnh ủy phải phối hợp, kết hợp hoạt động với nhau một cách chặt chẽ và theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi Ban mà có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy đi sâu phụ trách, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, sơ kết, tổng kết các khâu công tác của cuộc vận động (như Ban Nông nghiệp chịu trách nhiệm chính về Nghị quyết 197, Ban Tổ chức chịu trách nhiệm chính về Nghị quyết 195, Ban Tuyên giáo chịu trách nhiệm chính về Nghị quyết 196, v.v.).

Việc kiểm tra để nắm tình hình, đúc rút kinh nghiệm và phản ánh cho tỉnh bổ khuyết công việc, nhất là việc kiểm tra các trọng điểm, ngoài các đồng chí Thường vụ và Tỉnh ủy viên vẫn làm thường xuyên, thì các đồng chí Phó Ban các Ban của tỉnh (kể cả các Ban của Ủy ban hành chính tỉnh) có trách nhiệm tập thể xuống kiểm tra theo định kỳ thường xuyên.

Về chế độ báo cáo, thỉnh thị cần phải thi hành nghiêm chỉnh, chặt chẽ theo đúng chế độ đã định trong Thông báo số 8 của Tỉnh ủy.

II. VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CƠ BẢN MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TRONG NĂM 1970

Sau khi nghe đồng chí Thập, Trưởng Ty Kiến trúc báo cáo, trình bày về nhiệm vụ thiết kế và sơ lược đề án xây dựng khu vực K.30 và khu vực khách sạn, nhà ga Lào Cai, Ban Thường vụ đã thảo luận, đi đến nhất trí là:

- Tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh từng bước khu vực nhà cửa ở K.30 để phục vụ cho việc tiếp khách của tỉnh. Để đảm bảo chỗ ở cho khách sạn nước bạn (các chuyên gia châu Âu) đến công tác, trong khi tu sửa khu K.30, nên xây dựng gấp một biệt thự đủ tiện nghi cho khoảng 20 người ở và một địa điểm thích hợp.

- Đối với khách sạn nhân dân ở khu vực ga Lào Cai, trong năm nay tu sửa, mở rộng và làm thêm một số nhà kiểu lợp ghép sẵn để

phù hợp với khả năng và kịp thời đáp ứng yêu cầu của tỉnh hiện nay. Ngoài ra, giao cho thị xã Lào Cai xây dựng thêm nhà trọ và dựa vào hợp tác xã kinh doanh tổ chức ra các quán trọ để khách qua lại có chỗ trú.

- Đảng đoàn chính quyền căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ thiết kế mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã duyệt để duyệt cụ thể về thiết kế kỹ thuật, về vốn, và bước đi của việc thi công, v.v.. Giao cho Ty Kiến trúc và các ngành có trách nhiệm thực hiện, để một mặt đảm bảo hoàn thành tốt các công trình đã duyệt trước và một mặt hoàn thành được một số nhà cửa của hai công trình trong năm 1970.

Ngoài các vấn đề đã bàn trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thông qua góp ý kiến vào bản dự thảo Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ V, để ban hành chính thức xuống các cấp, các ngành.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 5-TB/TU, ngày 21-7-1970

Về tình hình mở lớp học tập các Nghị quyết 194, 195, 196, 197... của Trung ương ở huyện Mường Khương

Vừa qua, Thường trực Tỉnh ủy đã nghe các đồng chí cán bộ các Ban của Đảng và Trường quản lý nông nghiệp báo cáo tình hình mở lớp học bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên năm xã thuộc khu vực Bản Lầu.

Và ngày 6-7-1970 lại đến dự Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương họp sơ kết, đánh giá kết quả các lớp học bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên, cán bộ xã, và đội sản xuất các xã ở khu vực Cao Sơn, Pha Long, và Mường Khương, về: các Nghị quyết 194, 195, 196, 197... của Trung ương.

Sau khi nghe báo cáo, Thường trực Tỉnh ủy đã có một số ý kiến như sau:

- Trong cuộc vận động này, huyện Mường Khương, huyện trọng điểm của tỉnh đã có cố gắng, khẩn trương đi trước một bước trong việc mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về các nghị quyết lớn của Đảng và Chính phủ. Huyện đã mở được 4 lớp bồi dưỡng cho gần 500 cán bộ, đảng viên, cán bộ hợp tác xã và đội trưởng sản xuất ở các xã thuộc khu vực: Cao Sơn, Pha Long, Mường Khương và trọng điểm Bản Lầu.

Qua học tập, cán bộ, đảng viên bước đầu đã có những chuyển biến tốt về tư tưởng. Nhiều đồng chí đã tự liên hệ kiểm điểm

những ưu, khuyết điểm, tồn tại trong phong trào hợp tác xã hiện nay: tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng, phấn khởi, hồ hởi quyết tâm đi vào lao động sản xuất trong hợp tác xã, củng cố và xây dựng hợp tác xã và thu chiêm nhanh, gọn, làm mùa đảm bảo diện tích và kịp thời vụ.

Đồng thời qua các lớp học đã phát hiện nhiều vấn đề tỉnh, huyện phải suy nghĩ như về thực hiện các chế độ, chính sách, về sự lãnh đạo, chỉ đạo, v.v..

- Từ các lớp học này, có thể sơ bộ rút ra một số kinh nghiệm:

1. Để đảm bảo học tập đạt kết quả tốt, cần phải: Trước hết xác định thật rõ mục đích, yêu cầu của lớp học và định được nhiệm vụ chính trị, phương hướng phấn đấu của địa phương và cơ sở, trước khi tổ chức học tập.

Phải làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần tinh thần cơ bản của các nghị quyết của Trung ương, thấy rõ yêu cầu của tình hình nhiệm vụ hiện nay và những ưu, khuyết điểm, tồn tại của từng cá nhân, từng cơ sở. Trong đánh giá tồn tại, phải trên cơ sở nhận thức việc thực hiện ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa) và điều lệ hợp tác xã mới. Từ đó để phát động tư tưởng của cán bộ, đảng viên, làm cho cán bộ, đảng viên nắm sâu hơn ba cuộc cách mạng; có chuyển biến mới; mạnh mẽ về tư tưởng và có hành động cách mạng cụ thể, có biện pháp khắc phục tồn tại, khuyết điểm nâng cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng, phấn khởi yên tâm công tác, xác định được mục tiêu sản xuất, phương hướng xây dựng hợp tác xã, xây dựng chi bộ, v.v. tiếp tục đẩy mạnh một bước ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh sản xuất với năng suất lao động và hiệu suất công tác cao.

Mục đích yêu cầu của lớp học cần được quán triệt suốt từ đầu đến cuối lớp học và trong toàn bộ khâu: Vận động cán bộ, đảng viên đi học, giảng dạy, thảo luận, kiểm điểm liên hệ, v.v..

Làm thế nào từ đồng chí ít khuyết điểm, đến đồng chí nhiều khuyết điểm, vướng mắc cũng đều thoải mái, tự giác liên hệ, có phương hướng phấn đấu vươn lên, không bị quan bế tắc. Điều cần lưu ý khi kiểm điểm, liên hệ là không truy chụp, chỉ phê phán khuyết điểm hoặc chỉ tập trung đả kích cá nhân, đơn vị có nhiều khuyết điểm, thiếu sót. Như vậy, để tránh tư tưởng bị quan, dao động, không có lối thoát nảy sinh trong cán bộ, đảng viên sau khi học tập.

2. Phương thức chỉ đạo phải sâu sát và cụ thể khi đánh giá tình hình ở xã, hợp tác xã phải dựa trên cơ sở nắm các số liệu đã thực hiện ở cơ sở. Qua các lớp học ở các khu vực Cao Sơn, Pha Long, Mường Khương thành ba dạng hợp tác xã.

a) Dạng hợp tác xã có đầy đủ nội dung của hợp tác xã.

b) Dạng hợp tác xã chỉ quản lý được ruộng, và một phần đất nương.

c) Dạng hợp tác xã chỉ góp một số ruộng và đất lại làm chung để đóng thuế. Và việc quản lý sử dụng đất đai, quản lý lao động, xây dựng cơ sở vật chất của hợp tác xã còn yếu. Có nhiều hợp tác xã vỡ, loại hợp tác xã đơn giản nhiều, hợp tác xã đầy đủ nội dung thì ít.

Sở dĩ đánh giá được như vậy, chính là cán bộ trên xuống cơ sở đã đi sâu nắm tình hình một cách toàn diện về các mặt chủ yếu hợp tác xã quản lý: lao động, ruộng đất, sản phẩm lao động, v.v. qua các số liệu thống kê và phương thức sản xuất của hợp tác xã.

Cán bộ xuống cơ sở (kể cả tỉnh và huyện) phải nắm cho vững, thấu triệt nội dung của các nghị quyết và một số các chính sách cụ thể liên quan trong cuộc vận động, để giải thích và hướng dẫn quần chúng thực hiện tốt. Nếu không nắm vững, cán bộ sẽ không có cơ sở để giải thích cho quần chúng, thậm chí sai với cả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Do đó sẽ gây cho quần chúng thiếu tin tưởng, không phấn khởi, ảnh hưởng đến kết quả cuộc vận động.

3. Nội dung của lớp học cần theo đúng hướng dẫn của tỉnh. Các bài giảng cần căn cứ vào đề cương chung do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, song khi chuẩn bị bài giảng chẳng những phải chuẩn bị kỹ mà còn phải nắm chắc được tư tưởng, tình hình của từng đối tượng, từng địa phương. Những ví dụ minh họa nên lấy cụ thể ở địa phương. Giảng không nên sa lầy vào số liệu và lịch sử xã hội, vào những vấn đề trừu tượng khó hiểu, khó nhớ.

Bài 1 là bài cơ bản nhất, nhưng nội dung các bài đều có tác dụng bổ sung và liên quan mật thiết với nhau. Cho nên không giảm bớt nội dung nào. Các đồng chí cấp ủy địa phương nên giảng các bài. Nếu như vì điều kiện nào đó cần có sự giúp đỡ của cán bộ trên thì cán bộ trên chỉ nên giảng bài 2 và bài 3, còn bài 1 nhất thiết phải do cấp ủy địa phương giảng.

Giảng dạy và học tập phải đảm bảo tự do tư tưởng. Trong thảo luận cần để đảng viên, cán bộ nói hết những tâm tư, tình cảm, thắc mắc, để có biện pháp uốn nắn giúp đỡ. Đối với một số đồng chí ít phát biểu ý kiến cán bộ trên cần đi sát trao đổi, mạn đàm thêm để nắm thêm được những tâm tư, thắc mắc, nguyện vọng của các đồng chí ấy và có biện pháp bồi dưỡng, giúp đỡ. Câu hỏi thảo luận cần có gợi ý cụ thể và đi vào trọng tâm, trọng điểm của bài, không nên chung chung.

Thu hoạch về nhận thức tư tưởng và đề ra biện pháp sửa chữa khuyết điểm, khắc phục tồn tại là vấn đề hết sức quan trọng: cho nên sau khi học tập, tại lớp học, riêng về Đảng cần có báo cáo kiểm điểm chung của cấp ủy (họp chung từng chi ủy), và mỗi đồng chí cán bộ, đảng viên phải phát biểu thu hoạch về nhận thức tư tưởng của mình đối với các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, liên hệ và kiểm điểm tư tưởng và việc làm của mình cái gì đúng, cái gì sai, đề ra được các biện pháp sửa chữa. Đảm bảo thu hoạch tốt nhưng không nặng nề.

4. Địa điểm và thời gian học tập. Tùy theo tình hình và điều kiện cụ thể của từng địa phương. Nhưng phải đảm bảo nguyên tắc tập trung lãnh đạo và tiến hành khẩn trương.

Địa điểm lớp nên mở theo từng khu vực, hoặc liên xã (như Mường Khương đã làm như vậy là thích hợp) để tập trung được sự lãnh đạo và chỉ đạo, và tư tưởng của học viên cũng không bị phân tán, đi lại thuận tiện.

Thời gian nên khẩn trương, khoảng 5 ngày. Cần tranh thủ cả buổi trưa, tối, không nên bỏ khung trong 8 giờ hành chính. Thời gian ở lớp nên giảng kỹ những vấn đề cơ bản của nghị quyết; dành nhiều thời gian để thảo luận ở tổ.

5. Một vấn đề không kém phần quan trọng để lớp học đạt kết quả là phải động viên được cán bộ, đảng viên đến học. Các đồng chí trong chi ủy, các cán bộ, đồng chí trên về giúp phải phân công nhau xuống từng tổ đảng, từng cán bộ, đảng viên và hợp tác xã, nói rõ mục đích, yêu cầu, nội dung và tầm quan trọng của lớp học. Đồng thời, tìm hiểu những khó khăn về gia đình, đời sống, kịp thời giải quyết, khi giải quyết nên dựa vào hợp tác xã, đoàn thể giúp đỡ để cán bộ, đảng viên yên tâm đi học.

Kinh nghiệm của các lớp ở Mường Khương cho thấy nơi nào làm tốt được như vậy thì nơi đó cán bộ, đảng viên đi học đầy đủ, phấn khởi. Trái lại, nơi nào làm không tốt thì nơi đó số cán bộ, đảng viên đi học ít. Có nơi tổ đảng đã có sự bàn bạc, phân công cụ thể, do đó trong khi cán bộ, đảng viên đi học công việc sản xuất ở nhà vẫn tiến hành tốt nên hàng ngày đã có trên dưới 80% số lao động hợp tác xã ra đồng làm việc.

6. Trong thời gian cán bộ, đảng viên tập trung học tập ở các cơ sở cần mở một đợt phát động quần chúng đẩy mạnh sản xuất lấy thành tích chào mừng cuộc vận động, đồng thời gây một khí thế mới trong quần chúng.

Trên đây là một số ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, sau khi nghe tình hình mở các lớp học bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên

của huyện Mường Khương. Thường vụ Tỉnh ủy thông báo để các địa phương rút kinh nghiệm và vận dụng vào tiến hành cuộc vận động ở địa phương mình cho tốt.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 2-NQ/TU, ngày 22-7-1970*

Hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ 15-7 đến 19-7-1970 đã kiểm điểm, đánh giá tình hình công tác 6 tháng đầu năm, thảo luận nhiệm vụ, chương trình công tác 6 tháng cuối năm 1970, bầu cử Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và nghiên cứu, thảo luận các nguyên tắc về quản lý công tác cán bộ của Trung ương Đảng đã ban hành từ năm 1961 và qua sự vận dụng thực hiện của tỉnh trong những năm qua.

Hội nghị có mặt 25 đồng chí trong Ban Chấp hành (23 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết) vắng mặt 4 đồng chí bận đi công tác (Phạm Kham, Lê Bá Hội, Cháng Seo Tả, Đức Minh).

Phần bầu cử Ủy ban Kiểm tra, có biên bản riêng. Về tình hình 6 tháng đầu năm, chương trình công tác 6 tháng cuối năm và công tác quản lý cán bộ, căn cứ vào dự thảo báo cáo của Ban Thường vụ và qua nghiên cứu các văn bản, Tỉnh ủy đã thảo luận đi đến nhất trí nhận định, đánh giá và quyết nghị những vấn đề chính như sau:

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CÔNG TÁC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 1970

Tỉnh ủy nhất trí với những nét nhận định về tình hình đã tổng hợp ghi trong bản báo cáo dự thảo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

* Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ họp từ ngày 15 đến 19-7-1970.

đồng thời thảo luận, kiểm điểm sâu vào công tác trung tâm: Lao động sản xuất, thực hiện kế hoạch nhà nước của tỉnh trong 6 tháng qua. Tỉnh ủy nhấn mạnh những điểm chủ yếu về đánh giá tình hình sau đây:

1. Nhìn chung 6 tháng qua, nhờ có các chỉ thị, nghị quyết và sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng; nhờ tinh thần thi đua sản xuất và công tác trong các cấp, các ngành, trong cán bộ, đảng viên và các đoàn thể quần chúng được phát động qua các đợt sinh hoạt chính trị, qua các dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng, lần thứ 100 ngày sinh Lênin, lần thứ 80 ngày sinh Hồ Chủ tịch và tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội các đoàn thể từ cơ sở lên; đồng thời sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của Tỉnh ủy và các cấp có nhiều cố gắng, nên phong trào mọi mặt trong tỉnh từng bước đã có chuyển biến tốt. Trên từng mặt công tác trong 6 tháng đều đã thu được những thắng lợi nhất định, đã có những nhân tố mới đang nảy nở.

a) Về sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, v.v. qua vụ sản xuất đông - xuân đã giành được thắng lợi hơn năm ngoái.

Trong nông, lâm nghiệp: Sản xuất lương thực, thực phẩm được quần chúng có ý thức đẩy mạnh phát triển. Công tác chỉ đạo kế hoạch và thực hiện các biện pháp kỹ thuật như nước, phân, giống, thời vụ, v.v. có những tiến bộ hoặc cố gắng hơn vụ đông - xuân năm 1969 như lúa xuân, đậu tương, ngô, v.v. lúa mỳ ở vùng cao Y Tý, huyện Bát Xát đạt kết quả, không những giải quyết được nạn đói ăn giáp hạt ở đây, mà còn khẳng định thêm được một phương hướng để giải quyết vấn đề tự túc lương thực ở các vùng cao tương tự trong cả tỉnh. Ngô xuân cũng có khả năng đạt kế hoạch. Rau xanh đỡ khó khăn hơn năm 1969. Năng suất các loại cây trồng, đa số tăng hoặc một số bằng năm ngoái. Cây đặc sản, cây ăn quả có thứ cũng phát triển hơn như chanh, hạt rau giống, cây dứa, chuối, dưa... các đàn gia súc trong chăn nuôi đều tăng. Nghề rừng ở một số nơi có tiến bộ.

Trong công nghiệp và các ngành kinh tế - văn hóa khác: Sản xuất hàng tiêu dùng được chú ý phát triển. Thu mua, phân phối phục vụ đời sống, nhất là dịp Tết âm lịch có khá hơn trên một số mặt, một số khâu nhất định. Thu chi, tài chính có cố gắng. Giá cả ngày càng được bình ổn, một số giá ở thị trường có hạ xuống (thịt gà, lợn, trứng cá...). Công tác văn hóa - xã hội có những mặt tiến bộ hơn.

b) Về quan hệ sản xuất mới, tiếp tục được củng cố một bước. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp qua bước đầu tuyên truyền, học tập Điều lệ mới đã có một số nơi khá hơn trước. Một số hợp tác xã vùng thấp đã làm xong việc thanh quyết toán, và giải quyết mắc nợ nần, quỹ. Một số hợp tác xã vùng cao được củng cố, chấn chỉnh và xây dựng lại cho có nội dung hơn.

c) Về đời sống nhân dân và trật tự an ninh địa phương, nói chung các mặt cơ bản đều được đảm bảo bình thường, có mặt tốt hơn trước. Nạn thiếu ăn giáp hạt ở vùng cao giảm nhiều, lương thực bán ra cho nông dân thiếu ăn chỉ bằng độ 29% so với 6 tháng đầu năm 1969. Công tác bảo vệ trị an được giữ vững. Việc tuyển quân, đóng góp sức người cho tiền tuyến, nói chung thực hiện tốt.

d) Về Đảng, qua mở Đại hội các cấp Đảng bộ từ cơ sở đến tỉnh, sinh hoạt đảng được đẩy mạnh hơn, dân chủ nội bộ được phát huy cao, các nguyên tắc của Đảng ghi trong điều lệ như tập trung dân chủ, phê bình tự phê bình, v.v. được giáo dục bồi dưỡng thêm, các cấp ủy Đảng được tăng cường và kiện toàn cả về số lượng và chất lượng. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng được nâng cao một bước, ý thức xây dựng Đảng của cán bộ, đảng viên được bồi dưỡng thêm, phát triển đảng viên mới Lớp Hồ Chí Minh đợt 19-5 đạt một số kết quả tốt. Công tác tổ chức - cán bộ có tiến bộ một bước trong việc hướng vào phục vụ nhiệm vụ chính trị. Các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần

chúng xoay quanh nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ được tập trung hơn trước. Các đoàn thể quần chúng, qua Đại hội từ cơ sở lên cũng được củng cố hơn.

2. Bên cạnh những thắng lợi đã giành được, Tỉnh ủy kiểm điểm thấy rằng: Phong trào trong tỉnh tuy đã có những chuyển biến khá hơn trước một bước, nhưng phát triển chưa toàn diện, đồng đều, chưa thật mạnh mẽ, sâu rộng. Tình hình đó biểu hiện ở các mặt chủ yếu là: Ba cuộc cách mạng (quan hệ sản xuất, kỹ thuật, tư tưởng - văn hóa) chưa được tiến hành đồng thời, cân đối, nhịp nhàng, trên từng mặt đều yếu ở nhiều nơi (như củng cố hợp tác xã, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh văn hóa, giáo dục, cải tạo phong tục tập quán...); do đó chưa thúc đẩy và phục vụ tốt sản xuất, đời sống. Phong trào lao động sản xuất trong các ngành kể cả ở nông thôn và trong cơ quan, công trường, xí nghiệp chưa thật sôi nổi, lúc lên, lúc xuống; năng suất lao động, định mức công việc chưa đảm bảo, do đó nhiều chỉ tiêu kế hoạch chưa đạt mức, chưa đạt yêu cầu mong muốn. Các mâu thuẫn mất cân đối tồn tại giữa sản xuất với lưu thông, phân phối, tiêu thụ, giữa chỉ tiêu kế hoạch với lao động vật tư, thiết bị, v.v. và việc quản lý chỉ đạo thực hiện lỏng lẻo, lãng phí chưa giải quyết dứt điểm và có nơi, có khâu vẫn tiếp diễn. Các công tác trị an - quốc phòng, xây dựng Đảng, công tác cán bộ, củng cố các đoàn thể quần chúng và chính quyền, v.v. đều còn có những khâu yếu, do đó chưa thúc đẩy mạnh mẽ nhiệm vụ trung tâm ở địa phương.

Nguyên nhân chính của những nhược điểm, tồn tại trên là do:

Việc quán triệt tình hình, nhiệm vụ chính trị và kế hoạch trong các cấp, các ngành, từ tỉnh đến cơ sở chưa thật đồng đều và sâu sắc, do đó chưa phát động và phát huy được khí thế cũng như tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần cách mạng của quần chúng thật mạnh mẽ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch.

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các Đảng bộ cơ sở chưa cao, trách nhiệm của các Đảng ủy, Chi ủy chưa đầy đủ. Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, đầu tàu trong lao động sản xuất, chấp hành chính sách và pháp luật, quan liêu, mệnh lệnh, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng. Nhiều đảng viên ở nông thôn nọ nần, mắc mớ, tham ô tiền, thóc của hợp tác xã, do đó làm cho quần chúng thiếu tin tưởng, phấn khởi. Bản thân số có mắc mớ cũng không an tâm.

- Sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm. Chỉ đạo từ tỉnh, huyện đến cơ sở thiếu tập trung, thiếu chặt chẽ, nắm tình hình không chắc và thiếu kịp thời, chưa sử dụng các biện pháp về hành chính và kinh tế làm đòn bẩy đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch. Tính chất pháp lệnh của kế hoạch nhà nước cũng chưa được thực hiện nghiêm chỉnh. Các ngành, các giới chưa bám chắc và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, thiếu kế hoạch cụ thể, thiếu tính toán cân đối toàn diện. Tinh thần phục vụ sản xuất, đi sâu xuống cơ sở để giải quyết các vấn đề khó khăn cụ thể của nhiều ngành vẫn còn rất yếu, chưa có sự chuyển biến mới. Công tác sắp xếp biên chế, điều chỉnh lao động, định mức lao động trong các cơ quan, xí nghiệp làm chậm nên hạn chế tốc độ và kết quả của sản xuất và công tác. Ý thức tổ chức, kỷ luật, chế độ báo cáo, thỉnh thị trong các cấp, các ngành chưa được đề cao, còn nhiều trường hợp vẫn còn tùy tiện, cục bộ trong thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước.

Tóm lại, vấn đề mấu chốt cần nhận rõ là việc thực hiện các nhiệm vụ, và kế hoạch nhà nước năm 1970 đạt được còn thấp không phải do ta không có khả năng, điều kiện, không phải do đề ra quá cao, mà chính là vì các cấp, các ngành chưa phát huy được khả năng, điều kiện đã có, chưa nêu cao được quyết tâm, chưa phát động được phong trào quần chúng thật hồ hởi, phấn khởi đứng lên làm chủ mạnh mẽ, rộng khắp.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHỦ YẾU TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 1970

Những nhiệm vụ và chương trình công tác cụ thể của 6 tháng cuối năm 1970 đã ghi trong bản dự thảo của Ban Thường vụ, Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, cần phải chú ý nắm vững và quán triệt nhiệm vụ, trung tâm và những công tác chủ yếu của toàn tỉnh là: Trên cơ sở quán triệt sâu sắc các Nghị quyết 194, 195, 196, 197, 198 và các nghị quyết khác của Trung ương Đảng và các nghị quyết của Chính phủ, đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện các nghị quyết đó trong tất cả các cấp, các ngành và sâu rộng đến quần chúng, nhằm tập trung sức hoàn thành nhiệm vụ cả năm 1970, chuẩn bị tốt kế hoạch năm 1971, trước mắt là hoàn thành kế hoạch vụ mùa, vụ thu, chuẩn bị kế hoạch đông - xuân 1970-1971. Mục tiêu trọng yếu nhất phải tập trung thực hiện bằng được là: Tổ chức và sử dụng tốt lao động, tăng năng suất lao động, xây dựng và thực hiện tốt định mức lao động, thực hiện các biện pháp về kinh tế một cách chặt chẽ, kiên quyết, hoàn thành kế hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng, quyết không để hụt mức kế hoạch về tổng sản lượng cả năm đã định.

Muốn thực hiện được nhiệm vụ trên phải:

1. Từng cấp, từng ngành kiểm tra phong trào và kiểm điểm sơ kết 6 tháng đầu năm, điều chỉnh kế hoạch 6 tháng cuối năm, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch tổng sản lượng cả năm 1970, và có kế hoạch đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất vụ mùa, tập trung chăm bón lúa, ngô, khoai, đậu... lấy năng suất vụ mùa bù sản lượng vụ xuân bị hụt... các cấp, các ngành cần kiểm tra, nắm chắc tình hình cụ thể từng nơi, từng cơ sở để chỉ đạo thật sát việc đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo chỉ tiêu và kịp thời vụ. Phải chú ý làm tốt công tác phòng, chống lũ bão.

Đối với phần ruộng, nương của các hộ cá thể và của xã viên làm riêng, cần điều tra, nắm vững để giải quyết đúng đắn. Phần làm riêng quá mức quy định của xã viên phải vận động đưa vào hợp tác xã quản lý (có thanh toán công điểm đúng mức). Đối với một vài miếng nương quá phân tán, lẻ tẻ, diện tích quá nhỏ thì tùy theo tình hình thực tế từng nơi mà bàn bạc, vận động xã viên đưa vào hợp tác xã quản lý chung, hoặc để xã viên sử dụng lao động phụ trong gia đình mà chăm bón, thu hoạch một cách hợp lý, có lợi cho sản xuất, theo chính sách đã có, nhưng đến vụ đông - xuân tới phải thực hiện đúng chính sách quản lý và sử dụng ruộng đất đã quy định. Phần thu hoạch lương thực của các hộ cá thể và của xã viên làm riêng đều đưa vào cân đối lương thực và đóng thuế, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước đối với một số trường hợp vi phạm vào luật lệ bảo vệ rừng, đã chặt phá rừng bừa bãi, cần đưa ra xử lý thích hợp.

2. Phải trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất vụ mùa, vụ thu mà củng cố, chấn chỉnh một bước các hợp tác xã (kể cả hợp tác xã mua bán tín dụng), tiến hành dân chủ phân phối vụ xuân theo tinh thần Nghị quyết 84 của Chính phủ, thanh quyết toán dứt tài vụ và các khoản nợ nần, mắc nợ trong hợp tác xã, tập trung lao động cho sản xuất của hợp tác xã là chính và hướng dẫn kinh tế phụ phát triển đúng hướng, đúng chính sách. Đối với hợp tác xã nào quy mô quá to, thực sự không hợp lý và không có lợi cho sản xuất thì nghiên cứu có kế hoạch chấn chỉnh lại cho hợp lý vào vụ đông - xuân tới, nhưng phải do huyện xét định và tỉnh duyệt y trước khi sắp xếp lại quy mô hợp lý, không được tùy tiện.

3. Phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng để thúc đẩy sản xuất mạnh mẽ hơn, do đó song song với việc củng cố hợp tác xã phải tích cực tiến hành việc xây cơ sở vật chất, kỹ thuật, đồng thời ra sức cải tiến kỹ thuật trong sản xuất và đẩy mạnh phong trào văn hóa, giáo dục, thông tin, cổ động, y tế, vệ sinh, cải tạo phong tục tập quán, v.v. trong xây dựng cơ sở

vật chất, kỹ thuật, cần tập trung vào các công trình trọng điểm trong nông nghiệp, thủy lợi, giao thông, công nghiệp để hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

4. Gắn liền với đẩy mạnh sản xuất vụ mùa và vụ thu, các cấp, các ngành phải chuẩn bị tốt mọi mặt cho vụ đông - xuân 1970-1971 và cả năm 1971, cụ thể là chuẩn bị kế hoạch, phân, giống, vốn, và các vật tư khác. Các ngành tổng hợp còn phải chuẩn bị gấp việc xây dựng kế hoạch 3 năm 1971-1973, dựa theo tình hình, yêu cầu thực tế địa phương và sự chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương.

5. Trong các cơ quan, các ngành xung quanh tỉnh, huyện, thị, phải trên cơ sở kiểm điểm, sơ kết 6 tháng đầu năm mà xác định rõ chức năng, trách nhiệm, nhiệm vụ chính trị cụ thể và có kế hoạch phục vụ công tác trung tâm của tỉnh, đồng thời tiến hành tốt việc học tập, bồi dưỡng giáo dục cán bộ, đảng viên, công nhân viên và sắp xếp, điều chỉnh lao động, biên chế đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, tăng năng suất lao động, hiệu suất công tác, thực hiện các công tác của cuộc vận động theo Kế hoạch số 1 ngày 2-6-1970 của tỉnh ủy.

Từng Ban, từng ngành phải đi sâu xuống cơ sở, đi sát quần chúng, bám chắc sản xuất, đi vào công việc cụ thể để giải quyết một cách tích cực, đầy đủ, kịp thời, thuận tiện cho quần chúng, chống tác phong quan liêu, bàn giấy, máy móc, gây khó khăn, phiền phức cho quần chúng.

Các đoàn thể quần chúng phải phát huy vai trò của mỗi giới, đẩy mạnh hoạt động, hướng vào công tác trung tâm và cuộc vận động hiện nay để động viên đoàn viên, hội viên xung phong thực hiện các nhiệm vụ.

6. Ngoài những công tác trên, các công tác đã ghi trong chương trình 6 tháng cuối năm 1970 của Tỉnh ủy đều phải được thực hiện kết hợp chặt chẽ với công tác trung tâm hiện nay. Về mặt trật tự an ninh trong cuộc vận động hiện nay còn phải tiến hành việc học tập và thi hành Nghị quyết 198 của Bộ Chính trị về “Trật tự, an ninh, xây dựng nếp sống mới” trong toàn tỉnh.

Để đảm bảo thắng lợi cho các nhiệm vụ công tác, vấn đề có tính chất quyết định là phải tăng cường quản lý công tác cán bộ của các cấp ủy Đảng. Trên cơ sở Tỉnh ủy đã nghiên cứu các văn bản về các nguyên tắc và phát biểu về tình hình công tác quản lý cán bộ của tỉnh tại Hội nghị Tỉnh ủy lần này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tổ chức chuẩn bị tốt một dự thảo nghị quyết về phân cấp quản lý cán bộ cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ chính trị hiện nay để Tỉnh ủy thảo luận, quyết định đi vào cuộc họp kỳ tới. Trong thời gian trước mắt, các cấp, các ngành cần vận dụng thực hiện các chế độ, nguyên tắc đã có quy định về công tác quản lý cán bộ một cách đúng đắn, tránh máy móc, sửa chữa những sai lệch, vi phạm tồn tại, làm tốt công tác nâng lương năm 1970, tích cực sắp xếp bộ máy, tinh gọn biên chế, điều chỉnh lao động, nhằm đưa năng suất lao động và hiệu suất công tác tăng lên, đồng thời đẩy mạnh việc tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo, rèn luyện cán bộ và động viên cán bộ thực hiện tốt cuộc vận động đang tiến hành hiện nay và mọi nhiệm vụ công tác của Tỉnh ủy đề ra.

7. Về tổ chức chỉ đạo, từng cấp, từng khối, từng ngành, phải nghiên cứu và quán triệt tinh thần nghị quyết này của Tỉnh ủy và xác định kế hoạch, biện pháp cụ thể để thực hiện.

Từ nay đến hết tháng 7, các cấp, các ngành phải sơ kết, kiểm điểm xong 6 tháng đầu năm, có kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm gửi về tỉnh để báo cáo. Về bước của cuộc vận động, đến tháng 8 cũng phải sơ kết và có kế hoạch tiếp tục thực hiện. Các Ban Đảng đoàn có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung việc sơ kết này để hướng dẫn dưới thực hiện.

Cần tăng cường chỉ đạo, theo dõi, đối với các trọng điểm chỉ đạo ở nông thôn và cơ quan, xí nghiệp. Cuộc vận động trong khu vực cơ quan và xí nghiệp thì đồng chí Thường vụ phụ trách khối nào có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và theo dõi khối đó, riêng các điểm chỉ đạo thì do đồng chí Thường vụ Thường trực Ủy ban có

trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, giải quyết các công việc hàng ngày theo đúng chủ trương và kế hoạch của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

Để tăng cường chỉ đạo các trọng điểm của tỉnh, Tỉnh ủy phân công đồng chí Tiểu, Tỉnh ủy viên phụ trách chỉ đạo điểm Xí nghiệp Đường rượu giấy; đồng chí Lê Bá Hội, Tỉnh ủy viên trực tiếp phụ trách chỉ đạo điểm Công ty Thực phẩm; đồng chí Bàn A Hàn, Tỉnh ủy viên phụ trách chỉ đạo xã Cốc Lầu; đồng chí Hoàng Thị Triệu, Tỉnh ủy viên phụ trách xã Pha Long; đồng chí Đức Minh, Tỉnh ủy viên phụ trách chỉ đạo xã Bản Lầu. Ngoài ra các Ban cần cử người chuyên trách theo dõi sát các trọng điểm, để giúp tỉnh chỉ đạo được kịp thời.

Về phía Ban Thường vụ, nay phân công phụ trách các huyện như sau:

- Đồng chí Trường Minh, Bí thư, phụ trách chung, nắm công tác trung tâm, chú ý trọng điểm và nơi yếu.

- Đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư phụ trách Sa Pa.

- Đồng chí Nông Công Thương, Phó Bí thư phụ trách Bắc Hà.

- Đồng chí Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ, phụ trách Mường Khương.

- Đồng chí Khánh Vinh, Ủy viên Thường vụ, phụ trách Bát Xát.

- Đồng chí Quyết Định, Ủy viên Thường vụ, phụ trách Bảo Thắng.

- Đồng chí Cư Hòa Vần, Ủy viên Thường vụ, phụ trách Si Ma Cai.

- Đồng chí Nguyễn Trí Nghị, Ủy viên Thường vụ, phụ trách xã Cam Đường.

- Đồng chí Nguyễn Ân, Ủy viên Thường vụ, phụ trách thị xã Lào Cai.

Ngoài những vấn đề trên, cần chú ý tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra, đôn đốc và thanh tra chính quyền, thực hiện chế độ làm việc sâu sát cơ sở, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, thỉnh thị, nêu cao ý thức tổ chức, đề cao kỷ luật và trách nhiệm trong quá trình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy và Trung ương đã đề ra.

Nghị quyết này được khẩn trương tổ chức nghiên cứu và có kế hoạch thi hành trong các Huyện ủy, Đảng ủy, chi bộ trực thuộc, các Ban, Đảng đoàn, các đồng chí Trưởng Phó ngành xung quanh tỉnh.

Tinh thần Nghị quyết này được phổ biến đến các tổ công tác ở xã, các chi bộ và Đảng bộ cơ sở.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 11-TB/TU, ngày 25-7-1970

Về tình hình bước một cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương

Chiều ngày 22-7-1970, Thường trực Tỉnh ủy đã nghe tình hình tiến hành bước một cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương Đảng, do các Ban của Tỉnh ủy báo cáo.

Sau khi nghe báo cáo, Thường trực Tỉnh ủy đã nhận xét và nêu lên một số điểm cần tiếp tục thực hiện như sau:

Kể từ sau Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (cuối tháng 5-1970) và hai lớp ở Tỉnh ủy học tập các nghị quyết của Trung ương, và đề ra kế hoạch mở cuộc vận động đến nay, nhìn chung việc triển khai thực hiện kế hoạch đó xuống cơ sở đã thu được một số kết quả bước đầu.

Việc tổ chức học tập các nghị quyết của Trung ương và bàn kế hoạch thi hành trong các cấp, các ngành, đến nay đã có 5 trong 8 huyện, thị ủy và sở đảng ủy, một số ngành đã học xong trong cấp ủy và bố trí xong lực lượng cán bộ xuống cơ sở (trừ Bảo Thắng, Si Ma Cai và Cam Đường chưa mở được hội nghị cấp ủy để học tập, vì còn phải tập trung vào chỉ đạo thời vụ sản xuất đang khẩn trương). Nhiều huyện cũng đã mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ với số lượng được trên 1.500 người dự (đại bộ phận là đảng viên). Các xã trọng điểm của tỉnh, như Bản Lầu (và bốn xã xung quanh),

xã Cốc Lầu và một số xã khác như Muồng Khương, Tà Chải, Bản Phố, Quang Kim, Bản Qua, Tả Phìn... đã học tập các nghị quyết trong đảng viên, có nơi đã tổ chức học tập đến quần chúng và xã viên và nhân dân. Qua học tập, so với yêu cầu đề ra, các lớp đều đã thu được kết quả, nói chung là tốt.

Việc chọn trọng điểm chỉ đạo của tỉnh cũng như của huyện đều đã xong. Tỉnh ủy cũng đã phân công 5 đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp chỉ đạo từng trọng điểm của tỉnh. Ngoài ba điểm ở nông thôn, hai điểm ở cơ quan, xí nghiệp của tỉnh ra, mỗi huyện đều chọn từ 2 đến 3 điểm để chỉ đạo. Một số Huyện ủy viên đã được bố trí trực tiếp về phụ trách xã, làm tổ trưởng hoặc phó, hoặc phụ trách khu vực liên xã.

Công tác điều động cán bộ của tỉnh, huyện xuống cơ sở tham gia cuộc vận động nói chung làm được tốt. Số cán bộ của cả tỉnh và huyện cử xuống xã, nay đã có tới 371 đồng chí (trong đó 150 cán bộ của tỉnh xuống). Số cán bộ này nói chung là có chất lượng, đều đã được học tập, bồi dưỡng, tuyệt đại bộ phận an tâm, phấn khởi, xác định rõ được nhiệm vụ. Hiện nay anh chị em đều đã được xuống tới cơ sở (nơi chậm nhất là 20-7).

Tuy nhiên, những kết quả trên mới là bước đầu, sự chuyển biến về nhận thức, tư tưởng và hành động cách mạng biểu hiện cụ thể trong lao động sản xuất, thu chiêm, làm mùa, v.v. chưa thật mạnh mẽ, rầm rộ. Nhất là về lao động sản xuất, mới có chuyển biến về số lượng, chưa chuyển biến về mặt năng suất lao động và hiệu suất công tác. Việc gặt chiêm, cấy mùa vẫn chậm, có nơi để lúa bị mưa nên bị mọng mọc một số. Nhận thức về tình hình, nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, qua học tập trong cán bộ, đảng viên cũng còn một số tồn tại chưa giải quyết được.

Về mặt chỉ đạo được thực hiện, nhiều nơi chưa khẩn trương triển khai việc phổ biến và tổ chức học tập các nghị quyết xuống đến các cán bộ, đảng viên. Những nơi đã làm thì nội dung học tập, phương pháp giảng dạy, thảo luận, v.v. còn nhiều vấn đề chưa sát

hợp, chưa phát động được tư tưởng quần chúng (mà đây là yêu cầu chính) kể cả về mặt số lượng cũng chưa đạt mức. Kế hoạch, chương trình thực hiện và phục vụ cuộc vận động, ở nhiều ngành vẫn chưa có. Nhiều nơi còn lúng túng trong việc tổ chức thực hiện các nội dung, yêu cầu của từng nghị quyết Trung ương vào cuộc vận động, chưa theo trình tự thống nhất như kế hoạch của tỉnh hướng dẫn, kết hợp chặt chẽ các nội dung các cuộc vận động với nhau còn rời rạc, nơi nhấn mạnh mặt này, nơi nhấn mạnh mặt khác một cách thiếu cân đối, toàn diện. Đáng chú ý là việc xác định nhiệm vụ chính trị, mục tiêu phấn đấu trong mỗi bước của các cấp, các ngành (nhất là các ngành) chưa được cụ thể, còn chung chung.

Việc chỉ đạo các trọng điểm của các huyện, nói chung chưa chặt. Trọng điểm Bản Lầu của tỉnh cũng chưa chú ý mặt rút kinh nghiệm một cách đều đặn. Việc bố trí các cấp ủy viên trực tiếp phụ trách làm tổ trưởng, tổ phó công tác ở xã của các huyện ủy còn rất ít, chưa đúng với tinh thần là huyện ủy phải trực tiếp nắm xã. Chế độ báo cáo, thỉnh thị, nói chung các cấp, các ngành (kể cả trọng điểm) chưa thực hiện đầy đủ, nhiều nơi không có báo cáo về tỉnh những công việc đã và đang làm.

Số cán bộ của tỉnh, huyện đưa xuống giúp đỡ cơ sở, nói chung là phấn khởi công tác, nhưng cũng còn vài đồng chí chưa thật an tâm, một số chưa bám sát ăn, ở, công tác cùng với cán bộ xã, hợp tác xã; có đồng chí còn đi về cơ quan, gia đình nghỉ chủ nhật, v.v. (Bảo Thắng), một số còn có thắc mắc cần được giải quyết tiếp tục giải quyết. Hiện nay vẫn còn vài đồng chí chưa xuống cơ sở được phân công (như đồng chí Mai, Ty Thương nghiệp, đồng chí Đảm, Ty Giáo dục).

II

Để đẩy mạnh việc tiến hành cuộc vận động theo đúng yêu cầu, nội dung như kế hoạch của Tỉnh ủy đã đề ra, căn cứ vào tình hình

trên, Thường trực Tỉnh ủy nêu lên một số điểm cần phải giải quyết như sau:

1. Cần khẩn trương phổ biến và tổ chức học tập các nghị quyết của Trung ương xuống đến cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ sở ở những nơi gặt chiêm, làm mùa đã vãn. Những nơi diện tích gặt, cấy, phòng, chống bão lũ, không để thóc bị mọt, bị trôi vì mưa lũ và cấy không kịp thời vụ (theo đúng Công văn số 31-CV/TW của Ban Bí thư Trung ương mà Ban Thường vụ đã sao gửi). Trong khi hoàn thành thu chiêm, làm mùa, phải chú ý đẩy mạnh việc tuyên truyền, cổ động, phổ biến các nghị quyết: nơi nào thấy tổ chức học tập cho nhân dân không trở ngại đến thời giờ sản xuất thì mới làm, và chỉ nên học tập vào buổi tối. Về mặt thông tin, tuyên truyền, cổ động, văn hóa, văn nghệ... cần phải đẩy mạnh hoạt động rầm rộ để động viên quần chúng trong cuộc vận động.

Mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp, v.v. của việc tổ chức học tập, các nơi cần rút kinh nghiệm, thực hiện theo Thông báo số 10, ngày 21-7-1970 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban Tuyên giáo tỉnh cần sơ kết lại tình hình và kết quả, rút kinh nghiệm một bước về các lớp, các nơi đã học vừa qua.

2. Từ nay đến hết tháng 7-1970, cần kiểm điểm sơ kết bước 1 của đợt vận động. Trên cơ sở đó, điều chỉnh lại lịch công việc ở cơ sở và bổ khuyết những việc còn tồn tại. Các huyện, thị, Đảng ủy, các ngành cần có báo cáo về tỉnh. Các Ban, Đảng đoàn tổng hợp tình hình và chuẩn bị chương trình, kế hoạch tiếp tục sau đợt sơ kết, theo chức năng trách nhiệm do Tỉnh ủy đã giao.

3. Việc chỉ đạo thực hiện xuống cơ sở cần phải có chương trình và lịch cụ thể, thống nhất theo kế hoạch của Tỉnh ủy đã định. Trong nông thôn, các huyện thị phải lấy Kế hoạch số 2, ngày 9-6-1970 của Tỉnh ủy đã gửi làm nội dung thực hiện.

4. Cần quy định rõ nhiệm vụ và chế độ công tác cho các trọng điểm Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu chuẩn bị cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy để ban hành quyết nghị về vấn đề này đối với các trọng

điểm của tỉnh cần có lịch công tác cụ thể hằng tuần, hằng tháng và gửi báo cáo cho tỉnh, huyện thường xuyên.

5. Đối với các cán bộ xuống cơ sở, cần động viên anh chị em đi sát “Ba cùng” với cán bộ và nhân dân ở xã, hợp tác xã, tránh ăn, ở cách biệt, hoặc đi về cơ quan một cách không có tổ chức, kỷ luật. Một số cán bộ còn có đề nghị giải quyết khó khăn bản thân, v.v.. Ban Tổ chức cùng các huyện nghiên cứu giải đáp, giải quyết cho hợp lý, đúng mức (ví dụ: có đồng chí xin chuyển về từ nơi này đến nơi khác, v.v., nếu hợp lý thì giải quyết, nếu không thì giải thích cho cán bộ yên tâm). Việc giải quyết nghỉ phép năm cho cán bộ là việc thường xuyên, do huyện xét định, giải quyết tùy theo tình hình công tác ở mỗi nơi. Đối với một vài cán bộ còn thắc mắc lạch lạch, cần có giải quyết thông suốt, hoặc cũng phải có thái độ kiên quyết đối với đồng chí vô kỷ luật. Riêng còn mấy cán bộ hiện vẫn chưa xuống huyện và xã, cơ quan có cán bộ đó cần kiểm điểm giải quyết rõ ràng.

6. Cần chấp hành chế độ báo cáo, thỉnh thị thật nghiêm chỉnh. Các cấp, các ngành trực thuộc tỉnh, và các tổ công tác xã trọng điểm của tỉnh nhất thiết phải gửi báo cáo hằng tuần về Tỉnh ủy (đồng gửi các Ban của Tỉnh ủy và Đảng đoàn chính quyền) vào ngày thứ hai hằng tuần. Các Ban của Tỉnh ủy và Đảng đoàn chính quyền, tùy theo chức năng đã được giao mà tổng hợp tình hình phản ánh cho Thường trực Tỉnh ủy vào buổi chiều thứ ba hằng tuần.

Nhận được thông báo này, yêu cầu các cấp, các ngành nghiên cứu và thực hiện những việc do Thường trực Tỉnh ủy đề ra như trên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 12-TB/TU, ngày 4-8-1970

Về cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 30 và 31-7-1970

Cuộc họp thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong hai ngày (30 và 31-7-1970) có mặt các đồng chí: Trường Minh, Phạm Gia Tuân, Nông Công Thương, Việt Tiến, Khánh Vinh, Quyết Định, Nguyễn Trí Nghị, Nguyễn Ân, vắng mặt đồng chí Cư Hòa Văn, bận đi công tác.

Trong cuộc họp kỳ này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo và thảo luận, quyết định một số vấn đề chủ yếu như sau:

I. NGHE TRUYỀN ĐẠT TINH THẦN MỚI CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1970

Sau khi nghe đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Đảng đoàn chính quyền đi dự hội nghị của Chính phủ triệu tập về truyền đạt lại những nhận định về tình hình và nhiệm vụ tiếp tục hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1970 của Chính phủ đề ra, những ý kiến phát biểu của các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Tố Hữu, Hoàng Anh, Nguyễn Côn, Nguyễn Thanh Bình, Đỗ Mười... Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí với những nhận định của Chính phủ. Qua đó, liên hệ kiểm điểm tình hình địa

phương hiện nay chỉ thấy việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 1970 của tỉnh đã đạt được một số thắng lợi nhất định, nhưng còn nhiều tồn tại. Vụ sản xuất đông - xuân và vụ mùa, có một số chỉ tiêu đã hơn năm 1969, nhưng còn nhiều chỉ tiêu chủ yếu vẫn chưa đạt mức đề ra. Phong trào lao động sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp, lưu thông phân phối, v.v. tuy đã có chuyển biến bước đầu, nhưng mới là chuyển biến một phần về số lượng, chưa nổi bật về chất lượng và chưa mạnh mẽ đều khắp. Năng suất lao động, hiệu suất công tác nhìn chung vẫn rất thấp. Công tác sắp xếp bộ máy, tinh gọn biên chế, điều chỉnh lao động chưa làm được khẩn trương và sự chuyển biến nhận thức về mặt này trong các cấp, các ngành còn yếu, về mặt thực hành tiết kiệm, quý trọng của công và của tập thể chưa được đẩy mạnh. Tình trạng lãng phí tiền của lao động, vật tư trong các ngành, các xí nghiệp và các hợp tác xã chưa giảm được bao nhiêu.

Những tồn tại cụ thể và nguyên nhân chủ yếu của phong trào toàn tỉnh chưa mạnh mẽ, đều khắp, trong hội nghị Ban Chấp hành tỉnh (từ 15 đến 19-7-1970) đã kiểm điểm và đánh giá. Đối chiếu với những nguyên nhân của Chính phủ nhận định, Ban Thường vụ Tỉnh ủy càng sáng tỏ và thấy sâu sắc thêm những tồn tại về phần lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là về tổ chức thực hiện kế hoạch nhà nước của các cấp, các ngành trong tỉnh (kể cả cấp tỉnh).

Để thực hiện tinh thần mới của Chính phủ về việc phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1970 của Tỉnh ủy đã đề ra để tổ chức thực hiện được đầy đủ, đặc biệt tập trung hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định một số điểm như sau:

- Các cấp, các ngành phải căn cứ vào nghị quyết về nhiệm vụ, chương trình 6 tháng cuối năm 1970 của Tỉnh ủy đã đề ra để tổ chức thực hiện thật đầy đủ, đặc biệt tập trung hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và các công trình kiến thiết cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất,

kỹ thuật đã ghi trong kế hoạch, trước mắt là tập trung hoàn thành gieo trồng và chăm bón vụ mùa, vụ thu, chuẩn bị tốt về mọi mặt, cụ thể cho vụ đông - xuân 1970-1971 và kế hoạch cả năm 1971. Trong công nghiệp và các ngành khác, trên cơ sở tổ chức học tập tốt các nghị quyết của Trung ương mà tích cực sắp xếp, tinh gọn, bộ máy, biên chế, điều chỉnh lao động, thực hiện định mức lao động, tăng năng suất lao động, tập trung thực hiện vượt mức kế hoạch 6 tháng cuối năm về sản xuất và làm tốt công tác lưu thông, phân phối, thu mua, tài chính, tiền tệ, giá cả, v.v. hướng vào thực hiện nhiệm vụ trung tâm và phục vụ cuộc vận động hiện nay.

- Cần giải quyết tốt quan điểm và tư tưởng lệch lạc tồn tại làm cản trở sản xuất và công tác, như tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, lười lao động, cục bộ, bảo thủ, tùy tiện, v.v. khắc phục tác phong quan liêu, không sâu sát cơ sở và quần chúng, đề cao ý thức trách nhiệm và pháp lệnh trong thực hiện kế hoạch nhà nước. Muốn vậy, phải giáo dục, bồi dưỡng nâng cao thêm nhiệt tình cách mạng, ý thức làm chủ tập thể, cần kiệm, tinh thần tự lực cánh sinh, chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng trong tất cả các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất... thấm nhuần quan điểm và tinh thần mới của Chính phủ đã nêu ra trong việc thực hiện và hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1970.

- Đảng đoàn chính quyền và đồng chí phụ trách Ủy ban Kế hoạch tỉnh dựa vào tinh thần nhất định mới của Chính phủ, dựa vào tình hình cụ thể trong tỉnh hiện nay và các điểm đề ra trên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, mà có kế hoạch triển khai việc tuyên truyền giáo dục, đốc đạo sát sao các cấp, các ngành thực hiện và hoàn thành kế hoạch sản xuất đông - xuân 1970-1971 và kế hoạch 3 năm 1971-1973 để Tỉnh ủy thảo luận vào cuộc họp kỳ tới.

II. VẤN ĐỀ KỶ NIỆM NGÀY 2-9-1970

Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 năm nay có ý nghĩa rất lớn, vừa là kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành

lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vừa là kỷ niệm 1 năm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch. Đối với tỉnh ta, trong dịp này cũng là kỷ niệm lần thứ 20 ngày giải phóng Lào Cai khỏi ách đế quốc Pháp tái chiếm (1-11-1950).

Dựa vào nghị quyết của Bộ Chính trị, chỉ thị của Ban Bí thư đã ban hành về việc tổ chức kỷ niệm 4 ngày lễ lớn trong năm 1970, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và đề ra chủ trương tổ chức kỷ niệm ngày 2-9 năm nay như sau:

1. Về mục đích, yêu cầu, nội dung: Từ nay đến 2-9-1970 cần tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị ngắn trong toàn tỉnh, gắn liền với việc học tập các Nghị quyết 194, 195, 196, 197, 198 của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Chính phủ, nhằm cho mọi người thấy rõ hơn thắng lợi vĩ đại của cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong 25 năm và của tỉnh ta trong 20 năm qua; thấy rõ hơn nữa những thắng lợi vô cùng vẻ vang của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Trên cơ sở đó, tiếp tục nâng cao thêm lòng tự hào, phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối cách mạng của Đảng, đồng thời thấy rõ những nhược điểm, tồn tại, có quyết tâm cao hơn trong mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người để vươn lên khắc phục các thiếu sót, khó khăn và các nhận thức, tư tưởng lệch lạc, sai trái, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1970.

Đi đôi với những yêu cầu trên, cần giáo dục cho nhân dân hiểu rõ thêm về chính quyền dân chủ nhân dân thực chất làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, trên cơ sở công nông liên minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, đề cao vai trò và hiệu lực của bộ máy chính quyền và pháp luật của Nhà nước, đồng thời đẩy mạnh hoạt động của các cấp chính quyền, nhất là chính quyền cấp huyện và xã.

2. Tổ chức một đợt thi đua lập thành tích chào mừng ngày 2-9, với nội dung thiết thực, mang lại hiệu quả cao và trở

thành phong trào sôi nổi nhất trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Đợt thi đua này là một bước trong cuộc vận động hiện nay đang làm và sẽ tiến hành từ nay đến 30-8-1970 thì sơ kết. Mục tiêu của đợt thi đua phải nhằm đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, chèn chén, lãng phí, nâng cao năng suất lao động, và thúc đẩy các công tác khác tiến bộ một bước (kể cả về mặt tổ chức đời sống, xây dựng nếp sống trật tự, vệ sinh, văn hóa mới...). Trong nông nghiệp, cần tập trung thi đua đợt một tuần lễ hoàn thành gieo trồng đậu tương, ngô, khoai... vụ hè - thu.

3. Về tình hình tổ chức phải đảm bảo vui vẻ, phấn khởi, nhưng tránh lãng phí. Ngoài việc tổ chức sinh hoạt, nói chuyện ở từng cơ sở, sẽ tổ chức mít tinh và triển lãm ở tỉnh, huyện; tổ chức văn công, văn nghệ, thể dục, thể thao, v.v. trong ngày 2-9. Cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, cổ động, kẻ khẩu hiệu tuyên truyền cho ngày 2-9 (tập trung vào những nơi công cộng).

4. Trong khi tổ chức ngày 2-9, cần chú ý nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo trật tự an ninh, phòng không chu đáo.

5. Căn cứ vào các chủ trương trên, Đảng đoàn chính quyền có kế hoạch cụ thể hóa các vấn đề chỉ đạo thực hiện và chuẩn bị một báo cáo chính trị trong dịp 2-9 theo mục đích, yêu cầu đã nêu ở phần trên. Các ngành tuyên - văn - giáo có đề cương về giáo dục và các hình thức tuyên truyền, cổ động, kịp thời hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện.

III. VỀ TỔNG KẾT CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ NĂM 1969

Để triển khai công tác cuộc vận động định canh định cư ra toàn tỉnh vào bước vận động mới theo đúng tinh thần nghị quyết của Tỉnh ủy đã đề ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thấy cần phải tổng kết các kinh nghiệm qua việc làm thí điểm vận động định canh định cư ở xã Cốc Lầu, và qua các đợt vận động quần chúng ở

một số xã điển hình thuộc vùng cao đã thực hiện phương hướng sản xuất theo tinh thần Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị trong những năm qua, đồng thời kiểm điểm, đánh giá lại toàn bộ tình hình và kết quả đã thực hiện đến nay của tỉnh.

Trên tinh thần đó, sau khi bản dự thảo báo cáo chung của Ban Nông nghiệp do đồng chí Hồng Dương, Phó Ban Nông nghiệp trình bày, báo cáo về kết quả công tác khảo sát, lập quy hoạch do đồng chí Thịnh, Ban Định canh định cư trình bày, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nói chung là nhất trí với các bản dự thảo báo cáo, cuối cùng có bổ sung, nhấn mạnh và đề ra mấy điểm cần tiếp tục tiến hành là:

- Về mặt đánh giá và rút kinh nghiệm chung của công tác vận động định canh định cư toàn tỉnh, cần nêu rõ về kết quả và kinh nghiệm của công tác phát động tư tưởng quần chúng; công tác xây dựng cơ sở tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cốt cán; việc bố trí cơ cấu cây trồng; việc thực hiện các chính sách và sự lãnh đạo của các cấp và trách nhiệm phục vụ cuộc vận động định canh định cư của các ngành, v.v..

- Về mặt khảo sát, lập quy hoạch: Nay đã xong trong toàn tỉnh và đã làm được trong từng xã. Đó là một kết quả lớn, nói lên sự cố gắng của tỉnh ta. Nhưng các dự kiến về phương hướng và quy hoạch sản xuất của các xã xây dựng thì còn những mặt yếu, thể hiện tinh thần tự lực cánh sinh và phấn đấu vươn lên chưa mạnh, như chưa khai thác và sử dụng hết điều kiện khả năng của đất đai, lao động, rừng núi, và các thuận lợi tự nhiên sẵn có, nhất là vấn đề phát triển sản xuất lương thực để giải quyết tự túc tại chỗ thì nhiều nơi còn rụt rè, ỷ lại. Vấn đề nghề rừng, nghề phụ, v.v. trong phương hướng và quy hoạch sản xuất của các xã cũng chưa dự kiến được thật rõ, thật mạnh. Các mặt yếu trên, trong quá trình phát động quần chúng dân chủ bàn bạc xây dựng, sắp tới cần được bổ sung, điều chỉnh cho rõ, thể hiện được tinh thần vững chắc, nhưng tích cực và sát hợp hơn nữa.

- Căn cứ vào các ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy như trên, Ban Định canh định cư, Ban Nông nghiệp và Đảng đoàn chính quyền hoàn chỉnh lại báo cáo tổng kết và tài liệu điều tra, khảo sát, lập quy hoạch (kể cả báo cáo của xã thí điểm Cốc Lầu và một số xã điển hình ở vùng cao) để tiến tới hội nghị tổng kết ở tỉnh đồng thời báo cáo lên Ban Định canh định cư Trung ương biết, và có kế hoạch hướng dẫn việc triển khai bước vận động tập trung gắn liền vào bước đi của cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương hiện nay ở nông thôn (nhất là vùng cao và giữa). Để tiến hành việc vận động định canh định cư được tốt, cần bồi dưỡng huấn luyện cho cán bộ các tổ công tác và cán bộ xã, hợp tác xã nắm vững tình hình và biết cách sử dụng các tài liệu đã điều tra, khảo sát, quy hoạch sau đó mới giao bản đồ và tài liệu đó cho xã sử dụng và quản lý.

IV. VẤN ĐỀ CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT 194, 195, 196, 197, 198 CỦA TRUNG ƯƠNG ĐANG TIẾN HÀNH HIỆN NAY

Để đi vào chỉ đạo của cuộc vận động có nền nếp, quy củ hơn nữa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bàn thêm một số điểm là:

1. Lãnh đạo và chỉ đạo chung cuộc vận động là trách nhiệm tập thể của Ban Chấp hành cấp ủy các cấp (tỉnh, huyện, thị, cơ sở). Trong thời gian giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành thì Ban Thường vụ cấp ủy căn cứ nghị quyết chung của Ban Chấp hành mà thường kỳ nghe báo cáo, và đề ra các chủ trương, kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết để chỉ đạo việc thực hiện xuống dưới. Từ cuộc họp Thường vụ kỳ này đến kỳ kia, bộ phận thường trực cấp ủy (Bí thư và các Phó Bí thư) trực tiếp chỉ đạo công việc hằng tuần, đưa lên chủ trương, nghị quyết của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành đã có. Đồng chí Phó Bí thư Thường trực của

cấp ủy đơn đốc, theo dõi, giải quyết công việc hằng ngày theo chương trình của bộ phận thường trực và Ban Thường vụ đã quyết định. Riêng ở xã và các đơn vị cơ sở thì tập thể cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác trong từng bước đi của cuộc vận động theo chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch của cấp trên và dựa vào nghị quyết của Đảng bộ cơ sở đã ban định.

2. Về phía các Ban chuyên môn, Đảng đoàn chính quyền và văn phòng cấp ủy, phải theo đúng chức năng của mình mà có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, đơn đốc, kiểm tra nắm tình hình hướng dẫn việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp ủy, giúp cấp ủy chỉ đạo về mặt nghiệp vụ và phương pháp thực hiện cụ thể theo đúng chủ trương, kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy, của Thường vụ và thường trực đã đề ra (như trong Điểm 2, Mục I Thông báo số 9 ngày 24-6-1970 của Ban Thường vụ đã quy định). Các Ban phải tăng cường kiểm tra, nắm tình hình và dựa vào các Ban chuyên môn của cấp dưới thuộc ngành mình để nắm tình hình, đồng thời phát hiện, đề xuất vấn đề và báo cáo cho cấp ủy về phần công tác thuộc Ban mình được giao.

3. Các huyện, thị ủy, các Ban công tác chỉ đạo trọng điểm của tỉnh, hằng tuần (vào ngày thứ hai) phải có báo cáo về cuộc vận động gửi lên Tỉnh ủy (đồng gửi các Ban của Tỉnh ủy và Đảng đoàn chính quyền để theo dõi và tổng hợp phần công việc được giao). Mỗi tháng một lần các đồng chí bí thư (hoặc thường trực, huyện, thị) mang theo báo cáo toàn diện bằng văn bản về tỉnh báo cáo trực tiếp, các Ban của Tỉnh ủy và Đảng đoàn chính quyền phải tổng hợp tình hình thuộc chức năng được giao mà làm báo cáo cho Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy, vào chiều thứ ba mỗi tuần, ngoài báo cáo thường kỳ hằng tháng, hằng quý... và báo cáo chuyên đề sơ kết, tổng kết mỗi bước, mỗi đợt của cuộc vận động.

Nhận được thông báo này, yêu cầu các cấp, các ngành nghiên cứu kỹ và tổ chức thực hiện đầy đủ, thường kỳ báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 16-TB/TU, ngày 12-9-1970

Về cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu và bàn kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 198 của Bộ Chính trị

Ngày 11-8- 1970, trong phiên họp thường kỳ, cùng với việc giải quyết một số vấn đề khác, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiên cứu Nghị quyết số 198-NQ/TW, ngày 18-4-1970 của Bộ Chính trị “về tăng cường công tác quản lý xã hội, giữ gìn trật tự trị an và tiếp tục xây dựng nếp sống mới ở thành phố, thị xã”.

Trên cơ sở quán triệt nghị quyết liên hệ kiểm điểm tình hình và công tác quản lý xã hội, giữ gìn trật tự, trị an, xây dựng nếp sống mới ở địa phương, Thường vụ nhất trí nhận định: Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, mặc dù địch tăng cường chiến tranh tâm lý và hoạt động gián điệp, tình hình trị an ở khu vực biên giới có nảy sinh một số vấn đề phức tạp, tình hình lao động sản xuất và đời sống của cán bộ, công nhân và nhân dân trong hoàn cảnh thời chiến có gặp một số khó khăn; nhưng nhìn chung trật tự, trị an xã hội trong toàn tỉnh nhất là ở hai thị xã được giữ vững, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở hai thị xã được củng cố và tăng cường; tổ chức đảng, chính quyền ngày thêm vững mạnh, khí thế cách mạng của quần chúng được phát huy, thể hiện cho rõ các mặt sản xuất,

chiến đấu, thực hiện các chính sách, việc tổ chức đời sống trong hoàn cảnh chiến tranh có nhiều cố gắng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức làm chủ tập thể và tham gia quản lý thị xã của ta có nhiều cố gắng và tiến bộ, đó là mặt cơ bản, mặt chủ yếu của tình hình.

Tuy nhiên, nghiên cứu kiểm điểm tình hình quản lý xã hội, giữ gìn trật tự trị an, xây dựng nếp sống mới ở địa phương, nhất là ở các thị xã, thị trấn cũng có nhiều thiếu sót, tồn tại, những vi phạm về mặt trật tự, trị an còn xảy ra nhiều, tình trạng trộm cắp, tham ô, đầu cơ buôn lậu, tai nạn giao thông, và những tệ nạn xã hội còn phức tạp và ở mỗi vùng có mức độ khác nhau.

- Ở khu vực nông thôn: Tình hình trị an xã hội nói chung ổn định, không có vấn đề gì lớn. Tồn tại ở khu vực nông thôn hiện nay là những tai nạn, tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, nghiện hút, cờ bạc, tự tử, tự sát, v.v. trước đây đã được cải tạo tốt, nhưng việc tiếp tục giáo dục, cải tạo của ta thiếu chặt chẽ, thường xuyên nên có nhiều mặt đang có chiều hướng phục hồi trở lại. Tình trạng tham ô, nhập nhằng tiền, thóc, công điểm của hợp tác xã nông nghiệp, mua bán còn xảy ra, ở các xã thuộc khu vực biên giới tình hình vượt biên, buôn lậu chưa được giải quyết tốt, ở một số xã vùng cao tình hình xê dịch cư cũng chưa được nghiên cứu giải quyết triệt để.

- Ở khu vực cơ quan, xí nghiệp, trường học; tình trạng tham ô lãng phí, móc ngoặc còn xảy ra, ý thức tổ chức, kỷ luật, chưa thật đề cao, việc chấp hành pháp luật chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, ý thức tham gia quản lý xã hội, quản lý thị xã còn yếu, một số thanh niên trong cơ quan, xí nghiệp sinh hoạt chưa lành mạnh, một số trong học sinh thiếu niên xuất hiện những thói hư, tật xấu, cá biệt có trường hợp càn quấy, có trường hợp đã gây nên những phức tạp về mặt trật tự an ninh.

- Ở khu vực thị xã, thị trấn, nhất là những nơi tập trung đông người. Nơi có nhiều người qua lại còn có những vấn đề phức tạp,

tình trạng trộm cắp vặt, tham ô, móc ngoặc chưa giảm, những tai nạn, nhất là tai nạn giao thông vẫn xảy ra; những tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, trai gái hủ hóa chưa được giải quyết tốt. Một số ít thanh, thiếu niên có hành động cần quấy, tình hình trật tự và vệ sinh công cộng chưa thật tốt.

Nguyên nhân của những tồn tại nói trên có phần do khách quan như (...) sơ tán, dân số và nhu cầu các mặt của thị xã tăng nhanh, khả năng giải quyết của ta có hạn, v.v. nhưng chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan của ta biểu hiện trên các mặt:

- Nhận thức của các cấp, các ngành chưa đầy đủ, còn biểu hiện hữu khuynh, buông lỏng, chưa tích cực chủ động đi sâu giải quyết các vấn đề.

- Công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng chưa sâu sắc, triệt để, chưa thiết thực, chưa phát huy được vai trò quần chúng tự giác chấp hành, chưa gây thành dư luận quần chúng ủng hộ cái hay, ủng hộ nhân tố tích cực, phê phán, đấu tranh chống những mặt tiêu cực trong đời sống xã hội.

- Việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, các nội quy, quy ước chưa nghiêm chỉnh... vì vậy Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí là phải triển khai Nghị quyết số 198 với một tinh thần tích cực, khẩn trương, nhưng phải chỉ đạo thí điểm để rút kinh nghiệm.

Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Thị ủy Lào Cai cùng Đảng đoàn Công an và các ngành có liên quan ở tỉnh (Tòa án, Kiểm sát, Hải quan, Tỉnh đội, Công an nhân dân vũ trang, Văn hóa, Giáo dục, Thông tin, Y tế, Lương thực, Thương nghiệp...) do thị ủy Lào Cai chủ trì, Đảng đoàn Công an có trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch và cử cán bộ có kinh nghiệm, trình độ tham gia, tổ chức chỉ đạo một khu phố, một cơ quan xí nghiệp (thuộc thị quản lý) để rút kinh nghiệm.

Việc tổ chức chỉ đạo thí điểm phải căn cứ vào tinh thần nghị quyết của Trung ương, vận dụng với tình hình cụ thể địa phương vạch ra kế hoạch cụ thể và phải đạt được những yêu cầu.

- Phải giáo dục, phát động tư tưởng đảng viên, cán bộ, công nhân viên và nhân dân, làm cho đảng viên, cán bộ, công nhân viên và nhân dân được nâng cao hơn cảnh giác cách mạng ý thức trách nhiệm hiểu biết về chính sách, luật pháp, phân rõ các hiện tượng đúng, sai... từ đó mà động viên quần chúng tự giác tham gia giữ gìn trật tự trị an, gây thành dư luận mạnh mẽ trong quần chúng ủng hộ cái hay, ủng hộ nhân tố tích cực, đấu tranh, phê phán, lên án những hành động tiêu cực trong đời sống xã hội.

- Dựa trên cơ sở giáo dục, phát động tư tưởng quần chúng cùng với các biện pháp chuyên môn của các ngành để từng bước giải quyết những vấn đề về đời sống của nhân dân (chủ yếu là khâu phân phối, thực hiện tốt các chính sách đã có) ngăn ngừa những hành động vi phạm trật tự trị an có tính chất nghiêm trọng, làm giảm đến mức thấp nhất những tai nạn và tệ nạn xã hội, làm tốt việc giữ gìn trật tự vệ sinh, từng bước xây dựng nếp sống mới, tạo khí thế phấn khởi tin tưởng trong quần chúng, động viên quần chúng tiến lên hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, kế hoạch nhà nước.

- Thông qua việc thực hiện ở thí điểm rút ra những kinh nghiệm trong việc thực hiện nghị quyết ở một khu phố một cơ quan (chú ý đi sâu rút kinh nghiệm việc kết hợp thực hiện Nghị quyết số 198 và các nghị quyết khác của Đảng), rút kinh nghiệm việc kết hợp giải quyết các vấn đề trị an giữa các cơ quan và ngoài khu phố.

Thường vụ Tỉnh ủy giao đồng chí Phạm Kham Tỉnh ủy viên Trưởng Ty Công an có nhiệm vụ giúp Thường vụ kiểm tra, đôn đốc và cùng Thị ủy Lào Cai giải quyết các vấn đề ở thí điểm. Các cơ quan, xí nghiệp đóng ở thị xã có trách nhiệm giáo dục cán bộ, công nhân viên tích cực tham gia và nghiêm chỉnh chấp hành các quy ước trong việc giữ gìn trật tự trị an ở thị xã.

Song song với việc tiến hành ở điểm, các nơi khác cần đẩy mạnh công tác giữ gìn trật tự trị an một cách thường xuyên.

Đảng đoàn Công an có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy hoàn chỉnh kế hoạch để sau khi rút kinh nghiệm ở điểm thì nhanh chóng mở rộng diện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 10-BC/TU, ngày 26-9-1970

Về tình hình kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đợt 2, tháng 9 năm 1970

Thi hành chủ trương của Trung ương về kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, nhìn chung trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, các cấp đã gắn chặt với yêu cầu, nội dung của việc nâng cao chất lượng đảng viên và là một trong ba nội dung của cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”. Do nhận rõ ý nghĩa, yêu cầu, và nội dung của việc nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và mối quan hệ hữu cơ giữa việc nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng, nên trong việc thực hiện bước đầu đã đạt được kết quả tốt trong việc tăng cường vai trò lãnh đạo, hiệu lực và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; nâng cao một bước ý chí chiến đấu, tinh thần phấn khởi của đảng viên, quần chúng trong công tác xây dựng Đảng và trong việc thực hiện các mặt công tác. Đến nay kể cả đợt 19-5-1970 và đợt 2-9-1970 toàn tỉnh đã kết nạp 107 đảng viên. Đợt 19-5-1970 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có sơ kết rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp cụ thể cho đợt tới, do đó đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh 2-9 vừa qua đã có nhiều tiến bộ.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

a) Số đảng bộ có tiến hành công tác lựa chọn đối tượng, xét duyệt kết nạp đảng viên trong đợt 2-9 là 23 đảng bộ. Còn 4 đảng bộ chưa có báo cáo là: Nhà máy điện, Ty Kiến trúc, Nông trường Giao Ngay, Ty Thương nghiệp.

- Số đảng bộ có kết nạp đảng viên đợt 2-9 là 19 đảng bộ. Còn 8 đảng bộ chưa có đối tượng kết nạp đảng viên trong đợt này và cả đợt 19-5-1970 là: Nhà máy điện, Nông trường bò sữa Sa Pa, Xí nghiệp cơ khí Phú Lợi, Xí nghiệp sành sứ, Ty Kiến trúc, Nông trường Giao Ngay, Ty Thương nghiệp, Ty Công an.

- Tổng số đảng viên Lớp Hồ Chí Minh kết nạp đợt 2-9 là: 73 đồng chí. Trong đó:

+ Phụ nữ	24	tỷ lệ	32,8%
+ Đoàn viên Thanh niên lao động	53	tỷ lệ	72,0%
+ Dân tộc ít người	13	tỷ lệ	17,8%
+ Chiến sĩ thi đua và Lao động tiên tiến	73	tỷ lệ	100,0%
+ Công nhân	15	tỷ lệ	20,5%
	(93,3% là công nhân kỹ thuật)		
+ Quân nhân tại ngũ	3	tỷ lệ	4,0%
+ Cán bộ nhân viên	41	tỷ lệ	56,0%
+ Xã viên hợp tác xã nông nghiệp	13	tỷ lệ	17,8%
- Số có trình độ:			
+ Văn hóa cấp I	22	tỷ lệ	30,0%
+ Văn hóa cấp II	33	tỷ lệ	45,2%
+ Văn hóa cấp III	18	tỷ lệ	24,6%
+ Sơ cấp chuyên môn	10	tỷ lệ	13,0%
+ Trung cấp chuyên môn	15	tỷ lệ	20,5%
- Xuất thân từ thành phần cơ bản	62	tỷ lệ	85,0%

b) Qua tình hình trên và kiểm tra cụ thể một số nơi thì đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh 2-9-1970 đã có những tiến bộ rõ rệt so với đợt 19-5-1970:

1. Nhìn chung đợt 2-9 có tiến bộ hơn đợt 19-5 cả về số lượng và chất lượng. Về số lượng đợt này tăng hơn gấp 2 lần so với đợt 19-5 (đợt 19-5 toàn tỉnh kết nạp 34). Về chất lượng nói chung đều đảm bảo được tiêu chuẩn, đã xác định được lý tưởng phấn đấu cách mạng của mình; trên các mặt công tác đã thể hiện tinh thần hăng hái, nhiệt tình, đề cao được ý thức trách nhiệm, gương mẫu trong công tác, trong chấp hành chế độ, chính sách, nguyên tắc; năng suất và hiệu suất thường xuyên được nâng cao, có tinh thần cầu tiến, chịu khó học tập, gần gũi giúp đỡ quần chúng và được quần chúng tin yêu... Do đó qua nhiều năm hầu hết đã được liên tục công nhận là lao động tiên tiến, một số đồng chí đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua (có ba là chiến sĩ thi đua, đợt 19-5 chưa có chiến sĩ thi đua). Thành phần công nhân tỷ lệ tăng hơn trước: 20,5%, đại đa số là công nhân kỹ thuật (14/15). Số có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trung, sơ cấp chiếm tỷ lệ 33,5%. Tăng hơn đợt 19-5 là 7,1%. Tỷ lệ thuộc lứa tuổi trẻ cũng tăng hơn đợt 19-5: 3,6%. Tỷ lệ phụ nữ tăng hơn trước 6,4%, v.v..

2. Việc thực hiện phương hướng cũng có tiến bộ hơn trước. Đa số đều xuất thân từ thành phần cơ bản (85%) và đều đã trải qua rèn luyện thử thách từ cuộc kháng chiến chống Pháp hay trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Đợt 19-5 chỉ có 12 đảng bộ tiến hành mở lớp huấn luyện và 10 đảng bộ có đối tượng kết nạp bao gồm 27 chi bộ. Đợt này có thêm 15 đảng bộ tiến hành mở lớp (trong đó có 5 đảng bộ tiến hành mở lớp lần 2) và số đảng bộ có đối tượng kết nạp kỳ này cũng nhiều hơn (19 đảng bộ bao gồm 57 chi bộ). Đối với khu vực nông thôn, đợt 19-5 chỉ có 7 đảng bộ xã (đều thuộc vùng thấp). Đợt 2-9 đã có 8 đảng bộ xã có đối tượng kết nạp và trong đó có hai xã vùng cao: xã

Lùng Sán (Si Ma Cai), xã Tung Trung Phố (Mường Khương). Ở những xã có kết nạp đảng viên đợt này, bước đầu đã chú trọng đội ngũ cán bộ xã và hợp tác xã từ đội trưởng, đội phó sản xuất, kế toán, quản trị hay cán bộ các đoàn thể quần chúng ở xã; phát triển vào các dân tộc thiểu số đợt trước chỉ có Tày, Mán, Mèo; đợt này đã phát triển thêm vào các dân tộc Nùng, Nhắng, Mường.

3. Việc chấp hành các nguyên tắc thủ tục kết nạp đảng viên có nhiều tiến bộ. Tất cả các đối tượng kết nạp đợt 2-9 đều được quần chúng lựa chọn giới thiệu tới 2, 3 lần.

Việc thẩm tra lý lịch cũng được tiến hành kỹ lưỡng hơn. Có trường hợp phải thẩm tra đi, thẩm tra lại tới bốn lần. Có trường hợp chỉ vì chưa có xác nhận của tập thể cấp ủy địa phương nơi sinh quán cũng đã tiến hành thẩm tra lại. Việc xét duyệt của cấp ủy có thẩm quyền đều đảm bảo nguyên tắc tập thể với tinh thần trách nhiệm cao, nghiêm túc, thận trọng. Có trường hợp chỉ có một ý kiến của quần chúng phát hiện cấp ủy cũng kiên quyết xem xét lại. Sau khi kiểm tra thì ý kiến phát hiện lại đó là đúng: đối tượng định kết nạp chính là người đã phạm tiêu chuẩn chính trị mà Trung ương không cho phép (Đoàn địa chất 5). Các hồ sơ tài liệu của đảng viên mới kết nạp nói chung đều đảm bảo đầy đủ theo đúng hướng dẫn của Trung ương. Việc tổ chức tuyên bố kết nạp nói chung được tiến hành nghiêm túc theo đúng thủ tục và thời gian quy định.

4. Ngoài việc đảm bảo tiêu chuẩn và các nguyên tắc thủ tục một số đảng bộ đã chú trọng thực hiện phương châm “Phát hiện đi đôi với củng cố” Cho nên một số trường hợp tuy không phạm tiêu chuẩn hay thủ tục, nhưng xét thấy chưa đảm bảo yêu cầu tăng cường sức chiến đấu và khả năng lãnh đạo của tổ chức đảng, hoặc cơ sở đảng ở nơi còn yếu, kém thì kiên quyết hoãn lại. Theo báo cáo của 20 đảng bộ thì có 62 trường hợp không kết nạp trong đợt 2-9 chính là vì lý do trên. Quá trình lựa chọn xem xét đối tượng, đối chiếu với từng tiêu chuẩn để xét duyệt đối tượng kết nạp Đảng,

những đảng viên cũng đã tự liên hệ với chính bản thân mình cũng còn có những mặt yếu phải làm sao cho xứng đáng. Đồng thời, việc thực hiện đường lối quần chúng trong việc lựa chọn xét duyệt kết nạp đảng viên đã có tiến bộ một bước. Việc thực hiện phương châm này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, mà còn có tác dụng giáo dục động viên các tổ chức quần chúng khá sâu sắc, nhất là Đoàn thanh niên. Từ đó mà thúc đẩy phong trào quần chúng vươn lên với khí thế hồ hởi, phấn khởi, tin tưởng. Nhiều nơi làm tốt đã đem lại những hiệu quả thiết thực.

5. Về sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đã có nhiều cố gắng. Nhiều cấp ủy đã tập thể nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh. Rồi bàn định kế hoạch một cách chủ động gắn với việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, gắn với việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể quần chúng để làm công tác phát triển đảng. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện phương hướng, phương châm của công tác phát triển đảng nói chung các cấp ủy đều chấp hành nghiêm chỉnh. Các ban chuyên môn như Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra và các cán bộ chuyên trách công tác xây dựng Đảng và một số tổ công tác cơ sở đã có những tiến bộ và cố gắng trong việc thực hiện chức năng là tham mưu giúp cấp ủy về vấn đề này. Sự phối hợp kết hợp giữa các Ban chuyên môn đã có sự tiến bộ rõ rệt. Ban Tổ chức Huyện ủy Mường Khương ngoài việc giúp cấp ủy đề xuất kế hoạch, biện pháp chỉ đạo đã trực tiếp xuống kiểm tra tám xã khu vực Pha Long để rút ra những vấn đề thuộc về tiêu chuẩn, phương châm và các thủ tục của cơ sở đã có tác dụng tốt. Một số Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra của một số huyện, thị ủy khác cũng có những việc làm tương tự.

Nguyên nhân đạt được kết quả trên, trước hết là do: Sau khi triển khai Nghị quyết số 195 và Chỉ thị số 175 của Trung ương, ý thức trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác phát triển đảng nói riêng đã được nâng lên một bước từ

cấp ủy đến cán bộ, đảng viên. Sự lãnh đạo chỉ đạo của nhiều cấp ủy đảng được tăng cường chặt chẽ hơn. Nhất là sau đợt 19-5, Tỉnh ủy có sơ kết rút kinh nghiệm đã giúp các đảng bộ nắm vững hơn yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp, xác định rõ hơn phương pháp, biện pháp để tiến hành. Mặt khác, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, nhất là Đoàn thanh niên đã có cố gắng bước đầu trong việc tham gia xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng trên cũng còn một số nhược điểm và tồn tại sau đây:

1. Đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh 2-9 tuy số lượng có tăng, chất lượng có tiến bộ, nhưng so với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng trên các lĩnh vực thì kết quả trên còn thấp. Toàn tỉnh còn 8 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy chưa kết nạp được đảng viên nào trong cả 2 đợt và qua báo cáo của 20 đảng bộ thì còn tới 66,9% số chi bộ chưa làm công tác phát triển đảng trong đợt này. Riêng nông thôn mới có 15 đảng bộ xã (kể cả 2 đợt) làm công tác phát triển đảng. Một số nơi như: Bảo Thắng, Sa Pa, Bắc Hà không kết nạp đảng viên nào ở cơ sở xã. Một số đảng bộ phong trào không phải loại yếu, kém như Nhà máy điện, Nông trường Giao Ngay, Ty Công an... cũng không kết nạp đảng viên nào. Việc phát triển đảng viên vào nông thôn nhất là vùng cao, các cơ sở trong các lực lượng vũ trang chưa được chú trọng đúng mức. Phát triển lứa tuổi trẻ nhìn chung có tiến bộ, nhưng cá biệt có nơi còn kết nạp cả đối tượng vừa đúng tuổi về hưu (Lâm nghiệp), những khuyết nhược điểm trên rõ ràng việc thực hiện phương hướng công tác phát triển đảng chưa đầy đủ, chưa toàn diện.

2. Về chất lượng của đội ngũ đảng viên mới kết nạp đợt này cũng còn những mặt yếu. Qua kiểm tra một số nơi thì tuy có được giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách nhưng ý thức giác ngộ giai cấp, hiểu biết về Đảng cần phải tiếp tục được nâng cao hơn

nữa. Khuynh hướng chỉ nhìn vào tích cực nhất thời còn biểu hiện trong một vài trường hợp ở một số ít nơi. Có trường hợp còn biểu hiện kết nạp để có cơ cấu là học sinh, “khỏi phải phê bình là hẹp hòi, đối với học sinh chuyên nghiệp” nên có trường hợp còn gượng ép về tiêu chuẩn.

3. Việc chấp hành các thủ tục kết nạp đảng viên, nhìn chung còn là khâu yếu hiện nay. Vừa qua theo báo cáo của 20 đảng bộ thì số đối tượng được xem xét đợt này là 371 đối tượng. Nhưng sau khi xem xét thì 306 đối tượng chưa đủ điều kiện xét duyệt kết nạp đợt này. Chiếm tỷ lệ 82%. Trong đó chỉ có 11,7% thuộc về tiêu chuẩn, còn 86% là do chưa đảm bảo thủ tục mà phần lớn thuộc vào khâu thẩm tra chưa đầy đủ (56%) và lý lịch chưa rõ ràng (20%) tài liệu thẩm tra thường là không được tập thể xác nhận hoặc thiếu bản tường thuật cụ thể của người đi thẩm tra, v.v.. Một số trường hợp đảng viên chịu trách nhiệm giới thiệu còn hình thức, chưa thật sự đi sâu thường xuyên tuyên truyền giáo dục cá biệt và nắm hiểu đối tượng một cách chắc chắn. Cá biệt có trường hợp đảng viên được phân công trách nhiệm theo dõi giúp đỡ và giới thiệu mà chưa hề gặp đối tượng bao giờ (Giao thông). Các biên bản xét duyệt của tổ đảng, chi bộ, cấp ủy thường sơ sài, giản đơn, ghi chép không đầy đủ theo đúng hướng dẫn của Trung ương. Việc tuyên bố kết nạp cũng còn hai trường hợp tổ chức kết nạp chậm, chưa đúng thời gian quy định.

Nguyên nhân của những khuyết điểm tồn tại trên, có cả khách quan và chủ quan. Nhưng về chủ quan:

1. Một số cấp ủy và nhiều tổ chức cơ sở còn biểu hiện tư tưởng ngại khó, sợ trách nhiệm. Những biểu hiện đó chứng tỏ chưa quán triệt đầy đủ tinh thần nghị quyết của Trung ương cũng như ý nghĩa quan trọng của việc kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh. Do đó chưa đề cao trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kết nạp đảng viên nói riêng.

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy còn biểu hiện trách nhiệm chưa cao, chưa tích cực, chủ động, chưa có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các yêu cầu của cuộc vận động. Có nơi còn khoán trắng cho đồng chí cấp ủy phụ trách tổ chức, hoặc có làm nhưng với tinh thần còn đại khái, vai trò của các tổ chức quần chúng chưa thật phát huy đầy đủ trong công tác xây dựng Đảng.

3. Khả năng trình độ nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng nói chung còn yếu

Do đó nhiều trường hợp do không nắm được tiêu chuẩn, điều kiện của đối tượng đã đưa vào danh sách đối tượng cho đi học. Vì quan điểm cho rằng đối tượng thì chưa cần thẩm tra đầy đủ, cứ tích cực là cho đi học, cho nên đến khi xét duyệt kết nạp thì không đạt, hoặc có nhiều trường hợp khác cũng đã vi phạm thủ tục một cách không tự giác. Ngay cả một số đồng chí cấp ủy phụ trách tổ chức, một số ban chuyên môn về công tác xây dựng Đảng cũng còn bộn bề nhiều mặt hạn chế. Do đó chưa phát huy tác dụng tích cực giúp cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và các cơ sở trong vấn đề này.

II. TÌNH HÌNH CHUẨN BỊ CHO ĐỢT 3-2-1971 VÀ CÁC ĐỢT TỚI

Theo báo cáo của 25 đảng bộ (còn thiếu Đảng ủy Kiến trúc và Thương nghiệp) thì số đối tượng chuẩn bị cho đợt 3-2-1971 và các đợt tới có 324 đối tượng với sự phân bố như sau:

- + Nông thôn có 47 tỷ lệ 14%.
- + Công nhân sản xuất có 126 tỷ lệ 39%.
- + Cán bộ nhân viên có 133 tỷ lệ 41%.
- + Vũ trang tỉnh, huyện có 18 tỷ lệ 6%.

Qua quá trình trên và kiểm tra một số nơi thì số đối tượng trên ở cơ sở nông thôn và trong các lực lượng vũ trang còn rất ít. Số đối tượng là cán bộ, nhân viên tuy nói chung chiếm tỷ lệ cao hơn song

đi vào các cơ sở bệnh viện, trường học, cửa hàng, v.v. còn rất ít. Số đối tượng trên hầu hết chưa được thẩm tra lý lịch đầy đủ. Một số chưa qua quần chúng lựa chọn giới thiệu, chưa qua tổ đảng và chi bộ xét duyệt mà mới do tập thể Ban chỉ ủy lựa chọn trong số là lao động tiên tiến ở cơ sở. Một số cũng chưa qua lớp bồi dưỡng theo nội dung mới. Do đó, nhìn chung số đối tượng tuy đông nhưng hầu hết đều chưa đảm bảo đầy đủ các thủ tục. Vì vậy nếu không có biện pháp tích cực khắc phục tình hình thì kết quả sẽ rất hạn chế.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Để phát huy kết quả các đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh vừa qua và kịp thời khắc phục một số khuyết nhược điểm, đảm bảo cho đợt 3-2-1971 và các đợt tới đạt kết quả tốt hơn, thực hiện tốt cả ba nội dung của cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”... các đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cần nắm vững một số biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Các cấp ủy cần dựa vào những nhận định trên mà liên hệ kiểm điểm đối chiếu với tình hình cụ thể của Đảng bộ mình, nhất là về mặt lãnh đạo, chỉ đạo. Trên cơ sở đó mà có biện pháp tăng cường chỉ đạo chặt chẽ đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu của cuộc vận động như kế hoạch (kể cả ở nông thôn và cơ quan, xí nghiệp...) của Tỉnh ủy đã hướng dẫn. Trước mắt cần có kế hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng mà rà lại đội ngũ, đối tượng, nhất là việc thẩm tra lý lịch, tổ chức cho quần chúng học tập tiêu chuẩn rồi tham gia lựa chọn giới thiệu, mở lớp giáo dục, bồi dưỡng, v.v.. Qua xem xét nếu thấy trường hợp nào không đủ tiêu chuẩn, nhất là những người phạm vào tiêu chuẩn chính trị mà Trung ương không cho phép thì kiên quyết đưa ra khỏi danh sách đối tượng. Nhưng phải có kế hoạch giáo dục, sử

dụng cho tốt tránh gây căng thẳng không cần thiết. Đồng thời tiếp tục lựa chọn các nhân tố mới xuất hiện trong phong trào đưa vào danh sách đối tượng. Kiên quyết khắc phục tư tưởng ngại khó, sợ trách nhiệm để đảm bảo yêu cầu đợt 3-2-1971 và các đợt tới đạt kết quả tốt hơn.

2. Các cơ sở trọng điểm của tỉnh và của các đảng bộ cần tăng cường chỉ đạo chặt chẽ đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu của cuộc vận động nói chung và công tác kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” nói riêng. Phải làm với tinh thần trách nhiệm cao, khẩn trương tích cực và kịp thời rút kinh nghiệm để giúp cho chỉ đạo chung.

3. Các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra các cấp cần phát huy chức năng của mình, tăng cường phối hợp đi sát hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở và thường xuyên rút kinh nghiệm phổ biến kịp thời giúp các cơ sở thực hiện tốt. Ủy ban Kiểm tra của Tỉnh ủy cần có kế hoạch tiến hành kiểm tra một số đảng bộ về việc kết nạp đảng viên trong hai đợt vừa qua để rút kinh nghiệm.

4. Tỉnh Đoàn thanh niên, Liên hiệp Công đoàn tỉnh, v.v. cần có kế hoạch hướng dẫn, đôn đốc cán bộ cơ sở phát huy vai trò của tổ chức mình tích cực tham gia xây dựng Đảng. Trước hết cần coi đây là một dịp tốt để củng cố xây dựng tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đưa sự hoạt động ấy đi dần vào nền nếp.

Việc kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” mà Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị đã đề ra phải được thực hiện nghiêm chỉnh. Đó là yêu cầu trước mắt và cũng là đảm bảo cho yêu cầu lâu dài đối với công tác xây dựng Đảng trước yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 153-CT/TU, ngày 29-9-1970

**Về kỷ niệm lần thứ 20 ngày giải phóng Lào Cai
(1-11-1950 – 1-11-1970)**

Năm 1970 là năm có nhiều sự kiện lịch sử vĩ đại đối với dân tộc ta và nhân dân cả nước ta và nhân dân cả nước ta, kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng, lần thứ 100 ngày sinh Lenin, lần thứ 80 ngày sinh Hồ Chủ tịch, lần thứ 25 Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đối với tỉnh ta, năm 1970 còn thêm một sự kiện lịch sử có ý nghĩa rất to lớn và sâu sắc, đánh dấu một bước ngoặt trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh ta, dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch kính mến, đó là kỷ niệm lần thứ 20 ngày giải phóng Lào Cai.

Kỷ niệm ngày 1-11 năm nay chúng ta cần gắn chặt các việc động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên và mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, tiếp tục đẩy mạnh các cuộc vận động lớn hiện nay và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị của tỉnh ta với tinh thần tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa vùng cao tiến kịp vùng thấp, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi và vượt miền xuôi về từng mặt.

Để thực hiện mục đích trên, cần làm tốt một số yêu cầu sau:

1. Làm cho mọi người hiểu rõ: Lào Cai được giải phóng là kết quả của một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất anh dũng và đầy thắng lợi vẻ vang của nhân dân các dân tộc tỉnh ta, đoàn kết chặt chẽ cùng với quân và dân cả nước chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, thắng lợi đó đã mang lại quyền độc lập, tự do thật sự cho các dân tộc tỉnh ta. Từ đó đến nay, dưới ánh sáng của các chủ trương, đường lối cách mạng vô cùng đúng đắn và sáng tạo của Đảng, nhân dân tỉnh ta tiếp tục tiến lên đập tan âm mưu gây phỉ của bọn thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, tiêu diệt và tan rã toàn bộ lực lượng thổ phỉ, ra sức xây dựng và củng cố vùng giải phóng, tiến hành thắng lợi cuộc cải cách dân chủ và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội và đã làm thay đổi hẳn bộ mặt miền núi tỉnh ta, góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước.

2. Làm cho mọi người nhận thức sâu sắc: đế quốc Mỹ tuy thất bại nặng nề và sa lầy nghiêm trọng ở nước ta, nhưng chúng không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược, đang cố gắng tuyệt vọng để thi hành chính sách “Việt Nam hóa cuộc chiến tranh nhằm kéo dài chiến tranh và đã mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta trước khi đi đến thắng lợi còn phải trải qua nhiều khó khăn gian khổ; Nhân dân ta phải kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Nhân dân các dân tộc tỉnh ta quyết đồng tâm hiệp lực, cố gắng làm hết sức mình, động viên cao độ mọi lực lượng cần thiết để cùng với quân và dân cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước.

3. Xác định đầy đủ trách nhiệm là tỉnh căn cứ địa của hậu phương lớn, luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng kịp thời đầy đủ mọi yêu cầu cho tiền tuyến, không ngừng đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tập trung lực lượng đẩy mạnh sản xuất

nông, lâm nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, nhất là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và thông thường. Làm cho của cải vật chất ngày càng nhiều.

Để làm tốt các nhiệm vụ trên, cần đẩy mạnh cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên gắn chặt với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị - kế hoạch nhà nước, phát huy dân chủ tăng cường cải tiến tổ chức, cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động và triệt để thực hành tiết kiệm.

Một số vấn đề tiến hành việc tổ chức kỷ niệm:

1. Tổ chức một đợt tuyên truyền sâu rộng trong Đảng, trong Đoàn thanh niên và trong nhân dân về lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc tỉnh ta (dựa theo cuốn *Lịch sử Đảng tóm tắt* của Đảng bộ tỉnh ta do Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ xuất bản nhân dịp kỷ niệm này).

Các đơn vị, địa phương trong lúc nói chuyện về lịch sử và truyền thống chung, cần gắn chặt với truyền thống, thành tích về kinh nghiệm của đơn vị và địa phương mình, đồng thời bàn bạc về nhiệm vụ và các biện pháp để đẩy mạnh sản xuất và mọi công tác nhằm mang hiệu quả cao nhất.

Ban Tuyên giáo cùng với Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện tốt đợt tuyên truyền này và bồi dưỡng lực lượng báo cáo viên cho các cấp, các ngành, các đơn vị.

2. Tiến hành sơ kết đợt thi đua hai tháng nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 cuộc Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phát động một đợt thi đua mới, đẩy mạnh phong trào sản xuất, cải tiến tổ chức, cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động, tăng sản phẩm xã hội, lập thành tích chào mừng kỷ niệm lần thứ 20 ngày giải phóng Lào Cai và 3 ngày kỷ niệm 19, 20, 22 tháng 12 nhằm vào các mục tiêu chủ yếu cấp bách trước mắt:

- Chăm sóc tốt và thu hoạch nhanh gọn vụ mùa.

- Tiến mạnh vào vụ sản xuất đông - xuân 1970-1971, trước hết tập trung mọi khả năng, lực lượng hoàn thành dứt điểm các công trình thủy lợi, sửa chữa các mương phai, làm giao thông. Đẩy mạnh phong trào toàn dân làm phân, tận thu các nguồn phân và chế biến phân. Chuẩn bị đủ các loại giống tốt, năng suất cao.

- Hoàn thành toàn diện vượt mức kế hoạch nhà nước quý IV và cả năm 1970. Đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản. Tập trung lực lượng, chủ động, bám sát phục vụ đầy đủ, kịp thời mọi yêu cầu cho vụ sản xuất đông - xuân giành thắng lợi.

- Hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện tốt chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, thi hành đầy đủ chính sách phân phối và giá cả nhằm đẩy mạnh sản xuất, đồng thời thực hành tiết kiệm triệt để. Hoàn thành tốt công tác tuyển quân.

Đảng đoàn chính quyền chịu trách nhiệm chung về tổ chức chỉ đạo đợt thi đua này; trong phạm vi các cơ quan, công trường, xí nghiệp, Đảng đoàn Liên hiệp Công đoàn chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức chỉ đạo và gắn với nội dung phong trào thi đua “5 nhất”; trong phạm vi nông thôn, Ban Nông nghiệp chịu trách nhiệm chỉ đạo gắn với bước hai cuộc vận động. Ban Thi đua có kế hoạch hướng dẫn sơ kết đợt thi đua hai tháng vừa qua và có kế hoạch hướng dẫn cụ thể đợt thi đua mới, đồng thời theo dõi tổng hợp tình hình, đề nghị biểu dương, khen thưởng kịp thời, sơ kết báo cáo về Tỉnh ủy.

3. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, văn hóa nghệ thuật. Báo chí, xuất bản, thể dục thể thao... bằng nhiều hình thức sôi nổi, phong phú phục vụ cho các yêu cầu trên. Tổ chức triển lãm lớn ở tỉnh và huyện, thi bằng tranh ảnh, giới thiệu thành tích 20 năm Lào Cai chiến đấu và xây dựng. Đài Truyền thanh tổ chức các buổi phát thanh đọc văn kiện cuốn *Lịch sử Đảng tóm tắt* của Đảng bộ và báo *Lào Cai* trích đăng những phần cần thiết, nhân dịp kỷ niệm cần có bài xã luận: Lào Cai 20 năm chiến đấu và xây dựng.

4. Tổ chức lễ kỷ niệm trọng thể ở tỉnh, huyện, thị đến cơ sở xã, hợp tác xã, các đơn vị sản xuất, trường học, bệnh viện, các đơn vị vũ trang... (Ty Thông tin cần có đề cương gửi cho cơ sở để làm nội dung trong cuộc mít tinh kỷ niệm). Mít tinh trọng thể ở tỉnh sẽ do Đảng đoàn chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đứng ra tổ chức.

5. Mọi hoạt động trong dịp này phải tiến hành trong tinh thần trọng thể, thiết thực, giản dị, tiết kiệm và cảnh giác.

6. Đảng đoàn chính quyền cần có kế hoạch hướng dẫn tử mỹ và có biện pháp chỉ đạo cụ thể việc tổ chức kỷ niệm trong toàn tỉnh.

Nhận được chỉ thị này, các cấp, các ngành, các đơn vị cần tập thể thảo luận kỹ, có kế hoạch thi hành đạt kết quả tốt

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
Số 03-NQ/TU, ngày 1-10-1970

**Về bàn biện pháp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ
kế hoạch nhà nước năm 1970***

Hội nghị bất thường của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ từ ngày 25-8-1970 đến 27-8-1970 đã nghe truyền đạt sự nhận định của Trung ương về việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1970, nghe phổ biến những điểm dự thảo bổ sung về tiền lương theo nguyên tắc phân phối theo lao động và nghị quyết về lao động của Hội đồng Chính phủ.

Dựa vào tinh thần của các vấn đề trên, Tỉnh ủy đã kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước của tỉnh từ đầu năm đến nay và bàn biện pháp phát huy thắng lợi đã đạt, khắc phục các tồn tại, thiếu sót trong việc thực hiện nhằm hoàn thành kế hoạch cả năm 1970.

**I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC
CỦA TỈNH TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY**

Sau khi nghe đồng chí Phạm Gia Tuân truyền đạt nhận định

* Hội nghị họp từ ngày 25 đến 27-8-1970.

của Hội đồng Chính phủ về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1970 và nghe đồng chí Nguyễn Ân trình bày kết quả thực hiện kế hoạch nhà nước của tỉnh từ đầu năm đến nay, Ban Chấp hành đã thảo luận, liên hệ vào tình hình địa phương, hoàn toàn nhất trí với những nhận định của Chính phủ, đồng thời thống nhất đánh giá và quyết định những vấn đề chủ yếu cần tiếp tục thực hiện để hoàn thành kế hoạch nhà nước của tỉnh ta năm 1970.

Nhìn chung từ đầu năm lại đây, nhờ có các chỉ thị, nghị quyết và sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, với khí thế thi đua sản xuất và công tác các cấp, các ngành, trong cán bộ, đảng viên và đoàn thể quần chúng được phát động qua các đợt sinh hoạt chính trị, nhất là thời gian gần đây qua cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương Đảng nên phong trào mọi mặt trong tỉnh đã có những chuyển biến tốt, trên một số mặt công tác đang có chiều hướng đi lên và đã thu được những thắng lợi nhất định.

a) Về sản xuất nông - lâm nghiệp. Sau khi thu hoạch xong một vụ chiêm với năng suất tương đối cao (kể cả lúa, ngô, đỗ tương), một vụ hoa quả đạt sản lượng tương đối lớn, các địa phương đã tranh thủ làm mùa kịp thời vụ, tốc độ cấy mùa nhanh hơn so với mọi năm. Các biện pháp kỹ thuật được chú ý. Một số nơi xảy ra sâu bệnh nhưng đã được dập tắt kịp thời. Song song với làm mùa một số nơi đã tranh thủ trồng ngô, đỗ tương hè và khoai tây. Một số loại cây đặc sản và cây ăn quả như rau xanh, dứa, chuối, v.v. đang được gieo trồng phát triển. Một số vùng kinh tế ngày càng hình thành và nay đã có sản phẩm hàng hoá rõ rệt. Trong chăn nuôi, đàn gia súc phát triển ngày càng tăng. Nghề rừng ở một số nơi có tiến bộ. Số người tham gia lao động, ngày công lao động trong các hợp tác xã tăng lên rõ rệt.

b) Trong công nghiệp và các ngành kinh tế - văn hoá đã có một số chuyển biến tiến bộ. Việc sản xuất hàng tiêu dùng được chú ý phát triển. Một số mặt hàng mới được ra đời. Trong các xí nghiệp,

ngày công đã tăng lên, việc chấp hành kỷ luật lao động có tiến bộ, các mặt quản lý được tăng cường hơn nhờ đó một số xí nghiệp đã từ lỗ nhiều, nay lỗ ít, có xí nghiệp đã thu lãi cho Nhà nước. Công tác thu mua, phân phối, phục vụ đời sống cũng có những tiến bộ hơn so với năm trước.

c) Quan hệ sản xuất mới được tiếp tục củng cố thêm một bước. Đặc biệt trong nông thôn, qua bước đầu tuyên truyền học tập Điều lệ mới và nay đang tiến hành cuộc vận động dân chủ, định canh định cư... Công tác quản lý ở một số hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã khá hơn trước. Việc thanh quyết toán và giải quyết nợ nần vốn, quỹ trong các hợp tác xã đang được xúc tiến. Một số hợp tác xã vùng cao được củng cố, chấn chỉnh và xây dựng lại có nội dung hơn. Tình hình trật tự an ninh nội địa, biên giới được đảm bảo. Công tác nghĩa vụ quân sự xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, tuyển quân đã đạt được một số kết quả.

d) Về Đảng, qua mở Đại hội các cấp đảng bộ từ cơ sở đến tỉnh, nhất là qua cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương Đảng, nói chung cán bộ, đảng viên đã được nâng cao thêm quan điểm, lập trường, ý thức trách nhiệm và tinh thần cách mạng tiến công. Các cấp ủy Đảng được tăng cường và kiện toàn cả về số lượng lẫn chất lượng. Vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong các hoạt động được đề cao hơn trước. Công tác phát triển đảng viên mới Lớp Hồ Chí Minh đạt một số kết quả bước đầu trong đợt 19-5. Các hoạt động của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng xoay quanh nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ được tập trung hơn trước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích, ưu điểm đã đạt được, thì hiện nay phong trào của tỉnh ta phát triển chưa mạnh, chưa đều, chưa toàn diện. Tình hình đó biểu hiện ở các mặt chủ yếu như:

Trong nông - lâm nghiệp, các chỉ tiêu chủ yếu của nay đều tụt so với kế hoạch, nhất là chỉ tiêu sản lượng lương thực, còn đạt thấp so với kế hoạch đề ra.

Trong công nghiệp, nhiều xí nghiệp không đạt kế hoạch, Nhà nước vẫn phải bù lỗ kéo dài. Các hiện tượng mất cân đối giữa sản xuất, tiêu thụ, lưu thông, phân phối, giá cả, giữa chỉ tiêu kế hoạch với lao động vật tư, tiền vốn chưa được giải quyết đồng bộ. Công tác quản lý chỉ đạo thực hiện kế hoạch còn lỏng lẻo chưa thật sâu sát, chặt chẽ. Các định mức chưa được xây dựng. Hiện tượng lãng phí, tham ô chưa được chấm dứt, trái lại có nơi, có khâu còn tiếp diễn. Tư tưởng đi, ở, nghe ngóng, chờ đợi tình hình tăng giảm biên chế xuất hiện trong cán bộ, công nhân viên ở nhiều cơ quan, xí nghiệp chưa giải quyết kịp thời. Điều đáng quan tâm là nhiều xí nghiệp lao động ngày càng tăng, thiết bị ngày càng nhiều, nhưng năng suất lao động ngày càng giảm, sản phẩm làm ra ngày càng ít. Bởi vậy, hiện tượng sản xuất ít, chi tiêu nhiều, gây mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng khá nghiêm trọng và cấp bách, chẳng những không tích lũy cho Nhà nước, mà cả tái sản xuất giản đơn cũng không thực hiện được.

Công tác trị an - quốc phòng, xây dựng Đảng, công tác cán bộ, công tác đoàn thể quần chúng và chính quyền, v.v. đều chuyển biến chậm và còn có những khâu yếu, do đó chưa tác động mạnh mẽ đảm bảo thúc đẩy tốt việc thực hiện kế hoạch của các cấp, các ngành.

Nguyên nhân chính của những khuyết điểm, tồn tại trên là do:

- Các ngành các cấp (kể cả cấp tỉnh) chưa quán triệt sâu sắc nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước năm 1970, do đó chưa nắm bắt tình hình và khả năng của ngành mình, cấp mình, chưa nắm chắc các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch, chưa nêu cao hết ý thức trách nhiệm, ý thức pháp lệnh trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, chưa phát huy được đầy đủ khí thế cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng. Việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch còn thiếu sâu sát, thiếu tập trung, thiếu cân đối, thiếu cụ thể, dứt điểm đối với từng việc, từng thời gian và thời vụ. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, vào cấp trên và tư tưởng hành chính -

cung cấp trong thực hiện kế hoạch của các cấp, các ngành và trong cán bộ, đảng viên và quần chúng còn nặng.

Các biện pháp giáo dục, biện pháp kinh tế, biện pháp hành chính tuy đã có đề ra nhưng thực hiện chưa mạnh mẽ, chưa kiên quyết và chưa kết hợp chặt chẽ với nhau, cho nên biến thành hành động không mạnh, nhất là biện pháp kinh tế. Việc thực hiện các chế độ, chính sách đã có còn có hiện tượng tùy tiện, lỏng lẻo.

- Công tác tổ chức, sắp xếp lao động theo Nghị quyết số 225 của Hội đồng Chính phủ làm chưa mạnh, chưa đều. Nhiều nơi, nhiều ngành bộ máy biên chế chưa hợp lý, khả năng lao động chưa được tận dụng, năng suất lao động, công suất thiết bị còn thấp. Việc lập kế hoạch từ cơ sở trở lên chưa thật sự dân chủ, chưa có cơ sở vững chắc.

- Các ngành, các giới cũng chưa bám chắc nhiệm vụ chính trị mục tiêu chủ yếu của kế hoạch, thiếu tính toán cân đối cụ thể. Sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ, chưa đồng đều nên đã ảnh hưởng đến tinh thần và khả năng phấn đấu chung.

Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 1970 của tỉnh ta từ đầu năm đã được bàn bạc, phân tích, có đủ lực lượng, khả năng và điều kiện có cơ sở chắc chắn để đảm bảo thực hiện, tới nay chúng ta vẫn khẳng định như vậy. Nhưng sở dĩ đến nay, nhiều chỉ tiêu còn đạt thấp, tình hình tồn tại khá nghiêm trọng, đòi hỏi phải giải quyết cấp bách, là do chúng ta chưa phát huy được hết các khả năng và điều kiện sẵn có, chưa nêu cao quyết tâm và tinh thần cách mạng tiến công trong công tác chỉ đạo và quản lý kinh tế, chưa phát huy được hết khí thế và chưa khai thác được hết khả năng tiềm tàng của quần chúng.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHỦ YẾU TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM 1970

Trên cơ sở nhận định, đánh giá tình hình hiện nay, Ban Chấp hành quyết nghị:

Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên cũng như nhân dân các dân tộc trong tỉnh quán triệt sâu sắc đầy đủ ý nghĩa quan trọng của nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1970, nhất là thấm nhuần các quan điểm đúng đắn theo tinh thần nhận định mới đây của Hội đồng Chính phủ. Đối với tỉnh ta, cần kiên quyết nắm vững và thực hiện bằng được mục tiêu chủ yếu và cơ bản là: 52 nghìn tấn lương thực trong nông nghiệp và 9 triệu đồng giá trị tổng sản lượng trong công nghiệp. Vì vậy, phải hướng và tập trung mọi lực lượng, mọi cố gắng, mọi suy nghĩ và hành động của từng người, từng cấp, từng ngành, vào việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đó, tự bản thân mình, ngành mình, cấp mình liên hệ kiểm điểm sâu sắc, thấy hết thiếu sót, nhược điểm trước đây trong nhận thức, trong hành động để có biện pháp khắc phục tích cực và triệt để hơn.

Muốn đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1970, theo các nhiệm vụ mục tiêu trên cần chú ý bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, phương pháp vận động quần chúng và phương pháp thực hiện cho cán bộ, đảng viên, kiên quyết tập trung hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, các công trình kiến thiết cơ bản, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đề ra cho năm nay. Những điểm cần chú trọng là:

a) Trong nông nghiệp:

- Cần đẩy mạnh việc làm mùa, tập trung vào việc chăm bón lúa mùa, lấy năng suất vụ mùa bù sản lượng vụ xuân bị hụt, đồng thời phải đẩy mạnh việc trồng thêm ngô thu, khoai lang thu, khoai tây, hạt rau giống, mì, sò, v.v.. Riêng ở thị xã Lào Cai phải đẩy mạnh việc trồng dưa. Ngoài việc nhân dân xung quanh thị xã đảm nhiệm, thị xã Lào Cai cùng với Ty Giáo dục cần giao nhiệm vụ cho trường cấp II, III trong thị xã khoanh đổi trồng dưa, chú trọng thực hiện các biện pháp kỹ thuật. Đi đôi với sản xuất phải kết hợp chặt chẽ với việc chăn dắt, kiên quyết chống tệ thả rông gia súc.

Đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất lương thực cần chú ý đẩy mạnh sản xuất thực phẩm, như chăm sóc phát triển thêm đàn gia súc, trồng rau vụ hè - thu và các cây ăn quả.

Các cấp, các ngành cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nắm chắc tình hình từng nơi, từng cơ sở để chỉ đạo thật sát việc đẩy mạnh sản xuất đảm bảo chỉ tiêu và kịp thời vụ. Phải chú ý chăm bón cây trồng và phòng, chống bão, lũ và sâu bệnh, chống rét cho người và gia súc.

Đối với phần ruộng nương của các hộ cá thể phải điều tra nắm được diện tích, năng suất, sản lượng để giao mức huy động cho họ hợp lý, và quy định mức ăn của họ tương đương với mức bình quân của xã viên trong hợp tác xã. Về nghề rừng đi đôi với biện pháp đẩy mạnh việc trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, cần có thái độ kiên quyết và xử lý thích đáng đối với những trường hợp vi phạm luật lệ nghiêm trọng về lâm nghiệp.

Vùng cao và vùng giữa thực hiện phương hướng định canh, định cư, cần đẩy mạnh việc khai phá thêm ruộng bậc thang và thâm canh tăng năng suất số ruộng đất đã có.

Phải trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất vụ mùa, vụ thu mà củng cố, chấn chỉnh thêm một bước các hợp tác xã (kể cả hợp tác xã mua bán và tín dụng). Kiên quyết tiến hành dân chủ phân phối trong vụ thu và vụ mùa này; đẩy mạnh thanh quyết toán dứt điểm tài vụ và các khoản nợ nần, mắc mó trong hợp tác xã có lý có tình. Từng bước thực hiện ba khoán, sắp xếp tổ chức tốt lao động, tập trung lao động cho sản xuất của hợp tác xã là chính và hướng dẫn kinh tế phụ gia đình phát triển đúng hướng, đúng chính sách.

Gắn liền với việc đẩy mạnh sản xuất vụ mùa và vụ thu, các cấp, các ngành phải chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho vụ đông-xuân 1970-1971, và cả năm 1971. Các ngành tổng hợp cần chuẩn bị gấp việc xây dựng kế hoạch 3 năm 1971-1973 theo tinh thần, khả năng, yêu cầu thực tế của địa phương và sự chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương.

b) Trong công nghiệp:

Căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ đã được giao, các xí nghiệp cần nghiên cứu, soát, xét, tính toán lại thật kỹ khả năng lao động, vật tư, tiền vốn của mình, chấn chỉnh lại bộ máy, sắp xếp lại lao động để nâng cao ngày công, giờ công, tận dụng khả năng công suất thiết bị, đi vào định mức, khoán sản phẩm và tiến hành trả lương theo sản phẩm, đưa xí nghiệp vào làm ăn có nền nếp, tiến lên đi vào hạch toán kinh tế. Những xí nghiệp đang được bù lỗ thì cần tính toán, sắp xếp, chấn chỉnh lại, đi vào định mức để giảm lỗ và tiến lên có lãi. Những cơ sở đã có lãi thì cần cố gắng phấn đấu giữ vững và tiến lên có lãi ngày càng nhiều. Những cơ sở thấy không cần thiết để Nhà nước phải bù lỗ và không cần thiết đưa vào quốc doanh thì kiên quyết chuyển giao cho hợp tác xã quản lý.

Ban Công nghiệp và Ủy ban Kế hoạch cần nghiên cứu, soát lại các chỉ tiêu kế hoạch của các xí nghiệp để điều chỉnh cho cân đối. Riêng từng xí nghiệp, các Ban của Tỉnh ủy như: Thủ công nghiệp, Công nghiệp, Tài chính - thương nghiệp, Ủy ban Kế hoạch tỉnh, cùng với cấp ủy xí nghiệp nghiên cứu đồng bộ mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ, sản xuất với giá cả, năng suất lao động với tổ chức dây chuyền sản xuất để giúp cho xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 1970, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân. Đi đôi với công nghiệp quốc doanh Ty Công nghiệp và thủ công nghiệp, Ủy ban Kế hoạch, các huyện, thị cần quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo chặt chẽ các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo tinh thần Chỉ thị số 21 của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ thị, nghị quyết chế độ, chính sách... đã được quy định. Với tinh thần kiên quyết phấn đấu thực hiện bằng được 52 nghìn tấn lương thực, những nơi có điều kiện cần vận động mỗi cán bộ, công nhân viên bảo đảm sản xuất 10 kg củ khoai lang tươi để góp phần tăng thêm sản lượng lương thực của tỉnh ta.

c) Ngành lưu thông, phân phối:

Cần sắp xếp lại bộ máy tổ chức mạng lưới phục vụ thống nhất lại các tổ chức thu mua cho hợp lý để làm tốt công tác lưu thông, phân phối, thu mua, tài chính, tiền tệ, giá cả, v.v. hướng vào phục vụ nhiệm vụ trung tâm và phục vụ cuộc vận động hiện nay, kiên quyết thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động và tiền lương.

d) Cần đẩy mạnh việc tiến hành cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 197, 198 của Trung ương Đảng và các Nghị quyết 84, 225, 38 của Chính phủ theo đúng kế hoạch, bước đi của tỉnh đã quy định, lấy mục tiêu thực hiện kế hoạch nhà nước làm thước đo kết quả của cuộc vận động ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương và đơn vị. Các đảng bộ, các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính quyền và các ngành cần giáo dục, động viên đảng viên, đoàn viên, hội viên xung phong gương mẫu thúc đẩy quần chúng công nhân viên và nhân dân hăng hái thi đua, thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1970, tạo cơ sở thuận lợi cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 1971, trước mắt là vụ sản xuất đông - xuân 1970-1971.

Nghị quyết này cần được tổ chức nghiên cứu và có kế hoạch thi hành khẩn trương và tích cực trong các huyện, thị ủy, Đảng ủy, chi bộ trực thuộc, các Ban, Đảng đoàn, các đồng chí phụ trách các ngành xung quanh tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 22-TB/TU, ngày 27-10-1970

Về hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai (Từ 20 đến 24-10-1970)

Trong những ngày từ 20 đến 24 tháng 10 năm 1970 hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp dưới sự chủ tọa của đồng chí Trường Minh, Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để:

1. Thông qua dự thảo báo cáo, tình hình 9 tháng và chương trình công tác quý 4 năm 1970 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Thông qua dự thảo nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất đông - xuân 1970 - 1971 và năm 1971.

3. Thông qua dự thảo nghị quyết một số vấn đề về công tác tổ chức quản lý cán bộ.

4. Nghiên cứu tinh thần Nghị quyết số 177 của Hội đồng Chính phủ.

Sau khi thảo luận hội nghị đã đi đến nhất trí kết luận về các vấn đề trên như sau:

I. TÌNH HÌNH 9 THÁNG QUA VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ IV 1970

Hội nghị hoàn toàn nhất trí với những điểm cơ bản đã ghi trong các bản dự thảo báo cáo và chương trình công tác của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy trình bày, đồng thời đã thảo luận đã đi đến kết luận những điểm chính là:

Về đánh giá tình hình 9 tháng năm 1970 và chương trình công tác quý IV năm 1970:

Trong 9 tháng qua, mặc dù trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước và các nhiệm vụ công tác do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra có gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ tinh thần quyết tâm phấn đấu vươn lên của các cấp, các ngành, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nên chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi tốt đẹp, có tính chất toàn diện và tiến bộ rõ rệt so với năm 1969, nhất là mặt thực hiện kế hoạch nhà nước. Những thắng lợi đó thể hiện trên các mặt chủ yếu sau đây:

a) Quan hệ sản xuất mới tiếp tục được củng cố thêm một bước. Phong trào hợp tác nông nghiệp nói chung đã dần dần đi vào thực hiện và giải quyết các vấn đề thuộc về nội dung qua từng mặt quản lý theo điều lệ mới của hợp tác xã và qua bước đầu của cuộc vận động dân chủ, nâng cao chất lượng đảng viên trong nông thôn. Chúng ta cũng nắm được thực chất của phong trào một cách chính xác hơn trước. Vì vậy, tuy tỷ lệ số hộ xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp có giảm đi so với năm 1969, nhưng đó là biểu hiện kết quả trong quá trình đưa việc củng cố đi vào chất lượng cao hơn của phong trào tỉnh ta. Lực lượng của các hợp tác xã hiện nay đã phát triển to lớn trên các mặt so với mấy năm trước đây.

Đi đôi với quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa từng bước được củng cố, lực lượng của thành phần kinh tế quốc doanh cũng không ngừng lớn mạnh. Các xí nghiệp, doanh nghiệp, các công nông, lâm trường được phát triển mở rộng và tăng thêm, đang đi vào đầy mạnh sản xuất và có nhiều chuyển biến mới.

b) Sản xuất công, nông nghiệp và các ngành kinh tế - văn hóa đều đạt thắng lợi đáng kể, nhất là chưa bao giờ có sự chuyển biến về mặt nhận thức, cũng như về hành động thực hiện bằng năm nay đối với việc phát triển lương thực, thực phẩm và hàng tiêu

dùng. Về lương thực, với kết quả của việc phát triển thêm diện tích khoai, ngô, đậu, sò, v.v. của các nơi trong vụ hè - thu vừa đây và với tình hình thực tế của sản xuất đã có, nếu thống kê chính xác hơn, thì nhất định ta có khả năng đạt và vượt mức 47.500 tấn theo kế hoạch Trung ương giao.

Về thực phẩm và các cây công nghiệp, cũng như chăn nuôi, nghề rừng đều phát triển hơn năm 1969 và có những tiến bộ mới. Công tác vận động định canh, định cư đạt một số kết quả nhất định. Đặc biệt là thịt lợn, rau, đậu tương 9 tháng qua ta đã thu mua được nhiều hơn 9 tháng của năm ngoái và có khả năng giải quyết cung cấp thịt và các thực phẩm khác theo tem phiếu của năm 1970, không để đọng sang năm 1971.

Trong công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng hàng ngày càng tăng, nhiều mặt hàng mới được ra đời, một số mặt hàng có khả năng cung cấp đủ nhu cầu trong tỉnh. Một vài xí nghiệp đã từ lỗ nhiều, nay lỗ ít hoặc có lãi. Ngày công, giờ công trong các cơ quan, xí nghiệp đã tăng hơn trước. Giá trị sản lượng công nghiệp địa phương 9 tháng qua đã đạt 88% kế hoạch và từ nay đến hết năm 1970 có khả năng đạt và vượt chỉ tiêu 9 triệu đồng theo mức của Trung ương giao và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra.

Công tác xây dựng cơ bản có công trình trong công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, giao thông, v.v. giải quyết tương đối dứt điểm và tăng hơn năm 1969. Phong trào quần chúng làm giao thông trong nông thôn cũng phát triển khá.

Tình hình lưu thông, phân phối, thu mua nhiều khâu đã có tiến bộ. Công tác văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển tốt.

c) Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và cán bộ công nhân viên được đảm bảo, có mặt được cải thiện hơn trước. Đặc biệt là trong nông thôn, do kết quả sản xuất ở vùng cao phát triển, nên nạn thiếu ăn giáp hạt ở một số nơi có giảm nhiều, có nơi năm nay hầu như đã căn bản tự túc được lương thực (như Si Ma Cai).

d) Tình hình trật tự, an ninh nội địa và biên giới của tỉnh ta được giữ vững, có mặt phát triển tốt. Cơ sở đảng, chính quyền, và các đoàn thể quần chúng được củng cố thêm một bước, qua bước đầu của cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, vận động lao động sản xuất, vận động dân chủ, v.v..

Nguyên nhân chính của những thắng lợi trên là do:

Những chỉ thị, nghị quyết và chính sách mới của Trung ương Đảng và Chính phủ ban hành từ đầu năm đến nay rất phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của tình hình và nguyện vọng của quần chúng, đã soi sáng cho nhận thức và hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tinh thần của các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Trung ương đề ra từng bước được quán triệt vào mọi người, mọi ngành công tác, nhất là trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm nay. Việc vận dụng thi hành của tỉnh ta lại sát hợp, đã biết gắn chặt các yêu cầu, nội dung của các cuộc vận động lao động sản xuất tăng cường chế độ làm chủ tập thể, nâng cao chất lượng đảng viên, định canh, định cư... vào một cuộc vận động lớn, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của các cấp ủy Đảng. Cũng nhờ vậy, nhiệm vụ chính trị của tỉnh ta, mà cụ thể mục tiêu cơ bản là 52.000 tấn lương thực và 9 triệu đồng giá trị sản lượng công nghiệp được xác định rõ và có sự nhất trí cao từ trong Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đến các cấp, các ngành, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời đã có những quyết tâm, cố gắng trong việc thực hiện mục tiêu đó.

Cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197, 198 của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Chính phủ ban hành năm nay tiến hành được khẩn trương, tích cực đã đạt những kết quả bước đầu. Sức mạnh của công cuộc vận động này đã và đang thúc đẩy mọi mặt công tác tiến tới, đang lôi cuốn và động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân hăng hái lao động sản xuất và công tác. Vì vậy có thể nói rằng: Những thắng lợi của tỉnh ta đã giành được

trong 9 tháng qua cũng là thắng lợi của cuộc vận động đang tiến hành, thắng lợi của phong trào quần chúng đã và đang được phát động đang tiến hành, thắng lợi của phong trào quần chúng đã và đang được phát động ngày càng được chuyển biến sâu sắc.

Sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đối với một số công việc cụ thể trong quá trình tiến hành của các cấp, các ngành có tiến bộ hơn trước. Tác phong công tác, lề lối làm việc của tỉnh, huyện dần dần được đổi mới, sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng, đi sâu vào quản lý kinh tế và khoa học - kỹ thuật hơn trước. Nhờ vậy đã thúc đẩy phong trào sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, cải tiến tổ chức... tiến bộ một bước.

Tóm lại, 9 tháng qua chúng ta đã giành nhiều thắng lợi và có nhiều ưu điểm, tiến bộ. Tuy vậy, bên cạnh đó, tình hình trên từng mặt của tỉnh ta cũng còn nhiều tồn tại, có tồn tại vẫn nghiêm trọng, có tồn tại từ đầu năm đã thấy, nhưng chưa được tích cực giải quyết khắc phục. Do đó nhìn chung phong trào của tỉnh ta phát triển và tiến bộ chưa đều khắp, nhiều mặt, nhiều khâu chưa thật mạnh mẽ và vững chắc, nhiều chỉ tiêu so với kế hoạch của tỉnh còn đạt thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ đòi hỏi (cụ thể như trong báo cáo tháng 9 của Tỉnh ủy đã nêu).

Những tồn tại đó chủ yếu nói lên tình hình thực tiễn của sản xuất, của phong trào quần chúng đang ngày càng phát triển, đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo và hướng dẫn của tỉnh, huyện phải vươn lên đáp ứng cao hơn, nhưng chúng ta chưa theo kịp. Đó cũng là những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình phát triển lớn mạnh của phong trào tỉnh ta. Tuy nhiên, về phía lãnh đạo và tổ chức thực hiện của chúng ta cũng còn những khuyết điểm, thiếu sót như:

Tình hình nhiệm vụ, cụ thể là nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của từng cấp, từng ngành chưa được quán triệt một cách sâu sắc, đồng đều, chưa thật sự trở thành ý thức và hành động cách mạng của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phong

trào quần chúng và khí thế cách mạng trong quần chúng ở cơ sở chưa được phát động và phát huy thật mạnh mẽ, rộng khắp. Tinh thần phấn đấu và ý thức chấp hành pháp lệnh trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch còn kém; quyết tâm chưa thật cao đối với nhiệm vụ đã đề ra. Tư tưởng ỷ lại, cục bộ, tùy tiện và tư tưởng hành chính, cung cấp, thiếu tinh thần tự lực cánh sinh trong sản xuất ở các cấp, các ngành, các xí nghiệp và hợp tác xã còn phổ biến, có nơi còn nặng.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch còn có lúc chưa thật cụ thể, thiếu kịp thời, thiếu lập trường và cân đối, toàn diện đối với từng khâu, từng việc. Việc nắm tình hình thiếu chặt chẽ, kịp thời. Công tác kiểm tra chưa được chú ý. Các biện pháp hành chính, kinh tế chưa thực hiện đi đôi với biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng. Việc thực hiện các nguyên tắc, thủ tục, chế độ, chính sách còn tùy tiện, thiếu nghiêm chỉnh. Tác phong công tác trong một số cán bộ, đảng viên của các cấp, các ngành còn nhiều biểu hiện của tư tưởng quan liêu, giấy tờ, không sát cơ sở và quần chúng. Công tác dân chủ hóa kế hoạch còn nhiều thiếu sót. Công tác sắp xếp bộ máy, tinh giản bộ máy hành chính và gián tiếp cho gọn nhẹ làm còn chậm. Hệ thống làm công tác kế hoạch - thống kê về nông, lâm nghiệp từ cơ sở lên tỉnh còn công kênh, nhưng kém hiệu lực, chưa được củng cố, chấn chỉnh.

Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ quản lý cho cán bộ nhất là cán bộ xã, hợp tác xã tuy đã có những cố gắng, nhưng chưa có biện pháp tốt để đáp ứng yêu cầu. Hiện nay nhiều cán bộ, đảng viên còn mù chữ, trong đó có cả một số chi ủy viên, bí thư chi bộ, chủ tịch xã. Tình hình đó nhất định hạn chế nhiều kết quả của sản xuất và công tác ở các cơ sở.

Vai trò và hiệu lực lãnh đạo, chỉ đạo của các đảng bộ cơ sở nhiều nơi còn yếu. Nhiều chi bộ, chi ủy ở nông thôn, nhất là vùng cao chưa tự động công tác, và chưa được bồi dưỡng, huấn luyện, để

nâng cao trình độ. Vai trò hoạt động của các đoàn thể quần chúng chưa mạnh, đều, một số nơi còn quá yếu. Tình trạng cán bộ trên về giúp ở cơ sở bao biện, làm thay cán bộ xã, hợp tác xã còn phổ biến.

- Về chương trình công tác quý IV năm 1970, Ban Chấp hành hoàn toàn nhất trí với bản dự thảo của Ban Thường vụ. Các cấp, các ngành cần căn cứ vào đó để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt.

II. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐÔNG XUÂN 1970-1971 VÀ NĂM 1971.

Ban Chấp hành đã nhất trí với những phương hướng, nhiệm vụ đã ghi trong dự thảo nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch đông - xuân 1970-1971 và năm 1970. Riêng về chỉ tiêu kế hoạch cụ thể của năm 1971 sẽ tiếp tục nghiên cứu để thảo luận kỹ và quyết nghị vào cuộc hội nghị Tỉnh ủy kỳ tới.

Dưới đây là những phương hướng, nhiệm vụ lớn cần phải được quán triệt trong mỗi cấp, mọi ngành, trong toàn Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta và phải có sự cố gắng tập trung nhất để thực hiện.

Nhiệm vụ trung tâm của năm 1971 và vụ đông - xuân hiện nay ở tỉnh ta là: Trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197, 198 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết 20, 225, 177, 38, 84... của Chính phủ, đẩy mạnh việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, ra sức khắc phục khó khăn, tồn tại, tập trung sức tạo ra một sự chuyển biến mới mạnh mẽ, đều khắp và toàn diện hơn nữa trong phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm tăng ngày công, giờ công và năng suất lao động, nhằm: hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước và cùng mọi nhiệm vụ của cả năm 1970, và giành thắng lợi, toàn diện kế hoạch nhà nước năm 1971, trước mắt là làm tốt nhiệm vụ sản xuất đông - xuân 1970-1971.

Mục tiêu cơ bản bao trùm nhất của tỉnh ta trong năm 1971 mà phải tập trung tất cả mọi cấp, mọi người, mọi hoạt động của mọi

ngành để phấn đấu ngay từ vụ đông - xuân 1970-1971 trở đi là: bám chắc mục tiêu 52.000 tấn lương thực và 9 triệu đồng giá trị sản lượng công nghiệp để phấn đấu vươn lên. Trên cơ sở đó tổ chức tốt hơn nữa và cải thiện thêm một bước đời sống nhân dân, làm tốt nghĩa vụ đóng góp, sức người, sức của vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một số điểm cần nắm vững và chú trọng phấn đấu trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1971 và đông - xuân 1970-1971 là:

1. Đối với phong trào hợp tác hóa phải coi đây là nhiệm vụ rất trọng yếu, để làm cơ sở và mở đường cho sản xuất và tấn công vào khoa học - kỹ thuật. Vì vậy, phải trên cơ sở làm tốt cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, gắn liền với nâng cao chất lượng đảng viên và vận động định canh, định cư để tiến hành việc tăng cường và củng cố phong trào hợp tác hóa, đưa các hợp tác xã dần dần có đủ tính chất và nội dung theo Điều lệ, quy định từng bước đưa công tác quản lý, trước mắt là quản lý lao động và tài vụ đi vào nền nếp. Cần thực hiện chế độ khoán việc và ba khoán trong các hợp tác xã và thanh toán dứt điểm các mắc mớ, nợ nần vốn quỹ của hợp tác xã một cách có lý, có tình, trong khi giải quyết phải có giáo dục, nâng cao giác ngộ làm chính, phải kết hợp tốt việc giải quyết nợ nần với việc tập trung mọi lực lượng, khả năng đẩy mạnh sản xuất, trước mắt là vụ sản xuất đông - xuân 1970-1971, đảm bảo đoàn kết, hồ hởi, phấn khởi. Cần chú trọng giải quyết tốt việc thực hiện chính sách quản lý đất đai, quy định rõ đất 5% và đất cho mượn và phần kinh tế phụ gia đình xã viên, thanh toán tình trạng xã viên làm riêng ruộng, nương quá mức quy định. Đi đôi với củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, phải coi trọng củng cố, chấn chỉnh các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã thủ công nghiệp, sắp xếp tổ chức các ngành nghề thủ công, và thanh toán vốn quỹ trong các hợp tác xã mua bán, đưa các hợp tác xã mua bán trở lại hoạt động bình thường.

2. Về vấn đề sản xuất lương thực, thực phẩm: Cần thấy rõ khả năng tỉnh ta tự túc được trong phạm vi địa phương là rất thực tế, nhưng yêu cầu phải có sự quyết tâm cao hơn, cố gắng lớn hơn để phấn đấu thực hiện. Vì vậy, phải đẩy mạnh thâm canh bằng áp dụng các biện pháp kỹ thuật (nước, phân, giống, thời vụ, v.v.) phải tăng vụ trên toàn bộ diện tích ruộng đất và nương định canh, đồng thời khai phục hoang mở mang thêm diện tích canh tác ở những nơi có điều kiện và xây dựng ruộng đồng, đồi nương (chú trọng ruộng nương bậc thang). Trong tăng vụ, cần nghiên cứu công thức cây trồng phù hợp, bố trí cây trồng từng vụ cụ thể, sát với điều kiện đất đai, khí hậu và yêu cầu phát triển sản xuất ở từng nơi. Trong lương thực, thực phẩm, ngoài những cây chủ yếu đã xác định, từng vùng mà phát triển các cây sắn có tập quán như sò, đậu các loại...

3. Đi đôi với phát triển cây lương thực, thực phẩm cần đẩy mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và nghề rừng. Trong chăn nuôi chú ý củng cố, xây dựng chăn nuôi tập thể của hợp tác xã, phát triển chăn nuôi của quốc doanh và gia đình xã viên. Trong cây công nghiệp và cây đặc sản, chú ý phát triển thành vùng tập trung, phát triển cả trong hợp tác xã và nông trường quốc doanh theo đúng phương hướng cây trồng đã định. Cần chú trọng chuẩn bị giống tạo ra điển hình và cơ sở vật chất cho các cây công nghiệp dài ngày như mận, lê, óc chó, hạt dẻ, lai... để phát triển mạnh vào các năm tới. Ngoài những cây đã xác định ở từng vùng cần phát triển mạnh cây dứa, thành vùng tập trung ở khu vực thị xã, ven các đường giao thông lớn. Về rừng, cần coi rừng là một công trình thủy lợi khổng lồ, vô tận do đó phải chú ý trồng cây bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng chỏm đồi nương, rừng phòng hộ, đồng thời khoanh núi nuôi rừng, bảo vệ rừng và phát triển rừng kinh tế. Trong việc khoanh núi nuôi rừng và trồng cây phải chú ý cả cây lấy gỗ, lấy củi, cây kinh tế, phải chú ý bảo vệ rừng nhưng đồng thời phải có kế hoạch khai thác, sử dụng

lâm sản trong rừng để đảm bảo và nâng cao đời sống cho nhân dân, nhất là ở vùng cao.

4. Về mặt xây dựng các nông trường quốc doanh, phải tiếp tục xây dựng, phát triển theo đúng phương hướng, quy hoạch và kế hoạch đã được Bộ duyệt. Còn việc giải quyết điều chỉnh bổ sung về phương hướng sản xuất cây con, cũng như việc giao Bộ Nông trường hay tỉnh ta quản lý như thế nào thì Ban Chấp hành giao cho Ban Thường vụ nghiên cứu và bàn định cụ thể thêm và báo cáo Ban Chấp hành biết.

5. Để đảm bảo cho việc thâm canh, tăng năng xuất, tăng vụ đạt thắng lợi, cần hết sức chú trọng chỉ đạo và thực hiện mạnh mẽ các biện pháp về khoa học - kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi. Cụ thể trong vụ đông - xuân 1970-1971 và năm 1971 cần phát động thành chiến dịch, thành phong trào quần chúng một cách rầm rộ, sâu rộng và liên tục để tấn công vào các khâu: làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng và đồi nương, khai phục hoang, làm đường giao thông, làm phân, trồng cây phân xanh, cày bừa ruộng đất, chuẩn bị đầy đủ các loại giống, gieo mạ lúa xuân, chăn dắt trâu, bò, chống thả rông, v.v.. Đi đôi với áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới cần tiếp tục chống 5 tệ. Phải đặc biệt chú trọng các biện pháp về phân, giống và thời vụ, đảm bảo 60% diện tích lúa xuân được cấy bằng giống chân trâu lùn và nông nghiệp 8, đảm bảo gieo mạ xuân sớm trong tháng 12 dương lịch, cày bừa xong ruộng đất trước tháng 2 năm 1971, đảm bảo bón đủ mức phân để đạt được năng suất bình quân là: 5 tấn thóc/1 ha ruộng 2 vụ vùng thấp, 27 tạ/ha lúa ruộng 1 vụ vùng cao, hơn 10 tạ ngô/ha 1 vụ, hơn 5 tạ đậu tương/ha 1 vụ, v.v.. Đối với công tác thủy lợi, phải thực hiện tốt phương châm ba kết hợp và chú trọng làm thủy lợi nhỏ, giữ nước đầu nguồn gắn liền với đẩy mạnh việc giải quyết giếng nước ăn cho người và gia súc, và chú trọng quản lý, bảo vệ, sử dụng, khai thác tốt, đồng thời kiên cố hóa từng bước các công trình đã có hiện nay. Phải xây dựng

và củng cố các đội thủy lợi, giao thông, khai hóa, các đội tổ làm phân, làm giống, v.v. trong các hợp tác xã.

6. Về công nghiệp và các ngành khác, cần đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản, các công trình đã ghi trong kế hoạch, nhanh chóng đưa công trình vào sản xuất và sử dụng. Đối với giao thông, vận tải cần tập trung lực lượng trong mùa khô hiện nay để làm nhanh chóng các đoạn đường đang làm và chuẩn bị tốt cho việc thi công tiếp tục các công trình năm 1971.

7. Về công tác tài chính - thương nghiệp, cần tập trung đẩy mạnh thực hiện các nguyên tắc, chế độ kinh tế, tài chính đã quy định, thanh quyết toán trong các hợp tác xã và cơ sở xí nghiệp quốc doanh, phát huy chức năng đòn xeo thúc đẩy và phục vụ sản xuất, phục vụ tốt đời sống nhân dân. Trong lưu thông, phân phối, vấn đề trước mắt hiện nay là sắp xếp tổ chức lại hệ thống mạng lưới mậu dịch quốc doanh, đẩy mạnh thu mua nông, lâm sản, thực phẩm, cải tiến phương thức, thủ tục, cung cấp, phục vụ tốt hơn nhu cầu về hàng hóa và đời sống quần chúng, chuẩn bị phục vụ tốt dịp tết âm lịch.

8. Đi đôi với phát triển kinh tế, và để đáp ứng với tình hình thấp kém về trình độ mọi mặt hiện nay của cán bộ, đảng viên, cần phải đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, đặc biệt chú trọng cán bộ chủ chốt cấp xã và hợp tác xã. Do đó, phải bằng mọi biện pháp và tạo mọi điều kiện để mở lớp bồi dưỡng, huấn luyện chính trị, nghiệp vụ quản lý kinh tế, phương pháp công tác, trước mắt cấp thiết là dạy bổ túc văn hóa, thanh toán mù chữ cho số cán bộ chủ chốt xã, hợp tác xã còn quá kém, hoặc còn mù chữ. Trong cuộc vận động thực hiện các nghị quyết của Trung ương hiện nay ở tỉnh ta phải coi đây là một yêu cầu, phải thực hiện đạt kết quả tốt.

9. Về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện: Cần phân định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ giữa cơ quan Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhà nước, cũng như mọi mặt công tác ở địa phương, đồng thời xây

dựng và thực hiện chế độ, tác phong sâu sát quần chúng, bám sát đồng ruộng, đời sống. Phải tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước và các nhiệm vụ công tác, trong việc chấp hành các chế độ hợp đồng kinh tế, thực hiện các chính sách, nguyên tắc. Phải coi trọng việc chỉ đạo điển hình, nhân điển hình, bám sát các trọng điểm của tỉnh, huyện một cách chặt chẽ và thường xuyên.

Về Đảng: Các cấp ủy Đảng phải thực hiện đúng chức năng là cơ quan lãnh đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện của Đảng đoàn chính quyền và trực tiếp làm xây dựng Đảng, động viên đảng viên và chỉ đạo các đoàn thể quần chúng thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng đề ra. Các đoàn thể quần chúng phải bám sát các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền để tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên, đoàn viên và quần chúng giới mình hăng hái và xung phong thực hiện.

Về chính quyền:

Đảng đoàn chính quyền tỉnh, huyện phải dựa vào các chủ trương và chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, và của chính quyền cấp trên để cụ thể hóa thành chỉ thị, nghị quyết và kế hoạch thực hiện của chính quyền. Chức năng chủ yếu của chính quyền là tổ chức việc thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giao nhiệm vụ cho các ngành và Ủy ban cấp dưới thực hiện, giải quyết từng vấn đề, từng công việc một cách cụ thể và kịp thời, thường xuyên báo cáo, phản ánh cho cấp ủy Đảng về tình hình kết quả thực hiện. Nếu có những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện, cần có chủ trương thì Đảng đoàn chính quyền phải báo cáo và đề xuất, xin ý kiến của cấp ủy Đảng.

Đi đôi với việc thực hiện đúng đắn các chức năng, nhiệm vụ và các nguyên tắc lãnh đạo, chỉ đạo như trên, các cấp, các ngành phải kiên quyết sửa đổi lề lối làm việc, phát huy hết vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường tập trung chống buông lỏng quản lý, tự do, tùy tiện, vô tổ chức. Cần

chú trọng kiện toàn sự làm việc và phát huy vai trò hoạt động của Ủy ban hành chính và các đoàn thể, cũng như các ngành ở huyện, thị. Các huyện, thị ủy, tránh bao biện, ôm đồm làm thay, làm mất tác dụng của cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Phải chấp hành đầy đủ báo cáo của cấp dưới lên cấp trên, từ cơ sở lên tỉnh, coi đây là một kỷ luật trong công tác.

III. VỀ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁN BỘ

Ban Chấp hành đã nhất trí về các vấn đề cơ bản đã nêu trong bản dự thảo nghị quyết của Ban Thường vụ đồng thời nhấn mạnh một số điểm cần chú ý:

1. Trong những năm qua thi hành các chỉ thị, nghị quyết, chính sách, nguyên tắc, chế độ về công tác quản lý cán bộ của Trung ương Đảng, và vận dụng các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của địa phương, chúng ta đã có những nghị quyết cụ thể về vấn đề này. Từ đó đến nay, công tác quản lý đã có nhiều tiến bộ và thể hiện được rõ đường lối giai cấp của Đảng, đảm bảo Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện tập trung và thống nhất, ý thức trách nhiệm của các ngành, được nâng lên một bước, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số được trưởng thành, đội ngũ cán bộ nơi khác đến đã phát huy vai trò tích cực trong mọi lĩnh vực hoạt động, công tác quản lý cá nhân cán bộ có nhiều tiến bộ hơn trước, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được đẩy mạnh, việc cất nhắc, đề bạt cán bộ đã được chú ý, việc thực hiện các chính sách, chế độ cán bộ nói chung có nhiều tiến bộ; tỷ lệ, thành phần giai cấp cơ bản và cấu tạo các mặt của đội ngũ cán bộ được tăng cường một bước. Những chuyển biến đó đã tạo nên cơ sở bước đầu để đưa công tác quản lý đi dần vào nền nếp, đồng thời nó đã góp phần tích cực vào việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tiến bộ, việc tổ chức cải tiến quản lý công tác cán bộ còn thể hiện nhiều mặt yếu và tồn tại cần được khắc phục và giải quyết:

- Công tác quản lý cán bộ cũng như việc thường xuyên chăm lo cải tiến công tác quản lý cán bộ của các cấp, các ngành chưa thật sự được coi trọng đúng mức.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, sử dụng, đề bạt cán bộ có lúc, có trường hợp còn biểu hiện tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, hẹp hòi, bị động và chấp vác.

- Công tác quản lý cán bộ, nói chung chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của đội ngũ cán bộ và yêu cầu của nhiệm vụ chính trị.

- Phương pháp quản lý cán bộ còn nhiều lúng túng, chưa chú ý đi sâu phân tích tình hình, đặc điểm, sự hình thành, cấu tạo và những mặt mạnh, mặt yếu, khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ để có phương hướng chỉ đạo cho sát hợp. Việc quản lý cá nhân cán bộ còn nhiều thiếu sót, chưa kết hợp chặt chẽ giữa ba mặt: quá khứ, hiện tại, triển vọng của mỗi cán bộ để vận dụng thực hiện đường lối, chính sách cán bộ được tốt. Công tác quản lý hồ sơ và nhận xét định kỳ hằng năm chưa thực hiện được đầy đủ, do đó việc nhận xét đánh giá cán bộ chưa thật sâu sát.

- Bộ máy giúp cấp ủy làm công tác tổ chức quản lý cán bộ từ tỉnh đến cơ sở còn yếu, chưa làm đầy đủ và phát huy được tốt chức năng tham mưu của mình.

- Do yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ngày càng phát triển, đội ngũ cán bộ ngày càng đông đảo và trưởng thành, trình độ lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đã được nâng lên một bước, yêu cầu của việc phân cấp quản lý kinh tế đòi hỏi phải gắn chặt với việc phân cấp quản lý công tác cán bộ, đến nay cần được bổ sung và sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới.

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đề ra và đưa công tác quản lý cán bộ đi vào

nền nếp, phát huy mạnh mẽ hơn nữa trí tuệ và khả năng cách mạng của đông đảo đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức để phục vụ cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng phát triển kinh tế ở tỉnh ta.

2. Căn cứ vào những nguyên tắc của Trung ương và tình hình thực tế tỉnh ta, Ban Chấp hành đã nhất trí đề ra những vấn đề cơ bản về công tác quản lý cán bộ của tỉnh ta.

Đối với yêu cầu: Nội dung chung về tổ chức quản lý công tác cán bộ, Ban Chấp hành nhất trí với bản dự thảo nghị quyết về một số vấn đề về công tác tổ chức quản lý cán bộ, đồng thời nhấn mạnh và làm rõ thêm một số điểm:

+ Công tác tổ chức, quản lý cán bộ phải đảm bảo nguyên tắc cơ bản, Đảng thống nhất lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối và giữ quyền tối hậu quyết định về toàn bộ công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm và tác dụng của các tổ chức cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng.

+ Công tác tổ chức cán bộ phải đảm bảo quán triệt đầy đủ đường lối giai cấp của Đảng, đảm bảo hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị tốt của Đảng, tăng cường sức mạnh của Đảng, vừa đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, vừa thực hiện mở rộng quyền hạn, phát huy tính tích cực, chủ động và tinh thần trách nhiệm của các cấp, các Ban, các Đảng đoàn, các cơ quan nhà nước và các tổ chức quần chúng. Đối với tỉnh ta, công tác cán bộ cũng như công tác tổ chức quản lý cán bộ đều tập trung, thống nhất vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Do đó cần có những quy định thật cụ thể về chế độ, trách nhiệm, quyền hạn quản lý, mối quan hệ và lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng, các Ban, các Đảng đoàn, các đoàn thể quần chúng và thực hiện đúng quy định Điều lệ Đảng, pháp chế Nhà nước, thủ tục quy định trong Điều lệ, các đoàn thể quần chúng.

+ Tăng cường việc quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ và cá nhân cán bộ một cách toàn diện, đảm bảo nguyên tắc mọi cán bộ trong

Đảng, ngoài quần chúng đều được một tập thể của tổ chức đảng quản lý.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, yêu cầu của việc phân cấp quản lý kinh tế, tình hình đội ngũ cán bộ và khả năng quản lý của các cấp, các ngành, Ban Chấp hành tỉnh đã quyết định cụ thể phạm vi, đối tượng, phân cấp quản lý cá nhân cán bộ cho các cấp, các ngành.

Vì vậy, trong phạm vi được phân cấp, các cấp ủy, các Ban, các Đảng đoàn có trách nhiệm phải tổ chức và quản lý tốt đội ngũ cán bộ và cá nhân, công nhân viên chức một cách toàn diện: Tư tưởng, lịch sử, công tác, quan hệ xã hội... và kể cả phần đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt... theo đúng chế độ, chính sách.

Đối với các ty, ngành... chung quanh tỉnh, nếu Đảng ủy ở đó không lãnh đạo toàn diện, hoặc chưa thành lập Đảng đoàn thì sẽ thành lập Đảng đoàn để lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ. Những nơi Đảng ủy lãnh đạo toàn diện thì không thành lập Đảng đoàn mà công tác cán bộ và quản lý cán bộ sẽ do Đảng ủy chịu trách nhiệm. (Ban Tổ chức cần có hướng dẫn cụ thể vấn đề này).

Trong phân cấp quản lý cá nhân, cán bộ, vấn đề quan hệ giữa trực quản và cộng quản thì trực quản chịu trách nhiệm là chính. Vì vậy, quá trình giải quyết giữa cơ quan trực quản và cộng quản cần có sự trao đổi, bàn bạc một cách cụ thể, khách quan, để đi đến một thống nhất chung, trường hợp đặc biệt hai bên chưa nhất trí thì trước khi cơ quan trực quản quyết định cần phải xin ý kiến của tỉnh và trình bày rõ cả hai ý kiến.

Đối với nhiệm vụ và quyền hạn của cấp ủy, các Ban, các Đảng đoàn có mối liên hệ, lệ lối làm việc giữa các cấp, các Ban, các Đảng đoàn cũng như các biện pháp lớn trong việc thực hiện công tác tổ chức, quản lý cán bộ, cần có sự hướng dẫn giải thích thật cụ thể. Vì vậy, Ban Chấp hành giao nhiệm vụ cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, căn cứ vào Điều lệ Đảng, các chính sách, nguyên tắc, chế định của Trung ương và các vấn đề đã được nêu trong bản nghị quyết về

một số vấn đề công tác tổ chức cán bộ đã được Ban Chấp hành thông qua để có văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện, nhất là nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp ủy Đảng, các Ban Đảng đoàn, mối quan hệ và lễ lối làm việc giữa Đảng đoàn chính quyền và các Ban của Đảng, giữa Ban Tổ chức với các cấp ủy Đảng, các Ban, các Đảng đoàn thanh niên.

Ban Tổ chức cũng cần xác định rõ, đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể về mặt công tác này của một ban chuyên môn giúp cho cấp ủy thực hiện nhiệm vụ của mình về công tác tổ chức cán bộ và cá nhân cán bộ trong toàn tỉnh và diện cán bộ tỉnh trực tiếp quản lý.

Vấn đề tổ chức quản lý công tác cán bộ là một nhiệm vụ rất cơ bản trong công tác cán bộ, có thực hiện được tốt nội dung, yêu cầu của công tác quản lý cán bộ thì mới có thể thực hiện được tốt các mặt công tác cán bộ khác. Vì vậy cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và gắn chặt công tác tổ chức quản lý cán bộ với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và các mặt công tác khác.

IV. VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 177 CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Sau khi nghiên cứu tinh thần Nghị quyết số 177 của Hội đồng Chính phủ vừa mới ban hành, Ban Chấp hành đã nhất trí giao trách nhiệm cho Đảng đoàn chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt nghị quyết này. Trước hết phải làm cho các cấp, các ngành từ lãnh đạo đến cán bộ, công nhân, viên chức trong toàn tỉnh quán triệt sâu sắc tinh thần và nội dung của nghị quyết, thấy rõ mục đích chủ yếu của việc tinh giản biên chế Nhà nước là tăng năng suất lao động, tăng hiệu suất công tác, điều chỉnh và sử dụng hợp lý và có lợi nhất lực lượng lao động nhằm phát triển sản xuất, đẩy mạnh công tác. Gắn chặt việc học tập, thực hiện nghị quyết với việc đẩy mạnh cuộc vận động lao động

sản xuất. Trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện cần phải có kế hoạch hướng dẫn cụ thể, thường xuyên nắm chắc tình hình và giải quyết kịp thời đối với cơ sở.

Thi hành nghị quyết này, chính là thực hiện một bước việc điều chỉnh lực lượng lao động, tình hình biên chế Nhà nước là một vấn đề mới mẻ, phức tạp, đòi hỏi phải tính toán, cân nhắc và giải quyết thật cụ thể, tỉ mỉ, phải nắm vững, phải có hướng rõ ràng các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước để vận động cho sát hợp, đồng thời phải tiến hành một cách thật tích cực, khẩn trương, thận trọng.

Việc điều chỉnh và phân bổ lại lực lượng lao động xã hội là một yêu cầu tất yếu, khách quan hiện nay trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước. Do đó, cần coi trọng hơn nữa công tác giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng, cần tăng cường công tác kiểm tra; ngăn ngừa và khắc phục mọi biểu hiện tư tưởng, nhận thức và hành động lệch lạc đối với vấn đề này.

Sau khi bản nghị quyết và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất đông - xuân 1970-1971 và cả năm 1971, bản nghị quyết về một số vấn đề công tác quản lý cán bộ của Ban Chấp hành được chính thức ban hành, các cấp ủy, các Ban, các Đảng đoàn, cần tổ chức nghiên cứu kỹ, có kế hoạch và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện tốt trong Đảng bộ và đơn vị tỉnh.

Tinh thần của hai bản nghị quyết đó, cần được phổ biến học tập rộng rãi trong toàn Đảng bộ. Quá trình học tập cần liên hệ kiểm điểm tình hình của Đảng bộ và đơn vị. Đối với nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất đông - xuân 1970-1971 và cả năm 1971 cần gắn với việc tiến hành dân chủ bàn bạc, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu và biện pháp cụ thể của địa phương và đơn vị mình. (Ủy ban Kế hoạch nhà nước cần gửi gấp số kiểm tra cho các đơn vị).

Việc phổ biến học tập các nghị quyết của Ban Chấp hành cần gắn chặt với việc đẩy mạnh cuộc vận động hiện nay. Phải thực

hiện tốt vừa học, vừa bàn, vừa làm, đưa phong trào và khí thế lao động sản xuất tiến lên một bước mới, đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước quý IV - 1970 và cả năm 1970, kế hoạch vụ sản xuất đông - xuân 1970 - 1971.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 154-CT/TU, ngày 5-11-1970

**Về tăng cường lãnh đạo và
củng cố hợp tác xã mua bán**

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và do sự cố gắng của các cấp, các ngành, nên song song với việc lớn mạnh của phong trào hợp tác xã mua bán ở tỉnh ta đã phát triển khá nhanh. Đến nay toàn tỉnh đã có 88,7% số xã có hợp tác xã mua bán, một số cơ sở đã mở thêm quầy hàng xuống thôn bản. Hợp tác xã mua bán xã đã phục vụ được nhiều đối với các nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất và đời sống của nhân dân, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất và phân công lao động mới trong nông thôn. Cũng đã có hợp tác xã mua bán ngày càng phát triển nên việc bán nông sản, thực phẩm cho Nhà nước và mua hàng công nghiệp của nông dân được thuận tiện, ít phải đi xa, đồng thời góp phần tích cực vào việc quản lý thị trường, giá cả và tiền tệ. Sự phát triển của phong trào hợp tác xã mua bán xã của tỉnh ta ngày càng gắn liền với sản xuất và đời sống, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân các dân tộc, phù hợp với đường lối phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa của Đảng và Chính phủ ở nông thôn.

Tuy nhiên phong trào hợp tác mua bán của tỉnh ta cũng còn nhiều thiếu sót, tồn tại:

a) Hoạt động kinh doanh của các hợp tác xã mua bán xã chưa đều, chưa mạnh và chưa toàn diện, nhiều cơ sở chỉ mới làm được nhiệm vụ đại lý bán một số mặt hàng công nghiệp, còn các công tác khác như: thu mua, phân phối, quản lý kinh tế, quản lý tiền - hàng thì có nhiều thiếu sót. Tình hình thừa, thiếu vốn, hàng hóa ngày càng tăng, tham ô lợi dụng nói chung khá phổ biến, thậm chí có nơi, có vụ tương đối nghiêm trọng. Hiện nay, có tới một nửa số hợp tác xã mua bán thiếu vốn hoặc hết vốn kinh doanh, một số hợp tác xã từ loại khá đang trở nên kém, ở vùng cao một số cơ sở đã ngừng hoạt động.

b) Công tác phân phối hàng hóa chưa thật sự công bằng, hợp lý, dân chủ. Tình trạng cắt xén tiêu chuẩn, cấm bán hàng chịu, dành hàng tốt cho gia đình, cho cán bộ xã và người quen... còn thể hiện ở nhiều nơi.

c) Khả năng hàng hóa trong nông thôn có nhiều, nhưng vì sự hoạt động của các hợp tác xã mua bán còn yếu cho nên không tổ chức khai thác, quản lý và thu mua được hết mọi mặt hàng sẵn có trong nhân dân. Số hợp tác xã tự tổ chức kinh doanh những mặt hàng nông, lâm sản và hàng thủ công sản xuất ngoài diện, ngoài mức Nhà nước quản lý còn rất yếu.

Sở dĩ có những thiếu sót trên là do:

a) Các cấp, các ngành chưa thật quán triệt sâu sắc vị trí, chức năng của hợp tác xã mua bán, vì vậy chưa chú ý đối với công tác xây dựng và củng cố các hợp tác xã đó đi đôi với củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nhất là chưa coi trọng việc tăng cường củng cố và quản lý, và thường khoán trắng cho Ban quản lý.

b) Các Ban quản lý hợp tác xã mua bán huyện, xã nói chung đều yếu, chưa được kiện toàn, cả về số lượng cũng như về chất lượng. Trình độ quản lý kinh tế, quản lý kinh doanh của cán bộ đã yếu lại bị thay đổi luôn.

c) Việc chấp hành các nguyên tắc, chế độ về quản lý kinh tế, thu mua, phân phối, bảo quản... chưa được nghiêm chỉnh. Quyền

làm chủ tập thể của xã viên không được thực hiện và phát huy đầy đủ.

d) Các ngành có trách nhiệm, trước hết là ngành Thương nghiệp chưa đề cao trách nhiệm thật đầy đủ trong việc hướng dẫn, giúp đỡ hợp tác xã mua bán. Việc tổ chức phổ biến, bồi dưỡng các chính sách, nghiệp vụ quản lý kinh doanh và kiểm tra đôn đốc các cơ sở thực hiện không làm được thường xuyên liên tục. Mậu dịch quốc doanh thường có tư tưởng dôn hàng xấu, khó tiêu thụ và mặt hàng kinh doanh ít lãi cho hợp tác xã mua bán xã. Việc thanh quyết toán giữa thương nghiệp với hợp tác xã mua bán cũng thường dây dưa, kéo dài, ảnh hưởng đến vốn kinh doanh, hoạt động của cả hai bên...

Để phát huy những kết quả đã đạt và nhanh chóng khắc phục những thiếu sót, tồn tại như trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị:

1. Gắn liền với cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường chế độ làm chủ tập thể” ở nông thôn hiện nay, đi đôi với xây dựng, củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, cần đẩy mạnh công tác củng cố hợp tác xã mua bán xã, nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần xây dựng xã hội chủ nghĩa và chống Mỹ, cứu nước thắng lợi.

Phải thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng xã viên hiểu rõ vị trí, chức năng của hợp tác xã mua bán xã: vừa là tổ chức kinh tế tập thể của nông dân, vừa nằm trong hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó và nâng cao ý thức làm chủ tập thể, tích cực tham gia củng cố và quản lý hợp tác xã mua bán xã. Trước mắt, cần tiến hành tổng kết phong trào hợp tác xã mua bán thời gian qua từ cơ sở lên đến tỉnh, qua đó, có kế hoạch củng cố phát triển tiếp tục.

2. Tổ chức vận động 100% xã viên hợp tác xã nông nghiệp tham gia hợp tác xã mua bán, góp thêm cổ phần, đồng thời thanh toán lỗ, lãi trong quá trình hoạt động đã qua, báo cáo cho xã viên biết.

Trên cơ sở được củng cố, các hợp tác xã mua bán xã phải xây dựng được kế hoạch các mặt một cách cụ thể, nhằm từng bước mở rộng kinh doanh. Đối với những cơ sở xét thấy có đủ điều kiện như tổ chức vững chắc, trình độ quản lý tương đối khá và sản phẩm hàng hóa phát triển thì tổ chức tự kinh doanh những mặt hàng ngoài diện, ngoài mức Nhà nước quản lý, kể cả kinh doanh ăn uống phục vụ. Như vậy là để vừa đẩy mạnh sản xuất, khai thác và thu mua được nông lâm sản, hàng thủ công; vừa tăng thêm thu nhập cho xã viên và tích lũy của hợp tác.

Ở huyện, căn cứ vào tình hình kinh tế phát triển, giao thông thuận tiện ở từng nơi, Ban quản lý hợp tác xã mua bán huyện có thể tổ chức kinh doanh để một mặt hỗ trợ cho xã, mặt khác thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Trước mắt, cần tổ chức thí điểm ở một vài huyện để rút kinh nghiệm mở rộng diện.

Đi đôi với việc mở rộng kinh doanh, cần tích cực xây dựng cơ sở vật chất của hợp tác xã mua bán, như cửa hàng, nhà kho, v.v..

3. Cần xúc tiến việc thanh quyết toán tài sản (vốn, hàng hóa), xác minh cụ thể tình hình thừa thiếu tiền, hàng trong thời gian qua, quy định rõ trách nhiệm cho từng người, có thái độ xử lý đúng mức đối với những vụ tham ô, lợi dụng (do Đại hội xã viên quyết định). Trên cơ sở đó, bồi dưỡng nâng cao dần trình độ nghiệp vụ quản lý kinh doanh cho cán bộ quản lý hợp tác xã, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách thu mua, phân phối, quản lý thị trường và giá cả của Đảng và Chính phủ, thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, chế độ quản lý dân chủ, thường kỳ mở Đại hội xã viên theo đúng Điều lệ đã quy định.

4. Cần củng cố và kiện toàn các Ban quản lý hợp tác xã mua bán huyện, xã.

Ở huyện, mỗi huyện cử một đồng chí cấp ủy viên sang phụ trách Ban quản lý hợp tác xã mua bán huyện.

Ở xã, Ban quản lý hợp tác xã mua bán xã trực tiếp làm nhiệm vụ kinh doanh phục vụ. Do đó các xã cần cử đồng chí cấp ủy viên

phụ trách hợp tác xã mua bán và tiến tới chuyên môn hóa cán bộ nhất là chủ nhiệm, kế toán và nhân viên bán hàng, trường hợp thật cần thiết cần thay đổi cán bộ thì phải cần thay đổi báo cáo và được sự đồng ý của huyện.

Cần chọn những cán bộ có trình độ hoặc có triển vọng về công tác kinh doanh và quản lý kinh tế, được quần chúng tín nhiệm (chú ý cán bộ nữ). Đối với những người xét thấy không đủ khả năng và tín nhiệm đối với quần chúng thì nên chuyển sang làm công tác khác cho phù hợp với trình độ và năng lực của họ.

Về chính sách lương thực đối với cán bộ làm công tác hợp tác xã mua bán thực hiện theo Quy định số 338, ngày 16-6 -1970 của Ủy ban hành chính tỉnh đã ban hành.

5. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của các cấp, các ngành đối với phong trào hợp tác xã mua bán xã:

- Các huyện ủy phải có kế hoạch cụ thể trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã mua bán, đi liền với kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp, tín dụng, để tạo nên thế kiềng ba chân vững chắc trong phong trào hợp tác hóa ở nông thôn, phải thường kỳ nghe báo cáo và kiểm tra uốn nắn phong trào.

- Xã là cấp lãnh đạo trực tiếp và toàn diện từ khâu sản xuất đến các khâu phân phối lưu thông tiêu dùng. Do đó cấp ủy Đảng ở xã phải thường xuyên nghe Ban quản lý xã báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã mua bán. Trong sinh hoạt của chi ủy, chi bộ phải chú ý kiểm điểm về công tác hợp tác xã mua bán, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nguyên tắc: công bằng, hợp lý, dân chủ và thuận tiện. Phải tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, ý thức bảo vệ của công. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trước quần chúng, không vay tiền quỹ, không mua chịu hàng của hợp tác xã mua bán, đồng thời ngăn chặn những hành động có tính chất đầu cơ lợi dụng. Trường hợp có những vụ tham ô hoặc thừa - thiếu tiền - hàng xảy ra thì phải kịp thời giải quyết, quy định trách nhiệm cụ thể.

- Ty Thương nghiệp cần có kế hoạch cụ thể và phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành có liên quan thường xuyên tổ chức củng cố, mở các lớp ngắn ngày bồi dưỡng về đường lối, chính sách về nghiệp vụ quản lý kinh doanh cho các Ban quản lý hợp tác xã mua bán huyện, xã; đồng thời luôn luôn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn giúp đỡ các cơ sở quản lý kinh doanh đi dần vào kế hoạch; từng quý có báo cáo kết quả cho Tỉnh ủy biết.

- Các ngành Tài chính và ngân hàng cần có sự phối hợp chặt chẽ, đi sát kiểm tra, hướng dẫn giúp đỡ các hợp tác xã mua bán xã làm tốt công tác kế toán tài vụ, trên cơ sở đó mà làm tốt các công tác tài chính, tín dụng và tiền mặt.

- Ban Tài chính - thương nghiệp có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ theo dõi, đôn đốc việc thi hành chỉ thị này.

Chỉ thị này được tổ chức nghiên cứu, học tập sâu rộng đến các cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 23-TB/TU, ngày 25-11-1970

Về tình hình tiến hành bước 1 đợt 2 cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 194, 195, 197, 38... ở nông thôn

Ngày 19 - 20 tháng 11-1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp các đồng chí thường trực các huyện, Thị ủy, các Ban chuyên môn của Tỉnh ủy đã kiểm điểm tình hình tiến hành bước 1 đợt 2 của cuộc vận động thuộc khu vực nông thôn.

Sau khi nghe các huyện, Thị ủy báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận xét, đánh giá những kết quả đạt được và những mặt còn tồn tại cần tiếp tục khẩn trương thực hiện tốt hơn.

I. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI

Sau hội nghị sơ kết đợt 1 và triển khai kế hoạch đợt 2 ở tỉnh về, các huyện thị, đều họp được Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Huyện ủy mở rộng để học tập quán triệt thêm tình hình, nhiệm vụ mới, nghiên cứu nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh lao động sản xuất hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1970. Sau đó các địa phương đều có kế hoạch quyết tâm làm thêm, làm bù để đạt kế hoạch về lương thực, thực phẩm cả năm 1970. Đi đôi với đẩy mạnh trồng thêm màu, các huyện đã tích cực chăm sóc ruộng mùa để bảo đảm kế hoạch năng suất, đồng thời tiến hành nắm lại

diện tích đã gieo trồng, giải quyết vấn đề làm ăn riêng lẻ. Nhờ vậy phong trào lao động sản xuất được tiếp tục đẩy lên, khí thế lao động của xã viên đối với lao động tập thể ngày càng tăng. Kết quả đáng kể là vụ mùa năm nay mặc dù bị sâu khá phổ biến ở vùng thấp và vùng Sa Pa vùng cao, nhưng đã phòng trừ được tốt, đảm bảo được vụ mùa thu hoạch bình thường, không gây tác hại lớn. Việc thu hoạch mùa năm nay cũng nhanh, gọn hơn năm ngoái nhiều.

Việc tổ chức tiếp tục quán triệt Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Bộ Chính trị và đi sâu học Nghị quyết 38, 84 của Hội đồng Chính phủ, tất cả các địa phương đều học từ trong Đảng ra đến quần chúng. Nhưng so với đợt 1 thì đạt tỷ lệ thấp hơn, chung toàn tỉnh đạt 87% (đảng viên đạt 89%, nhân dân đạt 66%). Các huyện cũng đều tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ các tổ công tác khi đi vào bước 1 đợt 2 (trừ Si Ma Cai, Bắc Hà chỉ gắn vào hội nghị sơ kết, nên cán bộ xuống làm lúng túng).

Qua học tập, nói chung cán bộ, đảng viên và quần chúng đều nhận thức được những vấn đề về cơ bản trong nghị quyết và hoan nghênh nghị quyết, bước đầu giải quyết được tư tưởng sợ làm nhiều đóng góp nhiều. Tuyệt đại đa số xã viên phấn khởi về phân phối theo lao động. Phong trào lao động sản xuất do đó càng có nhiều chuyển biến tốt, thể hiện rõ trong việc chăm bón vụ mùa, trừ sâu, thu hoạch vụ thu nhanh gọn, làm giao thông, chuẩn bị đông - xuân, trồng lúa mì (Y Tý), trồng rau xanh (thị xã Lào Cai)...

Về thu mua lương thực, thực phẩm, tốc độ gần đây có chuyển biến mạnh, nhưng chưa huyện nào đạt kế hoạch.

Tóm lại, bước 1 đợt 2 của cuộc vận động đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại như: một số nơi chưa học kỹ và tốt Nghị quyết 38, 84. Cán bộ nắm tinh thần nghị quyết chưa chắc nên truyền đạt không đầy đủ; tỷ lệ xã viên tham gia học tập nhiều nơi còn thấp. Tư tưởng của một số cán bộ xã và các gia đình thiếu lao động còn lo lắng phân phối theo lao động sợ không đủ ăn.

Vấn đề thực hiện Nghị quyết 38, 84 gắn với dân chủ, kế hoạch xây dựng mức ổn định nghĩa vụ lương thực nói chung là chậm. Nhiều xã chưa mang phương án quy hoạch định canh định cư trước đây để bàn bạc trong cán bộ, đảng viên, và quần chúng, hoặc bàn chưa cụ thể (kể cả kế hoạch đông - xuân 1970-1971).

Việc bồi dưỡng cho đảng viên mới nhiều nơi chưa làm được, nhất là bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng còn chậm và ít. Việc phân loại đảng viên theo mẫu thống kê hầu hết các huyện làm chưa xong và còn lúng túng, có nơi làm chưa đúng yêu cầu. Nhiều chi bộ chưa tiến hành đăng ký trong từng đảng viên phấn đấu theo bảy yêu cầu của Nghị quyết 195 (trừ thị xã Lào Cai).

Công tác lãnh đạo chỉ đạo của các Huyện ủy, Thị ủy có nơi không chặt chẽ, kể cả việc chỉ đạo trọng điểm (trọng điểm chưa đi trước một bước). Việc thực hiện kế hoạch của cuộc vận động chưa toàn diện, chưa phát huy được tác dụng trọng điểm đối với diện. Có huyện chỉ đạo cuộc vận động còn tùy tiện, chưa thực hiện đúng trình tự từng bước của cuộc vận động mà tỉnh đã hướng dẫn.

II. NHỮNG CÔNG TÁC TIẾP TỤC HOÀN THÀNH

Căn cứ vào Kế hoạch số 4 của Tỉnh ủy, các huyện, thị kiểm điểm từng việc, từng yêu cầu, đánh giá cụ thể từng xã, bao nhiêu xã đạt yêu cầu, bao nhiêu xã chưa đạt yêu cầu, để tiếp tục khẩn trương hoàn thành dứt điểm rồi mới chuyển tiếp sang làm các yêu cầu của bước 2. Về kế hoạch bước 2, tỉnh đã có Kế hoạch số 04 và chương trình công tác quý IV của Ban Chấp hành tỉnh. Các huyện, Thị ủy căn cứ vào đó đặt kế hoạch tiến hành cụ thể của huyện, thị mình. Ở đây Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ nhấn mạnh những việc sau đây:

1. Tổ chức học tập kỹ Nghị quyết 38 và 84 của Hội đồng Chính phủ. Nơi nào học chưa tốt chưa kỹ thì tổ chức học lại, riêng bước này cần tập trung tổ chức học tập điều lệ hợp tác xã sản xuất

nông nghiệp cho cán bộ, đảng viên và xã viên, nhân dân, có kiểm điểm liên hệ cụ thể. Nơi nào hợp tác xã yếu, kém thì củng cố, xây dựng hợp tác xã mới ở những thôn bản chưa có hợp tác xã như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đề ra.

2. Nơi nào chưa mang phương án định canh định cư của từng xã trước đây đã quy hoạch ra bàn bạc, rà lại từ trong Đảng, trong cán bộ đến quần chúng thì phải tiếp tục tiến hành cho tốt, hoặc bàn bạc chưa sâu, chưa kỹ, chưa thật sự dân chủ thì phải làm lại.

3. Hoàn thành dứt điểm công tác xây dựng mức ổn định nghĩa vụ lương thực 5 năm. Phân phối thu nhập trong nội bộ hợp tác xã, thanh quyết toán tài chính cuối năm trong hợp tác xã một cách thật sự dân chủ. Làm tốt việc định mức lao động, thực hiện khoán việc, ba khoán, phân công lại lao động trong hợp tác xã. Xây dựng tốt nội quy quản lý lao động và quản lý tài chính, nội quy bảo vệ rừng, chống thả rông gia súc ở các hợp tác xã.

4. Thực hiện dân chủ xây dựng kế hoạch đông - xuân 1970-1971 và cả năm 1971. Nơi nào chưa bàn bạc kỹ trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân thì tiếp tục bàn bạc cho kỹ, đồng thời đẩy thật mạnh các công việc của vụ sản xuất như gieo mạ, làm phân bón, thủy lợi và đẩy mạnh làm đất xong trước tết âm lịch, tổ chức tốt việc chăn dắt trâu, bò, xây dựng nội quy chống thả rông gia súc trong các hợp tác xã, các thôn bản.

5. Về công tác xây dựng Đảng: Trước hết làm cho các đồng chí phụ trách cơ sở quán triệt nội dung công tác và cách làm việc theo đường lối quần chúng, phát huy dân chủ của quần chúng, phân rõ công việc giữa công tác Đảng và việc của chính quyền và cho rõ. Tiếp tục mở lớp bồi dưỡng cho các đảng viên mới và cho các đối tượng Đảng chuẩn bị kết nạp đợt 3-2-1971. Hoàn thành việc phân loại đảng viên, theo biểu mẫu thống kê. Tổ chức học tập Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy về phương hướng kế hoạch năm 1971. Tiếp tục từng đảng viên đăng ký chương trình phấn đấu theo yêu

cầu về nâng cao chất lượng đảng viên. Một mặt tiến hành tốt Đại hội cấp huyện, thị và cơ sở.

Ở các chi bộ cơ quan và các ngành ở huyện, thị, cần học tập và thực hiện tốt Thông tri số 242 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 177 của Chính phủ, giải quyết tốt vấn đề sắp xếp biên chế, giảm nhẹ hành chính, chuyển lực lượng sang sản xuất.

6. Đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng không, sẵn sàng chiến đấu, nâng cao cảnh giác, củng cố, luyện tập dân quân, tự vệ, phòng, chống gián điệp, biệt kích, làm tốt đợt vận động tòng quân, đồng thời đẩy mạnh các công tác văn hóa, giáo dục, v.v. trong nông thôn. Riêng hai thị xã, trên cơ sở sơ kết tốt bước 1 thí điểm Nghị quyết 198, có kế hoạch triển khai ra diện.

7. Về phía các ngành, các Ban xung quanh tỉnh, phải trên cơ sở thực hiện tốt cuộc vận động ngay từ bản thân ngành, ban mình để đẩy mạnh mọi mặt công tác. Trong đó chú trọng phục vụ tốt cuộc vận động ở nông thôn, phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, trước mắt là vụ sản xuất đông - xuân 1970-1971, theo đúng nhiệm vụ và chức năng của mỗi ban, ngành đã được quy định.

Trên đây là một số điểm cần chú ý. Từng nơi cần dựa vào thông báo này liên hệ vận động cho phù hợp, thực hiện tốt yêu cầu của cuộc vận động như Kế hoạch số 04 của Tỉnh ủy đã đề ra

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 24-TB/TU, ngày 30-11-1970

**Về tình hình qua kiểm điểm một số đảng bộ cơ quan,
xí nghiệp về việc tiến hành cuộc vận động
“Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên
Lớp Hồ Chí Minh”**

Căn cứ vào yêu cầu của nghị quyết của Trung ương và kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kiểm tra 7 đảng bộ cơ sở: Mở apatít, Ty Giao thông, Ty Lâm nghiệp, Ty Nông nghiệp, Ty Lương thực, Ty Giáo dục, Xí nghiệp đường - rượu - giấy. Qua kiểm tra cụ thể tại chỗ đối chiếu với yêu cầu, nội dung bước đi của cuộc vận động thì nói chung các đảng bộ đã có những cố gắng nhất định, đã tạo ra một số chuyển biến bước đầu.

1. Quá trình tiến hành, các đảng bộ nói chung đều đảm bảo trình tự từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng. Một số nơi đã tổ chức học tập riêng cho Đoàn viên thanh niên lao động, cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng được tăng cường hơn trước: có chuẩn bị, có chương trình kế hoạch, có trọng điểm, có phân công lãnh đạo, có kiểm tra cụ thể.

2. Qua tiếp xúc với cấp ủy và gần 100 cán bộ, đảng viên ở 7 đảng bộ nói trên bao gồm: Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể quần chúng, là cán bộ kỹ thuật, là công nhân trực tiếp sản xuất là quần chúng ngoài Đảng thì nói chung, đa số

các cán bộ, đảng viên đã nắm hiểu được tinh thần cơ bản của các nghị quyết của Trung ương. Từ đó mà tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên được nâng cao một bước. Ý thức phấn đấu tự rèn luyện bản thân và ý thức Đảng được nâng lên rõ rệt. Vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình tăng cường đoàn kết nội bộ được đề cao hơn. Một số ít nơi trước đây mất đoàn kết giữa một số cán bộ, đảng viên đã khắc phục một bước.

3. Sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ, tổ đảng đi vào nề nếp chặt chẽ hơn. Có chi bộ 5 tháng không sinh hoạt, nay đã liên hệ kiểm điểm sâu sắc và sửa chữa. Nội dung sinh hoạt có cải tiến bước đầu. Công tác quản lý đảng viên được tăng cường. Một số nơi như Đảng bộ Mỏ apatít, Ty Giao thông, Ty Lương thực, thông qua việc điều tra cơ bản và liên hệ kiểm điểm của đảng viên đã nắm hiểu được tình hình chất lượng đảng viên chắc hơn. Từ đó mà có cơ sở để đặt kế hoạch, biện pháp giáo dục, bồi dưỡng cho từng loại đảng viên về từng mặt. Một số nơi còn gắn chặt với việc thi hành các Nghị quyết 20, 225 để sắp xếp tổ chức, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, lựa chọn cắm chốt cán lãnh đạo và cải tiến tổ chức đảng cho phù hợp. Đồng thời, thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng, các đảng bộ đã chú trọng giáo dục, bồi dưỡng lựa chọn đối tượng và riêng đợt 2-9-1970 (trừ Đảng bộ Nhà máy đường) đã kết nạp 16 đảng viên Lớp Hồ Chí Minh. Hiện đã chuẩn bị 37 đối tượng cho đợt 3-2-1971 sắp tới.

4. Từ những chuyển biến trên đã có những tác động trực tiếp đến việc đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ công tác và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Các cơ sở đều đã có cố gắng khắc phục khó khăn về thiếu nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư, thiết bị, kỹ thuật... phấn đấu với ý thức cố gắng nhất của mình. Ngày giờ công nói chung đều tăng hơn trước. Một số cơ quan, ngành, xí nghiệp đã xác định rõ mục tiêu nhiệm vụ chính trị và định rõ phương hướng cụ thể của ngành, của đơn vị để phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy ba cuộc cách mạng ở nông thôn và đảm bảo mục tiêu 52.000 tấn lương thực

với hơn 10 triệu đồng giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1970 của toàn tỉnh. Vấn đề quản lý lao động vật tư, tiền vốn và việc chấp hành các nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính có tiến bộ rõ rệt. Một số nơi còn mở các hội nghị phân tích hoạt động kinh tế hay tọa đàm kỹ thuật đã đem lại kết quả thiết thực.

5. Hoạt động của các tổ chức quần chúng nói chung đã được đẩy lên một bước. Phong trào thi đua “5 nhất” của tổ chức công đoàn, phong trào “hai mũi tiến công” của Đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh ở các cơ sở được đẩy mạnh đã có tác dụng tốt với việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và công tác xây dựng Đảng. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được tăng cường hơn nữa.

Sở dĩ có những chuyển biến và tiến bộ trên chính là nhờ có tinh thần các nghị quyết của Trung ương đã được quán triệt một bước đến đảng viên và quần chúng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng được tăng cường chặt chẽ hơn, đảm bảo được sự lãnh đạo tập thể của cấp ủy.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến và tiến bộ trên cũng còn một số mặt yếu tồn tại sau đây:

1. Quá trình tiến hành cuộc vận động trong các đảng bộ nói chung còn chậm, chưa đều và có biểu hiện làm lượt. Một số ít nơi chưa đạt yêu cầu. Trọng điểm chỉ đạo của các đảng bộ còn hình thức, chưa phát huy được tác dụng cho chỉ đạo chung. Sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy một số nơi còn buông lỏng, rời rạc, có nơi như Đảng bộ Giáo dục, Ty Nông nghiệp đã bỏ qua cả đợt 1 cuộc vận động. Do đó việc quán triệt yêu cầu, phương châm cuộc vận động một số nơi chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Một số biểu hiện tư tưởng thiếu tin ở cuộc vận động, thiếu tin ở sự chuyển biến của lãnh đạo, thiếu hồ hởi phấn khởi còn phổ biến. Một số nơi còn mất đoàn kết hoặc sự nhất trí chưa cao trong lãnh đạo cũng chưa được tập trung giải quyết. Một số ít cán bộ, đảng viên sửa chữa còn chậm thậm chí cá biệt còn có đảng viên chây ỳ, bất mãn tiêu cực. Một số mắc tham ô, vay nợ nhập nhằng dây dưa kéo dài chưa thanh toán xong

phẳng. Vai trò tiên phong gương mẫu của một số đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo chưa cao, nhất là trong việc sửa chữa khắc phục khuyết điểm của mình.

2. Việc xác định mục tiêu phấn đấu của từng ngành, từng đơn vị, từng cá nhân chưa cụ thể, chức năng, nhiệm vụ chưa rõ ràng. Vận dụng bảy yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên còn chung chung, chưa phân biệt cách vận dụng vào từng loại đảng viên cho sát. Biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là nâng cao chất lượng lãnh đạo chưa cụ thể. Việc liên hệ kiểm điểm và xây dựng chương trình đăng ký cá nhân đảng viên nhiều nơi chưa xong. Nền nếp sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ, tổ đảng một số nơi còn lỏng lẻo. Nội dung sinh hoạt chưa được cải tiến đúng với chức năng nhiệm vụ của tổ chức đảng ở các loại cơ sở. Quan hệ và lễ lối làm việc giữa Đảng với chính quyền, giữa trên và dưới chưa được cải tiến và xây dựng thành nền nếp chặt chẽ để tạo ra sức mạnh tập thể thúc đẩy nhiệm vụ chính trị. Hoặc một số ít cán bộ, đảng viên ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm phát đạo đức kém cũng chưa có thái độ kỷ luật nghiêm khắc. Việc chăm lo đời sống quần chúng, xây dựng và phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng nói chung còn yếu. Chất lượng đội ngũ đối tượng chuẩn bị cho đợt 3-2-1971 chưa cao.

3. Chính từ những vấn đề trên mà sự chuyển biến về hành động nói chung chưa mạnh, chưa đều. Năng suất và chất lượng ngày, giờ công chưa cao. Trong quản lý kinh tế, nhất là quản lý lao động, vật tư, kỹ thuật còn nhiều khâu bất hợp lý, nhiều cơ sở gây lãng phí cả về thời gian, sức người và vật tư thiết bị, tài sản của Nhà nước chưa khắc phục được. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu chưa hoàn thành. Việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm 1970-1971 một số nơi còn chung chung, chưa được tập thể bàn bạc cụ thể.

Ngoài ra, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động cũng còn bộc lộ một số khuynh hướng lệch lạc cần sớm rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục là:

- Việc chỉ đạo thực hiện phương châm: Học, hành, kiểm, sửa,

bồi, nâng chưa được chú trọng toàn diện. Trong đó yếu nhất là khâu sửa chữa khuyết nhược điểm, nhất là những khuyết nhược điểm đã và đang cản trở đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào quần chúng, những khuyết nhược điểm thuộc về ý thức Đảng, về phẩm chất đạo đức của đảng viên. Trong nâng cao chất lượng đảng viên phải đồng thời nâng cao chất lượng lãnh đạo nhưng chưa được chú trọng.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo giữa sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và tổ chức đời sống chưa được chú trọng toàn diện. Trong sản xuất vấn đề cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động nhiều hơn. Việc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu một số nơi còn hơi lỏng. Việc chăm lo đời sống tinh thần và vật chất chưa quan tâm đúng mức, nhất là những khâu lao động nặng nhọc, những công nhân làm ca đêm... Do đó, không khí làm việc còn căng thẳng, chưa được thoải mái phấn khởi.

- Trong lãnh đạo của các cấp ủy và lãnh đạo các ngành còn biểu hiện tách rời công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Hoặc ngược lại chỉ chạy theo công tác chuyên môn đơn thuần, ít chăm lo công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng.

Nguyên nhân của những mặt yếu và lệch lạc trên đây chính là do chưa quán triệt yêu cầu và phương châm cuộc vận động kể cả trong cấp ủy và một số đảng viên là cán bộ lãnh đạo. Một số ít còn biểu hiện chưa có ý thức đầy đủ, còn giản đơn tùy tiện, chưa nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Trung ương và kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh ủy. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy thiếu tập trung chặt chẽ. Một số nơi trong lãnh đạo thiếu đoàn kết nhất trí cũng chưa gương mẫu nghiêm khắc sửa chữa và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy và cơ sở.

Để khắc phục tình hình trên, các đảng bộ cần dựa vào Công văn số 108, ngày 6-11-1970 và bản thông báo này là liên hệ kiểm điểm để có biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa khắc phục khuyết nhược điểm, nhằm đẩy mạnh cuộc vận động trong thời gian tới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý các đảng bộ một số vấn đề sau đây:

1. Việc tiến hành cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” là chấp hành nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Các cấp ủy phải liên hệ kiểm điểm lại nhận thức của mình có biện pháp bổ khuyết cụ thể, trực tiếp lãnh đạo, đảm bảo tốt yêu cầu cuộc vận động. Phải tăng cường trách nhiệm tập thể của cấp ủy Đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ cuộc vận động, tránh tình trạng lơ là, rồi rạc đầu voi đuôi chuột.

2. Các cấp ủy cần bám chắc và thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 5 và chương trình công tác quý IV của Tỉnh ủy mà bàn biện pháp thực hiện cho tốt. Cần chỉ đạo chặt chẽ hoàn thành xây dựng chương trình đăng ký cá nhân đảng viên, nắm tình hình và phân loại đảng viên theo yêu cầu về nâng cao chất lượng đảng viên, đồng thời đưa đảng viên và quần chúng vào hành động đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 1970 và chuẩn bị tốt cho việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1971, đảm bảo giành thắng lợi ngay từ ngày đầu, quý đầu, đảm bảo cân đối giữa các mặt: sản xuất, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, tổ chức đời sống và xây dựng Đảng.

3. Cần có kế hoạch tiến hành khẩn trương việc tổng kết năm 1970 và chuẩn bị tích cực cho tiến hành Đại hội Đảng cuối năm như thông tri của Tỉnh ủy đã thống nhất và gửi sớm báo cáo tổng kết năm về Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các Ban, Đảng đoàn cần tăng cường đôn đốc kiểm tra và hướng dẫn các cơ sở thực hiện tốt các vấn đề trên.

Riêng các huyện, Thị ủy cần dựa vào thông báo này mà kiểm tra việc tiến hành cuộc vận động trong khu vực cơ quan, xí nghiệp, cửa hàng, bệnh viện, trường học xung quanh huyện, thị, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với khu vực này hơn nữa.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 26-TB/TU, ngày 26-12-1970

Về Hội nghị thường kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp trong 2 ngày 23 và 24-12-1970, dưới sự điều khiển của đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy. Dự hội nghị gồm các đồng chí: Trường Minh, Nông Công Thương, Phạm Gia Tuân, Dương Việt Tiến, Cư Hòa Văn, Khánh Vinh, Nguyễn Ân, vắng mặt vì bận đi công tác gồm các đồng chí: Lương Quyết Định, Nguyễn Trí Nghị. Ngoài ra có một số đại diện các Ban, Đảng đoàn tham dự hội nghị.

Trong cuộc hội nghị kỳ này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo và bàn bạc giải quyết một số vấn đề sau đây:

Nghiên cứu Chỉ thị số 181 của Ban Bí thư Trung ương và bàn chủ trương thi hành.

Nghe truyền đạt tinh thần phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1971 của Chính phủ đề ra và bàn kế hoạch vận động vào địa phương.

Thông qua nhiệm vụ quy hoạch một số trại trồng dược liệu trong tỉnh.

Dưới đây là những ý kiến chính của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và quyết nghị về những vấn đề trên.

I. NGHIÊN CỨU CHỈ THỊ SỐ 181 CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG VÀ BÀN CHỦ TRƯỞNG THI HÀNH

Căn cứ vào Chỉ thị số 181-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về việc điều tra tình hình quản lý các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiên cứu và thảo luận ý nghĩa, nội dung, yêu cầu, phương châm, phương pháp của cuộc điều tra đã ghi trong chỉ thị, đồng thời đã nghe các đồng chí: Việt Tiến, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách nông nghiệp, Hồng Dương, Phó Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đi dự cuộc họp do Ban Nông nghiệp Trung ương triệu tập về báo cáo kế hoạch tiến hành của Trung ương về cuộc điều tra này.

Sau khi nghiên cứu chỉ thị của Ban Bí thư và nghe các đồng chí đi họp về báo cáo như trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí đề ra chủ trương tiến hành cuộc điều tra trong tỉnh như sau:

- Thành lập Ban điều tra tình hình quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp của tỉnh gồm các Ban, các ngành có liên quan, để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức việc tiến hành điều tra, huy động các ngành tham gia và sau đó nghiên cứu đề ra biện pháp tăng cường quản lý hợp tác xã trong tỉnh (cụ thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có quyết nghị riêng). Ban điều tra tỉnh có trách nhiệm vạch kế hoạch cụ thể thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tiến hành.

- Điều động một số cán bộ các ngành, ban và huyện, thị đi học lớp bồi dưỡng của Ban Nông nghiệp Trung ương mở. Sau khi dự lớp về, số cán bộ này sẽ giúp tỉnh mở lớp và tổ chức cuộc điều tra của tỉnh. Ngoài số cán bộ cử đi dự lớp ở Trung ương mở, cần điều động một số cán bộ nữa để tiến hành bước 1, bước điều tra thí điểm của tỉnh, sau đó mới mở diện điều tra toàn tỉnh tiến hành bước 2.

Số hợp tác xã tiến hành điều tra thí điểm là 10 hợp tác xã, bao gồm:

- Huyện Mường Khương: Ba xã, Pha Long, Mường Khương, Bản Lầu (mỗi xã 1 hợp tác xã).
- Huyện Bắc Hà: Hai xã, Bản Phố, Tả Chải (mỗi xã 1 hợp tác xã).
- Huyện Sa Pa: Xã Tả Phìn (1 hợp tác xã).
- Huyện Bát Xát: Một xã Đồng Tuyển (1 hợp tác xã).
- Huyện Bảo Thắng: Xã Cam Đường (ba hợp tác xã: Dạ, Chiềng, Nhón).

Diện điều tra toàn tỉnh khi mở diện khoảng từ 7 - 10% số hợp tác xã hiện nay, bao gồm các điển hình về các mặt, số lượng và nơi điều tra cụ thể do Ban điều tra tỉnh nghiên cứu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định sau.

- Về lực lượng cán bộ tham gia cuộc điều tra: Tiến hành điều tra ở huyện, xã, hợp tác xã nào thì cấp ủy Đảng, chính quyền và tổ cán bộ công tác ở đó trực tiếp tổ chức thực hiện cuộc điều tra, và là lực lượng điều tra chủ yếu. Về phía tỉnh chỉ tập trung một số cán bộ để theo dõi tổng hợp, kiểm tra, hướng dẫn, giúp đỡ dưới thực hiện và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, biểu mẫu cho huyện và cán bộ đi làm.

Ngoài vấn đề tiến hành điều tra tình hình quản lý hợp tác xã như trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã nghe truyền đạt ý kiến nhận xét của Ban Nông nghiệp Trung ương về cuộc vận động dân chủ đang tiến hành hiện nay. Sau đó, Ban Thường vụ đã sơ bộ kiểm điểm tình hình địa phương và giao Ban Nông nghiệp và các ban chuẩn bị tốt các việc sơ kết đợt 2 đối với các xã trọng điểm và tổng kết vòng 1 (1970) để ra kế hoạch vòng 2 (1971) vào thời gian tới, càng sớm càng tốt.

II. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 1971

Sau khi nghe đồng chí Phạm Gia Tuân, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chính quyền, đồng chí Nguyễn Ân, Ủy viên Thường vụ Tỉnh

ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh đi dự cuộc họp do Phủ Thủ tướng triệu tập về báo cáo tình thần bản nhận định tình hình kế hoạch nhà nước 1971 và phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch nhà nước 1971 của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã sơ bộ liên hệ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước 1970 và thảo luận một số điểm về kế hoạch nhà nước 1971 của tỉnh.

Để chuẩn bị cụ thể và chu đáo nội dung cho Ban Chấp hành tỉnh thảo luận và thông qua các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch 1971 của tỉnh vào kỳ họp tới, căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu chung của Trung ương giao và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1971 do Ban Chấp hành đã nghị quyết kỳ trước, Ủy ban Kế hoạch tỉnh cần điều chỉnh, tính toán một cách cân đối kỹ càng giữa các mặt, lập bản phương hướng nhiệm vụ cụ thể, và các chỉ tiêu cơ bản về mọi mặt để trình Ban Chấp hành thảo luận và quyết định, bản dự thảo phương hướng nhiệm vụ cụ thể và các chỉ tiêu cơ bản đó cần hoàn thành trước ngày 10-1-1971.

II. THÔNG QUA QUY HOẠCH XÂY DỰNG MỘT SỐ TRẠI TRỒNG DƯỢC LIỆU CỦA TỈNH

Sau khi nghe các tổ cán bộ lập quy hoạch và đồng chí Cư Hòa Vân, Ủy viên Thường vụ phụ trách văn - giáo báo cáo và trình bày về các bản dự án quy hoạch của 2 trại và 1 nông trường trồng dược liệu (Sa Pa, Bắc Hà, Lũng Phình), sau khi đi điều tra và xây dựng quy hoạch xong, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho một số ý kiến như sau:

- Vấn đề phát triển cây thuốc của tỉnh ta là một ưu thế rất lớn tuy có một số khó khăn, nhưng có rất nhiều thuận lợi, nhất là điều kiện thiên nhiên rất ưu đãi. Phương hướng phát triển đã khoanh vùng sản xuất về dược liệu, Đại hội tỉnh vừa qua đã xác định từ mấy năm nay. Do đó cần phát triển một cách nhanh, mạnh và với quy mô ngày càng lớn.

- Ủy ban Kế hoạch, bộ phận quy hoạch, các ngành có trách nhiệm và các đồng chí phụ trách về mặt được liệu cần nghiên cứu thêm, để điều chỉnh, bổ sung lại quy hoạch ở ba nơi trên, cho thực sát hợp. Các quy hoạch đó cần thể hiện được các yêu cầu như: xác định rõ phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu của một vùng, và các điểm trong vùng một cách liên quan với nhau, không tách rời riêng rẽ từng điểm trong một vùng được liệu.

- Cần xây dựng một quy hoạch tương đối toàn diện, có tính toán cân đối trong một vùng liên hoàn tập trung về mọi mặt như nhiệm vụ sản xuất cây chủ yếu, về quy mô sản xuất, tốc độ, bước đi, về vốn cần đầu tư, v.v. làm sao đảm bảo được yêu cầu phát triển mạnh, nhanh chóng có sản phẩm hàng hóa và hiệu quả kinh tế lớn. Cần tính toán cả mặt quốc doanh và hợp tác xã, cũng như nhân dân cùng làm như thế nào để đạt được yêu cầu của phát triển sản xuất như trên.

- Trên cơ sở tùy theo quy mô và tính chất nhiệm vụ của các cấp trại mà nghiên cứu phân cấp vùng nào, trại nào do tỉnh quản lý, vùng nào, trại nào do huyện quản lý, (ví dụ: Tỉnh chỉ nên quản lý vùng Bắc Hà và Sa Pa (gồm các trại trong mỗi vùng), còn Si Ma Cai, Mường Khương thì giao cho huyện quản lý, tỉnh chỉ giúp vốn, kỹ thuật, xây dựng ban đầu... chẳng hạn...).

Căn cứ vào các ý kiến trên, Đảng đoàn chính quyền sẽ duyệt lại các bản quy hoạch cụ thể, sau khi đã tính toán, bổ sung, điều chỉnh, và tiến hành thực hiện theo kế hoạch từng bước đề ra.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
NGUYỄN DUYÊN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 04-NQ/TU, ngày 30-12-1970

Về vấn đề tổ chức quản lý công tác cán bộ

I. MỘT SỐ NÉT VỀ TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁN BỘ

Từ trước đến nay, Đảng ta đặt vấn đề cán bộ là một công tác rất lớn. Bởi vì sau khi có chủ trương, đường lối rồi, thì vấn đề công tác cán bộ có tính chất quyết định trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị đã đặt ra. Cho nên, công tác cán bộ phải được tổ chức quản lý chặt chẽ và thường xuyên chăm lo cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới.

Chấp hành chủ trương của Trung ương, tháng 6 năm 1961 Tỉnh ủy đã có nghị quyết về việc phân cấp quản lý cán bộ đi đôi với việc phân cấp quản lý kinh tế. Đến tháng 9 năm 1964, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 14 bổ sung một số điểm cụ thể theo quy định của Trung ương. Từ khi có những nghị quyết cho đến nay, công tác quản lý cán bộ đã tiến bộ một bước, đảm bảo Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện và tập trung thống nhất. Trách nhiệm của các cấp, các ngành được nâng lên một bước, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số được trưởng thành, đội ngũ cán bộ nơi khác đến đã phát huy vai trò tích cực trên mọi lĩnh vực hoạt động; công tác quản lý cá nhân cán bộ có nhiều tiến bộ hơn trước; công

tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ đã được đẩy mạnh. Việc cất nhắc đề bạt cán bộ đã được chú ý; việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ nói chung có nhiều tiến bộ. Chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc vận dụng thực hiện đường lối và chính sách cán bộ của Đảng; tỷ lệ thành phần giai cấp cơ bản và cấu tạo các mặt của đội ngũ cán bộ đã được tăng cường một bước. Những chuyển biến kết quả mới về việc cải tiến quản lý công tác cán bộ đã tạo cơ sở bước đầu, để đưa công tác quản lý cán bộ đi dần vào nền nếp; đồng thời đã đóng góp tích cực vào việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trong những năm qua.

Song, bên cạnh những mặt tiến bộ nói trên, việc tổ chức, cải tiến công tác quản lý cán bộ còn có những mặt yếu và tồn tại cần được khắc phục như:

- Công tác quản lý cán bộ cũng như việc thường xuyên chăm lo cải tiến công tác quản lý cán bộ của các cấp, các ngành chưa thật sự được coi trọng đúng mức. Có lúc, có trường hợp còn biểu hiện tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, hẹp hòi, trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt cán bộ.

- Công tác quản lý cán bộ chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của đội ngũ cán bộ và yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Phương pháp quản lý cán bộ nói chung còn nhiều lúng túng, chưa chú ý đi sâu phân tích về tình hình, đặc điểm, về sự hình thành cấu tạo và những mặt mạnh, mặt yếu, về khả năng trình độ của đội ngũ cán bộ để có phương hướng chỉ đạo cho sát. Việc quản lý cá nhân cán bộ còn nhiều thiếu sót, chưa kết hợp được chặt chẽ giữa ba mặt: quá khứ, hiện tại, triển vọng của mỗi cán bộ để vận dụng thực hiện đường lối, chính sách cán bộ được tốt, công tác quản lý hồ sơ và nhận xét định kỳ hằng năm chưa thực hiện được đầy đủ, do đó việc nhận xét, đánh giá cán bộ còn thiếu sâu sắc.

- Trong quá trình vận dụng thực hiện đường lối, chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước còn có nhiều biểu hiện tình trạng chắp vá, bị động, có trường hợp giải quyết chưa tốt, chưa thỏa

đáng, do đó ít nhiều có ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm và sự đoàn kết nhất trí trong đội ngũ cán bộ.

- Về phạm vi, đối tượng phân cấp quản lý cán bộ và trong quy định trước đây, nay có những điểm không còn phù hợp với tình hình mới, cần được bổ sung cho thật cụ thể hơn. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên này đã tăng gần gấp ba lần, riêng diện cán bộ thuộc tỉnh quản lý tăng quá ba lần so với thời gian ra Nghị quyết 14. Vì vậy, diện cán bộ quản lý của tỉnh cũng như các ngành, các huyện, thị đều tăng hơn trước.

- Về bộ máy giúp việc cấp ủy làm công tác tổ chức quản lý cán bộ từ tỉnh đến cơ sở còn yếu, cần phải được kiện toàn, chưa thể hiện được tính chất chuyên môn hóa, hiện tượng thay đổi luôn những cán bộ tổ chức khá phổ biến, cũng có một vài nơi thiếu sự cân nhắc kỹ, nên bố trí cán bộ tổ chức không đảm bảo tiêu chuẩn. Trình độ nghiệp vụ về công tác quản lý cán bộ chưa được chú ý bồi dưỡng đúng mức, phần lớn còn tùy theo kinh nghiệm của các nơi mà làm một cách đơn giản, tùy tiện, không thống nhất. Nhiệm vụ của công việc làm công tác trong ngành tổ chức cũng chưa phối kết hợp chặt chẽ. Các bộ phận tổ chức giúp các cấp ủy làm công tác quản lý cán bộ nói chung chưa phát huy được tốt chức năng tham mưu của mình, chưa thật nhạy bén với tình hình, nhiệm vụ chính trị khi thay đổi, do đó có lúc, có việc không đáp ứng được kịp thời.

Những thiếu sót và tồn tại trên đây, một phần là do yêu cầu tình hình nhiệm vụ chính trị của Đảng ta không ngừng phát triển đội ngũ cán bộ cũng tăng lên gấp đôi, từ năm 1965 đến nay đã hai lần chuyển hướng hoạt động kinh tế, địa phương ta lại là một tỉnh miền núi có nhiều dân tộc, cơ sở đảng còn ít và yếu, sự hình thành và cấu tạo đội ngũ cán bộ có nhiều điểm khác của tỉnh miền xuôi, do đó trong công tác quản lý cán bộ còn có thêm những khó khăn khác. Nhưng chủ yếu là do các cấp, các ngành chưa quán triệt đầy đủ về tính chất trọng yếu của công tác cán bộ, để chú ý quan tâm lãnh đạo chặt chẽ, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của

mình. Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các bộ phận tổ chức các cấp, các ngành nói chung chưa làm đầy đủ được chức năng tham mưu của mình, tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, hẹp hòi, ngại khó, đơn giản và tùy tiện trong quá trình thực hiện còn khá phổ biến, tư tưởng bản vị, cục bộ cũng còn thể hiện ở một số nơi, công tác sơ kết đúc rút kinh nghiệm chưa được chú ý đúng mức.

Để nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đề ra, để nhằm đưa công tác quản lý cán bộ đi vào nền nếp, phát huy mạnh mẽ hơn nữa trí tuệ và khả năng cách mạng to lớn của đông đảo đội ngũ cán bộ, công nhân viên để phục vụ cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng phát triển kinh tế ở tỉnh ta, để nhằm khắc phục được những thiếu sót tồn tại hiện nay, căn cứ vào những nguyên tắc quy định của Trung ương và căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh ta, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đề ra những vấn đề cơ bản và công tác quản lý cán bộ như sau:

II. NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TÁC CÁN BỘ

A. NỘI DUNG, YÊU CẦU CHUNG

1. Phải đảm bảo thực hiện được tốt hơn những nguyên tắc cơ bản Đảng thống nhất lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện về toàn bộ công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm và công tác chung của các tổ chức cơ quan nhà nước, của các tổ chức quần chúng trong việc thực hiện công tác cán bộ. Những vấn đề lớn có tính chất chung và có quan hệ đến tình hình đội ngũ cán bộ trong tỉnh như: việc chỉ đạo vận dụng thực hiện đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, việc điều động, bổ sung cho trên hoặc khu vực này sang khu vực khác, hoặc huy động cán bộ đi phục vụ công tác trung tâm của tỉnh khi cấp thiết, v.v. đều phải tập trung vào sự chỉ đạo và hướng dẫn của tỉnh.

2. Quy định được rõ phạm vi, quyền hạn quản lý và mối quan hệ giữa các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở, giữa tổ chức đảng với các tổ chức cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện quản lý công tác cán bộ, vừa đảm bảo sự lãnh đạo chặt chẽ và tập trung thống nhất của Tỉnh ủy, vừa mở rộng thực hiện quyền hạn, phát huy tính tích cực, chủ động và tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy, của các Ban, các Đảng đoàn, các cơ quan nhà nước và các tổ chức quần chúng, tránh tình trạng không sâu, không sát, đồng thời tránh hiện tượng phân tán và tư tưởng bản vị, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Trên cơ sở đó mà xác định được rõ chế độ trách nhiệm của tổ chức đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng ở mỗi cấp trong công tác cán bộ, theo nguyên tắc đã được phân cấp quản lý thì phải phụ trách đầy đủ, có thiếu sót, sai lầm thì phải chịu trách nhiệm.

3. Tăng cường được việc quản lý đội ngũ cán bộ và cá nhân cán bộ, để thấy được mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ cán bộ và hiểu rõ được từng người cán bộ một cách toàn diện, mà có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đề bạt hay điều động, khen thưởng, kỷ luật, v.v. cho đúng với đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, nhằm phát huy được khả năng của mỗi người, đảm bảo hướng chuyên môn hóa cán bộ. Thực hiện nguyên tắc mỗi cán bộ, công nhân viên đều được một tập thể của tổ chức đảng quản lý. Nâng cao được ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần yên tâm phấn khởi công tác cho mọi người. Nâng cao tính Đảng, tính giai cấp trong công tác cán bộ. Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng đề phòng âm mưu thủ đoạn của địch để bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ. Công tác quản lý đội ngũ cán bộ và cá nhân cán bộ, chẳng những nhằm để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị trước mắt, mà còn có quan hệ đến việc xây dựng Đảng, đến việc xây dựng lực lượng nòng cốt cho nhiệm vụ cách mạng sau này.

Do sự cấu tạo hình thành của đội ngũ cán bộ và yêu cầu công tác của mỗi cấp, mỗi ngành, nên việc sắp xếp bố trí phải đảm bảo

cân đối lực lượng các loại cán bộ. Mặt khác còn phải căn cứ vào tình hình phân cấp quản lý kinh tế, quản lý nghiệp vụ chuyên môn, căn cứ vào diện cán bộ nhiều hay ít và khả năng cụ thể của từng đơn vị mà phân cấp quản lý cán bộ cho phù hợp. Vì vậy ở tỉnh cũng như ở các huyện, thị, các ngành và các cơ sở đều có hai nhiệm vụ quản lý công tác cán bộ: Một là trực tiếp quản lý những loại cán bộ đã được phân cấp; hai là cộng quản những loại cán bộ mà cấp ủy cấp trên hoặc các ngành dọc cấp trên trực tiếp quản lý đang công tác ở đơn vị mình. Giữa trực tiếp quản lý và cộng quản lý thì trực tiếp quản có trách nhiệm là chính. Diện cán bộ thuộc đơn vị nào trực tiếp quản lý, thì đơn vị đó có trách nhiệm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, cất nhắc và giải quyết các vấn đề về chính sách, chế độ cho cán bộ đó.

4. Ở cấp tỉnh, trên cơ sở thống nhất quản lý cán bộ vào Ban Tỉnh ủy. Tập thể Ban Tỉnh ủy giải quyết đến mức độ nhất định, còn ủy quyền cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết, sau đó sẽ có định kỳ báo cáo lại với Ban Chấp hành. Để giúp cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm chắc được tình hình chung lãnh đạo được chặt chẽ, giải quyết những vấn đề cụ thể được tốt, các Ban của Đảng và các Đảng đoàn phải phát huy chức năng tham mưu và làm đầy đủ trách nhiệm của mình giúp cấp ủy trong công tác quản lý cán bộ. Ban Tổ chức Tỉnh ủy phải thể hiện được vị trí trung tâm trong mối quan hệ và sự phối kết hợp giữa các Ban, các Đảng đoàn để giúp Tỉnh ủy quản lý công tác cán bộ được tốt.

Để đảm bảo được yêu cầu trên, các cấp, các ngành cần phải quán triệt những vấn đề về nguyên tắc quản lý cán bộ sau đây:

Nguyên tắc cao nhất của việc quản lý công tác cán bộ là Đảng thống nhất quản lý công tác cán bộ một cách toàn diện bao gồm quản lý về mặt đường lối, chính sách, quản lý đội ngũ cán bộ nói chung và quản lý cá nhân từng cán bộ kể cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng. Việc tổ chức quản lý công tác cán bộ phải dựa trên nguyên tắc tập thể quản lý cán bộ, để đảm bảo nguyên tắc Đảng

thống nhất quản lý công tác cán bộ. Ban Tổ chức Tỉnh ủy là cơ quan trung tâm phối hợp với các Ban của Đảng để giúp Tỉnh ủy thống nhất quản lý công tác cán bộ.

Nguyên tắc cơ bản nói trên thể hiện ở những nguyên tắc cụ thể dưới đây:

1. Tất cả mọi vấn đề có quan hệ đến đường lối, phương châm, phương hướng, chính sách và chế độ chung về cán bộ đều phải do Tỉnh ủy quyết định. Tỉnh ủy thống nhất quản lý toàn thể đội ngũ cán bộ và giữ quyền tối hậu quyết định mọi việc bất cứ lúc nào khi cần thiết. Tất cả các cấp và các ngành đều phải tuyệt đối phục tùng.

2. Trên cơ sở thống nhất vào Tỉnh ủy, căn cứ vào quy định của Điều lệ Đảng và tùy theo phạm vi lãnh đạo và quyền hạn được phân cấp quản lý về các mặt công tác của các huyện, thị, các ngành, Tỉnh ủy sẽ phân cho các huyện, Thị ủy và các Ban, các Đảng đoàn quản lý công tác cán bộ (bao gồm quản lý về mặt chấp hành và đề đạt ý kiến về các vấn đề đường lối, chính sách phương châm, phương hướng, chế độ, thể lệ công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ và cá nhân cán bộ) trong phạm vi huyện, thị và các ngành. Tùy phạm vi địa phương hay đơn vị mình mà các huyện, thị, các ngành tổ chức quản lý cho tốt.

Những ngành đông cán bộ, công nhân viên như: Thương nghiệp, Công nghiệp, Giao thông, Kiến trúc, Lâm nghiệp, Y tế... có thể ủy nhiệm cho các công ty, xí nghiệp... quản lý một số nhân viên, nhưng phải có quy định cụ thể và chặt chẽ (các trường hợp tuyển dụng, cho thôi hoặc buộc thôi việc thì phải theo đúng nguyên tắc và quy định của Nhà nước, trước khi quyết định phải được Ủy ban hành chính tỉnh chuẩn y, nếu là cơ quan bên Đảng thì phải được Thường trực Tỉnh ủy chuẩn y).

3. Ở tỉnh, trên cơ sở thống nhất quản lý vào Tỉnh ủy, Tỉnh ủy ủy quyền cho tổ chức đảng có trách nhiệm (các Ban, các Đảng đoàn) trong các cơ quan của Đảng, của Nhà nước và đoàn thể quần

chúng làm công tác quản lý cán bộ trong phạm vi được Tỉnh ủy ủy quyền. Việc ủy quyền này sẽ căn cứ vào quyền hạn được phân cấp quản lý về mặt chính quyền, vào khả năng của từng cơ quan, vào tính chất công tác của từng cơ quan, từng ngành để quy định.

4. Đối với việc quản lý cá nhân cán bộ, phạm vi tỉnh phân cấp các huyện, thị và các tổ chức đảng ở các cơ quan xung quanh tỉnh là nhằm theo nguyên tắc: Trên cơ sở tôn trọng đầy đủ sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Tỉnh ủy trong phạm vi toàn tỉnh và sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của các huyện, Thị ủy trong phạm vi địa phương, đảm bảo được việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các ngành. Trong khi giải quyết các mặt công tác cụ thể như: Điều động, đề bạt, cách chức, v.v. phải có sự bàn bạc giữa các ngành, các cấp có liên quan và quyết định phải theo đúng những nguyên tắc và quy định cụ thể của Tỉnh ủy.

Nội dung quản lý cá nhân cán bộ bao gồm các mặt theo dõi, tìm hiểu, nhận xét kiểm tra công tác, giáo dục, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt, điều động, thi hành các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ... Mỗi cán bộ đều phải do tổ chức có trách nhiệm của Đảng quản lý.

Vì số lượng cán bộ có nhiều, nên Tỉnh ủy chỉ trực tiếp quản lý một số cán bộ chủ chốt công tác ở huyện, thị và các ngành. Diện tỉnh trực tiếp quản lý sẽ căn cứ vào chức vụ hiện nay và tính chất công tác trọng yếu của cán bộ để quy định. Đối với những mặt công tác có ảnh hưởng đến sinh mệnh chính trị của cán bộ như: bắt giam (trừ trường hợp phạm pháp quả tang có tính chất nghiêm trọng) quyết định có vấn đề chính trị, v.v. thì vẫn tập trung vào quyền của Tỉnh ủy.

5. Nói Đảng thống nhất quản lý công tác cán bộ không có nghĩa là Nhà nước không làm công tác cán bộ. Ủy ban hành chính và các cơ quan nhà nước căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng, căn cứ vào các mặt công tác của ngành mình và quyết định của Đảng và các cơ quan ngành dọc cấp trên mà tổ chức thực hiện

đào tạo, bồi dưỡng... cán bộ. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cũng có trách nhiệm tìm hiểu, bồi dưỡng, giáo dục và sử dụng tốt cán bộ trong phạm vi mình phụ trách và có quyền đề đạt, phát biểu ý kiến của mình với tổ chức đảng trong phạm vi cơ quan của mình, thủ trưởng cơ quan đương nhiên có quyền phân công công tác cho cán bộ, sử dụng mọi cán bộ để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch nhà nước đã giao. Vì vậy, khi thực hiện công tác cán bộ, mặc dù do tổ chức đảng quyết định, nhưng về mặt chính quyền thì phải theo đúng nguyên tắc và quy định của pháp luật Nhà nước và thể lệ chính quyền. Đối với cán bộ công tác trong các tổ chức quần chúng công tác cán bộ cũng cần tiến hành theo đúng thủ tục quy định trong Điều lệ của tổ chức quần chúng.

B. NỘI DUNG YÊU CẦU CỤ THỂ

Quy định, phạm vi đối tượng phân cấp quản lý như sau:

1. Tỉnh ủy

a) Quản lý chung đội ngũ cán bộ, công nhân viên nhằm đạt được những yêu cầu sau đây:

Phân tích được tình hình đặc điểm, và sự hình thành cấu tạo của đội ngũ cán bộ như: Nam, nữ, dân tộc thiểu số, cũ, mới, già, trẻ, miền Nam, bộ đội chuyển ngành, v.v.. Phân tích tình hình phân bố lực lượng cán bộ giữa các cấp: tỉnh, huyện, thị và cơ sở, giữa các ngành, các khối, công, nông, lâm nghiệp, tài chính thương nghiệp, nội chính, văn hóa - xã hội và Dân - Đảng. Phân tích được sức mạnh, yếu trên các mặt của đội ngũ cán bộ về quan điểm lập trường, tư tưởng, tác phong, phẩm chất, đạo đức cách mạng, năng lực, trình độ về chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn. Phân tích việc thực hiện đường lối, chính sách cán bộ của Đảng trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt, chính sách đãi ngộ, tình hình sức khỏe và đời sống cán bộ.

Từ phân tích những tình hình trên đây, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài mà lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng kịp thời cho nhiệm vụ chính trị của Đảng ở mỗi thời kỳ, trước mắt là nhằm đảm bảo hoàn thành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

b) Diện quản lý cá nhân cán bộ:

Căn cứ vào yêu cầu chung và tình hình đội ngũ cán bộ của tỉnh ta hiện nay, Tỉnh ủy trực tiếp quản lý cá nhân cán bộ gồm các loại như sau:

Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh; Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trưởng, phó ban, ủy viên Ban của Đảng (kể cả các chức vụ tương đương).

Trưởng, phó ty và ngành ngang ty. Trưởng, phó ban và ủy viên Ban trực thuộc Ủy ban hành chính tỉnh.

Trưởng, phó phòng và chức vụ tương đương phòng ở các ty và ngành ngang ty.

Chánh, phó giám đốc các xí nghiệp công, nông, lâm trường thuộc địa phương quản lý.

Quản đốc, phó quản đốc nơi chưa lập giám đốc trực thuộc ty.

Hiệu trưởng, hiệu phó các trường cấp III, sư phạm cấp II, bổ túc công nông và các trường trung cấp chuyên nghiệp.

Ban Thường vụ (hay thường trực) của các đoàn thể quần chúng tỉnh.

Ban Chấp hành các huyện, thị, Đảng ủy và chi bộ trực thuộc tỉnh.

Chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên thư ký của Ủy ban hành chính huyện, thị.

Các trưởng, phó phòng, ban huyện, thị.

Các bác sĩ, kỹ sư và cán bộ tốt nghiệp đại học từ bậc 2 trở lên.

Cán sự 3 trở lên. Đối với cán bộ người dân tộc thì quản lý đến cán sự 2 trở lên.

Anh hùng Lao động.

Riêng những cán bộ đã kết luận có vấn đề lịch sử chính trị tỉnh quản lý việc sử dụng và đề bạt đến cán sự 1, 2 và các trưởng, phó phòng các huyện, thị và công ty trở lên.

Ngoài diện cán bộ tỉnh trực tiếp quản lý nói trên, còn các loại cán bộ khác công tác ở đơn vị nào do đơn vị đó trực tiếp quản lý.

Diện tỉnh cộng quản với Trung ương:

Các ủy viên trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Chánh, phó giám đốc các xí nghiệp Trung ương đóng tại địa phương mà tổ chức đảng ở đó trực thuộc Đảng bộ tỉnh.

Ngoài ra tỉnh còn quản lý theo danh sách một số loại cán bộ sau đây:

Trưởng, phó phòng ở các công ty và chức vụ tương đương.

Quản đốc ở các xí nghiệp nơi lập giám đốc thuộc địa phương quản lý.

Ủy viên, Ủy ban hành chính, huyện, thị.

Cán sự 2.

Chiến sĩ thi đua.

Để giải quyết được nhanh chóng, kịp thời những vấn đề cụ thể, về công tác cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý, Tỉnh ủy quy định như sau:

Việc điều động, đề bạt, phân công... các đồng chí Tỉnh ủy viên thì do tập thể Ban Tỉnh ủy quyết định theo phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình đã được quy định.

- Tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt và quyết định các vấn đề, sắp xếp, bố trí công tác, điều động, và giải quyết các chính sách, chế độ đối với những cán bộ sau đây:

+ Trưởng, phó ban, trưởng phó ty và ngành ngang ty.

+ Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch các huyện, thị và cán sự 5 trở lên.

Ngoài các chức vụ nói trên, còn các loại cán bộ khác thuộc diện tỉnh quản, Ban Chấp hành ủy quyền cho bộ phận Thường trực Đảng cùng đồng chí Thường vụ Trưởng ban Tổ chức và khi xét cán bộ thuộc

khối nào thì đồng chí Thường vụ thuộc khối đó cùng tham gia quyết định, sau khi giải quyết sẽ báo cáo lại với Ban Thường vụ.

2. Các ngành xung quanh tỉnh

a) Về tổ chức:

Để thống nhất về mặt tổ chức và có điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo đối với những ngành mà Đảng bộ ở đó không lãnh đạo toàn diện, Tỉnh ủy quyết định bỏ hình thức “Tiểu ban quản lý cán bộ” mà thống nhất thành lập các Đảng đoàn chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy cả hai mặt: công tác chuyên môn và công tác cán bộ.

b) Nhiệm vụ của các Ban, các Đảng đoàn và Đảng ủy lãnh đạo toàn diện trong công tác quản lý cán bộ là:

- Trực tiếp quản lý diện cán bộ, công nhân viên đã được tỉnh phân cấp (ngoài diện tỉnh quản).

- Đối với những ngành chuyên môn đã phân cấp về huyện, thị thì những cán bộ, công nhân viên do huyện, thị, có trách nhiệm trực tiếp quản lý, ngành dọc cộng quản. Ngành nào chưa phân cấp chuyên môn về huyện, thị thì do ngành dọc ở tỉnh có trách nhiệm trực tiếp quản lý, còn huyện, thị cộng quản.

- Cộng quản với tỉnh những loại cán bộ tỉnh trực tiếp quản lý đang công tác ở đơn vị mình.

c) Về quyền hạn:

- Đối với những chức vụ và những diện cán bộ đã được tỉnh phân cấp cho các Ban, các Đảng đoàn trực tiếp quản lý thì nói chung được quyền giải quyết tất cả các vấn đề về đạo tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt, thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ.

- Đối với những cán bộ cộng quản với tỉnh thì có nhiệm vụ: Đề xuất ý kiến với tỉnh trong việc sắp xếp, bố trí công tác cho phù hợp, đề nghị sử dụng, đề bạt khi cần thiết và đề nghị tỉnh giải quyết những vấn đề thuộc về chính sách, chế độ cán bộ. Nhận xét ưu khuyết điểm định kỳ công tác hằng năm báo cáo lên tỉnh.

Trong khi thực hiện, sau khi tổ chức đảng đã quyết định nhưng về mặt Nhà nước và đoàn thể quần chúng vẫn phải làm đầy đủ thủ tục theo quy chế hiện hành.

3. Các huyện, thị

Đơn vị huyện, thị là một cấp bộ của Đảng có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của một địa phương. Công tác quản lý cán bộ cũng phải tập trung thống nhất vào các Ban huyện, Thị ủy đồng thời vẫn đảm bảo vị trí chức năng của các cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện công tác cán bộ. Các huyện, thị không tổ chức phân cấp cho các ngành xung quanh huyện, thị quản lý một nấc nữa, nhưng vẫn phải phát huy chức năng của các ban, các Đảng đoàn giúp cho huyện, Thị ủy quản lý cán bộ được tốt.

a) Diện cán bộ các huyện, thị trực tiếp quản lý gồm:

- Tất cả các cán bộ, công nhân viên trong biên chế thuộc các ngành xung quanh huyện, thị (trừ diện cán bộ tỉnh quản và ngành dọc quản).

- Hội đồng nhân dân huyện, thị và ủy viên Ủy ban hành chính huyện, thị.

- Ban Chấp hành các đoàn thể quần chúng huyện, thị.

Trực tiếp quản lý một số cán bộ ở cơ sở sau đây:

Ban Chấp hành Đảng ủy, Chi ủy xã, thị trấn, khu phố.

Trưởng các Ban, ngành và ủy viên Ủy ban hành chính xã, thị trấn, khu phố.

Chủ nhiệm các hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Các đảng viên và cán bộ xã, thị trấn, khu phố có vấn đề lịch sử chính trị đã được kết luận để xét việc sử dụng và đề bạt cho đúng đường lối, chính sách.

b) Có trách nhiệm cộng quản những loại cán bộ thuộc tỉnh ủy và ngành dọc cấp trên trực tiếp quản lý công tác ở địa phương.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Đối với diện cán bộ thuộc các huyện, thị trực tiếp quản lý thì

nói chung được quyền giải quyết các vấn đề về: Đào tạo bồi dưỡng, đề bạt và các chính sách, chế độ đối với cán bộ đó.

- Đối với diện cán bộ cộng quản với tỉnh và ngành dọc, các huyện, thị có nhiệm vụ kiểm tra, theo dõi, báo cáo và đề nghị lên tỉnh, và trao đổi ngành dọc để giải quyết các vấn đề về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt và thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ đó.

Trong khi thực hiện, nếu những cán bộ thuộc cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng sau khi Đảng đã quyết định thì phải hợp thức về giấy tờ theo đúng thể lệ, quy chế Nhà nước và tổ chức quần chúng.

4. Đối với Đảng đoàn chính quyền, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các Ban: Tuyên giáo, Nông nghiệp, Công nghiệp, Tài chính - thương nghiệp của Đảng

a) Đảng đoàn chính quyền tỉnh

Trong nghị quyết của Ban Bí thư về công tác quản lý cán bộ có nói: Đảng thống nhất quản lý công tác cán bộ không có nghĩa là Nhà nước không làm công tác cán bộ. Các cơ quan, các ngành căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng, căn cứ vào nhu cầu công tác của ngành mình và quyết định của cấp ủy Đảng hoặc cơ quan nhà nước cấp trên, v.v. mà tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng... cán bộ, Nhà nước còn có trách nhiệm đem đường lối, chính sách cán bộ của Đảng biến thành những quy định, chế độ, thể lệ của Nhà nước để thi hành. Vì vậy, đối với cán bộ ở trong Đảng hoặc ngoài Đảng công tác ở cơ quan nhà nước việc bổ nhiệm, đề bạt, thi hành kỷ luật, tuyển lựa, điều động, v.v. mặc dù có tổ chức đảng quyết định, nhưng khi tiến hành về mặt chính quyền thì phải theo đúng nguyên tắc và quy định của pháp luật Nhà nước và thể lệ của chính quyền.

Vì vậy, Đảng đoàn chính quyền tỉnh có nhiệm vụ:

- Cùng với các ban: Tổ chức, Tuyên giáo, Nông nghiệp, Công nghiệp, Tài chính - thương nghiệp của Đảng, giúp cho Tỉnh ủy quản lý diện cán bộ tỉnh quản công tác ở các cơ quan nhà nước.

- Căn cứ vào những quyết định của Tỉnh ủy về công tác cán bộ mà lãnh đạo Ủy ban hành chính tỉnh thực hiện đúng đường lối, chính sách cán bộ của Đảng và pháp luật, thể lệ Nhà nước theo quy chế hiện hành.

Những quy định trên đây chỉ mới nêu được một số vấn đề công tác quản lý cán bộ, Đảng đoàn chính quyền tỉnh còn phải lãnh đạo Ủy ban hành chính có trách nhiệm giải quyết những việc cụ thể như: Cán bộ về hưu trí, mất sức, kiểm tra việc chiêu sinh và tuyển lựa người vào cơ quan, quản lý việc thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình có người đi công tác B.C.K... thì vẫn theo như quy định hiện hành.

Đảng đoàn chính quyền và Ủy ban hành chính sẽ căn cứ vào tình hình cụ thể mà quy định sự ủy nhiệm cho Ban Tổ chức chính quyền giải quyết giúp một số việc.

b) Các Ban: Tuyên giáo, Nông nghiệp, Công nghiệp, Tài chính - thương nghiệp

Để nhằm đạt được yêu cầu công tác quản lý cán bộ phải gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng và sát hợp với nhiệm vụ cụ thể của mỗi cán bộ, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho các Ban, tuyên giáo, Nông nghiệp, Công nghiệp, Tài chính - thương nghiệp cùng tham gia với Đảng đoàn chính quyền tỉnh, với Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy theo dõi quản lý diện cán bộ tỉnh quản thuộc cơ quan mình và khối mình theo dõi.

Nhiệm vụ cụ thể là:

- Cùng với Đảng đoàn chính quyền, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham gia nhận xét và đề xuất ý kiến với Tỉnh ủy về công tác cán bộ thuộc khối mình theo dõi, nhất là về năng lực đảm nhiệm công tác chuyên môn và cân đối điều hòa tương quan lực lượng cán bộ trong khối.

Riêng Ban Tuyên giáo (Bộ phận Khoa giáo) còn có nhiệm vụ đi sâu giúp Tỉnh ủy nghiên cứu, theo dõi, quản lý đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật.

Ban Dân tộc có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy theo dõi, đề xuất ý kiến đối với đội ngũ cán bộ dân tộc.

c) Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Do chức năng nhiệm vụ chuyên môn đã được cấp ủy giao làm tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ. Về phạm vi trách nhiệm giúp Tỉnh ủy có nhiều vấn đề. Riêng về việc giúp Tỉnh ủy làm công tác quản lý cán bộ có những nhiệm vụ chính.

- Làm nhiệm vụ tham mưu nghiên cứu cho Tỉnh ủy tiến hành tổ chức quản lý toàn bộ đội ngũ cán bộ trong tỉnh nói chung và diện cán bộ thuộc tỉnh quản lý nói riêng.

- Làm nhiệm vụ trung tâm trong mối quan hệ và sự phối hợp, kết hợp công tác cán bộ giữa các Ban, các Đảng đoàn và các cấp ủy dưới để giúp Tỉnh ủy quản lý toàn bộ công tác cán bộ được tốt, tham gia ý kiến với các Ban, các Đảng đoàn, các cấp ủy dưới về công tác cán bộ khi cần thiết.

- Có kế hoạch hướng dẫn và kiểm tra, theo dõi việc thực hiện, đúc rút kinh nghiệm, đề xuất với cấp ủy uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc hay bổ sung vấn đề mới.

5. Một số vấn đề có quan hệ đến tình hình chung

Để giữ được mối quan hệ và sự tương quan chung giữa các cấp, các ngành, Tỉnh ủy quy định một số vấn đề sau đây:

- Việc tuyển dụng người mới vào cơ quan phải theo đúng nguyên tắc và quy chế hiện hành, đúng chỉ tiêu biên chế đã được duyệt.

- Việc giải quyết cho cán bộ, công nhân viên chuyển vùng về các tỉnh khác, các huyện, thị và các ngành phải báo cáo tỉnh giải quyết. Việc xét khen thưởng, kỷ luật toàn bộ vẫn thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Đảng, Điều lệ của các đoàn thể quần chúng.

- Đối với diện cán bộ tỉnh quản theo danh sách, mỗi khi các huyện, và các ngành giải quyết việc sử dụng, đề bạt, nâng lương hay kỷ luật thì báo cáo cho tỉnh biết để theo dõi.

- Về sự quan hệ giữa các huyện, thị và các ngành chuyên môn ở tỉnh, tuy đơn vị nào trực tiếp quản lý cán bộ thì đơn vị đó có trách nhiệm là chính, nhưng để đảm bảo được tương quan chung của phong trào và thực hiện chuyên môn hóa cán bộ, cho nên đơn vị trực tiếp quản lý trước khi quyết định cần phải trao đổi thống nhất với đơn vị cộng quản.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Để đảm bảo thực hiện tốt nghị quyết này, Tỉnh ủy đề ra một số vấn đề sau đây:

1. Các cấp ủy, các Ban, các Đảng đoàn phải tổ chức nghiên cứu, thảo luận quán triệt nội dung yêu cầu và những quy định cụ thể đã ghi trong nghị quyết. Từ đó mà liên hệ kiểm điểm việc làm từ trước đến nay, tìm ra những khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân để bàn kế hoạch khắc phục. Xác định rõ trách nhiệm của mình trong công tác quản lý cán bộ. Cần phải làm rõ công tác cán bộ để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình.

2. Phải thực hiện đầy đủ công tác nhận xét định kỳ hằng năm, để nắm được chắc khả năng công tác của mỗi cán bộ mà có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, sử dụng, cất nhắc cho đúng đường lối, chính sách, có tác dụng thực tế phong trào, chấn chỉnh công tác quản lý hồ sơ ở các cấp đi vào nền nếp, các cấp, các ngành tiến hành lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cấp mình, ngành mình trong vòng 3 năm đến 5 năm.

3. Các cấp các ngành khẩn trương kiện toàn bộ phận tổ chức cán bộ, đảm bảo cả hai mặt: Số lượng cần thiết và chất lượng, thực hiện yêu cầu chuyên môn hóa cán bộ, tạo điều kiện cho bộ phận tổ chức cán bộ làm được tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ vào những quy định này mà hướng dẫn chi tiết thêm những vấn đề cần thiết cho các cấp, các ngành thực hiện, nhất là về mặt quan hệ, lề lối làm việc và nội dung phương pháp quản lý cán bộ.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề mâu thuẫn, vướng mắc, các cấp ủy, các Ban, các Đảng đoàn cần phát hiện và đề xuất ý kiến với Tỉnh ủy giải quyết kịp thời.

Vấn đề tổ chức quản lý công tác cán bộ là một nhiệm vụ rất cơ bản trong công tác cán bộ, có thực hiện được tốt nội quy yêu cầu của công tác quản lý cán bộ thì mới có thể thực hiện được tốt các công tác cán bộ khác. Công tác quản lý cán bộ vốn là việc có nhiều khó khăn, kinh nghiệm trong vấn đề này còn ít, cho nên cần phải có sự quan tâm lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, phải có sự tích lũy kinh nghiệm về mặt chuyên môn, phải đề cao tính Đảng, tính giai cấp trong công tác cán bộ, khắc phục tư tưởng chủ quan, ngại khó, đơn giản và tùy tiện thiếu đi sâu kiểm tra nghiên cứu, tách rời công tác cán bộ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Các cấp, các ngành nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết này để đưa công tác quản lý cán bộ đi vào nền nếp, nhằm đảm bảo hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 5-NQ/TU, ngày 1-3-1971

Về phương hướng nhiệm vụ năm 1971

Năm 1970, dưới ánh sáng của các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V, được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Bí thư Trung ương, cộng với tinh thần nỗ lực của các cấp, các ngành, toàn thể cán bộ, đảng viên và quân dân trong tỉnh nên mọi mặt công tác của tỉnh ta đã giành được thắng lợi to lớn, tương đối toàn diện và chưa từng có, có những mặt tiến bộ hơn năm 1969. Tuy nhiên, trên từng mặt vẫn tồn tại những nhược điểm, thiếu sót, chưa đáp ứng tình hình, nhiệm vụ ngày càng đòi hỏi phải vươn lên hơn nữa. Có mặt, có ngành, có nơi còn chuyển biến chậm, phong trào tiến bộ chưa thật đều khắp, mạnh mẽ, vững chắc.

Sang năm 1971, năm đầu của kế hoạch nhà nước 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, cuộc kháng chiến chống Mỹ ngày càng thắng lợi lớn, nhưng còn phải trải qua gay go, quyết liệt để đi đến thắng lợi cuối cùng. Đối với trong tỉnh, năm 1971 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, góp phần chi viện tiền tuyến lớn miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế, bảo vệ miền Bắc, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống nhân dân các dân tộc.

Trước tình hình và yêu cầu của cách mạng cả nước và của địa phương như trên, cần tích cực phát huy thắng lợi, kiên quyết khắc phục khó khăn, nhược điểm, khuyết điểm, thực hiện phương hướng, nhiệm vụ chung của tỉnh trong năm 1971 là:

Trên cơ sở tiến hành vòng 2 cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương Đảng và Chính phủ, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V với tinh thần đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, ra sức xây dựng Đảng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao chất lượng đảng viên, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất và xây dựng cơ bản, nâng cao năng suất lao động, cải tiến công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật, tiếp tục đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng, nhằm đưa sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa địa phương tiến bước mạnh mẽ toàn diện, cân đối và vững chắc hơn, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần xứng đáng hơn nữa vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ chung trên đây, cần làm tốt các mặt công tác cụ thể như sau:

I. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO LAO ĐỘNG, SẢN XUẤT THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1971

Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1971 đã được ghi rõ trong Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 2-6-1970 của Tỉnh ủy. Để đảm bảo thắng lợi cho phương hướng nhiệm vụ đó, cần bám chắc mục tiêu 52.000 tấn lương thực trong nông nghiệp, 14 triệu đồng về xây dựng cơ bản, để xoay quanh vào đó mà tập trung mọi lực lượng và khả năng, nhất là khả năng lao động và tài nguyên địa phương để phấn đấu đạt bằng được mức đề ra một cách toàn diện, cân đối và vững chắc, nhằm đưa sản xuất nhỏ từng bước tiến lên nền sản xuất lớn trên cả ba thành phần kinh tế: quốc doanh,

hợp tác xã và phát triển kinh tế phụ gia đình xã viên một cách có hướng dẫn.

1. Về nông, lâm nghiệp

Hướng trọng tâm tập trung vẫn là phát triển lương thực, thực phẩm, đi đôi với lúa, ngô, phải phát triển cả màu (chú ý cả mặt chế biến màu), tích cực phát triển cây công nghiệp và phải phát triển mạnh chăn nuôi, nghề rừng, cân đối với trồng trọt và nhanh chóng trở thành ngành sản xuất chính ngang với trồng trọt. Ở tất cả các vùng (cao, giữa, thấp) đều phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ ruộng nước và nương đồi, đồng thời căn cứ vào khả năng và hoàn cảnh của từng địa phương mà đẩy mạnh việc làm ruộng, nương bậc thang và khai phục hoang thêm diện tích canh tác (chú trọng vùng cao). Phải tập trung đầu tư mọi mặt, nhất là có biện pháp tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện các chính sách, v.v. để đẩy thật mạnh các vùng sản xuất. Một số vùng và cây con cần tập trung phát triển mạnh trước mắt là vùng lúa mì, đậu tương, cây thuốc, thảo quả, chè, mía, hạt rau giống, khoai tây giống, chuối, dứa, rau xanh, vùng chăn nuôi lợn và trâu, bò, vùng rừng (chủ yếu là khoanh núi nuôi rừng, bảo vệ, tu bổ rừng một cách có quy hoạch và tích cực chống tệ chặt phá rừng làm nương bừa bãi).

Phương hướng chủ yếu đối với một số cây con cần tập trung phát triển lớn là lúa, ngô, khoai lang, sắn, trâu, bò, lợn. Ngoài ra, tùy theo phương hướng của từng vùng đã được xác định xã phát triển các cây con có ưu thế đem lại hiệu quả kinh tế lớn như chè, đậu tương, các cây thuốc, mía, chuối, dứa, ngựa, cá, ong, v.v.. Đối với khoai tây, trước mắt là phát triển vùng sản xuất lấy giống, còn các nơi khác cần qua thí điểm có kết luận chắc chắn rồi thì mới phát triển ra diện tích rộng. Trong cây thuốc, tập trung đầu tư vào cây tam thất và một vài cây quý để phát triển rộng ra cả quốc doanh, hợp tác xã và nhân dân đều trồng trong vùng tập trung do Nhà nước cấp giống và thu mua quản lý sản phẩm.

Về chăn nuôi, phải chú ý phát triển cả trong khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình, chú ý phát triển nuôi trâu, nuôi lợn lai kinh tế, tổ chức tốt trồng cỏ, trồng thức ăn và chăn dắt, chống thả rông và làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh. Ngoài việc phát triển chăn nuôi gia súc, cần đẩy mạnh việc chăn nuôi cá, ong, tầm ở những nơi có điều kiện.

Trong nghề rừng, đi đôi với khai thác, phải tập trung vào việc tu bổ rừng, khoanh núi nuôi rừng, phòng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng đỉnh đồi và ven đường cái lớn bằng các cây thích hợp để lấy gỗ, củi, lá lợp nhà (cây cọ), lấy dầu, cây ăn quả, v.v..

Về mặt xây dựng và phát triển các nông trường và lâm trường; cần được nhanh chóng ổn định về mọi mặt để phát triển sản xuất và kiên quyết quản lý theo chế độ hạch toán kinh tế và theo đúng phương hướng, nhiệm vụ sản xuất đã được xét duyệt.

Muốn thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, cần thực hiện tốt các biện pháp về kỹ thuật như thủy lợi, làm đất, chọn giống, phân bón, thời vụ, phòng trừ sâu bọ, dịch bệnh, v.v. và chú ý cải tạo nương đồi, kiến thiết đồng ruộng để định canh định cư. Phải tổ chức các đội chuyên làm phân, làm thủy lợi, giao thông, khai hoang, đội giống, chăn nuôi, nghề rừng trong từng hợp tác xã.

Đi đôi với sản xuất và để đảm bảo cho sản xuất phát triển đúng hướng, cần tiếp tục làm tốt cuộc vận động dân chủ, nâng cao chất lượng đảng viên và định canh định cư trong nông thôn (chú trọng vùng cao hơn nữa), ra sức củng cố và nâng cao công tác quản lý của các hợp tác xã (kể cả hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng), đưa tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã toàn tỉnh nói chung từ 85 đến 90%, thực hiện đúng Điều lệ hợp tác xã, phấn đấu căn bản không còn loại hợp tác xã quá kém và không có nội dung hợp tác xã.

2. Về công nghiệp và thủ công nghiệp

Tận dụng và phát huy khả năng hiện có của các cơ sở sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp. Hướng phát triển sản xuất năm 1971

phải nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của sản xuất và đời sống ngày càng tăng, đặc biệt phải phục vụ nông nghiệp (theo vùng) đầy đủ và kịp thời các khâu: nông cụ thường, nông cụ cải tiến, cơ khí nhỏ và phục vụ một phần về khai hoang và làm đất bằng cơ giới. Đi đôi với phục vụ nông nghiệp phải ra sức sản xuất chế biến các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đặc biệt là chế biến rau, màu (khoai, sắn) và hoa quả, đưa màu chế biến vào các bữa ăn, trước hết là quà bánh và ăn sáng.

Tích cực củng cố, chấn chỉnh các hợp tác xã thủ công nghiệp sẵn có, sắp xếp lại và khuyến khích phát triển các ngành nghề ở địa phương để khai thác, sử dụng tốt hơn nữa khả năng của thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, nhằm đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng.

Phải tích cực giải quyết cân đối và quản lý tốt các mặt trong công nghiệp như lao động, vật tư tiền vốn, nhất là về cung cấp nguyên vật liệu, về tiêu thụ sản phẩm và giá cả... kiên quyết thực hiện theo định mức và hạch toán kinh tế.

3. Về giao thông vận tải - bưu điện

Quản lý, bảo dưỡng tốt các tuyến đường cũ và hoàn thiện đường Lán Tây - Bắc Hà, tập trung làm cầu Bảo Nhai và khai thông các đường kinh tế, như: đường Bắc Hà - Si Ma Cai, Mường Khương - Pha Long, Sa Pa - Thanh Phú, Cam Đường - Phú Nhuận, củng cố đường Bát Xát - Mường Hum; đồng thời chú ý đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn và giải phóng đôi vai ở các xã vùng thấp và một số xã ở vùng cao có điều kiện.

Phải củng cố, xây dựng tốt các lực lượng vận tải, nhất là vận tải thô sơ để đảm bảo khối lượng vận tải năm 1971 tốt hơn nữa.

Tăng cường củng cố và mở rộng mạng lưới bưu điện đến các xã trọng điểm, các nông, lâm trường quốc doanh. Nâng cao hơn nữa chất lượng về các mặt phục vụ của công tác bưu điện.

4. Xây dựng cơ bản

Tập trung sức hoàn thành các công trình năm 1970 đang làm dở và đẩy mạnh thi công một số công trình mới, tập trung xây dựng cầu Bảo Nhai và chú trọng xây dựng gấp các chuồng trại, kho tàng và các công trình phục vụ sản xuất (chú trọng yêu cầu từng vùng sản xuất khác nhau), chế biến lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Cần thiết kế, xây dựng lắp ghép định hình một số khung nhà bằng xi măng đúc sẵn và bằng sắt thép để thay thế một phần gỗ trong xây dựng.

Để đảm bảo kế hoạch xây dựng cơ bản cần tăng cường và quản lý tốt các lực lượng xây dựng từ cơ sở đến tỉnh. Các hợp tác xã cần quản lý sử dụng tốt lao động, cố gắng dành độ 20-30% lao động để khai phá, xây dựng ruộng, nương bậc thang, xây dựng đồng ruộng, làm thủy lợi và các cơ sở vật chất - kỹ thuật khác của hợp tác xã.

5. Tài chính - thương nghiệp, giá cả

Cần hướng các hoạt động của các ngành Tài chính - thương nghiệp giá cả phát huy cao độ tác dụng "đòn bẩy kinh tế" để thúc đẩy sản xuất phát triển, phục vụ tốt hơn nữa phong trào lao động sản xuất và đời sống nhân dân. Phải chấn chỉnh lại lực lượng và tổ chức thực hiện tốt các khâu thu mua, phân phối, ổn định nghĩa vụ lương thực, thanh quyết toán trong các hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nghiệp. Cần đẩy mạnh khai thác và thu mua các loại hàng nông, lâm sản, công nghệ phẩm địa phương, đồng thời coi trọng đúng mức đối với việc thu mua các mặt hàng xuất khẩu. Trong phân phối cần làm tốt hơn nữa các khâu phục vụ đời sống quần chúng, đảm bảo cung cấp tốt các bữa ăn của cán bộ, công nhân viên, chú ý giải quyết tốt vấn đề củi đun cho các bếp ăn tập thể và gia đình ở khu vực thị xã, cơ quan, xí nghiệp. Cần củng cố tốt các hợp tác xã mua bán. Nghiên cứu và điều chỉnh một số giá cả chưa hợp lý, đồng thời quản lý tốt giá cả và thị trường tự do.

Trong thu, chi tài chính tiền tệ, chú ý phát triển các nguồn thu, chống thất thu, tiết kiệm chi, đảm bảo cân đối giữa thu và chi trên cơ sở đảm bảo phục vụ kịp thời cho việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao và phục vụ các vùng kinh tế phát triển.

6. Về văn giáo

Phải hướng vào làm tốt nhiệm vụ xây dựng tư tưởng mới, con người mới và nếp sống văn minh, phục vụ đời sống tinh thần và bảo vệ tốt sức khỏe cho nhân dân các dân tộc.

Công tác văn hóa, thông tin, báo chí phải phục vụ sát nhiệm vụ chính trị từng thời gian, kịp thời ca ngợi, động viên những gương người tốt, việc tốt, phê phán, cải tạo những phong tục tập quán lạc hậu, đả phá những thói hư tật xấu và lười biếng trong lao động và sinh hoạt, đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các kiến thức khoa học - kỹ thuật cho cán bộ và nhân dân các dân tộc.

Về giáo dục, cần làm cho mọi người, nhất là ở cơ sở và ở nông thôn (chú trọng vùng cao) nhận thức được: Phát triển giáo dục vừa là nhiệm vụ, vừa là quyền lợi của dân tộc mình, con em mình để hăng hái đi học, và xây dựng trường sở. Trong các ngành học đều phải được coi trọng, nhưng phải tập trung vào ngành bổ túc văn hóa và thanh toán nạn mù chữ cho số cán bộ chủ chốt và đảng viên ở xã, hợp tác xã. Phải chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên người dân tộc. Cố gắng tăng tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số ở cấp II và III phổ thông. Cần đẩy mạnh phong trào học và dùng chữ Mèo, nhất là các huyện và xã vùng cao.

Về y tế, cần chú trọng phát triển phong trào vệ sinh phòng bệnh kết hợp giữa đông và tây y, khai thác các môn thuốc gia truyền của địa phương. Cần nâng cao trách nhiệm phục vụ người bệnh và chất lượng điều trị, không để xảy ra các ổ dịch lớn. Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em cũng phải được coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa.

Về thể dục thể thao, phải lấy phong trào thể dục vệ sinh làm cơ sở, đồng thời chú ý phát triển các môn thể thao dân tộc và quốc

phòng. Phải gây phong trào thể dục vệ sinh trong các cơ quan, xí nghiệp, thị trấn, thị xã thành nền nếp và phát triển dần xuống nông thôn.

II. CÔNG TÁC TRỊ AN - QUỐC PHÒNG

Phải quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 198 của Bộ Chính trị, các chỉ thị về công tác phòng không, phòng chống âm mưu gián điệp, biệt kích, tập kích của địch, sẵn sàng chiến đấu của Ban Bí thư, nghị quyết về nhiệm vụ an ninh, nghị quyết về nhiệm vụ quân sự địa phương và Chỉ thị số 155 của Tỉnh ủy.

Để thực hiện tốt các phương hướng, nhiệm vụ trong các chỉ thị, nghị quyết trên, các cấp, các ngành cần gắn liền các công tác trị an - quốc phòng vào cuộc vận động dân chủ, nâng cao chất lượng đảng viên, lao động sản xuất... hiện nay để đẩy mạnh hơn nữa phong trào bảo vệ trị an, xây dựng xã chiến đấu trong nông thôn, bảo mật phòng gian và xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn. Phải nâng cao hơn nữa tinh thần cảnh giác cách mạng, kịp thời nắm vững tình hình và tổ chức tốt mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác phòng không nhân dân, phòng, chống gián điệp, biệt kích, tập kích, đồng thời đẩy mạnh công tác đấu tranh chống địch, nhất là chống gián điệp, đặc vụ, làm tốt công tác cải tạo, giữ vững an ninh trật tự nội địa và biên giới. Trong công tác trị an, phải chú trọng giáo dục, phát động quần chúng, nhất là thanh thiếu niên, ngăn chặn và giải quyết tích cực, làm giảm các tệ nạn, tai nạn xã hội, chú ý địa bàn thị xã, thị trấn. Ở các thị xã, thị trấn cần triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 198 của Bộ Chính trị.

Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, thi hành nghiêm chỉnh Chỉ thị số 185 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giáo dục sâu rộng Pháp lệnh trừng trị các tội phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, và Pháp lệnh trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân.

Tăng cường củng cố và nâng cao hiệu lực của các công cụ chuyên chính, các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, làm tốt công tác tuyển quân, bồi dưỡng huấn luyện nâng cao trình độ mọi mặt cho bộ đội, dân quân tự vệ và công an, nhất là các lực lượng ở cơ sở.

Tiếp tục triển khai học tập và tiến hành một đợt vận động sâu rộng từ trên xuống, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng về Quyết định số 185 của Hội đồng Chính phủ, kết hợp với các cuộc vận động khác, nhằm giải quyết tốt vấn đề quân nhân đào ngũ và thực hiện tốt hơn nữa các chính sách hậu phương.

III. TĂNG CƯỜNG Củng cố, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ CÔNG TÁC DÂN VẬN

1. Về chính quyền

Trước mắt phải làm tốt công tác bầu cử Quốc hội khóa IV và Hội đồng nhân dân ba cấp tỉnh, huyện, xã, đảm bảo phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo đúng thể lệ, pháp luật, thủ tục quy định và theo đúng chương trình, kế hoạch của tỉnh đã đề ra.

Qua cuộc bầu cử, nâng cao thêm một bước về nhận thức, ý thức xây dựng chính quyền trong các cấp, các ngành, nâng cao ý thức quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao vai trò và hiệu lực chuyên chính của chính quyền của ta. Cũng qua bầu cử, cần kiện toàn thêm một bước bộ máy chính quyền các cấp, đưa sự hoạt động chính quyền tiến bộ hơn nữa trong việc thực hiện vai trò và chức năng của mình. Phải chú trọng bồi dưỡng cán bộ chính quyền xã và huyện.

2. Về công tác dân vận

Hướng hoạt động của các đoàn thể quần chúng là phải nhằm vào các mục tiêu công tác chủ yếu từng thời gian, sát hợp từng giới để vận động quần chúng hăng hái, xung phong thực hiện, trọng

tâm là xoáy vào nội dung ba cuộc cách mạng, nhằm đẩy mạnh lao động sản xuất, tiết kiệm, đóng góp sức người, sức của cho chiến đấu và sản xuất, để động viên quần chúng thi đua thực hiện. Muốn vậy, cần tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong từng giới, đồng thời tích cực củng cố, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể quần chúng Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn... Phải nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành về công tác vận động quần chúng của Đảng, chống mọi tư tưởng và biểu hiện coi nhẹ công tác vận động quần chúng như quan liêu, mệnh lệnh, thích dùng biện pháp hành chính.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ TỔ CHỨC - CÁN BỘ

1. Về chính trị - tư tưởng

Yêu cầu và nội dung chủ yếu của công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng năm 1971 là: Nâng cao hơn nữa ý chí phấn đấu cách mạng, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tiếp tục nâng cao tư tưởng, không sợ gian khổ hy sinh, ý thức độc lập tự chủ, tinh thần cách mạng tiến công, ý thức làm chủ tập thể, lao động quên mình, phát huy đoàn kết nhất trí, chống mọi biểu hiện của các tư tưởng: hòa bình, hưởng lạc, bảo thủ, ỷ lại, cá nhân chủ nghĩa, lười biếng, tự do vô kỷ luật, vô trách nhiệm, tham ô, lãng phí, quan liêu, mệnh lệnh, cục bộ, địa phương, bình quân chủ nghĩa và tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc tự ti hẹp hòi...

Phải tiến hành công tác chính trị, tư tưởng một cách liên tục, sâu rộng, sôi nổi bằng nhiều hình thức sinh động, sát với từng thời gian, từng đối tượng..., đề cao phê bình, tự phê bình, kịp thời giải đáp những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, phê phán những tư tưởng và khuynh hướng lệch lạc, đập tan những luận điệu phản tuyên truyền của địch. Ở trong Đảng cần phải tăng cường và phát

huy hơn nữa phê bình, tự phê bình trên tinh thần nhiệt tình thân ái, đồng chí để giúp đỡ tiến bộ, đồng thời phải tích cực mở lớp giáo dục, bồi dưỡng, huấn luyện cho cán bộ, đảng viên để nâng cao trình độ chính trị, lý luận cơ bản và các mặt khác cho từng loại cán bộ, đảng viên nhằm phục vụ yêu cầu của cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên năm 1971.

Phải kết hợp chặt chẽ các công tác giáo dục về văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm cho các mặt ấy từng bước phát triển cân đối, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Kết hợp chặt chẽ việc giáo dục nâng cao các quan điểm chính sách và thời sự, những kiến thức lý luận chính trị, kinh tế và quản lý kinh tế với việc nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng; đồng thời từng bước giáo dục có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trước mắt cần tiếp tục giáo dục, làm quán triệt hơn nữa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương đã có và tổ chức tốt việc tuyên truyền, học tập quán triệt sâu rộng Nghị quyết Trung ương lần thứ 19.

Mặt khác, trên cơ sở đã đúc kết và tiếp tục nghiên cứu và đúc kết lịch sử của Đảng bộ, cần tiếp tục giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, động viên mọi người thêm tin tưởng, phấn khởi để lao động, sản xuất, sẵn sàng chiến đấu thắng lợi.

2. Về tổ chức và cán bộ

Qua cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, tiếp tục củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ sở, làm cho các cơ sở thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ, chức năng của mình ở từng lĩnh vực khác nhau. Phải nâng cao nội dung sinh hoạt trong Đảng, nâng cao tính giai cấp, tiên phong gương mẫu chiến đấu của mỗi đảng viên, phấn đấu có nhiều chi bộ khá, không còn chi bộ và đảng viên quá kém. Đi đôi với công tác bồi dưỡng, giáo dục đảng viên cũ, phải tích cực làm công tác phát triển đảng viên mới, trước

mắt cần làm tốt công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đợt 3-2 và 19-5-1971.

Đồng thời với việc củng cố, kiện toàn cấp cơ sở phải tích cực kiện toàn cấp huyện, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 136 của Ban Bí thư. Trên cơ sở đó, làm cho tập thể lãnh đạo cấp huyện, thị hoạt động mạnh mẽ, đảm bảo tốt chức năng, nhiệm vụ được quy định, nhất là khâu chỉ đạo tổ chức thực hiện, sâu sát cơ sở và sản xuất, đảm bảo cấp huyện phải trở thành cấp kế hoạch hoàn chỉnh về nông nghiệp và thủ công nghiệp. Tiếp tục và tích cực thực hiện sắp xếp kiện toàn bộ máy biên chế các cấp, các ngành theo đúng tinh thần Nghị quyết số 225 và Nghị quyết số 177 của Chính phủ và thông báo của Ban Bí thư.

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phải được hết sức coi trọng hơn nữa. Phải quản lý sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có và đào tạo thêm cán bộ cho phong trào theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đề ra. Trước mắt từng cấp, từng ngành và tỉnh phải gấp rút xây dựng quy hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, qua đó có biện pháp thực hiện từng bước một cách chủ động.

3. Về công tác kiểm tra và bảo vệ Đảng

Trên cơ sở bám chắc và phục vụ tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, cần tăng cường kiện toàn và đẩy mạnh công tác kiểm tra, bảo vệ Đảng từ cơ sở đến tỉnh (chú trọng công tác kiểm tra ở cấp cơ sở). Trước mắt cần làm tốt việc thẩm tra xem xét, phân loại đảng viên, nhằm phục vụ tốt việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên hiện nay, đồng thời các Ban của Tỉnh ủy phối hợp tiến hành kiểm tra các đảng viên được kết nạp các đợt đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đã qua để rút kinh nghiệm cho việc phát triển đảng viên sau này. Trong nội dung kiểm tra cần chú trọng kiểm tra xem xét về các mặt thực hiện chủ trương, chính

sách, pháp luật, nhiệm vụ công tác, đồng thời chú trọng các mặt khác trong cán bộ, đảng viên.

Trong công tác xét xử kỷ luật, giải quyết thư tố giác, khiếu nại, v.v. cần quán triệt hơn nữa đường lối, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và đảm bảo nhanh, gọn, có tác dụng giáo dục tốt và kịp thời.

Cũng qua công tác kiểm tra, công tác tổ chức của Đảng và tổng kết tốt cuộc vận động bảo vệ Đảng, làm tốt hơn nữa công tác bảo vệ một cách thường xuyên và đi sâu.

V. NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 1971

Để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ công tác năm 1971 thắng lợi tốt đẹp cần phải có những biện pháp tổ chức thực hiện thật cụ thể, sát với từng hoàn cảnh, từng lúc, từng nơi. Ngoài biện pháp về công tác chính trị, tư tưởng đi đầu, cần chú ý thực hiện một số công tác cụ thể như sau:

1. Tiếp tục tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tiếp tục mở cuộc vận động từ trong Đảng ra quần chúng một cách sâu rộng để tiến hành vòng hai trong năm 1971, nhằm tiếp tục thực hiện các Nghị quyết 195, 197, 198 của Bộ Chính trị, các Nghị quyết 38, 84... của Chính phủ gắn liền với học tập và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19 đặt hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước và các nhiệm vụ công tác của tỉnh năm 1971. Trên cơ sở đó, tích cực củng cố phong trào hợp tác hóa (cả hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng), thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện kế hoạch nhà nước và các nhiệm vụ năm 1971.

Trong cách mạng kỹ thuật cần đầu tư thích đáng vào khâu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho từng vùng sản xuất (nhất là vùng cao) tiếp tục thực hiện bước đi "1 kết hợp 5 hóa".

Trong cách mạng tư tưởng - văn hóa, chú trọng công tác cải tạo phong tục tập quán, nêu cao đạo đức xã hội chủ nghĩa, bài trừ thói hư tật xấu, lười biếng, ăn cắp của công, v.v. và đưa trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật của quần chúng ngày càng tiến bộ.

Để chuẩn bị tốt cho vòng hai cuộc vận động, cần sơ kết, tổng kết vòng 1 (1970) đã làm. Khi tổng kết toàn tỉnh sẽ mở hội nghị cán bộ Đảng các cấp, các ngành từ cơ sở lên để tổng kết phát động phong trào một cách rầm rộ, rồi triển khai thực hiện.

2. Tập trung thực hiện và giải quyết các chính sách và sâu hơn nữa vào công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý và thực hành khoa học - kỹ thuật trong sản xuất. Trong công tác quản lý kinh tế - kỹ thuật, cần chú trọng vào các khâu: tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện các chế độ, nguyên tắc và pháp luật đã quy định; thực hiện hợp đồng kinh tế và hạch toán kinh tế một cách chặt chẽ, sử dụng và quản lý tốt lao động, vật tư, tiền vốn; chống lãng phí, tham ô, móc ngoặc. Cần kiên quyết xử lý các vụ vô trách nhiệm, ăn cắp, làm hư hại tài sản Nhà nước, hợp tác xã và nhân dân bằng biện pháp giáo dục kết hợp với các biện pháp hành chính, kinh tế và pháp luật một cách nghiêm minh.

3. Hết sức coi trọng khâu củng cố các tổ chức cơ sở và cấp huyện trước hết là phải tăng cường củng cố đảng bộ hoặc chi bộ xã, xí nghiệp, cơ quan, các chi bộ hoặc tổ đảng ở hợp tác xã và phân xưởng, v.v..

Phải dựa và bồi dưỡng tốt cơ sở đảng tự đứng lên lãnh đạo quần chúng thực hiện. Ở những nơi cần thiết và yếu (khu vực nông thôn) vẫn cần có cán bộ trên về giúp nhưng không được bao biện làm thay, choán quyền của cán bộ cơ sở.

4. Ngoài việc xây dựng, củng cố cơ sở đảng và bồi dưỡng cán bộ cơ sở tự làm là chính, phải lấy công tác vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng và đi đúng đường lối quần chúng trong quá trình thực hiện công tác, chống lối mệnh lệnh, hành chính gò ép. Trong việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ,

phải quý trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, trước hết là chủ nhiệm và kế toán. Chính quyền cùng các Ban Nông nghiệp, quản lý hợp tác xã, Tài chính - thương nghiệp... nghiên cứu lấy một số cán bộ các ngành Giáo dục, Tài chính, Ngân hàng, quản lý hợp tác xã và số cán bộ tổ công tác ở xa để bồi dưỡng, huấn luyện, giao trách nhiệm về giúp đỡ trực tiếp cho hợp tác xã để giải quyết các khâu công tác quản lý còn yếu, kém, trước mắt là khâu thanh quyết toán tài vụ (cần làm thí điểm rút kinh nghiệm rồi áp dụng rộng rãi).

5. Tăng cường bồi dưỡng và nâng cao trình độ làm công tác kế hoạch và thống kê trong các cấp, các ngành (chú ý cấp cơ sở). Đối với cấp huyện, cần kiện toàn bộ máy kế hoạch - thống kê. Việc nắm tình hình cần kịp thời, chính xác hơn, nhất là việc báo cáo phản ánh số liệu kinh tế từ cơ sở hợp tác xã lên huyện, tỉnh phải được củng cố chấn chỉnh tốt hơn.

6. Tiếp tục cải tiến và sửa đổi lề lối làm việc trong các cấp, các ngành, tăng cường kiểm tra, đôn đốc đề cao trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cơ quan chính quyền, các Đảng đoàn và các Ban, ngành chuyên môn ở tỉnh, huyện.

Phải quy định cụ thể hơn nữa chức năng, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành và phân biệt rõ các công việc thuộc Đảng giải quyết, thuộc chính quyền giải quyết và chịu trách nhiệm.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, huyện, cần đảm bảo tốt chế độ phụ trách cơ sở, tích cực xuống kiểm tra sâu sát cơ sở, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy viên trong việc phụ trách công tác đã được phân công, chống quan liêu, mệnh lệnh. Phải coi trọng công tác chỉ đạo trọng điểm, xây dựng điển hình, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và phát huy kinh nghiệm kịp thời (bám chắc các điểm chỉ đạo của tỉnh, huyện đã xác định hiện nay).

Cần thực hiện chế độ sinh hoạt, học tập, báo cáo, thỉnh thị... một cách nghiêm túc và nền nếp trong các cấp ủy Đảng và quần chúng từ cơ sở đến tỉnh.

Nhiệm vụ năm 1971 đề ra như trên rất nặng nề và trong quá trình thực hiện, nhất định gặp khó khăn. Nhưng chúng ta lại có nhiều thuận lợi cơ bản và với tinh thần cách mạng, đoàn kết nhất trí, nhiệt tình công tác của toàn thể cán bộ, đảng viên cùng quần dân trong tỉnh, Tỉnh ủy tin tưởng rằng các nhiệm vụ công tác nhất định sẽ thu được thắng lợi toàn diện và vững chắc hơn năm 1970.

Căn cứ vào nghị quyết này và Nghị quyết số 30-NQ/TU, ngày 26-10-1970 của Tỉnh ủy các cấp, các ngành, các Ban và Đảng đoàn cần nghiên cứu tập thể trong lãnh đạo và có kế hoạch thi hành từng nhiệm vụ cho cụ thể. Riêng Đảng đoàn chính quyền và Ủy ban Kế hoạch tỉnh cần căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ và các chỉ tiêu lớn của kế hoạch nhà nước 1971 đã được Tỉnh ủy quyết nghị mà nghiên cứu, tính toán thật cân đối về mọi mặt để chỉ đạo, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện.

Nghị quyết này được tổ chức nghiên cứu toàn văn trong các huyện, thị, Đảng ủy, Chi ủy trực thuộc và trong lãnh đạo các Ban, ngành, Đảng đoàn. Đối với toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân thì phổ biến tinh thần nghị quyết này và thông báo hội nghị Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 156-CT/TU, ngày 20-4-1971

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân

Trong những năm vừa qua do yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác tuyển quân ở tỉnh ta ngày càng lớn. Nhưng với tinh thần trách nhiệm chính trị hậu phương đối với tiền tuyến, các cấp, các ngành đã tập trung lãnh đạo và đã hoàn thành thắng lợi các đợt tuyển quân với kết quả cụ thể là đảm bảo đủ số lượng, đúng chính sách, thời gian, chất lượng ngày càng tốt, các chính sách đối với gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình quân đội được chấp hành tốt đã có tác dụng động viên cả tiền tuyến, hậu phương.

Tuy nhiên, trong công tác động viên tuyển quân cũng còn những thiếu sót, tồn tại: Ở một số nơi cấp ủy lãnh đạo thiếu chặt chẽ, nắm tình hình chưa chắc, biện pháp không cụ thể, chưa coi trọng đúng mức việc tuyển quân, giáo dục, động viên quần chúng (nhất là giáo dục thanh niên) còn gò ép, mệnh lệnh, nên có nơi không hoàn thành kế hoạch, số bỏ ngũ còn nhiều, tình trạng trốn tránh, bao che còn xuất hiện, việc chấp hành chính sách hậu phương có nơi làm chưa thật tốt.

Hiện nay, quân và dân ta trên các chiến trường đang thắng lớn, giặc Mỹ đã và đang thất bại nặng nề. Nhưng chúng vẫn còn rất ngoan cố trong âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, tình

hình cuộc chiến tranh đang diễn ra quyết liệt. Nhiệm vụ chi viện lực lượng cho các chiến trường và để tăng cường phòng thủ miền Bắc trở nên rất khẩn trương và to lớn với quyết tâm của Đảng ta là bất luận trong hoàn cảnh nào hậu phương lớn cũng phải làm tròn nhiệm vụ chi viện sức người, sức của đối với tiền tuyến lớn để đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tuyển quân đợt này yêu cầu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng đúng chính sách, đúng thời gian quy định Tỉnh ủy chỉ thị các cấp, các ngành phải thực hiện tốt các vấn đề sau đây:

1. Các cấp ủy Đảng phải quán triệt quyết tâm của Trung ương Đảng, thấy rõ tầm quan trọng của việc động viên tuyển quân, có kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ việc đẩy mạnh sản xuất với động viên tuyển quân, từ nay đến ngày 31-5-1971 công tác động viên tuyển quân phải được coi là công tác trung tâm, đột xuất của các cấp ủy Đảng và phải chỉ đạo thật chặt chẽ. Phát huy hiệu lực của chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các ngành dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng nhằm đảm bảo bằng được chỉ tiêu tuyển quân ở mỗi địa phương, đơn vị.

2. Phải đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng quần chúng nhất là đối với lực lượng thanh niên: Nâng cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội thanh niên hăng hái tham gia tòng quân giết giặc cứu nước, làm cho mọi người nhận thức rõ đi giết giặc cứu nước là nghĩa vụ, là vinh dự của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi địa phương, mỗi cơ quan, xí nghiệp, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động phải xung phong đi đầu, phải làm cho ngày tòng quân thực sự là ngày hội của quần chúng.

3. Phải thực hiện đầy đủ các chính sách trong tuyển quân, nắm vững và vận dụng tiêu chuẩn tuyển quân phù hợp với tình hình địa phương, đảm bảo đúng yêu cầu, số lượng, chất lượng, tuyệt đối không để những người không đủ tiêu chuẩn chính trị vào

bộ đội, đồng thời phải thực hiện đầy đủ quyền bình đẳng về chính trị và nghĩa vụ công dân của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tránh hẹp hòi, thành kiến trong vấn đề thành phần hoặc liên quan gây nên mất đoàn kết, hạn chế nhiệt tình cách mạng của quần chúng, ảnh hưởng không tốt đến việc đảm bảo số lượng. Phải chấp hành chính sách miễn hoãn một cách công bằng, thi hành tốt các chính sách đối với gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội.

4. Phải kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực, trốn tránh nghĩa vụ quân sự, các cấp, các ngành phải kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên mà xem xét tất cả mỗi cán bộ, đảng viên trong việc giúp đỡ gia đình, con em chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự, làm cho bất cứ ai cũng phải nghiêm túc chính thức thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý nhất là bảo vệ Tổ quốc.

Phải thực hiện tốt Quyết định số 185 và Chỉ thị số 51 của Hội đồng Chính phủ, Đảng đoàn chính quyền và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phải có kế hoạch giải quyết tốt số quân nhân bổ ngũ hiện nay.

Đợt tuyển quân này chúng ta phải huy động một số lượng lớn nhất định cũng gặp những khó khăn. Nhưng chúng ta có những thuận lợi cơ bản là truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta đang được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết, chiến thắng của quân và dân ba nước Đông Dương đặc biệt là của quân và dân đường 9 anh hùng đang cổ vũ mạnh mẽ khí thế cách mạng của quần chúng các dân tộc. Nếu các cấp, các ngành có quyết tâm cao, tập trung lãnh đạo, có những biện pháp thật tích cực thì nhất định chúng ta sẽ hoàn thành tốt đợt tuyển quân đợt này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 06-NQ/TU, ngày 7-5-1971

Về việc kiểm tra công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh

Thi hành Thông tri số 265-TT/TW, ngày 10-4-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về việc tăng cường chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, kịp thời uốn nắn những thiếu sót", Lớp Hồ Chí Minh (Mục 3 Điểm C) mà Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra:

Sau khi nghe đồng chí trong Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng truyền đạt thêm tinh thần của việc kiểm tra công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại tỉnh Lào Cai và một số tỉnh miền núi khác;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã sơ bộ liên hệ và đánh giá một số nét về công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh trong tỉnh như sau:

Qua 3 đợt tiến hành kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh (đợt 19-5-1970, đợt 2-9-1970, đợt 3-2-1971), toàn tỉnh đã kết nạp vào Đảng 205 đảng viên. Nhìn chung, việc kết nạp đó đối chiếu với tinh thần Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị đề ra thì một số đảng bộ đã thực hiện được tích cực, so với trước có nhiều tiến bộ. Việc lựa chọn đối tượng để đưa người vào Đảng đã nhằm vào những người ưu tú, xuất sắc trong phong trào cách mạng của quần

chúng. Đại bộ phận số đã được kết nạp vào Đảng là người có thành tích sản xuất, chiến đấu và công tác; lịch sử chính trị đảm bảo; có giác ngộ về giai cấp, về Đảng; tích cực chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước; được quần chúng tín nhiệm, giới thiệu... Khi xét duyệt kết nạp đảng viên, các huyện, Thị ủy và các Đảng ủy cấp trên đã làm việc tập thể và có cân nhắc thận trọng trước khi quyết nghị; mặt này so với trước cũng có nhiều tiến bộ. Những nơi kết nạp đảng viên mới do làm tốt như vậy, đã góp phần thúc đẩy việc nâng cao chất lượng đảng viên, thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đó một cách rõ rệt.

Tuy vậy, qua theo dõi ba đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh vừa qua ở một số nơi, cũng còn có những thiếu sót, khuyết điểm:

- Nhận thức về mục đích, yêu cầu, phương châm công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh còn chưa đầy đủ, toàn diện nên có nơi việc kết nạp đảng viên mới mới chỉ đảm bảo về số lượng, còn về chất lượng nhìn chung chưa cao, cá biệt một vài trường hợp người được kết nạp vào Đảng chưa đảm bảo có đủ tiêu chuẩn như Trung ương đã quy định. Về phương hướng, địa bàn riêng khu vực nông thôn, nhất là vùng cao, nơi biên giới thì các cấp ủy cơ sở chưa thấy rõ ý nghĩa, chưa đề cao trách nhiệm, nên cả ba đợt có nhiều chi, đảng bộ không kết nạp được đảng viên. Về thủ tục kết nạp đảng viên, nhiều nơi còn thiếu sót, có trường hợp người được kết nạp vào Đảng không có lý lịch gốc, không có giấy đảm bảo của người giới thiệu; là Đoàn viên Thanh niên lao động Hồ Chí Minh nhưng không có nhận xét và sự giới thiệu của Đoàn; thậm chí người được kết nạp vào Đảng không có cả biên bản nhận xét đề nghị của chi bộ mà khi xét duyệt Huyện ủy vẫn duyệt kết nạp. Việc lãnh đạo, chỉ đạo ở một số nơi chưa thấy hết trách nhiệm, chưa xây dựng thành nền nếp thường xuyên và chưa gắn được giữa việc tuyên truyền phát triển đảng với các nhiệm vụ công tác thường xuyên ở địa phương, nên thường sắp đến đợt thì sôi nổi, sau đợt lắng đi; một số nơi còn lúng túng, khó khăn không phát triển được đảng

viên, nhưng Huyện ủy ở đó chưa trực tiếp nghiên cứu, tìm rõ nguyên nhân để giải quyết.

Từ các nhận xét như trên, để thực hiện nghiêm chỉnh Thông tri số 265 mới đây của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí quyết định tập trung một số cán bộ để cùng với Đoàn cán bộ của Trung ương phải về tổ chức tiến hành việc kiểm tra công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh ở một số nơi nhằm: Làm rõ những ưu, khuyết điểm, đánh giá đúng mức chất lượng đảng viên Lớp Hồ Chí Minh, chủ yếu là tiêu chuẩn đảng viên và một số nguyên tắc, thủ tục, có quan hệ chặt chẽ đến việc đảm bảo chất lượng đảng viên để giúp cho Trung ương cũng như Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng, các địa phương, đơn vị, phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục khuyết điểm, uốn nắn lệch lạc trong việc tổ chức kết nạp đảng viên của cấp mình, động góp phần thúc đẩy việc thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh được tốt hơn. Thông qua đó, còn giúp cho Trung ương cũng như Tỉnh ủy có cơ sở đánh giá tổng kết công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh nói riêng, và tổng kết cuộc vận động thực hiện Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị nói chung được đầy đủ, đúng đắn.

Với ý nghĩa đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết:

1. Kết hợp giữa yêu cầu của Trung ương và thực tế đòi hỏi của địa phương cần phải xem xét đối với việc vận dụng lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn đưa vào Đảng trong các dân tộc khác nhau: đặc biệt là đối với các dân tộc vùng cao của tỉnh. Do vậy, điểm kiểm tra đợt này tỉnh quyết định tiến hành ở ba nơi: Huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai. Tất cả số đảng viên được kết nạp trong ba đợt (đợt 19-5-1970, đợt 2-9-1970, đợt 3-2-1971) ở ba huyện này đều được kiểm tra và có kết luận rõ ràng.

2. Lực lượng đi kiểm tra sẽ chọn những cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng ở các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, huyện, Thị ủy; Tỉnh đoàn Thanh

niên đi tham gia đợt kiểm tra này. Số lượng định huy động và cán bộ cụ thể do Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, đề xuất lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định. Số cán bộ được huy động đi kiểm tra trước khi xuống địa phương cần được bồi dưỡng những điểm cơ bản về công tác xây dựng Đảng nói chung và việc phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh nói riêng. Việc bồi dưỡng đó theo chức năng nhiệm vụ của Ban xây dựng Đảng nào ở tỉnh thì Ban đó chịu trách nhiệm phụ trách có sự tham gia của đoàn cán bộ Trung ương phái về và đặt dưới sự chỉ đạo chung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Kế hoạch kiểm tra, theo kế hoạch chung của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã xây dựng (bản kế hoạch đề ngày 26-4-1971). Nhưng để cụ thể hóa vào tình hình địa phương, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ vào đó mà vạch ra lịch công tác cho các bước đi của đợt kiểm tra. Ngoài ra, để sự chỉ đạo được thống nhất giữa số cán bộ Trung ương phái về và số cán bộ ở các Ban xây dựng Đảng của tỉnh, huyện, thị, cần phải có nội quy, quy định về trách nhiệm, quyền hạn, nguyên tắc làm việc của tổ kiểm tra, do Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khởi thảo rồi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua.

4. Thời gian kiểm tra theo quy định chung của Trung ương đến ngày 14-6-1970 sẽ kết thúc và báo cáo về Trung ương. Như vậy, sau thời gian tập trung bồi dưỡng ở tỉnh, các tổ kiểm tra sẽ xuống huyện vào ngày 10-5-1971 và hoàn thành đợt kiểm tra ở huyện vào ngày 10-6-1971, sau đó về tỉnh tổng kết và kết thúc đợt kiểm tra vào ngày 14-6-1971.

5. Về tổ chức và sự lãnh đạo, chỉ đạo đợt kiểm tra này do Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Trung ương cùng phụ trách đặt dưới sự chỉ đạo chung của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Vì vậy, tất cả số cán bộ đi tham gia đợt kiểm tra này (bao gồm số cán bộ Trung ương phái về, số cán bộ của tỉnh và huyện, thị) đều thống nhất lại, tổ chức thành một Đoàn kiểm tra do đồng chí Nông Công Thương, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách Trưởng đoàn. Dưới đoàn thành lập ba tổ kiểm tra: Tổ ở huyện Mường Khương,

chỉ định đồng chí Đặng Khuê, Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Tổ trưởng; tổ ở huyện Bắc Hà chỉ định đồng chí Trần Văn Kiêm, Ủy viên Thường trực, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm Tổ trưởng; tổ ở huyện Si Ma Cai chỉ định đồng chí Lý Hán Sinh, Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Tổ trưởng. Dưới tổ thành lập nhóm kiểm tra, số lượng nhóm và nhóm trưởng do tổ kiểm tra quyết định, thông qua đồn chí trưởng, phó đoàn.

Riêng Đoàn cán bộ của Trung ương phái về sẽ cử ra một đồng chí chịu trách nhiệm chung và tham gia làm phó đoàn. Ở mỗi tổ kiểm tra, Đoàn cán bộ của Trung ương phái về cũng cử ra một đồng chí tham gia làm tổ phó tổ kiểm tra.

Ở ba huyện, nơi tỉnh chỉ định là điểm kiểm tra, Ban Thường vụ Huyện ủy sẽ cử ra một đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy tham gia làm tổ phó tổ kiểm tra ở huyện.

Ngoài ra, để giúp cho sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được chặt chẽ, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm cùng các đồng chí trưởng, phó của Đoàn kiểm tra theo dõi, đôn đốc chung sự thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra ở các tổ, nhóm kiểm tra, và các Huyện ủy nơi điểm kiểm tra; đồng thời tham gia (...) báo cáo tổng kết tình hình chung của đợt kiểm tra.

6. Đối với các huyện nơi tỉnh chỉ định làm điểm kiểm tra, Ban Thường vụ Huyện ủy ở đó có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tình hình, tài liệu về công tác phát triển đảng viên Lớp Hồ Chí Minh trong các đợt vừa qua tại huyện mình cho tổ kiểm tra, và có sự tham gia chỉ đạo chung vào việc kiểm tra; đồng thời tạo mọi điều kiện để tổ kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ. Những vấn đề khi đánh giá kết luận, nếu ý kiến giữa tổ kiểm tra và Huyện ủy trái nhau và đã có quá trình phân tích mà vẫn không nhất trí được với nhau thì phải ghi đầy đủ cả hai ý kiến chưa nhất trí đó, báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy để phân tích, quyết định.

Nghị quyết này phải được nghiên cứu quán triệt và thi hành nghiêm chỉnh trong các Huyện ủy: Mường Khương, Bắc Hà,

Si Ma Cai, các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Tỉnh đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh, các cán bộ đi tham gia đợt kiểm tra và toàn thể đảng viên trong Đảng bộ, chi bộ nơi kiểm tra. Ở những nơi kiểm tra được phổ biến tinh thần nghị quyết này đến toàn thể đảng viên chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 11-BC/TU, ngày 20-6-1971

**Về tổng kết đợt thí điểm mở rộng thực hiện
Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng**

I. MỘT SỐ TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM

Tiếp sau việc chỉ đạo năm nơi thí điểm thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW, ngày 28-10-1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã chủ trương mở đợt thí điểm mở rộng ở 26 tổ chức cơ sở đảng, thuộc các huyện, thị xã một số Đảng ủy, đại diện cho các vùng và các loại tổ chức cơ sở đảng để vừa rút kinh nghiệm thêm, vừa để bước đầu giúp cho cấp ủy huyện, thị và các Đảng ủy trực thuộc tỉnh thực sự bắt tay vào việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện việc làm này ở cấp mình, qua đó tạo ra những cơ sở cho việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các đợt mở rộng được kết quả tốt hơn.

Tình hình 26 tổ chức cơ sở đảng nơi thí điểm mở rộng đợt này bao gồm: 19 chi, đảng bộ xã, trong đó 15 xã thuộc vùng cao, bảy xã là biên giới Việt - Trung, bốn xã vùng thấp, ba cơ sở là khu phố, một là tiểu thủ công, 2 chi, đảng bộ là cơ quan thuộc ngành trực thuộc của tỉnh và một là cơ sở thuộc lực lượng vũ trang của tỉnh.

Địa bàn của đợt này có cùng đặc điểm của tình hình chung và là một tỉnh miền núi, biên giới có nhiều dân tộc cùng sống xen kẽ, là nơi trong quá khứ đã xảy ra nhiều biến cố chính trị phức tạp...

Tuy vậy, số 26 cơ sở thực hiện Chỉ thị 192 lần này thì về mặt chính trị, xã hội còn phản ánh có số nét riêng như:

- Ở nông thôn đợt này tiến hành tập trung vào hai vùng chủ yếu: Ở vùng thấp là nơi có cơ sở cách mạng sớm và cũng là vùng căn cứ kháng Pháp của tỉnh (xã Cam Đường) số nơi này phản ánh dân số tập trung đông cư trú ổn định dân tộc chủ thể là người Tày, trình độ quần chúng tiến bộ, phương hướng nhiệm vụ chính trị đã xác định rõ, đời sống quần chúng ngày càng nâng cao và cải thiện, ở vùng cao cơ sở tiến hành đợt này tập trung vào nơi có hoạt động của thổ phỉ dai dẳng và quyết liệt nhất, và cũng là nơi giải phóng, xây dựng chính quyền cách mạng chậm nhất trong tỉnh (tám xã Pha Long), dân số ít, người dân tộc chủ thể là Mèo, nhưng ở phân tán, cư trú chưa ổn định, trình độ và kiến thức nhìn chung hạn chế, tệ tục cũ chưa được cải tạo tốt, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chính trị nhiều nơi chưa được xác định rõ, hợp tác xã vỡ, đời sống quần chúng có nhiều khó khăn, và những nơi này cũng là nơi chịu tác động nhiều về tình hình biên giới.

Ở các cơ quan tiến hành đợt này tuy không nhiều nhưng đều là ngành tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về việc vận dụng và tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Trung ương và địa phương, nơi nắm và sử dụng vật tư của Nhà nước khá nhiều, lại là nơi tập trung có nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật, có nơi đã qua nhiều lần tiến hành giải quyết những sai lầm và các mắc mứu nội bộ, nhưng những vấn đề đó vẫn chưa được giải quyết tốt (Quốc doanh Dược phẩm, Bệnh viện tỉnh thuộc Đảng ủy Y tế).

- Về tổ chức đảng, trong 26 nơi tiến hành đợt này có 3 đảng bộ cơ sở 2 cấp, 23 chi bộ cơ sở với tổng số 571 đảng viên, trong đó có 328 đảng viên thuộc 13 dân tộc thiểu số, 95 đảng viên nữ. Về chức vụ Đảng có 4 huyện ủy viên tại chức, 2 đảng ủy viên trên cơ sở, 111 là chi, đảng ủy viên cơ sở, 36 chi ủy viên dưới cơ sở.

Việc xây dựng, phát triển đảng và tình hình đội ngũ đảng viên các nơi này, đại thể: ở hai cơ quan và bốn xã vùng thấp thì cơ sở

đảng xây dựng sớm (1948 - 1950), số đảng viên đông (Y tế 87, Cam Đường 77) phân bổ tương đối đều, trình độ chính trị, văn hóa của đảng viên khá, đội ngũ đảng viên tuy một số bộc lộ về chính trị thấp, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, năng lực nghiên cứu tổng hợp còn hạn chế, nhưng nhìn chung đã qua thử thách rèn luyện, chi, đảng bộ nhiều nơi đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt liên tục (Cam Đường, Nam Cường). Các xã vùng cao, cơ sở đảng đều mới xây dựng từ năm 1959 - 1960, số đảng viên ít, phân bổ lại không đều (Thải Giàng Sán, Dìn Chín, Lao Táo), trình độ chính trị văn hóa của đảng viên thấp (40,46%) đảng viên mù chữ (46,5% đảng viên chưa học lớp chính trị nào) gần nửa số đảng viên có lịch sử đi phỉ chưa có kết luận rõ, tuy có chi bộ đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt (Pha Long, Sín Hồ Sán, Bản Phố) nhưng không nhiều, bên cạnh đó nhiều chi bộ phấn đấu chưa tốt nhiều năm, thậm chí có chi bộ kém nát (Dìn Chín, Lao Táo).

Việc chấp hành các nguyên tắc sinh hoạt đảng có một số nơi thực hiện được tốt (Nam Cường, Cam Đường, Pha Long, Chi bộ Xí nghiệp Dược phẩm thuộc Đảng bộ Y tế...) do đó nội bộ đoàn kết, vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy tốt. Song, bên cạnh đó nhiều nơi việc sinh hoạt đảng còn thất thường, nội dung sinh hoạt lại nghèo nàn, hình thức, việc phê bình và tự phê bình không được thực hiện thường xuyên vì thế vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở lu mờ, nội bộ một số nơi mất đoàn kết, đảng viên một số không phấn khởi, quần chúng thiếu tín nhiệm.

Số mặt tình hình đặc điểm nêu trên nói lên địa bàn chỉ đạo thực hiện đợt này, bên cạnh những mặt cơ bản tốt, thuận lợi thì cũng có những khó khăn, khó khăn đó nổi lên là cơ sở đảng đại bộ phận là mới, trình độ giác ngộ chính trị số đông đảng viên thấp, số đảng viên có vướng mắc thuộc nội dung chỉ thị có nhiều, một số nơi nội bộ lại mất đoàn kết kéo dài, mục tiêu chính trị có nơi chưa được xác định rõ, hợp tác xã vỡ... các mặt này đã chi phối, làm hạn chế nhất định đến kết quả của việc nâng cao chất lượng đảng viên nói

chung và việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng nói riêng.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI CỦA VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 192

Đối chiếu với mục đích, yêu cầu chung của việc thực hiện Chỉ thị 192 ở các tổ chức cơ sở nơi thực hiện thí điểm mở rộng đã đạt được những kết quả như sau:

A. KẾT QUẢ HỌC TẬP QUÁN TRIỆT CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Học tập trong Đảng

Nhằm quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và phương châm chính sách việc thực hiện Chỉ thị 192. Các cơ sở đã tổ chức cho đảng viên học tập các văn bản đó Trung ương quy định, đồng thời đều tiến hành kiểm điểm quá trình cuộc vận động thực hiện Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị.

Số lượng đảng viên tham gia học tập nhìn chung được đông đủ, (chi, Đảng ủy đạt 95%, đảng viên đạt 92,5%) nhiều nơi đạt 100% (Nam Cường, Cam Đường, Thái Giàng Sán, thị xã Lào Cai) và qua học tập đảng viên đã nhận thức sâu sắc hơn về mục đích, tính chất của Đảng, về phương châm, nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng, về tiêu chuẩn tư cách đảng viên và cũng từ đó đã hiểu sâu hơn về mục đích, yêu cầu cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh”. Nhận rõ mục đích, yêu cầu, tính chất cũng như phương châm, chính sách xử trí các việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; đồng thời đã nhận rõ hơn “Đảng viên là người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng, thấy rõ chất lượng đảng viên và của chi, đảng bộ là nhân tố quan trọng và

sức mạnh của Đảng”. Từ đó mà xác định được cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 lần này là hết sức cấp thiết để làm cho Đảng ta được trong sạch và vững mạnh.

Qua sự hiểu biết như trên nhiều cán bộ, đảng viên đã giải quyết được những nhận thức không đúng như cho rằng thực hiện Chỉ thị 192 cũng như Trung Quốc làm cách mạng văn hóa, đảng viên sẽ bị đấu tố, bị tù tội ở khu vực biên giới hoặc cho rằng có làm Chỉ thị 192 cũng không giải quyết được gì (trong cơ quan, xí nghiệp) đồng thời đã nhận định đánh giá được mặt mạnh, mặt yếu, thiếu sót, tồn tại của từng chi, đảng bộ và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trên cơ sở tự liên hệ kiểm điểm trong quá trình thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, mỗi cán bộ, đảng viên đã xác định rõ những thành tích, ưu điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị như lãnh đạo sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và nâng cao đời sống cho nhân dân địa phương, v.v..

Bên cạnh những ưu điểm đó cũng thấy được những thiếu sót khuyết điểm như: Chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao nhiều nơi không hoàn thành, hoặc hoàn thành chưa cao (nghĩa vụ ba thu, nghĩa vụ quân sự...) hợp tác xã nông nghiệp nhiều nơi bị tan vỡ, hợp tác xã mua bán hết vốn, hợp tác xã tín dụng ngừng hoạt động, thậm chí có chi bộ đã để nhân dân bỏ hoang trên 6 ha ruộng nước (1973) không gieo cấy như Chi bộ Sơn Tăng thuộc Đảng bộ xã Cam Đường.

Việc chấp hành các nguyên tắc sinh hoạt đảng nhất là đối với các đảng bộ vùng cao còn nhiều thiếu sót như: Sinh hoạt không đều, ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên chưa chặt chẽ, có đảng viên 8 năm bỏ sinh hoạt đảng, 9 năm không đóng Đảng phí, có đảng viên bỏ đi 2, 3 năm không lấy giấy chuyển Đảng tịch, có đảng viên được kết nạp từ năm 1965 đến nay vẫn còn là đảng viên dự bị, nhiều chi bộ 5, 6 tháng không sinh hoạt, không tổ chức Đại hội

đúng nhiệm kỳ, có chi, đảng bộ còn chỉ định đại biểu đi dự Đại hội Đảng cấp trên.

Nhiều cán bộ, đảng viên đã liên hệ những sai sót của mình trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng như: Làm ăn riêng lẻ, nhiều năm không làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm không gương mẫu chấp hành nghĩa vụ quân sự, lên chiếm ruộng đất của hợp tác xã, vay mượn nhập nhằng, một số đã có hành động tham ô, hủ hóa, thiếu đoàn kết nội bộ, thậm chí còn vi phạm pháp luật Nhà nước (buôn lậu, vượt biên trái phép).

2. Học tập ngoài quần chúng

Sau khi quán triệt trong nội bộ Đảng các chi, đảng bộ đều đã tổ chức cho quần chúng học tập, nhìn chung số quần chúng tham gia học tập được đông (tỷ lệ đạt 79,96%) và quần chúng rất phấn khởi thấy rõ nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng là rất sáng suốt, có học thì mới phân biệt được chỗ đúng, chỗ sai, mới biết được thế nào là tiêu chuẩn, nhiệm vụ người đảng viên, thấy rõ hơn Đảng là người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi cách mạng, quần chúng đã so sánh sự tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng khác hẳn với chế độ cũ trước kia, thấy được Đảng đem lại quyền lợi cơm no, áo ấm cho nhân dân, lại cho nhân dân góp ý phê bình sự lãnh đạo của Đảng, phê bình xây dựng đảng viên thấy được vinh dự và trách nhiệm của người dân trong việc xây dựng Đảng, nhiều nơi quần chúng đã xác định khuyết điểm của chi bộ Đảng, của đảng viên cũng là khuyết điểm của quần chúng.

Thông qua thảo luận nhận thức của quần chúng nói chung đã hiểu được chủ trương của Đảng về việc nâng cao chất lượng đảng viên, thấy được Đảng có mạnh thì phong trào quần chúng mới vững mạnh, đồng thời đã thấy được chủ trương của Đảng đối với việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng là một việc làm đúng đắn, cần thiết để xây dựng Đảng. Từ đó, quần

chúng đã mạnh dạn tham gia góp ý kiến phê bình sự lãnh đạo của chi, đảng bộ phê bình cán bộ, đảng viên.

Việc quần chúng phê bình, phát hiện những thiếu sót khuyết điểm của chi, đảng bộ cũng như của đảng viên nói chung đều biểu hiện thái độ xây dựng, chân thành, nội dung rất phong phú, toàn diện cả về lịch sử chính trị cũng như về phẩm chất đạo đức cách mạng và trình độ lãnh đạo của cán bộ, đảng viên.

Về phía quần chúng cũng tự liên hệ thấy được sai sót của mình như: Làm ăn chờ trời, thấy sai sót của đảng viên sợ thù oán không góp ý đấu tranh cách mạng; thậm chí còn bao che hoặc phụ họa cùng những sai trái đó như đi phát nương riêng, không làm đầy đủ nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, không cho con em đi bộ đội hoặc đã đi lại bỏ về nhưng cũng không giáo dục để trở lại đơn vị.

Những ý kiến quần chúng góp ý phê bình hoặc phát hiện sai lầm, khuyết điểm của đảng viên đã giúp cho các Ban chi, đảng ủy cơ sở, đảng viên tự phê bình liên hệ được tốt, làm sáng rõ nhiều việc để xây dựng cho đảng viên, cán bộ, việc sửa chữa khuyết điểm của đảng viên nhìn chung có chuyển biến, mối quan hệ giữa chi bộ, đảng viên với quần chúng được tăng cường.

Qua nghiên cứu học tập, qua phê bình và tự phê bình và qua những ý kiến quần chúng phê bình nói chung những ưu điểm của đảng viên đã và đang được phát huy, những khuyết điểm được sửa chữa, nhiều nơi sửa chữa tương đối như: hai chi bộ Trung Chải, Tả Phìn (Sa Pa). 11 đảng viên nợ hợp tác xã 1.132,00 đã có 10 đảng viên trả được 892,00. Đảng bộ Cam Đường đảng viên đã trả nợ hợp tác xã 1.701,00 và 700 kg thóc trong lúc đó quần chúng cũng trả được 9.308,00 và 7.869 kg thóc. Đảng bộ Nam Cường đảng viên trả hợp tác xã 1 mẫu 2 sào ruộng đất trước đây đã lấn chiếm và quần chúng cũng trả được hai mẫu, v.v..

Tuy nhiên, việc tổ chức giáo dục cho đảng viên và quần chúng cũng còn những thiếu sót như: Một số nơi tỷ lệ tham gia của đảng

viên và quần chúng còn thấp, chất lượng giáo dục chưa tốt (nhất là ở những nơi không dùng được tiếng phổ thông), nội dung kinh doanh chưa sâu, chưa coi trọng việc giáo dục cá biệt... có nơi còn chủ quan nên chưa nắm được những diễn biến của đảng viên, và quần chúng, một số nơi việc giải quyết những vướng mắc của đảng viên và quần chúng chưa kịp thời có nơi làm không đúng những quy định trong kế hoạch.

Về phía đảng viên và quần chúng còn biểu hiện nể nang sợ oán thù (nhất là ở vùng cao) một số đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị bản thân, nhất là những trường hợp có tội ác thì thường có những diễn biến phức tạp (sợ bị đấu tố, bị tù tội), việc liên hệ kiểm điểm của đảng viên về mặt phẩm chất cách mạng như vượt biên, buôn lậu, hủ hóa, tham ô, v.v. chưa thật sâu sắc, cá biệt có ý kiến phê bình đảng viên với động cơ chưa thật chính xác, có đảng viên còn có những phản ứng xấu khi quần chúng phê bình như gặp những người biết việc để thăm dò hoặc đề nghị không nói (thị xã Lào Cai), đe dọa quần chúng (Sư Ma Tủng) để vợ con chửi bới lung tung khi quần chúng phê bình (Cam Đường), v.v..

B. XỬ TRÍ ĐẢNG VIÊN

Căn cứ vào tinh thần Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các văn bản hướng dẫn của Ban chỉ đạo cuộc vận động Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương thì số đảng viên phải đưa vào loại ở 26 tổ chức cơ sở đảng làm thí điểm đợt này là 218 trường hợp, chiếm 38% so với tổng số đảng viên ở những cơ sở đó, trong đó có 118 trường hợp có vấn đề lịch sử chính trị bản thân và gia đình, 59 trường hợp sai phạm về phẩm chất đạo đức cách mạng, 40 trường hợp trình độ chính trị thấp kém.

Kết quả đã xử trí: 142 trường hợp bằng 24,86% so với hình thức: khai trừ và chấp nhận đơn cho rút ra khỏi Đảng 109 trường hợp (bằng 19,08% so với tổng số đảng viên), trong đó có 82 trường hợp phạm tiêu chuẩn chính trị bằng 75,3% so với số đảng viên

phải đưa ra khỏi Đảng, 22 phạm về phẩm chất đạo đức, 5 do trình độ thấp kém, lưu Đảng 12 trường hợp (bằng 2,1%), xử trí bằng các hình thức khác 21 trường hợp gồm có: cách chức 1, cảnh cáo 12, khiển trách 8 (bằng 3,67%). Ngoài ra còn 4 trường hợp sai phạm về phẩm chất chưa xét duyệt xong.

Tuy nhiên, tỷ lệ xử trí ở mỗi vùng và mỗi loại Đảng bộ có khác nhau, nhìn chung thì ở vùng cao tỷ lệ cao hơn vùng thấp, nông thôn đường phố tỷ lệ cao hơn các cơ quan xí nghiệp (15 xã vùng cao tỷ lệ xử trí là 36,28%, trong đó đưa ra khỏi Đảng 32,55%, bốn xã vùng thấp tỷ lệ xử trí là 23,2%, trong đó đưa ra khỏi Đảng 18,78% và nếu cộng cả 22 điểm ở nông thôn, đường phố tỷ lệ xử trí là 28,64%, trong đó đưa ra khỏi Đảng 24,25% trong khi đó ở bốn cơ sở thuộc các cơ quan xí nghiệp, lực lượng vũ trang thì tỷ lệ xử trí là 12,68%, trong đó đưa ra khỏi Đảng 2,24%) nhưng đi vào từng cơ sở thì mỗi cơ sở có tỷ lệ khác nhau như Lồ Sủ Thàng tỷ lệ xử trí 58,50%, trong đó đưa ra khỏi Đảng 41%, Lao Táo đưa ra khỏi Đảng 52%. Pha Long đưa ra khỏi Đảng 47,80%. Hồ Mù Chải đưa ra khỏi Đảng 38,88%, Tả Phời đưa ra khỏi Đảng 32%, trong khi đó cũng có xã vùng cao tỷ lệ lại thấp hơn nhiều như Trung Chải đưa ra khỏi Đảng 7,7%, Sín Hồ Sán 12,5%; riêng có hai cơ sở của 26 cơ sở trong đợt không phải xử trí bằng hình thức đưa ra khỏi Đảng (Chi bộ Pom Hán, C.5 công an nhân dân vũ trang).

Về các biểu hiện sai phạm thì ở nông trường, đường phố số đảng viên bị kỷ luật thường là vi phạm tiêu chuẩn chính trị, ở các cơ quan, xí nghiệp thường là sai phạm về phẩm chất đạo đức (Đảng bộ Y tế kỷ luật 14 đảng viên từ hình thức khiển trách đến khai trừ đều do sai phạm về phẩm chất đạo đức).

Trong số đã đưa ra khỏi Đảng có 21,38% tổng số cấp ủy viên, trong đó có 23,07% tổng số bí thư chi, đảng bộ. 27,27% chủ tịch xã, 19,53% phó chủ tịch xã, 21,5% xã đội trưởng, 20,83% chủ nhiệm hợp tác xã.

Về dân tộc số đảng viên phải xử trí so với tổng số đảng viên dân tộc trong 26 cơ sở chiếm tỷ lệ 32,91%, trong đó số đảng viên từng dân tộc so với số phải xử trí trong dân tộc đó thì tỷ lệ Mèo chiếm 41,66%, Tày 19,23%, Dáy 48%, Hán 25%, Dao 20%, Nùng 54%, Phù Lá 18%, Thu Lao 16%, Pa dí và Tu dí đều 50%, Xa Phó 20% còn lại có một dân tộc có đảng viên nhưng không có xử trí là La Chí.

Nói chung việc xử trí đảng viên làm có kiên quyết (nhất là số vi phạm tiêu chuẩn chính trị) dứt điểm và thận trọng đảm bảo đúng phương châm, chính sách. Mặc dầu có nhiều trường hợp việc thẩm tra xác minh có nhiều khó khăn nhưng đều khắc phục kiên quyết làm rõ các vấn đề trước khi kết luận (trường hợp ở Văn phòng Ty Công nghiệp).

Việc kết luận, và xét duyệt xử trí đều bảo đảm nguyên tắc tập thể, căn cứ vào tình hình cụ thể từng địa phương, đi sâu đánh giá bản chất của mỗi cán bộ, đảng viên nên việc vận dụng phương châm, chính sách nói chung là sát hợp.

Việc giáo dục những đảng viên xử trí kỷ luật được coi trọng nên hầu hết những người bị xử trí đều nhận rõ sai lầm khuyết điểm, tự giác nhận kỷ luật của Đảng, nhiều người sau khi bị xử trí về Đảng đã có biểu hiện đúng, nhiều người vẫn tích cực hoạt động trên các mặt công tác (Cam Đường, Nam Cường, Dìn Chín...), nhiều nơi tỷ lệ xử trí cao như tám xã Pha Long, tỷ lệ xử trí so với tổng số đảng viên chiếm 38,48% nhưng tình hình vẫn đảm bảo tốt.

Qua việc tiến hành xử trí kỷ luật đảng viên, việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng đã làm cho tổ chức đảng được trong sạch về chính trị, bước đầu được củng cố về tổ chức, một số nơi đảm bảo yêu cầu vững mạnh, được đảng viên và quần chúng đồng tình có tác dụng thúc đẩy sự hoạt động của các chi, đảng bộ và mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là ý thức Đảng thể hiện trong sinh hoạt và công tác của cán bộ, đảng viên đã có những chuyển biến rõ rệt.

Thông qua việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và xử trí kỷ luật những đảng viên có sai phạm đã làm cho các cấp ủy Đảng đánh giá được rõ hơn các chi, đảng bộ của đội ngũ cán bộ, đảng viên; đồng thời đã thấy được những thiếu sót, tồn tại trong công tác xây dựng phát triển đảng tuy có được tăng về số lượng nhưng nhiều trường hợp chưa đảm bảo tiêu chuẩn, các nguyên tắc thủ tục khi kết nạp Đảng chưa được chấp hành đầy đủ, việc quán triệt các thông tri, chỉ thị, hướng dẫn về công tác xây dựng Đảng nhiều nơi làm chưa tốt, việc quản lý đảng viên chưa chặt chẽ, giáo dục, bồi dưỡng đảng viên làm không thường xuyên, kỷ luật Đảng chưa được đề cao... và cũng từ đó đã có kế hoạch sửa chữa, nhìn chung các nguyên tắc xây dựng Đảng từng bước thực hiện, nội dung sinh hoạt được cải tiến.

Các tổ chức cơ sở đảng đều đã tổ chức được Đại hội, bầu được cấp ủy mới đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, các cuộc họp của chi ủy, chi bộ đã được chuẩn bị, đã tập trung bàn những vấn đề trọng tâm, mỗi việc đều có sự phân công, mỗi đảng viên đều được bàn bạc và được giao nhiệm vụ cụ thể, các chi bộ, tổ đảng đã duy trì được các cuộc sinh hoạt thường kỳ, tinh thần phê bình và tự phê bình của đảng viên được nâng lên, những đảng viên có sai phạm đã được phê bình giáo dục và có những hình thức kỷ luật thích đáng, các loại sổ sách theo dõi công tác Đảng của các chi, đảng bộ được kiện toàn, lý lịch đảng viên theo 31 điều được bổ sung hoặc viết lại.

Tuy nhiên, công tác xử trí đảng viên trong đợt vừa qua cũng còn những khuyết điểm: Một số nơi khi xây dựng hồ sơ thiếu đi sâu, có những vấn đề trong hồ sơ thiếu cụ thể nên có một số trường hợp phải duyệt đi duyệt lại nhiều lần. Nói chung việc xử trí những trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chính trị thì kiên quyết, những vi phạm về phẩm chất đạo đức thì có một số trường hợp giải quyết chưa triệt để, nên đảng viên, quần chúng ở cơ sở còn thắc mắc. Cá biệt có nơi diện xử trí còn rộng, có tính chất châm trước (Y tế), một

số nơi làm công tác tư tưởng cho những người bị xử trí chưa tốt và thực tế họ đang có những phản ứng xấu (Na Hối).

C. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ VÀ CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC

Cùng với việc thực hiện Chỉ thị 192, những nhiệm vụ chính trị trước mắt ở cơ sở nhìn chung đều đã được đẩy mạnh, nhiều nơi đã có sự chuyển biến rõ rệt như: Việc tập trung thu hoạch nhanh, gọn vụ mùa trồng thêm sò vụ thu, đông, bước vào vụ Đông - Xuân năm 1973 - 1974 nhiều nơi đã có phong trào cây ải ruộng, nương trước tết (các xã Tả Ngải Chồ, Sư Ma Tùng, Lao Táo, Cam Đường, Nam Cường), nhiều nơi đã làm tốt việc trồng chè, đậu tương xuân, việc đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước được đẩy mạnh hơn trước (tám xã khu vực Pha Long trong 7 tháng đầu năm 1973 mới bán được 1.051 kg thịt lợn nghĩa vụ, nhưng trong 5 tháng cuối năm 1973 khi thực hiện Chỉ thị 192 đã bán được 6.392 kg thịt lợn, và đã nhập kho thêm cho Nhà nước trên 23.380 kg lương thực).

Việc thực hiện nghĩa vụ quân sự cũng được đẩy mạnh, nhiều nơi vượt chỉ tiêu, như các xã Nam Cường, Cam Đường, khu Bến Đá (thị xã Cam Đường), một số xã vùng cao có những cố gắng vận động thanh niên đi khám tuyển và một số đã nhập ngũ như các xã Tả Phìn, Sư Ma Tùng, Tả Ngải Chồ, Lô Sủ Thành, v.v..

Hầu hết các xã đều có phong trào tu sửa lại trường học, trạm xá, làm vệ sinh công cộng, vận động nhân dân các dân tộc tu sửa lại đường xá liên thôn, liên xã, làm sân chợ, sửa chữa các cầu đi lại thuộc phạm vi từng xã, nhiều xã đã huy động dân công lên các công trường giao thông vượt chỉ tiêu kế hoạch góp phần vào việc hoàn thành tuyến đường Mường Khương - Pha Long và tuyến đường Bắc Hà - Si Ma Cai.

Một số xã chi bộ đã lãnh đạo việc thu hồi vốn, cử người bán hàng, và mở lại các cửa hàng hợp tác xã mua bán, tổ chức đem

hàng về phục vụ nhân dân được nhân dân hưởng ứng, có nơi nhân dân đã bỏ ra 6,7 nghìn đồng để cho Ban quản trị vay trước làm vốn kinh doanh cho hợp tác xã (Sư Ma Tùng, Tả Ngải Chồ, Thải Giàng Sán, khu Bến Đá, thị xã Cam Đường).

Ở các cơ sở ở cơ quan, hợp tác xã thủ công, lực lượng vũ trang cũng đã có những chuyển biến tốt trong việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước như chi bộ hợp tác xã thủ công (thị xã Lào Cai) đã lãnh đạo Hợp tác xã Hợp Thành vượt mức kế hoạch năm 1973 là 4,6%, Hợp tác xã Thống Nhất vượt kế hoạch năm 1973 là 1,5%, Xí nghiệp Dược phẩm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1973. Vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1973, Ty Công nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ công tác theo phương trình quy định, đơn vị C.5 công an nhân dân vũ trang đảm bảo tốt việc canh giữ phạm nhân, v.v..

Các tổ chức đoàn thể quần chúng đã được củng cố bước đầu, nhiều nơi đã mở Đại hội thanh niên, phụ nữ ở cơ sở, hoạt động của các tổ chức thanh niên, phụ nữ ở cơ sở bước đầu có chuyển biến, có tác dụng giúp các chi, đảng bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra.

Khuyết điểm của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị là: Nhiều nơi không coi trọng thường xuyên (nhất là ở bước hai khi tổ công tác tập trung vào việc xác minh, kết luận những đảng viên có vấn đề). Một số nơi chưa quán triệt các công việc nên ở một vài nơi mức độ chuyển biến còn rất chậm, nhất là nơi vốn là cơ sở kém nát (Dìn Chín, Lao Táo, Chi bộ Quốc doanh Dược phẩm).

D. KHUYẾT ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO CHỈ ĐẠO CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

Qua đợt thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, kiểm điểm lại việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng có những ưu điểm:

Sau khi có Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và sau khi đã hoàn thành thí điểm ở 5 tổ chức cơ sở đảng. Tập thể Tỉnh ủy đã nghiên cứu quán triệt từ đó đã có dự án kế hoạch thực hiện Chỉ thị 192 trong toàn tỉnh, đã kiên quyết tập trung một số lớn cán bộ có bồi dưỡng chu đáo để thực hiện đợt thí điểm mở rộng.

Địa bàn thí điểm mở rộng được chuẩn bị kỹ và đã căn cứ vào từng địa bàn để bố trí những cán bộ phù hợp, sau đó giao trách nhiệm cho các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh và Đảng đoàn ngành trực tiếp chỉ đạo dưới sự lãnh đạo tập trung của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong quá trình thực hiện Tỉnh ủy đã phân công một số đồng chí cấp ủy viên và tập trung một số cán bộ có năng lực làm nhiệm vụ theo dõi kiểm tra giúp đỡ cơ sở nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thực hiện tốt Chỉ thị số 192.

Mặc dầu với điều kiện địa bàn rộng, số đối tượng xét duyệt nhiều trong lúc đó nhiều đồng chí Thường vụ lại bận đi công tác khác (đi học, họp, chữa bệnh) nhưng từng bước công tác Thường vụ vẫn chỉ đạo, chặt chẽ, nhiều đồng chí đã xuống tận cơ sở để kiểm tra, việc xử trí xét duyệt nói chung là gọn, dứt điểm, bảo đảm phương châm, chính sách.

Việc sử dụng các Ban xây dựng Đảng (Tuyên huấn, Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra) nói chung là tốt, đã định rõ được chức năng trách nhiệm của từng Ban chỉ đạo sự phối hợp giữa ba ban do Ủy ban Kiểm tra chủ trì; đồng thời đã sử dụng một số ngành, Ban khác phục vụ cuộc vận động.

Với các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh và Đảng đoàn ngành ở những nơi có thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị số 192 đã có nhiều cố gắng, nhiều nơi đã cử các đồng chí Thường vụ hoặc cấp ủy viên trực tiếp xuống cơ sở để chỉ đạo, đã huy động được một số ngành ở huyện, thị tham gia việc lãnh đạo, chỉ đạo nói chung được chặt chẽ, vì vậy chẳng những đã thực hiện tốt Chỉ thị số 192 ở các

cơ sở làm đợt này mà còn rút ra được những kinh nghiệm, tạo ra được một lực lượng cán bộ để thực hiện các đợt tiếp theo (Mường Khương, Bảo Thắng).

Đối với các tổ chức công tác nói chung nắm được chủ trương, chính sách đề cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ, được đảng viên và quần chúng yêu mến, tin cậy.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm chính nói trên kiểm điểm lại về mặt lãnh đạo, chỉ đạo vẫn còn những thiếu sót, khuyết điểm.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy so với đợt trước thì đã tập trung hơn nhưng cũng có thời gian tập trung chưa cao, nhất là thời gian có số các đồng chí Thường vụ đi vắng nhiều, một số đồng chí cấp ủy được phân công, nhưng chưa thực sự tham gia, việc thường xuyên nghe báo cáo của cấp dưới để uốn nắn làm còn ít.

Việc chỉ đạo phối hợp, sử dụng ba Ban xây dựng Đảng tuy đã có những tiến bộ, các Ban có nhiều cố gắng, chủ động, tích cực phát huy chức năng của mình trong việc tham mưu cho cấp ủy (Ủy ban Kiểm tra) nhưng tác động của một số Ban khác còn bị hạn chế, việc sử dụng các Ban, ngành khác của tỉnh nói chung chưa tốt, nhiều Ban, ngành chưa có kế hoạch tham gia nên việc giúp các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy trực thuộc về từng mặt công tác xây dựng Đảng còn ít, có việc làm chưa thiết thực (tài liệu giáo dục đảng viên loại trình độ giác ngộ chính trị thấp kém).

Trong quá trình chỉ đạo cụ thể của các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, có nơi kế hoạch đề ra thiếu cụ thể, chưa theo đúng hướng dẫn của trên, lãnh đạo chỉ đạo tập trung, còn có tình trạng giao phó cho một vài đồng chí trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, có những nơi đạt yêu cầu chưa cao, thời gian bị kéo dài hoặc có những sai sót.

Một số ít tổ công tác quản lý cán bộ chưa thật chặt chẽ, chưa thực sự bám sát cơ sở, bám sát cán bộ; đảng viên và quần chúng

nên việc làm chưa sâu sát, kết quả bị hạn chế, cá biệt có cán bộ còn vi phạm nội quy, kỷ luật công tác.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua hơn 5 tháng chỉ đạo đột thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ở 26 tổ chức cơ sở đảng. Tuy ở từng cơ sở có những khó khăn, thuận lợi khác nhau và bên cạnh những kết quả đã đạt được thì ở mỗi nơi cũng còn có những thiếu sót, tồn tại nhưng nói chung đều đạt yêu cầu.

Qua học tập, qua phê bình và tự phê bình đảng viên và quần chúng đã nhận thức sâu sắc hơn về mục đích, tính chất của Đảng, về những phương châm, nguyên tắc xây dựng Đảng, về tiêu chuẩn và tư cách đảng viên, thấy rõ hơn trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng, bảo vệ Đảng và việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng; nhiều đảng viên đã tự giác liên hệ, kiểm điểm những sai lầm khuyết điểm của mình và mạnh dạn phê bình những sai lầm của đảng viên khác, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên được đề cao, những sai sót khuyết điểm của đảng viên được dần dần sửa chữa, tình trạng thiếu đoàn kết nội bộ ở một số nơi mới được giải quyết bước đầu, việc xử trí đảng viên nói chung là tốt, đảm bảo tinh thần kiên quyết và thận trọng, đảm bảo đúng phương châm, nguyên tắc, chính sách, đã làm cho tổ chức đảng được trong sạch về chính trị, và một số nơi đảm bảo được yêu cầu vững mạnh, tổ chức đảng ở nhiều nơi được củng cố kiện toàn. Các nguyên tắc thủ tục sinh hoạt đảng được thực hiện và đi vào nền nếp, việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trước mắt được đẩy mạnh, đồng thời đã rút ra được những kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng nói chung và việc thực hiện Chỉ thị số 192 của các tổ chức cơ sở đảng nói riêng.

Tuy nhiên, những kết quả nêu trên mới là bước đầu, trong quá trình thực hiện cũng còn những thiếu sót và ở mỗi nơi cũng còn những vấn đề tồn tại như: Một số nơi đạt yêu cầu chưa cao (thường là những nơi phong trào yếu kém) chuyển biến nhận thức của một số đảng viên còn chậm, một số nơi sửa chữa khuyết điểm chưa tốt (vấn đề trả nợ ở vùng cao, vấn đề đoàn kết nội bộ). Tổ chức đảng tuy được trong sạch về chính trị nhưng nhiều nơi chưa đảm bảo yêu cầu vững vàng, nhiều nơi số cốt cán mới còn lúng túng trong công tác, việc giáo dục đảng viên trình độ chính trị thấp kém chưa có nội dung và phương pháp cụ thể, một số nơi chưa làm tốt việc giáo dục những người bị xử trí nên cá biệt có những phản ứng xấu, việc thực hiện phương châm, chính sách nói chung là tốt nhưng cũng có lúc, có nơi chưa thật quán triệt, việc thực hiện nhiệm vụ chính trị chưa được quan tâm đầy đủ.

Với những kết quả và tồn tại nêu trên qua quá trình lãnh đạo, chỉ đạo sơ bộ rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

1. Vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo được chặt chẽ và sát sao của các cấp ủy Đảng khi tiến hành thực hiện Chỉ thị 192 ở các tổ chức cơ sở là rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định.

Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng là một trong ba nội dung của cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên nhằm làm cho Đảng được trong sạch, vững mạnh. Đây là cuộc vận động lớn, có tầm quan trọng đặc biệt, nó quan hệ trực tiếp đến sinh mệnh chính trị của đảng viên, đến sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, vì vậy các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo, chỉ đạo thật chặt chẽ.

Muốn vậy tập thể các cấp ủy Đảng (nhất là các đồng chí chủ chốt) phải nghiên cứu quán triệt tinh thần chỉ thị, nghị quyết và các hướng dẫn của trên. Từ đó tùy theo trách nhiệm của từng cấp mà vạch ra kế hoạch cụ thể để thực hiện ở từng Đảng bộ ở cấp tỉnh cũng như cấp huyện và tương đương; phải kiên quyết tập trung

những cán bộ có năng lực, được bồi dưỡng chu đáo và căn cứ vào từng địa bàn để bố trí cán bộ cho thích hợp, đồng thời phải huy động được các Ban các ngành tham gia với chức năng trách nhiệm của từng Ban, từng ngành, phải phân công cho từng cấp ủy viên phụ trách từng địa bàn, từng công việc nhất định.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện phải tăng cường việc kiểm tra đôn đốc, tập thể Thường vụ cấp ủy phải thường xuyên nghe báo cáo và quyết định những chủ trương, biện pháp cụ thể chống tình trạng khoán trắng cho một vài đồng chí trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng, hoặc các Ban xây dựng Đảng. Riêng đối với những cán bộ được điều động đi thực hiện Chỉ thị số 192 phải đảm bảo tiêu chuẩn chính trị, đạo đức. Phải được bồi dưỡng chu đáo, có lập trường quan điểm vững vàng, am hiểu tình hình chính trị, xã hội địa phương, hiểu biết về công tác xây dựng Đảng, có năng lực tổ chức thực hiện Chỉ thị số 192 và nghị quyết, thái độ, tác phong tốt làm mẫu mực cho đảng viên và quần chúng ở cơ sở.

Kinh nghiệm thực tế trong đợt vừa qua ở những nơi tập thể cấp ủy thông suốt, lãnh đạo chặt chẽ, quyết tâm, thì việc thực hiện có kết quả tốt như huyện Mường Khương là nơi có địa bàn thí điểm mở rộng ở nhiều cơ sở đảng (tám xã khu vực Pha Long) có nhiều khó khăn phức tạp (vùng cao, biên giới, tình hình chính trị phức tạp, nhiều cơ sở yếu kém) nhưng cấp ủy thông suốt quyết tâm, lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể đặc biệt là đã tập trung một số Thường vụ và cấp ủy viên (3 thường vụ, 3 huyện ủy viên) trực tiếp chỉ đạo, huy động được các Ban, ngành tham gia, vì vậy, việc làm ở đây vừa gọn, dứt điểm các vấn đề, đạt yêu cầu khá. Một số cấp ủy khác như Huyện ủy Bảo Thắng, Thị ủy Lào Cai, Đảng ủy Công an nhân dân vũ trang cũng có những cố gắng nên các điểm đều đạt yêu cầu, đẩy mạnh được nhiệm vụ chính trị trước mắt. Ngược lại có những nơi như Huyện ủy Bắc Hà, Si Ma Cai, Đảng ủy Dân Chính Đảng... tuy diện thí điểm không rộng (mỗi nơi hai điểm) không phải là những

nơi có nhiều khó khăn hơn các nơi khác, nhưng do chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm, việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa tập trung, có tình trạng khoán trắng cho một vài đồng chí trong cấp ủy trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng, nên kết quả bị hạn chế, có nơi bị kéo dài, thậm chí có nơi còn có những vấn đề tồn tại lớn đáng lẽ phải giải quyết ngay trong cuộc vận động và qua thực tế chỉ đạo cuộc vận động nơi nào có cán bộ thể hiện nhiệt tình, nắm vững đường lối, chính sách. Có phương pháp công tác tốt thì kết quả ở đó tốt hơn (Nam Cường, Cam Đường, một số xã khu Pha Long, khu Bến Đá, Chi bộ Xí nghiệp Dược phẩm...). Ngược lại, ở những nơi phương pháp của cán bộ tổ công tác chưa tốt thì kết quả sẽ lại hạn chế (Lao Táo, Dìn Chin, Na Hối...).

2. Quá trình thực hiện Chỉ thị số 192 phải là quá trình liên tục phát động tư tưởng đảng viên và quần chúng. Như vậy việc thực hiện chỉ thị mới có kết quả thiết thực.

Một trong những phương châm Bộ Chính trị đề ra cho cuộc vận động là: “Phải phát động toàn Đảng tiến hành và phải gây được một phong trào quần chúng tích cực hưởng ứng, ủng hộ”.

Muốn đảm bảo phương châm toàn Đảng tiến hành và có phong trào quần chúng ủng hộ thì việc giáo dục phát động tư tưởng đảng viên và quần chúng phải được coi trọng thường xuyên (đặc biệt là phải làm tốt ở bước 1) và phải có nội dung phương pháp để giáo dục đảng viên và quần chúng ở từng nơi cho phù hợp. Phải coi trọng việc giáo dục cá biệt, đi sát cơ sở nắm và kịp thời giải quyết những vướng mắc của đảng viên và quần chúng.

Trong việc giáo dục phát động tư tưởng đảng viên, quần chúng phải làm tốt việc truyền đạt tài liệu, đồng thời phải làm tốt việc kiểm điểm của chi, đảng bộ, và phải căn cứ vào tình hình của từng đảng bộ mà đặt ra yêu cầu giải quyết nhận thức, giải quyết tư tưởng cho đảng viên, quần chúng.

Thực tế vừa qua có nơi hầu hết đảng viên phải đưa vào loại xem xét (Sư Ma Tùng, Lao Táo, Tả Gia Khâu, Tả Ngải Chồ), tư tưởng đảng viên có nhiều lo lắng (nhất là tư tưởng sợ đấu tố hoặc tù tội). Về quần chúng (nhất là quần chúng các dân tộc ở vùng cao) thường biểu hiện hoài nghi, nể nang, sợ thù oán... Trước tình hình như vậy, một số nơi đã nắm chắc được những diễn biến và mắc mứu của đảng viên, quần chúng và giải quyết kịp thời, gây cho đảng viên và quần chúng tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng nên đã động viên được đảng viên, quần chúng yên tâm, tích cực đóng góp phần mình vào cuộc vận động. Riêng số đảng viên có sai lầm khuyết điểm đều đã tự giác báo cáo với tổ chức đảng những sai lầm khuyết điểm của mình và quyết tâm sửa chữa, nhiều người sau khi bị xử trí về Đảng vẫn có thái độ đúng mức. Cán bộ, đảng viên và quần chúng có những chuyển biến cách mạng mạnh mẽ (Cam Đường, Nam Cường, Pha Long, khu Bến Đá, Xí nghiệp Dược phẩm...).

Ngược lại, ở những nơi việc giáo dục đảng viên và quần chúng trong bước tập trung chưa tốt (việc chưa tốt biểu hiện ở hai vấn đề: khâu truyền đạt chỉ thị không thích hợp với trình độ đảng viên, quần chúng, khâu phát động tư tưởng thông qua báo cáo kiểm điểm của chi, đảng ủy hội hợt), tiếp đó lại chưa đi sâu vào đảng viên quần chúng để giáo dục phát động cá biệt, nên không kịp thời kêu gọi giải quyết những nhận thức lệch lạc của đảng viên và quần chúng, đảng viên không tự giác báo cáo, thậm chí còn có hành động đối phó lại, quần chúng không dám phê bình đảng viên (Lao Táo); có nơi vì không nắm được và không kịp thời giải quyết tư tưởng cho đảng viên, nên đã xảy ra những vấn đề phức tạp (Dìn Chín); có nơi đã để đảng viên tự kiểm điểm trước quần chúng, cách làm đó vừa không đúng và thực tế đã làm cho quần chúng khi phê bình đảng viên bị nhiều hạn chế.

3. Xác định và chỉ đạo thực hiện phương châm gắn liền với việc phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Coi đó là một yêu cầu phải thể hiện ở mọi khâu công tác, và suốt cả quá trình cuộc vận động trong đợt tiến hành tập trung ở cơ sở.

Trước hết, cần khẳng định việc thực hiện Chỉ thị số 192 có kết quả tốt là phải trên cơ sở bám chặt được nhiệm vụ chính trị và phải có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trước mắt ở cơ sở.

Nhận thức việc bám chặt nhiệm vụ chính trị ở đây là phải gắn nó với các việc xác định mục đích, yêu cầu thực hiện Chỉ thị số 192; xác định và phân tích trong báo cáo kiểm điểm của chỉ thị, Đảng ủy; chỉ đạo việc tự liên hệ và phê bình, tự phê bình cũng như việc kiểm thảo xử trí đảng viên; tổ chức cho đảng viên và chi, đảng bộ sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm và đề ra phương hướng phấn đấu của chi, đảng bộ và đảng viên. Trên các khâu này nếu tách rời với nhiệm vụ chính trị, hoặc làm một cách phiến diện, hình thức thì việc thực hiện Chỉ thị số 192 sẽ không có tác dụng.

Đối với các nhiệm vụ chính trị, trước mắt ở cơ sở như đẩy mạnh sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất, giữ gìn trật tự trị an... thông qua yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên phải có tác dụng thúc đẩy tốt hơn, tránh tình trạng chỉ tập trung vào một việc đi tìm các tài liệu để kiểm thảo, xử trí đảng viên và nếu như vậy thì việc thực hiện Chỉ thị 192 sẽ không có ý nghĩa và hiệu quả thiết thực, tuy nhiên do thời gian có hạn nên ở mỗi nơi phải định ra được yêu cầu phù hợp, riêng việc củng cố lại quan hệ sản xuất ở nơi hợp tác xã đã vỡ, vấn đề chính đặt ra như thực hiện Chỉ thị 192 là phải giáo dục cho đảng viên, quần chúng nhận thức rõ việc xây dựng hợp tác xã là vấn đề tất yếu đưa nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi cán bộ đảng viên phải đi đầu và vận động quần chúng tham gia xây dựng củng cố hợp tác xã tạo điều kiện việc củng cố xây dựng hợp tác xã sau đó.

Thực tế đợt làm vừa qua nhiều nơi do nhận thức đúng nên đã gắn được giữa việc thực hiện Chỉ thị 192 với nhiệm vụ chính trị thúc đẩy nhiệm vụ, chính trị trước mắt một cách tương đối tốt như ở nông thôn chi, đảng ủy và đảng viên nhiều nơi đã phê phán và đã có nhận thức đúng, bước đầu đã có sửa chữa những quan điểm lệch lạc đối với việc xây dựng củng cố hợp tác xã, đối với việc tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn, và việc phát huy ba thế mạnh ở miền núi; ở cơ quan một số nơi đã căn cứ vào nhiệm vụ chính trị chủ yếu của ngành để phân tích, kiểm điểm sai sót và bước đầu có sửa chữa những thiếu sót đã được kiểm điểm với mức độ khác nhau.

Việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị trước mắt ở các cơ sở nông thôn như công tác sản xuất ba thu, tuyển quân nhìn chung đều có được thúc đẩy tốt hơn so với cùng thời gian của năm trước. Ngược lại, có nơi chưa phát động đảng viên kể cả việc kiểm điểm thiếu sót và sửa chữa thiếu sót; hoặc có nơi đề ra yêu cầu việc gắn với nhiệm vụ chính trị một cách không thiết thực, không phù hợp với khả năng thực tế và thời gian quy định có hạn của đợt tập trung, dẫn đến không thực hiện được. Rút ra đối với nơi này chính là do chưa nhận thức và nắm được đầy đủ tinh thần phương châm cuộc vận động.

4. Mỗi đảng viên sai lầm khi xử trí phải trên cơ sở lấy tiêu chuẩn đảng viên làm mốc để phân tích, đối chiếu, nhưng lại phải căn cứ vào tình hình cụ thể mỗi trường hợp sai phạm có hoàn cảnh, mức độ và tính chất khác nhau; đồng thời ở mỗi người tuy có sai phạm nhưng về sự cống hiến, rèn luyện cũng có khác nhau. Tự do để cân nhắc thì việc xử trí mới bảo đảm đúng phương châm, chính sách của Đảng.

Việc xử trí đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng là một trong những nội dung chính của cuộc vận động và là một việc làm rất khó khăn, phức tạp vì nó trực tiếp động chạm đến sinh mệnh chính trị của đảng viên, quan hệ đến việc đoàn kết nhất trí trong Đảng. Do đó, về nguyên tắc một mặt

phải nghiêm túc chấp hành các chủ trương, chính sách và những quy định của trên một mặt phải có sự nghiên cứu vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương cho phù hợp, đề phòng các khuynh hướng tả, hữu, dè dặt, nể nang hoặc khắt khe thành kiến.

Phải khách quan, toàn diện đánh giá đúng bản chất của mỗi sự việc, mỗi người khi xét duyệt phải đảm bảo nguyên tắc tập thể có phân tích cụ thể từng trường hợp.

Thực tế ở địa bàn của đợt thí điểm mở rộng lần này, đặc biệt là ở cơ sở xã đã phản ánh tình hình rất phức tạp: Diện phải xem xét về lịch sử chính trị phức tạp có nhiều, trong đó nhiều nơi nhất là vùng cao gần như hầu hết số đồng chí trong cấp ủy cơ sở phải đưa vào loại xem xét. Số các đồng chí thuộc diện phải xem xét đó đa số là các đồng chí đã có nhiều đóng góp cho phong trào ở cơ sở. Đã vậy, việc xem xét và xử trí đối với số đồng chí này thường lại có quan hệ đến tình cảm người cùng dòng họ, dân tộc. Vì thế việc giáo dục tư tưởng để ổn định được tình hình đã là một việc làm rất công phu, nhưng việc xử trí làm sao để không có sai hoặc sót bảo đảm được phương châm, chính sách lại là một việc làm mất nhiều thời gian và công phu hơn.

Tuy thế, do biết coi trọng và nghiên cứu kỹ tài liệu do đảng viên, quần chúng cung cấp đặc biệt là tài liệu tự liên hệ phê bình của đảng viên, đồng thời nắm vững và biết vận dụng phương châm, chính sách xử trí của Đảng vào từng trường hợp cụ thể và coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, nên việc xét duyệt, xử trí nói chung là tốt, được đông đảo đảng viên, quần chúng đồng tình, những người phải đưa ra khỏi Đảng tuy tâm tư còn ít nhiều vướng mắc nhưng cũng đều thừa nhận là phù hợp với nguyên tắc xây dựng Đảng, tuyệt đại đa số những người bị xử trí đều tiếp thu nghị quyết xử trí của Đảng. Sau khi xử trí tình hình đều ổn định. Thông qua xử trí đã có tác dụng giáo dục thiết thực đối với đảng viên, quần chúng và nhìn chung qua thực hiện Chỉ thị số 192 đã một bước làm cho tổ chức đảng ở cơ sở được trong sạch.

Bên cạnh kết quả đó cũng còn một số nơi có biểu hiện khi xét xử còn do dự, hoặc chưa nghiêm đối với một vài trường hợp sai phạm thuộc về phẩm chất đạo đức cách mạng, hoặc có số nơi người bị xử trí có phản ứng xấu... Kiểm điểm lại có các thiếu sót đó là do việc nhận thức về phương châm, chính sách, cũng như việc giáo dục chưa được tốt.

Với ý định của đợt chỉ đạo thí điểm mở rộng đã kiểm điểm đánh giá những ưu điểm, kết quả cũng như những thiếu sót, tồn tại như nêu trên. Các cấp ủy căn cứ vào đó mà kiểm điểm để phát huy mặt tốt, sửa chữa mặt chưa tốt, nhằm để chỉ đạo những đợt làm tiếp theo được kết quả tốt hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 11-BC/TU, ngày 10-7-1971

**Về tổng kết vòng 1 cuộc vận động tăng cường chế độ
làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao chất lượng
đảng viên, lao động sản xuất và thời kỳ vận động
tập trung của cuộc vận động định canh định cư
ở nông thôn**

Thi hành Nghị quyết số 194 của Bộ Chính trị, bước sang đầu năm 1970, Tỉnh ủy đã quyết định mở cuộc vận động thi đua lao động sản xuất, nhằm thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1970 trong toàn tỉnh. Tiếp theo Trung ương Đảng lại ra các Nghị quyết 195, 196, 197... và các Nghị quyết 20, 117, 149, 225... Tỉnh đã quán triệt và cụ thể hóa các nghị quyết đó thành nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ V và Đại hội các huyện, thị, tạo nên sự nhất trí cao trong toàn Đảng bộ từ trên xuống dưới.

Các nghị quyết của Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ đáp ứng rất trúng những yêu cầu cơ bản và bức thiết của tình hình nông thôn hiện nay. Mỗi nghị quyết tuy có nội dung khác nhau nhưng có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Do đó trước khi triển khai việc thực hiện các nghị quyết xuống cơ sở, Tỉnh ủy đã xác định: Trong suốt quá trình cuộc vận động ở nông thôn, phải quán triệt cả các Nghị quyết 194, 195, 197 của Trung ương Đảng, Nghị quyết 38... của Chính phủ; phát động được khí thế sôi nổi trong

mỗi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đưa giai cấp nông dân tập thể vùng lên mạnh mẽ, quyết tâm đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng, đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp tiến lên một bước mới, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ và tăng cường vai trò hiệu lực của các cấp đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Về kế hoạch tiến hành, Tỉnh ủy đã quyết định thống nhất lại thành một cuộc vận động quần chúng, sâu rộng lấy phong trào lao động sản xuất làm hành động cách mạng, làm thước đo kết quả cụ thể, lấy vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể và vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa làm trung tâm làm đòn xeo thúc đẩy các mặt công tác khác trong nông thôn lấy vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh” làm then chốt quyết định đối với mọi công tác.

Theo kế hoạch đề ra thì cuộc vận động tiến hành trong 2 năm 1970 - 1971, mỗi năm làm 1 vòng, mỗi vòng chia làm 2 đợt, theo vụ sản xuất, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu cơ bản và chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đề ra cho 3 năm 1970 - 1972 là phấn đấu đảm bảo căn bản tự túc lương thực, thực phẩm thuộc phạm vi địa phương, từng bước tập trung phát triển các ngành có ưu thế nhất như cây công nghiệp, cây đặc sản, nghề rừng, chăn nuôi. Năm 1970 tập trung phấn đấu đảm bảo vượt mức kế hoạch 47.500 tấn lương thực của Trung ương giao và giành mục tiêu 52.000 tấn lương thực của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra.

Để đảm bảo tốt cuộc vận động, Tỉnh ủy đã tiến hành bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở tự làm là chính, đồng thời đã điều động cán bộ các ngành xung quanh tỉnh và huyện (tỉnh 289 cán bộ, huyện 119 cán bộ), bao gồm 133 cán bộ chính trị, 211 cán bộ nhân viên nghiệp vụ quản lý, 34 cán bộ đại học, 32 cán bộ trung cấp kỹ thuật nông nghiệp, xuống tăng cường giúp đỡ cán bộ cơ sở. Trước khi đưa xuống cơ sở, tỉnh đã cho cán bộ quán triệt nội dung cơ bản các nghị quyết, các chính sách và nghiệp vụ quản lý hợp tác xã.

Ngoài ra các ngành còn huy động cán bộ nghiệp vụ xuống nông thôn từng đợt để thúc đẩy hoạt động của các ngành ở cơ sở đồng thời giúp cơ sở về nghiệp vụ quản lý và kỹ thuật (Ngân hàng 49 người, Ty Tài chính 7 người, Ty Giáo dục 250 người, Ty Y tế 42 người).

Về chỉ đạo cuộc vận động: Không lập ban chỉ đạo cuộc vận động riêng, mà do tập thể Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo. Các Ban của Đảng làm tham mưu giúp cấp ủy theo dõi kiểm tra tổng hợp, đề xuất. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách huyện nào thì kiểm tra huyện ấy đi sâu chịu trách nhiệm trước tập thể về công việc thuộc Ban mình phụ trách. Riêng ba xã chỉ đạo đại diện cho ba vùng, vùng thấp xã Bản Lầu, vùng cao xã Pha Long, vùng giữa xã Cốc Lầu, mỗi điểm có một đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp chỉ đạo. Mỗi huyện chỉ đạo riêng từ một đến hai xã trọng điểm theo vùng sản xuất (12 xã toàn tỉnh thành một mạng lưới chỉ đạo riêng của tỉnh, huyện về cuộc vận động).

Do đặc điểm nông thôn, đại bộ phận là vùng cao, tình hình du canh du cư còn nặng, diện xã phải vận động định canh định cư tới 115/124 xã, phong trào hợp tác xã lại phát triển không đều giữa các vùng, các xã, nên khi chỉ đạo cụ thể tỉnh đã định rõ nội dung chủ yếu cho hai vùng khác nhau (cao và thấp) để thực hiện. Đối với những hợp tác xã chưa đủ nội dung kinh tế và những xã, thôn chưa có hợp tác xã (đại bộ phận là vùng cao và giữa), thì lấy việc vận động quần chúng thực hiện các yêu cầu của cuộc vận động định canh định cư làm chủ yếu, đồng thời thực hiện có mức độ tinh thần Nghị quyết số 197 của Bộ Chính trị. Đối với hợp tác xã có đủ điều kiện (đại bộ phận là vùng thấp) thì lấy việc thực hiện Nghị quyết số 197 của Bộ Chính trị làm chủ yếu, đồng thời quán triệt và thực hiện Nghị quyết 38.CP. Đối với Nghị quyết 195 về vận động nâng cao chất lượng đảng viên thì tất cả các hợp tác xã cả hai vùng đều phải thực hiện lấy đó làm nhân tố cơ bản quyết định, đối với mọi công tác mọi yêu cầu của cuộc vận động.

Phương châm, phương pháp tiến hành đã thực hiện trong cuộc vận động là: Tổ chức học tập quán triệt các nghị quyết từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, cán bộ trên về bồi dưỡng, đảng viên, cán bộ xã. Đảng viên, cán bộ xã xuống hướng dẫn quần chúng, xã viên, nhưng khi bàn bạc quyết định những vấn đề cụ thể thì thực hiện từ ngoài vào trong, từ dưới lên trên, thực hiện triệt để phương châm học, hành, kiểm, sửa, bồi, nâng, lấy nâng để sửa, nâng trước sửa sau, trên làm trước dưới làm sau.

Qua 10 tháng thực hiện đến nay cuộc vận động đã đạt được những kết quả trên các mặt sau:

I. TUYÊN TRUYỀN HỌC TẬP QUÁN TRIỆT CÁC NGHỊ QUYẾT LỚN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ

Các nghị quyết lớn của Trung ương Đảng và Chính phủ đã được tổ chức học tập quán triệt từ cấp ủy Đảng các cấp chính quyền các ngành giới đến các đảng viên, đoàn viên, hội viên, xã viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Ở tỉnh: Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng với trên 100 đồng chí dự tiếp theo, tỉnh mở hội nghị học tập cho 181 cán bộ lãnh đạo các ngành tỉnh, huyện và tổ chức 1 lớp bồi dưỡng cho 289 cán bộ tỉnh, huyện được cử xuống giúp cơ sở tiến hành cuộc vận động.

Sau sơ kết đợt 1, chuyển sang đợt 2 tỉnh lại mở lớp bồi dưỡng cho 25 cán bộ tổ công tác của 15 xã trọng điểm và 71 cán bộ tỉnh, huyện, thị theo dõi cuộc vận động về chương trình nội dung kế hoạch của đợt 2. Như vậy qua vòng 1 cuộc vận động, tỉnh đã mở hai hội nghị và 3 lớp bồi dưỡng cho 666 cán bộ các Ban, ngành tỉnh, huyện và cán bộ xuống giúp cơ sở, để quán triệt và bàn kế hoạch biện pháp thực hiện.

Ở huyện, thị: Cũng đều họp hội nghị Huyện ủy mở rộng, để học tập quán triệt các nghị quyết và bàn kế hoạch triển khai xuống cơ

sở và 1 lớp bồi dưỡng từ 10 - 12 ngày cho cán bộ chủ chốt xã, đảng viên, đoàn viên và Ban quản trị hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo từng khu vực và liên xã, có huyện tập trung lên huyện để học tập (như Si Ma Cai, thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường). Kết quả cấp ủy huyện, thị đạt 91%, đảng ủy và chi ủy cơ sở đạt 85% số đồng chí được học tập (Muồng Khương 75%, Bảo Thắng 100%, Sa Pa 94%, Bát Xát 93%, Bắc Hà 88,6%, Si Ma Cai 88%, thị xã Lào Cai 85,71%, thị xã Cam Đường 92%).

Về đảng viên nông thôn, tỷ lệ đã học chung toàn tỉnh đạt 81% (Muồng Khương 73%, Bảo Thắng 84,8%, Bát Xát 79%, Bắc Hà 88,6%, Sa Pa 81,7%, Si Ma Cai 88%, thị xã Cam Đường 82%). Riêng ba xã trọng điểm của tỉnh đạt từ 90 - 100%, 12 xã trọng điểm của các huyện đạt từ 85 - 90% số đảng viên được học tập. Cán bộ ngoài Đảng ở cơ sở tỷ lệ được học tập chung toàn tỉnh là 80% (Muồng Khương 76%, Bát Xát 88%, Sa Pa 82,1%, Si Ma Cai 80%, Bắc Hà 86%, Bảo Thắng 83,6%, thị xã Lào Cai 80%, Cam Đường 83,6%).

Về nhân dân, học tập theo đơn vị đội sản xuất hợp tác xã và thôn bản. Nội dung học tập chủ yếu là các Nghị quyết 194, 196, 197 của Trung ương Đảng và 38, 84 của Hội đồng Chính phủ, (Nghị quyết 195 chỉ phổ biến những nội dung cơ bản). Kết quả tỷ lệ nhân dân học tập toàn tỉnh đạt 65% từ 16 tuổi trở lên Bảo Thắng 65%, Bát Xát 70%, Bắc Hà 70%, Sa Pa 65,3%, Si Ma Cai 75%, Muồng Khương 60%. Ba xã trọng điểm của tỉnh đạt 75%, 12 xã trọng điểm của các huyện đạt 73%. Một số huyện (Sa Pa, Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát) còn tổ chức học riêng cho từng đoàn thể thanh niên, phụ nữ.

Qua học tập cán bộ, đảng viên, đoàn viên, xã viên và nhân dân mức độ nhận thức có khác nhau, nhưng nói chung đã hiểu được những nội dung cơ bản của mỗi nghị quyết, tư tưởng được nâng lên một bước mới và chuyển biến bước đầu. Trong học tập nhiều cán bộ, đảng viên đã liên hệ kiểm điểm thấy những thiếu sót về nhận thức mơ hồ, lệch lạc và những sai lầm, khuyết điểm của chi ủy, chi

bộ và bản thân mỗi đảng viên trước đây, như: Nói thắng lợi về chống Mỹ thì tin, nhưng chưa thấy hết được âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tay sai nên lại nôn nóng muốn giải quyết nhanh, khi huy động sức người, sức của cho tiền tuyến thì lại hoài nghi những thắng lợi đã đạt được, sợ kháng chiến kéo dài, sợ gian khổ, sợ hy sinh. Trong thực hiện ba cuộc cách mạng (quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật và tư tưởng văn hóa) thì chưa triệt để ngại vận động quần chúng làm ăn tập thể, áp dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cải tạo phong tục tập quán làm ăn lạc hậu, bảo thủ, hữu khuynh, sợ thù oán, nể nang. Đối với vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa nhận thức chung là con đường duy nhất đưa nhân dân các dân tộc còn du canh du cư đến ấm no hạnh phúc, và chủ nghĩa xã hội, không định canh định cư thì đời sống của con cháu về sau còn khó khăn, thiếu đói nhiều hơn hiện nay. Nhưng cũng có một số đảng viên, cán bộ và nhân dân chưa tin vào việc làm ruộng nương bậc thang, nên chưa khắc phục được tệ phá rừng làm nương du canh, chưa tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để định canh định cư. Về ổn định nghĩa vụ lương thực và chính sách phân phối theo lao động, qua học tập nói chung là rất hoan nghênh và cho đó là điều mong muốn của xã viên, nhưng một số nơi vẫn lo là đất đai thì xấu, ngày càng bị rửa trôi bạc màu, hằng năm lại hay bị thiên tai, nắng hạn, v.v.. Cũng có người nói chính sách thì hay nhưng không biết có làm đúng thế không, v.v..

Trong học tập nhiều cán bộ, đảng viên biểu lộ các thắc mắc như sợ quần chúng đấu tố, sợ bị xử lý kỷ luật, vì có sai lầm thiếu sót về chấp hành chính sách, tác phong quan liêu, mệnh lệnh thiếu dân chủ với quần chúng, thiếu gương mẫu lao động sản xuất tập thể, chây lười công tác, nhất là nơi giáp biên giới. Những thiếu sót, thắc mắc đó đã từng bước được giải quyết, bước đầu đã làm cho cán bộ, đảng viên, ổn định tư tưởng, tin tưởng, phấn khởi hoàn thành nhiệm vụ. Một số đảng viên đã kiểm điểm thiếu sót trước Đảng, trước quần chúng. Tổng hợp trong 45 cơ sở các đảng

viên đã liên hệ tập trung vào những thiếu sót như: 257 đảng viên nhập nhằng tiền thóc của tập thể, 115 đảng viên thiếu gương mẫu lao động tập thể, 255 đảng viên còn làm riêng, ruộng đất quá chính sách, 216 đảng viên không làm nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước, 75 đảng viên sợ đi bộ đội. Ngoài ra, có một số đảng viên thiếu phẩm chất đạo đức cách mạng như tham ô, hủ hóa, mất đoàn kết, bỏ sinh hoạt đảng, bỏ công tác, mê tín, v.v. qua học tập cũng tự liên hệ, tự phê bình.

Về mặt phê bình sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ và vai trò gương mẫu của đảng viên, nhiều nơi quần chúng đã mạnh dạn phê bình trên các mặt: Tổng hợp trong 66 hợp tác xã, có 7.030 ý kiến phê bình thì trong đó có 1.089 ý kiến về thiếu dân chủ kế hoạch, chiếm 15,4%, 919 ý kiến về để cho xã viên lấn chiếm đất đai, phá rừng làm riêng (chiếm 13%), 615 ý kiến về quản lý tài sản thiếu chặt chẽ để mất mát nhiều (chiếm 8,7%); 709 ý kiến về quản lý lao động chưa tốt (chiếm 10%), 204 ý kiến về bầu cử dân chủ chưa tốt, còn gò bó (chiếm 2,9%), 200 ý kiến về cán bộ, đảng viên còn quan liêu, hách dịch (chiếm 2,8%), 165 ý kiến về hợp tác xã chưa thực hiện tốt ba khoán (2,3%), 254 ý kiến về hợp tác xã chưa thực hiện Đại hội xã viên hằng năm (3,6%), 311 ý kiến về cán bộ đảng viên thiếu gương mẫu bán thực phẩm cho Nhà nước (4,4%), 774 ý kiến về phân phối chưa dân chủ công bằng (11%), 271 ý kiến cán bộ đảng viên nhập nhằng mắc nợ tập thể (3,8%).

Tuy nhiên, qua học tập quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ, cũng còn một số tư tưởng cần tiếp tục giải quyết là: Chưa thấy rõ âm mưu của bọn đế quốc và tay sai nên còn chủ quan, lơ là mất cảnh giác, một số còn hoang mang, sợ gian khổ, hy sinh, hữu khuynh, ỷ lại thiếu cương quyết đấu tranh, sợ oán thù, chưa tin vào khoa học - kỹ thuật, chủ nghĩa cá nhân vẫn nổi lên hiện tượng chạy đi làm riêng nhiều, đấu tranh giữa hai con đường cá thể và tập thể còn yếu, tham ô lợi dụng vẫn còn, nợ nần của hợp tác xã không chịu trả, tác phong chỉ đạo thiếu sâu sát,

quan liêu mệnh lệnh, theo đuôi quần chúng, thể hiện trong việc quản lý hợp tác xã và chấp hành chính sách, v.v..

Tóm lại, qua học tập các Nghị quyết, cán bộ, đảng viên và quần chúng, đã có sự chuyển biến về mặt nhận thức tư tưởng và kiểm, sửa, hành động cách mạng, nhưng nói chung sự chuyển biến đó mới là bước đầu và có nơi vẫn chưa sâu sắc, mạnh mẽ. Đó là do một phần quan trọng vì tổ chức học tập quán triệt các Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên mới chỉ đi vào bề rộng, chưa sâu, học hành, kiểm, sửa, chưa gắn chặt chẽ, học tập trong nhân dân chưa rộng, chưa sâu, có nơi chỉ phổ biến qua loa tinh thần các Nghị quyết trong nhân dân.

II. KẾT QUẢ VỀ THỰC HIỆN NỘI DUNG, YÊU CẦU CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Về Nghị quyết 195

Qua vòng 1 cuộc vận động về nâng cao chất lượng đảng viên, số đông đảng viên ở nông thôn đã nhận rõ hơn vị trí trách nhiệm của mình, do đó ý thức phấn đấu thực hiện bảy yêu cầu, phẩm chất đạo đức cách mạng đã có tiến bộ một bước, thể hiện trên một số mặt như gương mẫu trong lao động sản xuất tập thể hợp tác xã, ngày công làm cho hợp tác xã và tham gia nghĩa vụ dân công cho Nhà nước được nhiều hơn... (tổng hợp trong 199 đảng viên của 14 chi bộ ở ba xã trọng điểm của tỉnh và 12 xã trọng điểm của các huyện, thị thì bình quân ngày công của đảng viên làm cho hợp tác xã là 1.970 được 145 công. Có đảng viên trước đây hằng năm chỉ làm cho hợp tác xã 40 - 50 ngày công, nay đã làm được 180 công mà nhiệm vụ Đảng phân công vẫn hoàn thành. Về mặt gương mẫu làm nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước: Có nhiều đảng viên đã tiến bộ nhờ một số đảng viên trước đây hằng năm không làm nghĩa vụ nay đã làm xong nghĩa vụ và còn vận động nhân dân làm nghĩa

vụ. Tổng hợp ở ba xã trọng điểm của tỉnh trong 73 đảng viên có 61 đảng viên làm nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước, số còn lại chưa làm đều được chi bộ và nhân dân công nhận có lý do được tạm hoãn, một số đảng viên đã gương mẫu trong việc nhận nợ của tập thể và của Nhà nước, một số đã thanh toán trả nợ sòng phẳng cho hợp tác xã nên có tác dụng thúc đẩy quần chúng thanh toán trả nợ cho tập thể. Một số đảng viên trước đây rượu chè bê tha, nghiện hút, làm mo then, thầy cúng nay đã sửa chữa (ở Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát...). Một số đảng viên đã gương mẫu và vận động xã viên kê khai phần đất đai làm riêng lẻ quá chính sách đã quy định để nhập vào hợp tác xã quản lý và đã gương mẫu trong việc thực hiện phương hướng sản xuất, phương án định canh định cư ở vùng du canh du cư. Nhiều chi bộ, đảng viên đã tích cực tham gia vận động quần chúng làm ruộng nương bậc thang (Cốc Lầu, Nậm Đét, Tùng Lầu, Pha Long, Lầu Thí Ngai, v.v.).

Trong việc chăm lo đời sống quần chúng, dân chủ với quần chúng cả về chính trị, kinh tế, xã hội, nhiều đồng chí cũng có tiến bộ rõ rệt. Về ý thức tham gia sinh hoạt đảng, đấu tranh phê bình và tự phê bình có tiến bộ hơn trước. Đoàn kết nội bộ được tăng cường hơn, quan hệ giữa Đảng với quần chúng gắn bó chặt chẽ hơn. Một số đảng viên bỏ sinh hoạt, bỏ công tác 2, 3 năm, nay đã hoạt động.

Qua phân loại đảng viên ở nông thôn năm 1970 ở 49 đảng bộ cơ sở, thì số đảng viên loại khá chiếm 47,2%, loại trung bình 39,8%, loại kém còn 13%.

Về mặt củng cố tổ chức đảng và các tổ chức: Có phần đã được kiện toàn một bước. Đội ngũ cốt cán, lãnh đạo, kể cả Đảng, chính quyền và các đoàn thể thể hiện trên một số mặt sinh hoạt của chi bộ, tổ đảng, cấp ủy đã đều đặn hơn trước. Đoàn kết nội bộ được tăng cường, quản lý nội bộ nắm hiểu đảng viên tương đối chắc hơn. Có sáu xã, đã thành lập Đảng ủy (Bản Lầu, Bản Vược, Thái Niên, Cốc San, Bản Qua, Phú Nhuận). Đội ngũ cốt cán lãnh đạo ở cơ sở

được tăng cường một bước. Qua Đại hội các Đảng bộ cơ sở, mới tính sáu huyện kết quả số đảng viên được đưa vào cấp ủy đầu năm nay tăng 8,4% so với 1970, phần lớn là cán bộ trẻ có năng lực và tín nhiệm, thành phần cơ bản, số mới được bổ sung chiếm trên 20% tổng số mới bầu và số rút ra chiếm 12% tổng số các ủy viên cũ. Số cấp ủy cũ rút ra 68 đồng chí bằng 12%, trong đó 4 bí thư, 10 phó bí thư và 54 cấp ủy viên.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp kỳ bầu cử vừa qua cũng đã được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Ban Chấp hành các đoàn thể, Ban quản trị các hợp tác xã nhiều nơi được kiện toàn.

Qua đại hội bầu cử các cơ quan lãnh đạo ở xã vừa qua, kể cả trong Đảng và ngoài quần chúng, nhìn chung đảm bảo được dân chủ thật sự, chú trọng chất lượng, và tăng cường đoàn kết, có tác dụng tạo ra khả năng mới, làm cơ sở cho việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng hiện nay.

Về kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh: Cả 4 đợt có 30 xã (bằng 24% số xã trong tỉnh) đã kết nạp được 56 đảng viên, trong đó 11 xã vùng cao, kết nạp 15 đảng viên, ba cơ sở khu phố kết nạp 5 đảng viên. Số đảng viên mới kết nạp có 69,8% là dân tộc, 50% là Đoàn viên Thanh niên lao động Hồ Chí Minh, 28% là nữ, thành phần cơ bản chiếm 90%, 100% là chiến sĩ thi đua và lao động tiên tiến. Nhìn chung số mới được kết nạp đều thuộc những người ưu tú trong hợp tác xã, các tổ chức quần chúng, đã qua rèn luyện, gương mẫu trong lao động sản xuất tập thể, công tác tích cực, chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước nghiêm chỉnh, có phẩm chất, đạo đức cách mạng tốt và hiểu biết một số điều cơ bản về Đảng, có động cơ vào Đảng đúng đắn, được quần chúng tín nhiệm giới thiệu, được tập trung bồi dưỡng trước và sau khi kết nạp. Kết quả đó, cũng nói lên việc kết nạp đảng viên vừa qua nói chung có tiến bộ trong việc chấp hành phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục, đa số đảm bảo tiêu chuẩn, đúng đường lối giai cấp,

hầu hết đều được quần chúng lựa chọn giới thiệu, các tổ chức đảng xem xét kỹ lưỡng, đa số sau khi vào Đảng đã phát huy tác dụng.

Công tác lập danh sách phân loại đảng viên và công tác chuẩn bị đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng đã làm xong một số việc. Qua bước đầu lập danh sách đã sơ bộ thấy có một số đảng viên có vấn đề cần xem xét về tư cách đảng viên. Tuy việc đưa đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng chưa tiến hành, nhưng đối với một số ít đảng viên quá kém, phạm khuyết điểm qua giáo dục nhiều lần vẫn không chịu sửa chữa để tiến bộ. Các chi bộ đã có thái độ kỷ luật nghiêm khắc, đưa ra khỏi Đảng.

Về mặt bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong cuộc vận động:

Đã có sự chú ý nhất định ngoài việc bồi dưỡng học tập về các nghị quyết lớn của Đảng và Chính phủ, một số nơi đã chú ý bồi dưỡng về chính trị cơ bản, về công tác quản lý hợp tác xã, tập huấn kỹ thuật một số cây con chủ yếu để chỉ đạo sản xuất trước mắt.

Tóm lại, yêu cầu về nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh qua vòng 1 đã đạt được một số kết quả tốt, có nhiều mặt tiến bộ, nhưng cũng còn một số mặt yếu và tồn tại là:

a) Chưa gắn chặt nâng cao chất lượng đảng viên với nâng cao chất lượng của tổ chức và chất lượng lãnh đạo, với việc đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị và chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ một cách triệt để.

b) Bồi dưỡng tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý hợp tác xã và phẩm chất đạo đức còn yếu, ý thức trách nhiệm, tinh thần phấn đấu thực hiện bảy yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên chưa cao, một số đảng viên không những sửa chữa khuyết điểm chậm, mà còn mắc khuyết điểm tiếp tục như: quan liêu, mệnh lệnh, vi phạm quyền làm chủ tập thể quần chúng, chây lười công tác, lười lao động cho tập thể, tự tư, tư lợi, dây dưa không trả nợ cho hợp tác xã, phá rừng làm riêng, v.v.. Số này tuy không nhiều, nhưng đã

ảnh hưởng đến uy tín và sự lãnh đạo của Đảng, đến quan hệ giữa Đảng với quần chúng.

c) *Sinh hoạt chi bộ, tổ đảng, cấp ủy*, nói chung có nhiều tiến bộ hơn trước, nhưng chất lượng chưa cao, chưa đảm bảo được tinh thần lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu trong sinh hoạt đảng. Một số chi bộ ngay trong cuộc vận động, sinh hoạt vẫn chưa đều và chưa cải tiến được mấy.

d) *Công tác quản lý nội bộ còn yếu*, giải quyết đảng viên kém chưa được chú trọng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ còn yếu, cắm chốt cán lãnh đạo chưa được quan tâm đúng mức, kiểm tra công tác đảng viên chưa được tăng cường.

đ) *Nhiều chi bộ chưa tích cực làm tốt công tác kết nạp đảng viên* có nơi kết nạp đảng viên chưa đảm bảo chất lượng chưa cao, phương hướng, phương châm, địa bàn chưa chú ý toàn diện, chưa chú ý đến các cơ sở còn trắng (còn tới 76% số xã chưa làm công tác phát triển đảng), nhất là ở vùng cao còn quá yếu, chưa được chú ý đúng mức. Nguyên tắc, thủ tục so với trước có nhiều tiến bộ, nhưng còn nhiều sai phạm. Qua kiểm tra ba huyện thì trên 30% chưa đầy đủ các thủ tục kết nạp, v.v..

Số đảng viên trong nông thôn nói chung còn ít, mới chỉ chếm 2%, riêng vùng cao mới 1,5%. Số xã đã lập được Đảng ủy, số hợp tác xã có chi bộ, hoặc tổ đảng mới có rất ít, có nhiều hợp tác xã chưa có đảng viên (39 hợp tác xã).

e) *Việc xem xét và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng*, gắn liền với việc tăng cường giữ gìn kỷ luật trong Đảng có tiến bộ hơn trước, nhưng nhiều trường hợp giải quyết chưa kiên quyết, kịp thời. Việc lập danh sách, phân loại đảng viên còn chậm, chưa sâu chưa nắm đầy đủ, chưa đảm bảo nội dung yêu cầu phân loại.

2. Về Nghị quyết số 197 của Trung ương Đảng và các Nghị quyết 38, 84 của Hội đồng Chính phủ

Phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của xã

viên trên ba mặt: Sản xuất, phân phối và ứng cử, bầu cử đã được thực hiện từng bước, đạt được kết quả bước đầu.

- Dân chủ về sản xuất: Nói chung các hợp tác xã vùng cao, giữa đã dựa vào phương án quy hoạch, khảo sát định canh định cư, vùng thấp dựa vào phương hướng sản xuất được xác định trong cải tiến quản lý hợp tác xã, để dân chủ bàn bạc từ trong Đảng ra nhân dân, đồng thời xây dựng kế hoạch năm 1971 gắn với việc xây dựng mức ổn định nghĩa vụ lương thực 5 năm. Kết quả đã có 172 hợp tác xã ở 42 xã xây dựng được kế hoạch toàn diện và nhận mức ổn định 5 năm. Có 277 hợp tác xã mới dân chủ bàn bạc trong cán bộ, đảng viên và xã viên về phương hướng sản xuất, phương án định canh định cư, còn về xây dựng kế hoạch năm 1971 và mức ổn định nghĩa vụ lương thực 5 năm tới mới bàn đến Ban quản trị hợp tác xã.

Tuy việc xây dựng mức ổn định lương thực 5 năm chưa xong ở tất cả các hợp tác xã, nhưng giữa tỉnh và huyện đã bàn bạc thống nhất mức ổn định lương thực năm 1970, toàn tỉnh là 3.800 tấn/3.500 tấn Trung ương giao.

- Dân chủ về phân phối: Chính sách phân phối theo lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được tổ chức học tập dân chủ bàn bạc trong quần chúng xã viên. Nhìn chung cách phân phối tuy mỗi hợp tác xã có khác nhau, nhưng đều thực hiện chính sách phân phối theo ngày công lao động. Có 199 hợp tác xã lên được phương án phân phối chung, 250 hợp tác xã phân phối theo đội sản xuất hoặc theo vòng thúng. Các khoản xã viên được chia nhiều hợp tác xã có sự công bố rõ ràng kết quả tổng hợp phương án chính thức cả năm 1970 của 71 hợp tác xã thì giá trị ngày công quy ra tiền bình quân chung vùng thấp 1 vụ mùa là 0,8 đồng, vùng cao cả năm là 0,82 đồng (tăng hơn 1969 là 1,5%). Trong đó về lương thực: vùng thấp 1 vụ mùa 2,05 kg/công, vùng cao cả năm 2,56 kg/công. Ngày công lao động bình quân một năm làm cho hợp tác xã vùng thấp là 295 công (vụ chiêm 83,5 công, vụ mùa 212,3 công) tăng hơn năm 1969 là 31,8 công (bình quân năm 1969 là 264 công). Vùng

cao bình quân cả năm là 134,1 công tăng hơn năm 1969 là 29 công. Có 175 hợp tác xã đã tính xong các khoản nợ từ trước đến nay, số tiền nhận nợ là 337.502 đồng, hợp tác xã đã thu được 92.070 đồng. Ngoài ra còn vận động nhân dân trả nợ cho Nhà nước được 440.516 đồng, trong đó các hợp tác xã khai hoang trả được 123.604 đồng. Nhìn chung việc thanh toán nợ nần đảm bảo được đoàn kết, dân chủ tự nguyện được quần chúng xã viên hoan nghênh. Cũng có trường hợp nợ của hợp tác xã, do dây dưa ngoan cố, có thủ đoạn chống lại việc thanh toán nên đã bị đưa ra tòa án truy tố, tịch thu tài sản bán trả cho hợp tác xã (Thị Liên ở Hợp tác xã Làng Nhón xã Cam Đường).

- Dân chủ trong tuyển cử của hợp tác xã: Đã có 156 hợp tác xã mở Đại hội lựa chọn người vào làm chủ nhiệm, vào Ban quản trị, Ban kiểm soát và trưởng ban, kế toán trưởng theo Điều lệ mới. Việc bầu cử vừa qua có tốt hơn trước, gây được ý thức làm chủ cho xã viên.

Tuy nhiên cũng còn một số hợp tác xã bầu cử chưa đúng nguyên tắc thủ tục, thể lệ như điều lệ đã quy định (thị xã Lào Cai, huyện Bắc Hà, thị xã Cam Đường).

- Về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho vùng vận động định canh định cư: Đã được thực hiện một phần phương châm là vừa vận động quần chúng tự lực cánh sinh để làm, đồng thời Nhà nước giúp đỡ tiền gạo để khai phá ruộng nương bậc thang, làm giao thông thủy lợi, giống cây trồng, phân bón, v.v.. Căn cứ vốn Trung ương cấp, tỉnh đã phân bổ cho các hợp tác xã để làm: ruộng nương bậc thang 81.164 đồng và 118.892 kg gạo; giao thông nông thôn 98.034 đồng, 78.127 kg gạo; thủy lợi 91.120 đồng và 33.918 kg gạo; cơ khí chế biến 12.512 đồng; giống cây trồng 22.500 đồng; lương thực cấp cho vùng đặc sản 66.860 kg. Tổng số tiền chi cho kiến thiết cơ bản là 305.330 đồng. Kết quả đã làm được 100 ha ruộng bậc thang, 156 ha nương bậc thang, sửa chữa 1.500 công trình thủy lợi cũ và 84 cái giếng nước ăn cho vùng cao, làm xong hai công trình thủy điện, thủy lợi (Nậm Kháp - Bắc Hà, Bắc Tà -

Mường Khương), làm được 297 km đường nông thôn. Ngoài ra quỹ địa phương còn đầu tư xây dựng xong các công trình thủy lợi Phú Nhuận, hồ Thịnh Ổi, mở rộng từng bước đường giao thông Bát Xát - Mường Hum, v.v.. Và đang tiếp tục thi công đường Bắc Hà - Si Ma Cai, Mường Khương - Pha Long, cầu Bảo Nhai.

- Về phong trào hợp tác hóa trong cuộc vận động: Cả ba loại hợp tác xã (sản xuất nông nghiệp, mua bán, tín dụng) nói chung đều được củng cố thêm một bước và đã đi vào giải quyết một số khâu yếu về quản lý kinh tế.

Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã củng cố được 294 hợp tác xã yếu kém, xây dựng mới được 66 hợp tác xã gồm 1.430 hộ xã viên, xóa được sáu xã trắng chưa có hợp tác xã, hợp nhất sáu hợp tác xã nhỏ thành hai hợp tác xã lớn có quy mô 95 hộ trở lên (Bát Xát), đồng thời đã tách chín hợp tác xã trước đây do địa dư phân tán, quản lý khó khăn thành 25 hợp tác xã nhỏ chủ yếu là ở vùng cao. Về mặt quản lý đã có 49 hợp tác xã thực hiện ba khoán. Trong đó 13 hợp tác xã xây dựng ba khoán theo nội dung mới và có 36 hợp tác xã xây dựng được nội dung từng mặt.

Tính hết tháng 6 năm 1971, tổng số hợp tác xã toàn tỉnh có 476 cái gồm 21.096 hộ xã viên, chiếm 81,3% so với hộ nông dân toàn tỉnh, vùng thấp có 141 cái gồm 10.208 hộ xã viên, chiếm 93,5% so với hộ nông dân trong vùng; vùng cao và giữa có 335 cái gồm 10.888 hộ xã viên, chiếm 73,4% so với hộ nông dân trong vùng. Về phân loại, loại A có 136 hợp tác xã, chiếm 28,5%; loại B có 146 hợp tác xã, chiếm 30,6%; loại C có 194 hợp tác xã chiếm 40,9%. Như vậy so với cuối năm 1969 tăng 565 hộ, bằng 2,3%; số hợp tác xã bậc cao toàn tỉnh hiện có 161 cái gồm 12.940 hộ xã viên, chiếm 60% so với tổng số hộ đã vào hợp tác xã trong tỉnh.

Các hợp tác xã mua bán được củng cố và phát triển một bước, 15 cơ sở vùng cao trước đây gần như ngừng hoạt động, đến nay đã được củng cố lại, đi vào hoạt động, đồng thời đã xây dựng mới được 14 cơ sở, kết nạp thêm được 1.530 xã viên mới, phát triển thêm

5.543 đồng tiền cổ phần. Các hợp tác xã cũng đã tiến hành kiểm kê thanh quyết toán tìm ra thiếu hụt tiền hàng tới 97.557 đồng, thiếu quỹ tiền mặt 39.158 đồng, nay đã được giải quyết. Ngoài ra, năm 1970, đã mở được 5 lớp bồi dưỡng cho 80 cán bộ cơ sở xã, trong đó 12 là chủ nhiệm và phó chủ nhiệm, 28 kế toán thống kê, 17 nghiệp vụ quản lý và 23 nhân viên bán hàng. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 109 cơ sở hợp tác xã mua bán, chiếm 87,9% số xã với 45,74 xã viên và 158.653 đồng tiền cổ phần. Do được củng cố một phần nên các hợp tác xã mua bán đã phục vụ được kịp thời yêu cầu về đời sống và sản xuất của nhân dân các dân tộc trong nông thôn.

Các hợp tác xã tín dụng: Từ đầu năm 1970 đến nay đã củng cố lại 20 cơ sở kém đi vào hoạt động đều. Tính đến nay toàn tỉnh có 120 cơ sở hợp tác xã tín dụng, chiếm 96% số xã. Qua tổng kết đánh giá sự hoạt động của các cơ sở thì có 32 cơ sở khá, chiếm 26,6%, 38 cơ sở trung bình chiếm 31,6%, 50 cơ sở kém chiếm 41,8% (chủ yếu là vùng cao). Nhiều hợp tác xã tín dụng đã thực hiện tốt nhiệm vụ huy động vốn và cho vay để phát triển sản xuất. Trong năm 1970 đã huy động được 719.000 đồng cho vay 313.000 đồng, trong đó cho các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp vay dùng vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật là 96.000 đồng, cho hợp tác xã mua bán vay 128.000 đồng.

Nhìn chung phong trào hợp tác hóa tuy có những tiến bộ như trên nhưng cũng còn nhiều tồn tại: Nhiều hợp tác xã nội dung và chất lượng quản lý còn yếu, nhất là các hợp tác xã vùng cao vẫn còn nhiều khó khăn. Vừa qua đã xây dựng lại một số hợp tác xã nhưng chỉ mới là tổ chức nông dân lại sản xuất tập thể, nội dung quản lý chưa làm được mấy, cơ sở vật chất mới đang bắt đầu làm ở một số nơi. Phương án định canh định cư mới bàn bạc với mức độ nhất định và mới thực hiện được rất ít. Các hợp tác xã vùng thấp đã làm xong việc ổn định nghĩa vụ lương thực, phân phối theo công lao động trong nội bộ hợp tác xã, nhưng còn nhiều việc chưa thực hiện tốt như công tác dân chủ xây dựng kế hoạch, thanh quyết

toán tài chính kiểm kê tài sản từ trước đến nay, thực hiện phân công, thực hiện ba khoán, quản lý đất đai, xây dựng các nội quy, dân chủ bầu cử, thực hiện điều lệ, v.v. chưa làm được đều khắp các hợp tác xã, mới thực hiện được ở một số hợp tác xã. Nghị quyết 84, một số huyện chưa thực hiện tốt, còn có tính chất phân bổ, chưa thực hiện dân chủ bàn bạc từ dưới lên, hợp tác xã mua bán, tín dụng tuy có được củng cố một phần, nhưng vẫn còn yếu về công tác quản lý kinh doanh, chưa phục vụ sát yêu cầu sản xuất đời sống ở nông thôn, chưa làm đúng vai trò trợ thủ đắc lực cho hợp tác xã nông nghiệp và đòn xeo thúc đẩy sản xuất.

III. ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG SẢN XUẤT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 1970 VÀ ĐÔNG - XUÂN 1970 - 1971

Phong trào lao động sản xuất được phát động liên tục, gắn vào từng bước, từng đợt của cuộc vận động tương đối chặt chẽ từ trên xuống dưới, cán bộ, đảng viên gương mẫu lãnh đạo quần chúng thực hiện. Kết quả, bước đầu đã đẩy được khí thế lao động sản xuất ở nông thôn liên tục từ thu - chiêm làm mùa năm 1970 và đông - xuân năm 1970 - 1971 kể cả vùng thấp và vùng cao. Phong trào sản xuất và khí thế lao động biểu hiện rõ là phong trào thâm canh lúa giành 5 tấn thóc/ha ở vùng thấp.

Thực hiện các biện pháp kỹ thuật như phân bón nhiều, làm đất sớm và kỹ, cấy kịp thời vụ, chăm sóc, phân hóa học đã được bón nhiều và trở thành yêu cầu đòi hỏi ở nhiều hợp tác xã. Phong trào làm thủy lợi vẫn được đẩy mạnh có nhiều cố gắng, nhất là đã quyết tâm phục hồi trên 930 ha ruộng và các công trình bị hỏng do trận lũ lụt năm 1969 gây ra, hoàn thành các công trình lớn vừa như Phú Nhuận, Thịnh Ổi, thủy lợi kết hợp Thủy điện Pạc Tà. Bước đầu kiên cố hóa nâng cấp công trình Tả Ngảo, Pẩn, và Nậm Khấp, làm giếng nước ăn cho vùng cao, v.v.. Phong trào

khai hoang phục hóa, làm ruộng nương bậc thang, xây dựng cơ sở sản xuất ổn định để định canh định cư; phong trào làm giao thông nông thôn và đi dân công hoàn thành các đường giao thông lớn. Ngoài ra, một số nơi đã có phong trào tăng vụ lúa mì và mở rộng vùng hạt rau giống, v.v..

Nhờ có các phong trào trên nên sản xuất nông, lâm nghiệp năm 1970 và đông - xuân 1970 - 1971 đã đạt được thắng lợi toàn diện hơn trước.

1. Về trồng trọt: Năm 1970 diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng nói chung đều tăng hơn năm 1969, cây lương thực tăng 7% diện tích, tăng 7% năng suất, tăng 14% sản lượng; cây thực phẩm tăng 17% diện tích, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 6% diện tích và nhiều cây năng suất, sản lượng tăng từ 2 - 25% như đậu tương, lạc, vừng, lanh, v.v.. Các cây như thảo quả, cây thuốc, hạt rau giống, chè cũng tăng khá so với 1969.

Thắng lợi lớn nhất là sản xuất lương thực vượt mức Trung ương giao và là năm đạt sản lượng cao nhất đạt từ trước đến nay. Tổng sản lượng quy ra thóc toàn tỉnh đạt 48.240 tấn, tăng 14% so với năm 1969. Năng suất lúa tăng hơn năm 1969 là 6%. Toàn bộ diện tích lúa 2 vụ đạt bình quân 5.065 kg/ha: hai huyện Bát Xát, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai, với 12 xã đạt trên 5 tấn/ha, trong đó xã Nam Cường và Bản Phiệt đạt trên 6 tấn/ha; có 44 hợp tác xã đạt 5 tấn/ha, hai hợp tác xã đạt trên 7 tấn/ha (Tiền Phong, Bàu Bùn) và bảy hợp tác xã đạt trên 6 tấn 1 ha.

Về vụ đông - xuân 1970-1971 một số chỉ tiêu đã đạt kế hoạch và tăng hơn năm 1970, lúa xuân tăng 98 ha so với 1970. Năng suất bình quân lúa xuân toàn tỉnh ước tính có thể đạt được 27,13 tạ/ha tăng hơn năm 1970 là 3,5%, đạt 100,5% kế hoạch. Ngô xuân đạt 98% kế hoạch, về diện tích (14.347 ha) có khả năng đạt kế hoạch su hào giống đã thu 18 tấn, tăng 55% so với năm 1969 (có khả năng đạt 20 tấn).

2. Về chăn nuôi: Nhìn chung các đàn gia súc đều phát triển qua điều tra 15-9-1970 so với 15-9-1969, trâu tăng 0,1%, ngựa tăng 6,2%, bò tăng 17%, dê tăng 10,3%, lợn 5 kg tăng 3,7%, dưới 5 kg tăng 1,7%, lợn thịt trên 20 kg tăng 28,5%. Điều tra 1-4-1971 so với 1-4-1970; đàn trâu đầu năm bị chết rét trên 1.100 con nhưng vẫn bằng 99,5%, bò tăng 12,7%, lợn tăng 15,6%, v.v.. Vùng lợn giống ba xã Bản Vược, Quang Kim, Bản Qua đã bình tuyển dần dần đi vào ổn định để sản xuất ra lợn con giống thuần chủng cung cấp cho chăn nuôi đại trà trong tỉnh. Chăn nuôi quốc doanh cũng được phát triển khá, đàn bò từ 1.311 con cuối năm 1969 đã đưa lên 1.880 con, đàn lợn từ 117 con lên 230 con.

Chăn nuôi tập thể hợp tác xã, đàn trâu, bò phát triển hơn năm 1969 nhưng đàn dê, lợn thì nhiều chiều hướng tụt đi. Tổng số có 97 cơ sở chăn nuôi tập thể, trong đó đàn trâu có 30 cơ sở gồm 2.164 con, bò có 30 cơ sở gồm 1.178 con. Dê 12 cơ sở gồm 558 con, lợn có 25 cơ sở, có 623 con.

Các ngành chăn nuôi khác như mật ong, tầm, cá, cũng được đẩy mạnh; 12 cơ sở ương cá giống được duy trì tốt. Riêng trại cá Cốc San năm 1970 không đạt kế hoạch sản xuất cá giống, nhưng 6 tháng đầu năm 1971 đã phát triển tốt, có khả năng vượt kế hoạch sản xuất cá giống năm 1971. Trại ong quốc doanh phát triển gấp 2 lần từ 310 đàn lên trên 600 đàn và đã thu được trên 1 tấn mật ong, tăng hơn 1969 là 4 lần.

3. Về lâm nghiệp: Phong trào trồng cây bảo vệ rừng, làm vườn ươm, chống đốt phá rừng bừa bãi đã có nhiều tiến bộ. Đã trồng được 200 ha; trong đó 16 ha cây óc chó, 8 ha lai, khoanh núi, nuôi rừng được 5.000 ha, tu bổ được 213 ha. Nạn lửa rừng giảm nhiều. Quần chúng nhiều nơi đã có ý thức bảo vệ rừng. Đã củng cố được 21 đội chuyên nghiệp trồng rừng, đi đôi với trồng và bảo vệ tu bổ rừng. Đã tổ chức được 36 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có kinh doanh nghề rừng, gồm 131 lao động chuyên trách khai thác lâm sản bán cho Nhà nước.

Nhìn chung phong trào thi đua, khí thế lao động trong năm 1970 và liên tiếp đến đông - xuân 1970-1971 so với trước có nhiều tiến bộ, có nhiều cố gắng, nhưng cũng có nhiều mặt thiếu sót: các chỉ tiêu có tăng hơn trước, nhưng hầu hết không đạt kế hoạch đã đề ra. Sản xuất màu là cây có ưu thế, nhưng chưa được chú trọng kể cả năm 1970 và đông - xuân 1970-1971 chỉ tiêu các cây màu đều chưa đạt kế hoạch. Cây công nghiệp như mía bị dừng lại, đậu tương tụt dần. Trồng cây khoanh núi nuôi rừng và quản lý bảo vệ rừng chưa tốt, công tác lâm nghiệp chưa chuyển biến mạnh.

IV. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC VÀ ĐỜI SỐNG NÔNG DÂN

Do tình hình sản xuất phát triển nên đời sống nông dân được cải thiện một bước, nghĩa vụ bán nông sản phẩm cho Nhà nước được nhiều hơn trước, giá cả lương thực, thực phẩm ở thị trường cũng giảm xuống rõ rệt. Tình hình thiếu ăn trong lúc giáp hạt của nhân dân vùng cao nói chung giảm nhiều. Năm 1970 chỉ còn 850 hộ với 5.500 nhân khẩu thiếu ăn, số gạo bán ra 223 tấn, bằng 30% số bán ra trong năm 1969. Trong 5 tháng đầu năm 1971 bán 30 tấn bằng 40% so với 6 tháng đầu năm 1970 (chủ yếu là huyện Sa Pa).

Tính hết tháng 6 năm 1971 nông dân đã bán nông sản phẩm cho Nhà nước thực hiện nghĩa vụ năm 1970 được 2.935,218 tấn thóc bằng 90,3% kế hoạch, ngô 401.890 tấn, bằng 73,07% kế hoạch. Về thực phẩm bán cho Nhà nước năm 1970 được 347.456 kg lợn hơi, 117.996 kg trâu hơi, 37.513 kg bò hơi, 1.118 tấn rau xanh, 360.193 kg quả tươi, 116.777 kg đậu tương, 43.850 kg chè, 281.126 kg thảo quả, 11.530 kg hạt rau, 1.415 con trâu cày. Trong 5 tháng đầu năm 1971 được 92 tấn thịt lợn hơi, 25,5 tấn trâu hơi, 6,2 tấn bò hơi, 471 tấn rau xanh, 190 tấn thảo quả, 95 trâu cày.

Tổng giá trị thu mua nông sản phẩm nông dân bán cho Nhà nước năm 1970 so với năm 1969 tăng 29,97%, hàng xuất khẩu

năm 1970 cũng vượt 4,6% kế hoạch, tăng 21% so với năm 1969. Nghĩa vụ dân công, nghĩa vụ quân sự nói chung thực hiện có tiến bộ hơn trước.

V. ĐẨY MẠNH CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Qua cuộc vận động ngoài phong trào sản xuất, hợp tác hóa, xây dựng củng cố các hợp tác xã có kết quả thì các mặt khác ở nông thôn cũng có chuyển biến mới. Phong trào bổ túc văn hóa tiếp tục được phát triển. Đặc biệt là công tác tổ chức văn hóa và thanh toán nạn mù chữ ở vùng cao được tập trung đẩy mạnh, do đó phong trào học tập văn hóa ở vùng cao đã và đang được củng cố phát triển tốt.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh được chú ý củng cố và phát triển hơn. Tình hình bệnh tật trong nhân dân nói chung giảm bớt. Các ổ dịch xảy ra như dịch cúm được dập tắt kịp thời. Công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em được chú ý hơn. Số chị em trong nông thôn đi điều trị bệnh phụ khoa và khám thai tăng gấp hai lần so với năm 1969. Đặc biệt là tổ chức chữa bệnh da liễu cho quần chúng xã Cốc Lầu, Nậm Lức được 397 người, đạt tỷ lệ 96%.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục phòng chữa bệnh có tiến bộ đã góp phần xây dựng tư tưởng mới, con người mới và động viên phong trào lao động sản xuất, bảo vệ sức khỏe và nâng cao trình độ văn hóa cho quần chúng. Nhưng bên cạnh đó cũng còn những nhược điểm, thiếu sót. Hoạt động phục vụ sản xuất chưa toàn diện và phong phú. Các hình thức tuyên truyền, cổ động ở nông thôn còn quá ít. Các mặt công tác văn hóa ở cơ sở nhìn chung còn yếu. Việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu còn bị xem nhẹ, do đó một số hiện tượng tiêu cực có chiều hướng phát triển, gây tác hại đến sản xuất và đời sống như tảo hôn, cưới xin, ma chay ăn uống lãng phí, nạn hút và trồng thuốc phiện lại phục hồi ở một số nơi.

Công tác bảo vệ trị an ở nông thôn được tiếp tục đẩy mạnh. Việc giáo dục cho đảng viên, cán bộ, nhân dân về tình hình âm

mưu của địch, đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian, v.v. làm được thường xuyên. Công tác phòng không nhân dân được tiếp tục tăng cường. Công tác động viên tuyển quân được coi trọng, do đó nói chung đã hoàn thành các đợt tuyển quân. Lực lượng dân quân tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố đã được củng cố. Ban chiến đấu được chú ý hơn.

Việc xây dựng chính quyền cơ sở giải toàn diện được tiếp tục đẩy mạnh, nhiều xã qua tổng kết năm 1969 có đăng ký và đã phấn đấu từ xã yếu trở thành xã trung bình, một số xã trở thành xã khá. Trình độ công tác, lề lối làm việc và sự hoạt động của Ủy ban hành chính, Hội đồng nhân dân một số xã được nâng lên. Qua tổng kết năm 1970 thì 124 xã đã có 30 xã giải toàn diện, 28 xã khá, 46 xã trung bình và còn 20 xã kém.

Việc rèn luyện giáo dục thanh niên, thiếu nhi trong cuộc vận động đã được tập trung vào các vấn đề lớn như: Tổ chức cho đoàn viên và thanh niên học tập Nghị quyết 181, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc Đoàn, Đội được mang tên Bác Hồ vĩ đại và các nghị quyết lớn của Trung ương.

Việc giáo dục văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho thanh niên được coi trọng hơn. Nhiều thanh niên nông thôn hăng hái đi học bổ túc văn hóa, đi đôi với các hoạt động đầu tàu, xung phong trong công tác và sản xuất. Nhiều nơi thanh niên đã thể hiện là lực lượng xung kích làm thủy lợi, làm phân, khôi phục diện tích bị lũ lụt, khai phá ruộng nương bậc thang, chăm sóc đồng ruộng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, hăng hái tham gia trên mặt trận giao thông, xung phong tòng quân, vào dân quân, v.v.. Trong cuộc vận động đã kết nạp được 1.315 đoàn viên, trong đó khu vực nông thôn kết nạp 915 người.

Phong trào phụ nữ có nhiều tiến bộ. Nhiều chị em đã nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, đảm đang công việc xã hội, gia đình, hăng hái tham gia lao động sản xuất, thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước. Hoạt động của phụ nữ nhiều nơi khá

sôi nổi trên mặt trận sản xuất, khoa học - kỹ thuật, làm giao thông, thủy lợi, chăn nuôi, nhiều chị em đã tham gia cày bừa và làm những việc thay thế cho nam giới. Công tác phúc lợi của phụ nữ được đẩy mạnh, năm 1970 đã củng cố và xây dựng mới được 251 nhà trẻ ở 38 xã, có 3.573 cháu, so với năm 1969 tăng 2,1% số cháu gửi vào nhà trẻ; có 102 lớp mẫu giáo với 2.140 cháu.

VI. SỰ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CỦA CÁC HUYỆN, THỊ ỦY VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA CÁC NGÀNH ĐỐI VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG

Tiếp tục phát huy kết quả thực hiện Nghị quyết số 136 của Trung ương về xây dựng Huyện ủy theo yêu cầu bốn tốt, và qua cuộc vận động lần này các huyện, Thị ủy đã có nhiều chuyển biến, tiến bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Chuyển biến chủ yếu của các huyện, Thị ủy vừa qua là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện được đề cao với trọng tâm là lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, củng cố hợp tác hóa và tăng cường xây dựng Đảng.

Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong các cấp ủy có tiến bộ. Sinh hoạt tập thể trong cấp ủy, kể cả Ban Thường vụ và Ban Chấp hành nói chung đều. Nội dung có cải tiến và đi vào chất lượng hơn. Vấn đề đấu tranh phê bình và tự phê bình được đề cao. Sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ nói chung được tăng cường tốt.

Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo có những cải tiến bước đầu. Lối làm việc có chương trình kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, bám hướng, bám vùng đã và đang đi vào nền nếp thường xuyên. Việc chỉ đạo điểm, xây dựng điển hình và nhân điển hình đã có tiến bộ bước đầu. Tác phong sâu sát cơ sở, gần gũi quần chúng được phát huy, nhất là vấn đề kiểm tra cụ thể tại chỗ, nhiều huyện, Thị ủy đã thực hiện tốt. Nhiều huyện ủy viên từ bí thư trở xuống, đã tích cực đi sát cơ sở bám nhiệm vụ, nắm tổ chức, đẩy mạnh phong trào. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất

là đối với cán bộ cơ sở xã được quan tâm hơn trước. Trong lãnh đạo, chỉ đạo bước đầu đã chú trọng sử dụng tổ chức, phát huy chức năng tham mưu của các Ban, ngành, khắc phục dần lối sử dụng cá nhân chấp vạ.

Quan hệ về lề lối làm việc giữa Đảng và chính quyền, các ngành đã có cải tiến bước đầu, khắc phục dần tình trạng bao biện làm thay hoặc lẫn lộn giữa công tác lãnh đạo cấp ủy với vai trò tổ chức, chỉ đạo thực hiện của Ủy ban hành chính. Từ đó mối quan hệ giữa lãnh đạo tập thể với trách nhiệm của từng cá nhân trong cấp ủy được đề cao hơn.

Do sự tiến bộ trên, nên trong năm 1970, qua sơ bộ nhận xét thì 75% số huyện ủy viên đạt tiêu chuẩn khá và bốn tốt.

Các ngành xung quanh tỉnh, huyện cũng có nhiều chuyển biến, ý thức phục vụ nông nghiệp có được đề cao hơn.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG

Trải qua 10 tháng tiến hành cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương và cũng là gần 1 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, nhờ với sự cố gắng quyết tâm của các cấp, các ngành trong tỉnh, đã đưa phong trào mọi mặt ở nông thôn có những chuyển biến mới và đã bước đầu thu được những thắng lợi tương đối toàn diện:

1. Khí thế thi đua lao động sản xuất của nông dân, xã viên đã có chuyển biến bước đầu. Phong trào sản xuất ở một số hợp tác xã đang dần dần đi vào chiều sâu và dần trở thành ý thức tự giác của xã viên do đó đã khắc phục được những khó khăn của trận mưa to lũ lớn năm 1969 làm sạt mất hàng trăm ha ruộng, chống được sâu bệnh lan rộng trong vụ mùa năm 1970.

Mục tiêu 52.000 tấn lương thực tuy chưa đạt được, nhưng đã vượt mức của Trung ương giao và là mức đạt cao nhất từ trước tới

nay. Về năng suất các loại cây lương thực đều tăng hơn năm 1969, đặc biệt là năng suất lúa là năm đầu tỉnh ta đã giành được mục tiêu 5 tấn/ha trên toàn bộ diện tích ruộng 2 vụ vùng thấp, trong đó có hai xã, bảy hợp tác xã đạt 6 tấn, hai hợp tác xã đạt 7 tấn. Chăn nuôi phát triển đều đặn, đàn lợn thịt có xu hướng phát triển tốt, cả số lượng, trọng lượng.

Một số nhân tố mới đã nảy nở: Vùng rau ăn quanh thị xã đi vào sản xuất ổn định, phát triển từ nhỏ đến lớn, đã thu mua được hàng nghìn tấn/năm. Vùng hạt rau giống Sa Pa, lúa mì Y Tý mở rộng, thảo quả là năm có sản lượng cao. Các vùng cây ăn quả, dưa, đào, mận, v.v. thành hàng hóa ngày càng nhiều, nhất là dưa vùng thấp, mận vùng cao, đang có nhiều triển vọng phát triển mau, tạo cơ sở nguyên liệu đủ để cho ngành công nghiệp chế biến hoa quả của tỉnh ra đời. Về khoa học - kỹ thuật, đã thực nghiệm thành công thời vụ mới, giống lúa mới, kỹ thuật và cơ sở nhân giống cây tam thất và cây thuốc quý khác, tạo nên khả năng thâm canh rất lớn cho vùng lúa và mở rộng vùng thuốc của tỉnh. Kết quả khoanh núi nuôi rừng ở một số hợp tác xã, chỉ ra khả năng và biện pháp tốt để thanh toán nhanh đồi trọc, mở rộng kinh doanh, làm giàu mau của hợp tác xã ở những nơi đó.

Sản xuất năm 1971 đến nay còn đang trong quá trình thực hiện, nhưng cũng đã giành thắng lợi bước đầu. Vụ đông - xuân diện tích các cây chủ yếu như lúa xuân, ngô, xấp xỉ đạt kế hoạch, tăng hơn năm 1970, năng suất lúa xuân có triển vọng đạt kế hoạch và cao hơn năm 1970. Sản lượng hạt rau su hào giống Sa Pa gần đạt kế hoạch và tăng hơn năm 1970 khoảng 1,5 lần, v.v..

Phong trào vỡ ruộng nương bậc thang, khai hoang những nơi có điều kiện, làm giao thông thủy lợi, xây dựng cơ sở sản xuất ổn định cho vùng đồng bào còn du canh du cư để định canh định cư được đẩy mạnh. Đã hoàn thành dứt điểm một số công trình lớn về thủy lợi, giao thông.

2. Chất lượng của các đảng viên ở nông thôn đã được nâng lên một bước thể hiện trên các mặt: Gương mẫu trong lao động sản xuất, thanh toán nợ nần đối với tập thể và Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ thực phẩm, sửa chữa làm riêng lẻ không đúng chính sách, một số đồng chí trước đây chè chén, bê tha, nghiện hút, làm thầy mo, thầy cúng đã có sửa chữa bước đầu. Chi bộ, chính quyền các đoàn thể quần chúng được kiện toàn một bước, đã có tác dụng đảm bảo thúc đẩy phong trào lao động sản xuất và hợp tác hóa ở nông thôn.

3. Phát huy dân chủ tăng cường chế độ làm chủ tập thể của xã viên trên ba mặt sản xuất, phân phối, ứng cử và bầu cử đã được thực hiện trong một số hợp tác xã. Ý thức tôn trọng quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên đối với quần chúng, tinh thần làm chủ của xã viên đối với tập thể bước đầu đã được nâng lên, nhất là dân chủ trong phân phối nội bộ hợp tác xã, ổn định nghĩa vụ lương thực 5 năm, dân chủ bầu cử, ứng cử. Kết quả đó đã làm cho xã viên phấn khởi, quan tâm, gắn bó với sản xuất tập thể hơn trước.

Tóm lại, do cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương và Chính phủ phát động được khí thế lao động của quần chúng xã viên, nâng cao chất lượng đảng viên lên một bước nên sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh ta đã giành thắng lợi nhiều mặt so với từ trước tới nay. Kết quả đã đạt được lại giành được trong năm đầu thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch và năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh, nên nó cũng có ý nghĩa rất lớn, tạo nên tinh thần phấn khởi, tin tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân, cán bộ các dân tộc, chỉ ra khả năng và những kinh nghiệm quý báu để làm đà cho tỉnh ta tiến lên giành thắng lợi liên tiếp vào những năm tới.

Trong tám huyện, thị, tuy chưa có huyện nào đạt yêu cầu toàn diện và chưa có huyện ủy nào tự phong là đạt yêu cầu bốn tốt,

nhưng phong trào của từng huyện, thị đều có những chuyển biến mới nhất định:

- Bát Xát: Tuy bị lũ lấp cánh đồng lớn Bản Qua trên 100 ha nhưng vẫn giữ vững được vùng lúa 2 vụ, đạt năng suất 5 tấn/ha trong 3 năm liền. Các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1970 đều vượt và đạt. Tập trung được nhân lực khắc phục nạn lũ, sập lở năm 1969 nhanh chóng, khai thông được đường Mường Hum.

- Bảo Thắng: Tập trung được nhân lực hoàn thành công trình thủy lợi lớn Phú Nhuận, mở ra một vùng sản xuất mới. Phong trào thâm canh có nhiều tiến bộ đã đưa năng suất lúa 2 vụ cả huyện đạt 5 tấn/ha. Từ một huyện khí thế lao động sản xuất thường trì trệ nhưng năm 1970 và nhất là đông - xuân 1970 - 1971 đã có nhiều chuyển biến, đang có đà vươn lên.

- Mường Khương: Giữ vững được diện tích đậu tương so với các huyện khác. Phong trào làm ruộng nương bậc thang tập trung phát triển dứt điểm được các công trình (thủy lợi Thịnh Ổi, Na Lốc, thủy luân kết hợp thủy điện Bắc Tà xong dứt 1/3 đường Mường Khương - Pha Long).

- Thị xã Lào Cai: Giữ vững và đưa vùng rau ăn đi vào sản xuất ổn định, mở rộng diện tích trồng dưa.

- Bắc Hà: Mở đầu được phong trào làm ruộng nương bậc thang hoàn thành được công trình thủy lợi Nậm Kháp, có cố gắng trong việc huy động nhân lực làm cầu Bảo Nhai và đường Lùng Phình.

- Sa Pa: Mở rộng vùng hạt rau su hào giống có kết quả.

- Si Ma Cai: Có cố gắng huy động nhân lực mở đường Si Ma Cai - Bắc Hà.

Có những thuận lợi trên là do tinh thần cố gắng phấn đấu tích cực và ý thức chấp hành đối với *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, đối với các nghị quyết Đại hội tỉnh, của các cấp, các ngành của toàn thể cán bộ, đảng viên và xã viên nhân dân các dân tộc. Sự lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động của Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã có một số ưu điểm. Đó là các nguyên nhân, đồng thời cũng là những

bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn trong quá trình tiến hành cuộc vận động như sau:

1. Đã làm quán triệt tinh thần các nghị quyết lớn của Trung ương từ Đại hội tỉnh đến Đại hội các cấp, biến tinh thần các nghị quyết của Trung ương thành nghị quyết của Đại hội các cấp, lấy nghị quyết Đại hội làm mục tiêu phấn đấu của cuộc vận động, tạo nên sự nhất trí cao ngay từ đầu trong toàn Đảng bộ. Từ nhận thức chuyển biến, bước đầu đã có sự chuyển biến về hành động cách mạng trong thực hiện nghị quyết và các yêu cầu của cuộc vận động.

2. Gắn các nội dung yêu cầu của các nghị quyết vào một cuộc vận động thống nhất ở nông thôn, xác định rõ mối liên quan và vị trí của từng nghị quyết trong cuộc vận động. Do đó đã tập trung được sự chỉ đạo của các cấp, các ngành vào một mối, tránh được tình trạng chồng chéo hoặc phân tán trong việc thực hiện các nghị quyết.

3. Xem xét, đánh giá tình hình địa phương đã chú ý đi sâu vào ba mặt: Đảng, hợp tác xã, sản xuất và từng thời gian đã đề ra được mục tiêu thích hợp sát với yêu cầu quần chúng, có phương án cụ thể tổ chức phân công lao động rõ ràng, có lực lượng nòng cốt, xong phát động quần chúng thực hiện. Một số nơi có phong trào vỡ ruộng nương bậc thang và hoàn thành một số công trình thủy lợi, giao thông lớn đã chứng minh rất rõ điều đó.

4. Một số chính sách mới của Trung ương Đảng và Chính phủ đã ban hành, như: Chính sách đầu tư đối với cuộc vận động định canh định cư, chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, giá cả rất phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng. Tỉnh ta đã tích cực vận dụng thực hiện các chính sách đó, có tác động rất lớn đối với phong trào lao động sản xuất. Thực hiện của vòng 1 vừa qua đã chỉ rõ là công tác tư tưởng phải gắn liền với tổ chức, nhưng đồng thời phải gắn cả với thực hiện các chính sách, vừa vận động, vừa thực hiện, vừa phát động quần chúng, vừa vận dụng thực hiện các

chính sách và đề nghị bổ sung chính sách cho phù hợp là rất cần thiết, không thể thiếu.

5. Quyết tâm bồi dưỡng và tăng cường hàng trăm cán bộ các ngành xuống giúp cơ sở tiến hành cuộc vận động như vòng 1 đã chứng minh là rất cần thiết, có tác dụng quyết định đối với việc thực hiện các yêu cầu của cuộc vận động. Vừa qua có nhiều cán bộ tận tụy, chịu đựng gian khổ, lặn lội với phong trào, cùng cơ sở đưa phong trào lên. Nơi nào có cán bộ như vậy thì phong trào đều có chuyển biến tốt (qua bình bầu trong dịp tổng kết ở 5 huyện Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bát Xát, Bảo Thắng có 75 cán bộ thuộc loại khá được biểu dương).

6. Mọi việc trong cuộc vận động đều phải được bàn bạc dân chủ trình tự hai xuống, một lên, từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng và ngược lại từ quần chúng lại trở về trong Đảng từ dưới lên trên, xong lại quay lại phát động quần chúng thực hiện. Trong học tập đã thực hiện tốt phương châm học, hành, kiểm, sửa, bồi, nâng, lấy nâng để sửa, phát huy mặt tích cực để khắc phục thiếu sót của mỗi nơi và mỗi người... Đảng viên làm trước, quần chúng làm theo sau. Đối với sự việc thì phải trái phải phân minh nhưng khi xử trí thì lý tình phải thỏa đáng. Cách làm như trên là rất tốt. Vừa qua những nơi làm đúng thì đảng viên, cán bộ, cơ sở thấy rõ khuyết điểm, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hăng hái công tác, có đồng chí bán trâu, bán nhà để trả nợ tập thể nhưng lòng vẫn vui, quần chúng cũng hả hê, cởi mở, nói hết những điều mà xưa nay mình muốn nói. Cuối cùng là tăng cường được đoàn kết giữa cán bộ và quần chúng, đẩy mạnh mọi công tác. Nhưng ngược lại cũng có nơi làm không đúng như trên thì phong trào không chuyển biến, cán bộ, đảng viên có khuyết điểm sinh dao động, tiêu cực, quần chúng không phấn khởi.

7. Tỉnh, huyện đều có xã chỉ đạo riêng, hình thành mạng lưới chỉ đạo riêng của tỉnh để rút kinh nghiệm và tổ chức tham quan

thực tế cho cán bộ xã, mỗi việc mới đều chú trọng chỉ đạo riêng để rút kinh nghiệm phổ biến chung. Đó là cách chỉ đạo rất quan trọng và đã có tác dụng rất tốt.

8. Về lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động, ngoài việc định ra chủ trương, cấp ủy còn ra tay, đích thân các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy, nhất là các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư vừa qua còn trực tiếp chỉ đạo, tuần, kỳ nghe báo cáo kiểm tra đôn đốc và một số đồng chí cấp ủy viên chỉ đạo đến nay đã có tác dụng quyết định trực tiếp đối với cuộc vận động.

9. Ngoài việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy vừa qua Tỉnh ủy đã chú trọng phát huy chức năng các Ban tham mưu của Đảng và phần nào đã phát huy vai trò của chính quyền. Cách phân công giao nhiệm vụ cho các Ban của Tỉnh ủy đối với cuộc vận động như vừa qua đã làm là tương đối phù hợp.

Trên đây là khẳng định những kết quả và ưu điểm đã đạt được để phát huy. Song trong vòng 1 cuộc vận động cũng còn nhiều tồn tại, thiếu sót cần ra sức khắc phục, đó là:

- Phong trào lao động sản xuất, chưa được đồng đều ở các vùng, các hợp tác xã, trong phong trào chung có chuyển biến nhưng cũng còn một số xã, hợp tác xã chuyển biến ít hoặc không chuyển biến. Các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước so với trước thì tăng nhưng so với kế hoạch năm thì vẫn còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt. Sản lượng lương thực tuy là năm đạt cao nhất nhưng vẫn ở tình trạng cũ là sản xuất trên diện tích chưa ổn định, bấp bênh, do đó chưa thể hiện được thế vững chắc về lương thực trong toàn tỉnh, nhất là vùng cao. Tệ phá rừng làm nương riêng lẻ, thả rông gia súc vẫn còn nhiều. Sản xuất màu còn yếu, chế biến sử dụng màu, chế biến dự trữ một số loại thực phẩm vẫn còn nhiều khó khăn. Vùng đậu tương chưa có chuyển biến mới đang có xu hướng muốn thu hẹp lại. Tăng vụ thâm canh vùng cao vẫn còn yếu. Vùng mía công nghiệp chưa thật sự vững chắc, ổn định. Trình độ quản lý về mọi mặt của cán bộ xã, hợp tác xã so với yêu cầu còn quá thấp, kể cả cán bộ tỉnh, huyện về giúp

xã, đang là cản trở sự chuyển biến của phong trào ở nông thôn và thực hiện các yêu cầu của cuộc vận động.

- Chất lượng đảng viên mới nâng cao về mặt tinh thần, ý thức trách nhiệm đối với Đảng, gương mẫu đối với quần chúng, còn về mặt nâng cao trình độ văn hóa, quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật vừa qua vẫn còn yếu. Việc bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh làm còn yếu, kết quả còn ít, vận dụng tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp còn nhiều thiếu sót, thống kê phân loại đảng viên làm chậm.

- Về mặt phát huy dân chủ tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng mới đạt được ở mức độ học tập, nâng cao ý thức làm chủ bàn bạc, còn về mặt xây dựng nội quy thực hiện điều lệ để đảm bảo chế độ dân chủ đối với xã viên chưa làm được mấy. Riêng về việc dân chủ xây dựng kế hoạch năm 1971, các cấp chưa nhận thức đầy đủ mà vẫn mang nặng lề lối làm việc chưa dân chủ với quần chúng trước đây, mới chỉ bàn bạc dân chủ với cán bộ đảng viên ở cơ sở, chưa bàn bạc kỹ lưỡng sâu sắc với quần chúng nên nhiều nơi khi đưa ra quần chúng thực hiện có việc xã viên không tán thành. Thủ tục bầu cử nhiều nơi làm còn thiếu sót, tiến hành bầu cử Ban quản trị cũng còn chậm. Việc học tập quán triệt các nghị quyết trong nhân dân chưa được sâu rộng lắm, số lượng đi học có nơi mới chỉ đạt 50%, hầu hết các xã chưa thực hiện được báo, bình công. Cán bộ, đảng viên và quần chúng mới chỉ nhận thức được một số nội dung cơ bản của các nghị quyết, chưa hiểu sâu sắc mọi vấn đề của nghị quyết đề ra.

- Sự chỉ đạo của các huyện, Thị ủy đối với nông nghiệp đã có chuyển biến bước đầu, sâu sát cơ sở ở tập trung, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, nhưng về mặt quản lý hợp tác xã, củng cố phong trào hợp tác xã còn yếu. Chỉ đạo nông nghiệp của huyện vẫn còn lúng túng vẫn nặng về đôn đốc chung chung, theo kiểu chỉ đạo đối với kinh tế cá thể trước đây, chưa đi sâu vào nghiệp vụ quản lý kinh tế và khoa học - kỹ thuật.

Các ngành xung quanh tỉnh, huyện cũng có chuyển biến hơn trước, trong việc phục vụ nông nghiệp. Nhưng ý thức chủ động phục vụ nông nghiệp còn yếu, từng ngành, ban chưa tự động đề xuất được với cấp ủy và Ủy ban những việc đối với nông nghiệp, nông thôn do ngành mình phải phục vụ, mà thường chờ đợi cấp ủy giao hoặc đôn đốc. Tóm lại là chưa có tinh thần tìm việc để làm, đề xuất vấn đề để phục vụ, nhất là các ngành ít liên quan đến nông nghiệp như văn hóa - xã hội, nội chính, v.v.. Kết hợp giữa các ngành, ban chưa nhịp nhàng. Tổng quát lại các yêu cầu của cuộc vận động căn bản đã đạt được, những chuyển biến mới trong lao động, sản xuất và các mặt công tác khác ở nông thôn, nhưng phong trào chuyển biến chưa được đồng đều giữa các huyện, xã, hợp tác xã. Trong tám huyện, thị và 124 xã thì có 42 xã đạt yêu cầu khá, 56 xã đạt trung bình và 26 xã kém.

Tổng số	124	42	56	26
Huyện Bắc Hà	22 đạt yêu cầu khá	7 trung bình	10 kém	5
Mường Khương	24 đạt yêu cầu khá	12 trung bình	10 kém	2
Si Ma Cai	17 đạt yêu cầu khá	4 trung bình	6 kém	7
Bảo Thắng	16 đạt yêu cầu khá	5 trung bình	8 kém	3
Huyện Sa Pa	18 đạt yêu cầu khá	6 trung bình	7 kém	5
Huyện Bát Xát	26 đạt yêu cầu khá	8 trung bình	14 kém	4
Thị xã Lào Cai	1 đạt yêu cầu khá	- trung bình	1 kém	-
Thị xã Cam Đường	- đạt yêu cầu khá	- trung bình	- kém	-

Sở dĩ có những vấn đề tồn tại là do quá trình chỉ đạo cuộc vận động còn một số thiếu sót.

- Chưa làm cho mạng lưới xã chỉ đạo trong điểm thực sự đi trước một bước. Mỗi bước của cuộc vận động nói chung thực hiện không chặt chẽ, nhiều nơi tùy tiện, thiếu ý thức tuân theo thời gian chung đã quy định. Việc sơ tổng kết từng bước thường kéo dài không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo và báo cáo thường chưa sâu, thiếu cụ thể, báo cáo không kèm theo thống kê, số liệu. Một số vấn đề cần làm đúng thể thức, thủ tục chính

quyền, nhiều nơi làm không tốt, tùy tiện làm được đến đâu hay đến đó.

- Tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết của một số nơi chưa thật nghiêm chỉnh. Do đó không tìm mọi biện pháp để hoàn thành nhiệm vụ, đến nay có huyện còn để đọng cả Nghị quyết 84-CP chưa làm và hầu hết chưa đầu làm xong một cách đầy đủ.

- Số cán bộ trên về giúp cơ sở đại đa số là tận tụy, chịu đựng gian khổ, lặn lội cùng cán bộ cơ sở đi sâu vào quần chúng, phát động quần chúng đưa phong trào lên. Có rất nhiều đồng chí, anh chị em đã nêu gương. Nhưng cũng có một số đồng chí tư tưởng không ổn định, chần chừ với nhiệm vụ được giao, không lặn lội với cán bộ cơ sở, với phong trào để tìm mọi cách để đưa phong trào lên (qua bình bầu trong dịp tổng kết 5 huyện đã có 31 người thuộc loại kém và 13 người cần xét thi hành kỷ luật). Nghiệp vụ công tác nói chung anh chị em còn yếu.

- Đối với cán bộ cơ sở còn mắc tình trạng hội họp quá nhiều, chưa xếp sắp lại được lề lối làm việc ở hợp tác xã cho phù hợp với từng nơi để tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở đi sâu vào sản xuất, học tập.

- Chưa phát huy được đầy đủ chức năng quản lý kinh tế của chính quyền và vai trò giáo dục, thuyết phục quần chúng của các đoàn thể đối với cuộc vận động.

Tóm lại, nguyên nhân cơ bản của các tồn tại là do các cấp, các ngành hiểu chưa rõ, làm chưa đúng, càng xuống dưới càng chưa hiểu, và tinh thần trách nhiệm ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết của một số nơi chưa thật nghiêm chỉnh.

Trên đây là những nguyên nhân kết quả tồn tại chung, còn riêng từng xã thì vừa qua huyện nào cũng có những xã có nhiều chuyển biến, có một số xã lên khá. Những xã như vậy là do cán bộ trên về đã tận tụy hy sinh, lặn lội ba cùng với cán bộ, đảng viên cơ sở, đi sâu vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chi bộ; đã công phu phát động

tư tưởng bồi dưỡng từng bí thư chi bộ đến từng đảng viên, đi sâu vào nghiệp vụ công tác, quản lý kỹ thuật thì đã đi học, đi hỏi người biết để làm, cố gắng hoàn thành các yêu cầu của cuộc vận động. Có một số nơi cán bộ trên phái về giúp cơ sở lúc đầu không phải là những đồng chí có khả năng và giàu kinh nghiệm vận động quần chúng lắm, nhưng do các đồng chí đó nhiệt tình đối với cơ sở với nhiệm vụ được giao nên đã làm cho phong trào chuyển biến, kết quả là cán bộ trên và cán bộ cơ sở đoàn kết hòa hợp, cùng nhau phấn khởi đưa phong trào lên. Ngược lại có một số xã vừa qua phong trào không có chuyển biến hoặc chuyển biến ít và chậm, ở những nơi này số cán bộ trên phải giúp cơ sở không phải là những đồng chí kém khả năng, ít kinh nghiệm công tác, và tình hình cơ sở phong trào ở đấy cũng không phải là có quá nhiều khó khăn. Như vậy phong trào ở đó không lên chủ yếu là do cán bộ ở đây thiếu nhiệt tình đối với nhiệm vụ, thiếu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ, băn khoăn vướng mắc cá nhân nhiều, do đó không đi sâu lẫn lộn với cơ sở để phát động quần chúng, làm việc với tinh thần tác trách được đến đâu hay đến đấy.

Từ tình hình trên nói lên đảng viên, cán bộ cơ sở nói chung là tốt, quần chúng đoàn kết tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng vừa qua có những nơi phong trào chưa có gì chuyển biến, vấn đề quyết định không phải ở chỗ có cán bộ trên về giúp có khả năng hay không, mà chủ yếu là ở chỗ các đồng chí cán bộ ở nơi đó thiếu nhiệt tình đối với nhiệm vụ, không tận tụy lẫn lộn với cơ sở để phát động quần chúng.

Từ thực tiễn như trên có thể sơ bộ kết luận muốn đưa phong trào chuyển biến nhanh và mạnh thì không thể thiếu mấy điểm là:

- Trước hết cán bộ tổ công tác trên về giúp cơ sở, có nhiệt tình với nhiệm vụ, lẫn lộn ba cùng với cán bộ cơ sở, phát động quần chúng xây dựng phong trào.

- Nắm vững phương châm phát động tư tưởng từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, kiên trì bồi dưỡng cán bộ, đảng viên cơ sở củng cố chi bộ, làm hạt nhân lãnh đạo quần chúng, thúc đẩy phong trào.

- Đi sâu vào nắm nghiệp vụ quản lý kinh tế, bám chắc yêu cầu và trình tự cuộc vận động đã đề ra thực hiện.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÒNG 2 NĂM 1971

Trên cơ sở phát huy kết quả của vòng 1 và tổ chức học tập quán triệt tinh thần Nghị quyết số 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Trung ương, từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng như kế hoạch của tỉnh ta đề ra, tiến hành vòng 2 cuộc vận động ở nông thôn, làm cho cuộc vận động có những phong trào tiến lên thành những cao trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, thực hiện bằng được các nhiệm vụ, mục tiêu sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra cho 3 năm 1971 - 1973. Yêu cầu của vòng 2 phải tập trung làm tốt các công tác lớn sau:

1. Trước mắt tập trung hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất năm 1971, mà trọng tâm là thực hiện thật tốt các chỉ tiêu sản xuất vụ mùa, phấn đấu giành 52.000 tấn lương thực; chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho sản xuất đông - xuân, đưa sản xuất thành những phong trào và có những bước nhảy vọt mới.

Phát động quần chúng thực hiện toàn diện các chỉ tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp, tập trung vào giải quyết vấn đề chủ yếu thành phong trào, tiến lên thành những cao trào của quần chúng trong toàn tỉnh, các phong trào đó là:

a) *Tăng vụ xuống ruộng*, lên nương theo hướng phấn đấu đưa ruộng đất lên 2 vụ/năm, bằng mọi thứ cây có thể tăng vụ như: ngô + sò, mì + sò, đậu tương + ngô, đậu tương + lúa ruộng, mì + lúa; kết hợp chống thả rông gia súc.

b) *Khai hoang đất và ruộng ở những nơi có điều kiện*, khai phá ruộng nương bậc thang, cải tạo nương đồi ở vùng cao, để mở rộng diện tích trồng lúa và trồng màu (vùng thấp chủ yếu là cây sắn).

c) *Thâm canh tăng năng suất lúa*, phấn đấu mức 7 tấn thóc/ha ruộng 2 vụ bằng các hợp tác xã có năng suất lúa cao nhất hiện nay, giành ba mục tiêu trong nông nghiệp.

d) *Xây dựng đôi cò, chuồng trại*, cơ sở thức ăn cho gia súc, chăm sóc phát triển tốt đàn trâu, bò tập thể đẩy mạnh phong trào chăn nuôi lợn trong toàn dân, cả tập thể và gia đình, phát triển lợn lai kinh tế; thi đua nuôi lợn có trọng lượng cao.

đ) *Mở mang ngành nghề thủ công và chế biến màu trong hợp tác xã*.

e) *Trồng rừng*: Bao gồm cả cây lấy gỗ, cây công nghiệp dài ngày cây ăn quả, khoanh núi nuôi rừng và bảo vệ rừng.

g) *Làm giao thông thủy lợi, dứt điểm nhanh gọn từng công trình, từng quãng đường, để mau chóng phục vụ sản xuất*.

2. Tiếp tục củng cố hoàn thiện phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và chấp hành tốt các chính sách

a) *Đối với những hợp tác xã đủ điều kiện xây dựng nội quy thực hiện Điều lệ*: Chủ yếu ở vùng thấp và một số nơi có điều kiện tương tự như ở vùng cao, cần tiếp tục quán triệt hơn nữa tinh thần Nghị quyết số 179 của Bộ Chính trị. Tiến hành học tập thêm điều lệ, xây dựng các nội quy, chế độ của hợp tác xã để thực hiện điều lệ, đi sâu vào nội dung công tác quản lý hợp tác xã, nâng trình độ quản lý hợp tác xã lên một bước đưa công tác quản lý đi vào tương đối có nền nếp. Cần tập trung làm thật tốt mấy việc chủ yếu sau: dân chủ xây dựng kế hoạch sản xuất, gắn với việc tổ chức, phân công lại lao động, đảm bảo có đủ lao động, thực hiện ba khoán, xây dựng nội quy lao động. Trên cơ sở kinh nghiệm của những hợp tác xã làm ăn khá ở từng huyện để làm mốc phấn đấu thực hiện ba mục tiêu trong nông nghiệp, mà tính toán cân đối tổ chức phân công lao động, đảm bảo có đủ lao động để thâm canh ruộng sản có vừa có lao động thành những đơn vị tập trung làm nông cốt để mở mang thêm sản xuất như khai hoang, tăng vụ trồng, khai thác

rừng, v.v.. Hoàn thành dứt các việc thanh quyết toán tài chính, kiểm kê tài sản từ trước tới nay, dân chủ phân phối 2 vụ chiêm mùa, quyết toán hết năm 1971, xây dựng nội quy quản lý tài chính, xây dựng lại sổ sách, đưa công tác quản lý tài chính vào nề nếp. Dân chủ bầu cử các cơ quan quản lý hợp tác xã theo đúng Điều lệ hợp tác xã. Xây dựng nội quy chế độ chức trách của Ban quản trị, kiện toàn đội trưởng, đội phó, kế toán trưởng và kế toán đội. Qua đó, chọn lọc kiện toàn dần đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã có chất lượng tốt. Thực hiện tốt chính sách đất đai với gia đình xã viên; làm cho cán bộ và nhân dân nhận thức rõ ranh giới đất đai, rừng núi nào của hợp tác xã được quyền khai phá, xây dựng nội quy đất đai và bảo vệ rừng.

Đối với công tác ổn định nghĩa vụ lương thực qua thực hiện cần kiểm tra xem xét, bổ khuyết những nơi làm còn thiếu sót, động viên xã viên và hợp tác xã phấn đấu thực hiện tốt nghĩa vụ lương thực hằng năm.

b) Đối với những hợp tác xã chưa đủ nội dung kinh tế và những xã thôn chưa có hợp tác xã (Đại bộ phận là vùng cao và giữa) tiếp tục học lại Điều lệ hợp tác xã và quán triệt lại tinh thần Nghị quyết 38-CP, tiến hành củng cố những hợp tác xã đã có, xây dựng những nơi chưa có hợp tác xã đảm bảo không còn thôn, bản nào không có hợp tác xã. Trên cơ sở hợp tác xã được củng cố và xây dựng mới mà động viên quần chúng thực hiện tốt phương án định canh định cư của từng nơi đã xác định, tập trung vào những vấn đề chính như: dân chủ xây dựng kế hoạch năm 1971, hợp tác xã cố gắng quản lý kinh doanh được những cây chủ yếu như lúa, ngô, đậu tương, mì, v.v.. Phân phối quyết toán năm 1971, dân chủ bầu cử cơ quan lãnh đạo hợp tác xã theo đúng Điều lệ... Đặc biệt, phải làm thật tốt công tác, tổ chức phân công lại lao động cân đối, cụ thể, có lao động sản xuất thường xuyên đồng thời từng hợp tác xã phải kiên quyết giành và tổ chức cho được một đội lao động chuyên trách làm nông cốt

thường xuyên khai phá ruộng nương bậc thang và xây dựng cơ bản cho hợp tác xã.

Đối với công tác ổn định nghĩa vụ lương thực, cần kiểm tra bỏ khuyết những nơi làm ruộng còn thiếu sót, thực hiện ở những nơi chưa làm. Những nơi có nghĩa vụ, hoặc không có nghĩa vụ đều cần nói rõ và có văn bản của Nhà nước, công bố rõ ràng để quần chúng yên tâm. Ngoài ra, phải giáo dục, tuyên truyền thực hiện thật tốt các chính sách thuộc về cuộc vận động định canh định cư mà Chính phủ đã ban hành.

c) Mỗi hợp tác xã cần thành lập một đội lao động chủ lực chuyên trách để xây dựng cơ bản cho hợp tác xã và thay thế nghĩa vụ dân công cho hợp tác xã khi Nhà nước sử dụng số anh chị em này đi nghĩa vụ dân công thì được hưởng chính sách đối thủy lợi. Khi làm ở hợp tác xã thì hưởng theo chế độ của hợp tác xã, do từng hợp tác xã bàn bạc quy định cụ thể.

d) Tiếp tục kiểm tra việc chấp hành chính sách, vận dụng thực hiện các chính sách của Nhà nước đã ban hành, như chính sách lương thực, giá cả, thu mua đối với cây công nghiệp, đặc sản chăn nuôi (giá chè, giá lợn, giá trâu, v.v. kể cả trong khu vực nông trường và hợp tác xã).

3. Về nâng cao chất lượng đảng viên và bồi dưỡng, đào tạo cán bộ: Để đảm bảo thực hiện bằng được các mục tiêu kế hoạch năm 1971 thực hiện tốt nhiệm vụ 3 năm 1971-1973 mà Tỉnh ủy đã đề ra và các yêu cầu cụ thể của vòng 2 cuộc vận động cần làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng, xây dựng con người ở cơ sở, do đó phải phấn đấu đạt được yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên và chất lượng tổ chức đảng phải tích cực đẩy mạnh phong trào quần chúng tăng cường vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, củng cố kiện toàn phát huy vai trò của chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các cơ quan quản lý hợp tác xã.

Tổng kết đợt kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh và xây dựng được kế hoạch phát triển đảng viên từng chi bộ, đưa công tác tuyên truyền phát triển đảng đi vào nền nếp thường xuyên.

Làm tốt công tác quản lý đảng viên, tích cực giáo dục bồi dưỡng đảng viên yếu kém, tăng cường giữ gìn kỷ luật trong Đảng và kiên quyết đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng (có kế hoạch hướng dẫn cụ thể sau). Tất cả các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải kiện toàn việc lập sổ sách đảng viên. Phải phân công đảng viên khá, giúp đỡ đảng viên kém, kiên quyết phấn đấu không còn loại chi bộ kém.

Làm tốt công tác tổng kết chi bộ cuối năm, gắn chặt chẽ với việc chuẩn bị và tiến hành tốt Đại hội Đảng từ chi bộ lên huyện, thị.

Tích cực làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, tăng cường cán bộ giúp đỡ cơ sở. Đối với số cán bộ các tổ công tác và cán bộ kỹ thuật đã tăng cường cho cơ sở cần bồi dưỡng cho anh chị em thêm về quan điểm, đường lối, chính sách, nghiệp vụ, để anh chị em làm tròn nhiệm vụ giúp cơ sở, phân công và sử dụng đi sâu vào nghiệp vụ quản lý kinh tế và công tác xây dựng Đảng. Ngoài ra, đối với cán bộ còn ở xung quanh tỉnh huyện, có trình độ từ cán sự 1 và kỹ sư hoặc trung cấp kỹ thuật trở lên, cần đặt thành chế độ xuống công tác giúp đỡ cơ sở theo thời vụ.

Đối với cán bộ, đảng viên ở xã và hợp tác xã, từ nay đến hết tháng 9 - 1971 phải làm xong việc đánh giá những cán bộ hiện có và xây dựng xong quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho từng xã, và từng huyện trong 3 - 5 năm tới, để có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo thực hiện tiêu chuẩn hóa chuyên môn hóa và đồng bộ hóa cán bộ. Tất cả các hợp tác xã, xã cần vận động cử một số anh chị em có đủ tiêu chuẩn để đi dự các lớp đào tạo về quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề cho hợp tác xã.

IX. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO VÀ THỜI GIAN TIẾN HÀNH VÒNG 2 CUỘC VẬN ĐỘNG

Về chỉ đạo cuộc vận động, ngoài việc phát huy chức năng tham mưu của các Ban, của cấp ủy như vòng 1, trong vòng 2 này cần phát huy chức năng, quản lý của Nhà nước tăng cường chuyên chính của chính quyền và phát huy tốt vai trò các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận, v.v. đối với cuộc vận động. Đảng đoàn, chính quyền tỉnh có trách nhiệm thống nhất chỉ đạo thực hiện các việc thuộc nội dung mà cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ ở nông thôn và định canh định cư kết hợp hợp tác hóa, cũng như các nghị quyết khác của Chính phủ đã đề ra (theo đúng Nghị quyết số 149-CP, ngày 7-8-1970 của Hội đồng Chính phủ).

Về thời gian làm vòng 2: Từ tháng 7-1971 đến hết tháng giêng năm 1972 thì tổng kết, chia làm 3 bước theo thời vụ sản xuất cho sát hợp.

Các cấp các ngành cần căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ và yêu cầu thời gian nêu trên để có kế hoạch thực hiện cụ thể. Ban Nông nghiệp và các Ban của Tỉnh ủy, Đảng đoàn, chính quyền vạch ra kế hoạch chi tiết để chỉ đạo và hướng dẫn các cấp các ngành thi hành, đồng thời giúp Tỉnh ủy kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình cuộc vận động.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ
PHẠM GIA TUÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 161-CT/TU, ngày 4-9-1971

Về việc tổng kết vấn đề phỉ và công tác tiểu phỉ của Đảng bộ

Phỉ và công tác tiểu phỉ là một vấn đề rất lớn và phức tạp. Đối với tỉnh ta, trong kháng chiến chống Pháp, đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ đã gây ra mấy vụ phỉ lớn; từ khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đến khi căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, bọn đế quốc và tay sai còn gây ra một số vụ bạo loạn. Về phía ta, công tác tiểu phỉ đã từng là công tác trung tâm đột xuất của Đảng bộ. Ta đã tiến hành các chiến dịch tiểu phỉ và các cuộc phát động quần chúng nên căn bản phá được âm mưu gây phỉ của đế quốc trong tỉnh. Trong quá trình đối phó với âm mưu gây phỉ của địch, cũng như trong công tác tiểu phỉ của ta có nhiều vấn đề cần phải được rút ra kết luận để phục vụ cho công tác an ninh địa phương, cho công tác nghiên cứu lịch sử hiện nay và sau này. Do đó cần phải tiến hành tổng kết vấn đề phỉ và công tác tiểu phỉ của tỉnh ta. Mặt khác, âm mưu của đế quốc rất thâm độc và lâu dài, cho nên vấn đề loại trừ khả năng kẻ địch gây bạo loạn hiện nay vẫn là một công tác quan trọng của Đảng bộ ta.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiến hành tổng kết vấn đề phỉ và công tác tiểu phỉ của Đảng bộ từ khi đế quốc bắt đầu thực

hiện âm mưu gây phỉ đến khi ta căn bản thanh toán được tàn dư của phỉ ở địa phương nhằm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc thấy rõ hơn âm mưu thâm độc và lâu dài của bọn đế quốc, nâng cao cảnh giác, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc; rút ra được những kinh nghiệm để đẩy mạnh hơn nữa công tác bảo vệ trị an; làm sáng tỏ thêm một số đặc điểm của các dân tộc có quan hệ đến việc chấp hành các chính sách; xác định thêm mối quan hệ giữa các mặt công tác khác với nhiệm vụ bảo vệ trị an trong tỉnh. Tổng kết vấn đề phỉ và công tác tiêu phỉ, ta còn đóng góp được các kinh nghiệm chống bạo loạn, phản cách mạng của tỉnh ta đối với cả nước.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA TỔNG KẾT

1. Nghiên cứu âm mưu và các phương thức, thủ đoạn hoạt động của phỉ, rút ra những đặc điểm, quy luật của âm mưu gây phỉ của đế quốc, thấy rõ những nguyên nhân chính trị và xã hội của vấn đề ở địa phương.

2. Nghiên cứu việc vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách và phương châm tiêu phỉ của Trung ương vào công tác tiêu phỉ của tỉnh ta, rút ra được những kinh nghiệm cơ bản trong việc phá âm mưu gây phỉ của đế quốc, phục vụ cho công tác phòng ngừa, tiến tới loại trừ khả năng kẻ địch gây bạo loạn phản cách mạng ở địa phương.

3. Kết hợp trong quá trình tiến hành tổng kết, bước đầu xây dựng hồ sơ toàn diện về công tác tiêu phỉ của Đảng bộ, phục vụ việc nghiên cứu lâu dài và góp phần tư liệu tiêu phỉ của cả nước.

II. PHẠM VI TỔNG KẾT

Nội dung tổng kết có quan hệ đến mọi ngành và mọi mặt

công tác ở địa phương, đến tình hình chính trị, xã hội của các dân tộc vùng có phi. Do đó, việc nghiên cứu tổng kết phải toàn diện, nhưng lấy việc phá âm mưu gây phi của đế quốc làm trọng tâm. Nói chung các cấp, các ngành đều có trách nhiệm góp phần vào công tác tổng kết, nhưng tập trung vào một số ngành liên quan trực tiếp đến việc thực hiện đường lối, chính sách và làm công tác trấn phản, trị an, tiểu phi... (đặc biệt là các ngành Khối Nội chính).

Thời gian của vấn đề tổng kết tính từ khi đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ bắt đầu thực hiện âm mưu gây phi đến khi ta kêu gọi được tên phi cuối cùng còn lẩn trốn về hàng, nhưng trọng tâm là thời gian xảy ra các vụ phi và ta tiến hành công tác tiểu phi (từ cuối năm 1950 đến năm 1960).

Địa bàn nghiên cứu là tất cả những vùng có phi hoạt động trước đây, bao gồm cả huyện Phong Thổ nay đã thuộc về tỉnh Lai Châu nhưng trọng tâm là các huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai, Bát Xát và Sa Pa; đi vào các dân tộc thì chủ yếu nghiên cứu tình hình ở dân tộc Mèo (vùng cao) và dân tộc Dáy (vùng thấp).

III. NỘI DUNG TỔNG KẾT

Nội dung nghiên cứu, tổng kết cần đi vào bốn vấn đề lớn sau đây:

1. Âm mưu, thủ đoạn gây phi của đế quốc và tay sai và các hoạt động chủ yếu của phi.

2. Đặc điểm xã hội các dân tộc vùng có phi mà kẻ địch đã lợi dụng để thực hiện âm mưu gây phi và những đặc điểm, truyền thống đoàn kết đấu tranh tốt đẹp của các dân tộc trong quá trình các đợt phát động quần chúng tiểu phi.

3. Việc chấp hành và vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách, phương châm công tác tiểu phỉ trong tỉnh, nhất là các vùng có phỉ.

4. Thái độ của các tầng lớp nhân dân và những người bị lừa phỉnh, cưỡng bức đi phỉ đối với các vụ nổi phỉ, đối với việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và đối với các đợt tiểu phỉ; sự chuyển biến thái độ của họ qua công tác tiểu phỉ; các phong trào tiểu phỉ của quần chúng các dân tộc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để đảm bảo thực hiện được mục đích, yêu cầu và nội dung các vấn đề đặt ra, việc tổng kết vấn đề phỉ và công tác tiểu phỉ của tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo. Ban Thường vụ giao cho Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng chủ trì, giúp Tỉnh ủy hướng dẫn, đôn đốc và tiến hành nghiên cứu tổng kết chung.

Các ngành trong Khối Nội chính (Công an, Tòa án, Kiểm sát, cơ quan quân sự địa phương) có trách nhiệm cung cấp các tư liệu, tài liệu và cùng Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng thảo luận thống nhất nhận định đánh giá các vấn đề trong nội dung nghiên cứu tổng kết có liên quan.

Đặc biệt cơ quan công an còn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng và các vấn đề tổng kết và phân công cán bộ tham gia tổng kết để nắm chắc các tư liệu, các vấn đề tổng kết để sau này còn tiếp tục nghiên cứu phục vụ cho công tác bảo vệ trật tự an ninh ở địa phương.

Các cấp, các ngành, các Ban trong tỉnh, tùy theo nhiệm vụ chức trách của mình, đều có trách nhiệm đóng góp tham gia vào việc tổng kết (theo yêu cầu, hướng dẫn của Ban Lịch sử Đảng Tỉnh ủy).

Thời gian tổng kết tiến hành từ nay đến hết năm 1972. Khi kết thúc, tỉnh sẽ tổ chức hội nghị tổng kết chung.

Nhận được chỉ thị này, các cấp, các ngành cần nghiên cứu kỹ mục đích, yêu cầu và nội dung tổng kết, và tích cực thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm được giao, để việc tổng kết vấn đề phi và công tác tiểu phẩm của Đảng bộ đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 19-BC/TU, ngày 30-12-1971

Về tổng kết tình hình hơn mười năm qua và phương hướng nhiệm vụ những năm tới về nông - lâm nghiệp tỉnh Lào Cai

Dưới ánh sáng của các chỉ thị, nghị quyết và sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, hơn mười năm qua, dựa vào đường lối, nhiệm vụ chung về nông nghiệp, nhất là phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp miền núi của Bộ Chính trị đề ra trong Nghị quyết số 71, Đảng bộ Lào Cai đã vận dụng tình hình cụ thể vào địa phương bằng các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, IV, V.

Trải qua thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), qua hơn bốn năm phát triển hòa bình (1961-1965), qua những năm có chiến tranh phá hoại và hai năm miền Bắc không bị bắn phá, nền nông - lâm nghiệp trong tỉnh đã không ngừng lớn lên. Trong quá trình xây dựng và phát triển nông - lâm nghiệp thắng lợi đã đạt được là cơ bản, to lớn và thuận lợi có nhiều, nhưng khó khăn, phức tạp cũng lắm, nhược điểm, thiếu sót cũng còn. Vì vậy, cần phải đi sâu phân tích và đánh giá đúng những mặt đó, tìm ra nguyên nhân và các bài học chính để đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những chủ trương, biện pháp nhằm đẩy mạnh nông - lâm

ng nghiệp phát triển một bước mới, thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 của Trung ương Đảng.

Phần thứ nhất

**KIỂM ĐIỂM VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH
NÔNG - LÂM NGHIỆP HƠN MƯỜI NĂM QUA
(1958 - 1960 - 1970)**

Hơn mười năm qua, từ thời kỳ khôi phục kinh tế sang quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và xây dựng nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, tỉnh ta đã đạt được nhiều thành tích quan trọng. Mặc dù hiện nay nền nông - lâm nghiệp tỉnh ta còn nhiều khó khăn và còn có những mặt yếu kém, nhưng đã có biến đổi lớn. Nhiều nhân tố mới đã nảy sinh, đã và đang tạo ra điều kiện, khả năng để phá độc canh, tự cấp, tự túc, tự sản, tự tiêu, tự nhiên và du canh du cư, tiến lên phát triển nền nông nghiệp nhiều mặt, và phát huy ưu thế lớn của Lào Cai là nghề rừng, cây công nghiệp, cây đặc sản và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi lớn nhất của chúng ta là: Đã xây dựng được quan hệ sản xuất nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, bao gồm kinh tế hợp tác xã và kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã đã giữ vị trí và chiếm vai trò chủ yếu trong nông thôn. Cùng với việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, lao động nông nghiệp đã được tổ chức lại và dần dần được phân công hợp lý. Cơ sở vật chất, kỹ thuật từng bước được xây dựng và đã tạo nên một sức sản xuất mới trong nông nghiệp, nông dân từ chỗ thiếu đói, sản xuất chỉ để ăn nhưng cũng không đủ, nay đã sản xuất được đủ lương thực để ăn và bắt đầu có nông sản hàng hóa cung cấp cho nhu cầu khu phi nông nghiệp, đời sống từng bước được nâng lên rõ rệt.

Trên cơ sở nông thôn đã hợp tác hóa, giai cấp nông dân tập thể đã hình thành, làm cho sự nhất trí về chính trị và tư tưởng trong nhân dân các dân tộc ngày càng tăng cường, liên minh công nông ngày càng củng cố. Tạo nên chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn.

Bên cạnh những thắng lợi cơ bản đã giành được, do còn nhiều khó khăn khách quan (3/4 vùng cao và vùng giữa. Trình độ mọi mặt còn thấp kém, sản xuất còn nặng tính chất tự cấp, tự túc, tự nhiên, tự sản, tự tiêu, du canh du cư, thiên tai liên tiếp, chiến tranh...), và do những thiếu sót trong việc chỉ đạo, quản lý nông nghiệp, đã hạn chế tác dụng của các nhân tố, làm cho nông nghiệp tỉnh ta phát triển chưa mạnh, có nơi phát triển chậm, trì trệ và phong trào lúc lên lúc xuống.

I. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ Củng Cố QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI

Từ khi phát động quần chúng tiểu phỉ, học tập chính sách xây dựng khu tự trị, tỉnh ta đã đẩy mạnh việc xây dựng tổ đoàn kết sản xuất, tổ đổi công, nhằm tăng cường sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong nông thôn, đảm bảo sản xuất, đời sống trước mắt. Đồng thời tập duyệt cho nông dân các dân tộc quen dần với lối làm ăn tập thể từ thấp đến cao.

Cuối năm 1958, tỉnh ta thí điểm việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp ở làng Dạ (xã Cam Đường) để rút kinh nghiệm. Tiếp đó, song song với việc hoàn thành cải cách dân chủ (1959-1960), tỉnh ta đã tiến hành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp khắp toàn tỉnh. Sau khi đã căn bản hoàn thành việc đưa nông dân vào hợp tác xã, tỉnh ta lại liên tiếp có nhiều chủ trương, biện pháp, nhằm củng cố hoàn thành phong trào hợp tác hóa. Đặc biệt trong các năm (1965- 1967) tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật ở vùng thấp và một số nơi có điều kiện ở

vùng cao, đồng thời liên tục vận động củng cố phong trào vùng cao. Từ năm 1969 đến nay, cuộc vận động định canh định cư cũng được tiến hành, đồng thời lại mở cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương (194, 195, 197) đưa Điều lệ vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đi đôi với việc xây dựng và củng cố hợp tác xã tỉnh ta đã xây dựng được một vài nông trường quốc doanh. Như vậy tỉnh ta đã hình thành hai khu vực kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp.

Trong việc đưa nông dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, ngoài hình thức nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp là chủ yếu, chúng ta đã đưa một số hộ nông dân vùng cao vào làm công nhân các nông trường quốc doanh chuyển thẳng từ nông dân sang công nhân nông nghiệp.

Từ thực tiễn của những năm qua đã nói lên việc vận dụng hình thức, bước đi và phương châm của chúng ta là phù hợp, đã đi từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, có kinh qua những bậc cầu như: Từ làm ăn riêng lẻ, qua tổ đoàn kết sản xuất lên tổ đổi công, từ tổ đổi công qua hợp tác xã nội dung quản lý đơn giản, lên hợp tác xã quản lý kinh doanh nhiều mặt, từ hợp tác xã quy mô nhỏ qua hợp tác xã liên hợp, lên hợp tác xã hợp nhất có quy mô thích hợp. Sự tiếp bước tuần tự đưa nông dân từ thấp lên cao theo con đường hợp tác hóa nông nghiệp là chủ yếu, nhưng đồng thời ở nơi có điều kiện và có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước thì có thể đưa thẳng nông dân vào làm công nhân các nông - lâm trường, từ nông dân cá thể hoặc nông dân tập thể sang công nhân nông - lâm trường.

Về điều kiện xây dựng hợp tác xã, ngoài điều kiện như Trung ương đã quy định, tỉnh ta đã nhấn mạnh thêm điều kiện có ruộng đất ổn định và dân cư tương đối tập trung. Những nơi chưa đủ điều kiện này cũng có thể lấy việc giáo dục giác ngộ chủ nghĩa xã hội cho nông dân mà tổ chức nông dân lại, dựa trên cơ sở hợp tác lao động để xây dựng cơ sở sản xuất và phát triển sản xuất. Điều

mấu chốt là ở những nơi này sau khi xây dựng hợp tác xã phải tích cực đi ngay vào việc xây dựng cơ sở sản xuất ổn định.

Nhờ có những cố gắng và sự vận dụng đường lối, chính sách sát hợp như trên, nên quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp tỉnh ta ngày càng phát triển, củng cố, hoàn thiện. Cụ thể là:

1. Về hợp tác xã nông nghiệp

Cuối năm 1960 toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, với 550 hợp tác xã, gồm 11.032 hộ xã viên, chiếm 72,15% số hộ nông dân ở khắp các vùng; trong đó có 10 hợp tác xã bậc cao, chiếm 4% số hộ xã viên. Từ năm 1961 đến 1965, tỉnh ta đã tiếp nhận 3.361 hộ, gồm 18.961 nhân khẩu 9.724 lao động ở hai tỉnh Hải Phòng và Nam Hà lên xây dựng kinh tế - văn hóa miền núi (không kể số lên tự do) tổ chức ra 71 hợp tác xã độc lập và còn thì xen ghép với hợp tác xã địa phương.

Cuối năm 1965, có 636 hợp tác xã với 17.338 hộ xã viên, chiếm 77% số hộ nông dân trong tỉnh, tăng hơn năm 1960 là 5% hộ xã viên, trong đó có 105 hợp tác xã bậc cao, chiếm 32% số hộ xã viên. Quy mô hợp tác xã đến nay nâng lên từ 21 hộ lên 27 hộ. Riêng hợp tác xã bậc cao quy mô 54 hộ.

Đến năm 1968, sau khi đã hợp nhất và mở rộng quy mô, còn 510 hợp tác xã, với 21.034 hộ, chiếm 80% số hộ nông dân trong tỉnh, trong các hợp tác xã bậc cao có 190 với 10.790 hộ, chiếm 51,3% số hộ xã viên. Số hợp tác xã khá toàn tỉnh chiếm 28,7%, hợp tác xã trung bình 28,5%, hợp tác xã kém 42,8% (ở vùng cao loại hợp tác xã kém còn 45%, với 30% số hộ xã viên), trong số hợp tác xã kém thì số hợp tác xã quá kém không đủ nội dung ở vùng cao và vùng giữa chiếm trên 100 hợp tác xã.

Đến năm 1970 có 449 hợp tác xã với 20.739 hộ, chiếm 80,41% số hộ nông dân toàn tỉnh, hợp tác xã bậc cao có 160 cái với 13.016 hộ, chiếm 62,7% số hộ xã viên. Số hộ làm ăn riêng lẻ hiện nay còn ngót 5.051 hộ, chiếm khoảng 20% số hộ toàn tỉnh. Số này tập

trung chủ yếu là ở vùng cao và lẻ tẻ các hộ neo đơn ở vùng thấp. Cuối năm 1970 còn 15 xã chưa có hợp tác xã. Quy mô sản xuất còn nhỏ bé, bình quân của hợp tác xã là 41 hộ, 36 ha, 110 lao động và 17 trâu cày. Riêng vùng cao bình quân 32 hộ một hợp tác xã. Về hợp tác xã bậc cao bình quân là 85 hộ, trong đó quy mô trên 100 hộ có... hợp tác xã quy mô trên 300 hộ có sáu hợp tác xã, quy mô xấp xỉ toàn xã (có 15 hợp tác xã). Hợp tác xã bậc thấp quy mô bình quân với 30 hộ, thường tổ chức theo thôn bản hoặc liên thôn bản. Đi đôi với việc tổ chức, xây dựng ra các hợp tác xã, trong các cuộc vận động, tỉnh ta đã từng bước bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý và trình độ sản xuất kinh doanh trong hợp tác xã.

Về mặt quản lý sản xuất: Từ đầu năm 1963, căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế từng vùng và yêu cầu của Nhà nước, tỉnh ta đã tiến hành quy hoạch, khoanh vùng sản xuất. Tiếp theo ta đã khảo sát, lập phương án định canh định cư cho các xã trong toàn tỉnh. Nhờ đó mà các hợp tác xã đã xác định được phương hướng sản xuất và ít nhiều đã thực hiện được phương hướng sản xuất đó, một số hợp tác xã đã đưa sản xuất có chuyển biến rõ rệt, đã đi vào hướng thâm canh lúa, tăng màu trên nương xuống ruộng, tổ chức chăn nuôi tập thể, nuôi cá, phát triển ngành nghề phục vụ nông nghiệp.

Có những hợp tác xã đã tự xây dựng được kế hoạch từng vụ, từng năm. Có hợp tác xã xác định được bước đi vài ba năm, xây dựng được lịch canh tác và tiêu chuẩn kỹ thuật cho một số cây trồng chính. Dần dần cơ sở vật chất, kỹ thuật của nhiều hợp tác xã đã được xây dựng như: Thủy lợi, thủy điện kết hợp cơ khí nhỏ, phục vụ tưới lúa và xay xát; vận chuyển bằng xe cải tiến, công cụ cải tiến, nhà kho, sân phơi, v.v.. Do đó đã tạo điều kiện cho hợp tác xã đi vào thâm canh, tăng vụ cây trồng thuận lợi.

Nhưng trong đại bộ phận hợp tác xã, nhất là ở vùng cao, việc xác định phương hướng sản xuất còn lúng túng, hoặc đã xác định được nhưng bám phương hướng không chắc, ý thức thực hiện chưa

triệt để làm được đến đâu hay đến đó. Kế hoạch sản xuất của hợp tác xã nhìn chung còn tản mạn thậm chí phương hướng sản xuất một đằng lại xây dựng kế hoạch một nẻo, hoặc kế hoạch sản xuất một đằng, thực hiện lại một nẻo, khi sản xuất gặp khó khăn thì dao động, nhiều hợp tác xã cơ sở vật chất, kỹ thuật còn yếu, chưa khai thác được khả năng của địa phương. Phương thức sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã còn tản mún, mang nặng tính chất tiểu nông. Nhiều hợp tác xã vùng cao chưa xây dựng được kế hoạch sản xuất, còn giản đơn, có hợp tác xã chia theo đội sản xuất, chỉ quản lý được vài chỉ tiêu lương thực (lúa, ngô) để đóng thuế và làm nghĩa vụ. Chăn nuôi tập thể còn quá ít, chưa vững chắc và bị lỗ nhiều, nhất là chăn nuôi vẫn chưa có điển hình tốt. Việc giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phụ gia đình xã viên phát triển đúng hướng còn yếu. Chuyển hướng hữu khuynh trong việc chỉ đạo kinh tế phụ gia đình xã viên còn là phổ biến, do đó mạnh ai nấy làm, thu nhập kinh tế phụ gia đình xã viên chiếm tới 60 đến 70% so với thu nhập. Nhiều nơi kinh tế phụ lấn áp kinh tế tập thể, tranh chấp lao động, thời vụ, phân bón với tập thể.

- Về quản lý đất đai hợp tác xã mới quản lý được 66,4%, riêng lúa ruộng 85%. Nhiều hợp tác xã mới chỉ làm chung 30 đến 50% ruộng đất.

- Về tổ chức và quản lý lao động: Việc tổ chức và quản lý lao động từng bước đã có tiến bộ. Cùng với việc xây dựng các đội sản xuất tổng hợp, một số hợp tác xã đã tổ chức được các đội chuyên môn như đội trồng cây công nghiệp, đội trồng rau, đặc sản, nghề rừng, chăn nuôi, thủy lợi, thủ công, giữ trẻ và các ngành nghề khác. Có một số hợp tác xã khá đã tiến hành ba khoán và đang cố gắng đi vào định mức lao động. Nhiều hợp tác xã đã từng bước thực hiện khoán việc tiến lên khoán nhiều việc. Năng suất lao động dần dần được nâng lên (năm 1961 mới có chín hợp tác xã thực hiện ba khoán, chiếm dưới 2% số hợp tác xã, đến năm 1968 có 132 hợp tác xã thực hiện ba khoán chiếm 26% số hợp tác xã). Việc

huy động sức lao động của xã viên làm cho hợp tác xã cũng có tiến bộ, đưa số ngày công bình quân năm 1959 là 59,5 công lên 176,5 công năm 1968, năm 1970 là 149,8 công, vùng thấp bình quân 295 công, vùng cao 134 công.

Tuy đã có nhiều tiến bộ như trên, nhưng nói chung khâu tổ chức và quản lý lao động hiện nay trong hợp tác xã vẫn là khâu rất yếu còn nhiều lúng túng, còn để lãng phí nhiều sức lao động của xã viên. Ngày công của xã viên làm cho hợp tác xã còn rất thấp, một ngày chỉ làm cho hợp tác xã từ 4 đến 6 giờ có ích. Năng suất lao động thấp, vẫn trên hai lao động làm 1 ha gieo trồng. Việc sử dụng lao động chưa hợp lý và còn bị động nhiều, huy động ồ ạt, quản lý lỏng lẻo, chưa thực hiện khoán được tốt... Nên chậm công việc, chậm thời vụ, thu hoạch không kịp, gây lãng phí đến kết quả lao động. Một số nơi nảy sinh tư tưởng hữu khuynh, ngại khó, tháo khoán, bình quân chủ nghĩa trong lao động, trong phân phối. Có nơi khoán trắng cho đội, việc khoán hộ tuy tỉnh vẫn nhắc nhở uốn nắn, nhưng có hợp tác xã, có lúc vẫn mắc phải. Những gương lao động tốt chưa được biểu dương đúng lúc, ngược lại những hiện tượng lao động xấu không được phê phán kịp thời. Việc phân bổ lao động trong hợp tác xã chưa cân đối. Do đó, hiện nay số lao động chủ yếu mới tập trung vào trồng trọt (97,8%), còn chăn nuôi tập thể 0,9%, các ngành nghề khác 0,34%, thủy lợi 0,2%. Nếu tính theo ngày công trong các hợp tác xã đã điều tra điển hình thì công làm trồng trọt chiếm 83,93%, chăn nuôi tập thể 3,16%, ngành nghề khác 3,4%, công gián tiếp 4,6%. Việc thực hiện ba khoán sau cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã không được tiếp tục duy trì, nhất là việc phân phối theo định suất về lương thực, không thực hiện được chế độ thưởng phạt ba khoán, nên đến năm 1970 xác định lại chỉ còn 49 hợp tác xã thực hiện ba khoán. Những phong tục, tập quán lạc hậu, như ma chay, cưới xin, làm nhà... Thường tập trung nhiều vào vụ đông - xuân cũng đang cản trở đến lao động sản xuất trong các hợp tác xã.

Việc đưa lao động dưới xuôi lên xây dựng kinh tế, văn hóa miền núi chưa có quy hoạch tính toán cụ thể, gặp đâu đưa vào đấy. Vì vậy sinh ra tình trạng “Một bát gạo sẻ làm đôi”, năng suất lao động giảm, chưa phát huy được tốt số lao động mới này trong nông nghiệp.

- Về quản lý tài chính phân phối, thu nhập trong hợp tác xã: Thường xuyên hằng năm và qua các cuộc vận động, tỉnh ta đều có sự chú ý chỉ đạo và giúp đỡ các hợp tác xã khâu quản lý tài chính và phân phối. Đến nay đã có một số tiến bộ. Theo điều tra điển hình ở một số hợp tác xã qua các năm như sau:

	1959	1965	1968	1970
a) Chi phí sản xuất:	16,3%	13%	22,8%	36,3%
b) Còn lại phân phối:				
+ Thuế nông nghiệp:	7,4%	11,5%	8,2%	11,1%
+ Quỹ tích lũy:	4,4%	6,1%	6,2%	6,9%
+ Quỹ công ích:	0,7%	1,1%	1,9%	2,1%
+ Chia xã viên:	87,5%	81,3%	83,7%	79,9%
(Nếu chia xã viên so với tổng thu thì):	76,2%	71,1%	62,9%	79,7%
c) Giá trị 1 ngày công :	0đ64	0đ91	0đ618	0đ705
d) Bình quân 1 lao động sản xuất ra:	159đ50	162đ00	175đ000	208đ60

Qua số liệu trên đây, rõ ràng phân phối đã có tiến bộ bảo đảm nghĩa vụ Nhà nước, tích lũy cho hợp tác xã và đảm bảo đời sống xã viên. Việc quản lý và sử dụng vốn của hợp tác xã cũng có tiến bộ. Năm 1965 bình quân vốn của một hợp tác xã mới có 4.322đ00, trong đó tài sản cố định có 1.917đ00, đến cuối năm 1968, qua tổng hợp của 51 hợp tác xã thì bình quân 1 hợp tác xã có 28.427đồng, tài sản cố định là 22.725 đồng (chiếm 73% số vốn) trong đó 90% trực tiếp phục vụ sản xuất, 10% kiến thiết khác.

Nhưng nhìn chung thì quản lý tài chính đại bộ phận hợp tác xã còn ở trình độ thấp. Nhiều hợp tác xã chưa có kế hoạch thu chi. Việc sử dụng vốn, vật tư, tài sản còn tùy tiện và lãng phí, dẫn đến tham ô và lợi dụng tương đối phổ biến. Phân phối trong nội bộ hợp tác xã chưa đảm bảo công bằng, hợp lý nặng về bình quân, không khuyến khích được lao động dẫn đến xã viên ngại chính sách mất đoàn kết trong hợp tác xã. Trong việc huy động lương thực cho Nhà nước cũng còn thể hiện không công bằng “mềm nắn, rắn buông”. Hợp tác xã nào dễ vận động thì gò ép, ngược lại thấy khó thì buông lỏng. Dẫn đến hợp tác xã sản xuất khá thường lại được ăn ít lương thực, hợp tác xã kém lại được ăn nhiều lương thực. Nhiều hợp tác xã chưa chú ý đúng mức đến việc tích lũy, tăng tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định. Nói chung quản lý tài chính chưa rành mạch, tệ tham ô, dây dưa, lãng phí tương đối phổ biến. Vai trò của cơ quan nhà nước và vai trò làm chủ tập thể của xã viên trong việc kiểm tra, giám sát chế độ tài chính chưa được đề cao. Cán bộ hợp tác xã thì quyền thu, quyền chi tùy tiện, làm cho xã viên chưa thật phấn khởi sản xuất.

2. Hợp tác xã mua bán và tín dụng

Song song với việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tỉnh ta đã xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, nhằm tạo điều kiện giúp đỡ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phát triển. Cuối năm 1970 toàn tỉnh đã có 124 hợp tác xã mua bán, chiếm 87,9% số xã trong tỉnh, với 158.635 đồng cổ phần. Trong 124 cửa hàng có 92 cửa hàng vừa mua vừa bán, 32 cửa hàng mở rộng tự kinh doanh phục vụ tại chỗ các mặt hàng tiêu dùng theo nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân, và thu mua các nông sản thực phẩm của nông dân bán cho Nhà nước.

Hợp tác xã tín dụng, đã có 109 cơ sở với 45.741 cổ phần xã viên có số tiền là 158.653 đồng. Hằng năm đã luân chuyển cho nông

dân vay trên 200.000 đồng phục vụ sản xuất trong hợp tác xã và gia đình xã viên.

Nhờ có hợp tác xã mua bán và tín dụng phát triển mà mấy năm qua đã giải quyết được một số khó khăn cho hợp tác xã về vốn sản xuất, đỡ công đi mua, đi bán xa, tập trung lao động vào sản xuất.

Từ tình hình phong trào hợp tác hóa nông nghiệp như trên, ta có thể đánh giá rằng: tỉnh ta đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và củng cố các hợp tác xã (kể cả hợp tác xã mua bán, tín dụng), chúng ta đã đưa phong trào phát triển từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao. Phương hướng sản xuất kinh doanh, cơ sở vật chất và kỹ thuật, trình độ quản lý của hợp tác xã dần dần có tiến bộ. Tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới ngày càng thể hiện rõ. Nhưng những mặt yếu kém của phong trào còn nhiều, hợp tác xã mới bước đầu mở rộng được quy mô, còn trình độ kinh doanh, trình độ quản lý thì vẫn còn thấp. Cơ sở vật chất và kỹ thuật còn yếu; năng suất lao động thấp, sản xuất phát triển chậm; số hợp tác xã yếu kém còn nhiều, nhất là ở vùng cao và giữa.

3. Về nông trường quốc doanh

Từ năm 1961 ta đã bắt đầu xây dựng một Nông trường Giao Ngay. Đến năm 1970 có 5 nông trường và 3 trạm trại (ong, cá, lợn giống Mường Khương) không kể Nông trường bò sữa Sa Pa và Nông trường Hà Nội trực thuộc Bộ quản lý. Quy mô bình quân của mỗi nông trường là 2.181 ha, 148 công nhân, 396 đầu gia súc, chủ yếu là bò.

Tổng diện tích của nông trường khoảng ngót 20.000 ha, phần lớn là đồng cỏ tự nhiên. Diện tích đã trồng trọt được là 33 ha cam, 90 ha sả, 1,4 ha chè, 40 ha cây thức ăn gia súc, đồng cỏ đã sử dụng trên 4.000 ha. Về chăn nuôi, hiện có: 1.888 con bò trong đó 16 bò sữa,

191 con trâu, 198 con lợn, trên 500 đàn ong và 13,5 ha ao hồ nuôi cá. Tổng số cán bộ, công nhân viên hiện có 752 người trong 10 năm xây dựng nông trường (1961- 1970). Nhà nước đã đầu tư cho nông trường trên 1 triệu 800 ngàn đồng. Hiện nay, tuy các nông trường đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản, chưa có nông trường nào định hình đi vào sản xuất, kinh doanh toàn bộ, nhưng đã sản xuất ngay trong khi xây dựng. Do vậy, gần 10 năm cộng lại đã làm ra số nông sản phẩm chăn nuôi giao nhập cho Nhà nước trị giá 593.290đ00 và 25.000 kg dầu sả, trị giá 500 ngàn đồng.

Khả năng phát triển và mở rộng nông trường của tỉnh ta có nhiều. Qua mấy năm xây dựng và củng cố, ngành nông trường tuy đã đạt được một số kết quả nhưng còn nhiều lúng túng, khó khăn. Một vài nông trường được xây dựng trước đó đã có sản phẩm giao nhập cho Nhà nước nhưng chưa đáng kể. Phương hướng sản xuất của các nông trường gần đây mới được xác định, quản lý kinh doanh còn nhiều lúng túng, năng suất lao động thấp, cơ sở thâm canh chưa vững.

4. Quốc doanh lâm nghiệp

Tổng số cán bộ, công nhân viên toàn ngành năm 1960 mới có 114 người, đến năm 1968 có 1.117 người. Từ năm 1962 đến năm 1968, phần lớn quốc doanh đã trồng được 1.205 ha rừng chiếm trên 20% tổng số diện tích đã trồng cây gây rừng toàn tỉnh. Khâu công nghiệp khai thác lâm sản, giá trị sản lượng từ năm 1962 đến 1968 cộng lại là 2.942.464 đồng, chiếm tỷ lệ 15,4% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn tỉnh. Nhìn chung quốc doanh lâm nghiệp tuy ngày càng phát triển và đã đạt được một số (...), nhưng vẫn còn yếu. Cơ sở vật chất và phương tiện cơ giới còn ít. Năng suất lao động thấp, giá thành sản phẩm khai thác và trồng cây gây rừng còn cao, kỹ thuật trồng rừng còn kém, tỷ lệ cây sống rất thấp, mới đạt xấp xỉ 15% số cây đã trồng

(trồng 80 vạn cây chỉ sống 12 vạn cây). Việc tu bổ, cải tạo và trồng rừng chậm hơn nhiều so với tốc độ khai thác.

II. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KỸ THUẬT, ĐƯA KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đã đạt được kết quả trong một số mặt như: Thực hiện một bước tương đối mạnh việc thủy lợi hóa, khôi phục và mở rộng nương bậc thang, xây dựng công trình thủy điện nhỏ, cải tiến công cụ và đưa nông cụ cải tiến vào sản xuất, đưa khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp, nhất là thực hiện các biện pháp liên hoàn đối với cây lúa. Ngoài việc huy động công sức của nhân dân ra, trong 10 năm qua Nhà nước đã đầu tư vào nông - lâm nghiệp trên 12 triệu đồng chiếm 31,9% trong tổng số vốn đầu tư kiến thiết kinh tế ở địa phương (riêng về nông nghiệp trên 6 triệu đồng chiếm 15,6%).

- Về thủy lợi: Công tác thủy lợi đã được gắn liền với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phục vụ theo hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Nhà nước đã đầu tư vào thủy lợi hơn 4.600.000 đồng và 5.780.000 ngày công. Nhờ công sức và vốn của nhân dân, của Nhà nước nên tính đến năm 1970, toàn tỉnh đã xây dựng được 40 công trình loại vừa, đảm bảo có thể tưới chắc chắn cho 1.203 ha, bằng 16,2% diện tích; đồng thời đã xây dựng được hơn 5.200 nương phai, hồ ao góp phần quan trọng vào việc phát triển nông nghiệp. Ngoài việc tưới lúa các công trình thủy lợi còn tưới cho 65 ha rau xanh ở các thị trấn, thị xã. Toàn tỉnh đã xây dựng được 289 giếng nước ăn ở vùng cao, đã phục vụ cho 2.477 hộ, gồm 11.684 nhân khẩu. Gần đây, ngoài việc xây dựng các hồ ao tưới, còn kết hợp phục vụ chăn nuôi thuộc khu vực quốc doanh quản lý. Về thủy điện: đã xây dựng được 35 trạm, chủ yếu là do nhân dân các dân

tộc tự làm. Nhà nước chỉ giúp đỡ một phần. Công suất do thủy điện sản ra là 1.445 kW. Việc phát triển thủy điện đã tạo điều kiện cho cơ khí nhỏ phát triển ở nông thôn và đưa ánh sáng văn hóa đến đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Phong trào làm thủy lợi của nhân dân ngày càng phát triển và tiến bộ. Trước đây xây đập cao 5 m thì Nhà nước đứng ra làm, đến nay có nơi nhân dân đã tự làm được tuyến mương dài hơn 5 km như Nậm Đét, đập cao 8 m như Kim Tiến, Kim Thành. Từ lá cờ đầu thủy lợi miền núi toàn miền Bắc (Nậm Trì năm 1964) nay đã có nhiều Nậm Trì mới. Nhờ có thủy lợi phát triển đã đưa số diện tích được tưới tương đối chủ động lên 75 đến 80%. Những địa phương nào đạt và vượt 5 tấn, trước hết là những nơi có công trình thủy lợi phục vụ. Vùng cao từ năm 1964 lại đây đã khai phá được 643 ha ruộng nước bậc thang, cũng là do có công trình thủy lợi phục vụ.

Công tác thủy lợi tuy đã có nhiều cố gắng và đã đạt được nhiều kết quả tốt, song cũng còn một số tồn tại và thiếu sót: toàn tỉnh còn khoảng trên 200 ha lúa chiêm, 550 ha lúa mùa chưa có công trình thủy lợi tưới. Diện tích hứng nước gấp hơn 10 lần diện tích canh tác, lại ở thế cao, lượng mưa lớn, rừng đầu nguồn bị phá hoại nhiều vì thế nạn lũ dồn, lũ quét còn xảy ra gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân, nhưng chưa có biện pháp khắc phục. Có nhiều nơi công trình đầu mối đã xây dựng xong, nhưng một số công trình phụ như mương cấp 3, mương chân rết, cống chia nước, v.v. chưa được hoàn chỉnh. Việc tổ chức quản lý, sử dụng các công trình chưa tốt, chế độ tưới chưa tôn trọng nên công trình bị hư hỏng nhiều, hiệu ích khai thác nói chung còn thấp. Một số công trình làm xong, không phát huy được tác dụng ngay, bỏ hư hỏng đến lúc cần dùng lại phải làm lại gây lãng phí. Một số khâu điều tra cơ bản chưa tốt, phần lớn công trình chưa đưa vào trình tự kiến thiết cơ bản, do đó giá thành cao, thiết kế và xây dựng hay phải bổ sung. Có trường hợp công trình làm xong mâu thuẫn với thực tế sử dụng, có công trình ít tác dụng, còn lãng phí đến vật tư,

tiền vốn và lao động. Tổ chức xây dựng đội chủ lực, đội chuyên trách thủy lợi chưa đạt yêu cầu, quản lý chưa tốt. Việc trang bị công cụ cải tiến và cơ giới vào công tác thủy lợi còn bị hạn chế. Công tác thủy lợi ở vùng cao còn gặp nhiều khó khăn, biện pháp giải quyết còn nghèo nàn, công tác thủy lợi chưa gắn thật chặt với khai phá ruộng nương bậc thang, với trồng giữ rừng đầu nguồn. Công trình thủy lợi làm xong nhưng thiếu kế hoạch đầu tư vốn, tổ chức lao động, để phát huy tác dụng của công trình.

- Về công cụ lao động: Ngoài công cụ thường, ta đã trang bị cho nông nghiệp 5.289 cày cải tiến, 6.500 bừa răng sắt, 8.000 cào cỏ răng sắt, 540 cào cỏ 64 - A trên 2.100 xe vận chuyển các loại, 230 bơm thuốc trừ sâu, gần 400 quạt hòm, 70 trục lăn lúa, 36 máy tuốt lúa đập chân và 78 động cơ, với các máy công tác kèm theo (bơm nước, xay sát, tuốt lúa, vò đậu tương, nghiền thức ăn cho gia súc), xây dựng và tu sửa 23 cái cối ngàn thóc chạy bằng sức nước. Từ năm 1969 tỉnh đã có trạm máy kéo với 11 đầu máy và trên 10 máy công tác kèm theo. Do đó đã giúp một số nông trường và hợp tác xã khai hoang, cày bừa bằng máy một số diện tích ngô, đậu tương và rau.

Nhưng hiện nay trong nông nghiệp còn thiếu nhiều loại công cụ cải tiến. Các công cụ do công nghiệp địa phương sản xuất ra còn kém chất lượng và chưa thích hợp với từng vùng sản xuất. Phong trào cải tiến công cụ còn yếu, bình quân một lao động mới có 0,7 công cụ cải tiến.

- Về cơ khí nhỏ, đến nay toàn tỉnh đã có 49 điểm cơ khí nhỏ do hợp tác xã quản lý, được trang bị các loại máy kèm theo như: Thủy luân, mô tơ điện, máy phát điện, xay sát, bơm nước, tuốt lúa, vò đậu tương, nghiền trộn thức ăn, máy nổ, v.v.. Đã phục vụ trên 5.000 hộ nông dân (riêng điện thắp sáng cho 3.900 hộ kể cả vùng cao và vùng thấp). Do phát triển cơ khí nhỏ, đã tiết kiệm được hàng vạn công lao động cho hợp tác xã, góp phần chống hạn và khai hoang, tăng vụ thiết thực đời sống hằng ngày, quần chúng rất phấn khởi. Tuy nhiên, việc sử dụng cơ khí nhỏ còn mới mẻ thiếu

công nhân lành nghề, gây hư hỏng nhiều, thiếu phụ tùng thay thế, sửa chữa, thiếu nguyên liệu chạy máy. Bố trí máy móc và tổ chức làm ăn còn phân tán chưa đồng bộ nên hiệu quả kinh tế còn ít.

- Về sức kéo: Hiện nay toàn tỉnh có gần 2.000 trâu cày, bình quân vùng thấp một trâu cày 1,5 ha, vùng cao một trâu cày bình quân 0,5 đến 0,8 ha.

- Về vật tư kỹ thuật: Từ năm 1964 đến 1968, Nhà nước đã cung cấp vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp trị giá 5,60..., trong đó trên 1.300 tấn phân đạm, trên 300 tấn phân lân, hơn 100 tấn apatít nghiền, 28 tấn phân kali, 168 tấn vôi, 170 tấn thuốc trừ sâu, thuốc phòng trừ dịch bệnh gia súc và dụng cụ thú y. Một số giống mới, nhất là giống lúa có năng suất cao, phù hợp với khí hậu địa phương đã phát triển và mở rộng nhanh trong vụ xuân và vụ mùa. Nhưng việc cung cấp và sử dụng vật tư kỹ thuật vẫn còn rất ít, phục vụ thường thiếu kịp thời. Việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng chưa đầy đủ nên cũng gây lãng phí và kém hiệu quả. Các vật tư cần thiết khác như: xi măng, sắt, thép, vôi còn quá ít so với yêu cầu của hợp tác xã.

Ngoài ra các hợp tác xã cũng đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng một số cơ sở vật chất cần thiết như nhà kho, sân phơi, đường sá, đồng ruộng, chuồng trại, nhà chứa phân, ruộng chọn giống, nhân giống...

- Công tác khoa học - kỹ thuật nông nghiệp: Từ chỗ khoa học kỹ thuật còn rất xa lạ đối với quần chúng nhân dân các dân tộc, đến nay đã từng bước đi vào quần chúng và đang trở thành nhu cầu của quần chúng. So với mấy năm về trước thì gần đây công tác khoa học - kỹ thuật nông nghiệp tỉnh ta đã có những bước tiến bộ quan trọng. Hiện nay, toàn tỉnh có 8 trạm trại nghiên cứu và thực nghiệm về các mặt trồng trọt, chăn nuôi: lợn, cá, ong, dự tính dự báo sâu bệnh, giống cây trồng thuộc các vùng sản xuất khác nhau, do Ty Nông nghiệp quản lý. Từ năm 1967, tỉnh đã có Trường quản lý kỹ thuật nông nghiệp, hằng năm đào

tạo, bồi dưỡng hàng trăm cán bộ nghiệp vụ khoa học - kỹ thuật trong hợp tác xã. Đặc biệt đầu năm 1969, tỉnh đã mạnh dạn mở lớp Đại học quản lý kinh tế nông nghiệp tại chức cho cán bộ lãnh đạo và cán bộ nghiên cứu tổng hợp thuộc các ngành nông nghiệp, gồm trên 40 sinh viên. Số cán bộ khoa học và kỹ thuật phục vụ nông - lâm nghiệp của tỉnh từ chưa có đến nay có 75 đại học, 333 trung cấp, trên 1.000 kỹ thuật viên và cán bộ nghiệp vụ có trình độ sơ cấp (tính đến 1969), công tác nghiên cứu khoa học đã hướng vào phục vụ vùng sản xuất nên bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề kỹ thuật do yêu cầu của sản xuất đặt ra. Trại nhân giống lúa Cam Đường đã nhân giống lúa cấp I có kết quả và đã cung cấp giống lúa tốt cho hợp tác xã. Đại bộ phận lúa chiêm xuân, lúa mùa đã sử dụng giống mới có năng suất cao và ổn định, góp phần ngày càng mở rộng diện tích đạt và vượt 5 tấn thóc/ha một năm, trong các hợp tác xã vùng lúa. Trại nhân giống lợn Bát Xát đã chọn lọc và nhân giống lợn Mường Khương, cung cấp hàng ngàn lợn giống tốt cho cơ sở sản xuất. Trại cá Cốc San đã thành công việc thí nghiệm ba loại cá: mè trắng, mè hoa, trắm cỏ đẻ bằng phương pháp nhân tạo và đã cung cấp cho cơ sở sản xuất hàng chục vạn cá giống, đỡ công phải về xuôi lấy cá giống. Trại Bắc Hà đã chọn lọc được giống đậu tương tốt, phù hợp với một số biện pháp kỹ thuật bảo đảm thâm canh và đưa đậu tương xuống ruộng. Việc đưa cây lúa mì ở vùng cao Y Tý (Bát Xát) đã có kết quả, góp phần giải quyết khó khăn về lương thực ở vùng cao. Hiện nay, tỉnh ta đang bắt đầu phát triển rộng rãi lúa mì ra các vùng cao khác trong tỉnh. Phẩm chất hạt rau Sa Pa (su hào) gần đây đã có tín nhiệm với thị trường trong nước và xuất khẩu. Việc sưu tầm và nghiên cứu di thực một số cây dược liệu quý đang có nhiều triển vọng, một số đã đưa ra sản xuất. Việc nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thâm canh lúa, phòng trừ sâu bệnh, cây trồng, phòng, chống dịch bệnh cho gia súc đã đem lại một số kết quả.

- Về sâu bệnh cây trồng: Ta đã cố gắng thanh toán bệnh vàng lùn lúa ở vùng Bản Lầu, chủ động phòng trừ sâu bệnh bằng các biện pháp tích cực, không còn tình trạng hằng năm phải huy động hàng ngàn lao động đi bắt sâu và thậm chí có năm mất trắng hàng trăm ha. Đã điều tra nắm được các loại sâu và quy luật phát sinh, phát triển của nó đối với một số cây trồng chính.

- Về dịch bệnh gia súc: Năm 1964 đến 1965, dịch tả lợn làm chết một năm gần một vạn lợn, năm 1959 đến 1960 chết gần 500 trâu, bò do bệnh nhiệt thán gây ra. Theo số liệu điều tra 1949-1950, dịch tả làm chết hơn một nửa số trâu, bò vùng thấp làm cho tình trạng thiếu sức kéo xảy ra nghiêm trọng, mãi đến năm 1955 mới ổn định. Đến nay công tác thú y đã được trưởng thành về nhiều mặt. Mạng lưới thú y đã hình thành từ tỉnh đến hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, có trạm thú y tỉnh, 2 trạm thú y huyện, gồm 700 thú y viên. Đã sản xuất được sinh hóa dịch tả trâu, bò, lợn và gia cầm, thuốc giun, sán cho gia súc, v.v.. Và hằng năm đã tiêm phòng trên 3 vạn lợn, 1 vạn trâu, bò, ngựa, trên 10 vạn gia cầm... Nhờ có cố gắng trên, nên Lào Cai đã thanh toán được bệnh dịch tả trâu, bò ở vùng thấp, khống chế được bệnh nhiệt thán ở khu vực Bắc Hà, hạn chế được nhiều tác hại của bệnh dịch tả lợn, đóng dấu lợn tụ huyết trùng các loại, nưú cát sơn gà.

- Về giao thông nông thôn phục vụ sản xuất trước năm 1964 tuy quan hệ sản xuất mới ở nông thôn đã hình thành, sản xuất đã bước đầu phát triển, nhưng mạng lưới giao thông nông thôn hầu như chưa có gì đáng kể. Đến nay tuyến đường từ tỉnh đến các huyện (trừ đường Si Ma Cai) đang làm, đại bộ phận các xã vùng thấp và một số xã vùng cao ô tô cũng phải đi tới được. Đường trục từ các huyện đến các khu vực và các xã tập trung đông dân cư đã được mở mang và sửa chữa tốt, ngựa thồ đi lại an toàn và đang được làm thêm để ô tô có thể đi tới. Nhân dân các dân tộc cũng tích cực góp công, góp của phát triển mạng lưới giao thông nông thôn, đã làm được 372 km đường trục trong xã, 440 km đường liên xã, liên thôn, 680 km đường

ra cánh đồng, nhà kho, sân phơi và sửa chữa 370 km đường cũ. Về cầu cống qua các khe lạch, suối nhỏ có khẩu độ 6 - 7 mét thì nhân dân đã tự làm lấy. Từ năm 1962 về trước các loại cầu dài từ 50 - 70 m toàn tỉnh mới có 3 cái do Nhà nước làm, đến nay đã làm mới thêm 21 cái, với tổng số chiều dài 1.060 m hoàn toàn do nhân dân tự làm lấy, Nhà nước chỉ giúp đỡ kỹ thuật và vật tư. Số ngày công hằng năm nhân dân làm giao thông nông thôn tới 84.000 công.

Nhờ giao thông nông thôn phát triển nên công vận chuyển trước chiếm tới 40% sau giảm xuống còn khoảng 25 - 30% so với tổng số công sản xuất nông nghiệp. Nhưng so với yêu cầu chung thì hiện nay công tác giao thông nông thôn còn nhiều tồn tại. Việc đi lại, vận chuyển ở vùng cao vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại. Đường vận chuyển kết hợp với bờ vùng, bờ thửa phục vụ trực tiếp cho sản xuất còn quá ít. Mạng lưới giao thông ở các huyện còn rất mỏng, mạng lưới giao thông xã chưa có, đường sá không được sửa chữa thường xuyên kịp thời.

Tóm lại, cơ sở vật chất và kỹ thuật bước đầu được xây dựng trên một số mặt, đã tạo điều kiện cho sản xuất từng bước phát triển, nhưng hiện nay còn nhiều mặt yếu so với yêu cầu. Công tác quản lý, khai thác, bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật còn kém nên hiệu quả sử dụng thấp, tình trạng hư hỏng, mất mát xảy ra phổ biến. Công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp chưa có tác dụng nhiều, số lượng cán bộ còn ít nhất là cán bộ quản lý kinh tế. Trình độ cán bộ nói chung còn thấp, sử dụng và quản lý cán bộ chưa hợp lý, chưa chặt. Sự phối hợp giữa các ngành nghiên cứu khoa học nông nghiệp chưa chặt chẽ. Nhiều vấn đề chủ yếu của nông nghiệp trong tỉnh nghiên cứu chưa sâu. Phong trào cải tiến kỹ thuật trong sản xuất chưa thường xuyên, chưa đều khắp, có những hiện tượng rập khuôn, máy móc theo miển xuôi, hoặc tùy tiện. Nhiều kinh nghiệm tốt của nông dân chưa được phát huy, cũng như nhiều kỹ thuật mới đã được nghiên cứu, kết luận chưa được thực hiện.

III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Xuất phát từ đường lối phát triển nông nghiệp của Trung ương vận dụng vào điều kiện cụ thể của tỉnh ta, nhằm phát huy ưu thế của tỉnh miền núi, chúng ta đã tập trung cố gắng để giải quyết tốt vấn đề lương thực đi đôi với việc phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng. Đi đôi với việc bám chắc phương hướng thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, tỉnh ta đã sớm đề ra và đã làm tương đối tốt công tác khoanh vùng sản xuất, xác minh được rõ cây trồng, con gia súc chủ yếu cho từng vùng. Do đó, bước đầu đã hình thành và tạo ra vùng sản xuất nông nghiệp mang tính chất sản xuất hàng hóa, với quy mô ngày càng mở rộng, và một số ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp cũng ngày càng được phát triển.

Hơn mười năm qua (1958-1970), giá trị tổng sản lượng nông - lâm nghiệp và nghề phụ của nông dân tỉnh ta tăng 138,5% bình quân hằng năm tăng 7,5% (từ 16,2 triệu đồng năm 1958 lên 38,7 triệu đồng năm 1970), tốc độ phát triển của từng thời kỳ có khác nhau: thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa (1957- 1960) tăng 11,8%, bình quân hằng năm tăng 3,8%; thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế 5 năm (1961-1965) tăng 44,4%, bình quân hằng năm tăng 7,6%; trong ba năm có chiến tranh (1966- 1968) tuy có gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn tăng 11,8%, bình quân hằng năm tăng 3,8%; Hai năm 1969 - 1970 tăng 34%; bình quân hằng năm tăng 15,3%. Riêng về giá trị sản lượng nông nghiệp đã tăng từ 11,2 triệu (1958) lên 28,6 triệu năm 1970, tăng 60,1%, bình quân hằng năm tăng 8,1% chiếm 73% giá trị tổng sản lượng nông - lâm nghiệp (thời kỳ cải tạo tăng bình quân 5%, thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế tăng 7,9%, thời kỳ có chiến tranh tăng 1,5%, hai năm sản xuất bình thường tăng bình quân 26,5%). Tình hình sản xuất nông nghiệp diễn biến cụ thể như sau:

1. Sản xuất cây lương thực, thực phẩm

- Diện tích: Cây lương thực trong 10 năm đã tăng từ 16.774 ha lên 29.185 ha năm 1968 và 29.511 ha năm 1970. Tăng 12.737 ha bằng 76%, bình quân hằng năm tăng 4,7%, tốc độ tăng nhanh nhất là thời kỳ 1961- 1965, bình quân hằng năm tăng 10,2%, còn lại thời kỳ cải tạo (1958- 1960) và thời kỳ có chiến tranh (1966- 1968) thì tăng ít. Hai năm sản xuất bình thường tăng 0,4%. Tỷ trọng diện tích cây lương thực chiếm 90,1% năm 1958 và 84,2% năm 1968, 87% năm 1970. Trong diện tích cây lương thực thì diện tích màu tăng nhanh hơn diện tích lúa (trong hơn 10 năm (1958 - 1970) tăng 7.848 ha bằng 98,7%, bình quân hằng năm tăng 5,9%) tăng nhanh nhất thời kỳ phát triển kinh tế 5 năm, bình quân tăng 13,5%. Đưa diện tích màu từ 749 ha năm 1958, lên 15.909 ha năm 1968 và 15.797 ha năm 1970, chiếm tỷ trọng từ 42,5% lên 46% và 53% so với tổng diện tích (trong diện tích có hai loại tăng khá nhanh là ngô từ 7.900 ha lên 12.306 ha năm 1968 và 12.092 ha năm 1970, sắn từ 57 ha lên 1.746 ha năm 1968 và 1.315 ha năm 1970); trong diện tích lúa, thì lúa nương tăng hơn lúa ruộng, trong hơn 10 năm 1958 - 1970 diện tích lúa ruộng tăng 28,6% thì lúa nương tăng 56%, bình quân hằng năm lúa ruộng tăng 2,1%, lúa nương tăng bình quân 3,8%. Diện tích lúa nương tăng nhanh nhất ở thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế (77%) nhưng những năm gần đây đã chậm lại, bình quân hằng năm giảm 3,3%. Diện tích lúa nương, ngô, sắn tăng là do khai hoang phá rừng. Trong diện tích lúa ruộng thì diện tích lúa chiêm tăng nhanh hơn diện tích lúa mùa. Diện tích lúa chiêm từ 1958- 1970 tăng 153,4%, bình quân hằng năm tăng 8%. Trong khi đó lúa mùa chỉ tăng 27,8%, bình quân hằng năm tăng 2,1%, do đó đã đưa diện tích lúa chiêm từ 919 ha (1958) lên 2.309 ha (1970), tăng 1.390 ha. Diện tích lúa mùa từ 5.721 ha (1958) lên 7.316 ha năm 1970. Do diện tích lúa chiêm tăng nhanh nên đã đưa hệ số sử dụng ruộng từ 1,16 lần năm 1958 lên 1,34 lần năm 1968.

- Năng suất lúa nói chung chậm và còn thấp, trong đó lúa chiêm đạt 20,34 tạ đến 26 tạ một vụ (tăng đều hàng năm), lúa mùa đạt từ 21,74 tạ đến 27,5 tạ, nhưng thường không ổn định, chênh lệch trên 7 tạ/ha, giữa năm được mùa và năm mất mùa. Năng suất lúa chiêm mấy năm gần đây có chiều hướng tăng dần từ 22,8 tạ/ha lên 24,54 tạ/ha, lúa mùa từ 24,5 tạ tụt dần xuống 22,5 tạ/ha một vụ. Diện tích đạt năng suất 5 tấn thóc trên một ha trở lên cả năm đã ngày càng được mở rộng và tương đối ổn định (năm 1966 có 309 ha, năm 1967 có 822 ha, năm 1968 có 1.022 ha, chiếm 40% diện tích ruộng toàn tỉnh cấy hai vụ và 13,6% so với tổng diện tích cấy lúa ruộng toàn tỉnh), năm 1970 toàn vùng thấp đạt 5.056 kg/ha với diện tích ruộng hai vụ là 2.252,43 kg/ha. Nhưng những diện tích có năng suất lúa thấp và bấp bênh còn rộng. Sự chênh lệch về năng suất lúa giữa các vùng còn nhiều. Ngoài lúa, các loại cây đều ở tình trạng năng suất thấp và bấp bênh. Năng suất ngô còn thấp, mới đạt trên dưới 9 tạ/ha; năng suất khoai lang mới đạt trên 50 tạ/ha. Năng suất sắn tuy khá, nhưng những năm gần đây có chiều hướng tụt dần (từ 163 tạ/ha xuống 151 tạ/ha năm 1959 - 1960, xuống 102 tạ/ha năm 1965 - 1968); năng suất rau, đậu đều thấp, sản phẩm cung cấp thất thường, chưa có phong trào thâm canh tăng năng suất như đối với cây lúa.

- Sản lượng lương thực: Năm 1958 có 27.424 tấn quy thóc. Thời kỳ 1958 - 1960 đạt trên 30 tấn. Thời kỳ 1961 - 1965 đạt từ 35.000 tấn - 44.700 tấn. Thời kỳ 1966 - 1968 đạt từ 46.000 tấn xuống 45.720 tấn, năm 1969 đạt 42.168 tấn. Năm 1970 đạt 48.240 tấn. Sản lượng thóc thay đổi nhiều từ 18.900 tấn năm thấp nhất (1958) đến 26.049 tấn (1968), 24.843 tấn (1969), 28.269 tấn (1970). Sản lượng màu tăng đều và tương đối nhanh, chủ yếu do phát triển diện tích (từ 8.834 tấn quy thóc (1958) lên 19.631 tấn (1968), 17.582 tấn (1969), 19.971 tấn (1970). So với sản lượng lúa thì tốc độ tăng hoa màu gần gấp 3 lần (bình quân hàng năm lúa tăng

3,27%, hoa màu tăng 8,6%), trong đó sản tăng nhanh nhất (từ 637 tấn lên 18.053 tấn năm 1968, bằng 28,3 lần và 15.694 tấn năm 1970). Ngô cũng tăng từ 8.10 tấn (1958) lên 10.838 tấn (1968) và 10.256 tấn (1969), 11.379 tấn năm (1970). Riêng lúa nương từ 1965 - 1968 giảm từ 4.017 tấn xuống 3.446 tấn đến năm 1970 lại tăng lên 4.739 tấn.

Giá trị sản lượng lương thực 10 năm (1958 - 1968) tăng bình quân 4,8% so với tổng giá trị sản lượng nông nghiệp, năm 1958 chỉ 55,3%, năm 1965 chiếm 57,04%, năm 1968 chiếm 55,8%, năm 1970 chiếm 53%. Tốc độ tăng bình quân hàng năm 1958 - 1970 tăng 7,6%. Tăng nhanh nhất là thời kỳ phát triển kinh tế 7,6%. Trong ba năm thời chiến thì gần như không tăng, hai năm 1969 - 1970 tăng bình quân 23,3%.

Diện tích cây lương thực khoảng 10 năm (1958- 1968) tăng 12.411 ha bằng 73,2%, nhưng diện tích ổn định chỉ tăng 3.227 ha. Diện tích không ổn định thì tăng 9.184 ha (gấp 3 lần diện tích ổn định). Trong đó diện tích màu tăng 7.960 ha. Trong 10 năm sản lượng lương thực quy thóc tăng 18.000 tấn, xấp xỉ bằng 60%. Nếu đem so với mức tăng diện tích là 73,2% thì rõ ràng năng suất bình quân nói chung là giảm xuống. Điều này nói lên sản xuất lương thực của ta còn mang tính chất quảng canh, diện tích thâm canh mới thu hẹp trong vùng lúa nước, việc mở rộng diện tích theo lối phá rừng du canh còn nhiều.

Do tốc độ tăng nhân khẩu nhanh trong khoảng 10 năm (1958- 1968) tăng từ 96.865 người lên 184.160 người (xấp xỉ hai lần). Trong khi đó tốc độ sản xuất lương thực tăng 60%, nên bình quân lương thực theo đầu người so với dân số giảm từ 291,6 kg năm 1960 xuống 218,8 kg năm 1969. Riêng trong nhân khẩu nông nghiệp cũng giảm bình quân từ 333,5 kg xuống 286,5 kg (tính riêng thóc giảm từ 225 kg xuống 168,8 kg). Trong sản lượng lương thực thì tỷ trọng hoa màu từ 32,4% (năm 1960 lên 41% năm 1970). Sản xuất màu tăng nhanh nhưng thu mua và sử dụng màu chưa tốt. Việc huy động lương thực cho Nhà nước giảm dần, nhất là từ

năm 1966 lại đây (1966 được 5.591 tấn, 1969 còn 2.288 tấn, năm 1970 lại được 3.681 tấn lương thực quy thóc).

2. Sản xuất cây công nghiệp

Cây công nghiệp 10 năm qua đã tăng diện tích lên 2,3 lần. Trong khoảng 10 năm bình quân hàng năm tăng 8,5%. Cơ cấu diện tích cây công nghiệp trong diện tích chung đã tăng từ 9,5% năm 1958 lên 11% (1968) và xuống 9,9% (1970). Cao nhất là năm 1966 chiếm 15,9%. Diện tích cây công nghiệp hàng năm từ 1967 đến 1970 có giảm sút và dừng lại, giảm rõ nhất là cây đậu tương từ 3.837 ha (1966) xuống 1.501 ha (1970). Bông từ 261 ha (1966) xuống 167 ha (1969) và 187 ha (1970). Riêng diện tích cây công nghiệp lâu năm vẫn giữ vững và tăng đều, tăng nhanh nhất là cây thảo quả.

- Năng suất: Các loại cây công nghiệp nói chung thấp và còn lệ thuộc vào nhiều điều kiện tự nhiên. Một số cây năng suất có tăng lên nhưng tăng chậm và không vững như lạc, lanh, đậu tương. Một số cây có chiều hướng dừng lại và dừng lại như bông, chè, vừng, thảo quả. Riêng mía và sả tăng khá. Thảo quả năng suất cũng lên xuống thất thường, thống kê về năng suất cũng chưa chính xác.

- Giá trị sản lượng: Cây công nghiệp từ 399.000 đồng năm 1958 lên 1.249.000 đồng năm (...) và 500.000 đồng năm 1970. Trong 10 năm (1958 - 1968) tăng gấp trên ba lần, bình quân hàng năm tăng 13,9%. So với tổng giá trị sản lượng nông nghiệp thì năm 1958 chiếm 4,6% năm 1968 lên 6,9% và năm 1970 chiếm 5,2%. So với tốc độ thì giá trị sản lượng cây công nghiệp tăng hơn giá trị sản lượng cây công nghiệp gấp ba lần.

Tình hình sản xuất cây công nghiệp hơn 10 năm qua như trên là một bước tiến bộ. Nhưng nhìn chung thì năng suất cây trồng còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên, nên rất thấp và bấp bênh, chăm sóc rất yếu. Diện tích cây lâu năm tăng đều và giữ vững. Nhưng diện tích cây hàng năm có chiều hướng giảm sút, nhất là

cây đậu tương. Cây công nghiệp là một trong ba ưu thế của nông nghiệp tỉnh ta, nhưng hiện nay quần chúng còn chưa thiết tha lắm, nên việc chăm sóc rất kém. Cơ sở vật chất kỹ thuật thâm canh cho cây công nghiệp chưa có gì mấy, phát triển theo hướng tăng diện tích, nhưng diện tích cũng lên xuống thất thường. Đó là chưa coi trọng việc đầu tư xây dựng những vùng sản xuất đã được xác định.

3. Chăn nuôi

- Đàn trâu: Từ 23.032 con (1958) lên 34.108 con (1968) và 34.717 con (1970), tăng 50,7% bình quân hàng năm tăng 3,5%. Trong đó đàn trâu cái hiện có 14.499 con, chiếm 41% và trâu cày hiện có 24.017 con. Đàn trâu tập thể đang có xu thế phát triển mạnh, từ 1.584 con (1963) lên 7.067 con (1968) và 9.404 con (1970), 27% so với tổng số đàn trâu trong tỉnh. Đàn trâu quốc doanh từ 28 con (1963) lên 428 con (1968) và 524 con (1970), chiếm trên 1,5 lần so với tổng số đàn.

- Đàn bò: Do mới phát triển tốc độ tăng nhanh, năm 1970 có 5.259 con, bình quân hàng năm tăng 13,7%. Trong đó đàn bò cái có 50% so với tổng đàn. Đàn bò tập thể có 1.467 con chiếm 27% so với tổng đàn. Bò quốc doanh hiện có 2.497 con chiếm 47,4% tổng đàn.

- Đàn ngựa: Tăng khá nhanh, từ 7.846 con (1958) và 17.192 con (1970), bình quân hàng năm tăng 6,8%. Trong đó đàn ngựa cái có 7.057 con chiếm 41% tổng đàn. Ngựa thồ hiện có 12.912 con (1958) chiếm 75% tổng đàn. Ngựa chủ yếu do gia đình xã viên nuôi.

- Đàn lợn: Cũng có tăng, nhưng tốc độ chậm và lên xuống không đều. Trong hơn 10 năm (1958 - 1970) tăng bình quân 3%.

Đàn lợn đến đầu năm 1970 có 60.674 con, trong đó có 14.746 con lợn nái, chiếm 24,3% tổng đàn. Lợn nái tăng nhanh hơn tốc độ tăng đàn (toàn đàn trong 10 năm tăng 35,3%, riêng đàn lợn nái 50,9%), số lợn thịt từ 30 kg trở lên giảm từ 11.262 con (1960) xuống còn 10.490 con (1968), năm 1970 lại tăng lên 15.470 con. Đàn lợn quốc doanh từ 1963 - 1968 tăng gấp 6 lần, năm 1968 có

2.651 con, năm 1970 có 2.558 con. Đàn lợn tập thể hợp tác xã lên xuống thất thường. Năm 1967 xuống 684 con, đến năm 1968 lại lên 831 con, năm 1969 lên 1.300 con, năm 1970 xuống 1.046 con.

- Gia cầm: Tăng giảm thất thường, không thống kê được hằng năm.

- Đàn dê: Mới phát triển từ năm 1962 lại đây, năm 1962 có 2.841 con, đến năm 1968 có 4.344 con, trong đó có 2.061 dê cái. Năm 1970 có 5.537 con, trong đó có 2.542 dê cái đẻ.

Hơn mười năm qua, ngành chăn nuôi tỉnh ta nhìn chung phát triển chậm, nhưng mấy năm gần đây đã có chiều hướng phát triển tốt. Giá trị sản lượng của ngành chăn nuôi từ 3,09 triệu đồng (1958) lên 3,94 triệu đồng (1968) và 8,67 triệu đồng (1970). Thời kỳ năm 1958 - 1960 tăng bình quân 8,4%. Thời kỳ 1961 - 1965 tăng bình quân 0,7%. Ba năm thời chiến tăng bình quân 8,1%. Hai năm 1968 - 1970 tăng bình quân 60%. Do tốc độ phát triển chăn nuôi chậm làm cho cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp giảm từ 27,6% (1958) xuống 22,1% (1968) tới năm 1970 mới lên 30,3%.

4. Nghề cá

Nghề cá tỉnh ta cũng phát triển khá, tốc độ tăng bình quân hằng năm (1958 - 1970) 20,9%. Giá trị sản lượng năm 1958 là 17 ngàn đồng, (...) tăng lên 165.000 đồng, tăng gần 10 lần. Đặc biệt, trong ba năm thời chiến giá trị sản lượng cá tăng khá nhanh, diện tích nuôi cá ngày càng mở rộng. Đến nay toàn tỉnh đã có 21,5 ha ao hồ nuôi cá.

Tóm lại, tốc độ phát triển của mỗi loại gia súc khác nhau: Phát triển bình thường; bò phát triển khá nhanh, nhất là cơ sở tập thể quốc doanh; ngựa phát triển đều; lợn lên xuống thất thường. Chăn nuôi lợn tập thể và quốc doanh phát triển chậm. Riêng đàn lợn nái phát triển với tốc độ nhanh, giống lợn con đã đỡ khan hiếm, giá lợn giống và lợn thịt ở thị trường tự do đã giảm xuống 30 - 40%. Nhưng nói chung chăn nuôi vẫn phát triển chậm, không tương

xứng với khả năng điều kiện sẵn có của tỉnh ta. Chăn nuôi chưa thỏa mãn yêu cầu thịt và phân bón.

Đó là do sự tác động lao động và kỹ thuật còn còn ít đối với chăn nuôi, phát triển theo tự nhiên (đồng cỏ tự nhiên, thả rông, phối giống tự do). Do chăn nuôi con thả rông nên còn gây trở ngại cho việc tăng vụ. Nếu không kịp thời thay đổi cách chăn nuôi theo phương thức mới thì ngành chăn nuôi không thể tiến lên ngang với trồng trọt được.

5. Nghề rừng

Diện tích trồng rừng năm 1960 mới có 223 ha, đến năm 1968 đã có 5.524 ha (trong đó quốc doanh 1.025 ha, nhân dân trồng 4.319), bằng 23,7 lần so với năm 1960 và bằng ba lần so với 1964. Diện tích rừng được tu bổ và cải tạo là 5.933 ha (1968) bằng 2,5 lần năm 1964. Diện tích rừng được chăm sóc là 2.602 ha, gấp 5 lần năm 1963.

Tuy vậy, giá trị trồng cây gây rừng còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với giá trị tổng sản lượng nông - lâm nghiệp (năm 1958 mới chiếm 0,1%, năm 1968 lên 1,29%).

Phong trào nhân dân trồng cây đã nảy nở một số điển hình tốt như Na Hối (Bắc Hà), Thanh Kim (Sa Pa), Pha Long (Mường Khương), Cốc San (Bát Xát). Ở đây hợp tác xã có đội chuyên trách trồng cây, có vườn ươm cây giống, hằng năm đã trồng hàng vạn cây sống. Công tác bảo vệ rừng, tệ cháy rừng đã giảm đi nhiều ở một số nơi. Đặc biệt, chúng ta đã thí điểm thành công việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã quản lý, kinh doanh, gắn liền với việc vận động định canh định cư ở xã Bản Phiệt có kết quả; tệ phát nương, phá rừng bừa bãi đã hạn chế, đời sống xã này trước chủ yếu dựa vào phát rừng trồng lúa nương nay không còn tình trạng này nữa, mà chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ trong hợp tác xã để làm rừng. Nhân dân ở xã này cũng đã có ý thức bảo vệ rừng, coi rừng là tài

sản chung của quốc gia. Từ thí điểm này đang mở rộng diện vận động vào cuộc vận động định canh định cư, kết hợp với hợp tác hóa ở các hợp tác xã trong tỉnh, đang tạo ra triển vọng tốt đẹp trong việc phát triển nghề rừng của tỉnh ta trong thời gian tới.

Song, so với vị trí quan trọng và khả năng to lớn của lâm nghiệp tỉnh ta, thì chúng ta còn nhiều thiếu sót. Nhận thức rừng là tài sản quốc gia, là cơ sở vật chất của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, chưa được quán triệt trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Việc khai thác chưa đi đôi với tái sinh, trồng rừng. Tệ phá rừng còn nhiều và có nơi vẫn nghiêm trọng. Việc tu bổ và trồng rừng còn quá yếu, số cây đã trồng bị chết nhiều. Trồng rừng còn lẻ tẻ phân tán, kết quả chưa tương xứng với công sức và tiền của đã đầu tư (rừng quốc doanh trồng đến 1967 được 900 ha, nhưng chỉ sống được 150 ha, đạt tỷ lệ sống là 1/6). Tỷ lệ cây sống ở hợp tác xã còn thấp hơn. Quy hoạch trồng rừng chưa gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa, thủy lợi hóa, xây dựng cơ bản, chưa kịp với yêu cầu sản xuất và khai thác. Trình độ tổ chức, kế hoạch chỉ đạo và quản lý rừng còn yếu, nhiều mặt còn buông lỏng, năng suất lao động thấp, giá thành cao, lãng phí còn nhiều. Việc phân cấp quản lý rừng giữa quốc doanh và hợp tác xã làm còn chậm. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp có nhiều khả năng và điều kiện phát triển nghề rừng, chưa đặt đúng vị trí quan trọng của nghề rừng trong phương hướng sản xuất của hợp tác xã. Hiện nay đang nổi lên mâu thuẫn giữa bảo vệ rừng với phát nương để giải quyết lương thực ở vùng đồng bào còn sống du canh du cư hoặc định cư nhưng còn du canh hay đã định canh định cư nhưng cơ sở định canh còn ít, đời sống còn bấp bênh.

Tóm lại, nghề rừng vẫn phát triển chậm, theo quy hoạch trồng rừng thì toàn tỉnh phải trồng là 14.000 ha, nhưng trong 10 năm mới trồng được 5.000 ha. Nếu cứ theo tốc độ này thì phải mất 100 năm nữa mới trồng xong.

6. Nghề phụ nông dân

Nghề phụ của nông dân tỉnh ta chiếm một vị trí rất lớn trong nông nghiệp, chiếm trên dưới 30% so với tổng giá trị sản lượng nông - lâm nghiệp. Hơn 10 năm qua tốc độ phát triển của nghề phụ tăng khá nhanh: năm 1958 chiếm 4,97 triệu đồng, năm 1968 lên 8.630.000 đồng, năm 1970 chiếm 9.360.000 đồng. Bình quân hằng năm tăng 5,4%.

7. Sản xuất ở các vùng

Căn cứ vào điều kiện tự nhiên và kinh tế, cuối năm 1963 sản xuất nông nghiệp Lào Cai đã khoanh ra ba vùng sản xuất lớn:

- Vùng lương thực và thực phẩm, chủ yếu là vùng thấp (thung lũng sông Hồng).

- Vùng cây công nghiệp, chủ yếu ở vùng cao, giữa miền Đông (vòm sông Chảy).

- Vùng cây đặc sản, chủ yếu là vùng cao, giữa miền Tây (địa khối Hoàng Liên Sơn).

- + Vùng lương thực và thực phẩm: Gồm toàn huyện Bảo Thắng, thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, năm xã vùng thấp Mường Khương, tám xã vùng thấp Bát Xát, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà. Toàn vùng chiếm 95,2% diện tích lúa chiêm, 43,63 diện tích lúa mùa, 60% diện tích khoai các loại, 68,41% diện tích sắn, 100% diện tích mía công nghiệp so với toàn tỉnh. Vùng này sản xuất bắt đầu có chuyển biến tốt, đã đi vào thâm canh lúa, phát triển diện tích và tăng vụ màu, chăn nuôi lợn, chuyên canh rau và một số cây công nghiệp (mía, sắn), cây ăn quả. Trong 10 năm 1958 - 1968 sản lượng lương thực tăng khá: lúa chiêm tăng 2,3 lần so với năm 1960. Sản lượng toàn tỉnh, lúa mùa tăng 13,3%, chủ yếu tăng ở thời kỳ 1961 - 1965, bình quân hằng năm tăng 2,6%. Sản lượng lúa mùa chiếm 42,76% sản lượng toàn tỉnh. Ngô tăng 2,69 lần. Khoai các loại tăng 11,5 lần (chủ yếu là tăng khoai lang), tăng

mạnh nhất ở thời kỳ 1961- 1965, bình quân tăng 70,1% và chiếm 61% sản lượng khoai toàn tỉnh. Sản tăng 8,2 lần, sản lượng sản chiếm 70,62% so với toàn tỉnh. Lúa nương từ 1965 trở lại đây đang giảm dần, do việc hạn chế phá rừng làm nương rẫy (bình quân mỗi năm giảm 100 ha).

Số thóc huy động cho Nhà nước của toàn vùng: năm 1968 chiếm 71,4%, năm 1969 chiếm 55,25% so với tổng số thóc huy động cho Nhà nước trong toàn tỉnh. Diện tích 5 tấn thóc/ha ngày càng mở rộng: năm 1970 toàn vùng đã đạt 5.056 kg/ha ruộng hai vụ.

Chăn nuôi lợn phát triển, mấy năm gần đây (từ 1964 - 1968) tăng 41,7% bình quân hằng năm tăng 12,3%. Số đầu lợn chiếm 45,11% so với toàn tỉnh (ở các vùng khác chỉ tăng bình quân từ 0,1 đến 2%). Riêng đàn lợn nái tăng bình quân 16,1% (chia toàn tỉnh bình quân tăng 6,1%). Đàn trâu tăng bình quân 2,6%, đàn bò tăng 3,4%, cá phát triển mạnh trong mấy năm gần đây. Diện tích rau xanh chiếm phần lớn sản lượng trong tỉnh. Nghề phụ, nghề thủ công phát triển chậm.

Tuy nhiên, sản xuất ở đây cũng còn có khó khăn (lũ, hạn, úng vẫn xảy ra làm cho diện tích và năng suất, sản lượng lên xuống thất thường), diện tích có năng suất thấp còn rộng. Diện tích các loại rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả tuy được mở rộng, nhưng năng suất còn thấp nên sản lượng tăng lên chưa cân xứng.

+ Vùng cây công nghiệp: Gồm huyện Bắc Hà (trừ xã Bảo Nhai), huyện Si Ma Cai và 19 xã huyện Mường Khương. Về diện tích lúa mùa chiếm 30,87% sản lượng, sản lượng chiếm 30,16%; lúa nương 52,04%; ngô 73,6%; khoai 20,7%; đậu tương 89,5% diện tích và 84,23% sản lượng so với toàn tỉnh.

Năm 1968, huy động cho Nhà nước về ngô là 74,04%, đậu tương 84,21% so với sản lượng toàn tỉnh. Về chăn nuôi: trâu chiếm 44%, bò 37,3%, ngựa 62,7%, lợn 32,5% so với tổng số toàn tỉnh.

Diện tích cây lương thực (lúa, ngô) đều tăng khá. Trong 10 năm lúa mùa tăng 1,32 lần, lúa nương tăng 1,5 lần, ngô 1,57 lần,

(riêng khoai, sản tăng mạnh ở thời kỳ 1960 - 1965: khoai tăng 2,6 lần, sản tăng 5,45 lần), mấy năm gần đây 1966 - 1968) khoai giảm bình quân 12,6%, sản giảm 8,8%, Nhưng do năng suất thấp nên sản lượng tăng không đáng kể và gần đây (1965 - 1968) lúa mùa, lúa nương, ngô giảm sút. Lúa mùa giảm đi 1,9%, lúa nương và ngô tăng không đáng kể; sản tăng 1,9 lần, nhưng từ 1966 - 1968 cũng giảm xuống (khoai giảm bình quân 6,1%, sản giảm 13,3%) về cây công nghiệp: đậu tương từ năm 1965 do phát triển cây đậu tương xuống ruộng nên diện tích tăng gấp 3 lần so với năm 1960, nhưng do năng suất còn thấp (trên dưới 4 tạ/ha), nên sản lượng 1960 - 1968 cũng chỉ tăng 1,7 lần. Từ năm 1966 đến năm 1968 cả diện tích và sản lượng đều giảm bình quân 3,4%. Chè phát triển chậm. Chăn nuôi trâu tăng 5,4%, so với 1965, bình quân hằng năm tăng 1,5%, bò tăng 38% so với 1965, bình quân hằng năm tăng 11,3%, ngựa tăng bình quân 7,6%, lợn tăng 0,4%. Nghề rừng phát triển chậm, cây dược liệu mới được chú ý bước đầu.

+ Vùng cây đặc sản: Gồm toàn huyện Sa Pa, 18 xã vùng cao Bát Xát. Về tỷ trọng sản lượng so với toàn tỉnh thì: lúa mùa chiếm 27%, lúa nương 17%, ngô 16,3%, khoai 19,8%, thảo quả 100%, hạt rau 100%. Về chăn nuôi: trâu chiếm 28,69%, bò 46%, ngựa 28,4%, lợn 22,3%. Về sản xuất lương thực: tốc độ phát triển tương tự như vùng cây công nghiệp miền Đông. Riêng khoai các loại và sản phát triển khá. Sản lượng khoai từ 521 tấn (1960) tăng lên 5.571 tấn (1968), sản từ 213 tấn (1960) tăng lên 2.380 tấn (1968). Tình hình thiếu lương thực hằng năm vẫn tập trung ở vùng này. Sản xuất cây đặc sản về hạt rau, chất lượng đã được nâng cao, nhưng diện tích và sản lượng từ 1966 trở lại giảm từ 30 tấn (1965) xuống 12 tấn (1968), năm 1970 - 1971 lại đang phát triển tăng lên. Một số cây thuốc quý di thực đã thí điểm thành công ở một vài hợp tác xã đã đi vào sản xuất và thu được kết quả. Diện tích thảo quả ngày càng mở rộng, nhưng sản lượng vẫn phụ thuộc vào tự nhiên nên cũng lên xuống thất thường (1965 đạt 520 tấn, 1966 xuống 290 tấn, 1967 lên 332 tấn).

Chăn nuôi phát triển chậm, từ 1964 - 1968 trâu tăng bình quân 1,5%, bò tăng 3,7%, ngựa tăng 7,7%, lợn tăng 2,3%.

8. Nông sản hàng hóa và nông sản xuất khẩu

a) Nông sản hàng hóa: Trong 10 năm (1958 - 1968) tổng trị giá thu mua hàng nông sản hằng năm khoảng 2,4 triệu đồng so với tổng giá trị sản lượng nông nghiệp đạt bình quân 17,7%, năm cao nhất đạt tới 3,2 triệu đồng, bằng 23,3% (1965). Trong đó thời kỳ 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế (1961 - 1965) đạt bình quân 18,5%; trong ba năm thời chiến đạt bình quân 16,6%. Đi vào một số nông sản, thực phẩm chính như sau:

Trong 10 năm (1958 - 1968) tổng số lương thực đã huy động được là 43.669 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 4.367 tấn, chưa trừ số bán lại cho nông dân thiếu ăn trong 10 năm khoảng 4.000 tấn, bình quân một năm 400 tấn. Tỷ lệ huy động bình quân đạt 12%, năm cao nhất đạt 14,4% (1962).

Trong 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa huy động được 7.924 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 2.641 tấn, tỷ lệ huy động là 8,8% năm cao nhất đạt 9,9%.

Trong 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế huy động được 23.708 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 4.741 tấn, tỷ lệ huy động là 12,7%, năm cao nhất đạt 14,4% (1962). Bán lại cho nông dân thiếu ăn khoảng 2.199 tấn, bình quân một năm 439 tấn.

Trong 3 năm thời chiến huy động được 13.954 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 4.651 tấn, tỷ lệ huy động bình quân là 10,2%, năm cao nhất đạt 12,1% (1966), bán lại cho nông dân thiếu ăn khoảng 1.562 tấn, bình quân một năm 520 tấn.

Thóc: Trong 10 năm (1958 - 1968), chúng ta đã huy động được 37.913 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 3.791 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 16,5%.

Trong thời kỳ 3 năm cải tạo đã huy động được 7.829 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 2.609 tấn, tỷ lệ huy động bình quân (...)

Trong 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế (1961 - 1965), huy động được 20.668 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 4.133 tấn, mỗi năm huy động bình quân 18,4%, năm cao nhất lên tới 20,7% (1962).

Trong 3 năm thời chiến tổng số huy động được 11.315 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 3.771 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 13,7%, năm cao nhất được 16,5% (1966), năm thấp nhất được 12,4% (1968), bình quân một năm huy động được 3.782 tấn.

Ngô: Tổng số ngô đã huy động được trong 10 năm (1958 - 1968) là: 4.537 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 453 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 4,3%, năm cao nhất là 8,25%, thấp nhất 0,2%. Trong những năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) huy động được 89 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 29 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 0,34%.

Trong 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế huy động được 2.539 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 507 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 5,1%, năm cao nhất đạt 7,5% (1964).

Trong 3 năm thời chiến (1966 - 1968) huy động được 1.927 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 642 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 5,7%, năm cao nhất đạt 8,25% (1966), năm thấp nhất đạt 3,8% (1968).

Đậu tương: Tổng số huy động được trong 10 năm (1958 - 1968) là 1.579 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 158 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 21,1%, cao nhất là 45% (1957), thấp nhất 11,4% (1965), số lượng huy động năm cao nhất được 257 tấn (1969).

Thời kỳ 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) huy động được 559 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 186 tấn, tỷ lệ huy động bình quân đạt 32,1%, năm cao nhất đạt 41,1% (1959).

Thời kỳ 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế huy động được 660 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 132 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 19,6%, năm cao nhất 26,9% (1963), năm thấp nhất đạt 11,4% (1965).

Trong 3 năm thời chiến tổng số vốn huy động được 474 tấn, bình quân mỗi năm huy động được 158 tấn, năm cao nhất huy động được 183 tấn, tỷ lệ huy động bình quân là 12,9%, năm thấp nhất huy động được 121 tấn.

Chè: Trong thời gian từ 1959 - 1968 đã thu mua được 394 tấn chè, bình quân mỗi năm mua được 39,4 tấn, tỷ lệ huy động bình quân đạt 62,6%, năm cao nhất mua được 46 tấn, tỷ lệ huy động đạt 46%. Cũng có năm tuy mức huy động không cao lắm nhưng tỷ lệ huy động lại đạt khá cao như năm 1962 thu mua được 44 tấn, tỷ lệ huy động đạt tới 89,7%.

Trong 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa mua được 115 tấn, bình quân mỗi năm mua được 38 tấn. Trong 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế mua được 202 tấn, bình quân mỗi năm mua được 40 tấn. Trong 3 năm thời chiến mua được 118 tấn bình quân mỗi năm mua được 39 tấn, tỷ lệ huy động bình quân 3 năm cải tạo là 74,6%, 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế là 67,6% và 3 năm thời chiến là 46,6%.

Về thịt: Chủ yếu là thịt lợn, bình quân hằng năm huy động được 368 tấn, 3 năm thời chiến khối lượng thịt huy động có tăng lên hằng năm huy động được 456 tấn (cả thịt lợn, trâu, bò), năm cao nhất 520 tấn (1966), năm 1970 được 503 tấn; trâu cày hằng năm thu mua được trên dưới 1.000 con.

b) Nông sản xuất khẩu: Nông sản xuất khẩu của tỉnh ta gồm có chuối, dưa, thảo quả, cần câu, gậy trúc và một số nông, lâm sản khác, trong 10 năm tổng trị giá mua hàng xuất khẩu của tỉnh ta đã đạt được 9.273.000 đồng, bình quân mỗi năm mua được 927,3 ngàn đồng, trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) đã mua được 1.369,8 ngàn đồng, bình quân mỗi năm mua được 456,6 ngàn đồng, năm cao nhất đạt được 556,8 ngàn đồng (1960).

Trong 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế (1961-1965) ta đã mua được 4.781 ngàn đồng, bình quân mỗi năm mua được 956 ngàn đồng, năm cao nhất đã mua được 1.515 ngàn đồng (1965).

Trong 3 năm thời chiến (1966 - 1968) ta đã mua được 3.453,3 ngàn đồng, bình quân mỗi năm mua được 1.151 ngàn đồng, năm cao nhất đã mua được 1.300,8 ngàn đồng (1967), năm 1970 đạt khoảng 1,8 triệu đồng cả xuất cho Trung ương và địa phương tự xuất khẩu.

Nhìn chung, trong 10 năm qua, tổng giá trị mua hàng nông, lâm sản xuất khẩu có chiều hướng được nâng dần lên. Song tốc độ tăng không đều, ở thời kỳ 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế tốc độ tăng nhanh hơn, 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sang 3 năm thời chiến tốc độ có chiều hướng giảm xuống. Đến năm 1970 lại có chiều hướng tăng lên, nhưng nguồn hàng xuất khẩu chưa được vững chắc, còn dựa vào tự nhiên và ở khu vực kinh tế gia đình nhiều.

IV. TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG NÔNG DÂN

Đời sống của nông dân hiện nay so với 10 năm trước đã có nhiều biến đổi sâu sắc. Chế độ người bóc lột người bị xóa bỏ. Giai cấp nông dân tập thể đã và đang hình thành và là người làm chủ tập thể ở nông thôn. Quyền bình đẳng về chính trị và kinh tế giữa các dân tộc, giữa xã viên, giữa nam và nữ ngày càng được bảo đảm, đoàn kết giữa các dân tộc trong nông thôn ngày càng được tăng cường.

Mặc dù trong mấy năm qua, trong điều kiện cả nước có chiến tranh và tỉnh ta liên tiếp bị thiên tai, hạn hán, lũ lụt, nhưng đời sống của nông dân về cơ bản vẫn được ổn định, một số vùng có phần khá hơn trước rõ rệt. Nạn đói lưu niên, ăn mòi, ăn bầu, ở nhà ngoãn cột chôn do chế độ cũ để lại, về cơ bản đã được giải quyết, đồ dùng trong nhà được tăng lên, mặc đã lành lặn hơn. Công tác vệ sinh và bảo vệ sức khỏe phát triển tương đối khá, diện mù chữ đã được thu hẹp dần, trình độ văn hóa của cán bộ và thanh niên, thiếu niên được nâng lên rõ rệt. Điều kiện đi lại trong nông thôn cũng đã thuận tiện hơn trước nhiều.

Về thu nhập bằng tiền: Bình quân nhân khẩu một tháng của nông dân năm 1960 là 13đ11, đến 1968 tăng lên 17đ73. Trong đó, thu nhập thực tế năm 1960 là 10đ82, đến 1968 lên 15đ72, so với 1960 thì thu nhập thực tế năm 1968 tăng 45,2%. Thu nhập thực tế, trong đó thu nhập từ hợp tác xã giảm 25,4% (thời kỳ 1961-1965), bình quân giảm 2,9%, 3 năm chiến tranh giảm bình quân 4,6%), ngược lại thu từ kinh tế phụ năm 1968 so với năm 1960 tăng 90% (do thu nhập từ hợp tác xã giảm, thu từ kinh tế phụ gia đình tăng, làm cho cơ cấu thu nhập của xã viên thay đổi: thu từ hợp tác xã năm 1960 là 45,8% đến năm 1968 còn 23,6%; thu từ kinh tế phụ gia đình năm 1960 là 53,3%, đến năm 1968 lên 70%).

Thu nhập giữa các dân tộc cũng không đồng đều: Vùng thấp chủ yếu là Tày, Nháng thường có mức và tốc độ thu nhập cao hơn vùng cao và giữa. Vùng thấp năm 1960 bình quân thu nhập một tháng là 10đ86 đến năm 1968 tăng lên 18đ72, tăng 69,6%. Vùng cao năm 1960 thu 9đ78 đến năm 1968 tăng lên 14đ4, tăng 47%. Vùng giữa năm 1958 thu 12đ50 đến năm 1968 tăng lên 16đ31, tăng 30,4%. Đối với các thành phần giai cấp thì thu nhập của bản nông tăng nhanh, rồi đến trung nông, chậm nhất là trung nông trên. Thu nhập của bản nông, năm 1960 là 9,70 đồng đến 1968 lên 15,47 đồng, tăng 58,1%. Thu nhập của trung nông năm 1960 là 11đ17 đến 1968 tăng lên 16đ10, tăng 44,1%. Thu nhập của trung nông trên năm 1960 là 13đ90, đến năm 1968 tăng lên 15đ39, tăng 10,7%. Riêng trung nông trên trong 3 năm thời chiến giảm bình quân 2,4%.

- Mức ăn: Lương thực quy thóc bình quân một tháng năm 1960 là 20,18 kg, năm 1968 giảm xuống 18,21 kg. Trong đó, thóc từ 16,59 kg giảm xuống còn 12,2 kg, ngô từ 3,39 kg tăng lên 4,5 kg, sắn khoai từ 0,25 kg tăng lên 3,2 kg. Về thịt cá từ 2,48 kg giảm xuống 0,85 kg, đường mật từ 8 gam lên 50 gam, nước mắm từ 62 người 1 lít/tháng (1960) lên mỗi tháng bình quân 3 người 1 lít/tháng (1968).

- Mặc: Vải (kể cả quần áo may sẵn) năm 1960 bình quân một người 4,1 mét đến năm 1968 tăng lên 5,72 mét; chăn đắp từ 10 hộ mới có 1 cái, nay mỗi hộ đã có 3,5 cái. Áo rét từ 6 hộ mới có 1 cái, nay mỗi hộ bình quân 4 áo rét.

- Sức khỏe: Tình hình bảo vệ sức khỏe ngày càng được tăng cường hơn trước, năm 1957 trở về trước, toàn tỉnh chỉ có một bệnh viện và 4 trạm xá, đến nay ngoài bệnh viện tỉnh, hầu hết các huyện đều có bệnh viện. Toàn tỉnh hiện có 7 bệnh viện, 6 bệnh xá, 116 trạm xá với 877 giường bệnh, có 8 phòng hộ sinh.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh phát triển khá ở nhiều nơi. Tính đến năm 1968 toàn tỉnh đã có 5.765 nhà tắm, 745 hố xí hai ngăn, 2.133 giếng ăn, 21.348 gia đình rời chuồng gia súc xa nhà ở. Đời sống văn hóa của nông dân cũng được cải thiện một bước rõ rệt. Năm 1957 trung bình 2 người được xem một lượt chiếu bóng, năm 1968 một người được xem 4,2 buổi chiếu bóng. Xem biểu diễn nghệ thuật cũng tăng lên 2 lần. Loa truyền thanh năm 1957 cả tỉnh có 12 cái ở xung quanh thị xã, đến năm 1968 có 1.633 cái ở hầu hết các huyện và một số xã xung quanh thị xã, thị trấn và những xã có mạng lưới thủy điện. Số sách xuất bản ở địa phương để tuyên truyền cho ba cuộc cách mạng ở nông thôn: Năm 1960 mới xuất bản được 800 cuốn, đến năm 1968 đã xuất bản được 20.000 cuốn. Trong 10 năm toàn tỉnh đã thanh toán nạn mù chữ cho 42.460 người. Số người học bổ túc văn hóa từ 2.933 người (năm 1957) lên 13.904 người (năm 1968). Nhà trẻ từ 80 cái tăng lên 221 cái, số cháu gửi vào nhà trẻ từ 242 cháu (1957) tăng lên 5.502 cháu (1968). Mẫu giáo từ chỗ mới có một lớp với 26 cháu, nay có 81 lớp với 2.124 cháu. Lớp vỡ lòng từ 72 lớp với 1.478 học sinh nay đã có 336 lớp với 8.502 học sinh. Về hệ phổ thông: 1957, toàn tỉnh mới có 12 trường, 29 lớp với 660 học sinh. Một trường cấp II chưa có cấp III. Đến năm 1968 đã có 180 trường phổ thông cấp I, cấp II, và cấp III (trong đó có 6 trường cấp III), tổng 725 lớp với 18.707 học sinh tăng gấp 30 lần.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ trên, vẫn tồn tại nhiều khó khăn, còn phải tiếp tục phấn đấu khắc phục, nhất là ở nông thôn vùng giữa và vùng cao; thu nhập bằng tiền có tăng lên, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của đời sống đời hỏi, yếu tố giá cả thị trường tăng lên không hợp lý, nhất là những năm có chiến tranh, giá nông sản, thực phẩm có thứ tăng lên gấp 2 - 3 lần ở thị trường tự do. Các mặt hàng tiêu dùng cơ bản như chiếu, nón, vải nhựa, vải màn, bát đĩa, nồi xoong... còn thiếu nhiều, Nhà nước cung cấp rất có hạn, không thỏa mãn nhu cầu. Thu nhập bằng tiền của xã viên còn chiếm tỷ lệ rất cao so với thu nhập từ hợp tác xã. Thu nhập giữa các vùng dân tộc cũng chênh lệch nhau xa. Đồng bào vùng cao thường có mức sống thấp hơn đồng bào vùng thấp.

Ở vùng cao điều kiện đi lại, lao động còn cực nhọc nhiều, lương thực còn gặp nhiều khó khăn, vẫn còn những hộ nông dân thiếu ăn, nhất là vùng Sa Pa, hằng năm Nhà nước phải bán một số lương thực cho nhân dân trong những tháng giáp hạt.

Về mặt còn nhiều nhà thiếu áo ấm, chăn đắp, về mùa đông thường còn ngồi quanh bếp lửa sưởi ấm, ảnh hưởng đến sức lao động sản xuất. Đời sống văn hóa và phong trào vệ sinh ở vùng cao kém hơn so với vùng thấp rất rõ rệt, một số phong tục tập quán lạc hậu trở ngại sản xuất như ma chay, cưới xin, nghiện hút có chiều hướng phát triển trở lại. Số người chưa biết chữ còn nhiều. Theo điều tra điển hình một huyện Si Ma Cai, số người chưa biết chữ trong độ tuổi còn chiếm trên 80%. Nhiều cán bộ chủ chốt, cán bộ hợp tác xã cũng chưa biết chữ.

Về tư tưởng: Từ sau năm 1963 trở lại đây, xã viên nói chung là yên tâm sản xuất trong hợp tác xã, mong muốn làm sao cho hợp tác xã ngày càng vững mạnh, làm ăn ngày càng tốt hơn. Tuy vậy, do công việc quản lý làm ăn của nhiều hợp tác xã chưa tốt, quyền lợi của xã viên chưa được giải quyết hợp lý, quyền làm chủ tập thể, nhất là quyền làm chủ về mặt kinh tế bị vi phạm.

Cho nên quần chúng xã viên ở những nơi này còn băn khoăn, lo lắng về đời sống, chưa thật yên tâm phấn khởi tập trung tư tưởng làm ăn, xây dựng kinh tế tập thể. Trái lại, tình trạng chạy đi phát nương làm riêng, phát triển kinh tế gia đình có chiều hướng phát triển.

V. TÌNH HÌNH DU CANH DU CƯ VÀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ

Qua điều tra khảo sát toàn tỉnh có tới 8.694 ha nương du canh chiếm 38% diện tích canh tác. Về dân số thì 2.794 hộ, với 15.611 nhân khẩu, chiếm 10,3% số nhân khẩu nông nghiệp còn du canh du cư, 8.883 hộ với 53.637 nhân khẩu, chiếm 36,36% nhân khẩu nông nghiệp đã định cư nhưng còn du canh, 13.781 hộ với 78.521 khẩu chiếm 53,18% nhân khẩu đã định canh định cư nhưng còn một phần nương du canh, do gia đình xã viên làm riêng, và trong đó có một số hộ hoàn toàn du canh du cư sống xen kẽ.

Kể từ năm 1955 lại đây, tốc độ phá rừng du canh ngày càng tăng rất nhanh so với tốc độ tăng dân số (dân số tăng 2 lần, nương du canh tăng 4 lần).

Diện tích rừng có cây che phủ toàn tỉnh chỉ còn khoảng 20%. Riêng vùng cao miền Đông còn khoảng 10%. Huyện Si Ma Cai và Bắc Hà chỉ còn 4% rừng. Tình hình này đã và đang gây ra nhiều tai hại lớn về bảo vệ các nguồn nước, phục vụ sản xuất và đời sống, ảnh hưởng đến quan hệ sản xuất, đến năng suất một số cây trồng (ngô giảm 24,7%, lúa nương giảm 17%, đậu tương giảm 14,8%), cơ sở ruộng nước quá ít, bình quân nhân khẩu mới có 0,05 ha, có nơi cả xã sống hoàn toàn bằng nương du canh, không có ruộng nước. Tư liệu sản xuất chủ yếu chưa tập thể hóa được rành mạch. Ngày công xã viên làm cho hợp tác xã rất ít. Nạn thả rông gia súc còn phổ biến. Sản xuất, đời sống chưa thật sự ổn định, còn bấp bênh, có vùng còn thiếu lương thực ăn lúc giáp hạt.

Mấy năm gần đây, do hạn hán kéo dài, nạn xói lở, bạc màu do du canh, quảng canh gây ra càng lớn, nên xuất hiện ngày nhiều đồng bào vùng cao (Mèo) chuyển xuống vùng thấp, chuyển từ nơi hết rừng đến còn rừng để phát nương sinh sống, gây ra nạn phá rừng nghiêm trọng.

Vì vậy, nếu không có những biện pháp thật hiệu lực, mau chóng chấm dứt tệ nạn này thì không thể đưa sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng định canh định cư, thâm canh tăng năng suất và toàn diện, cũng không thể phát huy được các ưu thế trong nông nghiệp tỉnh ta.

Để giải quyết vấn đề này, những năm qua, nhất là mấy năm gần đây, tỉnh ta đã tiến hành cuộc vận động củng cố toàn diện vùng cao, đồng thời tiến hành thí điểm đưa nghề rừng vào hợp tác xã kinh doanh, quản lý theo hướng định canh định cư ở một số điển hình như Bản Phiệt, Cốc Lầu, Tả Ngảo, Y Tý, Tả Phìn, Bản Phố. Đưa đội sản xuất dân tộc Mèo ở Tả Phìn (Sa Pa) vào sản xuất ở Nông trường bò sữa. Các xã đó tuy vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục giải quyết, nhưng yêu cầu cơ bản đã được thực hiện, đã rút ra được kinh nghiệm bước đầu về phương pháp, hình thức tổ chức định canh định cư, đi vào ổn định sản xuất và đời sống.

Tiếp theo từ khi có Nghị quyết 38-CP của Hội đồng Chính phủ, ta đã chuyển sang làm cuộc vận động định canh định cư toàn tỉnh. Tới nay cuộc điều tra khảo sát toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành, cuộc vận động định canh định cư đã triển khai, gắn với cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể và nâng cao chất lượng đảng viên ở nông thôn. Kết quả đạt được tuy chưa nhiều, nhưng bước đầu đã có những chuyển biến rõ rệt.

VI. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY NÔNG, LÂM NGHIỆP

Tổng số biên chế của các ngành trong khối nông - lâm nghiệp

chưa kể công nhân trực tiếp sản xuất, năm 1965 mới có 503 người, 1969 lên tới 942 người, gần gấp 2 lần so với 1965. Trong đó có ngành mới thành lập 1968 như: Trường quản lý kinh tế kỹ thuật nông nghiệp, Ban định canh định cư (1970). Số cán bộ khoa học - kỹ thuật cao cấp năm 1965 mới có 21 người, đến năm 1969 có 75 người (gấp trên 3 lần), cán bộ kỹ thuật trung cấp: 1965 mới có 130 người, năm 1969 lên 313 người (gấp 3 lần). Về bộ máy tổ chức, năm 1958 mới có 1 Ty Nông lâm và 2 phòng trực thuộc Ty, các trạm, trại chưa có. Đến năm 1968 có 11 Ban và phòng trực thuộc tỉnh (gấp 11 lần), các trạm trại kỹ thuật và cung cấp vật tư kỹ thuật nông nghiệp: Từ năm 1960 có 10, năm 1968 có 48 (gấp gần 5 lần), các trạm trại nhỏ (thủy văn, khí tượng) năm 1960 có 9, đến năm 1968 có 38 (gấp trên 4 lần), bộ máy ở các huyện, thị năm 1958 có năm ban công tác nông thôn ở năm huyện (thị chưa có), đến năm 1968 có 27 ban, phòng các loại như: Ban Nông nghiệp, Phòng Nông nghiệp, Phòng Thủy lợi, trạm tư liệu sản xuất, Ban định canh định cư ở sáu huyện và hai thị (gấp trên 5 lần).

Trưởng ban, Trưởng ty từ năm 1960 đến nay vẫn có 4 đều là Tỉnh ủy viên, Phó ban, Phó ty hoặc chủ nhiệm công ty, năm 1960 có 8, đến năm 1968 có 20 (gấp 2,5 lần) trong đó có 1 Tỉnh ủy viên là Phó Ban Nông nghiệp. Phó Trưởng phòng: năm 1960 có 6, năm 1968 có 22, năm 1970 lên 33 (gấp gần 4 lần), các cán bộ nghiên cứu từ cán sự I trở lên năm 1965 có 16, đến 1968 có 37 người (gấp gần 2,5 lần).

Qua số liệu trên đây rõ ràng là bộ máy tổ chức nông - lâm nghiệp phát triển lên nhiều, theo xu hướng ngày càng lớn lên và đi dần vào chuyên sâu. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật ngày càng đông, các trạm trại kỹ thuật ngày càng nhiều. Đó là sự phát triển cần thiết theo yêu cầu phục vụ nông - lâm nghiệp ngày càng phát triển. Nhưng nhìn chung sự sắp xếp tổ chức còn công kênh, chồng chéo lên nhau, có việc rất quan trọng nhưng không ai phụ trách rõ ràng (như chỉ đạo sản xuất, ai giúp Ủy ban hành chính tỉnh làm là chính) có một số nơi phong trào thực tế chưa cần thiết lắm nhưng

đã đặt ra tổ chức các phòng của huyện hiện nay có 4 - 5 người, nhưng chỉ có 1 đến 2 người làm việc thực sự. Tổ chức có tình hình phân tán, thiếu tập trung tổng hợp. Do đó hiệu lực kém, cán bộ thiếu chuyên sâu, ở tỉnh trong 10 năm thay đổi 6 trưởng ban nông nghiệp, 3 trưởng ty nông nghiệp. Ở huyện, nhiều huyện cứ mỗi năm bầu lại cấp ủy, lại thay đổi cán bộ lãnh đạo nông nghiệp 1 lần (Sa Pa, Bảo Thắng, Bắc Hà). Cán bộ nghiệp vụ được đào tạo rồi lại phân công việc khác. Trình độ cán bộ nói chung còn yếu, nhất là công tác quản lý và phương pháp vận động quần chúng. Sử dụng cán bộ chưa thật tốt, quản lý cán bộ chưa chặt chẽ, chưa bồi dưỡng được cán bộ có khả năng tương đối toàn diện, nắm một ngành biết nhiều nghề. Sự phối hợp giữa các ngành chưa chặt chẽ. Do đó biên chế tăng gấp đôi, cán bộ khoa học, kỹ thuật trung cao cấp tăng gấp 3 lần so với năm 1958 nhưng kết quả về giá trị sản lượng sản xuất ra tăng chưa đến 60%.

VII. ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ NÔNG NGHIỆP CỦA LÀO CAI HIỆN NAY VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

Từ tình hình thực tế của hơn 10 năm qua, chúng ta có thể khẳng định là: Trong thời gian qua nông nghiệp tỉnh ta đã đạt được những tiến bộ quan trọng.

1. Về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa: Đã được xây dựng và đang được củng cố, hoàn thiện từng bước. 80% số hộ nông dân trong tỉnh đã vào hợp tác xã, một số cơ sở quốc doanh nông - lâm nghiệp đã hình thành. Chế độ áp bức bóc lột, nỗi đau khổ ngàn đời đối với nông dân các dân tộc đã được xóa bỏ tận gốc. Từ sản xuất cá thể đã chuyển sang làm ăn tập thể cùng với đại bộ phận đất đai, nông nghiệp và những tư liệu sản xuất khác được tập thể hóa. Cơ sở vật chất và kỹ thuật tiên tiến bước đầu được xây dựng, việc đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất đã được chú trọng và bắt đầu có những tiến bộ trong một số khâu sản xuất, thực hiện

một bước tương đối mạnh việc hợp tác hóa kết hợp với thủy lợi hóa khôi phục và mở rộng ruộng nương bậc thang, xây dựng công trình thủy điện nhỏ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo từng vùng sản xuất. Đi đôi với cách mạng về quan hệ sản xuất, về kỹ thuật, cuộc cách mạng về tư tưởng - văn hóa cũng đã giành được thắng lợi nhất định. Nhân dân từ chỗ mù chữ, không có chữ, bệnh tật thiếu đói liên miên, đến nay đại bộ phận đã biết chữ, đời sống và sức khỏe đảm bảo. Những tập quán phong tục lạc hậu trở ngại cho sản xuất đã được đẩy lùi dần, các truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc ngày được phát huy, đội ngũ cán bộ nông nghiệp, nhất là cán bộ hợp tác xã, tuy trình độ còn yếu nhiều mặt nhưng quá trình rèn luyện thực tế đã quen dần với cách làm ăn tập thể, và ít nhiều đã có kinh nghiệm quản lý kinh tế, kỹ thuật. Đó là những biến đổi rất lớn lao và cơ bản đối với nông thôn miền núi Lào Cai, có ý nghĩa cách mạng rất sâu sắc trong sự phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới của tỉnh ta.

2. Về sản xuất: Tỉnh ta đã tập trung và tích cực giải quyết tốt vấn đề lương thực, đi đôi với việc đẩy mạnh và phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng, trong 10 năm qua, sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta đã có nhiều tiến bộ lớn. Nổi bật là việc đi đôi với bám chắc phương hướng thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, chúng ta đã sớm đề ra và làm tương đối tốt việc phân vùng sản xuất nông nghiệp, xác định rõ hướng cây trồng, con gia súc chủ yếu của từng vùng, đồng thời chỉ đạo thực hiện rút ra những kết luận về mặt kỹ thuật và kinh tế, thích hợp với đặc điểm tự nhiên và hoàn cảnh ở mỗi vùng. Do đó, bước đầu đã hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp, mang tính chất hàng hóa với quy mô ngày càng phát triển rộng lớn.

Nhìn chung về diện tích năng suất, sản lượng các loại cây trồng đều tăng lên với tốc độ tương đối mạnh. Tổng diện tích tăng gấp 2 lần, lúa chiêm tăng 3 lần. Diện tích lúa ruộng đạt 5 tấn/ha một năm ngày càng mở rộng. Cơ cấu cây trồng đã được điều chỉnh

đúng hướng. Cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng tuy ở mức độ phát triển khác nhau, nhưng đã từng bước đi dần vào thế cân đối.

Trong chăn nuôi, đã chú ý phát triển đàn cái sinh sản, do đó giải quyết từng bước nạn thiếu giống, tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển sau này. Đồng thời ta đã chủ trương xây dựng cơ sở chăn nuôi lợn tập thể và chăn nuôi quốc doanh. Các đàn trâu, bò, lợn của tập thể và quốc doanh đã hình thành và đang phát triển lên thành một ngành sản xuất lớn, nhất là chăn nuôi bò.

Việc đưa nghề rừng vào hợp tác xã, khoanh núi nuôi rừng ở vùng cao đã thí điểm thành công, tạo ra một điển hình tốt. Cuộc vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, chống phá rừng bừa bãi, chống thả rông gia súc đã và đang được phát động và thúc đẩy liên tục. Nói chung quần chúng các dân tộc đều hưởng ứng và thực hiện ở nhiều nơi đã có kết quả, mở ra nhiều triển vọng, dần dần làm thay đổi cả một chế độ canh tác rất lạc hậu là du canh làm rẫy, nay đây mai đó và thả rông gia súc từ ngàn đời nay của người nông dân các dân tộc tỉnh ta.

Những thắng lợi trên đây đã tạo ra cơ sở bước đầu để tiến lên phát triển sản xuất một cách mạnh mẽ và nhiều mặt trong thời gian tới tạo ra điều kiện và những nhân tố mới để chuyển dần từ trình độ sản xuất tự cấp, tự túc, bấp bênh, tự nhiên; du canh du cư lên trình độ sản xuất tập trung theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đó cũng đã góp phần cơ bản vào việc tăng cường sự nhất trí về chính trị và tư tưởng trong nhân dân các dân tộc. Mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân dân và Nhà nước ngày càng chặt chẽ, đoàn kết các dân tộc ngày càng thêm gắn bó, trật tự trị an biên giới và nội địa càng thêm bảo đảm.

Những tiến bộ trên đây, đã chứng minh rằng: Nhờ có đường lối của Trung ương cụ thể là đường lối, phương hướng phát triển nông nghiệp rất đúng đắn cộng với sự vận dụng của tỉnh ta được sinh động phù hợp. Sự chỉ đạo của các cấp, đóng góp của các ngành có nhiều cố gắng và ngày càng tiến bộ. Về phía quần chúng, thì nhân

dân các dân tộc tỉnh ta có nhiệt tình cách mạng cao, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có tinh thần khắc phục mọi khó khăn, cần cù lao động sản xuất và xây dựng hợp tác xã.

Tuy đã có những tiến bộ trên, nhưng nông nghiệp của tỉnh ta hiện nay còn nhiều mặt, nhiều nơi yếu kém, phát triển chưa vững mạnh trên nhiều mặt, còn nhiều khó khăn tồn tại.

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta nhìn chung chưa thật toàn diện và còn thiếu cân đối giữa các vùng, giữa các ngành sản xuất, nhất là vùng cao còn yếu về nhiều mặt.

1. Vấn đề lương thực tuy đã có nhiều cố gắng nhưng hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là vùng cao nhiều nơi làm vẫn chưa đủ ăn và vẫn còn bấp bênh, chưa thật chắc chắn. Tốc độ nhân khẩu tăng nhanh hơn tốc độ sản xuất lương thực, nên bình quân nhân khẩu về lương thực giảm xuống rõ rệt, nhất là về thóc. Mầu tăng nhanh, tỷ trọng mầu trong lương thực 32,7% tăng lên 41%, nhưng thu mua sử dụng chưa tốt. Diện tích canh tác bình quân từ 658 m² năm 1958 xuống 514 m² năm 1968. Diện tích cây công nghiệp tuy tốc độ phát triển nhanh, nhưng vẫn ở trình độ phân tán, lẻ tẻ. Những vùng sản xuất quy mô lớn còn ít, nên sản xuất hàng hóa không cao.

2. Chăn nuôi chưa cân đối với trồng trọt, tốc độ chăn nuôi phát triển chậm, nhất là chăn nuôi tập thể còn gặp nhiều khó khăn, sản phẩm chăn nuôi Nhà nước mua được còn ít. Công tác phòng, chống dịch bệnh và chống rét cho gia súc còn kém. Dịch bệnh vẫn xảy ra. Tệ thả rông gia súc phá hoại hoa màu còn phổ biến.

3. Nghề rừng tiến bộ chậm, trồng rừng rất yếu, tệ đốt phá rừng còn nặng, có nơi còn nghiêm trọng.

4. Kinh tế phụ gia đình xã viên còn chiếm rất lớn so với kinh tế tập thể, thậm chí còn có chiều hướng lấn át kinh tế tập thể. Nguồn thu từ kinh tế tập thể của xã viên ngày càng giảm xuống, ngược lại nguồn thu từ kinh tế phụ gia đình ngày càng tăng lên, ảnh hưởng không tốt đến việc củng cố và hoàn thiện sản xuất mới, nhất là đối

với hợp tác xã vùng giữa và vùng cao, các ngành nghề trong hợp tác xã chưa được phát triển mạnh.

5. Năng suất cây trồng nói chung còn thấp, chưa đều, chưa chắc, thậm chí có cây năng suất còn tụt xuống như lúa mùa, ngô, thảo quả, hạt rau giống, phong trào thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng chưa đều khắp, chủ yếu mới chú ý đến cây lúa nước và cây mía ở vùng thấp.

Đất đai nông nghiệp ở vùng giữa và vùng cao bị xói mòn và thoái hóa ngày càng nghiêm trọng. Phân bón còn rất ít, diện tích cấy chay còn rộng, hiện tượng nước chảy tràn bờ còn khá phổ biến. Diện tích bị hạn, chờ nước trời còn nhiều. Chế độ nước đối với hoa màu và cây công nghiệp nói chung hoàn toàn chờ trời, dựa vào tự nhiên. Cây phân xanh chưa được chú ý phát triển. Những biện pháp giữ nước, giữ màu như ruộng bậc thang, trồng cây theo đường đồng nước, bằng rừng phòng hộ... chưa được chú trọng.

6. Cơ sở vật chất, kỹ thuật trong nông nghiệp tuy đã có, nhưng nói chung còn rất yếu, ở vùng giữa và vùng cao, hầu như chưa có gì đáng kể. Đất đai canh tác ổn định còn quá ít, diện tích không ổn định, bấp bênh thì lại rất nhiều. Bình quân nhân khẩu về diện tích ruộng ở vùng cao mới có 1,6 sào. Các cơ sở để phục vụ cho chăn nuôi còn nghèo nàn.

Năng suất lao động còn quá thấp, một số hợp tác xã có tăng, nhưng rất chậm, còn phần lớn là không tăng, thậm chí năng suất một số nơi tụt đi.

7. Trình độ quản lý kinh tế nông nghiệp nói chung còn rất yếu kém và lúng túng về nhiều mặt, cả quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý tài vụ, phân phối hằng năm, hằng vụ không kịp thời. Chi tiêu không đúng nguyên tắc: vay mượn nhập nhằng tiền, thóc tập thể còn phổ biến. Nhiều hợp tác xã ở vùng cao và giữa, nội dung quản lý còn quá đơn giản, chưa phát huy được khả năng sẵn có của quần chúng, thậm chí nhiều hợp tác xã còn vi phạm quyền làm chủ của xã viên một cách nghiêm trọng, khiến cho xã viên

thiếu tin tưởng vào hợp tác xã, hạn chế nhiều đến tinh thần lao động, sản xuất và tập trung sức vào việc xây dựng kinh tế tập thể, lo đi làm riêng lẻ của gia đình. Quản lý đất đai và các tư liệu sản xuất khác của hợp tác xã chưa được chặt chẽ, sử dụng còn nhiều lãng phí.

8. Tập quán sản xuất lạc hậu, du canh du cư hiện nay còn rất phổ biến, nặng nề. Diện phải vận động còn rất rộng 115/124 xã (trong đó 83 xã vận động toàn xã, 32 xã vận động thôn bản, chín xã vận động thường xuyên).

Nhìn chung nông nghiệp tỉnh ta hiện nay còn tồn tại nhiều mặt, nhưng tụ lại mấy vấn đề chủ yếu là: Nhiều nơi làm chưa đủ ăn, lương thực và diện tích canh tác bình quân theo đầu người giảm xuống so với trước, do sản xuất lương thực không theo kịp mức tăng nhân khẩu. Sản xuất dựa trên cơ sở đất đai chưa ổn định, bấp bênh, năng suất thấp. Tệ du canh du cư, sản xuất theo cách phá rừng bừa bãi còn nặng và rộng. Cơ sở sản xuất ổn định gắn bó với đồng bào, đảm bảo để đồng bào còn du canh du cư đi vào thực hiện ba định (ổn định sản xuất, đời sống, tư tưởng) và thanh toán hai du ở những nơi đó chưa có hoặc đã có, nhưng còn rất ít. Tóm lại, trình độ sản xuất nông nghiệp hiện nay về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi tình trạng du canh du cư, sản xuất vẫn còn mang nặng tính chất tự cấp, tự túc, tự nhiên, dựa trên lao động thủ công, quy mô nhỏ, phân tán với năng suất thấp, khối lượng nông sản hàng hóa còn quá ít ỏi, chưa cân xứng với khả năng to lớn, phong phú của một tỉnh miền núi như tỉnh ta.

Có những khuyết điểm, tồn tại trên là do nhiều nguyên nhân:

1. Về khách quan: Do đặc điểm của tỉnh ta đại bộ phận là vùng cao và giữa, nhiều dân tộc ở quá phân tán. Ruộng đất ổn định ít, đồi nương có độ dốc cao, sản xuất không ổn định chiếm tới gần 2/3 diện tích canh tác toàn tỉnh. Do đó, sản xuất gặp rất nhiều khó khăn, khả năng khắc phục lại có hạn. Từ một chế độ canh tác du canh du cư, lạc hậu, phân tán dựa vào tự nhiên, tiến thẳng lên

cách làm ăn theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Có hàng loạt vấn đề đặt ra, do đó không thể với một thời gian ngắn mà đã giải quyết được. Mấy năm qua, hạn hán, mưa lũ, dịch bệnh lại xảy ra liên tiếp. Một phần nữa là cũng do ảnh hưởng của chiến tranh phá hoại, lao động trẻ, khỏe của nông nghiệp cũng phải rút đi một số để phục vụ tiền tuyến.

2. Những nguyên nhân do khuyết điểm chủ quan vẫn là chính: Về lãnh đạo, chỉ đạo nhìn chung các cấp, các ngành từ cấp ủy tỉnh đến cơ sở chưa thấy đầy đủ nhiệm vụ và vai trò quan trọng của nông nghiệp, là cơ sở cho công nghiệp phát triển và đối với việc xây dựng kinh tế nói chung, kinh tế địa phương nói riêng; chưa thấy hết tính chất phức tạp của những đặc điểm tự nhiên của sản xuất nông nghiệp tỉnh ta, cũng như những yêu cầu phải giải quyết thiết thực cụ thể là: chưa thấy hết vấn đề và chưa nắm thật vững đặc điểm lớn nhất của của nông nghiệp tỉnh ta là 3/4 là vùng cao, lại từ một phương thức sản xuất quá lạc hậu, du canh du cư, tự cấp, tự túc, tự nhiên, phân tán, tiến lên một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có sản phẩm hàng hóa ngày càng cao. Do đó trong việc vận dụng thực hiện đường lối, chính sách của Trung ương vào địa phương, chúng ta còn một số thiếu sót lớn. Những thiếu sót đó là:

a) *Việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng*, lấy cách mạng kỹ thuật làm then chốt ở nông thôn chưa sâu sắc, đầy đủ, còn phiến diện; chưa thấy rõ vị trí của các cuộc cách mạng ở mỗi vùng, mỗi lúc và mối quan hệ hữu cơ giữa ba cuộc cách mạng với nhau. Nhìn toàn cuộc và cả một thời gian dài thì ta có thực hiện được đồng thời ba cuộc cách mạng, nhưng đi vào cụ thể thì chưa được thường xuyên đồng thời ở tất cả mỗi lúc, mỗi nơi, chưa biến thành những tiềm thức của mỗi cán bộ, đảng viên. Nhiều lúc, nhiều nơi nặng mặt này, nhẹ mặt kia, hoặc từng ngành thực hiện từng khâu còn tách rời nhau.

Tỉnh ta đã kiên trì thực hiện đường lối hợp tác hóa của Đảng, đã chủ trương và kiên trì xây dựng ba loại hợp tác xã, lấy hợp tác

xã nông nghiệp làm trung tâm, với nội dung, hình thức quản lý, kinh doanh từ thấp lên cao, qua những bước bắc cầu ở tất cả các vùng, lấy giáo dục thuyết phục để tổ chức nông dân lại, thực hiện hợp tác lao động, dùng sức lao động tập thể để tiến hành xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp, qua thực tiễn và với những kết quả đã đạt được, chứng minh chủ trương đó là đúng đắn, phù hợp và đã có nhiều nơi thực hiện tốt. Nhưng ta có thiếu sót là: sau khi tổ chức nông dân lại, chưa xuất phát đầy đủ từ thực tế. Tỉnh ta 3/4 là vùng cao, ruộng ít, nương nhiều, nhiều nơi từ du canh du cư tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, để đề ra phương hướng, biện pháp cụ thể về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cơ sở sản xuất ổn định cho phù hợp với các đặc điểm từng nơi. Đáng lẽ sau khi tổ chức hợp tác xã, sức lao động lại, thì cần tập trung sức đi ngay và đi mạnh vào việc xây dựng cơ sở sản xuất ổn định gắn chặt hợp tác hóa với định canh định cư.

Do đó, đến nay chúng ta chỉ mới có một số cơ sở và biện pháp kỹ thuật cho cây lúa ở vùng thấp, cây đậu tương, su hào giống, v.v.. Ở vùng cao, còn các cây trồng ở trên nương thì chưa có gì đáng kể. Nhận thức thế nào là cơ sở sản xuất ổn định ở vùng cao và vấn đề du canh của chúng ta cũng còn quá giản đơn. Một thời gian dài, ta cho nương cây ở vùng cao đã là cơ sở sản xuất ổn định, nên nhiều nơi ta đã vận động phát triển sản xuất trên đất đai chưa ổn định kéo dài, cho là diện tích du canh du cư còn ít. Vấn đề phá rừng làm nương du canh một cách không tự giác trong nông thôn cũng để một thời gian dài, không có biện pháp giải quyết thật tốt. Tuy chúng ta có đề ra và phát động phong trào làm nương bậc thang (1963 - 1964) nhưng không có sự chỉ đạo cụ thể và thiếu liên tục.

Về tiếp nhận lao động dưới xuôi lên, là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa tỉnh ta.

Nhưng kế hoạch bố trí, sắp xếp lao động của ta chưa thật tốt. Việc bố trí đồng bào xen ghép vào các hợp tác xã địa phương, thì

thiếu sự phân công lại lao động, thiếu mở rộng kinh doanh và tổ chức, thâm canh ruộng đất sẵn có. Các hợp tác xã độc lập thì không xác định phương hướng sản xuất và chỉ đạo sản xuất cho rõ ràng, không biết dùng sức lao động mới để phát huy ưu thế nông nghiệp miền núi nên phát huy tác dụng kém.

Sau khi tổ chức nông dân lại, một vấn đề nữa là phải củng cố nâng cao, hoàn thiện dần nội dung hợp tác xã, trong đó những vấn đề cơ bản nhất là: Sở hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý, phương thức phân phối và bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ, xã viên. Những vấn đề cơ bản này ta đã làm và có kết quả, nhưng kết quả đạt được chưa đáp ứng với yêu cầu. Ta có thiếu sót là: có thời gian dài, việc chỉ đạo công tác quản lý và phân phối của hợp tác xã ở tỉnh không được rõ ràng, hầu như không có cơ quan chuyên môn nào chuyên trách. Chỉ đạo trực tiếp thì còn chung chung ở các huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện. Chưa đi sâu vào nghiệp vụ quản lý và chỉ đạo sản xuất của hợp tác xã, vẫn chỉ nặng về đôn đốc, hiệu triệu chung, như đối với kinh tế cá thể trước đây.

Tình hình trên, hiện nay đang được uốn nắn, nhưng sự chuyển biến chưa được mạnh mẽ và rõ ràng. Đi đôi với xây dựng, củng cố hợp tác xã, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, đưa kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tỉnh ta đã chủ trương đẩy mạnh công tác văn hóa, giáo dục, y tế, tập trung vào việc thanh toán nạn mù chữ, vận động cải biến những phong tục tập quán trở ngại sản xuất. Chủ trương ấy đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh nông thôn tỉnh ta. Những kết quả đã đạt được có tác dụng tạo điều kiện thúc đẩy việc hoàn thành quan hệ sản xuất, và đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Nhưng có nhược điểm là: phong trào không được thường xuyên liên tục. Mấy năm gần đây có chiều hướng dừng lại và giảm sút: nhân dân mù chữ trở lại, diện chưa biết chữ ngày càng rộng, vẫn còn đảng viên, cán bộ hợp tác xã chưa biết chữ, nghiện hút thuốc phiện và bệnh tật ở một số nơi trước đã thanh

toán, nay trở lại. Các tập quán phong tục trở ngại cho sản xuất như ma chay, cưới xin lãng phí, v.v. trước đây đã giảm đi, nay đang có xu hướng trở lại ở các vùng.

Về giáo dục đấu tranh giữa hai con đường: Tuy vẫn thường xuyên giáo dục gắn với thời sự, chính sách từng thời gian, nhưng chưa làm cho mọi cán bộ, đảng viên nhận thức thật sâu sắc về nội dung đấu tranh giữa hai con đường ở nông thôn, chủ yếu là: đấu tranh đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, là nắm vững chuyên chính vô sản, phát động mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng kỹ thuật là then chốt. Đó là nội dung cơ bản của đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Cuộc đấu tranh đó diễn ra phức tạp, lâu dài, hằng ngày, hằng giờ trong công tác quản lý, phân phối và sản xuất... Không thể giải quyết một lần, một lúc là xong, mà phải làm đi làm lại nhiều lần một cách liên tục. Do nhận thức thiếu sâu sắc, đầy đủ như vậy, nên trong chỉ đạo thường có lúc nặng mặt này, nhẹ mặt kia, còn thể hiện hữu khuynh trên nhiều mặt, trong công tác quản lý, nhất là trong quản lý lao động, phân phối, thực hiện chính sách đất đai, trong việc củng cố, xây dựng hợp tác xã những nơi có khó khăn... Mặt khác, việc thực hiện các chính sách, nhất là các chính sách có tính chất đòn bẩy về kinh tế, chưa gắn chặt đi liền với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với đời sống thiết thực của quần chúng, để tạo thành nhu cầu và dẫn dắt quần chúng đi lên từng bước. Nói cách khác là biện pháp tư tưởng chưa đi đôi với biện pháp kinh tế.

b) Về phương hướng sản xuất: Tỉnh ta đã sớm tiến hành việc quy hoạch vùng sản xuất, xác định được phương hướng sản xuất cho từng vùng. Những phương hướng đã được xác định, đến nay nói chung là đúng đắn và phù hợp. Nhưng còn thiếu sót là: trong khi chỉ đạo các phương hướng đó, ta chưa vạch ra được bước đi cụ

thể, rõ ràng, nhất là bước đi ban đầu từng thời gian cụ thể và tập trung sức vào làm những gì? Cây con gì? Xây dựng những cơ sở vật chất cụ thể gì? Thiết thực cho từng vùng, từng loại hợp tác xã từ thấp lên cao, để phát huy thế mạnh từng vùng. Các vùng sản xuất vừa qua ở chừng mực xác định được phương hướng cây trồng, chưa đi vào tổ chức xây dựng quy mô sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết, chưa chỉ đạo từng vùng sản xuất tập trung đi vào thâm canh, chuyên canh sản xuất quy mô lớn để tạo nên tổng sản lượng và sản phẩm hàng hóa lớn. Về chỉ đạo ba thành phần kinh tế phát triển cũng chưa cân đối: kinh tế quốc doanh chưa được chú trọng đúng mức, kinh tế phụ gia đình xã viên còn lỏng lẻo và buông lỏng chỉ đạo, bộ phận kinh tế cá thể còn lại, thì tự do phát triển không đúng mức, đúng hướng.

c) *Về tổ chức*, chỉ đạo nông nghiệp: Tổ chức đảng và chính quyền ở cơ sở và cán bộ địa phương là cơ quan, là người trực tiếp chỉ đạo phong trào sản xuất, hợp tác xã ở cơ sở, nhưng hiện nay nhìn chung còn yếu chưa đảm đương được nhiệm vụ, khả năng còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ. Hiện nay, cấp xã còn lúng túng nhiều mặt, chưa đủ sức tiếp thu và tổ chức, thực hiện đầy đủ những chỉ thị, nghị quyết và các chính sách cụ thể của trên đưa xuống. Công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ sản xuất và thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Ở tỉnh, ở huyện tuy nhiều bộ máy, nhưng thiếu tập trung, còn phân tán, nhiều đầu mối, cách bức, không sâu sát, chưa chuyên sâu nghiệp vụ, biên chế có xu hướng ngày càng phình to, nhưng hiệu lực lại kém. Sự phối hợp, kết hợp, hiệp đồng công tác của các ngành phục vụ nông nghiệp chưa thật chặt chẽ, cụ thể, thống nhất, tập trung. Chức năng của Nhà nước, vai trò các đoàn thể quần chúng đối với sản xuất nông nghiệp chưa được phát huy đầy đủ. Tác phong chỉ đạo cán bộ các cấp còn chung chung, chưa sâu sát, cụ thể, chưa đi sâu vào nghiệp vụ quản lý kinh tế, còn nặng về

hiệu triệu chung, quan liêu, gò bó quần chúng, chưa chú trọng phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng. Chưa tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng, dân chủ thực sự với quần chúng.

d) Công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ phục vụ nông nghiệp thời gian qua chưa được chú trọng đúng mức và làm còn rất yếu.

Hơn mười năm tỉnh ta vẫn chưa hình thành một trường đào tạo cán bộ nông nghiệp nào có nền nếp: Việc quản lý, sử dụng cán bộ sẵn có cũng không tốt, không chặt chẽ, không đưa cán bộ đi vào chuyên môn hóa, có tình trạng xáo trộn triền miên, điều động tùy tiện, bố trí tùy tiện, nhất là ở cả huyện và xã. Vai trò, vị trí cán bộ quản lý kinh tế và kỹ thuật nông nghiệp chưa được xem trọng, tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ nông nghiệp trong bước đi ban đầu hiện nay.

Trường quản lý hợp tác xã, trường đào tạo kế toán giải tán, cán bộ quản lý được đào tạo từ hợp tác xã đến huyện điều sang làm công tác khác, Ban Nông nghiệp các cấp và các ngành chuyên môn có liên quan khác chưa làm tròn trách nhiệm là cơ quan chuyên môn giúp cấp ủy trong việc giúp đỡ, nâng cao trình độ quản lý của hợp tác xã. Các trường bổ túc văn hóa công nông, thanh niên dân tộc của huyện, của tỉnh, hằng năm những học sinh tốt nghiệp ra trường chưa chú trọng đưa vào để đào tạo cán bộ quản lý và kế toán cho hợp tác xã, mà hầu hết phân đi các ngành khác. Các Ban Tổ chức là cơ quan có trách nhiệm quản lý, phân phối người, cũng không có kế hoạch đào tạo, phân bổ hằng năm rõ ràng: Việc đào tạo cán bộ cho hợp tác xã chưa thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hằng năm.

đ) Nhiều chính sách của Đảng và Chính phủ nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp chưa được chấp hành nghiêm chỉnh và có mặt còn thiếu vận dụng cụ thể với địa phương, thiếu kiểm tra việc chấp hành một cách chặt chẽ, thường xuyên. Các chính sách thu mua, giá cả và một số vấn đề khác do yêu cầu phát sinh, cần phải có chính sách rõ ràng, cũng chưa mạnh dạn nghiên cứu, đề nghị với Trung ương và Chính phủ ban hành.

Tóm lại, việc vận dụng thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng chưa được thường xuyên, liên tục ở mọi lúc, mọi nơi. Chúng ta chưa phát huy cao độ sự lãnh đạo của Đảng, nhất là sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ cơ sở, vai trò tổ chức và quản lý của Nhà nước và tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng lao động. Chúng ta cũng chưa vạch rõ được những bước đi cụ thể, sát hợp với từng vùng, từng loại hợp tác xã, từng thời gian, nhất là những bước đi ban đầu. Nhiều vấn đề đã có chủ trương đúng đắn, nhưng chưa được thực hiện, tích cực, kiên trì đến nơi, đến chốn. Những điển hình tốt nhân ra chưa mạnh. Bộ máy chỉ đạo nông nghiệp còn phân tán thiếu hiệu lực. Tác phong chỉ đạo còn chung chung, chưa đi sâu vào nghiệp vụ quản lý kinh tế, chưa coi trọng những hiệu quả kinh tế, nhiều chính sách của Đảng và Chính phủ nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, chưa được các cấp, các ngành chấp hành nghiêm chỉnh. Kiểm tra việc chấp hành các chính sách chưa được chặt chẽ.

VIII. MỘT SỐ KẾT LUẬN RÚT RA TỪ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP HƠN 10 NĂM QUA

Được các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng trước đây và Nghị quyết số 19 của Trung ương lần này soi sáng, suy nghĩ lại thực tiễn trong quá trình phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh ta trên 10 năm qua, chúng ta rút ra và hệ thống lại một số vấn đề mà trước đây nhiều báo cáo, nghị quyết của Tỉnh ủy đã nêu, nhằm làm những bài học kinh nghiệm và làm phương hướng cho việc chỉ đạo phát triển nông - lâm nghiệp của tỉnh ta những năm tới. Những vấn đề đó là:

1. Đặc điểm và khó khăn lớn nhất của tỉnh ta là từ một nền sản xuất nhỏ, mang nặng tính chất tự cấp, tự túc, tự nhiên, tự sản, tự tiêu, với phương thức sản xuất lạc hậu: Du canh du cư, thả rông gia súc. Tiến lên một nền sản xuất lớn xã hội

chủ nghĩa, đối tượng phải vận động định canh định cư của ta đến nay còn rất rộng. Kinh nghiệm vừa qua cũng đã cho thấy: nếu không tập trung giải quyết tốt được tệ du canh du cư, thì không thể nào phát huy được tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, thực hiện được cách mạng kỹ thuật, đưa sản xuất đi vào thế ổn định vững chắc được. Nhưng giải quyết vấn đề này không phải giản đơn mà là một cuộc vận động cách mạng rất sâu sắc. Phải đi sâu phân tích tìm nguyên nhân sâu xa của nó, để từ đó đề ra cách giải quyết thì mới thích hợp. Nguồn gốc sâu xa của du canh, mà nguồn gốc của du canh là do phương thức tập quán sản xuất quảng canh, đơn giản, ngại khó. Dựa vào tự nhiên của chế độ canh tác lạc hậu cũ. Đây là nguyên nhân chung, nhưng đi sâu vào từng dân tộc thì vấn đề du cư cũng có những nguyên nhân khác nhau.

Dân tộc Mèo: Đã có tập quán định cư, vấn đề du cư không thành hệ tư tưởng, có nhiều làng Mèo cư trú hàng trăm năm nay, chưa thấy có nơi nào cả làng Mèo bỏ đi mà chỉ có di chuyển từng hộ cá biệt. Trình độ canh tác của đồng bào Mèo đã tương đối khá, như đã làm ruộng bậc thang. Mấy năm gần đây, có tình trạng di chuyển nhiều, chủ yếu là do gặp khó khăn, thiên tai hạn hán, đất đai bị xói mòn, sản xuất không ổn định, ruộng nương năng suất thấp, không đủ đảm bảo đời sống.

Đồng bào Dao: Nhất là Dao tuyến và Dao họ thì du canh du cư, không phải chỉ do không có cơ sở sản xuất ổn định, đời sống không đảm bảo mà còn do tập quán tư tưởng, vấn đề du canh du cư đã thành hệ tư tưởng, thành truyền thuyết thể hiện trong sử sách. Trong ba hệ Dao ở Lào Cai thì Dao tuyến, Dao họ, tập quán tư tưởng du canh du cư còn nặng hơn Dao Đỏ.

Đồng bào Mèo du canh du cư do nguyên nhân chủ yếu là đời sống kinh tế. Đồng bào Dao vừa do kinh tế, đời sống, vừa do tập quán tư tưởng.

Từ phân tích nguyên nhân trên, ta thấy muốn giải quyết vấn đề du cư phải giải quyết vấn đề du canh. Giải quyết vấn đề du

canh thì phải tìm mọi biện pháp, hình thức để xóa bỏ tệ quảng canh, đi vào thâm canh cây trồng và con gia súc. Muốn thực hiện được thâm canh thì: phải xây dựng cơ sở sản xuất ổn định, trước hết là cơ sở sản xuất lương thực, để mau chóng ổn định đời sống trước mắt. Riêng đối với đồng bào Mèo, ngoài việc xây dựng cơ sở sản xuất ổn định để đảm bảo đời sống ra còn phải chú ý giải quyết vấn đề tư tưởng, phong tục tập quán mê tín, v.v.. Nếu không, đôi khi có ruộng vẫn bỏ đi.

Cơ sở sản xuất ổn định ở vùng cao và giữa phải là ruộng nương bậc thang, đồng cỏ và đàn đại gia súc lớn, đồi cây dài ngày, bao gồm cây lấy gỗ, lấy củi, lấy dầu, cây có bột, cây ăn quả và những khu rừng khoanh nuôi bảo vệ. Còn nương cày như hiện nay chưa thể coi là cơ sở sản xuất ổn định vững chắc, vì đó cũng chỉ là hình thức du canh với chu kỳ dài hơn, so với nương phát mà thôi. Đi đôi với xây dựng cơ sở sản xuất mới phải đặc biệt đi vào thâm canh tăng vụ, cải tạo đất đối với những ruộng nương và đồi cỏ sẵn có làm cho đất đai ngày càng màu mỡ. Phải triệt để chống tệ quảng canh, nếu không, đất đai ngày càng bạc màu cũng phải bỏ đi. Tóm lại, là vừa thâm canh tăng vụ cải tạo ruộng nương sẵn có, vừa xây dựng cơ sở sản xuất ổn định mới để định canh.

2. Tỉnh ta cũng như các tỉnh miền núi khác, có ưu thế về phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng, nhưng đặc biệt đối với tỉnh ta là 3/4 đất đai thuộc vùng cao, có khí hậu á nhiệt đới có thể trồng những cây đặc sản có giá trị kinh tế cao, mà nơi khác khó có thể có được. Ngoài khó khăn về tập quán sản xuất lạc hậu (du canh, du cư) còn có khó khăn nữa là địa hình phức tạp, độ dốc lớn là một tỉnh vốn thiếu lương thực, nếu vấn đề lương thực không được giải quyết vững chắc đến chừng mực nào đó, thì không thể nào phát huy những ưu thế về cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng được. Do đó cũng không thể làm cho nhân dân yên tâm phấn khởi để đi vào phát huy thế mạnh của mình. Thực tiễn vừa qua, nhiều nơi có chè nhưng cũng bỏ chè, có rừng cũng bỏ rừng,

biết trồng đậu tương tốt nhưng không thiết tha. Có nơi được Nhà nước cung cấp gạo, nhưng vẫn bỏ đi phá rừng làm lương thực. Cho nên muốn phát huy ưu thế nông nghiệp của tỉnh ta, cách tốt nhất là phải: trên cơ sở tự túc lương thực bằng thâm canh, tăng vụ, luân canh cây trồng hợp lý, khai hoang nơi có điều kiện, sản xuất, chế biến màu, phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng theo hướng thâm canh, chuyên canh, định canh. Có lương thực thì có chăn nuôi và có tất cả. Giải quyết mối quan hệ giữa lương thực là trọng tâm, với phát huy ưu thế của tỉnh ta như trên là thích hợp nhất.

Dựa vào phương hướng đó, cần xác định cơ cấu cây trồng thích hợp với điều kiện trình độ canh tác từng nơi. Đối với cây hằng năm thì phải đạt yêu cầu: Ngắn ngày, tăng được nhiều vụ, rải vụ, sử dụng lao động quanh năm. Lợi dụng ưu thế khí hậu, diện tích hẹp nhưng đem lại giá trị cao, có khả năng thâm canh tăng năng suất. Đối với cây lâu năm: Phải chọn cây sao cho kết hợp giữa cây công nghiệp và nghề rừng, vừa là cây công nghiệp vừa là lương thực, thực phẩm, lại sẵn giống, dễ trồng, mau ăn, phù hợp với yêu cầu chung, phát triển được rộng rãi có trong nhân dân hợp tác xã và quốc doanh.

3. Muốn giải quyết được vấn đề du canh du cư và vấn đề lương thực, không cách nào khác là phải kiên trì đường lối hợp tác hóa của Đảng, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng. Qua thực tiễn đối với điều kiện tỉnh ta, cần vận dụng thực hiện phương hướng và nội dung: Một kết hợp và năm hóa.

- Một kết hợp là: Định canh định cư kết hợp hợp tác hóa, đưa nông dân vào làm ăn tập thể, đưa phong trào hợp tác xã tuần tự từ thấp lên cao, từ quản lý kinh doanh đơn giản, đến quản lý kinh doanh nhiều mặt kinh qua những bước bắc cầu là chủ yếu, đồng thời những nơi có điều kiện, có thể đưa nông dân vào thẳng các nông - lâm trường làm công nhân, dựa vào sự đầu tư của Nhà nước để ổn định sản xuất và đời sống.

- Năm hóa là thủy lợi hóa, thủy lợi kết hợp với thủy điện, thủy lợi gắn chặt với ruộng nương bậc thang và trồng rừng đầu nguồn đảm bảo nước cho sản xuất, cho người và cho chăn nuôi gia súc. Kết hợp vừa và loại nhỏ, nhân dân và Nhà nước cùng làm, hoặc nhân dân, hợp tác xã tự làm, Nhà nước tích cực giúp đỡ; phát động phong trào quần chúng làm thủy lợi liên tục từ thấp lên cao, làm đến đâu sử dụng và khai thác công trình đến đó.

+ Ruộng nương bậc thang hóa: Xây dựng ruộng đất thành bậc thang để cơ sở sản xuất ổn định, giữ màu, giữ nước, chống xói lở bạc màu.

+ Rừng xanh hóa: Đẩy mạnh công tác trồng, tu bổ, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, kết hợp trồng rừng với làm thủy lợi, làm ruộng nương bậc thang với trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản và cây thuốc, cây đầu nguồn, cây bờ suối, cây đỉnh đồi, cây ven đường, cây quanh nhà, v.v..

+ Giao thông hóa: Đẩy mạnh phong trào làm giao thông nông thôn từ làng ra đồng, ra đường cái lớn và đi đến các khu trung tâm kinh tế, chính trị.

+ Văn hóa hóa: Phát triển mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, đẩy mạnh phong trào học tập văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Cải biến phong tục tập quán lạc hậu có trở ngại đến sản xuất, phát huy những phong tục tập quán tốt của từng dân tộc, thực hiện tiêu chuẩn hóa kỹ thuật đối với cây trồng và con gia súc, đưa mạnh khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục chống năm tệ: (cấy chay, nước chảy tràn bờ, thả rông, bỏ cỏ, chặt phá rừng bừa bãi).

Các vấn đề trên có liên quan chặt chẽ với nhau, phải đồng thời thực hiện thường xuyên liên tục ở cả mọi lúc, mọi nơi.

4. Quá trình đưa nền nông - lâm nghiệp lạc hậu, tiến lên nền nông - lâm nghiệp nhiều mặt, quy mô, lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện “Một kết hợp năm hóa” của tỉnh ta là: Song song

giữa kết hợp giữa cái mới với cái cũ, kinh nghiệm lâu đời của nhân dân với kỹ thuật tiên tiến; giữa thủ công và cơ khí; giữa quy mô vừa và lớn, giữa lực lượng phân tán và tập trung, nhân dân và Nhà nước cùng làm, giữa trước mắt và lâu dài (như lương thực để ăn trước mắt, với phát huy những cây con có ưu thế để làm giàu, v.v.).

Bước đi cụ thể là: Cái gì mà nhân dân sẵn có truyền thống phù hợp với yêu cầu chung cả nước, dễ làm, mau có hiệu quả, thì phát động quần chúng thực hiện rộng rãi ngay, nhưng đối với cái mới, vấn đề mới, lãnh đạo chưa có kinh nghiệm, nhân dân chưa có tập quán thì phải đi theo tuần tự; từ thí điểm ra toàn diện, từ nhỏ đến lớn, bắt đầu từ trạm trại kỹ thuật và nông trường trước, với điều kiện, đặc điểm tỉnh ta, qua thực tiễn đã chỉ rõ bước đi và cách đi của sự nghiệp phát triển nền nông - lâm nghiệp như trên là sát hợp nhất. Chúng ta phải kết hợp thực hiện một cách song song giữa cái mới với cái cũ, thúc đẩy lẫn nhau. Nếu chúng ta quá thiên vào đặc điểm, khó khăn thì dễ phạm bảo thủ, không tạo được những bước nhảy vọt trong sản xuất nông nghiệp; ngược lại chỉ chú trọng cái mới, không biết phát huy cái cũ, trong khi cái mới, chưa thành công thì cũng làm sản xuất không phát triển, sản phẩm xã hội tụt đi.

5. Phải liên tục tổ chức phát động quần chúng kiên trì xây dựng điển hình, bám điển hình, tổ chức tham quan học tập tại chỗ, nhân điểm ra diện, chuẩn bị tốt kỹ thuật và cơ sở sản xuất, nhân và giữ giống cây trồng, con gia súc trước một bước. Xây dựng nòng cốt phong trào. Đó là những phương pháp để từng bước phát động quần chúng nông dân đi lên tốt nhất trong những năm qua. Mỗi lần ta tiến hành một cuộc vận động là một lần tạo nên một biến đổi lớn ở nông thôn: cải cách dân chủ, đã chuyển nông dân từ cá thể sang làm ăn tập thể, xóa bỏ bóc lột tận gốc. Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, đã xây dựng được cơ sở vật chất, kỹ thuật đưa khoa học - kỹ thuật thâm nhập vào quần

chúng, mở đầu và tạo cơ sở cho vùng lúa đạt 5 tấn như hiện nay. Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, phát huy dân chủ, định canh định cư đang tạo nên những chuyển biến mới trong lao động, sản xuất, v.v.. Thực tiễn cũng có chứng minh từ một Hợp tác xã Tiên Phong đạt 5 tấn, nay đã có trên 40 hợp tác xã 5 tấn, từ một Nậm Trì giỏi thủy lợi, nay có hàng mấy chục Nậm Trì mới, có cơ sở cá giống Cốc San mới phát triển được phong trào nuôi cá; có trại lúa Cam Đường mới có giống lúa năng suất cao; có trại lợn Bát Xát giống thuần chủng Mường Khương và đẩy mạnh phong trào nuôi lợn nái mấy năm gần đây, nay mới có đủ điều kiện phát triển ngay phong trào nuôi lợn lai kinh tế, v.v..

6. Phát huy và tăng cường tinh thần đoàn kết trên cơ sở mới: Tỉnh ta là một tỉnh có nhiều dân tộc sống xen kẽ lâu đời. Đặc biệt những năm đã qua và từ nay về sau, theo chủ trương của Đảng, đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế - văn hóa miền núi ngày càng nhiều. Nên việc thường xuyên giáo dục, hun đúc, phát huy truyền thống và tinh thần đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, đoàn kết ngược - xuôi cùng nhau xây dựng hợp tác xã, phát triển sản xuất nâng cao đời sống, xây dựng nông thôn mới giàu đẹp. Cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng nhau chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước... là những vấn đề rất quan trọng, có tính nguyên tắc tất yếu khách quan không thể thiếu được. Bài học thắng lợi trong thời gian qua của tỉnh ta cũng đã chứng minh rằng: Nhờ chúng ta biết giáo dục phát huy tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh của nhân dân, nên nhiều vấn đề tưởng chừng như rất khó khăn, nhưng nhờ có dân lo liệu nên cũng trở thành dễ dàng, như các vấn đề hợp tác xã địa phương nhường ruộng cấy, trâu cày, công cụ cho đồng bào xuôi lên, dân tộc này nhường ruộng cho dân tộc khác; nơi có ruộng làm ra lương thực hỗ trợ cho nơi không có ruộng để đi vào định canh định cư; các vấn đề chênh lệch địa tô giữa các hợp tác xã, giữa các đội khi hợp nhất hợp tác xã, v.v.. Mặt khác,

trong sản xuất, phân phối, đời sống hằng ngày của xã viên, của hợp tác xã mặc dù Nhà nước có chăm lo đến đâu, công tác quản lý có giỏi đến đâu cũng không thể giải quyết hết mọi chi tiết, không thể công bằng tuyệt đối được, nên chỉ có giáo dục phát huy tinh thần đoàn kết tương trợ giữa các xã viên các dân tộc trong từng hợp tác xã, để họ tự chăm lo, giúp đỡ nhau giải quyết thì mới đầy đủ được.

7. Về vùng sản xuất toàn tỉnh ta là một đơn vị kinh tế. Địa phương nằm trong một vùng kinh tế miền núi của miền Bắc. Tỉnh ta cũng đã xác định phân vùng sản xuất, chia toàn tỉnh ra làm ba vùng lớn, trong đó gồm 16 vùng nhỏ. Nhưng để khỏi hạn chế việc bố trí sản xuất theo quy mô lớn và qua thực tiễn của sản xuất, ta thấy chỉ nên quy định chính thức ba vùng lớn là: vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây ôn đới, cây thuốc bao gồm các xã vùng cao miền Đông thuộc ba huyện: Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai. Vùng lương thực thực phẩm gồm các xã thuộc vùng thấp. Vùng cây đặc sản thuộc các xã vùng cao miền Tây Sa Pa, Bát Xát. Còn các miền vùng nhỏ chỉ là việc bố trí cây trồng cụ thể sản xuất với quy mô lớn dựa theo phương hướng sản xuất của vùng lớn, không nhất thiết phải có địa giới, nối liền (...) cây chủ yếu thì vẫn có thể bố trí sản xuất ở hai, ba nơi, với quy mô lớn tập trung trong một vùng lớn.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

I. YÊU CẦU, NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG CÔNG TÁC CHỦ YẾU CỦA NÔNG - LÂM NGHIỆP

Hơn 10 năm qua, vận dụng thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp của Trung ương Đảng, kiểm điểm lại thì thấy chúng

ta đã có nhiều chủ trương về phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp đối với nông - lâm nghiệp thể hiện bằng các Nghị quyết Đại hội lần thứ II, III, IV, V của Đảng bộ tỉnh và trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, căn bản là đúng đắn, phù hợp. Chúng ta đã kiên trì xây dựng, củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và bám sát phương hướng sản xuất, là trên cơ sở tự túc lương thực để phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng. Về mặt phương hướng, tuy cũng còn có vấn đề tiếp tục phải nghiên cứu, những vấn đề tồn tại lớn nhất là vấn đề tổ chức thực hiện tốt những phương hướng đã đề ra, tức là vấn đề phương pháp tổ chức thực hiện. Để đưa nền nông - lâm nghiệp tỉnh ta tiến bước mạnh mẽ, vững chắc và nhanh chóng hơn nữa, chúng ta cần nắm vững các đặc điểm của tỉnh ta là một tỉnh miền núi, biên giới, 3/4 là vùng cao, nhiều núi đá, độ dốc lớn, đất nông nghiệp ít, đất rừng nhiều, ruộng ít, nương đồi nhiều, có hai vùng khí hậu căn bản là nhiệt đới và á nhiệt đới, phương thức sản xuất còn lạc hậu (tự cấp, tự túc, tự nhiên, quy mô nhỏ, phân tán, du canh du cư, thả rông gia súc); có đường giao thông tương đối thuận tiện nối với miền xuôi, có công nghiệp khai khoáng lớn của Trung ương tại địa phương, có nhiều khả năng điện lực, v.v..

Những đặc điểm đó cho ta thấy mặt thuận lợi có nhiều, nhưng khó khăn cũng lắm và cũng chỉ rõ khả năng từng bước phát triển một nền nông nghiệp nhiều mặt, theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào đặc điểm thuận lợi, khó khăn và những kinh nghiệm đã qua của tỉnh ta, dựa vào tinh thần Nghị quyết số 19 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh, chúng ta khẳng định một lần nữa: Yêu cầu, nhiệm vụ nông - lâm nghiệp của tỉnh ta trong thời gian tới là:

- Đảm bảo đủ lương thực ăn trong khu vực nông dân một cách vững chắc (trừ một số hợp tác xã chuyên canh cây công nghiệp, đặc sản) cung cấp lương thực cho nhu cầu Nhà nước với mức cố gắng nhất, đảm bảo căn bản tự túc lương thực thuộc phạm vi địa phương.

- Đảm bảo cung cấp thực phẩm cho nhu cầu địa phương và tiến lên cung cấp cho cả nhu cầu các xí nghiệp Trung ương tại địa phương.

- Cung cấp đầy đủ nguyên liệu từ nông - lâm nghiệp ra, cho công nghiệp địa phương.

- Đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu để góp phần vào nguồn hàng xuất khẩu của Trung ương, đồng thời làm giàu cho địa phương, thông qua việc chế biến, gia công, tăng giá trị sản phẩm của công nghiệp địa phương, thúc đẩy công nghiệp địa phương phát triển.

Để đảm bảo thực hiện tốt bốn yêu cầu, nhiệm vụ trên, chúng ta phải: Tập trung mọi cố gắng đưa nền sản xuất nông - lâm nghiệp tỉnh ta vượt qua những khó khăn trở ngại của một nền sản xuất nhỏ lạc hậu, tự cấp, tự túc, tự nhiên, độc canh, du canh du cư, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và nhiều mặt. Phải kiên quyết thoát ra khỏi cách làm ăn tụt tụt, phân tán, du canh du cư thì mới phát huy được ưu thế của nông nghiệp, mới phát huy được tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới.

Muốn vậy cần: Nắm vững và thực hiện tốt những khâu công tác chủ yếu sau đây:

1. Phải quản lý chặt chẽ và sử dụng tốt ruộng đất sẵn có, bằng cách thâm canh, cải tạo nương đồi, tăng vụ luân canh cây trồng hợp lý, gắn chặt với trồng, giữ rừng chỏm đồi, đầu nguồn, khai hoang những nơi có điều kiện, xây dựng những vùng sản xuất màu tập trung để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và phát triển các cây, con có ưu thế.

Hiện nay, ruộng đất canh tác bình quân đầu người toàn tỉnh đã có tới 1.504 m², riêng ruộng nước và nương cày có 993 m². Mấy huyện miền Đông, bình quân diện tích có cao hơn như Bắc Hà 1.967 m², Si Ma Cai 2.945 m², Mường Khương 1.760 m². Như vậy, diện tích không phải là quá thấp, mà chủ yếu là năng suất cây trồng và hệ số sử dụng ruộng đất còn thấp. Hiện nay, diện tích canh tác toàn tỉnh có khoảng trên 22.733 ha. Trong đó có 7.550 ha

ruộng nước, trên dưới 12.000 ha ruộng, những nơi làm hai vụ chắc chắn được trên dưới 2.500 ha ruộng nước ở vùng thấp, và 695 ha đậu tương ở vùng cao, còn hầu hết là chỉ làm một vụ mùa. Nếu tăng vụ được một nửa diện tích ruộng ngô và ruộng hiện còn, thì ta cũng đã có hàng mấy ngàn hecta gieo trồng.

Khả năng thâm canh cũng còn rất lớn. Hiện nay, toàn bộ diện tích gieo trồng ở vùng cao vẫn chưa có cải tiến kỹ thuật gì đáng kể, nên năng suất cây trồng còn rất thấp (ngô khoảng 9 tạ, lúa ruộng trên dưới 20 tạ/ha). Nếu chỉ tiến hành thâm canh với mức độ bình thường cũng có thể tăng vài ba tạ trên một hecta và sẽ đưa sản lượng lên hàng mấy ngàn tấn.

2. Tập trung mọi cố gắng về lao động, vật tư, tiền vốn, tiến hành mạnh mẽ xây dựng cơ bản trong nông nghiệp, xây dựng cơ sở sản xuất ổn định cho những nơi còn sản xuất du canh du cư, kết hợp xây dựng, hình thành những vùng chuyên canh mới, lấy các nông trường làm nòng cốt.

Hiện nay diện tích canh tác của tỉnh ta còn tới 15.183 ha ruộng cày, hướng phát triển trên 66%, sản xuất bắp bênh, du canh với chu kỳ ngắn ngày và dài ngày, do đó không có khả năng thâm canh tăng năng suất. Ruộng đất là vấn đề cơ bản là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp. Kinh nghiệm hơn 10 năm qua cũng chỉ cho thấy: Không có ruộng đất vững chắc, ổn định thì không thể nào có được sản xuất vững chắc không thể thoát khỏi tình trạng du canh du cư, để đi vào thâm canh, chuyên canh với quy mô lớn và nông sản hàng hóa. Cho nên nhiệm vụ chủ yếu rất quan trọng của việc đưa sản xuất lên quy mô lớn, bước đi đầu tiên của tỉnh ta vài năm tới là: Đi đôi với việc tận dụng ruộng đất đã có để thâm canh tăng vụ sản xuất, thì đồng thời phải tập trung mọi cố gắng vào việc xây dựng ruộng đất, đổi ruộng, tạo nên những vùng sản xuất ổn định mới và chuyên canh, với quy mô lớn. Để giải quyết vấn đề này cần phải:

- Phát động nông dân (lấy hợp tác xã làm chủ yếu) cải tạo nương đồi khai phá nương, ruộng bậc thang, đảm bảo cho được mục tiêu: Mỗi nhân khẩu có 3 sào nương, ruộng bậc thang để gieo trồng cây ngắn ngày. Phải chuyển trên 15.000 ha diện tích nương phát, nương cày thành nương, ruộng bậc thang, đồng thời xây dựng các đồng cỏ, chuồng trại chăn nuôi của xã và hợp tác xã. Phải kiên quyết nhanh chóng cải biến cách chăn nuôi, chống tệ thả rông gia súc, chuyển từ chăn thả tự nhiên sang chăn nuôi, có tổ chức chăn dắt, chăm sóc, khắc phục mâu thuẫn giữa tăng vụ trồng trọt với chăn nuôi thả rông.

- Xây dựng các vùng chuyên canh lấy các nông trường làm nòng cốt đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở sản xuất ổn định, bảo đảm cho đồng bào còn du canh du cư có cơ sở để thực hiện mục tiêu ba định, thanh toán hai du.

- Quy hoạch cụ thể và tích cực xây dựng những vùng sản xuất lương thực tập trung mới như Phú Nhuận, Lũng Pâu, v.v..

3. Từng bước tích cực phát triển ngành chăn nuôi thành ngành sản xuất chính và lớn, cân đối với trồng trọt, đưa nghề rừng thành một nghề sản xuất, kinh doanh chính của hợp tác xã nông nghiệp.

Chăn nuôi và nghề rừng là hai ngành, trong ba ngành có ưu thế lớn của nông nghiệp miền núi, nhất là nghề rừng hiện nay là một ngành dễ kinh doanh, làm giàu cho hợp tác xã, để nâng cao thu nhập cho xã viên và cũng là một ngành có ưu thế lớn nhất, dễ làm nhất đối với tỉnh ta. Giữa chăn nuôi, nghề rừng và trồng trọt ở tỉnh ta rất liên quan chặt chẽ với nhau: Không có chăn nuôi thì không có phân bón để thâm canh, không trồng và giữ rừng thì cũng không có nước để sản xuất và để người dùng. Với vị trí quan trọng như vậy, nhưng chăn nuôi, nghề rừng chưa được xem trọng, còn coi là nghề phụ của gia đình và thậm chí còn tàn phá rừng và tài nguyên sẵn có đi, do đó hiện nay giá trị sản lượng của chăn nuôi và nghề rừng so với trồng trọt còn rất thấp (chăn nuôi 30%, rừng 1,36%).

Đưa chăn nuôi và nghề rừng thành ngành sản xuất chính là tất yếu của nền nông nghiệp tỉnh ta, để tiến lên nền sản xuất lớn. Mấy năm tới trong điều kiện ta chưa có nhiều kinh nghiệm chăn nuôi với quy mô lớn và còn phải dành nhiều sức lực để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, chúng ta cần một mặt với đẩy mạnh chăn nuôi phân tán và trồng rừng như hiện nay, một mặt phải tổ chức chăn nuôi quy mô lớn, trâu, bò, lợn ở một số nông trường và hợp tác xã, đưa nghề rừng và hợp tác xã ở một số vùng trọng điểm. Trên cơ sở đó, tạo ra cơ sở giống tốt và rút kinh nghiệm làm lớn vào những năm sau.

4. Tiếp tục thường xuyên tiến hành cuộc vận động quần chúng thực hiện: “Một kết hợp năm hóa” phân công lao động mới theo hai chuyên, giành mục tiêu trong nông nghiệp chuyển dần lao động theo hai hướng, phát triển nông - lâm nghiệp theo phương châm song song. Mấy năm tới phải tiếp tục tiến hành và hoàn thành cuộc vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, gắn chặt với cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể, nâng cao chất lượng đảng viên, đẩy mạnh phong trào năm hóa: Thủy lợi hóa, ruộng nương bậc thang hóa, giao thông hóa; rừng xanh hóa, văn hóa hóa (gồm cả tiêu chuẩn hóa kỹ thuật) trên cơ sở hợp tác xã được tăng cường và củng cố mà từng bước phân công lại lao động trong nội bộ từng hợp tác xã và giữa các khu vực sản xuất trong tỉnh, theo hai chuyên: Tổ chức các đội lao động chuyên môn trong từng hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp chuyên canh với quy mô lớn. Trên cơ sở các đội lao động chuyên môn mà tìm mọi biện pháp để không ngừng tăng nhanh năng suất lao động, nhất là năng suất lao động trong ngành sản xuất lương thực, thực hiện ba mục tiêu trong nông nghiệp. Ba mục tiêu cụ thể đối với ta là: 5 tấn lương thực quy thóc, 2 con lợn/50kg/ha gieo trồng, một lao động đảm bảo 1 ha gieo trồng trong một năm (riêng đối với ruộng lúa hai vụ thì giành 5 tấn thóc/ha trở lên).

Từ đó chuyển dần lao động theo hai hướng: Chuyển lao động làm lương thực sang phát triển chăn nuôi, cây công nghiệp nghề rừng; và chuyển lao động làm nông nghiệp sản xuất cây công nghiệp, kể cả thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp.

Để đảm bảo phát triển sản xuất một cách nhanh, mạnh và vững chắc bước đi cụ thể trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp của tỉnh ta là: Phải nắm vững phương châm, song song kết hợp giữa cái mới, cái cũ, giữa kinh nghiệm kỹ thuật của nhân dân với kỹ thuật tiên tiến, giữa thủ công và cơ giới, giữa quy mô vừa và lớn.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Để thực hiện nhiệm vụ, phương hướng chung, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành sản xuất trong nông nghiệp, lâm nghiệp mấy năm tới phải đạt được những mục tiêu chủ yếu dưới đây:

1. Trồng trọt

a) *Cây lương thực*: Lương thực của tỉnh ta là bao gồm: lúa, ngô, mì, sắn, khoai lang, khoai tây, khoai môn, sò... Để tăng nhanh sản lượng lương thực phải tích cực thâm canh, tăng năng suất, luân canh, tăng vụ và mở rộng diện tích mới ở những nơi có điều kiện, phải sản xuất chế biến, sử dụng màu. Đó là khả năng và phương hướng chung để giải quyết vấn đề lương ăn của tỉnh ta. Trong mấy năm tới, từng vùng cần tập trung vào một số cây chủ yếu đưa sản xuất thành đại trà, có diện tích lớn và tập trung, có biện pháp thâm canh, đưa năng suất lên cao, có nhiều sản phẩm hàng hóa.

- Vùng thấp: (vùng lương thực, thực phẩm). Tập trung vào 2 cây lúa và sắn, tăng vụ và khai hoang ruộng đất ở nơi có điều kiện, đưa diện tích lúa hai vụ lên khoảng 2.600 ha, năng suất bình quân đạt 6 tấn/ha cả năm. Những chân ruộng chưa có nước, không cấy

lúa xuân thì thêm một vụ khoai lang, hoặc mì, ngô, v.v.. Đẩy mạnh việc mở rộng diện tích trồng sắn, đưa diện tích trồng sắn lên khoảng 3.500 ha, trong đó có khoảng 1.000 - 1.500ha trồng tập trung ở huyện Bảo Thắng và khu vực Bản Lầu huyện Mường Khương (huyện Bảo Thắng trên 1.000 ha, huyện Mường Khương trên 300 ha). Có thâm canh cải tiến kỹ thuật trồng và tổ chức chế biến tốt, thành hàng hóa nhiều.

- Vùng cao: Giữ vững diện tích và thâm canh cây ngô lên khoảng 11 tạ/ha. Đối với ruộng phải được thâm canh số diện tích có, đưa năng suất lúa mùa đạt từ 28 tạ đến 30 tạ/ha. Đi đôi đẩy mạnh phong trào khai phá ruộng, nương bậc thang, cải tạo nương đồi, đưa ruộng, nương lên hai vụ bình quân ở tất cả những nơi có điều kiện, theo công thức: Đậu tương xuân + lúa ruộng mùa; mì + lúa ruộng mùa; ngô + đậu tương hè, mì + đậu tương hè; lúa + sò, ngô + sò. Đẩy mạnh tăng vụ lúa ở những nơi thích hợp, phấn đấu trong vài năm đưa diện tích lúa mì lên khoảng 500 ha. Về khoai lang cũng cần thâm canh và phát triển. Ngoài ra, động viên khuyến khích các gia đình xã viên phát triển mạnh cây đao riêng, sò, khoai sọ... trên đất 5% đất cho mượn để phát triển chăn nuôi và chế biến bán cho Nhà nước.

Đối với cây khoai tây vừa là cây thực phẩm và cũng là cây lương thực tốt, nhưng khó khăn là khối lượng giống rất lớn, dễ bị sâu bệnh, đòi hỏi đất phải tốt, phân bón phải nhiều, kỹ thuật chăm sóc cao, qua thực tiễn ta đã làm thì trước mắt hiện nay tỉnh ta chưa có khả năng phát triển mạnh và đại trà. Do đó mấy năm tới, cố gắng giữ vững diện tích hiện nay đã trồng được ở Sa Pa, đi vào chỉ đạo sản xuất rút kinh nghiệm, để nhân giống sản xuất làm nương ăn ở những nơi đó.

Đi đôi với sản xuất, phải đẩy mạnh phong trào chế biến, sử dụng màu ở cả trong các gia đình, trong tập thể hợp tác xã và Nhà nước. Đồng thời tích cực thu mua, sử dụng màu, làm thế nào sử dụng màu vào bữa ăn hằng ngày của cán bộ, công nhân viên được

khoảng 50% nhu cầu, và toàn bộ quà bánh làm bằng màu đã chế biến ngon, hợp khẩu vị.

Đến năm 1973, tỉnh ta đạt được trên 58.000 tấn lương thực quy thóc, trong đó Nhà nước thu mua được khoảng 7.000 - 8.000 tấn, trong đó 5.000 tấn là thóc, ngô; 3.000 tấn là màu khô; đảm bảo căn bản tự túc lương thực của nhu cầu địa phương.

Hướng động viên thu mua lương thực tập trung vào các xã vùng thấp. Còn các xã vùng cao chủ yếu là sản xuất để đủ ăn vững chắc và làm được đầy đủ mức nghĩa vụ lương thực đã ổn định do tỉnh đã giao.

b) *Rau xanh*, cần trồng khoảng trên 200 ha với năng suất 176 tấn/ha, đảm bảo trên 3.500 tấn sản lượng. Muốn vậy cần củng cố và phát triển vùng rau ở thị xã Lào Cai và các xã lân cận, ở các huyện lỵ, đi vào thâm canh tăng nhiều vụ, tăng các loại rau có chất lượng tốt, có giá trị cao, tổ chức chế biến dự trữ tốt, đảm bảo cung cấp cho Nhà nước được 1.500 đến 2.000 tấn/năm. Đảm bảo đủ rau ăn cho các khu công nghiệp và khu không sản xuất nông nghiệp tại các địa phương. Cần quy hoạch cụ thể vùng rau, đưa cơ giới nhỏ và một số khâu canh tác sản xuất và chế biến.

c) *Cây có dầu*:

- Cây đậu tương: Mấy năm gần đây, diện tích sản lượng đậu tương lên xuống thất thường, diện tích trồng đậu tương ở ba huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà chưa thực sự ổn định. Do đó phải điều tra, quy hoạch cụ thể lại đất đai, kiểm tra xem xét về mặt chính sách, đầu tư, thu mua, giá cả, sản xuất, v.v.. Để giữ vững diện tích đậu tương ở ba huyện trên, khoảng 1.600 đến 2.000 ha, đạt năng suất 4 - 5 tạ/ha, đảm bảo sản lượng 800 - 1000 tấn hàng năm, thu mua được từ 300 - 400 tấn, để cung cấp đủ nguyên liệu cho xí nghiệp nước chấm, đậu phụ của tỉnh.

- Cây đen, cây lai, cây sỏ ở vùng thấp; cây óc chó, cây hạt dẻ ở vùng cao: Những cây này tỉnh ta có khả năng phát triển rộng lớn thành nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu quan

trọng. Nhưng khó khăn hiện nay là ta chưa có nhiều giống, chưa có nhiều kinh nghiệm sản xuất với quy mô tập trung lớn. Trong mấy năm tới, cần tập trung giống sẵn có rải rác ở khắp nơi, trồng vào từng khu vực tập trung. Các huyện cần chăm sóc những cây sẵn có, trồng với số giống tự thu hoạch được của từng nơi, để tạo thành những cơ sở cung cấp giống, rút kinh nghiệm về kỹ thuật trồng để phát triển vào các năm sau. Cụ thể là: củng cố, mở rộng dần các khu đã trồng tập trung óc chó, hạt dẻ ở Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa; cây đen ở Thanh Phú do hợp tác xã và nhân dân trồng ở thị xã Lào Cai (do công an vũ trang và lâm nghiệp trồng). Riêng cây lai cần vừa chăm sóc cây cũ, vừa mở rộng diện tích gieo trồng ở các xã Cốc Lầu, Nậm Lúc, Xuân Quang, Phong Niên, ở Trại 2, ở đồi 79 của thị xã và Bát Xát. Mức phấn đấu đến năm 1973, tỉnh ta có 500 ha lai, trồng thành những vùng tập trung.

d) Cây lấy đường: Phải cố gắng ổn định vùng mía phục vụ cho nhà máy đường, rượu, giấy của tỉnh. Do đó phải có một diện tích trồng tập trung vào khoảng 250 ha, năng suất 40 tấn/ha, để đảm bảo 10.000 tấn mía cây/năm cho Nhà máy đường, lấy vùng mía của huyện Bát Xát làm nòng cốt, đảm bảo 60 - 70% yêu cầu, còn ở thị xã gần nhà máy thuộc thị xã Lào Cai, Mường Khương, Bảo Thắng thì sản xuất bổ sung thêm.

e) Cây đặc sản:

- Cây chè: Là cây có khả năng phát triển trên tất cả các vùng đất đai của tỉnh ta, cũng là cây có tập quán sản xuất lâu đời của nhân dân Lào Cai. Để đảm bảo nhu cầu trong tỉnh và phục vụ xuất khẩu của Trung ương, mấy năm tới ta cần phát triển mạnh trồng chè, đưa diện tích chè toàn tỉnh đến năm 1973 có khoảng 700 - 1.000 ha. Muốn vậy, cần củng cố, chăm sóc, trồng dặm thêm, khai thác tốt những diện tích chè đã có thuộc huyện Bắc Hà, đồng thời khuyến khích, giúp đỡ các hợp tác xã đã sẵn có tập quán trồng thêm diện tích mới khoảng 1.00 ha. Còn Nhà nước trồng mới tập trung vào nông trường Thanh Bình thuộc huyện Mường Khương

và Trại 2 khoảng 500 ha (nông trường 300 - 500 ha, trại 200 ha) để chè có năng suất cao và kéo dài tuổi thọ. Khi trồng phải bảo đảm đúng kỹ thuật, chăm bón, bảo vệ đất, chống xói mòn, đảm bảo đạt được bình quân từ 4 - 5 tạ búp khô trở lên một ha/năm (khoảng 2,5 tấn búp tươi). Đối với thị xã Lào Cai, tập trung đầu tư lao động vào cây dứa là chính, nhưng cũng giữ vững chè cũ, với mức độ tập trung hết khả năng lao động của nông dân lúc không làm dứa và người già cả.

- Cây su hào giống Sa Pa: Là cây có giá trị kinh tế cao, đã được thuần hóa và trở thành hạt giống tốt, được toàn quốc ưa thích. Ta có khả năng phát triển rộng ở một số xã thuộc huyện Sa Pa, vì vậy từ nay đến 1973 ta cố gắng củng cố, xây dựng vùng su hào giống Sa Pa, đưa diện tích gieo trồng lên khoảng 110 ha trở lên, đạt năng suất 3,5 tạ đến 4 tạ/ha, đảm bảo có trên 47 tấn hạt rau/năm. Ngoài cây su hào, cần củng cố và giữ vững diện tích hạt rau bắp cải giống thuộc huyện Bắc Hà (khoảng 8 ha, năng suất 5 tạ/ha, 4 tấn sản lượng một năm). Cây thảo quả: củng cố mở rộng vùng thảo quả Bát Xát, Sa Pa, đưa diện tích lên khoảng 700 đến 800 ha, sản lượng đến năm 1973 có 350 - 400 tấn/năm.

g) *Cây ăn quả*: Tỉnh ta là tỉnh có nhiều cây ăn quả phong phú như: lê, đào, mận, táo ở vùng cao, chuối, dứa, cam, quýt ở vùng thấp. Một số cây ăn quả ở vùng cao gần như là đặc sản đối với toàn quốc, vừa là nguồn thực phẩm, vừa là nguyên liệu cho công nghiệp địa phương và hàng xuất khẩu. Các cây ăn quả có nhiều khả năng phát triển rộng rãi ở cả các vùng, trong hợp tác xã và gia đình xã viên, vì sẵn giống, dễ trồng, không đòi hỏi kỹ thuật cao lắm. Vì vậy, ta phải có kế hoạch phát triển thật mạnh cây ăn quả. Từ nay đến năm 1973 tập trung phát triển mạnh mấy cây: lê, mận, đào ở vùng cao, dứa ở vùng thấp.

Đối với cây lê, mận, đào phát triển thật mạnh vào những nơi đã có đường vận chuyển hoặc đang làm đường tới ở ba huyện: Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai, ở các xã xung quanh thị trấn

Sa Pa, cả ở hợp tác xã và gia đình đều trồng để có sản lượng thu hoạch khoảng 4.000 tấn/năm.

Đối với dứa, chuối, cam ở vùng thấp: Giữ vững diện tích và chăm sóc, thu hoạch tốt số chuối đã có, mở rộng có mức độ diện tích cam ở nông trường, đồng thời chăm sóc thu hoạch tốt số đã có. Đối với dứa cần phát triển mạnh với quy mô tập trung lớn thành một vùng từ Xuân Quang lên thị xã Lào Cai, theo dọc hai ven đường lớn từ thị xã đến giáp Quang Kim, Đồng Tuyển, Cốc San, Nam Cường. Lấy Nông trường Đản Khao và thị xã Lào Cai làm trung tâm, ở đất dứa, có thể trồng cây dài ngày, xen với dứa, trồng thưa làm bóng mát như cây lai, cọ, mít. Mức phấn đấu đến năm 1972 tỉnh ta có khoảng 500 ha dứa, đảm bảo có năng suất từ 5 - 7 tấn quả/ha.

h) Cây làm thuốc: Cần gấp rút làm xong công tác điều tra, khoanh nuôi, bảo vệ, tổ chức khai thác, thu mua có kế hoạch đảm bảo cho cây tái sinh. Đối với các loại cây thuốc thiên nhiên sẵn có của tỉnh ta. Chấm dứt tình trạng khai thác bừa bãi thiếu bảo vệ như hiện nay. Đi đôi cần khuyến khích và phát động các gia đình xã viên ở vùng cao trồng rộng rãi, một số cây dễ trồng mà lại có nhu cầu rộng rãi như: ngũ gia bì hương, v.v. để thu mua, chế biến thành một loại rượu bổ đặc biệt của Lào Cai, bán rộng rãi trong nhân dân và các tỉnh miền xuôi.

Xây dựng tốt vùng thuốc Bắc Hà; nhập Trại thuốc của tỉnh vào Nông trường Nậm Mòn lấy nông trường làm trung tâm, kéo dài vùng thuốc từ Bảo Nhai trở lên trồng tập trung với quy mô lớn đối với 10 loại cây; tam thất, xuyên khung (giống chính), đẳng sâm, mộc hương, phụ tử, đương quy, bạch truật, đỗ trọng, hoàng bá, sinh địa. Có khả năng phát triển tốt, do đó cần đẩy mạnh phát triển trong vùng thuốc, nhưng cũng phải có tính toán cụ thể sát với từng loại theo yêu cầu của địa phương và Trung ương với khả năng thực tế, đất đai của ta. Đặc biệt, cây tam thất là cây thuốc quý, cần phát triển mạnh, đưa diện tích đến năm 1973 có khoảng

10 ha. Nhà nước và hợp tác xã, nhân dân đều làm. Đối với gia đình xã viên, Nhà nước bán giống, giúp đỡ và quản lý sản phẩm chặt chẽ, định tỷ lệ thống nhất thu mua sản phẩm.

2. Chăn nuôi

Đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính trong nông nghiệp là một cuộc phấn đấu cách mạng, phải khẩn trương tăng nhanh đàn gia súc cả về số lượng và chất lượng. Hướng chăn nuôi đối với trâu, bò, dê là lấy chăn nuôi của hợp tác xã và quốc doanh là chủ yếu, đồng thời khuyến khích gia đình xã viên nuôi thêm. Đối với lợn, gà và gia cầm khác thì đẩy mạnh chăn nuôi gia đình xã viên, đồng thời ra sức phát triển chăn nuôi của hợp tác xã và chăn nuôi quốc doanh với quy mô lớn.

- Đàn trâu: Phấn đấu đến năm 1973 có khoảng 37.800 con, hằng năm tăng trên 3%. Trong số này trâu tập thể chiếm 50 - 60%, lấy Nông trường Giao Ngay (Phú Xuân) làm trung tâm đi trước. Tiến hành chọn cần củng cố, mở rộng đàn dê tập thể đã có ở các huyện, tổ chức trại gà quốc doanh để nhân giống và cung cấp giống gà tốt rộng rãi cho nhân dân.

- Về ong: Nuôi ong là một ngành sản xuất quan trọng, vừa lấy mật, lấy sữa, v.v.. Vừa để thụ phấn cây trồng, góp phần tăng năng suất. Mấy năm tới ngoài việc khuyến khích nhân dân nuôi cần mở rộng trại ong hiện có thành xí nghiệp nuôi ong của tỉnh. Xây dựng các trạm nuôi ong ở các vùng trong tỉnh, trên cơ sở đó đưa quy mô nuôi ong khoảng 3.000 đến 5.000 đàn, một năm thu 20 đến 30 tấn mật và khoảng 30 kg sữa chúa.

- Về cá: Tận dụng các ao hồ mặt nước sẵn có của hợp tác xã, nông trường và nhân dân, nhất là những hồ lớn, đồng thời kết hợp sử dụng các hồ, đập chứa nước của thủy lợi để phát triển chăn nuôi cá. Cố gắng đến năm 1973, quốc doanh có khoảng 100 ha hồ ao nuôi cá cung cấp được hàng 100 tấn cá một năm.

3. Nghề rừng

Rừng của tỉnh ta chiếm một phạm vi đất đai rộng lớn, trên 80% diện tích, đã và đang giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế của địa phương ta; nó liên quan chặt chẽ rất nhiều mặt đối với sản xuất, và đời sống. Lại là một ngành dễ kinh doanh nhất của hợp tác xã hiện nay. Vì vậy cùng với chăn nuôi, cần đưa nghề rừng trở thành một ngành kinh doanh chính của hợp tác xã. Nhiệm vụ của nghề rừng là: đảm bảo nhu cầu ngày càng lớn về gỗ và lâm sản cho công nghiệp, cho nhu cầu về sản xuất, và đời sống của nhân dân. Phải phát triển mạnh về việc trồng rừng, bảo vệ và cải tạo rừng, đưa tốc độ trồng rừng và cải tạo rừng vượt tốc độ rừng bị khai thác và bị phá hàng năm. Phải kết hợp chặt chẽ việc phát triển nghề rừng với cuộc vận động định canh định cư và việc xây dựng vùng kinh tế mới, kết hợp nghề rừng với chăn nuôi gia súc lớn, với việc trồng các loại cây công nghiệp và cây ăn quả dài ngày.

Trước mắt, đến năm 1973 vừa trồng, vừa khoanh núi nuôi rừng, tu bổ, cải tạo để thanh toán 1/3 số đồi trọc và đầu nguồn ở miền Đông, trồng xong cây hai ven đường lớn (khoanh núi nuôi rừng 8,5 vạn ha, trồng 2.900 ha cây các loại, cây lấy gỗ, tre, trúc, tu bổ cải tạo 300 ha). Ở vùng cao tập trung trồng cây tổng quán sử để lấy củi, cây thông, cây soán sử để lấy gỗ, cây trúc trồng đại trà để làm nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu. Vùng thấp tập trung trồng cây mỡ, bồ đề các lâm trường thuộc rừng Nhà nước; tre, cọ trong rừng gia dụng của hợp tác xã và gia đình nhân dân. củng cố, mở rộng các lâm trường sẵn có, thực hiện tốt kế hoạch trồng cây phục vụ mở sau này ở (Bát Xát). Có biện pháp và chính sách hiệu lực, chuyển cho được lực lượng hiện nay còn đi phá rừng bừa bãi, thành lực lượng trồng tu bổ, khai thác rừng có tổ chức. Lực lượng này bao gồm: đồng bào du canh du cư, đồng bào khai hoang và một số công trường, cơ quan cần tăng cường lực lượng trồng cây cải tạo rừng của hợp tác xã, đưa nghề rừng vào hợp tác xã và giao rừng cho hợp tác xã kinh doanh ở tất cả các hợp

tác xã trong tỉnh, trọng tâm là các xã tả ngạn sông Hồng thuộc huyện Bảo Thắng và ba huyện miền Đông. Chính quyền các cấp và lực lượng chuyên trách cần có biện pháp bảo vệ từng khu rừng. Chấm dứt tệ chặt phá, đốt rừng bừa bãi, tăng cường công tác khai thác, chế biến lâm sản, tận dụng cành ngọn đảm bảo đủ gỗ và các lâm sản khác cho nhu cầu Nhà nước theo kế hoạch hằng năm. Mở rộng xưởng chế biến cần câu, gây trượt tuyết xuất khẩu, để tăng giá trị sản phẩm, tăng tích lũy cho kinh tế địa phương.

4. Phát triển các ngành nghề khác của nông dân

Đi đôi với việc phát triển các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, cần chú trọng phát triển các ngành nghề khác, để tăng thu nhập cho các hợp tác xã, xã viên. Cần tận dụng hết khả năng lao động nhàn rỗi, lao động phụ, v.v. và những phụ phẩm nông - lâm nghiệp để làm ra sản phẩm xã hội. Hướng phát triển ngành nghề của hợp tác xã hiện nay là những ngành phục vụ trực tiếp sản xuất của hợp tác xã như: vôi, gạch, rèn, mộc, chế biến nông sản, lâm sản, tấm màn, v.v.. Nghề phụ gia đình chủ yếu là sản xuất, chế biến nông sản và hàng xuất khẩu. Nhưng cũng phải tránh những khuynh hướng như chạy theo ngành nghề kiếm lợi trước mắt mà coi nhẹ ngành sản xuất chính của hợp tác xã, hoặc ngược lại sợ ảnh hưởng đến ngành chính mà không dám phát triển ngành nghề.

Phần thứ ba

NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN ĐỂ TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP

1. Nắm vững tình hình, ra sức củng cố hợp tác xã

Phải phấn đấu trong khoảng 3 năm đưa đại bộ phận các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp lên trình độ các hợp tác xã tiên tiến

hiện nay. Vì vậy phải tiến hành tốt các cuộc vận động lớn như bảo đảm quyền làm chủ, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của xã viên, đưa điều lệ hợp tác xã bậc cao về hợp tác xã, nâng cao chất lượng đảng viên, vận động định canh định cư, lao động sản xuất. Phải kết hợp chặt chẽ các nội dung yêu cầu của các cuộc vận động đó để củng cố, xây dựng hợp tác xã, đưa việc quản lý hợp tác xã vào chế độ, vào nền nếp. Mức phấn đấu đến năm 1973 đưa số hộ nông dân toàn tỉnh vào hợp tác xã lên 90% trở lên; vùng cao và giữa 80% trở lên, số hợp tác xã tiên tiến và khá vùng cao, giữa chiếm 65%, vùng thấp 70% so với tổng số hợp tác xã. Trên cơ sở làm tốt việc điều tra tình hình quản lý hợp tác xã nông nghiệp, mà đề ra biện pháp đưa công tác quản lý đi vào nền nếp.

- Cần ổn định quy mô hợp tác xã trong một thời gian. Những hợp tác xã ở vùng thấp và các hợp tác xã vùng cao có điều kiện tương tự vùng thấp, đã có quy mô trên dưới 100 hộ trở lên thì giữ vững và ổn định quy mô đó, không mở rộng thêm. Những hợp tác xã nào chưa đủ quy mô trên, nếu có đủ điều kiện và do yêu cầu sản xuất đòi hỏi thì tiến hành hợp nhất, với quy mô trên dưới 100 hộ để có sức mạnh phát triển sản xuất. Trong việc hợp nhất hợp tác xã phải đặc biệt chú ý giải quyết tốt các chính sách, các vấn đề về thủ tục tiến hành hợp nhất hợp tác xã, phải tổ chức phân công lại lao động và ba khoán tốt giải quyết lực lượng lao động phát triển sản xuất mới, tránh đơn giản gộp các hợp tác xã cũ lại với nhau để sản xuất như cũ. Đối với vùng cao, quy mô hợp tác xã nên lấy thôn, bản dưới 50 hộ là chủ yếu, nơi nào cần có quy mô lớn hiện nay, chủ yếu là củng cố giúp đỡ các hợp tác xã đó phát triển tốt sản xuất, không đặt vấn đề chia nhỏ ra, nếu hợp tác xã nào thật phải chia nhỏ ra thì phải do huyện báo cáo tỉnh quyết định.

Nội dung chủ yếu để củng cố hợp tác xã mấy năm tới là: Thực hiện tốt Điều lệ, phát huy tinh thần làm chủ của xã viên, đưa công tác quản lý đi nhanh vào nền nếp, đẩy mạnh việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung và các cơ sở sản xuất mới, cơ sở sản

xuất còn du canh du cư nói riêng. Ra sức rèn luyện, cất nhắc, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hợp tác xã, cả về mặt đạo đức, phẩm chất và năng lực quản lý, kỹ thuật. Cố gắng ổn định đội ngũ cán bộ để anh chị em có thể nắm vững được tình hình đất đai, lao động, tích lũy kinh nghiệm sản xuất, quản lý.

Tăng cường giáo dục tư tưởng, nâng cao ý thức làm chủ tập thể, của cán bộ và xã viên, làm cho mọi người tin tưởng sâu sắc vào sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, và quyền lợi công dân trong xã hội mới. Hiểu rõ yêu cầu và vị trí của nông nghiệp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ đó, động viên mọi người phấn đấu thực hiện ba cuộc cách mạng, tăng cường đoàn kết nông thôn, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng hợp tác xã, thi đua đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, xây dựng tốt phong trào lao động có tổ chức có kỷ luật và nếp sống chiến đấu lành mạnh, văn minh, xóa bỏ những tâm lý và tập quán lạc hậu của xã hội cũ, làm tròn mọi nhiệm vụ đối với Nhà nước.

Chi bộ đảng là hạt nhân lãnh đạo hợp tác xã. Các đảng viên phải là những xã viên gương mẫu nhất và có tác dụng lãnh đạo quần chúng.

Đi đôi với hợp tác xã nông nghiệp phải củng cố hợp tác xã mua bán, tín dụng để hỗ trợ cho hợp tác xã nông nghiệp phát triển.

2. Củng cố, mở rộng các nông trường quốc doanh

Cần củng cố tốt các nông trường đã có, đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản của các nông trường, mau chóng định hình đi vào kinh doanh sản xuất để làm nòng cốt cho từng vùng sản xuất theo quy mô lớn và làm được nhiệm vụ:

- Cung cấp được một khối lượng sản phẩm tập trung lớn theo nhu cầu của Nhà nước.
- Cung cấp giống cây trồng, giống gia súc tốt cho nhân dân, góp phần phổ biến nhanh chóng những giống có năng suất cao, phẩm chất tốt.

- Rút kinh nghiệm về quản lý sản xuất quy mô lớn, sử dụng cơ giới và những máy móc công cụ mới vào sản xuất.

- Làm cơ sở cho công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật và phổ biến những kết quả mới về khoa học kỹ thuật.

Nhiệm vụ cụ thể của từng nông trường như sau:

- Nông trường Thanh Bình: Nhiệm vụ chính là chăn nuôi bò đàn, trồng chè, cố gắng đến hết năm 1973 có 2.000 bò và trồng mới xong 300 ha chè, phát triển cây ăn quả xứ lạnh vùng cao, làm nông cốt cho vùng cây ăn quả vùng cao của tỉnh.

- Nông trường Đản Khao: Mở rộng quy mô đàn lợn lên 2.000 lợn thịt, một năm cung cấp 100 tấn lợn hơi và trồng dứa làm nông cốt cho vùng dứa của tỉnh.

- Nông trường Nậm Mòn: Nhiệm vụ chủ yếu là nuôi bò đàn, trồng thuốc, đưa đàn bò lên 1.000 con và phát triển trồng cây thuốc, làm nông cốt cho vùng thuốc Bắc Hà.

Ba nông trường: Thanh Bình, Đản Khao, Nậm Mòn cùng với các hợp tác xã xung quanh của bốn huyện nối liền thành vùng kinh tế mới của tỉnh.

- Nông trường Phú Xuân (Giao Ngay): Hướng chủ yếu là bò đàn, trâu sữa và cam, thí điểm dần việc nuôi trâu sữa. Đến năm 1973 có khoảng từ 50 - 100 con làm nông cốt cho việc phát triển nuôi trâu sữa của tỉnh, có khoảng 1.000 bò đàn.

- Nông trường Trịnh Tường: Ổn định quy mô đàn bò 1.000 con.

- Trại lợn Nam Cường: Định hình với quy mô khoảng 2.000 con lợn thịt, cung cấp lợn hơi ra chuồng cho Nhà nước khoảng 100 tấn/năm.

3. Xây dựng các trạm cơ khí nông nghiệp

Để thực hiện tốt nhiệm vụ như Nghị quyết số 19 của Trung ương đã quy định là: “Sử dụng và quản lý tốt thiết bị máy móc của Nhà nước để làm đất, bơm nước, thu hoạch, chế biến nông,

sản phẩm, phục vụ cho chăn nuôi, v.v., sửa chữa những máy móc và công cụ sản xuất nông nghiệp, cải tiến thích hợp với từng vùng đất đai khác nhau, hướng dẫn các hợp tác xã sử dụng bảo quản máy móc, công cụ và vật tư kỹ thuật của tập thể, giúp các hợp tác xã đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật biết sử dụng và bảo quản máy móc công cụ sản xuất nông nghiệp của hợp tác xã”.

Trước mắt hiện nay, củng cố và mở rộng Công ty Cơ giới của tỉnh đã có, để làm nhiệm vụ của trạm cơ khí sửa chữa, dần dần rút kinh nghiệm mở rộng ra các huyện (làm ở một số huyện trọng điểm trước).

4. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp

Mấy năm tới, trước hết cần tu sửa sử dụng tốt cơ sở đã có, phát huy hết hiệu quả của các công trình đã xây dựng được, đồng thời xây dựng mới những cơ sở cần thiết, để bảo đảm yêu cầu phát triển nông nghiệp nhiều mặt, thâm canh, chuyên canh. Trong việc xây dựng phát triển các cơ sở vật chất, kỹ thuật, cần tập trung vào mấy vấn đề chủ yếu như:

- Quản lý, sử dụng tốt mọi khả năng ruộng đất sẵn có bằng cách tiến hành thâm canh, tăng vụ cải tạo đất nương. Đối với vùng cao chuyển nương dốc, thành nương bậc thang, khai hoang thêm nương ruộng bậc thang ở những nơi còn du canh du cư, còn thiếu cơ sở sản xuất ổn định. Đối với từng vùng sản xuất như vùng công nghiệp, cây ăn quả, vùng lương thực thực phẩm, v.v. cần tích cực đầu tư xây dựng các cơ sở để nhanh chóng thành vùng sản xuất. Xây dựng các đồng cỏ chăn nuôi gia súc lớn.

- Về thủy lợi, vẫn là biện pháp hàng đầu. Trong mấy năm tới phải tu sửa, khai thác, phát huy hết các công trình trung thủy nông đã xây dựng (hiện nay toàn tỉnh có 40 công trình loại vừa, nhưng mới khai thác được 56% năng lực thiết kế) nhằm mang lại hiệu quả thiết thực. Đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi nhỏ

kết hợp trồng và bảo vệ cây đầu nguồn, chỏm đồi. Kiên cố hóa các công trình đã có, làm mới những nơi cần thiết có yêu cầu thiết thực làm đến đâu phát huy hiệu quả đến đâu, tránh làm xong không sử dụng. Mức phấn đấu đến năm 1973 phải đảm bảo tuổi vững chắc cho 2.600 ha lúa xuân, 7.908 ha ruộng mùa, đồng thời đảm bảo nước cho chăn nuôi, trồng rau, tưới ẩm cho đồng cỏ, cây công nghiệp, các vùng sản xuất quy mô lớn, các nông, lâm trường và giải quyết dứt vấn đề nước ăn cho người và gia súc ở vùng cao.

Xây dựng và mở rộng thủy điện Bắc Hà, Thanh Bình và một số nơi cần thiết khác để phục vụ cho công nghiệp chế biến nông sản phẩm và thức ăn cho gia súc.

- Về phân bón: Đẩy mạnh phong trào làm phân, xây dựng chuồng gia súc, hố xí hai ngăn, nhà chế biến ủ phân, trong tất cả các hợp tác xã và nhân dân. Cần tận dụng hết các nguồn phân chuồng đồng thời đẩy mạnh phát triển trồng và làm phân xanh như: bèo dâu, cây muồng, cây cốt khí. Mỗi hợp tác xã có một cơ sở trồng và giữ giống cây phân xanh. Đảm bảo cung cấp đủ khối lượng phân hóa học cần thiết, nhằm đảm bảo khối lượng phân thâm canh của từng nơi.

- Về giống: Các giống cây trồng, con gia súc tốt đã được kết luận qua thực nghiệm ở địa phương ta, cần tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thay thế dần, tiến tới xóa bỏ giống đã thoái hóa. Cần đưa việc sản xuất, nhân giống vào chế độ xây dựng các cơ sở nhân và chọn lọc giống tốt của hợp tác xã. Đến năm 1973 các hợp tác xã đều có vườn ươm cây, vườn ruộng nương chọn giống, nhân giống, không còn để các loại giống xấu.

- Về công cụ: Trang bị đầy đủ công cụ thường, công cụ cải tiến với chất lượng tốt, kết hợp với một phần cơ giới nhỏ và lớn, nhất là dùng cơ giới vào khai hoang, sản xuất quy mô lớn. Trước mắt xin Trung ương cung cấp thêm một số máy cần thiết cho Công ty Cơ giới tỉnh để bắt đầu làm ngay ở một số nơi. Thành

lập một đến hai đội máy khai hoang để giúp dân vùng du canh du cư khai hoang ruộng và chuyển nương dốc thành bậc thang.

5. Công tác quy hoạch, kế hoạch đối với các vùng sản xuất

Cần gấp rút hoàn thành những tài liệu phân vùng sản xuất toàn tỉnh và tổng hợp quy hoạch của từng huyện đã làm được từ trước tới nay một cách chính thức. Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phải dựa vào phương hướng ba vùng lớn đã xác định, từ đó đi vào quy hoạch cụ thể những cây, con chủ yếu trong mỗi vùng theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, thâm canh, chuyên canh, trên cơ sở phương hướng sản xuất của các hợp tác xã và nông trường đã được xác định, tiến hành dân chủ bàn bạc, xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên hàng năm đều đặn; khắc phục tình trạng ấn chỉ tiêu kế hoạch từ trên xuống không sát, hoặc làm ăn không có kế hoạch.

Các đơn vị và cơ quan có trách nhiệm về sản xuất nông nghiệp phải là người chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch bao gồm kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư và giao nộp sản phẩm.

6. Công tác nghiên cứu, thực nghiệm khoa học và đào tạo cán bộ

Các trạm, trại kỹ thuật sẵn có hiện nay, cần củng cố và tập trung vào nghiên cứu thực nghiệm, tạo những điển hình tốt và kết luận về các biện pháp kỹ thuật. Những vấn đề cấp bách hiện nay ở tỉnh ta cần nghiên cứu thực nghiệm và kết luận là: Cải tạo, sử dụng các loại đất dốc ở vùng cao, nghiên cứu kết luận các loại giống ngô, mì, lúa tốt ở vùng cao và các biện pháp thâm canh các cây đó; nghiên cứu biến ruộng nương vùng cao thành hai vụ cây lương thực, thực phẩm, sử dụng được lao động nhân rỗi mùa đông, tổng kết kinh nghiệm của nhân dân, kết hợp với

kỹ thuật mới, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật trồng các loại cây ăn quả, cây thuốc, cây chè, thảo quả, tiếp tục nghiên cứu thực nghiệm cây mì nhiệt đới, cây củ cải đường để lấy giống, cây hướng dương ngắn ngày; tìm cách làm cho giống đậu tương, ngô vùng cao ngắn ngày lại.

Củng cố, kiện toàn Trường quản lý kinh tế nông nghiệp hiện nay thành Trường Trung cấp Nông - lâm của tỉnh, làm nhiệm vụ bồi dưỡng và đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật phục vụ nông nghiệp và hợp tác xã, bồi dưỡng đào tạo cán bộ nông, lâm nghiệp, thủy lợi. Trường còn làm nhiệm vụ đào tạo cán bộ trung cấp và quản lý những lớp tại chức thuộc hệ nông nghiệp của tỉnh. Các ngành có liên quan nhất là ngành giáo dục và các huyện có trách nhiệm cung cấp, vận động đủ học sinh học theo yêu cầu, phương hướng đào tạo của trường. Đi đôi với công tác đào tạo, phải quản lý chặt chẽ, bồi dưỡng, sử dụng, phát huy tốt số cán bộ đã có đi vào trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp. Phát triển rộng rãi thường xuyên các lớp tập huấn kỹ thuật, tập huấn nghiệp vụ ngắn ngày, theo từng vụ, theo từng việc tổ chức việc học kỹ thuật, nghiệp vụ ngoài giờ cho công nhân ở các nông trường, trạm trại như học bổ túc văn hóa, mở các lớp ngắn ngày, kèm cặp thực tế tại các nông, lâm trường nơi sản xuất để đào tạo đội ngũ các loại thợ cho các hợp tác xã. Gấp rút hoàn thành việc lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc hệ nông nghiệp, có kế hoạch đào tạo và đưa công tác quản lý cán bộ đi vào chặt chẽ có nền nếp, thực hiện chuyên môn hóa cán bộ.

7. Vận dụng và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và Chính phủ đối với sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp

Các chính sách của Đảng và Chính phủ hiện nay đã có phải chấp hành thật nghiêm chỉnh, nhất là chính sách đầu tư (cả

cho vay và trợ cấp không phải hoàn lại), chính sách giá cả, thu mua, phân phối, cung cấp vật tư và hàng tiêu dùng; chính sách đất đai, khai hoang, chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực đến với nông dân trồng cây công nghiệp, v.v.. Mặt khác, thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành các chính sách đối với các cấp, các ngành.

Nghiên cứu cụ thể đề nghị Trung ương ban hành một số chính sách mới, như chính sách cung cấp lương thực và thu hút đồng bào các dân tộc xung quanh các nông trường vào làm công nhân các nông trường, chính sách giúp đỡ đồng bào còn du canh du cư, chính sách đối với việc cải tạo đất, khai hoang, trồng cây công nghiệp, trồng rừng, làm giao thông lớn, giúp đỡ đầu tư cho đồng bào vùng xuôi lên xây dựng kinh tế - văn hóa miền núi ổn định cơ sở sản xuất, v.v..

8. Quản lý tốt lao động, tăng năng suất lao động, phân bố lại lao động trong nông nghiệp, trong nội bộ hợp tác xã

Trong các vấn đề trên, cần tập trung làm tốt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Tổ chức các đội, tổ sản xuất, chuyên môn, thích hợp với từng vùng không lớn quá, không nhỏ quá: Vùng thấp từ 20 - 30 lao động, vùng cao từ 15- 20 lao động là vừa. Các đội ngành nghề, căn cứ vào khối lượng, tính chất công việc mà bố trí lao động cho hợp. Khi tổ chức các đội, tổ chuyên môn, phải chú ý giành đủ lao động khỏe, trẻ có văn hóa cho các đội sản xuất khác. Trên cơ sở ổn định lao động ruộng đất và hướng dẫn, rèn luyện kỹ năng lao động cho xã viên, đưa năng suất lao động lên. Mỗi người lao động phải rèn luyện tinh thông tay nghề đối với một số công việc nhất định như: giỏi cày, giỏi cấy...

- Làm tốt việc định mức lao động, xếp bậc công việc, tiến hành rộng rãi khoán việc, ba khoán có thưởng, phạt trong hợp

tác xã. Đến năm 1973 tất cả các hợp tác xã đều thực hiện chế độ ba khoán.

- Trên cơ sở tiến hành định mức lao động các hợp tác xã cần phân công lại lao động trong nội bộ hợp tác xã. Mỗi hợp tác xã phải dành và tổ chức cho được một đội hoặc một tổ chuyên môn, để chuyên làm công tác xây dựng cơ bản và làm nông cốt trong việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của hợp tác xã.

- Chuyển, thu hút toàn bộ lực lượng lao động các hợp tác xã lân cận vào làm công nhân các nông trường.

- Xây dựng lực lượng lao động tập trung của Nhà nước. Trang bị công cụ cơ giới, huấn luyện thành thực về tay nghề cho lực lượng này để làm nông cốt khai hoang, xây dựng vùng sản xuất mới và xây dựng cơ bản dứt điểm cho các nông trường, đưa quy mô sản xuất của các nông trường mau đi vào ổn định.

- Sử dụng hết lao động dân công hàng năm vào cả việc khai phá ruộng nương bậc thang, khai hoang ruộng để phát huy các công trình thủy lợi đã xây dựng, coi đây cũng là công tác thủy lợi. Vì thủy lợi đối với tỉnh ta là thủy lợi kết hợp với ruộng nương bậc thang, trồng rừng đầu nguồn.

9. Đẩy mạnh công nghiệp phục vụ nông nghiệp

Kết hợp chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp với phát triển công nghiệp địa phương, tạo thành thị trường thúc đẩy lẫn nhau phát triển. Ngoài việc có nhiệm vụ trang bị đầy đủ các loại công cụ máy móc cho nông nghiệp, các ngành công nghiệp cần phải làm tốt công tác chế biến màu và các loại nông sản, chế biến thức ăn phục vụ chăn nuôi cụ thể là:

- Xây dựng Nhà máy chế biến hoa quả ở thị xã, Nhà máy chè Bắc Hà, ở Thanh Bình để thúc đẩy việc trồng chè và phát triển mạnh hoa quả.

- Xây dựng cơ sở chế biến sắn, tổ chức chế biến rau, trang bị công cụ chế biến mì, xay ngô, v.v.. Nghiên cứu trang bị rộng rãi và

đầy đủ công cụ cải tiến để chế biến sản, đào riêng cho các gia đình và hợp tác xã.

- Ưu tiên cho việc xây dựng cơ bản ở các nông, lâm trường về lực lượng công nhân, kiến trúc và các vật tư kỹ thuật.

- Đẩy mạnh việc xây dựng chuồng trại gia súc cho các hợp tác xã và các nông trường, phát động phong trào sản xuất nguyên vật liệu xây dựng tại chỗ là chủ yếu, đồng thời có sự giúp đỡ cung cấp của Nhà nước, để đảm bảo vật liệu xây dựng cho các cơ sở nhất là nông trường.

- Mở lớp liên tục đào tạo, bồi dưỡng các loại công nhân lành nghề, công nhân sửa chữa cho các hợp tác xã.

10. Đẩy mạnh phong trào giao thông nông thôn

Hoàn thành các đường lớn Mường Khương - Pha Long, Bắc Hà - Si Ma Cai, củng cố đường Mường Hum, Cam Đường - Phú Nhuận, mở đường Bắc Hà - Bản Liên, Bản Lầu - La Nốc, để đảm bảo vận chuyển vật tư, phân, giống, v.v. phục vụ sản xuất, thu mua những nông lâm sản.

Phần thứ tư

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG - LÂM NGHIỆP

Để nhanh chóng đưa nông, lâm nghiệp tỉnh ta phát triển mạnh mẽ, vững chắc hơn nữa, nhằm tạo nên những bước nhảy vọt mới, phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền các cấp đối với nông, lâm nghiệp hơn nữa và thực hiện tốt mấy công tác chính như sau:

- 1. Thành lập Ủy ban nông nghiệp tỉnh và huyện, kiện toàn Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, để làm nhiệm vụ giúp cấp ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, huyện về mặt nông, lâm nghiệp, chức**

năng, nhiệm vụ của Ủy ban nông nghiệp và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy như Nghị quyết số 19 của Ban Chấp hành Trung ương đã quy định. Cần tăng cường làm cho các huyện giỏi về trực tiếp chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, về xây dựng hợp tác xã, xây dựng cơ sở đảng, xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng, và đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Các ngành và các đoàn thể quần chúng, tùy theo chức năng của từng ngành, giới, cần phát huy vai trò, đi sâu vào phục vụ nông nghiệp tốt hơn, theo tinh thần Nghị quyết số 19 của Trung ương đã quy định cho từng ngành, từng giới.

2. Ra sức tăng cường công tác xây dựng Đảng ở nông thôn: Sự lãnh đạo của chi bộ đảng ở nông thôn rất quan trọng. Mọi việc sản xuất, phân phối, xây dựng cơ sở vật chất, đưa kỹ thuật mới vào nông nghiệp, phân công lao động mới... đều mang nội dung cách mạng, đều đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của chi bộ, tinh thần tiên phong gương mẫu của đảng viên và phong trào sôi nổi của quần chúng. Do đó, đòi hỏi mỗi đảng viên phải là những chiến sĩ kiên cường đi đầu trong lao động sản xuất chấp hành chính sách và các biện pháp kỹ thuật, chi bộ phải là hạt nhân lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng tiến hành một cách thắng lợi ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Tiếp tục làm tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên. Thông qua việc đấu tranh thực tiễn nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về nông, lâm nghiệp lần này mà bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đảng viên, kiện toàn tổ chức đảng ở cơ sở một cách vững mạnh đưa đại bộ phận chi bộ và đảng viên nông thôn lên loại khá, không còn loại kém.

3. Xây dựng nền nếp chỉ đạo nông nghiệp, sâu sát cơ sở, đồng ruộng, đôi nường, đi sâu vào nghiệp vụ quản lý kinh tế, nắm vững chính sách, tinh thông kỹ thuật. Thực hiện chế độ cán

bộ tỉnh, huyện từ cán sự I và trung cấp kỹ thuật quản lý trở lên, luân phiên nhau một năm hai mùa xuống giúp đỡ hợp tác xã về các mặt xây dựng kế hoạch, đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao công tác quản lý và phân phối. Cần kiên trì, bám hướng, bám vùng, tổ chức mạng lưới chỉ đạo, xây dựng điển hình và tổ chức tham quan, mở hội nghị tại chỗ, nhân điểm ra diện, mọi việc phải thông suốt từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, phát huy dân chủ từ dưới lên trên, thực sự dân chủ đối với quần chúng xã viên, bàn bạc từ ngoài vào trong.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRUÔNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 11-NQ/TU, ngày 18-1-1972

Về mục tiêu và biện pháp lớn nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1972

Trong những năm qua, tỉnh ta đã có nhiều cố gắng, tiến bộ trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước và đã giành được thắng lợi trên các mặt: Chiến đấu, sản xuất, nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, tài chính - thương nghiệp, văn hóa xã hội và tổ chức đời sống,... Trong phong trào chung, đã xuất hiện một số nhân tố mới có ý nghĩa điển hình theo phương hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho việc phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện, vượt bậc kế hoạch nhà nước năm 1972.

Tuy nhiên, kiểm điểm một cách nghiêm túc thì việc thực hiện kế hoạch nhà nước hằng năm vẫn còn bộc lộ nhiều khuyết điểm và tồn tại như: chưa năm nào thực hiện một cách toàn diện và vượt bậc kế hoạch đã đề ra, mặc dù chúng ta có đủ khả năng và điều kiện để hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

Nguyên nhân chủ yếu là do: Ý thức pháp lệnh, tinh thần tổ chức kỷ luật và ý thức trách nhiệm đối với việc thực hiện kế hoạch nhà nước của các cấp, các ngành còn thấp. Biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện đề ra chưa đầy đủ, thiếu cụ thể, bàn bạc chưa sâu, thực hiện thiếu tập trung dứt điểm, quyết tâm chưa cao. Ngay cả

những biện pháp đã đề ra cũng chưa được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, ỷ lại, tự do tùy tiện còn thể hiện ở nhiều nơi. Trình độ quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, trình độ hiểu biết và vận dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tuy có nâng lên một bước, song so với yêu cầu đòi hỏi còn quá thấp. Chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành chưa được phát huy đầy đủ. Sự phối kết hợp và tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ và đồng bộ.

Để phấn đấu hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ và các mục tiêu cơ bản của kế hoạch nhà nước năm 1972, năm thứ hai thực hiện Nghị quyết số 19 của Trung ương Đảng và Nghị quyết số 07 của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nghị quyết một số biện pháp lớn sau đây:

I. MỤC TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 1972

Năm 1972, phải phấn đấu đạt vượt 55.000 tấn lương thực, trong đó 31.070 tấn thóc và 23.930 tấn màu quy ra thóc, vận động thu mua 6.000 tấn. Đi đôi với phấn đấu về lương thực, phải thực hiện vượt mức các mục tiêu về cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả dài ngày, ngắn ngày... theo kế hoạch đã đề ra.

Để thực hiện tốt mục tiêu lương thực cần làm tốt một số biện pháp cụ thể:

- Đối với vùng sản xuất lúa, năm nay phải quyết tâm đưa năng suất bình quân trên 1 ha/năm từ 5 tấn lên 6 tấn trên ruộng hai vụ. Đối với các chân ruộng còn cấy một vụ lúa, phải đạt từ 28 - 30 tạ trên 1 ha, đồng thời tạo mọi điều kiện nhất là thủy lợi để biến thành hai vụ (có thể là hai lúa, hoặc một lúa, một màu). Tích cực mở 3 vụ màu trong một năm; mở rộng vùng sản tập trung. Cần nghiên cứu và tích cực tập trung vốn, giống, cơ sở vật chất, kỹ thuật và lao động cho chuyên canh, thâm canh theo vùng tập

trung, nhằm đạt năng suất cao, và đi vào thế ổn định, trên cơ sở đó có kế hoạch cụ thể về sản xuất, chế biến màu cả ở cơ sở và theo quy mô lớn, đồng thời mở mang các ngành, nghề khác. Chú trọng tác động kỹ thuật vào màu, chủ yếu là tập trung kỹ thuật cho cây ngô vùng cao và chú ý cây sắn vùng thấp.

- Đẩy mạnh công tác chế biến màu và các loại cây thực phẩm. Các ngành chế biến lương thực, thực phẩm phải cố gắng mở rộng sản xuất các mặt hàng, phấn đấu hạ giá thành đi đôi với nâng cao chất lượng sản phẩm, để cung cấp ngày càng nhiều, với giá ngày càng rẻ các loại thức ăn có giá trị dinh dưỡng và hợp với khẩu vị của người tiêu dùng.

- Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp và cho sản xuất lương thực. Thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật lớn như thủy lợi, phân bón, giống và trang bị đủ công cụ thường, công cụ tiên tiến cho nông dân; đưa công cụ cơ giới vào các nơi có điều kiện, chủ yếu là các vùng có quy mô tương đối lớn và các khu vực kinh tế mới. Chú ý việc cải tiến thao tác và nâng cao trình độ lành nghề, hiệu suất công tác cho người lao động. Trên cơ sở đó mà cân đối lao động cho trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng và từng bước chuyên môn hóa lực lượng lao động đó.

- Đối với công tác thủy lợi hiện nay là biện pháp hàng đầu, vừa là nhiệm vụ chính trị của tỉnh ta do đó cần củng cố và xây dựng mỗi xã có một đội chủ lực, coi đó là biện pháp có hiệu lực nhất để thực hiện chính sách dân công, là lực lượng quan trọng trong xây dựng cơ bản, trong quản lý và khai thác các công trình sẵn có. Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân làm thủy lợi đồng thời vừa làm thủy lợi, vừa làm ruộng nương bậc thang tạo cơ sở ổn định để định canh định cư và còn có thể huy động vào các công tác khác như giao thông, kiến thiết cơ bản... Cần quy hoạch và tổ chức quản lý kinh doanh, sử dụng các hồ chứa nước kết hợp nuôi cá và xây dựng điển hình quy hoạch kiến thiết đồng ruộng nhằm nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng.

- Phải hết sức coi trọng khâu giống. Ngoài các trạm trại thí nghiệm, cần phải tăng cường thêm một số cán bộ khoa học - kỹ thuật có kinh nghiệm chuyên trách về công tác thuần chủng giống. Hướng thuần chủng giống hiện nay là phải đi sâu vào các cây, con đã được xác định, nhất là giống lúa nông nghiệp 8, chân châu lùn, nông nghiệp 5, con lợn, trâu, bò,... và đi làm thí điểm giống ngô, giống mì, sò ngắn ngày và biến các loại giống ở nơi khác thành cây con giống của địa phương, đồng thời chú ý tuyển lựa các cây con giống của địa phương có năng suất cao để đưa vào sản xuất. Phải tiến tới xây dựng thành quy trình, quy tắc kỹ thuật cho từng loại cây, con và đi sâu vào từng khâu, từng vùng. Phải quán triệt những quy trình, quy tắc kỹ thuật đã được xác định đối với từng hợp tác xã, từng đội sản xuất, coi đó là biện pháp tốt nhất nhằm chuyên môn hóa lao động, nâng cao kiến thức và áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Chú ý củng cố các tổ, đội nhân và chọn, giữ giống tốt của hợp tác xã và các trạm, trại nhân giống của Nhà nước thành một mạng lưới của công tác giống.

- Khâu phân bón: Mỗi một hợp tác xã và đội sản xuất cần có nhà chế biến phân, có tổ chế biến phân theo kỹ thuật. Để có nhiều phân bón, phải tích cực làm chuồng trại cho chăn nuôi tập thể, có kế hoạch thu nhập chặt chẽ, xây dựng thành nghĩa vụ bán phân cho hợp tác xã đối với từng hộ gia đình xã viên. Phát triển hố xí hai ngăn mạnh dạn sử dụng phân bắc. Mở rộng phong trào bèo dâu ở đại bộ phận diện tích lúa nước. Phát triển cây phân xanh như: cây điều tử, các cây họ đậu... trên nương, ruộng bậc thang và các điểm kinh tế mới, để tăng năng suất cây trồng và cải tạo đất. Cần tăng cường phân bón cho cây ngô. Đẩy mạnh sử dụng phân hóa học cho các cây trồng, trước hết là lúa, màu và các cây chủ yếu trong mỗi vùng sản xuất.

- Mọi cây trồng phải đảm bảo làm đúng thời vụ, trên cơ sở làm đúng lịch sản xuất và quy tắc kỹ thuật đã đề ra, phải đẩy mạnh khâu chăm sóc trước hết là chủ động phòng, và dập tắt kịp thời các loại sâu, bệnh.

- Đối với cây trồng đã xác định như đậu tương, chè... cần đầu tư về mọi mặt, nhất là về kỹ thuật, nhằm tiếp tục đẩy mạnh thành vùng. Cây đỗ tương cần đảm bảo diện tích theo kế hoạch năm 1972 của tỉnh đã có và đưa năng suất lên cao. Cây khoai tây, cần cứ vào số giống hiện có để phát triển và quy hoạch đất đai để phát triển về lâu dài; nếu đưa xuống ruộng thì không để ảnh hưởng đến thời vụ và thâm canh lúa. Hạt rau cần đảm bảo chỉ tiêu sản lượng khoảng 20 tấn và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng quy định. Sò đảm bảo chỉ tiêu sản lượng Trung ương giao 60 ha và đảm bảo tỷ lệ dầu theo kế hoạch. Phát triển mạnh cây chè với diện tích khoảng 600 ha trồng mới. Muốn vậy, phải khẩn trương, tranh thủ, chủ động tìm giống, mua giống chè và quy định riêng một khu vực chè ở Bắc Hà không thu búp để lấy hạt giống (do Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, Ty Thương nghiệp cùng với Ủy ban hành chính huyện Bắc Hà phối hợp tiến hành). Cây dưa, vùng dưa gồm thị xã Lào Cai và các xã từ Lào Cai đến xã Xuân Quang, trên dọc đường Hữu nghị 7, Nông trường Đản Khao và Trại 2, bước đầu phát triển khoảng 200 ha, tập trung vào Nông trường Đản Khao, bằng cách ngoài nhân lực của nông trường, còn sử dụng lực lượng cán bộ, công nhân viên theo chế độ lao động nghĩa vụ đi làm. Ở thị xã Lào Cai thì chủ yếu đi vào thâm canh, đưa năng suất dưa lên.

- Cây thuốc, chủ yếu phát triển ở các nông trường, trại thuốc và có kế hoạch từng bước mở rộng gieo trồng một số loại thuốc vào một số hợp tác xã trong vùng thuốc (ba xã thuốc huyện Si Ma Cai và một, hai xã thuốc huyện Bắc Hà).

- Cần đưa tốc độ phát triển các loại cây đặc sản lên nhanh và mạnh hơn nữa.

- Tích cực củng cố và xây dựng các nông trường. Nếu Trung ương giao cho quản lý Nông trường Sa Pa thì đi vào hướng sản xuất đặc sản hạt rau, bò sữa, cây thuốc. Cần đi mạnh vào hướng thâm canh, chuyên canh, tăng năng suất và tăng sản lượng.

II. NHỮNG BIỆN PHÁP TỪNG BƯỚC ĐƯA CHĂN NUÔI LÊN THÀNH NGÀNH SẢN XUẤT CHÍNH

Mục tiêu năm 1972, phải phấn đấu đạt 79.692 lợn, 36.305 trâu, 7.041 bò, 19.780 ngựa, 6.900 dê. Cấp cho Trung ương 1.000 trâu cày, sản xuất 3.586 tấn thịt các loại (trong đó 2.280 tấn thịt lợn). Sản lượng bán cho Nhà nước là 634 tấn (530 tấn thịt lợn) không kể các nông trường giao nộp.

- Các biện pháp thực hiện:

Về cơ sở thức ăn: Ngoài việc tận dụng phế phẩm trong nông nghiệp, công nghiệp và những phế liệu trong sinh hoạt gia đình, các hợp tác xã cần có hướng phát triển thức ăn cho gia súc nhất là thức ăn cho lợn đối với đất 5%; có kế hoạch khoanh vùng cỏ cho chăn nuôi trâu, bò, dê... nhằm xây dựng những thức ăn ổn định. Tỉnh sẽ tích cực chuẩn bị điều kiện xây dựng cơ sở thức ăn, tổng hợp các chất dinh dưỡng cần thiết cho chăn nuôi phát triển vào những năm tới.

- Về giống: Theo vùng đã quy định, trước hết phải tiến hành chọn lọc và bình tuyển đàn cái giống đủ tiêu chuẩn sẵn có ở mỗi địa phương để gây giống, đồng thời tích cực lai kinh tế và phát triển đàn nái sinh sản thích hợp với điều kiện chăn nuôi và khí hậu đối với từng vùng trong tỉnh. Đưa mạnh phát triển đàn lợn lai kinh tế trên cơ sở tích cực tạo nên con lợn giống thuần chủng Mường Khương để lai kinh tế với lợn ngoài. Tổ chức tốt các cơ sở thụ tinh lợn lai kinh tế cho các vùng.

- Khu vực quốc doanh: Phát triển đàn bò; cần bình tuyển nái đủ tiêu chuẩn trọng lượng (hơn 200 kg) tập trung vào Nông trường Thanh Bình cho lai tạo với giống bò Sind. Đồng thời tiến hành việc chuyển đàn kinh tế, chu chuyển sản xuất theo chỉ tiêu giao nộp định kỳ theo thời gian, thời vụ. Đưa số lẻ tẻ ở các Nông trường Thanh Bình, Nậm Mòn tập trung về Nông trường bò sữa Sa Pa. Tiến hành điều tra quy hoạch đồng cỏ vùng trâu sữa và bình tuyển

trâu địa phương, thí điểm lai tạo trâu sữa giống ngoài (giống Ấn Độ) với trâu được tuyển lựa ở Nông trường Giao Ngay, tạo giống lai kinh tế. Phát triển lợn đực giống và nái từ cấp I trở lên để tự túc giống và cung cấp cho các vùng, các hợp tác xã và các nông trường phải cung cấp một phần lợn thịt cho Nhà nước. Cần bổ sung cho Nông trường Thanh Bình một đàn lợn lai kinh tế, Đản Khao 1 đàn lợn thịt để hình thành bốn cơ sở lợn quốc doanh (Thanh Bình, Đản Khao, Nam Cường, Bát Xát). Trong ba cơ sở lợn thịt (Thanh Bình, Đản Khao, Nam Cường) với quy mô từng bước đưa lên từ 1.000 đến 2.000 con mỗi công trường.

- Khu vực tập thể: Đối với các hợp tác xã cần đi vào củng cố, xây dựng, tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng suất lao động và kỹ thuật trong chăn nuôi thành một ngành nghề chuyên môn trong các hợp tác xã. Các hợp tác xã tổ chức các đội chăn nuôi chuyên môn để phát triển lợn nái giống theo hướng lai kinh tế và lợn sinh sản để cung cấp đủ lợn con cho các hộ gia đình xã viên. Phải giữ vững và xây dựng tốt vùng nái giống ở bốn xã thuộc huyện Bát Xát.

- Đối với các hộ gia đình xã viên phát triển lợn thịt là chủ yếu.

- Về chuồng trại: Tích cực tổ chức việc xây dựng chuồng trại theo điều kiện của từng nơi nhằm thuận tiện cho việc phòng bệnh, chữa bệnh, lấy được nhiều phân và thuận tiện cho việc sử dụng công cụ cải tiến đi đôi với tổ chức chăn dắt và gắn liền với chống thả rông gia súc.

- Về vệ sinh phòng bệnh: Mở rộng mạng lưới thú y đến tận hợp tác xã và đội sản xuất: tiêm phòng đúng lúc và rộng rãi, phát hiện và dập tắt kịp thời các ổ dịch. Tổ chức tốt việc kiểm dịch động vật, tổ chức và kiểm tra vệ sinh ở các lò sát sinh là biện pháp rất quan trọng để bảo vệ và phát triển đàn gia cầm, gia súc...

- Đối với các cơ sở chăn nuôi tập thể, cần lựa chọn và đào tạo thành lực lượng lao động chuyên môn hóa, cử đảng viên tốt vào lãnh đạo đồng thời mở hội nghị trao đổi kinh nghiệm trong lực

lượng những người chăn nuôi giỏi, chú ý đi vào từng con, nhất là con lợn, con trâu...

- Phải quán triệt và kiểm tra việc thực hiện một số chính sách của Đảng và Chính phủ về chăn nuôi, như đất 5% và 2% sản lượng thóc, ngô hỗ trợ cho chăn nuôi gia đình. Đối với chăn nuôi tập thể được giành 5% đất và 50% sản lượng màu để phát triển chăn nuôi, do đó những nơi thật sự đã phát triển chăn nuôi tập thể thì tùy theo mức độ đã chăn nuôi mà xét định cụ thể mức màu không phải tính vào cân đối lương thực ăn của người.

III. VỀ NGHỀ RỪNG

Năm 1972 phải trồng mới 1.250 ha, khoanh núi nuôi rừng 30.000 ha, chú trọng các rừng đầu nguồn, ven sông và các suối lớn.

Khoanh núi, nuôi rừng, thực hiện tốt chủ trương khoanh rừng: giao rừng cho các hợp tác xã kinh doanh (trước tiên ở các xã Xuân Quang, Phong Niên, rồi mở rộng ra các nơi). Mỗi hợp tác xã phải lập ra một đội hoặc một tổ chuyên trồng và bảo vệ rừng theo hướng đã kết luận.

Quy định rõ các phạm vi trồng rừng, phạm vi khoanh núi nuôi rừng, phạm vi khai thác cho hợp tác xã. Định rõ chu kỳ khai thác đối với từng loại rừng.

Ty Lâm nghiệp cần đi sâu vào việc tổ chức và phối hợp các địa phương, thực hiện tốt việc trồng cây gây rừng ở các vùng đầu nguồn và các ven sông, suối lớn, trọng tâm trong năm 1972 là các vùng đầu nguồn.

- Chỉ đạo tốt việc trồng cây mùa xuân, tích cực phát triển vườn ở các xã và khu vực.

- Tổ chức các đội vệ lâm kết hợp với các hợp tác xã để khoanh lộ tổ chức bảo vệ rừng và có biện pháp kiên quyết trừng trị đối với các vụ phạm pháp về rừng.

IV. VỀ XÂY DỰNG CƠ BẢN (đầu tư khoảng 7 triệu)

Chú trọng tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho chủ trương một kết, năm hóa. Trong việc xây dựng cơ bản phải làm tập trung dứt điểm những công trình có quy mô lớn có điều kiện và cần đưa cơ giới vào làm trước. Cần tăng cường củng cố và phát triển lực lượng lao động cho xây dựng cơ bản, nhất là lao động trẻ cho Công Ty Xây dựng. Ở các huyện, thị trấn có đội xây dựng cơ bản của mình và tổ chức các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng tại chỗ. Các xã và hợp tác xã cần tổ chức các đội xây dựng chuyên nghiệp thay thế cho dân công đi các công trường, để nâng cao năng suất lao động. Trong xây dựng cơ bản, tránh lãng phí về nguyên vật liệu và lao động. Cần tăng cường công tác quản lý và mở rộng dần thi công cơ giới thay thế cho lao động thủ công.

Các cấp, các ngành phải chấp hành nghiêm chỉnh các trình tự xây dựng cơ bản Nhà nước đã ban hành. Trước khi tiến hành xây dựng nên có thiết kế mẫu để tiện việc xét duyệt.

Về nhiệm vụ xây dựng cơ bản năm 1972, Ban Chấp hành giao Ban Thường vụ trách nhiệm duyệt cụ thể các công trình đưa vào kế hoạch xây dựng năm nay. Một số vấn đề cần lưu ý thêm là:

- Cần thiết kế Trạm thủy điện Chợ Châu, mở rộng thủy điện Bắc Hà, Sa Pa, xây dựng hệ thống hồ ao và trạm thủy điện hiện nay và tổ chức bộ phận quản lý chuyên trách; kiến thiết đồng ruộng theo quy hoạch điển hình: theo hướng hai khô, một khô, một ướt, để sử dụng cơ giới.

- Tập trung sự chỉ đạo, vốn, lực lượng lao động để hoàn thành đường Bắc Hà - Si Ma Cai, Mường Khương - Pha Long; hoàn thành rải nhựa các tuyến đường đã có kế hoạch từ trước. Rải nhựa ở một số đoạn dốc trên đường Bắc Hà - Lán Tây.

- Các tuyến đường Phú Nhuận, Mường Hum thì huyện chỉ đạo, sử dụng dân công để khai thông trong mùa khô, đảm bảo sự vận

chuyển trước mắt, sau này sẽ có kế hoạch mới. Cần đầu tư một số vốn vào giao thông nông thôn nhưng chủ yếu vẫn dựa vào sức dân để phát triển. Đường Na Lốc, Tả Ngảo, Bản Vai, do lâm nghiệp địa phương kết hợp làm. Hoàn thành đường Phong Niên - Trại I với lực lượng lao động do trại cung cấp.

- Đối với một số nhà cửa dột nát cần tiến hành sửa chữa gấp để tránh bị hư hỏng nhiều.

- Năm nay tập trung xây dựng Trường Thanh niên Dân tộc vùng thấp (Trường Thanh niên Dân tộc ở Bảo Thắng hiện nay) làm hai phân hiệu: nông nghiệp - công nghiệp ở hai bên sông thuộc khu vực Thái Niên - Sơn Tăng.

- Về chuồng trại cho chăn nuôi: Hoàn chỉnh các chuồng trại ở các trại Nam Cường, Bát Xát. Tiếp tục xây dựng chuồng trại cho Nông trường Đản Khao, xây dựng mới chuồng lợn cho nông trường Thanh Bình.

Cần vận động tổ chức thanh niên vào các ngành xây dựng cơ bản, Tỉnh đoàn Thanh niên có nhiệm vụ tổ chức, vận động thực hiện.

V. CÔNG NGHIỆP VÀ THỦ CÔNG NGHIỆP

(phần đầu đạt 15,5 triệu đồng)

Công nghiệp địa phương cần phải có chuyển biến rõ rệt trong việc phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Đi sâu xuống cơ sở nghiên cứu cải tiến công cụ, đáp ứng nông cụ thường, sửa chữa phát huy tác dụng các điểm thủy điện, cơ khí nhỏ. Tăng cường việc chế biến màu và thực phẩm.

- Các xí nghiệp sẵn có đã sản xuất ra sản phẩm, năm 1972 phải đi vào củng cố công tác quản lý. Về xây dựng cơ bản thì chỉ xây dựng từng bộ phận hoặc tu sửa để hợp lý hóa sản xuất, không lấy xây dựng cơ bản mới là chính.

- Cần tiếp tục trang bị kỹ thuật để sản xuất cón tinh chế theo hướng lâu dài để chủ động phục vụ cho chế biến được phẩm và các yêu cầu khác.

- Cần chú ý khai thác nguồn nguyên liệu để giải quyết tốt vấn đề đậu phụ, phát triển đậu sị, nước chấm.

- Xí nghiệp sành sứ cần đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản xuất một số mặt hàng đồ sứ hạ thế.

- Xí nghiệp hoa quả cần có kế hoạch thiết kế để đưa vào kế hoạch sản xuất năm 1973 - 1975. Các địa phương cần tăng nhanh việc gieo trồng các cây ăn quả để đáp ứng nhiên liệu cho nhà máy. Mở rộng diện tích vùng dứa ở thị xã Lào Cai và mở thêm vùng dứa ở Đản Khao.

VI. NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN VỀ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1972

Tăng cường công tác quản lý kinh tế, phát động phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng và tăng cường công tác xây dựng Đảng vai trò của chính quyền các cấp, vai trò của các đoàn thể quần chúng là những biện pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế. Trước hết phải tiếp tục tăng cường giáo dục ý thức đấu tranh hai con đường, thấu suốt quan điểm đấu tranh đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa gắn liền với việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng.

1. Về quản lý kinh tế: Yêu cầu cấp bách trước mắt là phải cải tiến một bước công tác quản lý kinh tế, làm cho công tác quản lý đi dần vào nền nếp và phát triển đều khắp, nhịp nhàng, cân đối; mọi người đều hăng hái thực hiện nghĩa vụ lao động, hăng hái thi đua lao động với năng suất cao, thực hành tiết kiệm, tận dụng các năng lực sản xuất hiện có để tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, đạt và vượt năng suất lao động cao nhất trước đây.

- Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Điều lệ hợp tác xã, làm tốt cuộc vận động định canh định cư nhất là dựa vào kết quả cuộc điều tra hợp tác xã mới đây để xây

dựng chế độ làm chủ tập thể nhằm củng cố xây dựng hợp tác xã, chấn chỉnh công tác quản lý.

- Đối với các cơ sở quốc doanh, phải nhanh chóng ổn định phương hướng sản xuất và các điều kiện sản xuất của xí nghiệp, nông trường, công trường... cải tiến chế độ quản lý, đi nhanh vào định mức lao động, tiền vốn, vật tư, năng suất, giá thành, thực hiện bằng được ba yêu cầu cấp bách hiện nay là: đảm bảo 8 giờ vàng ngọc, sử dụng cao nhất (từ 80 đến 90%) công suất máy móc, thực hiện hạch toán kinh tế và phấn đấu kinh doanh có lãi.

- Phải xây dựng chế độ công tác chính trị, tư tưởng, cho mỗi đơn vị để tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, cần chú ý tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và áp dụng các biện pháp kinh tế và tổ chức chặt chẽ để nâng cao hiệu lực công tác quản lý kinh tế, nêu cao đức tính hy sinh, ý thức kỷ luật và lòng trung thực trong lao động sản xuất và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Ở mỗi cơ sở, phải chăm lo tổ chức đời sống cho công nhân, xã viên để không ảnh hưởng xấu đến sản xuất và công tác quản lý kinh tế.

- Trong quản lý kinh tế cần tích cực và nghiêm chỉnh thực hiện chính sách đã có, đồng thời nghiên cứu, đề xuất, bổ sung chính sách mới đối với các vùng kinh tế. Đặc biệt, cần chú ý thực hiện hoàn thành việc ổn định nghĩa vụ lương thực đối với các hợp tác xã và thực hiện tốt chính sách lương thực đối với vùng vận động định canh định cư. Mặt khác, cần khẩn trương quy hoạch cụ thể và sớm xác định chính thức các vùng sản xuất với các cây con chủ yếu để đưa sản xuất vào cách làm ăn có kế hoạch, có tính toán và khoa học; đồng thời cần tiến hành tốt công tác quản lý ruộng đất ở các hợp tác xã, thị xã và thị trấn.

2. Công tác phát động quần chúng: Phải thực hiện dân chủ hóa kế hoạch nhà nước năm 1972, nhằm biến sự nghiệp xây dựng kinh tế thành một phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục của quần chúng, làm cho người người hăng hái vươn lên, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết chiến

quyết thắng, đoàn kết nhất trí, đem hết nhiệt tình cách mạng vào mặt trận sản xuất với tất cả lòng dũng cảm, hy sinh như trên mặt trận chiến đấu ở tiền tuyến lớn.

Cần tổ chức và vận động mọi người tích cực tham gia vòng 2 của cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Đảng và Chính phủ đang được tiến hành và các phong trào cụ thể ở từng nơi.

- Tiếp tục xây dựng và làm tốt chế độ dân chủ tập thể của đông đảo công nhân, xã viên, phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của các tổ chức chính quyền, đoàn thể. Ở các cơ sở sản xuất và kinh doanh phải nắm vững lực lượng lao động, để mọi người đều có việc làm với năng suất và hiệu quả kinh tế cao, giáo dục, động viên mọi người thực hiện tốt bốn nghĩa vụ lớn: chiến đấu, lao động, đóng góp và học tập.

3. Công tác xây dựng Đảng, tổ chức - cán bộ và các đoàn thể quần chúng: Trên cơ sở tổng kết tốt công tác năm 1971 và tổng kết 10 năm xây dựng Đảng với Đại hội hai cấp, gắn chặt hơn nữa công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế. Phải dựa vào phong trào quần chúng và báo công, lập công để rèn luyện đảng viên và củng cố Đảng. Phải tiếp tục nâng cao trình độ hiểu biết và vận dụng tốt đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao kiến thức về mọi mặt trọng tâm là chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật để làm cho các tổ chức cơ sở của Đảng thật sự là đội ngũ chặt chẽ, tiên tiến của giai cấp công nhân, là hạt nhân đoàn kết lãnh đạo quần chúng. Các đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong thực hiện bốn nghĩa vụ và chấp hành các chính sách để đủ sức lãnh đạo được ba cuộc cách mạng ở địa phương. Chú ý thường xuyên lựa chọn bồi dưỡng những người xuất sắc trong phong trào quần chúng để kết nạp vào Đảng; đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử đầu cơ, thoái hóa, biến chất, không đủ tư cách bị quần chúng oán ghét. Phải làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, kiện toàn tổ chức để nâng cao năng lực và hiệu lực lãnh đạo thực

hiện phương hướng và quy hoạch phát triển kinh tế của từng địa phương, đơn vị đạt kết quả tốt.

Về mặt tổ chức, cần tăng cường cho cấp huyện, chủ yếu là về mặt chất lượng, đồng thời chú ý kiện toàn tổ chức, biên chế cán bộ cho huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và xây dựng tổ cán bộ chỉ đạo khu vực. Tăng cường phái viên Huyện ủy phụ trách xã để đi vào công tác xây dựng Đảng. Cấp huyện cần cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tác phong và lề lối làm việc, trước hết phải có sự chuyển biến trong việc chỉ đạo làm mạnh và chặt chẽ công tác quản lý hợp tác xã trên cơ sở tình hình được phát hiện và nắm được qua cuộc điều tra quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Ra sức đào tạo cán bộ các loại, chú ý cán bộ khoa học - kỹ thuật và bố trí cán bộ theo vùng và cây con để xác định.

Các đoàn thể quần chúng, phải đi sâu vào các phong trào hợp tác xã của giới mình và phải có trách nhiệm phụ trách đối với từng phong trào như thanh niên đi vào xây dựng cơ bản, vào làm phân... phụ nữ đi vào chăn nuôi, v.v. phụ lão đi vào phong trào trồng cây... Công đoàn đi vào vận động công nhân viên chức tham gia quản lý xí nghiệp, cơ quan, công tác cải thiện đời sống và tích cực phục vụ nông nghiệp...

4. Tỉnh ủy sẽ nâng cao hơn nữa hiệu lực của các tổ tỉnh ủy đối với các địa phương và các ngành. Tăng cường lãnh đạo cho các huyện, thị. Các huyện, Thị ủy cần bám sát cơ sở trước hết là phân công cụ thể đối với từng vùng sản xuất, từng cây, con cụ thể và có trách nhiệm trước Đảng về sự phân công đó. Cần có kế hoạch tiếp tục xây dựng điển hình trên các mặt. Từ tỉnh đến các huyện, thị, các ngành đều phải có chỉ đạo trọng điểm, hình thành một hệ thống trọng điểm. Tổ chức tham quan để nhân điển hình, coi đó là biện pháp chỉ đạo có hiệu quả cao, là biện pháp công tác chính trị, tư tưởng tốt. Hệ thống điển hình phải có các đồng chí lãnh đạo các cấp trực tiếp chỉ đạo, tăng cường cán bộ để thực hiện đúng yêu cầu của nó.

5. Trên đây là một số biện pháp lớn đối với một số chỉ tiêu chủ yếu, Đảng đoàn chính quyền, các cấp, các ngành cần phải xoay quanh nghị quyết này, đề ra mục tiêu và biện pháp cụ thể của từng nơi để chỉ đạo các cấp, các ngành phục vụ tốt nhất cho kế hoạch nhà nước năm 1972 một cách toàn diện và vượt bậc.

6. Nghị quyết này phải được học tập trong các tổ chức đảng, có liên hệ kiểm điểm và có nghị quyết của mỗi cấp ủy Đảng, mỗi ngành, mỗi tổ chức đoàn thể phải có kế hoạch thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả gắn liền với nhiệm vụ vòng 2 của cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 163-CT/TU, ngày 26-2-1972

Về việc đẩy mạnh sản xuất đông - xuân và giải quyết cây thuốc phiện đã trồng ở một số xã

Từ đầu vụ sản xuất đông - xuân đến nay, các cấp ủy đã có nhiều cố gắng trong việc phát động quần chúng thực hiện nhiệm vụ phương hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và Nghị quyết số 07 của Tỉnh ủy, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 19. Nhờ đó, các phong trào làm thủy lợi, khai ruộng nương bậc thang, cày ải ruộng lúa xuân và đất màu chuẩn bị phân bón, gieo mạ xuân... ở nhiều nơi có khí thế mạnh mẽ. Phong trào trồng mì và sò, năm đầu tiên được mở rộng hầu khắp từ vùng cao đến vùng thấp. Nhiều chỉ tiêu sản xuất, có triển vọng thực hiện cao hơn các năm trước.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện nhiệm vụ cũng còn nhiều nhược điểm. Phong trào sản xuất phát triển chưa thật mạnh và đồng đều. Một số cấp ủy còn chưa bám chắc phương hướng và kế hoạch sản xuất đề ra, còn buông lỏng thâm canh tăng năng suất và tăng vụ; chỉ đạo thiếu khẩn trương, sâu sát, cụ thể.

Ở nhiều nơi thuộc vùng cao thiếu lương thực lúc giáp hạt, thì việc vận động sản xuất các loại rau màu ngắn ngày chưa được đẩy mạnh. Trong khi đó, nhân dân một số xã thuộc Sa Pa, Bát Xát... lại phát triển trồng cây thuốc phiện, loại cây không đặt ra trong

phương hướng sản xuất của tỉnh ta với diện tích hàng chục héc ta. Việc trồng thuốc phiện nhiều như vậy, nếu không giải quyết tốt sẽ cản trở lớn đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất nông nghiệp sẽ kém sút; đồng thời còn tạo ra nhiều sơ hở để nạn buôn lậu có thời cơ phát triển, người nghiện hút sẽ tăng thêm và tất yếu ảnh hưởng đến đời sống quần chúng, cả về vật chất, tư tưởng, tinh thần.

Căn cứ vào tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị:

1. Cần tổ chức một đợt kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất đông - xuân ở tất cả các hợp tác xã, các xã, để đánh giá đúng thắng lợi và tồn tại của từng chỉ tiêu, từng mặt công tác thật cụ thể; đồng thời nắm thật chắc tình hình những nơi có trồng thuốc phiện số hộ đã trồng thuốc phiện. Trên cơ sở đó, có biện pháp giải quyết kịp thời những tồn tại.

2. Tiếp tục phát động, đẩy mạnh phong trào sản xuất đông - xuân ở cơ sở, với mục tiêu hoàn thành vượt mức toàn diện, cả diện tích và năng suất các chỉ tiêu đề ra. Trước hết cần tập trung từng đợt, đảm bảo thời vụ, giải quyết dứt điểm những chỉ tiêu gieo trồng đã đến thời vụ, kiên quyết không để lỡ vụ, vì năm nay thời tiết đến sớm, nhất là những chỉ tiêu cây trồng mới năm nay.

3. Đối với nơi nhân dân đã trồng thuốc phiện thì phải đặc biệt chú ý chỉ đạo đảm bảo phương hướng và kế hoạch sản xuất đã đề ra, đồng thời phải đưa cây thuốc phiện vào quản lý và thu mua đi đôi với tích cực tiến hành công tác chống lậu, chống nghiện hút. Cần tập trung lực lượng cán bộ của huyện và các ngành xuống chỉ đạo chặt chẽ, chú ý tăng cường cán bộ chất lượng xuống giúp đỡ nơi đó thực hiện tốt mấy điểm sau đây:

- Trước hết gắn liền với vòng 2 cuộc vận động thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương Đảng và mở Đại hội Đảng cơ sở và huyện tổ chức một đợt giáo dục thật sâu rộng, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, nhằm làm cho mọi người, trước hết là cán bộ và đảng viên, đoàn viên nhận thức thấu suốt hơn nữa về phương

hướng sản xuất và kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương. Trên cơ sở đó, gây thêm lòng tin tưởng, phấn khởi cho quần chúng đi vào lao động sản xuất theo phương hướng, kế hoạch của hợp tác xã, sẵn sàng, tự giác đặt lợi ích chung lên trên quyền lợi riêng, thực hiện tốt chủ trương đưa cây thuốc phiện vào hợp tác xã quản lý và đem bán toàn bộ cho Nhà nước để chế biến dược liệu.

- Tập trung mọi khả năng, mọi lực lượng quản lý và sử dụng tốt lao động, tiến công mạnh mẽ vào việc sản xuất các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Trước hết cần chú trọng trồng rau màu ngắn ngày, trồng vụ sèu xuân, ngô sớm, đậu mè..., đồng thời chuẩn bị mọi mặt cho thâm canh lúa mùa trên toàn bộ diện tích.

- Việc tổ chức quản lý cây thuốc phiện đã trồng phải làm thật chu đáo, tỉ mỉ, có sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ, nắm vững tâm tư, thắc mắc của quần chúng để giải thích rõ ràng. Phải tiến hành việc nắm diện tích, kiểm kê đánh giá chất lượng cụ thể, tính công điểm minh bạch cho từng hội đặt nội quy bảo vệ, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, giao nộp... thật chặt chẽ. Số cây thuốc phiện đã trồng này, đến khi thu hoạch, Nhà nước sẽ thu mua toàn bộ, chỉ để lại một ít vừa đủ hút cho các cụ già nghiện lâu năm.

- Đảng đoàn chính quyền và các ngành có trách nhiệm như Ủy ban nông nghiệp, Tài chính, Nội - Ngoại thương, Công an, Lương thực, Y tế, Văn hóa, v.v. cần cùng các huyện có thuốc phiện đã trồng nghiên cứu gấp các vấn đề: quy cách thu hoạch, phương pháp bảo quản, chế biến cây và quả, giá cả, thu mua, thu thuế, tổ chức quản lý... để kịp thời phổ biến cho nhân dân và các hợp tác xã thực hiện.

Đồng thời với các việc trên, cần tiến hành lập dự án cân đối lương thực ngay trong từng hợp tác xã và tổ chức việc phân phối lương thực cũng như cho vay tiền mua lương ăn để sản xuất (khi chưa có sản phẩm bán) nhằm tạo điều kiện cho quần chúng yên tâm, phấn khởi sản xuất và chấp hành tốt chế độ quản lý thu mua toàn bộ cây thuốc phiện của Nhà nước.

- Đi đôi với việc vận động sản xuất, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, và việc quản lý chặt chẽ cây thuốc phiện đã trồng, cần tiến hành vận động vệ sinh phòng bệnh, vận động cai nghiện, gây nếp sống văn minh. Các ngành văn hóa, y tế và các đoàn thể chịu trách nhiệm hướng dẫn và giúp các nơi thực hiện công tác này.

- Cần đề ra chế độ khen thưởng (kể cả bằng hiện vật) đối với những cán bộ và nhân dân tích cực chấp hành chủ trương và kế hoạch sản xuất, đồng thời có kỷ luật thích đáng đối với người vi phạm chủ trương, chính sách, pháp luật quy định.

- Cần thường xuyên nắm tình hình kịp thời trấn áp những luận điệu và hành động chống phá của địch và phần tử xấu trong vấn đề quản lý, thông tiêu cây thuốc phiện. Đồng thời các ngành có trách nhiệm còn phải có kế hoạch tổ chức thực hiện tốt cả các khâu chống đầu cơ, buôn lậu thuốc phiện.

4. Để thực hiện tốt chỉ thị này, các huyện ủy cần có kế hoạch cụ thể để thi hành và phải tăng cường kiểm tra, giúp đỡ các cơ sở đẩy mạnh mọi nhiệm vụ sản xuất đông - xuân. Ở những nơi, nhân dân đã trồng thuốc phiện, các huyện cần tập trung chỉ đạo thật chặt chẽ, thường xuyên nắm chắc tình hình và báo cáo đều đặn theo chế độ báo cáo sản xuất hằng tuần thuộc hệ thống nhà nước về tình hình đó có báo cáo về tình hình công tác tổ chức quản lý cây thuốc phiện.

Các Đảng đoàn chính quyền, Ủy ban nông nghiệp, Lương thực, Hải quan, Nội - Ngoại thương, Tài chính, Ngân hàng, Văn hóa, Y tế, và trong Khối Nội chính cần căn cứ vào chức năng của mình mà đề ra kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt những việc thuộc chức năng trách nhiệm ngành mình đã ghi trong chỉ thị này.

Các đoàn thể quần chúng cần làm tốt việc giáo dục vận động quần chúng thực hiện tốt kế hoạch, sản xuất đông - xuân và vấn đề cây thuốc phiện như chủ trương của tỉnh đề ra trên.

Đảng đoàn chính quyền có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị

này và thường kỳ báo cáo tổng hợp tình hình cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Mong các cấp ủy, các Ban, Đảng đoàn nghiên cứu kỹ và tích cực thi hành, đem lại kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 04-BC/TU, ngày 24-3-1972

Về tổng kết công tác quản lý tài chính Đảng năm 1971 và phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính năm 1972

Phần thứ nhất

Phương hướng phân phối và quản lý tài chính Đảng năm 1971 là: Đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy và cơ quan Đảng trong tình hình nhiệm vụ mới. Chú trọng vào các công tác chủ yếu như: công tác kiện toàn bộ máy; huấn luyện, đào tạo cán bộ giáo dục đảng viên, công tác đời sống cán bộ, công nhân viên, việc sửa chữa nhà cửa và trang bị thêm phương tiện công tác hiện nay thiếu, không có đủ điều kiện điều chỉnh được. Việc quản lý tài chính, tài sản phải được đẩy mạnh và tăng cường hơn nữa, từng bước đưa việc quản lý tài chính vào nền nếp. Phải giải quyết khẩn trương kịp thời những tình trạng và thiếu hụt kinh phí ở một số đơn vị đã kéo dài từ lâu.

Tích cực thu các khoản thu nội bộ, nhất là thu đảng phí, bảo đảm thu đủ 100% số đảng viên nộp đảng phí đều hằng tháng. Đồng thời tận thu các khoản thu khác. Thu đủ và kịp thời tiền bán báo.

Thực hiện phương hướng thu chi và quản lý tài chính Đảng trong năm qua đạt kết quả tương đối khá. Tuy nhiên, bên cạnh đó

còn một số tồn tại cần ra sức khắc phục. Những kết quả và tồn tại đó thể hiện trên các mặt về công tác tài chính Đảng như sau:

I. THU NỘI BỘ

Công tác thu nội bộ, năm qua đã đẩy mạnh đạt kết quả khá, số thu vào ngân sách đạt 102% kế hoạch năm. Trong đó thu đảng phí đạt 103%; thu xuất bản báo đạt 75%; thu khác đạt 110%. Cụ thể tình hình từng loại thu như sau:

1. Thu đảng phí

Trong năm qua, các đảng bộ nói chung có nhiều cố gắng đảm bảo công tác thu nộp đảng phí đạt kết quả tốt. Số tiền đảng phí thu vào ngân sách của toàn Đảng bộ tỉnh ta đạt 103% kế hoạch Trung ương giao và tăng hơn năm trước 5,6%. Những tháng cuối năm 1971 có nhiều đảng bộ cố gắng phấn đấu đưa công tác thu nộp đảng phí từ loại trung bình lên loại khá (Bảo Thắng, Sa Pa, Cam Đường, Lâm nghiệp, Mỏ apatít, Đoàn 5, Dân Chính Đảng. Theo số liệu thống kê thì năm qua hầu hết các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đều được xếp loại khá và tương đối khá trong công tác thu nộp đảng phí. Có nhiều đảng bộ tận thu số tiền tồn quỹ của các đảng bộ cơ sở không chi hết nên số thu vào ngân sách tăng hơn. Đạt được kết quả trên là do:

- Quán triệt tinh thần Nghị quyết 61 về công tác thu nộp đảng phí, cộng với các cuộc vận động, nhất là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, ý thức tự giác đóng đảng phí đều và đủ của nhiều đảng viên dần dần được nâng lên.

- Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng với công tác thu nộp đảng phí nói chung được chú ý hơn. Việc phối hợp kiểm tra, đôn đốc giữa các Ban với Văn phòng cấp ủy ở các huyện, thị trong công tác này cũng được tăng cường hơn.

Tuy nhiên, trong công tác thu nộp đảng phí còn tồn tại:

Nhiều đảng bộ chưa đảm bảo thu nộp đều và đủ tiền đảng phí trong tháng, kể cả những đảng bộ thuộc loại khá, bình quân hằng tháng còn tới 20% đến 30% số đảng viên chưa nộp đủ tiền đảng phí (trong đó có những chi bộ đã thu của đảng viên nhưng chưa nộp lên trên kịp thời). Một số đảng viên ý thức tự giác đóng đảng phí chưa cao, thường phải đôn đốc nhắc nhở nhiều mới nộp, có đảng viên 3- 4 tháng mới nộp đảng phí một lần. Thậm chí có một số ít đảng viên hằng năm chưa nộp đảng phí. Hiện tượng nộp thay đảng phí cho một số đảng viên rồi thu sau, vẫn còn ở một số nơi (kể cả ở Đảng bộ cơ quan). Khâu yếu hiện nay vẫn là việc chuyển nộp tiền đảng phí ở cơ sở. Nhất là từ xã lên huyện chưa đều và đủ. Thí dụ như tháng 12-1971 số đảng viên nông thôn chưa nộp đủ tiền đảng phí bằng 49,6%, đảng viên cơ quan, xí nghiệp bằng 14,8%. Việc mở sổ sách theo dõi và báo cáo thu nộp đảng phí, một số nơi làm chưa đầy đủ, thậm chí có nơi 4 - 5 tháng không có báo cáo, như Đảng ủy Ty Y tế. Riêng với các đảng bộ xã hầu hết là chưa thực hiện được việc mở sổ sách theo dõi và báo cáo thu nộp đảng phí như quy định.

Có những tồn tại như trên là do: Một số đảng viên ý thức tự giác đóng đảng phí chưa cao, chưa thực sự coi việc đóng đảng phí cho Đảng là một nhiệm vụ của người đảng viên mà Điều lệ Đảng đã quy định. Việc kiểm tra, đôn đốc của các cấp ủy Đảng nhất là Đảng bộ cơ sở chưa được thường xuyên, nên những tháng đầu quý và nhất là đầu năm, tiền đảng phí nộp vào ngân sách thường giảm sút nhiều. Mặt khác, khâu chuyển nộp tiền đảng phí từ cơ sở lên trên một số nơi chưa được chấn chỉnh hợp lý, nên có tình trạng đảng phí tuy đã thu, nhưng chưa nộp lên trên kịp thời.

2. Thu về xuất bản báo

Tổng số báo xuất bản 64.464 tờ (4.994 chữ Mè) trừ số báo lưu, biếu, còn số báo phát hành 57.684 tờ (3.869 tờ chữ Mè). Số tiền

thu về bán báo đạt 75% kế hoạch năm đã điều chỉnh. Thu về xuất bản báo đạt thấp là do số lượng phát hành báo chưa đảm bảo chỉ tiêu (kế hoạch 1.000 tờ - thực hiện 734 tờ bình quân một kỳ).

3. Thu khác

Số thu khác, gồm tiền nhà, điện, nước, bán lại tài sản cũ và những khoản tạp thu khác. Tổng số thu khác đạt 110% kế hoạch năm đã điều chỉnh.

II. CÔNG TÁC CHI NGÂN SÁCH

1. Tình hình thực hiện chi ngân sách năm 1971 như sau

Các loại chi	Thực hiện chi năm 1971 so với dự toán	Thực hiện chi năm 1971 so với năm 1970
Tổng số chi các loại	97,5%	95,6%
Trong đó:		
- Chi hành chính	99,2	92,3
- Chi huấn luyện	86,7	194,7
- Chi xuất bản báo	87,3	70,8

Qua số liệu về tình hình thực hiện chi dự toán ngân sách trên đây, nói chung đạt yêu cầu và phù hợp với phương hướng chung, chi hành chính giảm 7,7%, chi huấn luyện tăng 94,7% so với năm 1970. Riêng chi về xuất bản báo so với năm trước, giảm 29,2%, chủ yếu là số lượng báo phát hành giảm nhiều.

Công tác chi ngân sách năm qua, đảm bảo thực hiện tương đối tốt phương hướng nêu trên và đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và cơ quan Đảng thể hiện trên một số mặt công tác chủ yếu như sau:

- Chi về quỹ tiền lương: Các loại đạt 98,4% kế hoạch năm (chi hành chính bằng 99,2%; chi huấn luyện bằng 89,3%; chi xuất bản

báo bằng 88,8%). Nếu so với năm trước thì chi quỹ lương các loại năm nay giảm 4,5%. Giảm quỹ tiền lương là do giảm biên chế.

- Về biên chế, nói chung quản lý được chặt chẽ, có những nơi thừa biên chế đã cố gắng điều chỉnh bảo đảm chỉ tiêu biên chế được duyệt, có những nơi điều chỉnh thấp hơn số biên chế được duyệt. Nói chung biên chế có mặt đến 31-12-1971 mới đạt 87,5% chỉ tiêu biên chế được duyệt, và giảm hơn năm trước 9%.

- Công tác huấn luyện: Năm nay Trường Đảng tỉnh và huyện đã cố gắng mở được 12 lớp (1 lớp sơ cấp, 3 lớp cơ sở, 8 lớp huyện chưa kể 3 lớp phải chuyển sang năm sau, vì mở gối năm hoặc chưa đầy đủ chứng từ để quyết toán trong năm) với số học sinh 490 người (trong đó có 316 học viên là cán bộ xã). Tuy nhiên, về thực hiện chỉ tiêu học sinh đạt còn thấp (51%). Nguyên nhân chính về huấn luyện đạt kế hoạch thấp là do việc chiêu sinh có khó khăn, nhất là với cán bộ xã, mỗi lần chiêu sinh thường chỉ đạt 30 - 40%, thậm chí có nơi hai lần chiêu sinh mở lớp không thành (Bắc Hà).

- Về công tác xây dựng Đảng: Chủ yếu là chi phục vụ Đại hội Đảng các huyện và Đảng ủy, chiếm tỷ trọng 2,24% chi về hành chính. Ngân sách phục vụ chi được đầy đủ, kịp thời và nói chung bảo đảm chế độ, nguyên tắc quy định.

- Công tác đời sống cán bộ, công nhân viên: Nói chung được chú ý thực hiện, ngân sách đã đảm bảo kinh phí chi về phúc lợi tập thể và công tác xã hội, chiếm tỷ trọng 6,8% tổng số chi các loại.

- Chi về y tế phí: Chiếm tỷ trọng 4,8% tổng số chi bằng 8,6% quỹ tiền lương và tăng hơn số chi năm trước 3,1%. Riêng Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban chi về y tế phí bằng 10,2% quỹ tiền lương. Tính bình quân mỗi cán bộ, công nhân viên, mỗi tháng sử dụng 6,đ16 tiền y tế phí (thuốc, bồi dưỡng, tàu xe khám bệnh) tăng hơn năm trước 0,64 đồng.

Tiền y tế phí, chi tăng như trên, ngân sách đã đảm bảo phục vụ đầy đủ và kịp thời, điều đó thể hiện sự quan tâm đời sống, bảo vệ sức khỏe cán bộ, công nhân viên nói chung. Chi về y tế phí tăng

một phần do sức khỏe của cán bộ, công nhân viên nhất là với các đồng chí nhiều tuổi sức khỏe giảm sút, dùng thuốc nhiều. Mặt khác, việc khám bệnh, cho đơn của y bác sĩ hầu như đồng loạt, phần lớn các đơn thuốc là thuốc bổ đất tiên và nhiều đơn thuốc có kèm theo tiền bồi dưỡng.

- Chi về sửa chữa nhà cửa và xây dựng nhỏ: Bằng 4,9% tổng số chi. Một số đơn vị đã tiến hành việc sửa chữa nhà cửa và xây dựng nhỏ như nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh. Nhất là cuối năm 1971 đã đề nghị điều chỉnh dự toán cho Trường Đảng tỉnh trên 10.000đ00 để di chuyển Trường Đảng đến địa điểm mới, góp phần tích cực sớm ổn định nơi ăn ở và làm việc bình thường của trường. Tuy nhiên, việc sửa chữa nhà cửa còn khó khăn về thợ nề, thợ mộc chưa được giải quyết, tình trạng nhà hư hỏng kéo dài hàng năm chưa sửa chữa được.

- Về mua sắm phương tiện: Nói chung đã cố gắng thực hiện tương đối tốt đạt 93,6% kế hoạch Trung ương duyệt. Việc xét duyệt mua sắm được chặt chẽ, những phương tiện đã mua sắm như ô tô, bàn ghế, tủ, giường tiếp khách, v.v. đều là những phương tiện cần thiết phục vụ yêu cầu công tác. Tuy nhiên, việc mua sắm phương tiện có khó khăn, như máy in rôbê, cần trang bị cho một số huyện lớn, nhưng không có vật tư, nên chưa thực hiện được.

- Chi về xuất bản báo: Mới đạt 70% kế hoạch được duyệt đầu năm, bằng 87,3% kế hoạch điều chỉnh và giảm hơn năm trước 29,2%. Chi xuất bản báo đạt thấp, chủ yếu là do chưa bảo đảm chỉ tiêu xuất bản (kế hoạch được duyệt 174.000 tờ, thực hiện 64.464 tờ bằng 37%). Số tiền chi về xuất bản, chỉ bằng 14% so với tổng số chi của cơ quan báo. Tình hình chi về xuất bản báo như trên, thể hiện báo Đảng địa phương phục vụ công tác tuyên truyền giáo dục chưa được đầy đủ.

- Chi về công vụ phí: Nói chung quản lý được chặt chẽ và giảm hơn số chi năm trước 13,7%. Trong đó: Văn phòng phí giảm 5,1%; bưu phí giảm 24,1%; điện, nước, vệ sinh giảm 4,4%; xăng dầu ô tô

giảm 24,1%. Phấn đấu giảm chi một số chỉ tiêu công vụ phí như trên là phù hợp với phương hướng dự toán của trên quy định.

2. Về chấp hành chế độ, nguyên tắc tài chính: Nói chung thực hiện tương đối tốt. Quá trình thực hiện dự toán chung, thông qua việc xét duyệt dự quyết toán đã vận dụng thực hiện chế độ, nguyên tắc tài chính cơ bản đúng. Tuy nhiên, có nơi, có trường hợp chi quá tiêu chuẩn: phụ phí Đại hội Đảng, nước uống giờ làm việc; chi bồi dưỡng hội nghị ngoài tiêu chuẩn. Cá biệt có nơi chi vượt dự toán mà không có báo cáo đề nghị xin điều chỉnh dự toán trước (Sa Pa) đây là khuyết điểm thuộc về nguyên tắc quản lý tài chính. Một số nơi thực hiện chế độ quản lý tiền mặt thiếu chặt chẽ, cuối tháng để dư đọng quỹ nhiều (500 - 600đ00).

Về chấp hành chế độ kế toán, một số nơi thực hiện thiếu nghiêm túc, sổ sách kế toán không đầy đủ, ghi chép thiếu rõ ràng. Có nơi có những trường hợp thanh quyết toán thiếu chứng từ hợp lệ; báo cáo số liệu thiếu chính xác. Có những nơi thực hiện chưa đúng chế độ tạm ứng như để thủ quỹ giải quyết cho một số cán bộ, công nhân viên vay tiền công, theo dõi sổ tay, mà không qua kế toán ghi phiếu chi và thủ trưởng cơ quan ký duyệt. Trường hợp này, 6 tháng cuối năm đã được bỏ khuyết. Nhưng tình hình dư đọng nợ tạm ứng vẫn còn nhiều và tương đối phổ biến. Có nơi còn tạm ứng trước cho cán bộ đi học 3 - 4 tháng lương, nên đã ảnh hưởng đến kinh phí chi tiêu theo kế hoạch được duyệt.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

A. VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Công tác quản lý ngân sách, trong năm qua thực hiện tương đối tốt. Dựa vào phương hướng chung của Trung ương và Tỉnh ủy, căn cứ vào khả năng tài chính và khả năng thực hiện, việc lập dự toán với Trung ương và xét duyệt dự toán với các đơn vị trực thuộc

đã tập trung kinh phí cho những yêu cầu lớn và chủ yếu đảm bảo chặt chẽ và kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Thông qua việc phân phối và quản lý ngân sách đã góp phần tích cực thúc đẩy thực hiện một số công tác như: Việc quản lý biên chế, kiện toàn bộ máy; công tác huấn luyện, sửa chữa nhà cửa, mua sắm phương tiện và quản lý tài sản, v.v.. Việc lập dự toán ngân sách năm và kế hoạch thu chi quý nói chung có tiến bộ. Hằng năm, tỉnh thường họp với các đơn vị trực thuộc, kiểm điểm tình hình thực hiện dự toán năm trước; phổ biến phương hướng thu chi ngân sách năm sau và hướng dẫn lập dự toán. Hầu hết các đơn vị trực thuộc đều lập dự toán năm và kế hoạch quý được kịp thời và bám sát dự toán được duyệt, có kế hoạch thực hiện thu chi ngân sách tương đối tốt. Tuy nhiên, một số ít đơn vị, gửi dự toán còn chậm, dự toán thường cao, chưa phù hợp với khả năng thực hiện. Có những đơn vị quản lý tài chính thiếu chặt chẽ, thực hiện chưa đúng chế độ, nguyên tắc, tiêu chuẩn về tài chính như đã nêu ở phần trên.

B. BẢO VỆ TÀI SẢN, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

- Về quản lý tài sản, đầu năm 1971, hầu hết các đơn vị đã tiến hành kiểm kê tài sản. Qua kiểm kê, những tài sản chủ yếu bảo đảm tương đối tốt, không hư hỏng mất mát. Sau kiểm kê nhiều đơn vị đã báo cáo lên tỉnh kịp thời. Việc quản lý tài sản, nhiều nơi từng bước đi vào nề nếp và chặt chẽ hơn.

Về thực hành tiết kiệm, nói chung được quán triệt và thực hiện tương đối tốt, thể hiện từ khi lập dự toán, xét duyệt dự toán và quá trình chấp hành dự toán, những việc xét thật cần thiết mới chi, chưa cần chưa chi. Việc xây dựng tiêu chuẩn và quản lý chi tiêu chưa được chặt chẽ. Thể hiện rõ nét nhất là việc quản lý tiêu chuẩn công vụ phí năm nay giảm chi 8.700đ00 so với năm trước, (bưu phí giảm 4.472đ00; văn phòng phí giảm 442đ00; xăng dầu ô tô giảm 2.019đ00). Riêng tiền điện, nước, vệ sinh tập thể và điện nước vệ sinh công tác cũng giảm chi 2.837đ00.

Tuy nhiên, công tác quản lý tài sản, thực hành tiết kiệm còn thể hiện một số tồn tại. Sau kiểm kê một số đơn vị giải quyết những trường hợp hư hỏng, mất mát, một số tài sản nhỏ thiếu khăn trương, đứt điểm. Một số đơn vị sau kiểm kê chưa xác định số lượng, chất lượng của tài sản được đầy đủ chính xác. Việc báo cáo kiểm kê tài sản, một số đơn vị làm không đúng mẫu hướng dẫn. Thậm chí có đơn vị không có báo cáo kiểm kê (Bắc Hà, Si Ma Cai) đã gây khó khăn cho việc tổng hợp và báo cáo lên trên. Việc xây dựng nội quy quản lý tài sản, nhất là một số tài sản chủ yếu chưa được thực hiện. Việc in tài liệu về Đại hội V của tỉnh, với mục đích để phát hành, nhưng chưa lường trước được khả năng tiêu thụ, nên đã ứ đọng gây lãng phí vài trăm đồng.

IV. CƯỜNG CỐ BỘ MÁY TÀI CHÍNH, LÃNH ĐẠO, KIỂM TRA CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Về củng cố bộ máy tài chính, nói chung được chú ý. Phòng tài chính của tỉnh, tuy có giảm một biên chế, nhưng đã cố gắng kiêm nhiệm bảo đảm công tác. Các đơn vị trực thuộc đều có cán bộ đảm nhiệm công tác tài chính, kế toán. Các huyện, thị, trường, báo, cán bộ tài chính, kế toán tuy có kiêm nhiệm thêm việc khác, nhưng vẫn làm công tác tài chính, kế toán là chính. Năm qua đã thay đổi 3 cán bộ tài chính ở ba huyện. Việc thay đổi đó có trao đổi ý kiến với tỉnh và xét việc thay đổi ấy cơ bản là hợp lý. Song, có nơi vì thiếu chuẩn bị trước nên sau khi điều động cán bộ tài chính đi công tác khác, không có người thay kịp thời, đã để tình trạng 3, 4 tháng không có cán bộ tài chính (Si Ma Cai).

- Về bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tài chính, kế toán, năm qua xuống kiểm tra một số đơn vị, đã chú ý gắn liền với việc bồi dưỡng tại chỗ một cán bộ tài chính ở huyện thay cho một cán bộ cũ đi công tác khác. Mặt khác, đã thông qua việc xét duyệt dự

quyết toán, hướng dẫn bổ khuyết những sai sót về nghiệp vụ. Ngoài ra, còn kết hợp trong hội nghị sơ tổng kết hằng năm, bố trí một số thời gian cần thiết để bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tài chính, kế toán đơn vị. Tuy nhiên còn nhiều cán bộ tài chính, kế toán khả năng nghiệp vụ còn yếu, đòi hỏi cán bộ tài chính, kế toán cần chú trọng đi sâu vào học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ để phục vụ công tác ngày càng tốt hơn. Việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ có cố gắng, nhưng vẫn còn ít so với yêu cầu.

- Về công tác lãnh đạo, nói chung nhiều nơi cấp ủy chú ý lãnh đạo công tác quản lý tài chính Đảng, thể hiện trong việc thu nộp đảng phí, quản lý chi tiêu và chấp hành chế độ báo cáo dự quyết toán như đã trình bày ở phần trên. Bước đầu một số đơn vị đã đi vào thực hiện bản quy định của Trung ương về vấn đề tăng cường và cải tiến công tác quản lý tài chính Đảng. Tuy nhiên, một số nơi, cấp ủy và thủ trưởng đơn vị chưa chú ý lãnh đạo chặt chẽ và kiểm tra đôn đốc thường xuyên công tác tài chính Đảng.

- Về công tác kiểm tra, trong năm có nhiều cố gắng và đạt kết quả tương đối tốt. Ngân sách Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra về nghiệp vụ ở ba huyện: Bát Xát, Bảo Thắng, Sa Pa. Kết quả với mức độ khác nhau; nói chung là đã phát hiện những sai sót về nghiệp vụ và chế độ nguyên tắc tài chính. Đã bổ khuyết cụ thể để tăng cường và đưa công tác quản lý tài chính vào nền nếp hơn. Nổi bật là qua kiểm tra ở huyện Bát Xát đã giải quyết cơ bản về tình trạng thiếu hụt kinh phí kéo dài từ nhiều năm nay. Việc kiểm tra ở huyện Sa Pa đã phát hiện thiếu hụt quỹ tiền mặt gần 2000đ00. Đến nay Huyện ủy đã kết luận, quy trách nhiệm cho một số đồng chí có trách nhiệm bồi thường quỹ Đảng số tiền bị thiếu hụt. Việc tự kiểm tra tài chính một số đơn vị có làm với cơ sở về thu nộp đảng phí và tự kiểm tra việc chi tiêu ở đơn vị, nhưng còn quá ít.

V. KẾT LUẬN

- Thực hiện phương hướng chung về công tác tài chính Đảng của Trung ương và Tỉnh ủy đề ra, năm qua, công tác quản lý tài chính Đảng có những tiến bộ rõ nét. Công tác thu nội bộ đạt 102% kế hoạch Trung ương giao. Trong đó thu đảng phí đạt 103%, thu khác đạt 110%. Hầu hết các đảng bộ trực thuộc được xếp loại khá và tương đối khá về thu nộp đảng phí.

- Về phân phối và quản lý ngân sách, nói chung tương đối sát, đúng, chặt chẽ. Chi về hành chính đã giảm dần và chi huấn luyện có cố gắng và tăng lên là phù hợp với phương hướng về quản lý tài chính Đảng.

- Công tác lãnh đạo, kiểm tra tài chính được tăng cường hơn. Đã tiến hành kiểm tra tài chính một số đơn vị trực thuộc. Giải quyết cơ bản vấn đề thiếu hụt kinh phí ở Bát Xát và Sa Pa như đã nêu trên.

- Việc chấp hành các chế độ, chính sách về tài chính nói chung tốt.

Tóm lại, công tác tài chính Đảng năm qua đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phục vụ công tác lãnh đạo và chỉ đạo các cấp ủy, cơ quan Đảng và đời sống cán bộ, công nhân viên tương đối tốt.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm nêu trên, trong công tác quản lý tài chính Đảng còn biểu hiện một số nhược điểm và tồn tại như sau:

- Công tác thu nộp đảng phí có cố gắng tiến bộ như trên, song còn một số đảng bộ thu chưa đầy đủ và nộp kịp thời trong tháng. Ý thức tự giác đóng đảng phí đều hằng tháng của một số không ít đảng viên, kể cả ở Đảng bộ cơ quan, xí nghiệp chưa đề cao, thường phải đôn đốc nhắc nhở mới nộp đảng phí. Khâu chuyển nộp đảng phí từ cơ sở lên trên tuy từng bước đã được

khắc phục, nhưng vẫn còn chậm. Nhất là những tháng đầu năm, do thiếu đơn đốc thường xuyên nên đảng phí thu vào ngân sách giảm sút nhiều.

Chi về huấn luyện, năm nay số lớp mở được nhiều, nhưng chỉ tiêu về số học sinh đạt còn thấp, có nơi tuy mở được nhiều lớp nhưng chất lượng chưa cao.

- Về xuất bản báo đạt kế hoạch quá thấp cả về thu và chi.

- Công tác quản lý tài chính ở một số đơn vị chưa đi vào nề nếp. Có nơi, có trường hợp chi vượt dự toán, chi quá tiêu chuẩn và sai chế độ quy định. Hiện tượng để dư tạm ứng và tồn quỹ tiền mặt quá mức vẫn còn ở nhiều đơn vị. Có đơn vị còn chênh lệch kinh phí giữa tỉnh và huyện chưa được giải quyết kịp thời.

- Việc quản lý tài sản, sau kiểm kê, một số đơn vị chưa đánh giá đầy đủ, số lượng và chất lượng của tài sản. Giải quyết những tồn tại sau kiểm kê làm còn chậm.

- Khả năng về nghiệp vụ cán bộ tài chính, kế toán nói chung còn yếu. Nhất là về mặt nghiên cứu nắm các chế độ, chính sách về tài chính chưa sâu. Việc nghiên cứu còn mang tính chất sự vụ, mắc chỗ nào xem chỗ đó để giải quyết trước mắt, chưa đi sâu nghiên cứu có hệ thống với các chế độ, chính sách về tài chính.

Có những tồn tại trên là do: Việc lãnh đạo chỉ đạo của một số cấp ủy, mà trực tiếp là đồng chí Thường trực phụ trách tài chính Đảng thiếu quan tâm thường xuyên chỉ đạo công tác này. Cán bộ tài chính của đơn vị thường nặng về công tác sự vụ, ít giành được thời gian cần thiết xuống kiểm tra, đơn đốc, giúp đỡ cơ sở về công tác thu nộp đảng phí. Cán bộ tài chính ở đơn vị lại thay đổi nhiều, khả năng nghiệp vụ nói chung yếu, nắm và vận dụng thực hiện các chế độ, chính sách chưa thật vững. Nhất là thực hiện các chế độ, thể lệ kế toán chưa nghiêm túc, nên có những sai sót tương đối nhiều về mặt này.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH ĐẢNG NĂM 1972

1. Đề cao tinh thần tiết kiệm về các mặt, nhất là tiết kiệm lao động, vật tư, ngăn ngừa và chống tham ô lãng phí. Nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ và tiêu chuẩn chi tiêu; tập trung kinh phí đảm bảo nhu cầu chủ yếu và cấp thiết của các cấp ủy và cơ quan Đảng. Chú trọng vào các công tác như: kiện toàn bộ máy; huấn luyện; đào tạo cán bộ giáo dục đảng viên; Đại hội Đảng lần thứ VI của tỉnh và Đại hội thường kỳ của các đảng bộ trực thuộc; một số hội nghị tổng kết lớn (xây dựng Đảng 10 năm; công tác bảo vệ Đảng; công tác dân tộc); cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên; công tác đời sống cán bộ, công nhân viên; việc sửa chữa nhà cửa, nhất là những nơi bị hư hỏng nhiều, mà chưa có điều kiện sửa chữa được; trang bị thêm một số phương tiện mà hiện nay còn thiếu. Trên cơ sở đó, đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy và cơ quan Đảng.

2. Tăng cường và cải tiến hơn nữa công tác quản lý tài chính, tài sản của các cơ quan Đảng. Tiến tới từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa việc chi tiêu. Chú trọng thường xuyên phổ biến quán triệt các chế độ, chính sách tiêu chuẩn về tài chính trong cán bộ, công nhân viên, các cơ quan Đảng, để góp phần thực hiện tốt công tác quản lý tài chính Đảng. Thực hiện tốt chế độ nội quy về quản lý tài sản và bản quy định về kiểm kê tài sản hằng năm. Nâng cao ý thức bảo vệ tài sản công và thực hành tiết kiệm trong cán bộ, công nhân viên.

3. Chú trọng kiện toàn và củng cố bộ máy tài chính các cấp, nhất là cấp huyện, Thị ủy. Thực hiện chuyên môn hóa cán bộ tài chính, kế toán như tinh thần Công văn số 01-TC/TW của Ban Tổ chức Trung ương đã quy định. Cần có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, chính trị và văn hóa cho các cán bộ tài

chính kế toán để làm tốt công tác chuyên môn. Các cơ quan tài chính Đảng và các cán bộ tài chính, kế toán phải đi sâu vào việc thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ của mình, như Công văn số 159-NS/TW, ngày 24-10-1966 và Công văn số 127-NS/TW, ngày 13- 8-1969 của Văn phòng Trung ương Đảng đã quy định.

4. Tích cực thu các khoản thu nội bộ, nhất là thu đảng phí, đảm bảo các đảng viên trong Đảng bộ nộp đảng phí đầy đủ, đúng tiền đảng phí theo Nghị quyết số 61, không để sót một đảng viên nào không đóng đảng phí trên 3 tháng liên, không người nào đóng sai chế độ. Đảm bảo thu nộp đầy đủ, nhanh gọn và chi đúng chế độ, không lãng phí, tham ô tiền đảng phí. Thực hiện chế độ sổ sách và báo cáo đảng phí chính xác và đúng thời hạn quy định.

Đồng thời tận thu các khoản khác. Thu đủ và kịp thời tiền bán báo.

Để thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính trên đây, các cấp ủy và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc cần có biện pháp thực hiện tốt công tác quản lý tài chính Đảng ở địa phương, đơn vị. Trước hết, cần chú trọng tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên công tác tài chính Đảng ở địa phương, đơn vị mình, và các đảng bộ cơ sở trực thuộc. Chấm dứt tình trạng buông lỏng quản lý tài chính Đảng, để xảy ra thiếu hụt quỹ công và chi sai chế độ, nguyên tắc tài chính quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NÔNG CÔNG THƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 169-CT/TU, ngày 21-11-1972

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1973

Thực hiện Nghị quyết số 19, 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với nhận thức chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu. Trong những năm gần đây cùng với việc đẩy mạnh sản xuất và các mặt hoạt động khác chúng ta đã có nhiều cố gắng và đã thu được những hiệu quả đáng kể trong công tác động viên tuyển quân. Mặc dầu số lượng ngày càng lớn, trong khi thực hiện có gặp những khó khăn, nhưng hằng năm chúng ta đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trên giao, chất lượng khá, thời gian nói chung đảm bảo.

Quá trình tiến hành công tác động viên tuyển quân nhiều nơi đã tích cực đi sâu phát động tư tưởng quần chúng, thực hiện tốt chính sách của Đảng, Chính phủ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình quân đội, đã lấy được một số quân ở vùng cơ sở yếu, hầu hết các dân tộc trong tỉnh đã có người tham gia quân đội và đang chiến đấu trên khắp các chiến trường, nhiều người đã trở thành dũng sĩ, được khen thưởng, một số đơn vị thường xuyên đạt và vượt chỉ tiêu trên giao (huyện Bảo Thắng, thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường và một số cơ quan, xí nghiệp), một số nơi đã được khen thưởng.

Tuy nhiên, trong công tác động viên tuyển quân cũng có những thiếu sót, những vấn đề tồn tại:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành chưa thật quyết tâm, thiếu cụ thể, thiếu sự kết hợp chặt chẽ, hiệu lực của chính quyền (nhất là cơ sở) chưa được phát huy đầy đủ.

- Công tác giáo dục phát động tư tưởng quần chúng chưa được tiến hành thường xuyên, sâu sắc, nặng dùng mệnh lệnh, thường phát lệnh sát ngày đi, phát lệnh dự phòng quá nhiều, một số nơi biểu hiện nể nang, sợ thù oán, bao che, trốn tránh, cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu. Vì vậy, tuy hàng năm chúng ta có đảm bảo chỉ tiêu trên giao nhưng rất chật vật, chất lượng yếu, tỷ lệ các dân tộc ít người tham gia còn thấp chưa đạt yêu cầu, việc lấy quân ở vùng cơ sở yếu, còn những xã đến nay vẫn chưa có người đi bộ đội: Pa Cheo Phìn (Bát Xát), Bản Khoang, Bản Phùng (Sa Pa), Tả Thàng (Mường Khương). Nhiều xã tỷ lệ người đi bộ đội còn quá thấp và hầu hết các huyện hàng năm không đạt chỉ tiêu kế hoạch.

- Công tác đăng ký thống kê làm chưa tốt, nắm thực lực chưa chắc, các ngành có trách nhiệm phục vụ công tác tuyển quân chưa chủ động, khẩn trương, một số trường hợp chưa đảm bảo chất lượng.

- Việc giải quyết số quân nhân bổ ngũ theo Quyết định số 185 của Hội đồng Chính phủ làm còn chậm, việc thực hiện chính sách của Đảng, Chính phủ đối với thương binh, liệt sĩ, gia đình quân đội nói chung là tốt, nhưng cũng còn những vấn đề tồn tại.

- Hiện nay, quân và dân ta đang thắng lớn, đế quốc Mỹ và tay sai đã và đang thất bại nặng nề. Nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, chúng chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta, cuộc chiến tranh giữa địch và ta đang diễn ra rất quyết liệt. Sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã bước sang giai đoạn mới, đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm cao, cố gắng lớn để chiến thắng kẻ địch trong mọi tình huống, nên mặc dù hình thái cuộc chiến đấu diễn biến như thế nào thì việc động viên tuyển quân chi viện cho các chiến trường và tăng cường phòng thủ miền Bắc vẫn rất khẩn trương và to lớn.

Là một tỉnh nằm trong hậu phương, căn cứ địa, với quyết tâm của chúng ta là bất luận trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng làm tròn nghĩa vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn. Trước mắt là hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân năm 1973.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ nêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị các cấp, các ngành phải làm tốt những việc dưới đây:

1. Phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền với công tác động viên tuyển quân, từng bước đưa công tác tuyển quân vào kế hoạch, đi đôi với việc lãnh đạo thường xuyên, kết hợp với nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và các nhiệm vụ khác, từng thời gian nhất định phải coi công tác tuyển quân là công tác trung tâm, đột xuất và nhất thiết phải đảm bảo số quân đã được phân bổ của mỗi địa phương, đơn vị.

2. Phải kết hợp chặt chẽ với đợt sinh hoạt chính trị, thông qua đợt sinh hoạt chính trị để đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cho đảng viên, cán bộ và nhân dân nhận thức rõ tình hình, thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, nâng cao lòng căm thù địch, tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành (từ xã trở lên) và từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, đội viên phải liên hệ việc kiểm điểm việc lãnh đạo, chỉ đạo và việc chấp hành nghĩa vụ quân sự, đấu tranh, phê phán nhằm khắc phục những biểu hiện tiêu cực trông chờ, hòa bình chủ nghĩa, nể nang, sợ thù oán, bao che, vận động thành phong trào đảng viên, đoàn viên xung phong tòng quân, làm cho mọi người nhận thức rõ mỗi thanh niên ở lứa tuổi đều có nghĩa vụ tòng quân, làm cho mọi người, mọi nhà thấy rõ đi tham gia tòng quân, cử con em mình tham gia tòng quân là trách nhiệm, là nghĩa vụ, là vinh dự đối với Tổ quốc.

Với những cá nhân, đơn vị có thành tích trong công tác động viên tuyển quân phải kịp thời động viên, khen thưởng, ngược lại những đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân, những cá nhân cán bộ, đảng viên, đoàn viên, đội viên, thiếu gương mẫu hoặc

có những biểu hiện sai trái trong việc động viên tuyển quân thì phải kết hợp với công tác xây dựng Đảng, Đoàn mà có sự đấu tranh, nếu cần phải xử lý một cách thích đáng.

3. Phải thường xuyên làm tốt công tác chuẩn bị động viên tuyển quân, nắm chắc thực lực, làm tốt công tác xét duyệt lý lịch, khám sức khỏe, có kế hoạch phân bổ, ý kiến người đi trước, đi sau, làm tốt công tác tư tưởng với từng người, từng gia đình, đảm bảo khi có lệnh là đi được ngay, đi người nào được người ấy, đi là đến chiến trường, chiến đấu tốt.

4. Các cấp, các ngành phải kiểm tra và có biện pháp, giải quyết những tồn tại, nhằm chấp hành tốt các chính sách của Đảng, Chính phủ đối với thương binh, liệt sĩ, gia đình quân đội.

Với những người vi phạm chính sách hậu phương quân đội thì phải có đấu tranh, phê phán, nếu nghiêm trọng thì phải xử trí theo pháp luật.

5. Phải nắm lại từng trường hợp quân nhân bỏ ngũ, tiến hành mở cuộc vận động nhằm giải quyết được cơ bản số quân nhân bỏ ngũ theo Quyết định số 185 của Hội đồng Chính phủ.

Để thực hiện có kết quả những nhiệm vụ nêu trên, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể quần chúng cần phải kiểm điểm rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ tuyển quân trong những năm qua và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ các địa phương, ngành, giới mình mà có kế hoạch cụ thể để thực hiện.

Cơ quan Tuyên huấn, Văn hóa, Thông tin (do Tuyên huấn chủ trì) có trách nhiệm lập kế hoạch, biên soạn tài liệu giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Các ngành Công an, Y tế đảm bảo việc xét duyệt lý lịch, khám sức khỏe.

Mặt trận Tổ quốc, Tỉnh đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên hiệp Công đoàn có trách nhiệm giáo dục động viên thành viên thuộc tổ chức mình gương mẫu thực

hiện, vận động con em gia đình mình chấp hành tốt nhiệm vụ tuyển quân.

Các Ban Tổ chức, Kiểm tra phải thông qua công tác xây dựng Đảng để xem xét từng cán bộ, đảng viên, vận động cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp nhận nghĩa vụ quân sự.

Ủy ban hành chính các cấp có trách nhiệm tổ chức tốt việc thực hiện công tác động viên tuyển quân ở cấp mình.

Đảng đoàn chính quyền, Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, Đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch, giúp cấp ủy kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện và thường xuyên báo cáo kết quả việc thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRƯỜNG MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

Trang

- <i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
- <i>Lời giới thiệu</i>	9
- Thông tri của Ban Chấp hành Đảng bộ số 266-TT/TU, ngày 2-3-1970, về triệu tập Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V	11
- Đại hội trừ bị số 1-ĐH	13
- Bầu cử Chủ tịch Đoàn Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V, Đại hội trừ bị số 2-ĐH	16
- Ý kiến phát biểu của Chủ tịch Đoàn sau khi được Đại hội bầu và giới thiệu với Đại hội danh sách thư ký đoàn và Ban thẩm tra tư cách đại biểu Đại hội trừ bị số 3-ĐH	20
- Chương trình làm việc của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V	22
- Nội quy Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V	25
- Chương trình buổi khai mạc Đại hội (Ngày 26-3-1970) Ban Thẩm tra tư cách đại biểu báo cáo Đại hội chính thức khai mạc	27
- Kế hoạch tiến hành bầu cử Tỉnh ủy (Dùng để hướng dẫn các tổ thảo luận và chỉ đạo việc tiến hành bầu cử Tỉnh ủy)	28
- Diễn văn của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V	33
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ V	36
- Kế hoạch của tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V (dự thảo) ngày 3-4-1970, về hướng dẫn thảo luận các bản báo cáo về tình hình và phương hướng nhiệm vụ ba năm 1970 - 1972	43
- Thông báo của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V số 01-TB, ngày 4-4-1970	47
- Lời kêu gọi của Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V ngày... tháng 4 năm 1970	49

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, về tình hình từ năm 1964 đến nay và phương hướng nhiệm vụ 3 năm (1970 - 1972) của Đảng bộ Lào Cai do đồng chí Trường Minh, Bí thư Tỉnh ủy trình bày tại Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V	54
- Ý kiến của đồng chí Trường Minh thay mặt cho Đại hội phát biểu với Đoàn đại biểu quân, dân, chính, Đảng tỉnh đến chào mừng Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ V	154
- Báo cáo bổ sung về công tác an ninh, quốc phòng tại Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V	157
- Báo cáo bổ sung về công tác tổ chức - xây dựng Đảng tại Đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ V	179
- Báo cáo bổ sung của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ, về tình hình du canh du cư và công tác vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa, phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp của vùng cao và giữa tỉnh Lào Cai (tại Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ V)	220
- Biên bản bầu cử Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai khóa V	247
- Biên bản bầu cử Bí thư, Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai khóa V, ngày 14-4-1970	253
- Thông báo Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Lào Cai khóa V số 03-TB/TU, ngày 15-4-1970	256
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 01-NQ/TU, ngày 30-5-1970, về việc phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khóa V	258
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 07-TB/TU, ngày 1-6-1970, về cuộc họp của Ban Thường vụ tối 27-5-1970	261
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 04-BC/TU, ngày 8-6-1970, về sơ kết đợt kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” 19-5-1970	264
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 09-TB/TU, ngày 24-6-1970, về cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	278
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 5-TB/TU, ngày 21-7-1970, về tình hình mở lớp học tập các Nghị quyết 194, 195, 196, 197... của Trung ương ở huyện Mường Khương	285

- Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ số 2-NQ/TU, ngày 22-7-1970	291
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 11-TB/TU, ngày 25-7-1970, về tình hình bước một cuộc vận động thực hiện các Nghị quyết 194, 195, 196, 197 của Trung ương	302
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 12-TB/TU, ngày 4-8-1970, về cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 30 và 31-7-1970	307
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 16-TB/TU, ngày 12-9-1970, về cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu và bàn kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 198 của Bộ Chính trị	316
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 10-BC/TU, ngày 26-9-1970, về tình hình kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh đợt 2, tháng 9 năm 1970	321
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 153-CT/TU, ngày 29-9-1970, về kỷ niệm lần thứ 20 ngày giải phóng Lào Cai (1-11-1950 – 1-11-1970)	331
- Nghị quyết Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Đảng bộ số 03-NQ/TU, ngày 1-10-1970, về bàn biện pháp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1970	336
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 22-TB/TU, ngày 27-10-1970, về hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Lào Cai (Từ 20 đến 24-10-1970)	345
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 154-CT/TU, ngày 5-11-1970, về tăng cường lãnh đạo và củng cố hợp tác xã mua bán	364
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 23-TB/TU, ngày 25-11-1970, về tình hình tiến hành bước 1 đợt 2 cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 194, 195, 197, 38... ở nông thôn	370
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 24-TB/TU, ngày 30-11-1970, về tình hình qua kiểm điểm một số đảng bộ cơ quan, xí nghiệp về việc tiến hành cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh”	375
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 26-TB/TU, ngày 26 -12-1970, về Hội nghị thường kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy	381

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 04-NQ/TU, ngày 30-12-1970, về vấn đề tổ chức quản lý công tác cán bộ	386
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 5-NQ/TU, ngày 1-3-1971, về phương hướng nhiệm vụ năm 1971	404
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 156-CT/TU, ngày 20-4-1971, về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân	420
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 06-NQ/TU, ngày 7-5-1971, về việc kiểm tra công tác kết nạp đảng viên Lớp Hồ Chí Minh	423
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 11-BC/TU, ngày 20-6-1971, về tổng kết đợt thí điểm mở rộng thực hiện Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng	429
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 11-BC/TU, ngày 10-7-1971, về tổng kết vòng 1 cuộc vận động tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao chất lượng đảng viên, lao động sản xuất và thời kỳ vận động tập trung của cuộc vận động định canh định cư ở nông thôn	453
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 161-CT/TU, ngày 4-9-1971, về việc tổng kết vấn đề phí và công tác tiêu phí của Đảng bộ	493
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 19-BC/TU, ngày 30-12-1971, về tổng kết tình hình hơn mười năm qua và phương hướng nhiệm vụ những năm tới về nông - lâm nghiệp tỉnh Lào Cai	498
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ số 11-NQ/TU, ngày 18-1-1972, về mục tiêu và biện pháp lớn nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1972	585
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 163-CT/TU, ngày 26-2-1972, về việc đẩy mạnh sản xuất đông - xuân và giải quyết cây thuốc phiện đã trồng ở một số xã	600
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ số 04-BC/TU, ngày 24-3-1972, về tổng kết công tác quản lý tài chính Đảng năm 1971 và phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính năm 1972	605
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ số 169-CT/TU, ngày 21-11-1972, về việc tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1973	619

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	TRƯƠNG DIỆP BÍCH NGUYỄN THỊ HUỆ
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	ĐÀO BÍCH
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	TRƯƠNG DIỆP BÍCH PHẠM THỊ HUỆ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP

7

(1970 - 1972)



Sách không bán

<https://tietun.hopto.org>